Tuyển Tập

SỐ 10

NHỚ HUẾ

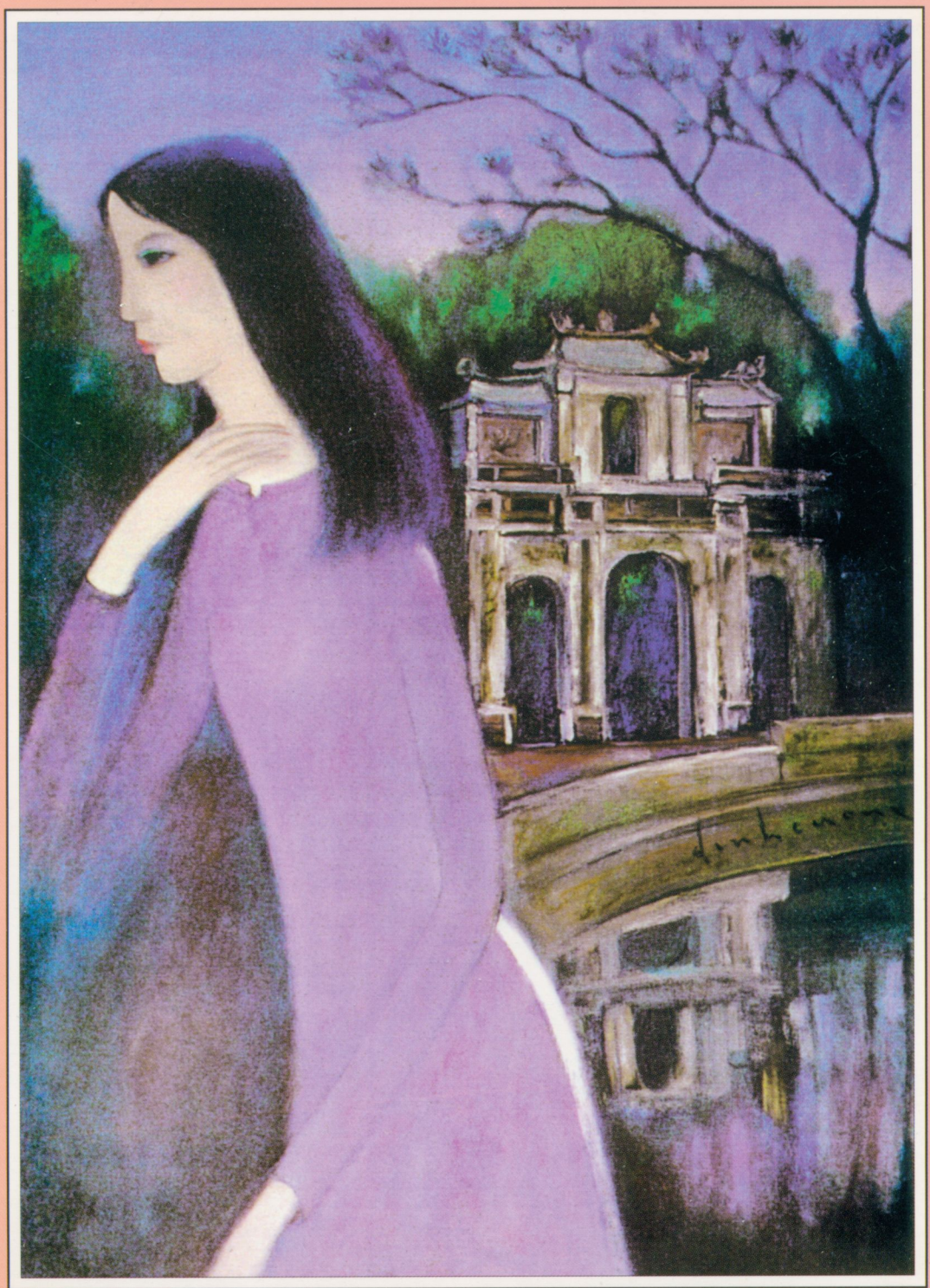

VĂN PHÒNG LUẬT SƯ ĐOÀN

ROGER A. KANDER, ESQ.

4266 ATLANTIC AVE. ■ LONG BEACH, CA 90807

(714) 952-3644 • (310) 426-0541

Luật sư Roger A. Kander trên 30 năm kinh nghiệm và danh tiếng, tín nhiệm của thân chủ Hoa Kỳ cũng như thân chủ Á Châu

1. Phục vụ Tận Tâm.
2. Kết quả Chắc Chắn.
3. Văn phòng sẽ ứng trước mọi phí tổn hồ sơ tai nạn
4. Chỉ nhận lệ phí sau khi hồ sơ được bồi thường.

ĐẠI HÌNH

TAI NẠN

THƯƠNG MẠI

5. Đã làm trên 30,000 thân chủ vui lòng.
6. Chuyên môn về bồi thường tất cả mọi loại Tai Nạn, bảo đảm được hài lòng

Thu Kander

Tuyển Tập Nhớ Huế

Chủ Trương:

Hội Thân Hữu
Huế - Thừa Thiên

Chủ Biên:

Võ Văn Tùng

Ban Biên Tập:

Nguyễn Văn Y • Nguyễn Ngọc Thanh • Tôn Thất Tùng • Hoàng Giao • Nguyễn Khoa Thiều • Hồ Văn Phú • Nguyễn Đình Mô • Thái Bá • Thái Doãn Ngà • Hoàng Thi Thao • Hà Thúc Như Hỷ • Hoàng Tuấn Lộc • Hoàng Ngọc Trác • Dương Công Liêm

Kỹ Thuật:

Phan Đắc Khôi

Hình bìa

Đinh Cường

Thư từ, bài vở, ngân phiếu ủng hộ, xin vui lòng gởi về:

Tuyển Tập Nhớ Huế
9559 Bolsa Ave., Suite D
Westminster, CA 92683
Phone: (714) 531-5754
Fax: (714) 531-5824

Những bài vở đăng trong **Tuyển Tập Nhớ Huế** không nhất thiết phản ảnh quan điểm của Nhóm Chủ Trương và do người viết hoàn toàn chịu trách nhiệm. Mọi trích dịch đều phải có sự thỏa thuận của Ban Biên Tập.

Cảm nghĩ về một chu kỳ

Kể từ ngày Tuyển Tập Nhớ Huế được hình thành, một khoảng thời gian khá dài đã trôi qua trong nháy mắt. Tuyển Tập Nhớ Huế nay đã lên 10.

Đây là một kết quả đáng khen, Ban Biên Tập đã cố gắng chu toàn nhiệm vụ tự hứa từ thuở ban đầu.

Là những người làm văn nghệ tài tử, chúng ta có thể lấy làm hãnh diện đã đóng góp phần nào vào việc bảo tồn và phát huy nền văn học Cố Đô nói riêng và nền văn học Việt Nam nói chung nơi hải ngoại.

Nhân dịp này chúng tôi xin chân thành cám ơn quý bạn đã cộng tác thường xuyên với Tuyển Tập Nhớ Huế như các học giả Thái văn Kiểm, Nguyễn Hữu Thứ, Hoàng Trọng Thược, Đoàn Khoách, Hoàng Duy Từ, Võ Long Tê, Hồ Văn Châm, Bửu Tập, những nhà văn Nhã Ca, Lê Văn Lân, Trần Kiêm Đoàn, Phan Mộng Hoàn, Tôn Thất Tùng, Hoàng Giao, Dương Công Liêm, Vĩnh Bội, Tôn Thất Kỳ, Lê Khắc Ngọc Quỳnh, Lê Phước Lộc, Tôn Thất Hứa, Bùi Bích Hà, Trần Thị Cẩm Tuyến, Bùi Minh Đức, Hà Thúc Như Hỷ, Bửu Hạp, Kiêm Thêm, v.v...

Những sáng tác của quý vị là những công trình quý giá để lại cho con cháu mai sau. Nơi xứ người, với bao nhiêu bận rộn thôi thúc quý vị đã làm sáng ngời tinh thần dân tộc của các bậc tiền bối.

Chúng tôi cũng không quên cám ơn sự ủng hộ nhiệt thành của bạn đọc. Những lời phê bình xây dựng, khuyến khích đã đem lại cho chúng tôi những khích lệ lớn lao, giúp chúng tôi vượt qua được mọi khó khăn gặp phải.

Sự đóng góp tài chánh của các vị mạnh thường quân chắc chắn cũng không kém phần quan trọng. Đó là nguồn tài trợ quý báu, giúp cho tờ báo được tồn tại đến ngày hôm nay.

Mười năm đã qua, tuổi của phần lớn các tác giả của Tuyển Tập Nhớ Huế chồng chất đã thấy rõ, chúng tôi không khỏi lo ngại cho tương lai của nền văn hóa ở Hải ngoại thiếu những ngòi bút xuất sắc. Tuy nhiên sinh mệnh con người đều do trời định. Như kiếp tằm, còn sống còn nhả tơ, chúng tôi mong mỏi quý vị sáng tác nhiều hơn nữa. Chúng tôi cũng đặt kỳ vọng ở những người bạn trẻ hãy mạnh dạn đứng lên, nối gót thế hệ già, làm đẹp thêm cho khu vườn văn hóa Việt Nam hải ngoại.

✍ Võ Văn Tùng

Với sự góp mặt của:

Bản Anh ■ Vĩnh Bội ■ Bồng Phạm Văn Thoại ■ Thái Bá ■ Nam Cát Bửu Hạp ■ Nhã Ca ■ Minh Vũ Hồ Văn Châm ■ Trúc Chi Tôn Thất Kỳ ■ Hà Huyền Chi ■ Hoàng Bích Đào ■ Võ Văn Đạt ■ Tôn Thất Đệ ■ Trần Kiêm Đoàn ■ Bùi Minh Đức ■ Nguyễn Mộng Giác ■ Hoàng Giao ■ Bùi Bích Hà ■ Bạch Thu Hà ■ Kim Hà ■ Trí Hải ■ Hà Thúc Như Hỷ ■ Phượng Hàm ■ Nguyên Hà ■ Võ Đình Hữu ■ Tôn Thất Hứa ■ Phan Mộng Hoàn ■ Nguyễn Thị Hiệp ■ Thái Văn Kiểm ■ Hồ Trọng Khôi ■ Đoàn Khoách ■ Nguyên Khánh ■ Sơn Điền Nguyễn Viết Khánh ■ Hồ Phổ Lại ■ Lê Văn Lân ■ Thùy Việt Lân ■ Dương Công Liêm ■ Hoàng Liên ■ Như Liên ■ Nguyễn Khoa Diệu Lê ■ Lê Phước Lộc ■ Thái Kim Lan ■ Hồng Khắc Kim Mai ■ Hồ Văn Mẫn ■ Nguyễn Đình Mô ■ Mai Kim Ngọc ■ Trịnh Lâm Ngân ■ Nguyễn Đăng Ngọc ■ Lê Nguyễn ■ Hồ Văn Phú ■ Nguyễn Huy Phước ■ Nguyên Pháp ■ Nguyễn Khoa Diệu Phương ■ Trần Quang ■ Lê Khắc Ngọc Quỳnh ■ Tôn Thất Sơn ■ Hà Xuân Tế ■ Võ Văn Tùng ■ Trần Dạ Từ ■ Chi Điền Hoàng Duy Từ ■ Nguyễn Phúc Vĩnh Tung ■ Nguyễn Lý Tưởng ■ Dạ Triều ■ Hương Thủy Hoàng Trọng Thược ■ Tôn Thất Tùng ■ Thanh Toàn ■ Trần Xuân Thời ■ Kiêm Thêm ■ Tôn Thất Thiện ■ Nguyễn Hữu Thứ ■ Nguyễn Ngọc Thùy Trang ■ Võ Long Tê ■ Nguyễn Phúc Bửu Tập ■ Nguyễn Khoa Thiều ■ Từ Nguyên Nguyễn Văn Thuận ■ Thanh Vinh Phan Ngọc Tiếu ■ Đinh Việt Thủy ■ Lê Quang Tiềm ■ Thân Trọng Tuấn ■ Nguyễn Ngọc Thanh ■ Hoàng Ngọc Thành ■ Minh Đức Hoài Trinh ■ Trần Thị Cẩm Tuyến ■ Tôn Lệ Vân ■ Ngô Thị Vân ■ Nguyễn Hữu Vinh ■ Nguyễn Văn Y.

*

Tuyển Tập Nhớ Huế xin chân thành cám ơn:

❄ Chị Hoàng Bích Đào (nhà sách Diễm Phương tại Paris)
❄ Chị Lê Khắc Ngọc Quỳnh tại Toronto Canada
❄ Anh chị Trần Đoàn tại Washington D.C
❄ Anh Tôn Thất Hứa ở Đức
❄ Chị Phan Mộng Hoàn ở San Jose
❄ Anh Nguyễn Huy Phước ở New Jersey.
❄ Chị Tôn Nữ Duy Thạnh ở San Diego
❄ Các anh, các chị ở Los Angeles và Orange County.

Đã giúp đỡ phổ biến Tuyển Tập Nhớ Huế
đến tay bạn đọc ở địa phương.

Nội Dung

- 5. Tình bạn trong thơ chữ Hán của thi ông Ưng Bình Thúc Gia Thị . . . . . *NGUYỄN HỮU VINH*
- 13. Văn chương trong các tuồng hát bội của cụ Đào Tấn . . . . . *HƯƠNG THỦY HOÀNG TRỌNG THƯỢC*
- 21. Giáo sư Cung Giũ Nguyên, một nhà trí thức Huế đáng kính . . . . . *NGUYỄN HỮU THỨ*
- 32. Ảnh hưởng Phật giáo trên Văn học, Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam . . *HƯƠNG GIANG THÁI VĂN KIỂM*
- 40. Cơm Âm Phủ . . . . . *TRẦN KIÊM ĐOÀN*
- 46. Huế trong lòng . . . . . *NHÃ CA*
- 52. Mẹ bỏ con . . . . . *VÕ VĂN TÙNG*
- 62. Lối cũ . . . . . *PHAN MỘNG HOÀN*
- 70. Phong cách Huế . . . . . *TÔN THẤT TÙNG*
- 72. Đến viếng đất tiên . . . . . *ĐOÀN KHOÁCH*
- 80. Thử tìm chút ít sử liệu về Viện Bảo Tàng Khải Định . . . . . *NGUYỄN PHÚC BỬU TẬP*
- 87. Thăng Long, Phú Xuân, Gia Định — . . . . . *TÔN THẤT THIỆN*
  Suy ngẫm về 250 năm tương tranh Trịnh, Nguyễn, Tây Sơn
- 101. Thầy cũ và chuyến đi Trung Quốc . . . . . *VĨNH BỘI*
- 104. Tiếng Việt của người Việt tại Hoa Kỳ ngày hôm nay, thời điểm 1998 . . . . . *BÙI MINH ĐỨC*
- 110. Đàn con nay lớn khôn . . . . . *TỪ NGUYÊN — NGUYỄN VĂN THUẬN*
- 116. Cầu ngói Thanh Toàn . . . . . *NGUYỄN LÝ TƯỜNG*
- 122. Một nhà sư tài tình phong nhã trong chốn thiền môn nơi đất Huế . . . . . *LÊ VĂN LÂN*
- 124. Chuyến tàu đêm năm cũ . . . . . *THANH VINH*
- 126. Những nét dí dỏm hay cái "ngông" của các thi ông trong Thi xã Diêu Trì . . . . . *NGÔ THỊ VÂN*
- 129. Tâm sự của một người Huế công tác thiện nguyện hòa bình tại Phi Châu . . . *TRẦN THỊ CẨM TUYẾN*
- 135. Tám người phụ nữ miền Nam trong cung đình Huế . . . . . *TÔN THẤT TÙNG*
- 137. Đôi ngả . . . . . *HOÀNG BÍCH ĐÀO*
- 142. Chuyện cỏ cây . . . . . *NGUYÊN KHÁNH*
- 146. Biến cố Ất Dậu 5.7.1885 . . . . . *TÔN THẤT HỨA*
  Con đường cứu nước của Tôn Thất Thuyết.
- 158. Những năm học tại Huế . . . . . *HOÀNG NGỌC THÀNH kể & THÂN THỊ NHÂN ĐỨC ghi lại*
- 161. Huế và tuổi thơ của tôi . . . . . *THÙY VIỆT LÂN*

Thơ:

- 20. Tâm tình gởi Huế . . . . . *DƯ THỊ DIỄM BUỒN*
- 39. Tiếc thương Hoàng đế Bảo Đại . . . . . *HỒ TRỌNG KHÔI*
- 45. Sen Tịnh Tâm . . . . . *TÔN LỆ VÂN*
- 68. Hẹn về với Huế . . . . . *HOÀI NHÂN - HÀ THÚC VINH*
- 71. Ân tình . . . . . *HOÀNG PHỦ*
- 79. Làm sao quên . . . . . *Y LA NGỌC QUỲNH*
- 99. Còn gặp nhau . . . . . *TÔN NỮ HỶ KHƯƠNG*
- 102. Thôi thì đành thôi . . . . . *HỒNG KHẮC KIM MAI*
- 109. Bỗng một hôm trên sông Hương . . . . . *KIÊM THÊM*
- 113. Huế mộng . . . . . *NGUYỄN HUY PHƯỚC*
- 121. Mưa xưa . . . . . *BỒNG*
- 127. Nắng hạ niềm nhớ . . . . . *VANHAGIAO*
- 125. Ai ra xứ Huế ... . *NGỰ HÀ — TRẦN ĐẠI LAN*
- 130. Xin trả lại tôi . . . . . *THOMAS LARGET*
- 133. Thôn Vỹ nhớ người . . . . . *HỒ TRỌNG KHÔI*
- 141. Những âm thanh, những màu sắc cũ . . . . . *VIỆT TRANG*
- 147. Câu cá trên sông Hương . . . . . *HƯƠNG THỦY HOÀNG TRỌNG THƯỢC*
- 150. Gởi nắng cho anh . . . . . *HÀ XUÂN TẾ*
- 156. Giấc mơ về Huế . . . . . *NGUYỄN TRƯỜNG SƠN*
- 159. Dấu xưa . . . . . *HOÀNG BÍCH ĐÀO*
- 161. Mênh mang niềm nhớ . . . . . *HÀ THÚC NHƯ HỶ*
- 163. Mưa qua miền ký ức . . . . . *LÊ NGUYỄN*

- Tranh bìa: . . . . . *ĐINH CƯỜNG*

DANH SÁCH ÂN NHÂN ỦNG HỘ

Ngày Nhớ Huế & Tuyển Tập Nhớ Huế 98

- Ô.B Bửu Bang, Los Angeles.
- Ô.B BS Lê Văn Cẩm, Westminster.
- Ô.B DS Mai Duy Cát, Mai Pharmacy.
- DS Nguyễn Kim Chi, Westminster.
- Ô.B BS Võ Văn Cầu, Westminster.
- Ô.B Trần Ngọc Châu, Van Nuys.
- Ô.B DS Quách Nhứt Danh, Danh & Linh Pharmacy, Westminster.
- Ô.B BSNK Võ Trọng Di, San Diego.
- Ô.B Trần Dũ, Little Saigon Market.
- Quảng Đà Restaurant, Garden Grove.
- Ô.B Lê Phúc Điềm, Westminster.
  KT Furniture, Anaheim — Kim Thọ Jewelry
- Ô.B BS Bùi Minh Đức, Westminster.
- Ô.B BS Lê Văn Giao, Westminster.
- Bà Bạch Thu Hà, Thuha Beauty, Midway City.
- Ô.B BS Thượng Hải, Garden Grove.
- Ô.B BS Trần Quang Hân, Victorville
- DS Trịnh Lê Hồng, Catinat Pharmacy, Westminster.
- BSNK Trần Ngọc Tâm Hương, Reseda.
- BS Võ Đình Hữu, Pomona.
- Ô.B Vĩnh Huyên, Huntington Beach.
- Ô.B BS Trần Tiễn Huyến, Westm.
- Bà LS Thu Kander, Long Beach .
- Ô.B BS Nguyễn Phúc Vĩnh Khiêm BS Phan Tuyết Mai.
- Ô.B DS Trang Kiên DS Tôn Nữ Duy Thạnh, San Diego.
- Ô.B BS Thái Doãn Kim, Canoga Park.
- Ô.B BS Lê Phước Lộc, Van Nuys.
- Ô.B Bửu Lộc, Seafood World, Westm.
- BSNK Hồ Như Mai, Los Angeles.
- BS Thái Diệu My, Santa Ana.
- Ô.B Bửu Ngự, Thanh Nhàn, Westm.
- Ô.B BS Trần Nhơn, Westminster.
- Ô.B BS Võ Văn Phác, Long Beach.
- Ô.B BSNK Hồ Văn Phú, Hawthorne.
- Ô.B BS Trần Tiễn Sum, Los Angeles.
- Ô.B BSNK Tôn Thất Thọ, San Jose.
- Bà Kim Thoa - Quán Hỷ, G. Grove.
- BS Vĩnh Thừa, Santa Ana.
- Ô.B BS Nguyễn Văn Thuận, Hawthorne.
- BS Tôn Nữ Kiều Tiên và Dương Thùy Trang, Westminster.
- NS Thái Quỳnh Thư, Canoga Park.
- Ô.B BS Võ Văn Tùng & Tam's Pharmacy, Westminster.
- Ô.B BSNK Dương Út, Los Angeles.
- Ô.B BS Đoàn Yến, Los Angeles.

Tình bạn trong thơ chữ Hán của thi ông Ưng Bình Thúc Gia Thị

Nguyễn Hữu Vinh

Suộc đời của thi ông Ưng Bình Thúc Gia Thị là cuộc đời của những bậc đường quan, của những tao nhân mặc khách. Gió mát trăng thanh, cảnh đẹp, trời thu, tình yêu đều là những yếu tố cần thiết, là nguồn thơ không thể thiếu. Có nhiều thi sĩ đã sống và sáng tác vì cô đơn, yêu cô đơn và lấy sự khổ đau làm lẽ tự nhiên cho nguồn sáng tạo. Thi ông thì trái ngược, lấy tình người làm gốc chốt, lấy ngoại cảnh thiên nhiên để cảm hứng, để dệt thành những vần thơ ngọt ngào, thanh thoát và đầy tình người lưu luyến, đậm đà. Thi ông thường hứng tạo những vần thơ về tình người trong những lúc cùng bè bạn ngao du sơn thủy, chèo thuyền trèo núi; hay trong những lúc ngâm thơ xướng họa; hay trong những lúc hò hát; hay trong những phút nhớ nhung vì xa cách. Do vậy, trong cuộc đời của thi ông, bạn bè và ca nữ là hai yếu tố quan trọng.

Từ lúc còn trai trẻ cho tới lúc về già, thi ông không thiếu bạn thơ và ca nữ. Chính vì có nhiều những bạn thơ và ca nữ mà trong thơ, ca Huế hay ca trù của thi ông đầy ắp tình người. Nhờ vậy mà sau này, từ thi xã Vỹ Hương cho tới thi xã Hương Bình, đã có rất nhiều thi nhân tham dự nên tiếng tăm vang dậy khắp nước. Trong số bè bạn thâm giao đó, thi ông thường hay nhắc tới ba người. Đó là ba ông Đông Chi, ông Phan Kỉnh Chỉ và ông Thiếu Trai Hà Ngại. Tình bạn của thi ông dối với ba người này thật là nồng nàn và đậm đà, nhất là đối với ông Phan Kỉnh Chỉ và ông Đông Chi. Thi ông nhắc đến hai ông bạn thơ này nhiều nhất là trong thời gian làm quan ở Quảng Trị, Quảng Bình và Hà Tĩnh. Đây là thời gian sáng tạo huy hoàng về thơ chữ Hán của thi ông, mà cũng là thời gian huy hoàng của cuộc đời, lúc tuổi đời chỉ bước vào lứa tuổi trung niên, mà lại sinh trưởng và làm quan lớn ở ngay nơi xuất phát ca Huế và ca Trù.

Giới hạn trong bài này, tác giả xin trích dẫn và dịch một ít bài trong thi tập chữ Hán "Lộc Minh Đình Thi Thảo" của thi ông Ưng Bình Thúc Gia nói về mối tình sâu đậm của thi ông đối với ba ông bạn Đông Chi, Phan Kỉnh Chỉ và Thiếu Trai Hà Ngại qua những vần thơ chữ Hán trác tuyệt của thi ông.

➤ Đối với ông Đông Chi

Ông Đông Chi cũng làm quan trong vùng Quảng Trị, Quảng Bình và Hà Tĩnh như thi ông. Hai người có nhiều cơ hội gặp gỡ để cùng vui thú ngâm thơ, hò hát. Có lẽ vậy, nên thi ông trong thời kỳ làm quan Án Sát ở Quảng Bình (khoảng từ năm 1923 cho tới 1929), thời kỳ thi ông sáng tác thơ chữ Hán mạnh nhất, thường hay có những bài thơ luyến lưu đối với bạn bè và ca nữ, nhất là đối với ông Đông Chi.

- ***Lộc Minh đình thi thảo tập I bài số 51***

Ất Sửu trung thu hậu họa Đông Chi thị cảm Như Vân ca nhi tại thần nguyên vận-Án Sát Quảng Bình

Sạ hoài thu tứ cảm xuân tâm
Tiêu khát Tương Như ngũ dạ cầm
Sầu khách tửu bôi nan tận túy
Não nhân thi cú vị thành ngâm
Y ngô yến ngữ oanh thanh tại
Tin tức ngư tiên nhạn ảnh trầm
Định thị Trùng Dương giai tiết đáo
Tân mai vãn cúc phục tương tầm

***

Sau tiết trung thu năm Ất Sửu (1925) họa thơ ông Đông Chi buổi sáng cảm nhớ ca nữ Như Vân — Thơ làm trong thời làm quan Án Sát Quảng Bình

Tình xuân nhen nhúm lúc thu qua
Canh muộn Tương Như gẩy điệu ca
Ly rượu nhớ nhung không uống cạn
Câu thơ buồn bã chẳng ngâm nga
Còn vang tiếng ngọc lời oanh hót
Nào chút hơi tăm bóng nhạn sa
Có phải Trùng Dương thời tiết đến
Sang xuân sớm gặp bạn cùng ta

(Bản dịch của Hữu Vinh)

Ca trù là lối hò hát đặc biệt ở các vùng từ Quảng Bình trở ra. Những lúc hò hát như thế, cũng là những lúc để các bậc tao nhân mặc khách và các ca nữ dệt lên những mối tình. Có thể là tình thơ ca, tình mến mộ vì tài năng hay là tình yêu đôi lứa. Nhưng "tình" gì cũng là tình, đều không thoát khỏi sự luyến lưu và nhung nhớ. Đông Chi nhớ nhung ca nữ Như Vân là nguồn thơ để cho thi ông họa thơ với ông Đông Chi. Ở đây, thi ông đã kết hợp rượu, trời thu, và "nàng" để trả lời ông Đông Chi rằng thi ông hiểu rõ nỗi lòng của ông Đông Chi. Thi ông đã nhắc khéo ông Đông Chi, hãy gắng chờ cho qua đi tiết trời thu gây nhung nhớ, sang xuân cùng gặp gỡ chuyện trò, cùng vui vẻ nâng ly rượu cùng nhau, thế là... xong.

(Chú thích:

1. Nàng Trác Văn Quân yêu Tư Mã Tương Như vì chàng có tài đàn hay.

2. Tiết Trùng Dương đúng vào ngày 9 tháng 9 âm lịch. Dân Trung Hoa xưa vào dịp này cùng nhau lên núi hái cỏ thuốc. Nay ngày này là ngày lễ Kính lão đắc thọ cho các bậc lớn tuổi.)

***

- ***Lộc Minh đình thi thảo tập I bài số 60***

Họa Đông Chi thị xuân dạ chu hành hướng Liễu độ nguyên vận — Án Sát Quảng Bình.

Mạc hận thu thâm cúc dĩ tàn
Xuân phong trùng hướng tảo mai khan
Thi thành ngẩu phóng Thương Lang trạo
Điệu cấp thiên liên Lục Ỷ đàn
Chẩm lý giang ba tùy mộng khứ
Không trung hiểu lộ thấp y hàn
Nhất bôi Liễu độ quân tu túy
Tá ngã ca trù vị bất toan

***

Họa nguyên vận bài thơ Đêm xuân chèo thuyền đến bến đò Liễu của ông Đông Chi — Thơ làm trong thời kỳ làm Án Sát Quảng Bình.

Đừng hận thu đi cúc đã tàn
Gió xuân lại đến ghẹo mai vàng
Ngâm nga còn hứng Thương Lang khúc
Réo rắt càng thương Lục Ỷ đàn
Gối mộng bềnh bồng theo sóng vỗ
Áo đơn ướt át buốt sương tan
Chén mời bến Liễu say anh nhé
Nhờ giọng ca trù bớt xốn xang

(Bản dịch của Hữu Vinh)

Trong bài thơ trên thi ông tả tình tả cảnh, để lộ nỗi lòng rung động của thi nhân trước núi sông sương khói.

(Chú thích:

Thương Lang, một điệu hò chèo thuyền; Lục ỷ, chỉ cây đàn; thơ của Lý Bạch:

"Thính Thục Tăng Tuấn đàn cầm", bốn câu đầu có câu:

"Thục Tăng bão Lục Ỷ,
Tây há Nga My phong,
Vị ngã nhất huy thủ,
Như thinh vạn hác tùng."

Trần Trọng Kim dịch:

"Nghe Thục Tăng Tuấn đánh đàn"

"Ôm cầm Lục Ỷ, Thục Tăng;
Phía tây lần cuống qua rừng Nga My;
Vì ta, tăng gảy bài nghe;
Ào ào như tiếng muôn khe cây tùng".)

***

- ***Lộc Minh đình thi thảo tập 1 bài số 61***

Quý Hợi lạp nhị thập nhị dạ đề thị Đông Chi Tử Lan nhị thi hữu — Án Sát Quảng Bình.

Tử Lan thị hòa Đông Chi thị
Lưỡng cá danh hương hồ bất mị
Xuân tâm sấu cốt cọng hàn mai
Khổ huống ngâm hồn tùy Mộng Vị
Bích đào lục liễu diệc phân sầu
Vũ điệp du phong tần hiến mị
Na như Thúc Dã nhất thi thiên
Đã phá ngân sàng thâm dạ quỷ

***

Đêm 22 tháng chạp năm Quý Hợi đề thơ với hai ông bạn Đông Chi và Tử Lan — Thơ làm trong thời quan Án Sát Quảng Bình

Tử Lan là một với Đông Chi
Trằn trọc hai ông phải chuyện gì
Muốn ngắm mai vàng sầu ốm xác

Vì mơ Mộng Vị khổ hồn thi
Liễu tơ đào biếc cùng buồn bã
Bướm lượn ong vần khéo tỏ si
Sao được một vần như Thúc Giạ
Canh khuya phá giấc quỷ ra uy
(Bản dịch của Hữu Vinh)

* Chữ Hán viết là Thúc Dã, nhưng tên Nôm là Thúc Giạ

Bài thơ này, càng để rõ được sự tao nhã của thi ông đối ca nữ. Thi ông không lụy vì tình yêu trai gái tầm thường với họ. Tâm hồn của thi ông thanh thoát với thơ, với câu ca tiếng hát mà trong đó ca nữ trong vai trò quan trọng.

- ***Lộc Minh đình thi thảo tập 1 bài số 65***

Họa Đông Chi thị Thu hoài nguyên vận — Án Sát Quảng Bình.

Khuy liêm minh nguyệt bán song thùy
Trường đoạn thu phong bất nhẫn xuy
Thập lý hoài nhân thôi hiểu mộng
Nhất tuần ngọa bệnh hữu tân thi
Khả liên lạc diệp điền doanh hác
Thặng hỷ hoàng hoa phóng mãn ly
Thanh điểu Bồng sơn quy khứ lộ
Tiểu xuân mai tín vật tê trì

***

Họa bài thơ Thu Hoài của Đông Chi — Thơ làm trong thời làm quan Án Sát Quảng Bình.

Trăng rọi rèm thưa buông nửa song
Gió thu hiu hắt nát tan lòng
Nhớ người xa vắng mơ canh suốt
Nằm bệnh tuần qua thơ mới xong
Lá rụng tàn rơi đầy bóng nước
Hoa vàng muộn nở thắm rào đông
Bồng sơn đây nẻo chim về tổ
Xuân sớm mai đừng chậm trổ bông
(Bản dịch của Hữu Vinh)

Bài trên cũng là bài thơ tỏ sự nhung nhớ bạn vì cảnh thu gây nỗi nhớ.

- ***Lộc Minh đình thi thảo tập 1 bài số 69***

Giáp Tý thu cửu nguyệt ngâm thị Đông Chi — Án sát Quảng Bình

Phong xuy vũ hoán mộ hàn xâm
Độc đối cô đăng lậu dĩ trầm
Vận bịch bất kham Đào Khản lực
Bi thu tần học Thiếu Lăng ngâm
Nhất bôi trọc tửu tinh hoàn túy
Sổ quyển kỳ thư sự dữ tâm
Tri kỷ vấn quân như thử dạ
Y thùy hu thụy ái hương khâm

***

Tháng 9 mùa thu năm Giáp Tý (1924) làm thơ ngâm tặng ông Đông Chi — Thơ làm trong thời gian làm Án Sát Quảng Bình

Gió đập mưa tuôn tối lạnh lùng
Đơn côi lắng đọng ngọn đèn chong
Sức đâu chuyển gạch bằng Đào Khản
Thơ bởi sầu thu học Đỗ ông
Rượu đục say sưa rồi lại tỉnh
Sách hay ngẫm chuyện để tu lòng
Anh ơi có biết đêm như vậy
Chăn đắp ai ơi ngủ được không

(Chú thích:
— Đào Khản: Người đời Tấn, ngày ngày chuyển gạch từ nhà ra sân, từ sân vào nhà, nói rằng phải rèn luyện thân thể để chống giặc không thể ngồi nhàn được.
— Thiếu Lăng là hiệu của Đỗ Phủ, nhà thơ nổi tiếng đời Đường.)

***

Trong cảnh gió mưa, đơn độc một mình, nếu mà có bạn cùng bên để ngâm nga, chuốc chén, thì còn gì hơn được nữa. Thi ông nhớ nhung đến bạn và tự hỏi rằng đêm như vậy, bạn ơi có nhớ ta hay chăng, ngủ được hay không? Thật đơn giản nhưng đậm đà.

- ***Lộc Minh đình thi thảo tập 2 bài số 99***

Giáp Tuất hạ tứ nguyệt giai Đông Chi thị tịnh tao đàn chư quân tử tái Đại Hàn ca cơ phiếm chu Thiên Mụ giang thứ Đông chi tức cảnh nguyên vận.

Phong lưu Bắc Hải mạn xưng hiền
Bôi tửu giang đầu ức cựu niên
Tinh đẩu quang hàn không điểu đạo
Yên ba tịch tĩnh hữu ngư thuyền
Trần Tư vị lão văn chương thú
Tô Tiểu trường khoa phấn đại duyên
Cổ tự chung thanh sao tiểu nguyệt
Quân tâm ngã ý cọng đoàn viên

***

Họa thơ ông Đông Chi, mùa hè năm Giáp Tuất (năm 1934) cùng ông Đông Chi với các bạn thơ trong thi đàn, đem theo ca nữ Đại Hàn, chèo thuyền chơi ghé bến chùa Linh Mụ.

Phong lưu Bắc Hải tiếng hiền nho
Chuốc rượu đầu sông kể chuyện xưa
Lẻ tẻ chòm sao chim lẻ bóng
Mơ màng khói sóng cá theo đò
Văn chương tiếng nức đây Tào Thực
Son phấn duyên tình có họ Tô
Chùa cổ chuông khuya đà gióng nguyệt
Bên nhau anh đã hiểu lòng cho

(Bản dịch của Hữu Vinh)

(Chú thích:
— Bắc Hải, nơi làm quan miền xa mà phong lưu của bậc hiền sĩ Khổng Dung;
— Trần Tư là Tào Thực, con của Tào Tháo, là một bậc văn tài đời Tam quốc nhà Hán;
— Tô Tiểu là Tô Tiểu Tiểu, một kỹ nữ nổi tiếng đời Tề. Trong câu năm, câu sáu dùng Tào Thực và Tô Tiểu Tiểu để chỉ ông Đông Chi và ca nữ Đại Hàn.)

Tình cảm của thi ông đối với ông Đông Chi bộc lộ nhiều không những trong khoảng thời gian làm quan ở Quảng Bình. Sau khi ông về hưu được một năm, vào năm Giáp Tuất (1934), hai thi nhân lại có dịp gặp nhau ở Huế, cùng vui thú chơi đò trên sông Hương, chèo qua chùa Linh Mụ. Cảm vì giọng hò Huế (nay không phải là ca trù nữa) của nàng ca nữ Đại Hàn lúc trời gần khuya, một tiếng chuông chùa Linh Mụ vang vọng đã làm cho thi ông thi hứng tuôn tràn. Có thể chính vì bạn bè và ca nữ trong những lúc dạo chơi như thế đã tạo cho thi ông được nhiều nguồn cảm hứng.

➤ Đối với ông Kỉnh Chỉ Phan Văn Hy

Đối với ông Đông Chi, vì đều làm quan gần nhau, nên có nhiều dịp gặp gỡ, trái lại tình bạn của thi ông đối với ông Phan Kỉnh Chỉ lại gặp nhiều trắc trở hơn. Gần ít, xa nhiều. Tình bạn nẩy nở cũng nhờ từ duyên thơ mà ra. Thi ông bộc lộ tình bạn đối với ông Kỉnh Chỉ, đôi lúc cũng gần như đối với ông Đông Chi, nghĩa là cũng nhờ hò hát, thơ ngâm, rượu tiệc và ca nữ. Tình bạn mặn mà giữa hai thi ông kéo dài từ thuở thi ông còn làm quan ở Quảng Trị, từ năm 1922 cho tới lúc sinh hoạt với nhau trong Hương Bình thi xã, thành lập vào năm 1951. Do vậy sau khi thành lập thi xã Hương Bình, ông Kỉnh Chỉ Phan văn Hy cũng nghiễm nhiên trở thành một trong những cột trụ của thi xã. Thơ chữ Hán của thi ông làm tặng hay họa lại thơ của ông Phan Kỉnh Chỉ phần nhiều có lời thơ thật hay, ý thơ thật thâm trầm sâu xa, và rất là trác tuyệt so với thơ của thi ông đối với người khác.

- ***Lộc Minh đình thi thảo tập 1 bài số 15***

Họa Phan Lang quận Y quan Phan Kính Chỉ Ký Hoài nguyên vận.

Thu thủy doanh doanh nhạn ảnh trầm
Ốc lương nguyệt lạc ức đồng tâm
Si cuồng khả tự Lưu Linh túy
U tịch tần thôi Đỗ Phủ ngâm
Văn học tam sinh lao họa bính
Phong lưu cố ngã trọng minh cầm
Giang nam Vị bắc trường như hứa
Y cẩm y thùy cọng chỉnh khâm

***

Họa thơ gửi thăm của anh Đốc tờ Phan Lang Phan Kỉnh Chỉ

Lai láng hồ thu cánh nhạn đưa
Trăng tàn bóng cửa nhớ người xưa
Si cuồng say khướt Lưu Linh rượu
Cô lẻ ngâm tràn Đỗ Phủ thơ
Văn học đời hoài mơ mộng tưởng
Phong lưu tánh thích tiếng đàn tơ
Giang nam Vị bắc tình lưu luyến
Sửa áo quàng khăn lắm nỗi chờ

(bản dịch của Hữu Vinh)

* Chữ Hán viết là Phan Kính Chỉ, nhưng tên Nôm là Phan Kỉnh Chỉ.

Chú Thích: Vị Bắc, thơ Đỗ Phủ "Xuân nhật hoài Lý Bạch", có hai câu "Vị bắc xuân thiên thụ, Giang đông nhật mộ vân"; Trần trọng Kim dịch: "Ngày xuân nhớ Lý Bạch",
"Cây xuân Vị bắc xanh rờn,
Giang đông chiều tối mây ngàn thênh thang".
(Nhìn phong cảnh nên thơ ở Vị bắc mà nhớ người ở Giang Đông).

***

Thật ra ông Phan Kỉnh Chỉ là anh em bà con cô cậu với thi ông (1). Tuổi đời xấp xỉ, nên ngoài tình cảm bạn bè còn có tình ruột thịt. Do vậy tình của thi ông đối với ông Kỉnh Chỉ đậm đà, đặc biệt và nhiều quan tâm hơn.

Khoảng năm 1922 cho đến 1929, thi ông làm quan ở Quảng Bình và Hà Tĩnh, thi ông Kỉnh Chỉ làm Đốc tờ (bác sĩ) ở bệnh viện Lâm Viên ở Quảng Trị. Hai anh em và cũng là bạn thơ, mỗi người mỗi việc không có nhiều cơ hội để gặp gỡ nhau. Chỉ nhờ thư từ đi lại để tỏ nỗi quan tâm, nhớ nhung và mong chờ những dịp gặp gỡ để cùng nhau vui chơi hoặc là chơi thuyền, leo núi hay hát ca. Trong bài thơ họa trên, thi ông nhận được thư thăm hỏi của ông Kỉnh Chỉ. Vì việc quan không thể rời xa để đi thăm, với hai câu cuối thi ông mượn thơ Đỗ Phủ nhớ Lý Bạch, Giang nam với Vị bắc, để tả cảnh nhớ nhung bạn cũ.

- ***Lộc Minh đình thi thảo tập 1 bài số 44***

Họa Kính Chỉ Phan y quan hoài thuật Lai Châu ca cơ nguyên vận — Án Sát Quảng Bình.

Ca vũ Tần lâu hựu Sở lâu
Tân thanh cựu khúc kỷ hồi đầu
Uyên ương chẩm lý hồn oanh mộng
Anh vũ bôi trung lệ tẩy sầu
Thanh nhãn mạc hiềm vô Kính Chỉ
Hồng nhan vị tất hữu Lai Châu
Na năng điểm mặc thành đan xứ
Y cá si tình đệ nhất lưu

***

Họa bài thơ nhớ cô đào Lai Châu của Đốc tờ Phan Kỉnh Chỉ — Thơ làm trong thời làm quan Án Sát Quảng Bình.

Gác tía lầu son buổi hát chầu
Cuộc vui đã thoáng hỏi còn đâu
Uyên ương trên gối hồn theo mộng
Anh vũ trong ly lệ đẫm sầu
Mắt biếc còn ai hơn Kỉnh Chỉ
Má hồng nào kẻ vượt Lai Châu
Mực đen không vẻ thành màu thắm
Ông Đốc tình si thật đậm sâu

(Bản dịch của Hữu Vinh)

Như ông Đông Chi luyến lưu cô đào Mộng Vị thì ông Kỉnh Chỉ lại nhớ nhung cô đào Lai Châu. Những cuộc vui gặp gỡ hò hát ca trù xưa đã làm xốn xang cõi lòng của ông Kỉnh Chỉ, cuộc vui đã tàn nay vẫn chưa gặp lại cố nhân được. Qua bài thơ trên, thi ông hiểu bạn rõ ràng, hiểu mối tình giữa Kỉnh Chỉ và Lai Châu, khéo léo khen ông bạn làm thầy thuốc thật si tình.

Bút tích bài thơ chữ Hán số 44

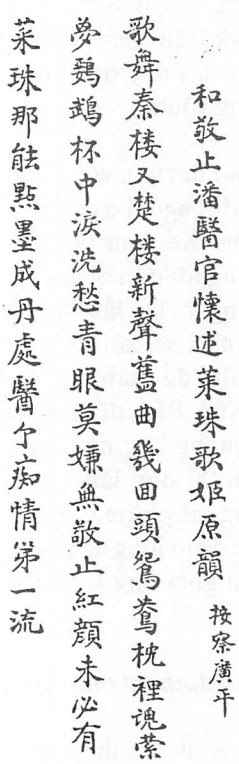
和敬止潘醫官慷述莱珠歌姬原韻 按察廣平
歌舞秦樓又楚樓新聲舊曲幾回頭鴛鴦枕裡魂縈夢
鶺鴒杯中淚洗愁青眼莫嫌無敬止紅顏未必有
莱珠那能點墨成丹處醫守痴情第一流

- ***Lộc Minh đình thi thảo tập 1 bài số 58***

Đắc Lâm Viên y viện phó y quan Phan Kính Chỉ ký hoài giai chương họa vận dĩ đáp — Án Sát Quảng Bình.

Phong vũ oanh hoài kỷ độ thu
Thanh sơn như tạc thủy du du
Tầm đan khách vãng Lâm Viên lộ
Tuyển cú nhân đăng Động Hải lầu
Lão khư Lai Châu thiêm tuyệt điệu
Nguyệt quang Xích Bích nghĩ trùng du
Si tình thậm xứ quân ưu ngã
Ngã tối tư quân vi tảo trù

***

Được thư và đáp họa lại thơ của Phó Y sĩ Phan Kỉnh Chỉ bịnh viện Lâm Viên. Thơ làm trong thời kỳ làm Án Sát tỉnh Quảng Bình.

Mưa gió sầu vương đã mấy năm
Núi xanh vẫn biếc nước thì thầm
Người tìm thuốc quý Lâm Viên có
Kẻ đến lầu thơ Động Hải làm
Già đến Lai châu thêm điệu tuyệt
Trăng treo Xích Bích muốn về thăm
Tình si lòng nặng tôi còn kém
Mong hỏi anh sao kẻo lỡ lầm

(Bài dịch của Hữu Vinh)

(Chú thích: Lâm Viên là tên của bệnh viện ông Kỉnh Chỉ làm việc; Tô Đông Pha đến chơi Xích Bích hai lần, nên mới có hai bài phú Tiền Xích Bích và Hậu Xích Bích, ở đây ý chỉ muốn trở về thăm lại nơi xưa; Động Hải là tên cổ thành Quảng Bình..)

Vẫn là bài thơ họa với thơ gửi thăm của ông Kỉnh Chỉ. Một người ở Quảng Trị, một người ở Quảng Bình. Kẻ làm thầy thuốc, người làm quan. Một người đến bịnh viện Lâm Viên cho thuốc, một người lên lầu Động Hải làm thơ. Hai bạn thơ vẫn vì xa xôi cách trở, chỉ còn cách mượn câu thơ để thăm hỏi lẫn nhau. Thi ông dùng tích Xích Bích để tỏ ý nao nức muốn trở lại thăm Quảng Trị, nơi ông Kỉnh Chỉ ở, mà cũng là nơi thi ông làm quan Tri phủ huyện Triệu Phong mấy năm trước đó. Trong hai câu cuối thi ông đã tỏ lòng nể phục và quan tâm đến chuyện tình giữa ông Kỉnh Chi và cô đào Lai châu.

- ***Lộc Minh đình thi thảo tập 2 bài số 92***

Đáp họa Kính Chỉ thi Phan văn Hy hiền hữu ký hoài nguyên vận.

Dục phù cửu đỉnh thán nhu ty
Tuyệt vực công danh mã bất trì
Hoạn lộ chu toàn dư chấp tải
Cố viên quy khứ vị đa thì
Li đông dị túy Uyên Minh tửu
Vị Bắc tần ngâm lão Đỗ thi
Hà nhật sơ y quân phú tựu
Hướng quân tọa ổn đối vi kỳ

***

Họa đáp bài thơ của ông bạn Kỉnh Chỉ Phan văn Hy gửi thăm.

Muốn nâng cửu đỉnh khốn thân tơ
Danh lợi đất người bận bán mua
Mải miết hai mươi năm hoạn lộ
Về thăm chỉ ngắn ngủi quê xưa
Rào đông say khước Uyên Minh rượu
Vị Bắc ngâm tràn Đỗ Phủ thơ
Mong đợi anh ngày hưu trí đến
Cùng nhau rảnh rỗi giải bàn cờ

(Bản dịch của Hữu Vinh)

Bài thơ này thi ông làm ra trong khoảng năm Quý Dậu (1933), là năm được về hưu. Về hưu ở Huế, ông Kỉnh Chỉ vẫn làm Đốc tờ thầy thuốc ở Quảng Trị, anh em vẫn xa cách, thế nên mới có bài thơ họa lại thư của ông Kỉnh Chỉ gửi thăm. Trong bài thơ này, thi ông tỏ ra thật nhớ nhung và mong muốn ông Kỉnh Chỉ mau mau hưu trí, để cùng nhau cầm kỳ thi họa.

Chú thích: Vị Bắc, xem chú thích ở trên. Uyên Minh là Đào Uyên Minh, nhà thơ Tàu nổi tiếng về cuộc sống vườn tược, hoa cỏ, ruộng nương, đời Ngụy Tấn Nam Bắc Triều.

➤ Đối với ông Thiếu Trai Hà Ngại

Khác với ông Đông Chi, thi ông kết bạn với ông Thiếu Trai Hà Ngại có lẽ bắt đầu sau khi về hưu, vì trong suốt 197 bài thơ chữ Hán còn để lại thi ông thường hay đối đáp thơ văn với ông họ Hà vào thời về hưu. Hai năm sau khi về hưu, vào năm Ất Hợi (1935), thi ông được ông bạn Thiếu Trai Hà Ngại, làm quan huyện Triệu Phong, mời ra Quảng Trị thăm, cùng nhau ngâm vịnh, hò hát.

- ***Lộc Minh đình thi thảo tập 2 bài số 133***

Ất Hợi niên lạp nguyệt sơ tam nhật Thái thú Hà Ái tiên sinh chiêu ẩm vu Triệu Phong phủ, lâm đắc văn tiên sinh ái cơ Thanh Bình diệu khúc lưu đề kỷ sự.

Cầm hạc tiêu dao vị túc vân
Phong lưu Thái Thú dã siêu quần
Phi thương yến hạ giai tao khách
Độ khúc tài cao hữu tế quân
Đào diệp ca thanh hồi thệ thủy
Liễu chi âm điệu át Hành vân
Tần lâu Triệu quán kinh lại vãng
Kim âm tài văn sở vị văn

***

Ngày mồng 3 tháng chạp năm Ất Hợi (1935) quan huyện Hà Ngại mời uống rượu ở huyện sở huyện Triệu Phong, được nghe khúc Thanh Bình do người hầu cưng của ông Hà Ngại hát, làm thơ này để ghi lại sự việc.

Đàn hạc tiêu dao chẳng lạ đời
Phong lưu quan huyện cũng hơn người
Tiệc tùng chúc tụng tao nhân đủ
Biểu diễn đàn ca thiếp trổ tài
Đào thổi vang âm dòng nước chảy
Liễu ru át điệu Hành vân trôi
Lầu Tần quán Triệu ngày qua lại
Có nhạc nay lời mới đến tai

(Bản dịch của Hữu Vinh)

(Chú thích:
- Tế quân: vợ, thiếp hay là hầu.
* Chữ Hán viết tên ông bạn là Hà Ái, nhưng tên Nôm là Hà Ngại.)

Rồi cho đến năm sau, năm Bính Tý (1936), thi ông ra Quảng Bình viếng lại động Phong Nha. Vào Quảng Trị đi chơi cửa Tùng, giong thuyền Lăng Ba Đình của ông Phan Kỉnh Chỉ trên sông Thạch Hãn. Nhưng lại không gặp được ông Hà Ngại, vì lúc đó ông Hà Ngại đã được thăng chức quan Quan Sát Sứ trị nhậm ở Tỉnh Bình Thuận. Đây là đầu cầu cho mối giây liên hệ giữa thi ông và các thi sĩ trong Liên Thành thi xã ở tỉnh Bình Thuận, trong đó có nữ sĩ Chi Tiên và nữ sĩ Tống Trang.

- ***Lộc Minh đình thi thảo tập 2 bài số 144***

Bình Thuận Quan Sát sứ Hà Thiếu Trai trịch thị mộ xuân hữu hoài Chi Tiên nữ thi sĩ giai tác bộ vận đáp phúc.

Quân ức Chi Tiên xuân hữu mộng
Tư quân ngã hựu bất thăng tình
Điệp tần oanh nhiễu nan an chẩm
Kê diệc trì hồi lãn xướng canh
Khiển hứng li biên phù lục nghĩ
Não nhân chi thượng náo hoàng oanh
Thậm phong xuy đắc ngâm tiên đáo
Liêu cọng Hồ Trai tác hữu thanh

***

Họa đáp bài thơ Quan Sát Sứ Hà Thiếu Trai chiều xuân nhớ nàng Chi Tiên.

Giấc xuân anh mộng dáng Chi Tiên
Tha thiết tôi đây nhớ bạn hiền
Lảng vảng bướm vờn phiền giấc mộng
Chần chờ gà biếng gáy canh phiên
Rượu châm bên giậu gây lòng hứng
Oanh hót trên cao hót giọng buồn
Mong gió đẩy đưa tin tức tới
Hồ Trai cùng gửi nỗi hàn huyên

(Bản dịch của Hữu Vinh)

Ông Hà Thiếu Trai cũng như nữ sĩ Chi Tiên đều ở Bình Thuận trong thi xã Liên Thành. (Liên Thành là tỉnh lỵ tỉnh Bình Thuận), có lẽ vì vậy ông họ Hà hâm mộ nàng Chi Tiên nên làm thơ rồi gửi tặng cho thi ông. Thi ông họa và đáp lại. Trong bài trên, thi ông gửi tình thơ lưu luyến đến ông Hà ở xa, cũng như cho ông họ Hà biết rằng, ngoài thi ông ra còn có ông Hồ Trai Phạm Khắc Khoang cũng mong nhớ và gửi lời thăm đến.

- ***Lộc Minh đình thi thảo tập 2 bài số 160***

Bộ Bình Thuận Liêm Hiến Hà Thiếu Trai tiên sinh nguyên vận.

Hà nhật Liên thành cọng thái liên
Hữu Tùng Trang thị hữu Chi Tiên
Phong tao địa chủ đa tao khách
Phẩm lục đề hồng ngã diệc nhiên

Nam lâu viễn vọng ức tao nhân
Tháp lí doanh doanh vạn hộc trần
Dục hiệu Tử Do châu phó Diễm
Kỷ hồi mộng sự đối chân thân

Hậu tiên giáp bảng bất đồng khoa
Văn tự giao thành cổ học gia
Việt Hải thừa lương quân ký phủ
Hào ngâm sướng ẩm hựu cao ca

Tự ngã tri quân nhất hảo quan
Cánh tri thiên hạ sự vô nam
Quan phong vấn tục ưu nhân xứ
Thị cổ Ngu ca Mật tử đàn

***

Họa thơ ông Hà Thiếu Trai quan Liêm Hiến tỉnh Bình Thuận.

Thành Sen mong đợi hái sen chơi
Hai bạn Trang, Tiên vẫn có hai
Đủ mặt tao nhân khách với chủ
Thơ đề trà nhắm cũng như ai

Lầu nam vọng cảnh nhớ người thơ
Giường nệm đầy bay đám bụi mờ
Muốn học Tử Do về đất Diễm
Chuyện đời chuyện thật với chuyện mơ

Cũng cùng thi đỗ chẳng cùng khoa
Học rộng nên thành cổ học gia
Hóng mát nhớ chăng bên Việt Hải
Ngâm tràn uống cạn hát vang xa

Biết anh quan tốt bậc quan hay
Chẳng có chuyện gì lại khó đây
Phong tục xét xem nào mấy kẻ
Xưa đằn Mật Tử giọng Ngu nầy

(Bản dịch của Hữu Vinh)

(Chú thích:

Mật tử: học trò Khổng Tử, làm quan dùng đàn trị dân; Giọng Ngu: Vua Ngu hát, chỉ đời thái bình thịnh trị; Việt Hải, tên một nơi ở Quảng Trị, ông Hà Thiếu Trai có làm quan ở huyện Triệu Phong. Có lẽ thi ông có ra Quảng Trị thăm viếng, nên bây giờ nhắc lại để nhớ; Thành Sen là Liên Thành, tỉnh lỵ tỉnh Bình Thuận; Tử Do chèo thuyền về đất Diễm thăm bạn.)

Nhìn cảnh mà nhớ người, muốn đi Bình Thuận thăm bạn mà không được. Thôi thì ngồi trên lầu thơ mà nhớ ông bạn cùng làm quan, học giỏi, văn hay, quan tốt.

Sau đây là bài thơ chữ Hán gửi lần cuối cùng vào năm Tân Tỵ (1941) cho ông Thiếu Trai Hà Ngại, khi ông họ Hà quan bổ vào Bình Định. Thi ông tỏ lòng nhớ bạn thắm thiết và chân thành.

- ***Lộc Minh đình thi thảo tập 2 bài số 189***

Đáp họa Bình Định Quan Sát sứ Hà Thiếu Trai trung thu cảm tác nguyên vận.

Thu khứ thu lai thu hựu thu
Hợp ly ly hợp kỷ thời hưu
Tài hoa ngã thặng Uyên Minh kính
Tuyển cú quân đăng Dữu Lượng lâu
Giang tế oanh ca thôi cựu mộng
Vân biên nhạn tín giải tân sầu
Tự liên sấu cốt sai thi cốt
Nan đạo thừa tra tác viễn du

***

Họa đáp thơ Trung thu cảm tác của quan Án Sát Bình Định Hà Thiếu Trai.

Thu đến thu đi đã mấy mùa
Hợp tan tan hợp đến bao giờ
Uyên minh vườn cũ tôi trồng cúc
Dữu Lượng lầu xưa anh vịnh thơ

Đầu bến giọng oanh ru mộng cũ
Chân trời bóng nhạn ngóng tin chờ
Tìm thơ mòn mỏi đà gầy cọm
Phải dạo thuyền chơi chuyện chẳng đùa
(Bản dịch của Hữu Vinh)

Trời thu thơ mộng thế mà ông với tôi lại xa cách đã bao năm. Tôi vẫn trồng hoa cúc, vẫn nhớ về ông trong những lúc chúng ta cùng nhau ngâm vịnh bên lầu thơ. Tôi ngồi đây nhìn mùa thu đi mà nhớ nhung về ông, mong chờ tin nhạn mà chẳng thấy tăm hơi. Đợi hoài chẳng thấy tin tức, nôn nóng đợi chờ. Thôi thì phải dong thuyền đi chơi cho khuây khỏa nỗi mong chờ.

Tình bạn của thi ông đối ông Hà Ngại cũng thắm thiết không ít.

➤ Phần kết

Lược qua những bài thơ chữ Hán còn để lại trong "Lộc Minh Đình thi thảo", ta còn nghe văng vẳng đâu đây những tiếng cười vui với những nhịp trống, lời ca, tiếng hát, câu hò của khách thơ, của ca nữ; ta cũng còn có thể hình dung phong cảnh nên thơ trên núi, cảnh thuyền chèo lênh đênh trên sóng; tai ta vẫn còn nghe tiếng sóng róc rách bên mạn thuyền trong những dịp vui hát ca Huế hay ca Trù.

Đọc những vần thơ đầy ắp tình bạn, tình người, tình đối ca nữ, tình đối với trăng thanh, gió mát, hoa tươi, cỏ đẹp, núi biếc, sông mờ, ta dễ cảm nhận được ý nghĩa của tình người qua thi ca của thi ông Ưng Bình Thúc Giạ.

Có thể nói rằng trong những yếu tố tạo nên phong thái thơ ca của thi ông, bạn bè và ca nữ đóng vai trò quan trọng.

☯ *Nguyễn Hữu Vinh*
(Trời xuân tháng tư năm 1998,
Tân Trúc, miền nam Đài Bắc, Đài Loan).

*

Tham Khảo:

(1) Thi ca, Ưng Bình Thúc Giạ Thị, nxb Thuận Hóa 1992.

(2) Bản thảo "Lộc Minh Đình thi thảo" của Tôn Nữ Hỷ Khương.

Những tên tuổi, địa danh, chức tước, cốt chuyện, thời gian được nêu lên trong bài này, tác giả hoàn toàn căn cứ vào tập thơ chữ Hán "Lộc Minh Đình thi thảo". Nếu có điều gì sơ suất, sai lạc xin tạ lỗi với quý con cháu của các bậc thi ông đã nêu lên trong bài. Tác giả xin cám ơn Bà Tôn Nữ Hỷ Khương, con gái của thi ông Ưng Bình cho phép trích dịch.

■

VĂN-CHƯƠNG TRONG CÁC TUỒNG HÁT BỘI CỦA CỤ ĐÀO TẤN

Hương-Thủy Hoàng-Trọng Thược

Ở nước ta, lối hát tuồng bắt đầu có từ đời nhà Lý. Dưới triều Lý, có một đạo sĩ người nhà Tống bên Trung-Quốc sang nước ta dạy cho những con hát ở giáo-phường vẽ mặt ra làm trò, diễn lại sự tích các nước thời xưa và đời Tam-Quốc. Nhưng hát tuồng qua đời nhà Trần mới được thịnh hành.

Dưới triều Trần, khi đánh phá giặc Toa-Đô của Trung-Quốc vào năm 1283, quân ta có bắt được một phường-trò tên là Lý-nguyên-Cát. Tên này dạy cho các thanh-niên và con sen nhà quý tộc học hát tuồng, diễn các tích cũ, trong đó có truyện "Tây Phương Vương Mẫu hiến đào" được người bấy giờ cho là hay nhất.

Dưới đời vua Trần-Dụ-Tông, vào năm 1350, lại có một kép hát người Trung-Hoa tên là Đinh-Bằng-Đức sang nước ta nữa, dạy cho các Vương Hầu và Công-Chúa hát tuồng.

Lối hát tuồng rất thịnh về đời Trần, nhưng đến đời Lê thì suy kém, nhường chỗ cho hát chèo và hát ả đào.

Qua thời chúa Nguyễn, có ông Đào-Duy-Từ (1572-1634) quê ở tỉnh Thanh-Hóa (1), được phong ấp ở Qui-Nhơn, mới chấn chỉnh lại môn hát tuồng, đem phổ biến trong dân gian. Từ đấy, lối hát tuồng mới phát đạt trở lại.

Một hậu duệ của Đào-Duy-Từ là Đào-Tấn, sinh năm 1845 tại thôn Vĩnh-Thạnh, quận Tuy-Phước, tỉnh Bình-Định, hiệu là Tô-Giang, đã tiếp tục công-trình của Đào-Duy-Từ trong việc soạn các tuồng hát bội.

Năm 23 tuổi, cụ Đào-Tấn đỗ cử-nhân khoa Đinh-Mão năm Tự-Đức thứ 24 (1871), và được sơ bổ Điển-Tịch sung hiệu-thơ ở Nội-Các, rồi lần lượt thăng tri-phủ Quảng-Trạch (Quảng-Bình), tham-biện Nội-Các, Biện-Lý Bộ Hộ, Phủ-Doãn Tỉnh Thừa-Thiên, Tổng-Đốc An-Tịnh, Thượng-Thơ Bộ Công, rồi sang Bộ Binh rồi qua Bộ Hình.

Cụ là một tay văn-chương lỗi lạc, lại gặp vua Tự-Đức là một ông vua hay chữ và sính văn thơ, nên vua tôi rất tương đắc. Nhờ vậy mà con đường hoạn-lộ của cụ rất hanh thông.

Năm 1904, cụ Đào-Tấn được về trí sĩ. Ba năm sau (1907), cụ mất tại sinh quán là làng Vĩnh-Thạnh, thọ được 63 tuổi.

Về văn-chương, cụ Đào-Tấn giỏi về Hán-Tự, và có tài về quốc-âm, Về thi-văn chữ Hán. Cụ đã để lại trên vài trăm bài vừa văn vừa thơ, chia làm hai tập lấy tên là "Mộng Mai Ngâm Thảo".

Về văn Nôm, thì cụ sở trường về tuồng hát bội. Cụ đã soạn được các vở tuồng sau đây:

— Tân Dã
— Cổ Thành
— Trầm Hương Các
— Hộ Sanh Đàn
— Diễn Võ Đình
— Hoàng Cổn
— Tứ Quốc Lai Vương
— Quần Trân Hiến Thoại
— Vạn Bửu Trình Tường
— Quần Phương Tập Khách

Cụ đã sáng-tác vở tuồng "Tân-Dã" lúc cụ mới 18 tuổi, vua Tự-Đức xem rất lấy làm vừa ý, cho nên khi cụ ở Nội-Các, nhà vua Dụ Chỉ cho cụ soạn các tuồng"Tứ Quốc Lai Vương", "Quần Trân Hiến Thoại" và "Vạn Bửu Trình Tường".

Tựu trung, tuồng "Vạn Bửu Trình Tường là một công-trình vĩ đại hơn cả: Bộ tuồng nầy gồm đến một trăm mấy chục quyển mà Cụ đã cùng hai Các-Thần là Vũ-Đình-Phương và Ngô-Quý-Đồng chia nhau soạn ngót bốn năm trời mới xong. Bộ tuồng nầy không dựa vào sự tích cổ như các tuồng khác. Ở đây, các nhân vật là các vị thuốc Bắc. Ngôn ngữ, cử chỉ và hành động đều dựa vào tính-dược mà phô diễn. Thứ lớp mạch lạc, tình tiết đầy đủ. Soạn xong dâng lên vua Tự-Đức. Xem xong vua phê: "Thần Hồ Kỷ Hỷ", nghĩa là khen nghệ- thuật như thần, và ban thưởng vàng gấm.

Dưới triều Tự-Đức, cụ Đào-Tấn nhờ một phần lớn về việc soạn tuồng hát bội mà được thăng thưởng.

Những bổn tuồng cụ soạn ở trong Các không được phổ biến ngoài dân gian. Còn các bổn tuồng khác, thì tất cả các gánh hát bội trong nước từ Nam chí Bắc, từ xưa đến nay, không mấy gánh là không dùng để biểu diễn.

Tất cả các tuồng hát bội của cụ Đào-Tấn đều có giá-trị về phương-diện văn-chương cũng như về phương-diện kỹ-thuật. Cách kết cấu vừa chặt chẽ vừa gọn gàng, thứ lớp phân minh liên tục, còn về văn-chương, thì những câu hát Nam hát Khách, những câu xướng câu ngâm hay đã đành, cho đến những câu nói lối, những câu đệm (gọi là "Hường") cũng rất chải chuốt duyên dáng.

Sau đây, tôi xin trích dẫn một số câu hát Nam và hát Khách của cụ Đào Tấn mà tôi cho là những câu giai-tác, tuyệt-tác, không thua gì những áng văn-chương danh tiếng xưa nay.

Giọng văn, lời văn luôn luôn thay đổi theo từng nhân-vật hay từng hoàn cảnh.

Khi thì hùng hồn khẳng khái như:

Tiết-Cương nói:
(Nầy em) Hồ nô đã biết đường xa thẳm.
(Lâu la) Lâu la tua nối gót lần dò,
Chớ ngại rằng rừng rậm hang sâu,
Miễn thoát đặng giây oan lưới họa.

Tiết-Cương hát Nam-Xuân:
Thoát đặng giây oan lưới họa,
(Nầy em, em có mang có mễn, chậm chậm mà theo anh kẻo mà vấp nghe)
Bước gập ghềnh dìu đỡ theo nhau.

Hồ-Nô lý:
(Bẩm ông bà, đi cho khéo kẻo mà nước chảy đá trơn lắm, Ông đỡ bà tôi kẻo bà đi không quen).
Một đoàn tớ trước người sau,
Chim kêu vượn hú thêm đau đớn lòng.

Lâu la hát khách:
Phi trăng đạp đáng khinh khinh khứ,
Phụ thạch phan chi bộ bộ tùng.

Lan-Anh hát Nam-Xuân:
Lao xao sóng vỗ ngọn tùng,
Gian nan là nợ anh-hùng phải vay,
Sơn đình đoái đã gần đây,
Nhẹ chân kỳ ký thoát bầy khuyển ưng.
(Trích ở tuồng "Hộ Sanh Đàn")

Tạ-Ngọc-Lân nói:
(Bớ con) Giả điên cuồng con xuống Trường-An,
Thông tin tức cha qua Trúc-Tự (đi con hè)

Tạ-Ngọc-Lân hát Nam-Xuân:
Trúc-Tự phăng phăng trực chỉ,
Quyết ra tài khử nguỵ phò chơn.

Tạ-Phương-Cơ hát Nam-Xuân:
Ghé vai gánh vác càn khôn,
Miếu đường cật đỡ, giang sơn tay bồng.

Tạ-Ngọc-Lân hát Nam-Xuân:
Trông chừng gai gốc lướt xông,
Hồng nghê nhẹ tách, cửa rồng chân lui.
(Trích ở tuồng "Khuê Các Anh Hùng")

Khi thì phẫn uất bi tráng như:

Tiết-Cương nói:
Chỉ Long-Sơn bao sá dặm ngàn,
Noi diển tích ngỏ toan lần hỏi.

Tiết-Cương hát Nam-Xuân:
Diển tích ngỏ toan lần hỏi,
Nghĩ sự mình nhiều nỗi cay co,

Hai vai dắt chặt tang hồ,
Biển oan chưa lấp mật thù càng ngon,
Tiếng giục dồn phong huyên nhật hám,
Giục vó lừa chỉ dặm Long-Sơn.
(Trích ở tuồng "Hộ Sanh Đàn")

Khi thì thống thiết lâm ly như:

Tiết-Cương nói:
"Sơn trung thán bi mã, hải thượng bi cô hồng,
(Phu nhân ơi) Xiết bao tình người cụm Bắc kẻ gành Đông (chi nữa)
Phải lần bước sớm qua Hồ chiều lại Việt."

Tiết-Cương hát Nam-Xuân:
Lần bước qua Hồ lại Việt,
Mặt bơ phờ mái nguyệt cầu sương,
Ải viên mấy tiếng đoạn-trường,
Chưa xong ân oán đã than vận thì,
Bước lưu ly sơn thùy trạch bạn,
Cụm mây tàn bóng nhạn xa xa.
(Trích ở tuồng "Hộ Sanh-Đàn")

Dương-Tú-Hà nói:
(Thôi thôi) Mặt giã từ tử các,
Gót lần ruổi yên vân,
(Ơi phu quân ơi! đừng trách em nghe)
Sợi nhân duyên vắn vỏi dám than rằng,
Vòng danh lợi dở dang xin chịu dại.

Dương-Tú-Hà hát Nam-ai:
Chịu dại đường ân nỗi ái,
Tâm sự nầy khó hỏi cao xanh.
Tán: Trì trì bạch nhật vãn,
Niễu niễu bi phong xanh.
(Thương hại cho tôi) Phu tế khinh bạc nhi,
Tại thế bất xứng ý,
(Vậy bây giờ tôi biết đi đâu đây ? Thôi thôi)
Giang sơn diên lạc xứ,
(Ơi phu quân ơi) Tử biệt dĩ thốn thanh.

Hát Nam-Ai:
Mảnh gương phút đã tan tành,
Xuân vi gió lạnh, thu đình trăng trong,
Bước non sông ngại ngùng chi xiết,
Nợ phong trần trả hết từ đây.
(Trích ở tuồng "Hộ Sanh Đàn")

Đát-Kỷ tán:
Đạm đạm trường giang thủy,
Du du viễn khách tình,
(Ơi phụ thân ơi) Răng mà con nhớ mẹ con lắm, mẹ mẹ ơi,
Nữ tử hữu hành, oán biệt hốt kinh thiên lý ngoại,
Hương quan hà xứ? Dạ chung tàn nguyệt nhạn quy thanh.

Đát-Kỷ hát Nam xuân:
Nhạn quy thanh giục tình ly biệt,
Oan trái nầy dễ biết vì đâu ?
Non xanh nước biếc một màu,
Căn duyên đã chích, tơ sầu lại vương,
Ngập ngừng một bước gian quan,
Kim ô phút đã bóng tàn non xanh.

Tô-Hộ hát khách :
Biệt hận chuyển thâm hà xứ tả,
Sầu tâm nhứt bội trướng ly ưu.

Đát-Kỷ hát Nam-Xuân:
Non xanh nước biếc một màu.
(Nghĩ lại như tôi chừ) Căn duyên đã chích, tơ sầu lại vương.

Tô-Hộ hát Khách:
Lãnh thọ trùng gia thiên lý mục.
Giang lưu khúc tợ cửu hồi trường.

Đát-Kỷ hát Nam-Xuân :
Ngập ngừng một bước gian quan.
(Ủa nầy, trời tối rồi đây mà)
Kim ô phút đã bóng tàn non xanh
(trích ở tuồng "Trầm Hương Các")

Khi thì trang nhã đài các như:

Thương-Vương nói:
(Hộ vệ quân) Thuyền bày tán phụng,
Xe trẩy đường hoa,
Mau từ chốn triều ca,
Kíp trông chừng bửu điện.
Thương-Vương hát Nam-Xuân :
Bửu điện xe rồng trực chỉ.
Cảnh thái bình sơn thủy thanh cao.

Các quan hát Khách :
Xuân thảo phi phi thừa kiếm bội.
Lô yên tế tế trú sanh mai.

Thương-Vương hát Nam-Xuân:

Gió hương thổi lọt hoàng bào.
Cầu mai tuyết điểm, động đào mây giăng.

Các quan hát Khách :
Tam xuân thụy khí thanh hoàng lộ.
Nhứt đóa hồng vân diệu bửu luân.

Thương-Vương hát Nam-Xuân:
Khương cù ngợi hát vang rân.
Xiêm Nghiêu thong thả chín tầng vỗ an.
(trích ở tuồng "Trầm Hương Các")

Chơn-Châu nói:
Phong thanh nguyệt hiểu.
Thủy tỉnh ba minh.
(âu là) Huy quế trao tiền hành.
Tổ ba trì thưởng thắng.

Chơn-Châu hát Nam-Xuân:
Thưởng thắng trải miền hương quốc.
Gió trăng lồng một bức kỳ quan.
Hương trời sắc nước xuê xoang.
Nồng đêm tố nguyệt, vẻ ngàn tịch dương.
Gió thanh tao dợn làn sóng nhỏ.
Bóng mơ màng ai đó vấn tân.

Xương-Dương nói :
(chi nữa) Giỏ lá vai mang nhẹ nhẹ.
Đường ba chưn bước khoan khoan.
Gió đưa người trở lại Cam-Đơn.
(Âu là) Mây chen dấu trông chừng Hồ-Động.

Xương-Dương hát Nam-Xuân :
Hồ động phăng phăng lối cũ,
Việc nhãn tiền tán tụ chòm mây,
La-Phù giấc cũ hây hây,
Bóng trêu thu nguyệt, mùi gây xuân sầu,
Thuyền đâu trăng nước đâu đâu ?
Màu lam thoát đã vẻ cầu thần tiên.

(Trích ở tuồng "Vạn-Bửu Trình Tường")

Tô-Hộ nói :
Biệt Ân-Châu tốc tốc đăng trình.
Bả cao chúc mang mang đoạt lộ (con hè)

Tô-Hộ hát Nam-Xuân :
Đoạt lộ triều ca trực chỉ,
(Như cha con tôi chừ)
Bước để từ thiệp thủy đăng sơn.

Đát-kỷ (sau khi Hồ-ly-tinh nhập xác) hát Khách:
(Thưa cha) Mần răng mà cha buồn? Chớ con nghĩ lại con vui lắm, ai kia mà nhập cung kiến đố, chớ như con là:
Mạc sầu tiền lộ vô tri-kỷ.
Dương đắc quân vương đới tiếu khan.

Tô-Hộ hát Nam-Xuân :
Non xa dệt gấm rỡ ràng.
(như lão chừ) Ân tình một tấm gian quan mấy trùng

Đát-Kỷ hát Khách :
Nhứt lộ xuân tình hoa sán lạn.
Cửu tiêu vân tịch nguyệt linh lung.
(Trích ở tuồng "Khuê Các Anh Hùng")

Châu-Thuật giả cuồng nhơn nói:
(hảo hảo a!) Dĩ bất kiến truy lai.
(âu là) Tốc tự đồ viễn khứ.
Châu-Thuật hát Nam-Xuân:
Viễn khứ trông chừng bạt bộ,
Đố ai tường lòng mỗ thực hư,
Ghẹo tình non nước nên thơ,
Bóng tiều lướt sóng, tiếng ngư vang rừng.
(Ủa nầy, đã lại đến quan tấn rồi đây mà)
Tiếng dạ tuần mỉa gần quan tái,
Then máy nầy phải dại mới khôn.
(trích ở tuồng "Vạn Bửu Trình Tường)

Đối với vua Tự-Đức, Cụ Đào-Tấn chẳng những nặng nghĩa quân thần, mà còn dày ơn tri ngộ, cho nên khi nhà vua băng hà, Cụ vô cùng thương tiếc, nhất là từ khi Cụ đi lánh nạn trong nơi mịt mùng sương khói, niềm nhớ thương càng thêm da diết chứa chan.

Bích-Hà giả chánh hậu tán:
Phúc bồn đã lờ gương nhật nguyệt.
U cốc đành khuất bóng dương quang.
(Tôi nghĩ lại mà tôi dám trách ai)
Khéo trầm trồ lời quạ dã-tràng.
Thêm réo rắt tiếng ve Tây-Lục.

Giả chánh chân hát Nam ai:
Tây Lục tiếng ve réo rắt.
Gẫm oan tình ruột thắt đòi cơn.
Ngàn năm ân oán uống hờn.
Âu lo nghiệp Chúa riêng than nỗi mình!
Giả chánh hậu tán:

Yên tỏa hàn phong sương yểu yểu.
Lộ ngưng tương thủy tuyết ai ai.
(Ôi tiên quân ôi) Ẩm hận trường thiên tư Bắc-Khuyết.
Hàm sầu bạch nhật khốc Tây đoài.

Giả chánh hậu hát Nam ai:
Tuyết ai ai tuyền-đài thấm thoát.
(Tiên quân ơi) Vòi vọi nhìn kìa nước nọ trăng.
Mơ màng nước thẩm non xanh.
Tang thương phút đổi, ân tình dễ nguôi.
(Trích ở tuồng "Khuê Các Anh Hùng")

Đối với vua Hàm-Nghi xuất bôn, Cụ Đào-Tấn cũng rất lấy làm chua xót.

Xuân-Hương nói :
Dấu ngựa đường hoa đêm quạnh quẽ.
Chày kình dinh liễu tiếng lao xao.
Sá chi tôi sương thấm mặt đào.
Thương nỗi Chúa bụi lờ vóc ngọc.
Xuân-Hương hát Nam-Xuân :
Vóc ngọc ngùi thương nỗi Chúa.
Bước gập ghềnh lối cũ đường xưa.
Chánh hậu hát Nam-Xuân :
Nhạn chiều chen đám mây thưa.
Lôi thôi chiếc bóng bơ thờ giọng kêu.
Khương-Hoành hát Nam-Xuân :
Gian nan chút phận đã liều.
Cô đăng gió tạt, bản kiều sương rơi.
Ba người đồng hát Nam-Xuân :
Lướt đường mai phong ai bao xá.
(đã tới rồi đây mà) Đoái quê nhà phút đã gần nơi.
(trích ở tuồng "Khuê Các Anh Hùng")

***

Về những bổn tuồng xưa mà cụ Đào-Tấn sửa chữa lại, thì những đoạn sửa trội hẳn các đoạn không sửa. Ví dụ trong tuồng "Ngũ Hổ Bình Tây", Cụ thêm một đoạn ở lớp Trại Ba Công Chúa đưa Địch-Thanh đi chinh Tây. Việc thêm đoạn nầy đã thành một giai thoại:

Nguyên tuồng "Ngũ Hổ Bình Tây" là của cụ Tú Nhân-Ân Nguyễn-Diêu (thầy học của cụ Đào Tấn) soạn. Bổn tuồng nầy là một bổn tuồng hay trong những bổn tuồng hay nhất của nước Việt-Nam. Lúc ở Các, cụ Đào-Tấn có dâng lên cho vua Tự-Đức ngự lãm. Vua Tự-Đức mến tài cụ Tú Nhân-Ân nên muốn mời cụ Tú ra kinh trọng dụng. Nhưng lúc ấy cụ Tú đã già quá, không đi được, mới soạn thêm một bổn tuồng "Liêu-Đô" dâng lên nhà Vua để tạ ơn, vua khen là tuyệt tác và ban thưởng vàng lụa. Cụ Đào-Tấn mà trở nên tay thầy thợ trong nghề soạn tuồng, một phần cũng nhờ cụ Tú đào tạo.

Tuy thế, trong tuồng "Ngũ Hổ Bình Tây" của cụ Tú vẫn có chỗ sơ hở. Nhiều lần cụ Đào-Tấn muốn thưa cùng thầy, nhưng chưa có dịp vì bận việc quan ở Kinh-Đô. Đến lúc cụ Đào-Tấn về hưu trí, thì cụ Tú đã qua đời. Cụ Đào bèn đến Nhân-Ân làm thịt một con heo cúng thầy và van vái rằng:

"Thưa thầy, trong tuồng "Ngũ Hổ Bình Tây", lớp Công-Chúa đưa Địch-Thanh qua Tây-Liêu, thầy quên một chi tiết: Khi Công Chúa rượt theo Địch-Thanh đến ải Phong-Quan, liền ra lệnh cho tướng giữ ải là Cáp-Mang đóng ải-quan cẩn mật. Thế mà sau khi vợ chồng gặp nhau phân giải thiệt hơn rồi, Công Chúa không ra lệnh mở cửa ải thì làm sao mà Địch-Thanh qua được mà đã vội:

"Dứt tình một khúc Dương-Quan,
Tây-Liêu anh tới Đơn-Bang em về."

Vậy con xin phép thầy cho con thêm một đoạn nhỏ."

Khấn vái xong, Cụ Đào-Tấn lạy bốn lạy rồi đem bổn tuồng ra thêm vào chỗ thiếu sót.

Trong tuồng, khi Công-Chúa đã thỏa thuận cho Địch-Thanh đi đánh Tây-Liêu, bèn than:
Nói:
(Phu-quân ôi) Chưa lạt rượu giao hoan một chén, đã xen hình vĩnh biệt nghìn trùng;
(như em chừ) Khó theo chân tảo tặc với Nguyên-Nhung, xin soi dạ tư phu thục nữ.
Hát Nam :
Soi dạ tư phu thục nữ,
Đoạn thâm tình nhứt khứ nhứt lưu.
Địch Thanh:
(Phu-nhân ôi) Ruột dường dao cắt chín chìu,
Sương bay trước mặt, gió hiu bên đường.
Công-Chúa:
Cái duyên Chức-Nữ Ngưu-Lang,
Cầu Ô đã bắc lại toan dứt cầu.
Địch-Thanh :
Dùng dằng nghĩa trước tình sau,
Giây phiền đó buộc, chuỗi sầu đây mang.
Đồng hát:
Dứt tình một khúc Dương-quan,
Tây-Liêu anh tới, Đơn-Bang em về,
Thế là kẻ tới người lui,

Cụ bèn chận nơi câu: "Giây phiền đó buộc, chuỗi sầu đây mang" và thêm vào:

Công-Chúa nói:

Cáp-Mang, truyền Cáp-Mang mở ải đặng cho ta đưa Nguyên-soái lên đàng (ôi phu quân ôi). Song lụy sang sang, thốn tâm cảnh cảnh. Hồn ly biệt dường mê dường tỉnh (còn) gánh ân tình khó dứt khó chia. Cõi Tây-Liêu hiểm ác sơn khê (còn) tinh La-Hải cao kỳ pháp thuật.

Địch-Thanh :

Hãy để cho yên đi không ngại chi mà.

Công-Chúa :

(Ôi phu-quân ôi) Sợ khó nổi bêu đầu ác tặc (Mẹ mẹ ơi) Biết bao giờ thấy mặt từ-nhan.

Địch-Thanh :

Thôi em ở lại để anh đi tảo Bình-Liêu tặc rồi qui yết từ-nhan, nghe em.

Công-Chúa :

(Dạ) Rượu vơi vơi nâng chuốc chén vàng, chân rón rén dìu đưa người ngọc.

Công-Chúa hát Nam :

Rón rén dìu đưa người ngọc, (ôi phu-quân ôi) Kể khôn cùng chân tóc kẽ răng.

Địch-Thanh :

Thôi em ở lại sương sa ba nở, mẹ tròn con vuông để yên đi không ngại chi mà,

(Hát Nam): *Anh hùng nước bước còn săng, (nín đi nào) Đừng dun mày liễu mà quằn ruột hoa.*

Công-Chúa:

Thôi phu-quân đi đừng nhớ em.

Hai người đồng hát: (tiếp câu của Cụ Tú trước khi chia biệt)

Dứt tình một khúc Dương-quan.
Tây-Liêu anh tới, Đơn-Bang em về.

Đoạn cụ Đào-Tấn thêm vào, ai cũng công nhận là hay. Xem thế thì Cụ Đào-Tấn được các nhà soạn tuồng đời sau tôn làm thầy thật đích đáng vậy.

☯ *HƯƠNG-THỦY*

Chú thích:

(1) Ông Đào-Duy-Từ sinh năm 1572 tại làng Hòa-Trai, phủ Tỉnh-Gia, tỉnh Thanh-Hóa. Ông có tư chất thông minh, rành binh-thư đồ trận, lại giỏi về khoa lý-số, nhưng vốn thuộc con nhà xướng ca nên không được ứng thí theo lệ của Triều-đình. Do đó, ông quyết chí vào Nam. Ông đến phủ Hoài-Nhơn tỉnh Bình-Định, vào thôn Tùng-Châu ở mướn chăn trâu cho một nhà giàu. Ông được quan Khanh-Lý Trần-Đức-Hòa mến tài gả con gái cho, rồi lại tiến cử với chúa Sãi, tức chúa Nguyễn-Phúc-Nguyên (1613-1635), Chúa Nguyên dùng ông làm chức Nội-Tán. Ông giúp chúa Nguyên sửa sang việc binh-bị để chống lại Chúa Trịnh ở Bắc-Hà. Ông có công lớn trong việc đắp lũy Trường-Dục ở huyện Phong-Lộc trên sông Nhật-Lệ ở Đồng-Hới, tỉnh Quảng-Bình, tục gọi là "Lũy-Thầy".

Lúc còn hàn-vi, Đào-Duy-Từ đã tỏ chí-khí của mình qua văn thơ, tự ví mình với Gia-Cát-Lượng của Trung-Hoa, lúc còn ở ẩn nơi núi Ngọa-Long, nên ông đã sáng-tác bài "Ngọa-Long-Cương" bằng quốc âm theo thể lục bát. Ông còn lưu lại cho đời bài "Tư-Dung vãn" cũng viết bằng quốc âm theo thể lục bát., và một bộ binh-thư nhan-đề là "Hổ Trướng Khu Cơ".

Đào-Duy-Từ mất ngày 17 tháng 10 năm Giáp-Tuất, được phong tước "Lộc-Khuê Hầu". Ông được xem như là một vị khai quốc công thần triều Nguyễn-Sơ.

PHỤ-LỤC I

Lệnh-ái của cụ Đào-Tấn là nữ sĩ ĐÀO-NHƯ-TIÊN cũng nổi tiếng với bài thơ tuyệt tác có nhan đề "HẬN THIÊN THAI" mà tôi tưởng nên ghi lại dưới đây để độc giả cùng thưởng thức :

HẬN THIÊN-THAI

Động vắng hoa đào cợt gió Đông,
Mối sầu đằng đẵng gỡ sao xong ?
Lưu-Lang một bước lìa muôn thuở,
Tiếng vượn canh khuya nguyệt lạnh lùng!

*

Lạnh lùng bóng nguyệt dọi rêu xanh,
Tiên-cảnh, dương-gian vướng sợi tình,
Non nước thề xưa theo cánh mộng,
Bơ vơ dòng suối giữa đêm thanh!

*

Đêm thanh sực nhớ lúc trăng thanh,
Trổi khúc Dương-quan chuốc chén quỳnh,
Ngọc thốt hoa cười đau chín khúc,
Duyên tiến sao nỡ buộc tơ mành?

*

Tơ mành một mối lụy trần gian,
Lạc bước xui nên kiếp bẽ bàng!
Khắp lối đào hoa rơi lớp lớp,
Vần thơ trường hận dệt canh tàn!

*

Canh tàn tuyết lạnh cõi Thiên-Thai,
Vẳng khúc ly-ca động viễn hoài,
Muôn đóa quỳnh-giao tơi tả cánh,
Bồng-Doanh trăng nước sắc chơi vơi!

ĐÀO-NHƯ-TIÊN

PHỤ-LỤC II

Trong văn-học trào-phúng Việt-Nam, nhiều thi sĩ đã mượn đề-tài "Hát Bội" để sáng-tác thơ châm-biếm theo lối "ám-dụ" để nói lên thái-độ của mình trước những cảnh nhân-tình thế-thái, những trò đảo điên ở đời. Thí dụ các bài thơ kể sau :

HÁT BỘI

Nhỏ mà không học lớn làm ngang,
Trống đánh ba hồi đã thấy quan,
Ra rạp ngồi rên ba đứa hiệu,
Vô buồng đứng trước mấy ông làng.
Mượn màu son phấn, ông kia nọ,
Cởi lốt cân đai,, chú điếm đàng,
Tuy chẳng ra chi nhưng cũng sướng,
Đã từng trợn mắt lại phồng mang!

TÚ-QUỲ tức HUỲNH-QUỲ (I)

PHƯỜNG CHÈO

Rõ khéo anh trùm giở giới ra,
Trò vè chi rặt những trò ma,
Bảnh bao xiêm áo coi màu mẽ,
Nhẵn nhụi râu mày đượm phấn hoa,
Ấm ớ cũng nên danh Tướng Tá,
Ngây thơ mà nổi tiếng ông bà,
Mưa Âu, gió Á đâu đâu mặc,
Múa máy quay cuồng thế mãi a!

ĐẠM-NGUYÊN (2)

TRÒ SÂN KHẤU

Sân khấu, trường đời chẳng khác đâu,
Có anh múa nhảy, có anh chầu,
Đỏ đen khéo vẽ trò bôi mặt,
Hay dở nên xem lớp dạo đầu.
Giả dối Điêu-Thuyền trao nắm tóc,
Trễn trơ Tào-Tháo hớt chòm râu,
Vua tôi, chồng vợ, cha con đó,
Hết nhởn nhau rồi, lại đánh nhau!

QUỲ-ƯU NGUYỄN-ĐÔN-DƯ (3)

ĐẦU NĂM XEM HÁT BỘI

Sao bổn tuồng xưa cứ diễn hoài?
Diễn đi diễn lại quá nhàm tai!
Đỏ đen lui tới chừng dăm mặt,
Trung nịnh ra vào vẫn mấy vai!
Trống gióng chuông khua nghe đã rộn,
Đào già kép dở ngó càng gai!
Thôi về đi ngủ chờ ban khác,
Trót dại toi tiền biết hỏi ai?

HƯƠNG-THỦY (4)

BỘI TRÀNG-AN

Ba hồi trống đổ, tiếng hô ran,
Áo mũ lô nhô kéo một đàn.
Vương tướng mấy vai thừa sự nghiệp,
Triều-đình một góc đủ giang san.
Tuy không thi cử, không sưu thuế,
Mà cũng cân đai cũng lọng tàn.
Làm cái trò chơi thiên hạ ngó.
Hỏi rằng chi đó? Bội Tràng-An.

CAO-XUÂN-ĐẲNG (5)

BIỆT CHÚ:

(I) Tú-Quỳ tức Huỳnh-Quỳ, người làng Giang-Hòa, quận Đại-Lộc, tỉnh Quảng-Nam. Không biết sinh vào năm nào. Đỗ Tú-tài Hán-Học cho nên thường được gọi là "Tú Quỳ". Sớm tỏ ra có nhiều năng khiếu về quốc-văn. Có tài "xuất khẩu thành thơ". Đã để lại nhiều tác phẩm đủ loại: thơ Đường, thơ lục bát, ca-trù, liễn, đối, v.v..., loại nào cũng xuất sắc, có giọng khi thì trào-phúng dí dỏm, khi thì trang nghiêm chững chạc, có lúc ngụ ý, có lúc trữ tình, muôn màu muôn sắc.

(2) Ông Đạm-Nguyên sinh năm 1906 tại làng Yên-Đổ, huyện Bình-Lục, Tỉnh Hà-Nam (Bắc-Việt). Con thứ cụ Phó-Bảng Nguyễn-Cúc-Sơn và là cháu cụ Tam-Nguyên Yên-Đổ Nguyễn-Khuyến.

(3) Ông Quỳ-Ưu Nguyễn-Đôn-Dư sinh ngày 15-1-1908 tại làng Thế-Lại-Thượng, huyện Hương-Trà, tỉnh Thừa-Thiên. Ông là cựu Y tá bệnh viện Huế. Có chân trong "Hương-Bình Thi Xã" Huế.

(4) Ông Hương-Thủy Hoàng-Trọng-Thược sinh năm 1909 tại làng Nguyệt-Biều, huyện Hương-Thủy, tỉnh Thừa-Thiên. Ông là cựu công-chức ngành Quan-Thuế, hiện sống ở Orange County, California (Hoa-Kỳ).

(5) Ông Cao-Xuân-Đẳng sinh năm 1920 tại làng Thịnh-Mỹ, phủ Diễn-Châu, tỉnh Nghệ-An. Ông là cựu công-chức ngành Quan-Thuế, mất năm 1980 tại Sàigòn.

■

những ai có họ Hồng phải sửa lại để khỏi làm cho thiên hạ lầm có bà con với vua. Do đó, xóa bỏ những điểm nơi chữ Hán, Hồng hóa ra Cung. Cũng như ở một nước không phải là Cộng hòa Pháp, khi Vincent Auriol lên làm vua, thì tất cả những ai có tên Vincent phải đổi ra *Vingtsous* chẳng hạn. Ở Việt Nam dưới triều Bảo Đại, luật kiêng cử ấy đã được hủy bỏ. Có người họ Hồng xưa đã bỏ Cung và trở lại với họ cũ và thật. Có người để tránh việc sửa những giấy tờ hộ tịch, vân vân, khá lôi thôi phiền phức, cứ để chữ Cung, tuy biết mình vẫn là Hồng. Có người sính chữ đã tự bảo vệ quan điểm ấy khi nhắc đến câu thơ của Shakespear (trong *Romeo and Juliet):* "Sá gì một cái tên. Dù ta cho hoa hồng một tên khác, hoa ấy có mất hương thơm đi chăng?" *(What's in a name? That which we call a rose, by any other name would smell as sweet).*

2. Hỏi: *Tại sao người Thừa Thiên lại chọn Nha Trang làm quê hương.*

Có thể thấy lý do nói một cách kín đáo trong bài **Nha Trang, lieu choisi** *(Tạp chí Indochine-Sudest Asiatique,* Saigon, 1955) hay trong bài thơ **Paysage** *(Tạp chí Présence Francophone,* Sherbrooke, Québec, Canada, 1973). Nói ngắn gọn là do: 1) tình cờ hay ngẫu nhiên, 2) cần thiết hay tất định, 3) tự ý chọn lựa và quyến luyến.

1) Trước tiên chỉ là tình cờ, vì cha tôi, thầy giáo, đổi từ Phanrang đến Nhatrang vào năm 1920. Từ năm 1919 tôi phải về Huế học, chỉ sống ở Nhatrang mấy tháng nghỉ hè. Cha tôi mua được một nhà tranh, và nhà tranh ấy, đã thành nhà gạch từ năm 1929, nhà còn cho đến ngày nay.

2) Sau đó là vì tất yếu, năm 1928, tôi được bổ nhiệm làm trợ giáo tập sự *(instituteur stagiaire)* tại trường Nam Tiểu học (ngày nay là trường Trung học mang tên Nguyễn văn Trổi). Tôi cưới vợ năm 1929, vợ tôi thuộc một gia đình công chức (viện Pasteur) sống đã lâu ở Nhatrang. Dù muốn dù không, Nhatrang là một bến đậu, **port d'attache**, như Dr. Noel Bernard trong tiểu sử viết về Yersin, dùng cho nhà bác học nầy, có đi đâu cũng trở về Nhatrang, như là bến đậu cho đến cuối đời.. Tôi có đi phiêu du, tha phương cầu thực ở Saigon, Xuân Lộc, Dalat, cũng trở về nhà của cha mẹ, trở về Nhatrang, nơi tôi có rất nhiều bạn bè cũng như những người thù ghét. (Thù ghét cũng là một hình thức quyến luyến, nối liền người với người) thờ ơ và lãnh đạm có khi đáng buồn hơn, như có khi ta gặp ở đất khách quê người, nhất là khi ta không có thứ ngôn ngữ đặc biệt giá trị, là tiền, để trao đổi, và được "tình người", dù cho là thứ tình miễn cưỡng và giả dối. Sau năm 1936 (năm cha tôi chết), vì trách nhiệm đối với gia đình, sự cần thiết phải sống tại Nha Trang, trổi mạnh; cũng may là em tôi, Cung giũ Hùng trước là nhân viên Hỏa xa Nha Trang, sau làm Quản đốc Công quản chuyên chở công cộng Saigon — Chợlớn 1952-1962, di cư qua Hoa Kỳ năm 75 với tất cả gia đình, sau nhiều năm lâm bệnh, đã tạ thế ngày 8-9-1991 tại Reston, tiểu bang Virginia, Hoa Kỳ, hưởng thọ 77 tuổi. Hùng lúc đó có khả năng chia sẻ cùng tôi gánh nặng về đại gia đình, giúp các em ăn học, vân vân. Tôi lại tha phương cầu thực cho đến năm 1945, tiếp đến trải qua thời chinh chiến ly loạn (nói trong **Những ngày phiêu bạt** và **Nửa gánh tang bồng**). Từ những năm 1950-60, khi trở lại với nghề dạy học, và sau khi được đi đó đi đây cũng như, trước tiên vì nghề nghiệp, sau là vì chọn lựa, nhân học thêm được về Triết Đông, Triết Tây, Thần học, mới có sở thích, và đủ lý luận nâng đỡ sở thích, để chọn một "bến đậu" vững chắc.

3) Bây giờ đúng ra thì không còn lựa chọn nữa, mà có quyến luyến và gắn bó đậm đà hơn, và không còn những lý do gì để rời khỏi Nha Trang nữa, hay nói một cách khác, đã đến tuổi *"an phận tri đạo"* hay *"lui về"* (theo nghĩa tiếng Pháp *se retirer - - retrait — retraite*), vui vẻ chấp nhận một nơi ẩn dật. So sánh với những nơi tôi có thể định cư: Huế, Saigon, Dalat.. đối với riêng tôi không có nơi nào so sánh được với Nha Trang để có một cảnh an thích của môi trường, môi trường vật lý: phong cảnh (biển, sông, cù lao, núi non, khí hậu ôn hòa, không có tháng lạnh lắm, không có tháng nóng lắm), môi trường tình cảm bạn bè, bà con, kỷ niệm thiếu thời v.v... Khi thành phố những năm gần đây trở thành ồn ào náo nhiệt với những nhà lầu mới, dù môi trường vật lý có thể đã thay đổi, con người tôi đồng thời may mắn đã được tu luyện kịp, và đến mức độ không còn nghĩ đến cảnh phồn

Canh tàn tuyết lạnh cõi Thiên-Thai,
Vẳng khúc ly-ca động viễn hoài,
Muôn đóa quỳnh-giao tơi tả cánh,
Bồng-Doanh trăng nước sắc chơi vơi!

ĐÀO-NHƯ-TIÊN

PHỤ-LỤC II

Trong văn-học trào-phúng Việt-Nam, nhiều thi sĩ đã mượn đề-tài "Hát Bội" để sáng-tác thơ châm-biếm theo lối "ám-dụ" để nói lên thái-độ của mình trước những cảnh nhân-tình thế-thái, những trò đảo điên ở đời. Thí dụ các bài thơ kể sau :

HÁT BỘI

Nhỏ mà không học lớn làm ngang,
Trống đánh ba hồi đã thấy quan,
Ra rạp ngồi rên ba đứa hiệu,
Vô buồng đứng trước mấy ông làng.
Mượn màu son phấn, ông kia nọ,
Cởi lốt cân đai,, chú điếm đàng,
Tuy chẳng ra chi nhưng cũng sướng,
Đã từng trợn mắt lại phồng mang!

TÚ-QUỲ tức HUỲNH-QUỲ (I)

PHƯỜNG CHÈO

Rõ khéo anh trùm giở giới ra,
Trò vè chi rặt những trò ma,
Bảnh bao xiêm áo coi màu mẽ,
Nhẫn nhụi râu mày đượm phấn hoa,
Ấm ớ cũng nên danh Tướng Tá,
Ngây thơ mà nổi tiếng ông bà,
Mưa Âu, gió Á đâu đâu mặc,
Múa máy quay cuồng thế mãi a!

ĐẠM-NGUYÊN (2)

TRÒ SÂN KHẤU

Sân khấu, trường đời chẳng khác đâu,
Có anh múa nhảy, có anh chầu,
Đỏ đen khéo vẽ trò bôi mặt,
Hay dở nên xem lớp dạo đầu.
Giả dối Điêu-Thuyền trao nắm tóc,
Trẽn trơ Tào-Tháo hớt chòm râu,
Vua tôi, chồng vợ, cha con đó,
Hết nhởn nhau rồi, lại đánh nhau!

QUỲ-ƯU NGUYỄN-ĐÔN-DƯ (3)

ĐẦU NĂM XEM HÁT BỘI

Sao bổn tuồng xưa cứ diễn hoài?
Diễn đi diễn lại quá nhàm tai!
Đỏ đen lui tới chừng dăm mặt,
Trung nịnh ra vào vẫn mấy vai!
Trống gióng chuông khua nghe đã rộn,
Đào già kép dở ngó càng gai!
Thôi về đi ngủ chờ ban khác,
Trót dại toi tiền biết hỏi ai?

HƯƠNG-THỦY (4)

BỘI TRÀNG-AN

Ba hồi trống đổ, tiếng hô ran,
Áo mũ lô nhô kéo một đàn.
Vương tướng mấy vai thừa sự nghiệp,
Triều-đình một góc đủ giang san.
Tuy không thi cử, không sưu thuế,
Mà cũng cân đai cũng lọng tàn.
Làm cái trò chơi thiên hạ ngó.
Hỏi rằng chi đó? Bội Tràng-An.

CAO-XUÂN-ĐẲNG (5)

BIỆT CHÚ:

(I) Tú-Quỳ tức Huỳnh-Quỳ, người làng Giang-Hòa, quận Đại-Lộc, tỉnh Quảng-Nam. Không biết sinh vào năm nào. Đỗ Tú-tài Hán-Học cho nên thường được gọi là "Tú Quỳ". Sớm tỏ ra có nhiều năng khiếu về quốc-văn. Có tài "xuất khẩu thành thơ". Đã để lại nhiều tác phẩm đủ loại: thơ Đường, thơ lục bát, ca-trù, liễn, đối, v.v..., loại nào cũng xuất sắc, có giọng khi thì trào-phúng dí dỏm, khi thì trang nghiêm chững chạc, có lúc ngụ ý, có lúc trữ tình, muôn màu muôn sắc.

(2) Ông Đạm-Nguyên sinh năm 1906 tại làng Yên-Đổ, huyện Bình-Lục, Tỉnh Hà-Nam (Bắc-Việt). Con thứ cụ Phó-Bảng Nguyễn-Cúc-Sơn và là cháu cụ Tam-Nguyên Yên-Đổ Nguyễn-Khuyến.

(3) Ông Quỳ-Ưu Nguyễn-Đôn-Dư sinh ngày 15-1-1908 tại làng Thế-Lại-Thượng, huyện Hương-Trà, tỉnh Thừa-Thiên. Ông là cựu Y tá bệnh viện Huế. Có chân trong "Hương-Bình Thi Xã" Huế.

(4) Ông Hương-Thủy Hoàng-Trọng-Thược sinh năm 1909 tại làng Nguyệt-Biều, huyện Hương-Thủy, tỉnh Thừa-Thiên. Ông là cựu công-chức ngành Quan-Thuế, hiện sống ở Orange County, California (Hoa-Kỳ).

(5) Ông Cao-Xuân-Đẳng sinh năm 1920 tại làng Thịnh-Mỹ, phủ Diễn-Châu, tỉnh Nghệ-An. Ông là cựu công-chức ngành Quan-Thuế, mất năm 1980 tại Sàigòn.

■

Tâm tình gởi Huế

Huế ơi Huế, đã bao mùa lá đổ
Là mấy mùa xa cách Huế thân yêu
Huế hôm ni còn duyên dáng mỹ miều
Trong đêm đẹp trăng rằm soi khắp lối

Huế thương ơi, bây chừ khu Thành Nội
Hồ Tịnh Tâm còn sen nở ngát hương?
Vầng hồng lên chiếu sáng lối mờ sương
Quanh cấm điện, trong hoàng thành cổ kính

Cửu Vị Thần Công có còn cố định?
Điện Thái Hòa tám mươi cột sơn son
Đâu sân chầu, điện Cần Chánh, Ngọ Môn
Giữa triều đại huy hoàng trong lịch sử?

Chúa Nguyễn Hoàng dựng xây chùa Thiên Mụ?
Núi Ba Tầng nhớ mãi trận Đống Đa
Phú Văn Lâu, thời vang bóng tân khoa
Bảy lăng tẩm nguy nga thời nhà Nguyễn

Dòng An Cựu qua bao mùa chinh chiến
Nắng đục mưa trong tươi mát đọt mầm
Lúa chín vàng vùng Hương Thủy xa xăm
Chiều bảng lảng trên dòng sông Vân Xá

Ơi Thừa Thiên, răng nhớ thương chi lạ
Lăng Cô nằm tĩnh lặng dưới Hải Vân
Đảo Tiên Trà, lồng bóng nước bâng khuâng
Bình minh giục thuyền buồm ra biển cả

Viếng La Chử rồi về thăm Đập Đá
Yêu Cố Đô đẹp cổ kính dịu hiền
Tà áo bay, vành nón lá nghiêng nghiêng
Quên mô được o nữ sinh Đồng Khánh?

Thương Mẹ Quảng Điền quần vai nặng gánh
Vạn sự thay chồng đời lính bôn ba
Chuyến tàu đêm còi rúc lạnh sân ga
Nỗi cô quạnh theo bước người đưa tiễn

Đụn Cát, Hà Trung... cảnh tình lưu luyến
Sáng hừng đông qua Thừa Phủ đò ngang
Chu choa ơi, tui e thẹn ngỡ ngàng
Bởi anh nớ nhìn tui cười ngượng ngập

Răng dị rứa! Trái tim tui khẽ đập
Ánh mắt ai, ôi dễ mến chưa tề!
Đêm mưa buồn, bên ni nhớ bên tê
Hương tình ái thoáng nhẹ vào tuổi ngọc

Mắt tha thiết chàng nam sinh Quốc Học
Lay hồn tui chút xao động bâng khuâng
Rồi năm tê quốc nạn Tết Mậu Thân
Người xưa nớ nửa đời chưa gặp được

Yêu Huế lắm trong tình yêu non nước
Với chút tình thơ dại thuở học sinh
Bao đổi thay, bao năm tháng vô tình
Tình yêu Huế luôn mặn nồng tha thiết

☯ ***Dư Thị Diễm Buồn***

Giáo Sư Cung Giũ Nguyên, Một Nhà Trí Thức Huế Đáng Kính

Nguyễn Hữu Thứ

Cuối năm 1997, tôi từ Canada trở về Việt Nam và ở lại nhiều tháng. Tôi có dịp đến Nhatrang, nơi mà tôi đã làm biện lý Tòa Sơ thẩm Khánh hòa trong nhiều năm thuộc thập kỷ 60. Tôi tìm lại các bạn cũ và được biết Gs. Cung giũ Nguyên nay đã 90 "xuân xanh" mà vẫn còn dạy văn học Pháp tại trường Cao đẳng Sư phạm Huế, chi nhánh Nhatrang. Ông người Huế, học tại trường Quốc Học Huế trong giai đoạn 1922-1926, làm thầy giáo sau khi tốt nghiệp Thành chung; song tôi chưa bao giờ có cơ hội học với ông. Tuy nhiên, tôi học ở ông quá nhiều chuyện nên tôi xin phép dùng chữ "Thầy" trong việc đàm thoại với ông. Thời tôi làm biên lý, tôi đã đến hầu chuyện với ông. Nay, hơn 30 năm sau đó, tôi đã hầu chuyện cùng Thầy ở tư thất, 60 Hoàng văn Thụ (tên cũ: đường Hoàng Tử Cảnh) Nhatrang. Cuộc đối thoại kéo dài cả buổi sáng, đi từ vấn đề giáo dục đến văn nghệ, hướng đạo, nghệ thuật, giao tế. Tôi nhận thấy rằng những điều Thầy nói ra đầy lý thú và có thể xem như những bài học hay cho hậu sinh. Lúc về nhà, tôi cố gắng ghi lại những điều cần, song tôi không thể nhớ hết được tuy trí nhớ tôi còn khá lắm. Cho nên, tôi liền viết thư cho Thầy, với hy vọng được Thầy trả lời, có bạn tôi chép lại. Thầy không nhờ ai chép mà tự dùng printer đánh lấy các câu trả lời. Tôi đọc thư hồi âm nhiều lần tìm cách tóm tắt, nhưng thấy ngay rằng lúc tóm tắt thì khó lòng lột được ý của thầy nên tôi xin phép đăng nguyên văn — Thầy đồng ý — Tôi xin sao nguyên văn như sau:

Cung giũ Nguyên
Nhatrang, ngày 23 tháng 12, 1997

Anh Thứ thân mến,

Tôi đã nhận thư anh đề ngày 15-12 gởi từ P..., do anh N... trao lại. Cám ơn anh đã nhớ đến tôi và có mỹ ý muốn viết bài, *nói về tôi,* cho những đặc san hay tuyển tập nào đó. Quả là đúng, câu của thi sĩ Rainer Maria Rilke (trong sách viết về nhà điêu khắc Rodin) cho danh vọng chỉ là tinh hoa của những ngộ nhận dồn dập chung quanh một tên mới. *"La gloire n'est en définitive que la quintessence des malentendus qui s'assemblent autour d'un nom nouveau"*. Tôi sẽ nuôi dưỡng thứ hiểu lầm ấy khi trả lời những câu hỏi (đến 5 câu) của anh, nhưng tôi có thể tự bào chữa khi thưa là những điều anh muốn biết, tôi đã ghi trên giấy và đã được công bố, và vài người đã biết đến. Nay tôi chỉ có việc nhắc đến những tài liệu đó và thêm một vài điều.. Nếu anh chưa về Canada trước Tết, từ nay đến đó, tôi sẽ nhờ người đem đến anh một mớ giấy, (tôi cần chút thì giờ lục, chép, sao), để anh tùy nghi sử dụng. Anh có nói càng nhiều càng tốt. Nhưng nếu ông biện lý hay chánh án, trên đường trở về nhà bên kia Đại dương, xét hành lý quá nhiều, những thứ, hay vài thứ, của tôi đưa anh xem, nên cho *quản thúc tại gia*, thì xin anh vui lòng cho dẫn độ chúng về nguyên quán..

1. Hỏi: *Họ Cung, họ Hồng là một hay hai?*

Đã trả lời trong bài **Chữ húy** đăng nơi tạp chí **Bách Khoa**, Saigon năm 1970 và được lập lại, và nhiều chi tiết khá lâm ly trong bài **Một chuyến về** (chưa xuất bản, nhưng vài người đã có).

Nếu anh không có những tài liệu trên, hay không có thì giờ để đọc, có thể anh chỉ cần biết là khi vua Tự Đức lên ngôi, vì ngài húy Hồng Nhậm, nên

những ai có họ Hồng phải sửa lại để khỏi làm cho thiên hạ lầm có bà con với vua. Do đó, xóa bỏ những điểm nơi chữ Hán, Hồng hóa ra Cung. Cũng như ở một nước không phải là Cộng hòa Pháp, khi Vincent Auriol lên làm vua, thì tất cả những ai có tên Vincent phải đổi ra *Vingtsous* chẳng hạn. Ở Việt Nam dưới triều Bảo Đại, luật kiêng cử ấy đã được hủy bỏ. Có người họ Hồng xưa đã bỏ Cung và trở lại với họ cũ và thật. Có người để tránh việc sửa những giấy tờ hộ tịch, vân vân, khá lôi thôi phiền phức, cứ để chữ Cung, tuy biết mình vẫn là Hồng. Có người sính chữ đã tự bảo vệ quan điểm ấy khi nhắc đến câu thơ của Shakespear (trong *Romeo and Juliet):* "Sá gì một cái tên. Dù ta cho hoa hồng một tên khác, hoa ấy có mất hương thơm đi chăng?" *(What's in a name? That which we call a rose, by any other name would smell as sweet).*

2. Hỏi: *Tại sao người Thừa Thiên lại chọn Nha Trang làm quê hương.*

Có thể thấy lý do nói một cách kín đáo trong bài **Nha Trang, lieu choisi** *(Tạp chí Indochine-Sudest Asiatique,* Saigon, 1955) hay trong bài thơ **Paysage** *(Tạp chí Présence Francophone,* Sherbrooke, Québec, Canada, 1973). Nói ngắn gọn là do: 1) tình cờ hay ngẫu nhiên, 2) cần thiết hay tất định, 3) tự ý chọn lựa và quyến luyến.

1) Trước tiên chỉ là tình cờ, vì cha tôi, thầy giáo, đổi từ Phanrang đến Nhatrang vào năm 1920. Từ năm 1919 tôi phải về Huế học, chỉ sống ở Nhatrang mấy tháng nghỉ hè. Cha tôi mua được một nhà tranh, và nhà tranh ấy, đã thành nhà gạch từ năm 1929, nhà còn cho đến ngày nay.

2) Sau đó là vì tất yếu, năm 1928, tôi được bổ nhiệm làm trợ giáo tập sự *(instituteur stagiaire)* tại trường Nam Tiểu học (ngày nay là trường Trung học mang tên Nguyễn văn Trổi). Tôi cưới vợ năm 1929, vợ tôi thuộc một gia đình công chức (viện Pasteur) sống đã lâu ở Nhatrang. Dù muốn dù không, Nhatrang là một bến đậu, **port d'attache**, như Dr. Noel Bernard trong tiểu sử viết về Yersin, dùng cho nhà bác học nầy, có đi đâu cũng trở về Nhatrang, như là bến đậu cho đến cuối đời.. Tôi có đi phiêu du, tha phương cầu thực ở Saigon, Xuân Lộc, Dalat, cũng trở về nhà của cha mẹ, trở về Nhatrang, nơi tôi có rất nhiều bạn bè cũng như những người thù ghét. (Thù ghét cũng là một hình thức quyến luyến, nối liền người với người) thờ ơ và lãnh đạm có khi đáng buồn hơn, như có khi ta gặp ở đất khách quê người, nhất là khi ta không có thứ ngôn ngữ đặc biệt giá trị, là tiền, để trao đổi, và được "tình người", dù cho là thứ tình miễn cưỡng và giả dối. Sau năm 1936 (năm cha tôi chết), vì trách nhiệm đối với gia đình, sự cần thiết phải sống tại Nha Trang, trổi mạnh; cũng may là em tôi, Cung giũ Hùng trước là nhân viên Hỏa xa Nha Trang, sau làm Quản đốc Công quản chuyên chở công cộng Saigon — Chợlớn 1952-1962, di cư qua Hoa Kỳ năm 75 với tất cả gia đình, sau nhiều năm lâm bệnh, đã tạ thế ngày 8-9-1991 tại Reston, tiểu bang Virginia, Hoa Kỳ, hưởng thọ 77 tuổi. Hùng lúc đó có khả năng chia sẻ cùng tôi gánh nặng về đại gia đình, giúp các em ăn học, vân vân. Tôi lại tha phương cầu thực cho đến năm 1945, tiếp đến trải qua thời chinh chiến ly loạn (nói trong **Những ngày phiêu bạt** và **Nửa gánh tang bồng**). Từ những năm 1950-60, khi trở lại với nghề dạy học, và sau khi được đi đó đi đây cũng như, trước tiên vì nghề nghiệp, sau là vì chọn lựa, nhân học thêm được về Triết Đông, Triết Tây, Thần học, mới có sở thích, và đủ lý luận nâng đỡ sở thích, để chọn một "bến đậu" vững chắc.

3) Bây giờ đúng ra thì không còn lựa chọn nữa, mà có quyến luyến và gắn bó đậm đà hơn, và không còn những lý do gì để rời khỏi Nha Trang nữa, hay nói một cách khác, đã đến tuổi *"an phận tri đạo"* hay *"lui về"* (theo nghĩa tiếng Pháp *se retirer - - retrait — retraite*), vui vẻ chấp nhận một nơi ẩn dật. So sánh với những nơi tôi có thể định cư: Huế, Saigon, Dalat.. đối với riêng tôi không có nơi nào so sánh được với Nha Trang để có một cảnh an thích của môi trường, môi trường vật lý: phong cảnh (biển, sông, cù lao, núi non, khí hậu ôn hòa, không có tháng lạnh lắm, không có tháng nóng lắm), môi trường tình cảm bạn bè, bà con, kỷ niệm thiếu thời v.v... Khi thành phố những năm gần đây trở thành ồn ào náo nhiệt với những nhà lầu mới, dù môi trường vật lý có thể đã thay đổi, con người tôi đồng thời may mắn đã được tu luyện kịp, và đến mức độ không còn nghĩ đến cảnh phồn

hoa của nơi xưa kia yên tĩnh, bởi đã hấp thụ và chấp nhận ý nghĩa của lời khuyên, rất Lão Trang là **"Đại ẩn, ẩn thành thị"**. Được ở một nơi không ai biết mình, cảnh cô đơn hay ẩn dật được bảo đảm ở mức tối đa. Tôi vẫn thích sống nơi đây.

3. Hỏi: *Vì sao thầy chọn nghề "gõ đầu trẻ". Thầy bắt đầu dạy ở trường nào, sau dạy thêm những trường nào? Trường Lê quý Đôn được thành lập năm nào, ai là các sáng lập viên?*

a) Hoặc là do vô thức gia đình *(inconscient familial* theo Carl G. Jung) thúc đẩy, hoặc do gương mẫu sẵn có, nên bắt chước, cha tôi (ông Cung Quang Mậu) cũng vậy.. Nhưng thật ra, ban đầu là vì cần có công việc làm ăn, và có may mắn được việc ấy khi mới bước vào đời. Ai cũng biết, vì là con trưởng một gia đình nghèo và đông con, tôi đã bỏ mộng đi theo học trường Cao Đẳng Mỹ Thuật ở Hà Nội, và phải xin làm giáo viên. Lúc bấy giờ việc lựa chọn người chỉ dựa theo bằng cấp và nhà nước bảo hộ còn chiều theo nhiệm ý của người xin việc. Tôi đã xin dạy tại trường tiểu học Nha Trang, để sống gần cha mẹ. Và yêu cầu được thỏa mãn. Tôi được bổ nhiệm làm *instituteur stagiaire* theo nghị định số 2262 ngày 29-8-1928 của Khâm sứ Trung Kỳ và nhiệm sở là trường tiểu học Nha Trang. Trình diện trước hiệu trưởng, tôi được giao cho một lớp Ba (học sinh nam và nữ). Tôi đã bắt đầu nghiên cứu về tâm lý giáo dục. Tôi còn dám viết bài về tâm lý học cho tờ báo *Sư Phạm* (Huế) của Nha Học chánh, như vậy, tôi đã nghiêm chỉnh chuẩn bị cho nghề nghiệp tôi. Cuối niên học đầu tôi phải về Huế thi bằng khả năng sư phạm (Brevet d'Aptitude Pédagogique). Bằng nầy cần thiết để được vào ngạch, nếu trong hai năm không đỗ thì bị sa thải. Cuộc thi gồm hai phần: Trước hết là thi Lý thuyết (Partie théorique), tôi hơi ngạc nhiên, vì được chính ông Délétie, Giám đốc Sở Học chánh Trung Kỳ, đích thân kêu tên ba thí sinh để hỏi (trong số có tôi). Tôi bốc thăm trúng đề tài *"Attention"*. Tôi trả lời trong 15 phút, tất nhiên bằng tiếng Pha-lang-sa. Tôi chủ quan cho là mình trả lời không đến nỗi tệ. Nhưng kết quả bất ngờ (hay nên ngờ) là tôi với hai ông bạn kia đều bị đánh hỏng. (Xưa nay thi cử vô bằng cớ!). Tôi không được thi tiếp Phần II. Những thứ điều mờ ám, khó hiểu và khó chịu như thế bắt đầu rơi vào đầu thằng tôi mới 18, 19 tuổi. Sau hè, tôi tiếp tục dạy ở trường. Đến tháng năm 1930, một chuyện xảy ra trong đời thầy giáo tập sự của tôi. (Giai đoạn nầy đã được thuật lại trong quyển **The Yuyun Papers, Nửa gánh tang bồng**). Chiều ấy tôi đang dạy trong lớp. Bỗng tùy phái đem đến quyển sổ "Lệnh" của Hiệu trưởng. Lúc bấy giờ chuyển ngữ thường là tiếng Pháp, nên ông hiệu trưởng người An-nam nói với thầy An-nam cũng dùng tiếng Tây. Giọng văn viết theo ngôi thứ ba: *Le maitre et les élèves du Cours Élémentaire B sont priés de... Thầy giáo và học trò lớp ba B, sau giờ tan học chiều nay phải ở lại trường để quét dọn lớp cho sạch sẽ... vân vân...* Tôi đang chấm vở của học trò, với bút mực đỏ. Sẵn bút, tôi viết xiêng nơi lề *(marge)* có khi lấn lên trên thông tư, cũng bằng tiếng Pha-lang-sa và nhại lối dùng ngôi thứ ba của tác giả hiệu trưởng: *Le maitre et les élèves du Cours Élémentaire B rentreront comme d'habitude chez eux, à la sortie des classes. L'école dispose de plantons et de gardiens retribués par l'État pour assurer la propreté des locaux... Thầy giáo và học sinh lớp Ba B đến giờ sẽ về nhà như thường lệ. Nhà trường có đủ cai ký, được nhà nước trả tiền, để bảo đảm sạch sẽ của trường ốc.* Và dưới đó một chữ ký rất đẹp, và rất ngạo nghễ của thầy giáo tập sự chưa được 20 tuổi. Quyển vở được trao lại cho tùy phái đem về nơi phát xuất. Và khi trống đánh thùng thùng, thầy và trò lớp Ba ung dung đi ngang văn phòng hiệu trưởng và thanh tra, ra cổng. Một chuyện tầy đình, bất tuân thượng lệnh ghê gớm và chắc hẳn không thể tha thứ được, bỉ mặt cấp trên, mà bên phương Đông *perdre la face* là có tầm mức quan trọng hơn cái *point d'honneur* của người Tây phương. Bài hát Tây *On n'a jamais vu ca...,* mà hát lúc đó thì đúng lúc lắm. Tôi nhớ lại huyền thoại David chống lại khổng lồ Goliath, không khỏi cười thầm.

Buổi sáng hôm ấy, ngoài áo đen dài tôi mặc để đi dạy, tôi đội thêm khăn đóng để đi vào hầu quan công sứ Pháp (nơi chỗ bây giờ là của Ủy ban tỉnh). Sàn gỗ của phòng tiếp đánh sáp láng bóng, khiến đôi giày hạ của tôi cũng vừa đánh bóng tối qua, suýt hạ tôi xuống

thềm để trượt băng. Một trò xiếc không đặt hàng, có lẽ lại được xem như một cử chỉ hỗn láo đối với đại diện nước mẹ La France. Ở phía trong, đứng trước bàn của quan công sứ, có ông thanh tra dân Tây, nhưng cũng khăn đen áo dài, đứng chầu sẵn rồi. Khi tôi bước đến gần bàn, cách hai thước, tôi đứng lại, theo tư thế *garde-à-vous,* quan thanh tra cất tiếng Pháp: *Monsieur le Résident, voilà l'instituteur en question.* Tôi ngửng đầu lên ngó ông Sứ Bréda, bận áo *col fermé,* mặt nhỏ thó, nhưng mắt sâu như mắt cú vọ, mũi cao nâng đỡ cặp kính trắng, và đặc biệt là bộ râu, bộ râu mép, được đánh sáp và vặn ngược lên trên. Tôi cúi đầu xuống, như thể chào. Công sứ nẩy người nơi ghế bành, lấy tay vuốt ngược một chùm râu mép và nói, có lẽ ông người miền nam nước Pháp nên rung nhiều chữ R, hay là ông cố tìm giọng ông chằng để cho trẻ con thêm sợ: *Ah, c'est comme ca que vous trrrravaillez... Si vous ne rrréussir pas à vous comporrrter plus sérrrrieusement, je vous enverrrai à Kkiiuu Aaan I. C'est tout... Vous pouvez disposer".* Xà phòng của ông Tây thoa đầu chỉ chừng đó. Tôi trở về một mình. Ông thanh tra ở lại, có lẽ không muốn đi cùng với tên tội phạm...

Trở về nhà trường, vì lớp còn học, mấy đồng nghiệp tôi chờ đón tôi hỏi tới tấp: *"Sao đó mi, nó nói cái chi mi? Nó xử răng? Mi có can chi không?"* Nếu khi đó tôi cho biết là tôi sẽ vào tù hay đày đi Lao Bảo, hay Ban Me Thuot, chắc chắn sẽ có tiếng thương hại tôi, nhưng bên trong những người có nhiều lời thương xót, có một sự khoái lạc kín đáo vì thằng ấy, không phải mình, bị như vậy. Tôi chán ngấy mấy đồng nghiệp đến nỗi không thèm nói dối. Tôi cho biết, nó dọa đổi lên Kiu An. Kiu An là nơi đâu cha ai mà biết. Có lẽ một nơi tưởng tượng như Lò Luyện Tội (Purgatoire) để gởi người có tội đến để ăn năn. Có đứa đã la lên: *Á? Kiu An, tau biết rồi; nó muốn nói Cửu An đó. Cựu An, một huyện trên đường đi An Khê, có một trường ba lớp ở đó.* Và hình như sợ tôi xin đi ngay lên đó, bạn đồng nghiệp cũng đóng vai ông chằng, hù tôi để cho tôi sợ hơn nữa, nói thêm: *Nghe nói vùng An Khê, tụi Mọi nay đang giết người Việt, chặt đầu rồi cắm lên sào hai bên đường.* Phản ứng của tôi thế nào? Tôi không muốn nghĩ đến chuyện ấy. Và theo thói quen, mỗi khi muốn quên một cái gì, tôi lấy một quyển sách, bất cứ sách nào ra đọc.

Mỗi ngày đến trường như thường lệ, nhưng thay vì dạy, tôi cho học sinh ngồi chơi, muốn làm gì thì làm, miễn đừng làm ồn phá rầy các lớp bên cạnh, còn tôi xách ghế ra hành lang, ngồi hóng mát, có vẻ thách đố các hiệu trưởng và thanh tra của tôi, mà văn phòng ở đầu cùng hành lang. Mỗi ngày hai buổi, tôi bỏ dạy như thế, và cũng lạ là chẳng ai nói gì tôi. Có thể chung quanh đều cho tôi đang trải qua cơn khủng hoảng tinh thần, hay cơn tảo điên, và họ chờ cho cơn ấy, như cơn giông tố sẽ qua đi. Nhưng cấp trên tôi không phải là không phản ứng. Họ phản ứng theo kiểu của họ, âm thầm, thâm độc, đê hèn, và đúng theo ước muốn của tôi. Chừng một tuần lễ sau, nhà trường chuyển cho tôi bản sao nghị định số 1027 ngày 28-3-1930, theo đó tôi được bị sa thải không cần cho biết lý do. Nhưng năm 1930 là một năm khó chịu cho người Pháp cầm quyền ở Đông Dương. Đó là năm thành lập đảng Cộng sản Đông Dương tại sân vận động Hồng Kông, 1930 là năm oanh tạc làng Cổ Am, và việc lên đoạn đầu đài tại Yên Báy của Nguyễn Thái Học và 12 đồng chí của Việt Nam Quốc dân đảng, những người mà trước khi lưỡi dao đặc biệt của nhà phát minh Pháp Guillotin rơi xuống cổ đã thét lên mấy lần hai chữ: *Việt Nam! Việt Nam...* Trong bối cảnh chính trị như thế, thực dân Pháp rất nhạy cảm đối với hành vi gì có vẻ thách đố chế độ. Chung quanh chúng, chúng chỉ thấy là kẻ thù. Chữ *"suspect"* (bị tình nghi) là đủ để có biện pháp trừng trị, không cần có tội danh rõ ràng hay có bằng chứng tội lỗi nào. Bây giờ tôi có thể hiểu tại sao ông Délétie, giám đốc Học chánh Trung Kỳ phải đích thân hỏi vấn đáp tôi, để *"purement et simplement"* đánh hỏng. Mà hỏng hai lần, thì là cho về vườn một tên được liệt vào sổ đen *suspect.* Sau nầy tôi có viết bài **Le Mot** đăng trong tạp chí *France-Asie*, Saigon, để nói tới khẩu hiệu đấu tranh giành độc lập của mười ba người yêu nước thuộc Việt Nam Quốc dân đảng. Giáo sư Bùi xuân Bào, Khoa trưởng Đại Học Văn Khoa Saigon (sau đó là Bộ trưởng Giáo Dục) trong chương giới thiệu những nhà văn Việt Nam viết tiếng Pháp, trong **Littérature de France**

hors de France, Anthologie didactique, Sèvres - Paris, Fédération Internationale des Professeurs de Français, 1976 có nhắc bài **Le Mot**, và xem 1930 là một niên biểu đánh dấu sự thay đổi cuộc đời của tác giả. Mà thay đổi thật. Sau khi nghe tin thằng *mất dạy* đã *mất dạy*, cha tôi tuy buồn và sợ, không nói năng la rầy gì cả. Bạn bè thì quay lưng. Tôi trở nên từ đầu hôm đến sáng, như nhân vật của Franz Kafka trong **The Métamorphosis**, một con bò hung khổng lồ, tôi trở thành một tên cùi hủi, bị đuổi vì lý do chính trị, phải tránh xa để khỏi bị lây, bị liên lụy. Tôi học được rất nhiều bài quí giá thời đó, và tôi bắt đầu khinh ghét sự giả dối, và trở mặt của người đời, mà cứ mỗi lần sử nước nhà sang trang, 1945, 1954, 1975... tôi lại có thêm những bằng chứng sống động để củng cố **dị ứng** của tôi đối với những hiện tượng "trở mặt", "thay dạ đổi lòng" chỉ vì những lý do quá tầm thường như bảo vệ miếng cơm manh áo hay chút bả hư danh.

Tôi từ bỏ nghề dạy học, mà trong thâm tâm tôi rất thích. Tôi lại tiếc hơn nữa, vì từ dạo đó, tôi đã nhận ra cái yếu kém, của phần lớn bạn bè cũ của tôi, của nhiều đồng bào của tôi là do ba yếu tố **dốt, đói**, và **sợ.** Mà sợ, hay đói, suy cho cùng, cũng chỉ vì cái **DỐT.** Cá nhân thường hay chịu khốn khổ vì cái dốt của chính mình và phần lớn vì cái dốt của kẻ khác. Nhiều dân tộc đã sống khốn cùng suốt kiếp chỉ vì rủi gặp bọn cai trị chỉ là phường dốt nát. Phải chi tôi có thể góp phần nhỏ nào trong việc chống lại cái dốt, cái dốt của tôi trước đã, và cái dốt của thiên hạ sau. Nhưng vấn đề trước mắt là tôi phải kiếm cơm ăn, cho tôi, cho vợ con tôi. Tôi phiêu lưu vào Saigon, lên Dalat, trở về Nha Trang, đi Huế. Tên thất nghiệp, trong thời gian bốn năm năm từ 1930 đã phải làm hơn bảy nghề. Tôi viết báo, viết sách, tôi làm gia sư (một thứ đầy tớ trong nhà (gia nhân) chuyên dạy trẻ và giữ trẻ), tôi làm kế toán cho một hãng sửa xe, tôi làm thư ký cho một đồn điền cao su ở Xuân Lộc, tôi làm nghề bán hàng cho một hiệu buôn, rồi tôi muốn đi theo gánh cải lương nhưng nghệ sĩ danh tiếng Năm Châu (Nguyễn thanh Châu) sau khi nghe tôi ca thử một bài *"Tứ đại ban"* đã thành thật khuyên tôi nên kiếm nghề khác. Tôi học nghề chụp ảnh, tôi làm thợ sửa ảnh (retouche), sửa nơi những tấm *âm* (kính không phải phim nhựa) để những chân dung bớt xấu, bớt đường nhăn, bớt mụt ruồi hay thẹo... Tôi đã mua máy ảnh và suýt làm thợ chụp ảnh chuyên nghiệp, nếu giữa cha tôi không có những bất đồng về vị trí và kiến trúc của "phòng tối" (chambre noire) để rửa và sang ảnh, định xây trong vườn nhà. Cha con giận nhau đến nỗi tôi phải đi ở riêng; tôi thuê một căn nhà, số 27B route Coloniale, nay là Thống Nhất, để đặt trụ sở nguyệt san **Tương Lai tạp chí** (có phần viết tiếng Pháp). Báo ra được 4 số. Tôi lại thuê một căn nhà khác, ở đường Công Quán, và đi dạy học. Tình cờ căn bên cạnh là căn của Phạm văn Ký lúc bấy giờ đã nổi tiếng với tập thơ Tây **Une voix sur la voie...** Nhưng thằng con bất hiếu cũng phải trở về nhà cha mẹ. Cha tôi, vì không có phương tiện để làm cừu thết đãi, như chuyện đứa con phung phí hay hoang đàng trong Kinh Thánh, cũng đã nói với mẹ tôi, làm một con gà hầm với hột sen, táo, đậu xanh... "để cho *em* nó ăn". Danh từ *em* âu yếm được dùng cho thằng con đầu đã trên hai mươi mấy tuổi và đã có vợ con. Ông hãnh diện thấy tên tôi trên những báo, nhất là báo Tây. Không phải như hè năm 1928, chúng tôi ở Ninh Hòa, cha tôi làm hiệu trưởng trường tiểu học nơi đó tôi có bài trong **Đông pháp Thời báo**, tôi đặt trên bàn làm việc của ông, tờ báo với bài tôi lật lên trên để ông chú ý. Nhưng khi thấy tờ giấy, thấy tên tôi, ông không nói gì, vội vã, hất nó xuống đất, như hất một tàn thuốc hay một rác rớm dơ bẩn. Sau nầy, ông đã thay đổi thái độ và không còn khắc nghiệt đối với những gì tôi viết. Trái lại, có lần cao hứng, ông làm mấy câu vè, chẳng có giá trị thi ca gì, nhưng có giá trị tình cảm rất sâu đậm, và về phương diện khác, đã cho vào trong bốn câu tựa đề các sách báo của tôi, tuy có chút châm biếm, khi nhắc đến tờ tạp chí ế ẩm, còn lại cả tủ, hay ám chỉ những bài tiếng Pháp của tôi khi nói *mượn chữ thầy.*

Nhân tình thế thái *vẫn xưa nay*
Trả nợ văn chương *mượn chữ thầy*
Mang danh một tiếng **Người vô dụng**
Tạp chí **Tương Lai** *một tủ đầy.*

Tôi trở lại sống với cha tôi có vài năm, thì vì trọng bệnh ông mất năm 1936. Tôi tiếc ông ra đi quá sớm không để cho tôi có thì giờ chứng minh

cho ông là con ông không đến nỗi *vô dụng*. Và tôi đã trở lại nối nghiệp thầy giáo của ông.

Tuy trong những năm "thất nghiệp", tôi cũng có làm "gia sư" nơi nầy nơi kia, nhưng đến 1941, sau khi tôi rời khỏi Saigon về lại Nha Trang, tôi mới dạy đều đặn và có lương tiền hẳn hoi, khi được thuê dạy tại trường Tư thục Kim Yến, sau đó nhiều trường tư khác.

Năm 1945, dưới thời nội các Trần trọng Kim, tôi nhận được thông tư của Bộ Giáo dục, mà Bộ trưởng là giáo sư Hoàng xuân Hãn, đề nghị phục chức những người bị Chính phủ Bảo Hộ sa thải vô cớ hay vì tình nghi chính trị. Tôi đang lưỡng lự, suy nghĩ, phân vân, chưa biết nên trả lời thế nào, thì may quá (may là khỏi mất con tem), chính phủ Trần trọng Kim tan biến trước cao trào Cách Mạng tháng Tám 1945.

Đến 1950 khi Collège de Nha Trang thành lập với cấp trung học và chuyển ngữ tiếng Pháp, tôi được mời đến dạy, trước tiên là Việt văn, và sau đó là Pháp văn, khi bà Sammarcelli, vợ ông chánh án theo chồng đổi ra Hànội. Collège de Nha Trang là tiền thân của trường Trung học Đệ nhị cấp Võ Tánh.

Theo yêu cầu của các trường thuê dạy, thường thì tôi được giao những giờ Pháp văn, nhưng tôi đã không ngần ngại dạy nhiều môn khác, như chữ Hán ở trường Kim Yến, Công dân Giáo dục, Sử thế giới, Triết học Tây, Đông (Võ Tánh, Lê quý Đôn, các trường Dòng Giu-se, Phanxicô, La-san...), tiếng Anh (lớp của Sở Y Tế, Viện Pasteur), tiếng Latinh (ba năm liền cho lớp Kỹ thuật viện Pasteur). Tôi giảng về tâm lý trẻ con cho lớp Dự Bị Hôn Nhân của Dòng Chúa Cứu Thế. Tôi điều khiển hội thảo các Linh mục trẻ tại giáo phận Nha Trang, thời Đức Cha Thuận làm giám mục địa phận, v.v. Có thể nói là tôi đã kiếm ăn khắp thành phố. Nơi nào có tiếng gọi, tôi có tiếng đáp.. Có khi hình như những trường được lập để cho tôi có chỗ dạy, khỏi rời thành phố. Như năm 1972, tại Nha Trang lập viện Đại Học Cộng Đồng Duyên Hải, theo kiểu *Community College* của Hoa Kỳ, tôi được mời làm giáo sư thỉnh giảng, và trưởng phòng Pháp văn. Từ năm 1990, tôi cũng được mời theo tư cách thỉnh giảng như vậy, để dạy ngôn ngữ và văn chương Pháp tại trường Cao đẳng Sư phạm. Như vậy là tôi đã chọn đúng nghề, và chỉ vì ước muốn thầm kín, là chống lại cái dốt, trước hết là cái dốt của tôi, vì muốn làm tròn công tác được giao phó, tôi phải học hành, nghiên cứu thêm. Nghề dạy đã giúp tôi có động cơ và cơ hội học hỏi thêm nữa, đừng để cho những học trò than phiền như khẩu hiệu, đọc theo lối xiêng xẹo của tôi: *Nhất tự vi sư, Bán tự vi sư.* Biết có một chữ hay mới nửa chữ mà ba hoa làm thầy. Cuộc dạy học, đối với tôi, như thể một trò chơi, hay một thử thách. Tôi tìm được nhiều niềm vui trong đó. Phần thưởng tôi nhận được, là tình cảm những học sinh của nhiều thế hệ, từ nhiều trường, dành cho tôi xưa nay. Tôi không thiếu sự thăm viếng của những người gián tiếp chứng tỏ là tôi đã dạy tốt, và tôi thật sự đã giúp ích. Không thiếu gì những học sinh cũ, ở nước ngoài về, cũng ghé thăm, và ai cũng nhớ ít ra một cử chỉ hay một lời nói (thường là người nầy khác với người kia) của tôi. Không thiếu gì cựu sinh viên hay học sinh, ngày nay là đồng nghiệp của tôi, và có người đã tìm ra được lý do tại sao mặc dù tôi không thiếu cơ hội, tôi đã không làm chính trị hay tham chính, và chỉ muốn nghề thầy giáo. Tôi không khỏi cảm động khi tình cảm của học trò cũ lại được công bố lên giấy trắng mực đen, chẳng hạn, trước 1975, một lời tưởng nhớ trong luận án tiến sĩ y khoa của một cựu học sinh trung học. Sau gần ba mươi năm, ông bác sĩ ấy từ tiểu bang Illinois, còn giữ được tình cảm đối với thầy cũ để viết những giòng như thế nầy:

"Đọc ngay trang đầu thư thầy lòng con chùng hẳn xuống. Con đứng trên nước Mỹ cô đơn. Thầy chọn quê hương làm chốn lưu đày! Đọc thư thầy con nghe từng hơi thở của thầy, mệt nhọc nhưng quyết liệt. Thầy đang chuyển cho con sức sống của thầy, những suy nghĩ của thầy, những chiêm nghiệm của thầy hơn nửa thế kỷ về lịch sử và con người. Con kiêu hãnh được thầy ký thác và giáo dục..."

Nhưng, cũng thật đặc biệt và quý hóa lời tưởng nhớ của một bác sĩ giám đốc bệnh viện của Cộng Hòa Xã Hội Việt Nam, trong luận án tiến sĩ năm 1991 dành một trang để viết như thế nầy: *"Tri ân thầy CUNG GIŨ NGUYÊN, nguyên Giáo sư Pháp văn Trường Đại học Cộng đồng Duyên hải miền Trung. Mười lăm năm qua thầy đã tận tình giúp đỡ tôi mở rộng kiến thức, nhờ đó tôi đã tự tin hơn, mạnh dạn hơn để theo đuổi con*

đường khoa học đầy chông gai và không kém phần gian khổ — Ký tên...”

b) Về trường Lê quý Đôn, nên ghi đầy đủ là Trường Trung học Đệ nhị cấp bán công Lê quý Đôn, đường Tô hiến Thành, nay trường sở mang tên bảng Trường Tân Lập I, để khỏi lầm với một trường khác có sau năm 1975 và cũng lấy tên Lê quý Đôn. Về trường Lê Quý Đôn, mà tôi đã làm hiệu trưởng trong hai mươi năm, từ năm thành lập đến ngày bàn giao cho chính quyền mới (1955-1975), nếu có dịp anh xem quyển **Chuyện một ngôi trường** có khá nhiều chi tiết lý thú về sinh hoạt của trường ấy. Về những điều anh muốn biết nêu trên, xin đáp: Trường do nhà nước sáng lập, không phải là do tư nhân. Việc thành lập các trường bán công là sự đòi hỏi của tình hình chính trị sau hiệp định đình chiến, đất nước chia đôi, cuộc di cư vĩ đại của đồng bào miền Bắc, cần phải cấp tốc mở những trường cho con em đồng bào mới đến và không có chỗ nơi trường công để đón nhận.

Việc tôi làm hiệu trưởng, không phải do tôi xin, mà do Tỉnh trưởng tỉnh Khánh Hòa, Chủ tịch Hội đồng Quản trị các trường bán công Khánh Hòa, có công văn số 9178 ngày 3 tháng 9, 1955, gởi cho tôi, lúc bấy giờ là giáo sư trường Võ Tánh, nguyên văn như sau:

“Kính tin Ông hay trường Bán công sắp thành lập nay mai. Muốn cho trường nầy thu thập kết quả mong muốn trong lúc đầu, điều thiết yếu là phải chọn cho Trường nầy một ông Hiệu trưởng xứng đáng chẳng những đầy đủ khả năng và kinh nghiệm về chuyên môn mà còn phải có uy tín trong giáo giới cũng như đối với phụ huynh học sinh.

Vì các lẽ trên, nên Hội đồng Quản trị trường Bán công sau khi đã cùng tôi thảo luận đều đồng ý cử ông làm Hiệu trưởng trường Bán công Nha Trang. Mong ông vui lòng nhận lời và phúc cho tôi biết ý định ông về việc nầy”. — Ký tên: NGUYỄN TRÂN.

4. Hỏi: *Thầy bắt đầu viết văn vào lúc nào? Vì sao viết văn lúc còn quá trẻ? Thầy đã viết cho những báo nào? Viết các bài thuộc đề tài văn chương, chính trị, giáo dục? Những cuốn tiểu thuyết đã xuất bản là những cuốn gì?*

Trong tiểu sử được đăng trên nhiều báo, sách, sự nghiệp văn chương của tôi bắt đầu từ 1928, khi tờ báo của ông Diệp văn Kỳ (con cụ Diệp văn Cương, người Nam làm quan tại triều đình Huế, xem lại lịch sử Việt Nam), tờ **Đông Pháp Thời báo**, Saigon, đăng một truyện ngắn. Nhưng thật ra viết văn thật sự từ những năm 1925, 26, tuy là học trò được thầy giáo Võ Liêm Sơn phê trong học bạ: *Faible en annamite*, (kém, yếu, dốt về tiếng An-nam) cũng lo viết cho tờ báo của *Académie des quatre* (một thứ Tứ nhân bang?), bốn thằng cùng một bàn đầu của lớp; tờ báo được lập bảng (viết và họa) bằng mực tím đậm (encre à polycopier), rồi in trên xu-soa được đổ trên nắp sắt hộp bít-quy. Công việc lý thú ấy được thực hiện trong giờ đi ngủ, vi phạm luật của ký túc xá (internat). Nhân tiện, cũng nhắc đến việc khôi hài là tên học trò được phê là *faible en annamite* đồng thời cũng *faible en caractères chinois* đó, năm 1934, lại viết bài phê bình quyển truyện **Cô lâu mộng** của thầy Việt và Hán cũ tại trường Quốc Học, Ngạc Am Võ Liêm Sơn (sau nầy được liệt vào văn học sử những **nhà văn cách mạng**). Bài phê bình ấy, thay vì đăng trên nguyệt san **Tương Lai** của tôi xuất bản tại Nha Trang, in (chịu) nơi nhà in Châu Tịnh, Vinh, bài lại được gởi cho, và được đăng trong báo **Nam Phong**, Hànội danh tiếng hơn. Thầy Sơn tôi, nói vong hồn thầy, hồi đó có lẽ đã vui mừng được thằng học trò *bết nhất* còn đủ chữ và nghĩa *mít* để ca tụng thầy. Không những thế, tên học trò cũ ấy cũng vui thích đưa thầy vào những gì hắn có thể với rất nhiều cố gắng, viết về thầy, tuy không kê cả họ, nhưng đã họa khá rõ chân dung. Bài **Từ rê sang rẻ** (đăng trong *Bách Khoa*, số Xuân Tân Hợi, 15-1-1971) bắt đầu với những câu: *“Thầy Sơn cất khăn đóng, gãi*

đầu lia lịa trên đầu trọc, theo một tiết tấu rất nhanh của cơn khoái chí lên cực độ. Thầy hít một tiếng khe khẽ. Lớp yên lặng, tất cả học sinh sung sướng với thầy. Chỉ có giờ nầy, học sinh dung hòa được cảm tưởng có học và được tự do, muốn làm gì cũng được, miễn đừng làm ồn. Thầy đặt lại khăn, có ngón tay trỏ lần đến nơi chóp chữ nhân để khăn nằm lại ngay ngắn trên mặt xương của thầy. Đoạn, với giọng Nghệ nặng nề và thú vị, thầy đọc bài chữ nho đã viết sẵn từ lâu trên bảng đen, dừng từng nơi để phẩy, để khuyên..." Vậy cái thích viết (cũng như vẽ) của tôi có từ lúc đang còn ở trường Quốc Học.

Về vẽ, thì tôi đã may mắn gặp hai thầy rất tốt, mà tôi đã tỏ sự biết ơn trên những bài viết của tôi, hai năm đầu là thầy Tôn Thất Sa, mà những hình vẽ tô màu còn có thể xem lại trong bộ tạp chí "Những bạn của Cố đô" *(Bulletin des Amis du Vieux Huế)*, hai năm sau là thầy Georges Leloup, mà ấn tượng rất mạnh đối với tôi là bức tranh vẽ ngay trên tường nhà chơi (có sự góp công của vài môn đệ trong số đó có tôi), để làm phông cho vở kịch học sinh trình diễn năm ấy. **La Farce De Maitre Pathelin.** Nếu nói là tôi thích hội họa cho đến nay, tuy không có thì giờ để trở lại với bút cọ và màu sắc, là nhờ sự khuyến khích của mấy thầy trên, thì có phần nào đúng; nhưng nếu nói mấy thầy cũ của tôi đã giúp đỡ tôi về viết văn, thì không. Nói cho nhanh, và nói theo lối của nhà phân tâm, thì việc viết văn của tôi là do nhu cầu nội tâm. Có thể liệt tôi vào loại rất xúc cảm (émotif), nhạy cảm, tình cảm, đa cảm, còn hiếu sắc, hiếu đẹp, hiếu khoái lạc, và phần nào lờ đờ (apathique) biếng nhác và thiếu ý chí. Và vì cũng cho vào hạng *hướng nội* (introverti), nên có khuynh hướng rút lui về mình, hướng về tư duy hơn là hoạt động, chịu ức chế và áp chế, đến nỗi chấp nhận đau đớn, và tìm khoái lạc cho đau khổ thật sự hay tưởng tượng, của mình, nhưng vì theo luật thừa trừ hay bù đắp, lại có thôi thúc nghịch, sự tháo gỡ hay bùng ra, và nếu khi cuốn vào bên trong quá lâu, quá nhiều, quá căng, thì sự bung ra có mãnh lực gia bội. Cũng may, là nhờ giáo dục, nhờ kinh nghiệm qua cuộc sống và qua học hỏi, nhờ ý thức về tư ngã, việc giải tỏa những gì đè nặng nội tâm, thay vì tán loạn, vô ích và tác hại, có được phương hướng, lúc đầu chưa có gì hướng thượng, mà cốt xác nhận cái "riêng" của mình, và thỏa mãn những đòi hỏi đương nhiên của tánh tình bẩm sinh. Tất nhiên không ai có thể, vì chủ quan luôn luôn chi phối, tự biết mình đầy đủ được. Dù có học tâm lý học hay phân tâm học (vì nghề nghiệp: dạy Triết) tôi cũng không thể, dù với thành thật bao nhiêu, tìm hiểu mình một cách đúng đắn. Tôi đã có lần nhờ nhà chuyên môn phân tâm ở Pháp giúp đỡ, sau đó tôi dựa vào những phản ứng của những người chung quanh, những lời trách móc, phê phán, để luôn luôn điều chỉnh những dữ kiện và xác định *tọa độ* (coordonnées) tâm lý của mình. Xin lỗi. Tôi trở về thực tại. Chả lẽ tôi khơi đầy một bản kê khai lý lịch siêu hình để lòe với anh sao? Tôi muốn giải đáp thắc mắc của anh về chuyện tôi viết văn. Có thể nói nôm na, là tôi cần đuổi con "ma" ở bên trong ra ngoài, diễn tả thế giới mộng mơ của mình, phá vỡ tình trạng cô đơn của mình, dù lời của mình không có tiếng đáp (danh từ *ngôn ngữ* có hai phần: nói và đáp), nhưng đó là vì mặc cảm tự ty hay còn nghi ngờ về tư ngã mà nói thế, nhưng trong thật tế, nếu ta có ngôn ngữ (không chỉ là tiếng Tàu, tiếng Tây, mà cả hội họa, âm nhạc, hành vi, hoạt động... cũng là những ngôn ngữ), nếu ta biết sử dụng đúng quy phạm, thì tất nhiên có tiếng đáp. Kinh nghiệm bản thân cho thấy, những gì tôi muốn nói, dù cho tuế toái, dù cho bí hiểm, vẫn có, nếu không nhiều cũng được một vài tiếng vang. Tôi xem lời chê bai, tức giận hay mắng chửi cũng là một lời đáp, tôi dùng những ngôn ngữ để biểu lộ những cảm xúc, mong ước, vân vân cốt để tìm lại cân bình, hay hòa điệu của tâm hồn, cái mà kinh Dịch gói gắm trong chữ *trinh*.

5. Hỏi: *Sự nghiệp Hướng Đạo: xin cho rõ nhiều tài liệu càng nhiều càng tốt.*

Quyển **Câu Chuyện Hướng Đạo** (những trưởng Hướng đạo ở Washington, DC, hình như có phổ biến một CD với quyển ấy làm nội dung. Nếu có dịp, anh tìm xem để khỏi mang thêm giấy nặng). Tập **Thầy chúng tôi** do bộ tộc BH Khánh Hòa thực hiện gần đây cũng có thể cho anh vài ý về vấn đề được nêu. Đó là để đáp ý muốn "càng nhiều càng tốt". Còn nếu chỉ cần một "sơ yếu lý lịch HĐ", thì đây:

1936 - Tuyên hứa — Dự khóa huấn luyện Trưởng của Trưởng EDF Pháp André Lefèvre tổ chức tại Dalat hè 1936, ở cạnh hồ Than Thở, nơi đồi sau nầy có Trại Huấn luyện Quốc gia của HTHĐ, có tên là Tùng Nguyên.

1938 - Ủy viên Đạo trưởng Đạo Nam Trung Phần, gồm các Liên đoàn các tỉnh Khánh hòa, Ninh thuận, Bình thuận và cả Banmethuot.

1938 - Bằng Bạch Mã Thiếu Trưởng — Khóa trưởng, Raymond Schlemmer SDF.

1940 - Lên đường

— Bằng Bạch Mã — Tráng trưởng — Khóa trưởng. Tạ Quang Bửu.

— Bằng Rừng — Tráng (Badge de Bois — Route) — Tạ Quang Bửu, DCC.

1942 - Hội nghị Huynh trưởng Hướng Đạo Trung Kỳ, Huế.

1944 - Khóa trưởng Khóa Thiếu, Bạch Mã

Phó Trại trưởng Trại Họp Bạn Tráng Sinh — Bảy Miễu Nha Trang.

Nghỉ hoạt động cho đến năm 1955.

1955 - Huấn luyện viên Khóa Trại Hồi Nguyên Bảo Lộc — theo yêu cầu của Tr. Mai Liệu.

1956 - Được mời vào Bộ Tổng Ủy viên Hội Hướng Đạo Việt Nam, 18 Bùi Chu, Saigon. Hội trưởng: Trần văn Thân — TUV: Tôn thất Dương Vân.

1957 - Bằng Rừng Wood Badge - Scouts — Trại Gilwell, Anh quốc — Trại trưởng: John Thurrian — Khóa trưởng: A. Wingrove.

Họp Bạn Liên Hoan JIM (Jamboree - Indaba - Moot) 1957 Jubilee, Sutton Colfield, Anh quốc.

Đại diện HĐ VN tại Hội nghị HĐ Thế Giới Cambridge, Anh quốc.

Được phong Deputy Camp Chief of Gilwell, Phụ tá trại trưởng Gilwell cho Hướng Đạo Việt Nam.

1959 - Phó trại trưởng Trại Họp Bạn Phục Hưng, Trảng Bom, Việt Nam.

1958-60 Đại diện HĐ VN tại các Hội nghị Quốc tế và Vùng của HĐ Thế Giới, tại New Delhi, Ấn Độ, Rangoon, Miến Điện, Bagujo, Phi Luật Tân.

1956-1963- Ủy viên Huấn Luyện kiêm Trại trưởng trại huấn luyện huynh trưởng (Tùng Nguyên) của Hội HĐ VN.

Từ 1963 đến nay (1997): nghỉ chơi, không còn chức vụ hay nhiệm vụ nào trong Hội Hướng Đạo Việt Nam nữa.

*

Trong thư của anh, có câu kết thúc: *Tóm lại ba phạm vi giáo dục, viết văn, hướng đạo, đều có thể là đề tài hay cả...*

Thưa phải, một cuộc đời có thể tóm tắt nơi ba mục tiêu hay đề tài: dạy học, viết văn, và sống theo ba chiều hướng của lý tưởng HĐ: xây dựng nhân vị, giúp ích cộng đồng và hướng thượng. Vào lúc xế chiều, gần tới đỉnh cửu tuần, ngoảnh lại nhìn con đường đã đi, tôi mừng đã được may mắn, với sự giúp của những thầy, những bạn, những người thân trong gia đình, và hết sức thành thật mà nói, chẳng chút chua chát hay oán hận gì, tôi còn có được, ngay cho đến phút viết mấy chữ nầy, với sự giúp đỡ gián tiếp và bất ngờ của những kẻ nầy kẻ nọ, với lý do chính đáng hay không chính đáng, ghét cay ghét đắng tôi, muốn thủ tiêu thể xác, hay muốn xóa bỏ tên tuổi hay hình ảnh, hay bôi bẩn trên đó... với sự giúp đỡ như vậy, tôi mừng đã tìm trong mọi phạm vi hoạt động một cái vui vô biên chọn đúng đường đi, mừng đã chọn những việc làm, hợp với tánh tình và khả năng, theo phương châm của HĐ mà tôi đón nhận từ năm 1936: **gắng sức sắp sẵn giúp ích**, và từ năm 1940, với tin tưởng vững chắc nơi Tình Thương *(Deus = Caritas)*, là con đường, là chân lý, là sự sống. Cái vui tinh thần ấy, hay cái thành công theo ngôn ngữ của BP *(Rovering to success)* đồng nghĩa với hạnh phúc, tôi không tiếc gì mà không chia sẻ với những bạn trẻ cũng khao khát điều đó. Tuy tôi thường nhắc đi nhắc lại cho tôi, và cho các bạn trẻ của tôi, nguyên lý đầu tiên của Descartes đặt ra cho ông ta để tư duy cho đúng: Trước tiên là không bao giờ chấp nhận, cho là đúng, là đích thực, là chân lý, một ý gì, bất cứ từ đâu đến, mà chính tôi, sau khi suy xét thử nghiệm, không cho là đúng, là đích thực, là chân lý, và nếu trái lại khi chấp nhận được là đúng, từ đây, xem ý tưởng đó cũng như là của mình. Tôi xem từ chối "vú cả lấp miệng em", hay nguyên tắc uy quyền, không phải là thái độ cường lương, hỗn láo, mà sự tôn thờ chân lý một cách tuyệt đối. Một mặt tôi cố tránh làm vẻ "thầy đời" (tuy có khi đối với vài bạn thân tôi đã làm thầy rùa "miễn phí"), một mặt tôi không bao giờ quên điều luật thứ 11, bất

thành văn, của HĐ, cũng như tôi mãi mãi nhớ câu khuyên của Kinh Thánh: *Đừng ném hạt trai cho những heo con..* Một nhân vật trong truyện **Kẻ thừa tự của Ông Nam Hải**, không từng có kinh nghiệm đáng buồn là đã dài giòng tâm sự với một người sau rồi mới biết là điếc, hay sao.

Những nguyên tắc dựa theo đó để sống, cũng như những nguyên tắc để tư duy, tương đồng với những quy tắc để viết.. Thờ phụng sự thật, chứng nhân của sự thật, truyền bá sự thật đòi hỏi ít nhiều can đảm, ít nhiều tánh khí, đi đôi với ít nhiều hy sinh. Chống đối lại sự dối trá, chống lại bịp bợm và giả tạo, tôn trọng người chân tu và không lầm về những áo cà sa, như trong ngụ ngôn của La Fontaine "Con lừa chở thánh tích" *(L'âne chargé de reliques)*, người ta quỳ lạy thánh tích khi thánh tích đi ngang, người ta không phải thờ bái những con lừa. Tôi nhất định quay lưng với văn minh *bao bì, mẫu mã (civilisation de l'emballage)*, văn minh của vô thường, và nhất mực đặt công lý và tình thương lên trên mọi quyền lợi vật chất, kể cả ngai vàng trần thế. Lý tưởng vẫn là lý tưởng của những người đời xưa đã có. Tôi theo thuyết hay lý tưởng *tam vô* như họ, và tôi thấy con người nhẹ nhàng khoan khoái. *Chí nhân vô kỷ, thần nhân vô công, thánh nhân vô danh. Vô kỷ, vô công, vô danh.* Không biết có mình, không biết có công, không biết có danh. Và như thế, ở trong cảnh ngộ nào, ở dưới chế độ nào, ta chẳng còn biết sợ gì, sợ ai. Ta phải gắng sức tự giải phóng khỏi những xiềng xích, các thôi thúc, dục vọng, đam mê, thường hay trói buộc người, làm người trở thành máy móc, công cụ, nô bộc, không còn là một nhân vị nữa, mà nhân vị phải là con người đầy đủ, con người tự do.

Dạy trẻ, giúp trẻ, đối với tôi chẳng phải vì lợi danh, mà trước tiên để chia sẻ những gì mình có. Viết văn cũng là một hình thức tiếp nối công việc san sẻ *(souci de partage)* hiến dâng như dạy học. Nghề dạy học của tôi giúp tôi có cơm ăn. Và khi tôi có cơm ăn, tôi mới viết sách. Tôi không viết sách để kiếm cơm hay để làm giàu.

Có điều ngộ nghĩnh đáng ghi nhận là tình cờ hai việc dạy học và viết văn của tôi đã giúp đỡ lẫn nhau (không chỉ về mặt tinh thần hay tri thức, mà ngay trong thực tế tầm thường). Tôi nhờ dạy học mới có thì giờ và tâm trí để trả "nợ văn chương". Nhưng ngược lại, chính trò chơi viết lách của tôi lại giúp tôi tiến thân một cách dễ dàng trong sự nghiệp dạy học của tôi. Tôi chẳng có bằng Tú Tài, nhưng dạy những lớp thi Tú Tài và được cử đi chấm thi Tú Tài, Nha Trang, Huế, Saigon. Tôi được miễn xuất trình bằng Cử nhân (có đâu mà xuất trình) để được bổ nhiệm làm Hiệu trưởng một trường trung học đệ nhị cấp. Không ai hỏi bằng Tiến sĩ của tôi để mời tôi dạy ở Đại học hay chấm thi (về Pháp văn) cho thí sinh Tiến sĩ đệ tam cấp. Trên những giấy tờ chính thức, khi liệt kê tên tôi, nơi mục bằng cấp, thay vì đề không, họ có khi viết "học giả" hay "văn sĩ". Như vậy, sách vở của tôi đã giúp tôi thăng tiến trong nghề dạy học. Năm 1974, trường Đại học Duyên hải đã không ngần ngại ra chỉ thị cho tôi đến nhận áo mão khoa bảng để mặc vào trong dịp Lễ Tốt nghiệp của sinh viên Đại học. Và tôi cũng không biết mắc cỡ khi mang hia đội mũ, mà tôi xem như là để diễn tuồng cải lương Hồ Quảng. Tôi vẫn tiếp tục đóng kịch, và tôi không lầm sân khấu với thế giới thật, tôi không lầm thực với hư. Dạy chỉ là một khâu trong một trò chơi mà tôi tự nguyện nhảy vào chơi. Đừng quá khắt khe và bất công khi cho tôi chỉ là thứ lừa gạt, bịp bợm, thứ hàng "giả mạo". Thực sự, xưa nay, tôi **không khi nào xin dạy hay xin một ân huệ nào của ai cả.** Cho đến gần đây, việc tôi vào dạy trường Cao đẳng Sư phạm cũng không phải do sự cầu xin của tôi, hay một chiếu cố của ai ban để tôi xóa đói giảm nghèo. Mà chỉ là vì yêu cầu của thực tại.

Trở lại việc viết lách, tôi viết, nhưng không hề **lách.** Tôi tự xét chưa bao giờ có khả năng viết những thứ văn thơ cung đình, hay chạy theo thị hiếu của người che chở, hoặc thị hiếu của đám đông mua sách. *Một nhà văn không phải là một người bán hàng hóa.* Tôi chẳng cần gì rao hàng và nịnh khách. Trong bài tựa truyện **Thái Huyền** (NXB Đại Nam, Glendale, Cali, Hoa Kỳ), tôi đã nói thật như vậy. Có người đọc hai phần ba quyển sách chẳng hiểu gì cả. Tôi nói cần gì phải đọc nhiều như thế, đọc hai ba trang là đủ chán rồi. Khi ta vặn máy radio, ta bực tức vì chẳng nghe gì cả, mà không biết là ta vặn không đúng tần số. Người đọc không hiểu gì hết chỉ vì không ở cùng một tần số. Ta biết ý nghĩa

một quyển sách (hay một đoạn văn là công trình của cả người viết và người đọc. Mà vì thế từ lớp một cho đến lớp chót người đã dạy đọc, và hiểu. Một độc giả tất nhiên phải là người đã có học đọc học hiểu một bản văn. Một tiếng vỗ tay cần có hai tay. Ta lấy một tay vỗ nơi đùi, nơi bụng, hay nơi khác, không nên nói là ta vỗ tay. Thứ chuyện trẻ con như thế (như ngụ ngôn con khỉ cắn cam cả vỏ, thấy the, liền vứt đi...) phải lập đi lập lại cho tận thế. Vì vậy tôi lại phải trở về trường, và bày cho các trẻ biết lột vỏ một câu văn, câu thơ. Nhưng bây giờ người ta không có thì giờ học, không có thì giờ làm những việc chính yếu của cuộc đời. Cái gọi là văn minh của xã hội tiêu thụ *(société de consommation)*, của thời đại số lượng, thời đại máy móc, khiến người ta không có đủ thì giờ. Có vẻ như là lạc hậu khi nói, xin lỗi, tôi phải đi nấu ăn. Thời đại nầy mà còn nấu ăn? chớ ở đất nước nầy, không có cơm hộp, bánh mì chả, hay Hamburger Mac Donald, mì ăn liền sao? Và nay mai, những thứ đó thấy cũng làm mất thì giờ, người ta sẽ chế ra thứ cơm thập cẩm, đủ chất bổ, theo tiêu chuẩn của các Hội đồng Y khoa và dinh dưỡng, rồi nghiền, rang, sấy, đâm, và làm thành những viên, rồi theo toa, đến bữa ăn, được Faculté ấn định, hốp, một viên hay hai viên thế là đủ no cho đến bữa sau. Nhưng tôi không phải là con nhà mua bán. Tôi không có làm thứ "văn ăn liền hay hiểu liền", cốt có nhiều người mua để có nhiều tiền. Tôi viết văn để nhắn gởi với ai một đôi điều, có đón nhận hay không tùy ý; nhưng tôi muốn tìm trong sự viết lách một lối giải tỏa tâm hồn hay tâm trí, và có an vui ngay trong khi tôi cầm bút. Tôi tuân theo luật của tư duy, tôi phải theo luật của ngữ pháp và cú pháp, tôi cố gắng để làm, theo châm ngôn của mấy Hướng đạo sinh "Làm gì cũng cố làm đến nơi đến chốn". Tôi làm tròn bổn phận của tôi. Còn tác phẩm hay công trình, khi công bố, để cho thiên hạ toàn quyền phê phán hay định đoạt số phận. Dạy học hay viết sách hay chơi trò chơi HĐ, đối với tôi cũng chỉ là tương đối, chỉ là những trò chơi, mặc dù là khá nghiêm chỉnh. Nhưng xét cho cùng, đời còn có những điều quan trọng hơn nữa. Điều gì? Tùy mỗi người tự khám phá lấy. Sisyphe trong huyền thoại buộc phải làm gì, buổi sáng đưa tảng đá lên núi để chiều lại, tảng đá rơi xuống chỗ cũ. Người ta nghĩ Sisyphe có thể sung sướng trong khi làm thứ việc mà người khác có thể xem là vô bổ. Nhưng Sisyphe hay đúng ra, người đã nghĩ đến huyền thoại Sisyphe, đã thấu triệt quan niệm về **đạo**, cũng là quan niệm của Lão Tử khi ngài đề cao: **Vô vi, vô vi...**

Thôi, khai lý lịch như vậy cũng đã lạm dụng sự kiên nhẫn của anh rồi. Mong những điều khai báo trên có chút ích lợi gì cho một ai. Chúc anh một năm mới *"nguyên hanh lợi trinh"*.

Ký tên: **Cung Giũ Nguyên**

*

Đoạn Kết:

Đọc đi, đọc lại thư của Gs. Cung giũ Nguyên tôi có nhiều cảm nghĩ:

1) Ông là một người cầu tiến, muốn học hỏi mãi để đạt những kết quả đẹp hơn. Ông tận dụng trí thông minh, lòng kiên nhẫn, song luôn luôn giữ lòng tự trọng, do đó lắm lúc không có thái độ dễ dãi nếu có sự vi phạm nguyên tắc.

2) Ông là một nhà giáo giỏi, thương nghề, thương học sinh, lên bục giảng là với quyết tâm làm đẹp chứ không phải làm lấy lệ.

3) Ông là một nhà văn nghệ có nhiều khả năng, tinh thần phóng khoáng, đã viết đủ loại bài bằng tiếng Việt, tiếng Pháp, tiếng Anh, đăng ở Việt Nam và hải ngoại (Pháp, Đức, Canada...).

Ngoài ra, thân hữu, môn sinh biết rõ rằng ông có nhiều khả năng nghiệp dư như bói toán, chiêm tinh gia, "thầy rùa" đoán trước khá đúng (ông dựa vào khoa học, suy luận, kinh nghiệm...)

4) Ông là một trưởng Hướng đạo giỏi, có tinh thần, có nhiều loại bằng, sinh hoạt trong đoàn trên nửa thế kỷ.

Ông người Huế, cựu học sinh trường Quốc Học, song phần lớn đời sôi động ông ở Nhatrang; âu cũng là một vinh dự cho Huế, cho trường Quốc Học; nhưng ông được dân Khánh Hòa biết nhiều hơn là dân Huế. Cho nên tôi viết bài nầy, hoài bão hy vọng các thế hệ sau, dầu ở đâu, nhất là ở Huế, biết mà kính nể một nhà trí thức có thể nói là độc đáo.

Canada, Xuân 1998

☯ *Nguyễn Hữu Thứ*

Ảnh hưởng Phật Giáo trên Văn học, Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam

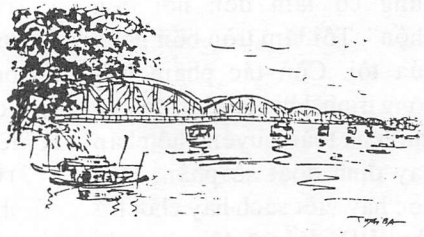

Thuyết trình của Tiến sĩ Hàn lâm Thái Văn Kiểm tại Hội trường Caillaux, Paris 13 ngày 18 tháng 10 năm 1998.

Hương Giang Thái Văn Kiểm

Văn học gồm có: **Ngôn ngữ, Văn tự, Văn phẩm, Thi ca và Mỹ thuật,** trong đó có **Âm nhạc, Hội họa** và **Kiến trúc.**

Trước hết về **Ngôn ngữ**, xin đơn cử cái chữ đầu tiên là **Phật**, viết chữ Hán là 佛, được Việt Nam hóa là **Bụt**, rút ra từ danh từ Bouddha, có nghĩa là **Biết**, người hiểu biết tất cả, thông suốt cả mọi sự việc, từ dĩ vãng tới tương lai. Cái từ ngữ chính yếu đó đã được sự truyền bá Phật giáo tới Việt Nam, qua hai ngả đường: Đường biển phía dưới theo **Tiểu thừa** (Hinayana), và đường lục địa phía trên theo **Đại thừa** (Mahayana), gặp nhau cách đây 19 thế kỷ tại **Chiêm Thành** và **Giao Chỉ**, nơi **Trung tâm Luy Lâu** (Bắc Ninh bấy giờ).

Những từ ngữ khác bằng tiếng Việt và chữ **Phạn** (sanscrit) sẽ lục tục theo sau, khá nhiều, để nhập vào để đồng hóa và phong phú hóa Việt ngữ chính thống xa xưa như:

Nước là xứ sở, do chữ Phạn *Nogara*, đọc vắn là *nok*, là nước. Chữ Nogara, đọc vắn là *Nogar* như *Poh Nogar* là Bà Chúa Xứ.

Dấp (dáng dấp: aspect, physionomie) do chữ Phạn *rupa* đọc vắn là *rúp*, là *dúp*. *Búp* (hoa) do Phạn ngữ *Bupha* là Hoa.

Sạch sẽ là do chữ Phạn *suci* mà ra.

Vài (quelques) do chữ Phạn *dvi, dva* mà ra.

No (ăn no) do chữ Phạn *purna* mà ra.

Đau (đau khổ) do chữ Phạn *dukkha* mà ra.

Hằng hà sa số: nhiều như cát sông Gange của Ấn độ.

Cửa do chữ Phạn *Kuala*, như cửa biển (embouchure, estuaire, portuaire) như Hà Tiên ngày xưa dân Miên gọi là *Kual*, người Bồ đào Nha viết là *Coal* trong các du ký, còn người Tàu nối gót Mạc Cửu và Mạc thiên Tứ thì viết là *Cảng khẩu quốc*, còn người Tây phương như Pháp thì viết là *'Royaume de Cancao'*.

Trong địa hạt **Văn tự**, qua các tôn giáo như **Phật giáo** từ Ấn Độ truyền sang và **Khổng giáo** từ Trung quốc tràn xuống, dân tộc Lạc Việt đã sớm tiếp dùng ít nhất là hai (2) thứ chữ khác nhau:

1. Thứ nhất là văn tự mà các nhà nhân chủng học gọi là **Mường ngữ**, tương tợ các thứ chữ của Miên, Lào và Thái, gốc chữ **Phạn** (sanscrit) hoặc là chữ **Pâli** còn xa xưa hơn. Người ta gọi là **Khoa đẩu văn** (văn vẽ như **đuôi nòng nọc**), mà người Pháp gọi là "écriture en queue de têtard", cũng có người gọi là chữ "cung quăng" (larves de moustique).

Để chứng minh điều này chúng ta sẽ đưa ra quyển sách *Thanh Hóa Quan Phong* mà tác giả là cụ Vương Duy Trinh, Tổng đốc Thanh Hóa, hồi đầu thế kỷ XX. Sách này trình bày Địa lý,

Nhân văn, Phong tục, Thi ca bình dân trong vùng này, xưa kia gọi là **Ái châu**, với nhiều truyện tích, ca dao, ngạn ngữ bằng tiếng Mường của người Mường mà các nhà bác học gọi là **Tiền Việt** và người Tây phương gọi là "Proto-Vietnamiens".

Nhờ sách đó mà chúng ta được biết Mường ngữ gồm có **35 chữ cái**, viết theo lối **Loan phụng khoa đẩu** như dấu chân chim loan phụng và nòng nọc, cung quăng.

Năm 1953 nhân được Chính phủ Quốc gia cử vào trấn nhậm hai tỉnh Khánh Hòa và Ninh Thuận, Nha Trang và Phan Rang, trong những lúc đi hành hạt, chúng tôi đã cố gắng học hỏi thêm các thứ ngôn ngữ Chiêm Thành và Đồng bào Thượng, phần lớn thuộc về ngôn ngữ Á-Úc (langues austro-asiatiques), mà ngữ pháp phần nhiều được sắp xếp ngược lại với ngữ pháp của Trung quốc. Nghĩa là **tính từ nằm sau danh từ (le substantif précède le qualificatif). Nói một cách khác: định từ cũng đi sau bị định từ (le déterminant suit le déterminé).**

Ví dụ như người Tàu nói: *Thanh thiên, bạch nhựt, cô nhi quả phụ*, còn người Việt-Mường và phần nhiều các dân tộc thiểu số Đông Dương thì nói: *Trời xanh, ngày trắng, mẹ góa con côi.* Đó là những ví dụ cụ thể giúp ta phân định rõ ràng: **Người Lạc Việt và phần lớn Đồng bào thiểu số không phải là người Tàu, mà đó là những sắc dân trong Đại tộc Bách Việt**, theo đúng truyền thuyết **Trăm trứng** (100) sinh nở ra **Trăm con** đã rải rác đồng đều trên lãnh thổ và các quần đảo khắp vùng Đông Nam Á.

Trong những chuyến "Thăm dân cho biết sự tình", theo lời nói bất hủ của ký giả khả kính Vũ Bằng, tôi có để ý ba việc:

1. là danh từ kép "Khoa đẩu văn" có ghi khắc trên một tấm bia đá dựng nơi Đền Tháp Poh Ino Nogar ở Nha Trang, do cụ Phan thanh Giản biên soạn Hán tự năm 1856 (Tự Đức năm thứ 9) kể rõ sự tích của Thiên Y Ana Thánh mẫu, vết tích rõ ràng và "rành rành như canh lá hẹ".

Ấy thế mà có một giáo sư Pháp, rất giỏi Hán văn và nói rành tiếng Việt cứ nói ép với tôi rằng chữ Tàu là "Khoa đẩu văn" đó, vì chữ Tàu cũng có hình dáng "đuôi nòng nọc"! Tôi đành ngậm mà nghe, vì tôi đang thi cử với lều chõng nghênh ngang, không tiện "đương dương Trường Bản".

2. là lúc lên Cao nguyên, theo dấu chân Nguyễn Nhạc và Nguyễn Huệ ở làng An Tây, nơi giáp giới Bình Định và Pleiku, xuyên qua nhiều sông ngòi và đèo cao, rừng rậm, tôi đã tìm thấy sắc tộc **Cà Lơ** (Khả Lũ) chuyên dùng cách đếm bằng những sợi giây nhiều màu, có làm *gút nút* giống như *kipu* của các sắc dân Maya và Astèque miền Trung Mỹ và Nam Mỹ thời tiền Kha Luân Bố (Amérique pré-colombienne).

3. là Dân Cao nguyên thiểu số ưa dùng danh từ *Poh* có nghĩa là Lãnh chúa, là Vua, cũng giống như người Việt và người Mường vùng Bắc Trường Sơn và cả vùng Bình-Trị-Thiên ưa dùng chữ *Bua* trong danh từ kép *việc bua quan*, tức là việc *vua quan*, việc hành chánh, tương đối với việc dân gian, việc dân dã.

Và đây là **Phụ man mẫu tự tam thập ngũ tự**

(Trích sách "Thanh Hóa Quan Phong" của Vương Duy Trinh)

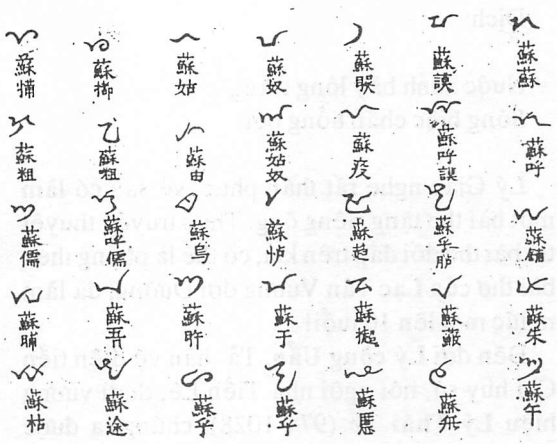

Sau Ngôn ngữ và Văn tự, chúng ta hãy bàn đến **Thi văn** của nước ta xuyên qua Phật giáo đã truyền sang từ những thế kỷ đầu tiên của Lịch đại quốc tế. **Bài thơ tiên khởi của nền Văn chương Việt Nam là của một nhà sư tên Đỗ Pháp Thuận**, sinh năm 915 và mất năm 990. Ông sống vào thời kỳ Lê đại Hành (980-1005), là một nhà sư thuộc thế hệ thứ 10 **dòng Thiền Nam phương**. Nhờ kiến thức rộng, giỏi thi văn và tích cực khuông phò nhà Tiền Lê, nên được vua Lê đại Hành phong đến chức **Pháp sư**. Cùng với nhà sư **Khuông Việt**, ông đã giữ chức Cố vấn dưới triều Tiền Lê, và có lần

được cử đi tiếp đón sứ giả nhà Tống là **Lý Giác**. Với tài ứng đối của mình, ông đã làm cho Lý Giác ngạc nhiên, kính phục.

Theo sách *Thiền Uyển Tập Anh* và *Đại Việt Sử Ký* thì trong cuộc tiếp đón này, sư Pháp Thuận đóng vai người lái đò. Trên con đường sông nước dẫn vào Kinh thành Đại La, Lý Giác thấy hai con ngỗng bơi lội trên mặt nước, bèn ngâm rằng:

Nga nga! Lưỡng nga nga,
Ngưỡng diện hướng thiên nha.

Dịch:
Ngỗng kia! Ngỗng một đôi,
Nghển cổ nhìn chân trời.

Ông đang cầm chèo, liền ngâm tiếp theo ngay:

Bạch mao phô lục thủy
Hồng trạo bãi thanh ba.

Dịch:

Nước xanh bày lông trắng
Sóng biếc chân hồng bơi.

Lý Giác nghe rất thán phục, về sau có làm một bài thơ tặng riêng ông. Theo truyền thuyết thì bài thơ đối đáp trên kia, có thể là phỏng theo bài thơ của Lạc Tân Vương đời Đường, đã làm ra lúc mới lên 10 tuổi!

Đến đời **Lý công Uẩn**, Tả thân vệ điện tiền Chỉ huy sứ, nối ngôi nhà Tiền Lê, dưới vương hiệu **Lý Thái Tổ** (974-1028), chúng ta được thêm một bản văn lịch sử là *Chiếu dời đô* từ Đại La ra Thăng Long, do sự khuyến khích của đại thần Đào Cam Mộc và nhà sư **Nguyễn Vạn Hạnh** (?-1018). Trong bài chiếu ấy có câu:

... Huống gì thành Đại La, kinh đô cũ của Cao Vương, ở vào nơi trung tâm trời đất, được cái thế rồng cuộn hổ ngồi. Đã đúng ngôi Nam Bắc Đông Tây, đã tiện hướng nhìn sông dựa núi. Địa thế rộng mà bằng, đất đai cao mà thoáng. Dân cư khỏi chịu cảnh khốn khổ ngập lụt, muôn vật cũng rất mực phong phú tốt tươi. **Xem khắp đất Việt ta, chỉ nơi này là thắng địa. Thật là chốn tụ hội trọng yếu của bốn phương đất nước, cũng là nơi kinh đô bậc nhất của Đế vương muôn đời!**

Trong **Văn chương**, ảnh hưởng của Phật giáo lại càng thấy rõ hơn nữa. Thi phẩm *Cung Oán Ngâm Khúc* của Ôn Như Hầu chịu ảnh hưởng Phật giáo nhiều nhất, như ta thấy trong những câu thơ sau đây:

Tuồng hoãn hóa đã bày ra đấy,
Kiếp phù sinh trông thấy mà đau.
....
Thà mượn thú tiêu dao cửa Phật
Mối thất tình quyết dứt cho xong,

Còn ảnh hưởng **Lão giáo**, ta tìm thấy trong thơ của Trạng Trình

Lấy gió mát trăng thanh kết nghĩa,
Mượn hoa đàm đuốc tuệ làm duyên,
Thoát trần một gót thiên nhiên,
Cái thân ngoại vật là tiên trên đời.

Nói tới kiếp phù sinh, với tình duyên dang dở, thì bà Đoàn thị Điểm, trong *Chinh Phụ Ngâm*, cũng thốt ra những lời đượm mùi Phật giáo:

Ấy loài vật tình duyên còn thế
Sao kiếp người nỡ để đó đây?
Thiếp xin về kiếp sau này:
Như chim liền cánh, như cây liền cành!

Đọc lại *Lục Vân Tiên* của Nguyễn đình Chiểu, một nhà Nho chính thống, một nhà ái quốc chân thành, ta thấy cụ Đồ Chiểu đem thơ văn mà dạy đời theo Khổng giáo. Thế mà suốt trong thi phẩm Cụ luôn luôn nhắc tới miền **Hà Khê**, là nơi xây dựng chùa Thiên Mụ bởi Chúa Nguyễn Hoàng, vào năm 1601 trên hữu ngạn sông Hương thơm hương sen và hoa rễ Thạch xương bồ (gramineus acoorus).

Từ Gia Định, Nhà Bè nước chảy chia hai, Nguyễn đình Chiểu đã đi ghe ra tận Thần kinh Huế năm 1848, ở lại miền **Hà Khê** để chờ thi. Bất ngờ được tin mẹ mất, Cụ phải lập tức khăn gói lên đường. Nhưng, phúc bất trùng lai, họa vô đơn chí, dọc đường bị bệnh lại thêm buồn thảm vì mất mẹ mà than khóc đến mù lòa, Cụ Đồ Chiểu đã để lại những vần thơ tuyệt tác, trong đó Cụ không quên nhắc tới miền Hà Khê, non xanh nước biếc, điện ngọc chùa vàng, như sau:

Thưa rằng: Tôi Kiều Nguyệt Nga

Người này tì tất tên là Kim Liên,
Quê nhà ở tận Tây Xuyên,
Cha làm tri-phủ ở miền Hà-Khê.
. . . . .
Hà-Khê qua đó cũng gần,
Xin theo cùng thiếp đền ân cho chàng.
. . . .
Đoạn này đến thứ Nguyệt Nga,
Hà-Khê phủ ấy theo cha học hành.
. . . . .
Kim Liên ơi hỡi Kim Liên,
Đẩy xe cho chị qua miền Hà-Khê.

Cụ Đồ Chiểu, trong cơn nguy biến, luôn luôn **khấn vái Trời Phật**, trên đường về Gia Định:

Thỉnh ông Phật tổ A Di,
Thập phương chư Phật phụ trì giúp công.

Và đây là một nhận xét sâu sắc của Cụ về hiện trạng bên ngoài không đúng với thực trạng và giá trị tuyệt đối của bên trong, ít ai trông thấy, cũng như cái **hoa Ưu đàm**, màu hồng, núp kín trong quả bồ đề vậy:

Trực rằng: Chùa rách Phật vàng
Ai hay trong quán ẩn tàng Kinh luân.

Kinh luân đây là 3 bộ Kinh Đại Tạng: *Kinh Tạng, Kinh Luận* và *Kinh Luật*, tức là *Tam Tạng* (Tripitaka, Trois Corbeilles) mà **Thầy Đường Huyền Trang** đã thỉnh từ Thiên Trúc về chùa Từ Ân, ở Trường An, trong năm 645.

Thầy **Huyền Trang** đã rời Trung quốc hồi tháng 6 năm 629 và Tây du 15 năm, xuyên qua các nước Trung Á, vòng quanh Hy Mã Lạp Sơn để đi vào Thiên Trúc tìm kiếm vết tích của Phật Thích Ca và thỉnh *Kinh Đại Tạng* về nước vào tháng 4 năm 645. Thầy đã đem về 657 quyển Kinh, viết bằng chữ Phạn. Ngoài ra, Thầy Huyền Trang còn đem rất nhiều tượng Phật bằng vàng, ngọc, gỗ thơm (giáng hương), nhiều tranh họa và 150 xá-lợi cùng những di tích chân thật của Phật. Nhiều đến nỗi phải có 20 con ngựa tốt để chuyên chở mới đủ.

Về nước rồi Thầy Huyền Trang phải tuyển nhiều học sĩ trong nước và nhiều tu sĩ thông thạo Ấn ngữ để dịch Kinh Đại Tạng ra Hán ngữ. Đồng thời, Thầy phải viết hồi ký *Tây Du Ký* dâng lên nhà vua năm 646. Từ đó, suốt 19 năm trời, Thầy phải lo việc phiên dịch Kinh, thuyết giảng đạo Phật và đào tạo cán bộ truyền giáo khắp nơi. Ngày 6 tháng 2 năm 664, Thầy viên tịch, lên thẳng **Niết Bàn** là nơi chấm dứt hoàn toàn mọi sự truyền kiếp (samsara).

Nói về Kinh Phật, chúng ta cần biết rằng: Nguyên đầu thế kỷ thứ I Công nguyên, **một Đại hội Phật giáo nguyên thủy** đã được tổ chức tại **Tích Lan**, do sáng kiến của những bậc kỳ cựu (Thera). Trước đó, tu sĩ Mahinda, em **vua A Dục** (Acoka), đã đem vào trồng nơi đảo Tích Lan một nhánh bồ đề chiết từ cây mẹ mọc tại **Bodh-Gaya**, nơi hạ lưu sông Hằng Hà, xứ Bihar. Đại hội nói trên họp ở Tịnh xá Alu-Vihara, châu thành Matale, đã quyết định biên chép lại toàn bộ Giáo-lý và cuộc đời Đức Phật, cùng các đệ tử tiên khởi. Đại hội quyết định biên chép bằng cổ phạn **Pali**, biên chép trên **lá kè** (latanier), tục gọi **lá bối**, Hán ngữ gọi là **tung-lư**. Cũng có khi chép trên vỏ cây điên điển (écorce de bouleau). Công trình biên chép kéo dài 25 năm. Những bài chép được phân chia bỏ vào ba cái giỏ lớn nên gọi là **Tam Tạng** (Trois Corbeilles, Tripitaka). Một giỏ dành riêng cho **Kinh Điển** (Sutta, Enseignement du Maitre), tức là Giáo-lý chính yếu của Đức Phật, một giỏ dành cho **Luật Lệ** (Vinaya, Discipline Règlement Intérieur) và một giỏ nữa dành cho phần **Luận Giảng** (Abhidamma, Exégéseset Commentaires Scholatiques). Cả ba loại: Kinh, Luật, Luận gọi là **Đại Tạng Kinh**, gồm trên dưới một ngàn quyển.

Di tích cơ sở soạn thảo và biên chép Đại Tạng Kinh còn trông thấy bên đường đá gồ ghề vùng rừng núi dẫn từ Kandy tới Anuradhapura, cựu thủ phủ Tích Lan.

Trong khi Ấn Độ và Tích Lan dùng **lá kè** và **vỏ điên điển** biên chép kinh kệ từ đó cho đến nhiều thế kỷ về sau, thì ở Giao Chỉ chúng ta, thủ công nghệ làm **giấy** đã lên đến trình độ khá cao. Những thương gia Tây phương và Trung quốc thời đó hay ghé lại Giao Chỉ (Cattigara) để mua nhiều phẩm vật, trong đó có giấy rất tốt, làm với vỏ cây **mật hương**, tục gọi là cây **dó**, cây **dó bấu**, tên khoa học là Aloexyllum agalochum L. Cây này về già thì sinh ra **trầm hương và kỳ nam. Trầm hương thì chìm mà kỳ nam thì nổi.**

Người Trung quốc công nhận kỹ thuật làm giấy của người Việt Giao Chỉ và Giao Châu rất tinh vi. Sách *Nam Phương Thảo Mộc Trang* của Kế Hàm viết hồi thế kỷ IV, ghi rằng *"giấy trầm hương sắc trắng, rất thơm, bỏ xuống nước không nát, trên mặt giấy có nổi vân như vẩy cá."* Nhưng vân này là do chất dầu thơm trong cây **dó bầu**, cũng có tên là **vân bầu.**

Sách *Thập Dị Ký* của Vương Gia, thế kỷ IV, viết: *"Người nước Nam dùng rong rêu làm giấy, gọi là giấy Trắc lý"*.

Sách *Đại Việt Sử Lược* của ta, thế kỷ XIII, chép *"Từ đầu thế kỷ VIII, ở ngoại thành phía tây Thăng Long có một xóm thợ thủ công chuyên làm giấy"*.

Trong chuyến về thăm kinh thành, Nguyễn Trãi (thế kỷ XV) ghi trong cuốn *Địa Dư Chí*: *"Đương thời, phường Yên Thái, làng Bưởi, chuyên làm giấy"*.

Giấy Việt Nam có thể làm với nhiều thứ cây, ngoài cây dó: cây bồ đề, cây giướng, cây thương lục (cây mết), cây dâu, cây lá gai (ramie), làm thành nhiều loại giấy: giấy bản, giấy bồi, giấy moi, giấy phén. Đẹp nhất là **giấy sắc** cung cấp cho Triều đình để viết sắc dụ ban cho thần dân và các vị Thần hoàng, cho nên có câu phương ngôn:

Tiếng đồn con gái Nghĩa đô
Quanh năm làm giấy cho Vua được nhờ.

Trong việc ấn tống Kinh Phật, Trung tâm Luy Lâu dùng thợ giỏi khắc chữ trên bản gỗ **cây thị** (plaqueminier), tên Hán Việt là **tử** mà chúng ta đọc thấy trong Truyện Kiều:

Đoái trông muôn dặm tử phần,
Hồn quê theo ngọn mây Tần xa xa.

Sở dĩ kỹ thuật làm giấy của nước ta đã phát triển mạnh từ mấy ngàn năm là nhờ ba sự kiện: lịch sử, chính trị và văn hóa. Một là việc **học chữ Hán và Nho giáo** dưới thời Bắc thuộc, hai là việc **biên chép kinh nhà Phật và sự ấn tống những kinh đó**, cần phải dùng nhiều giấy, ba là **Triều đình cần ban cấp sắc phong** cho đình thần, thân hào, nhân sĩ và các vị Thần hoàng sáng lập làng xã.

Khi nói tới đình chùa, danh lam, cổ tích nước ta, mọi người đều cảm thấy nhớ thương và quyến luyến, vì đó là công trình của tổ tiên chúng ta, rất đáng được thi ca truyền tụng.

Ví dụ như **chùa Hương Tích** ở phủ Mỹ Đức, tỉnh Hà Đông (Bắc Việt), đã được Chúa Trịnh tôn vinh là **"Nam Thiên Đệ Nhất Động"**, là ngôi chùa được ca tụng nhiều nhất trong thi ca Việt Nam.

Trước hết là **Dương Khuê** với bài *Động Hương Tích:*

Thú thiên nhiên đâu bằng Hương Tích,
Đủ thanh tao cảnh lịch trăm chiều,

Kế đến là **Vũ Phạm Hàm** với bài *Hương Sơn Phong Cảnh Ca*, mà chúng tôi sẽ trích mấy câu:

Niệm Nam Mô A Di Đà Phật
Mảng vui chơi quên mất đường xa.
Quả mơ non với nước mơ già,
Trông chân cảnh nhìn ra chân vị.
.....

Rồi đến **Chu Mạnh Trinh** cũng cảm hứng với *Hương Sơn Phong Cảnh:*

Bầu Trời cảnh Bụt,
Thú Hương Sơn ao ước bấy lâu nay!
Kìa non non, nước nước, mây mây,
"Đệ nhất động" hỏi rằng đây có phải?
.....

Đến thời lãng mạn cận kim, chúng ta thấy xuất hiện nhà thơ **Nguyễn nhược Pháp**, con của văn hào Nguyễn văn Vĩnh, rất xuất sắc và tự nhiên trong bài *Chùa Hương*, mà chúng tôi xin trích vài đoạn sau đây:

Hôm nay đi chùa Hương,

Hoa cỏ mờ hơi sương,
Cùng thầy me em dậy,
Em vấn đầu soi gương.
Thuyền đi, bến Đục qua,
Mỗi lúc gặp người ra,
Thẹn thùng em không nói:
"Nam Mô A Di Đà"
Mẹ bảo đường còn lâu
Cứ vừa đi ta cầu:
Quan Thế Âm Bồ Tát,
Là tha hồ đi mau!
Ngun ngút khói hương vàng
Say trong giấc mơ màng,
Em cầu xin Trời Phật:
Sao cho em lấy chàng!

Ở ngoài Huế xưa kia có Cụ Thảo Am Nguyễn Khoa Vi, tiên tổ của danh tướng Nguyễn Khoa Nam, thường hay làm **thơ nói lái** nhưng rất đượm mùi giáo lý nhà Phật, ví dụ như những bài thơ sau đây:

Ngày kia Thảo Am lên chùa, có nhiều bạn thi văn yêu cầu làm một bài thơ vịnh cảnh Chùa mà hạn có 4 chữ: Huyền, Sắc, Nặng, Hỏi tại mỗi đầu câu có thứ tự.

THẢO AM ĐỀ THƠ

Huyền diệu trông lên cửa Đạo thuyền,
Sắc Không khôn rõ thấu căn nguyên,
Nặng nề nghiệp chướng e chưa hết,
Hỏi mấy ai đà có Thiện duyên?

Sau đó lại có người yêu cầu Thảo Am đổi 4 chữ đầu câu ra 4 chữ A, B, C, Đ.

THẢO AM ỨNG KHẨU

A di Đà Phật muốn quy thuyền
B bết lòng tham hãy cứ nguyên
C xích cho gần nơi cửa tịnh
Đ đầu nguyện dứt mối trần duyên.

Thảo Am Nguyễn Khoa Vị
(Vĩ Dạ — Huế)

Rồi Thảo Am tiên sinh cao hứng làm thêm hai bài **thơ nói lái** nữa, khiến cho mọi người đều cảm phục tài năng quán xuyến của Cụ:

HỌA VẦN THƠ ĐI TU

Đâu là nghiệp chướng bỏ **đà lâu**
Đạo cả theo tu **đã cạo** đầu
Mõ tối chuông khuya manh **mối tỏ,**
Nâu sòng tiêu sạch mấy **nong sầu.**

*

VỊNH CẢNH TÂY ĐÌNH LÚC ĐÊM ĐÔNG

Vây đàn quanh vách dế vang đầy,
Giá lọt canh khuya **giọt** lá cây.
Tiếng nhạn kêu sương nghe **tận giếng,**
Tây đình trăng tỏ sự **tình đây.**

Bước sang địa hạt **Khoa học** và **Kỹ thuật**, chúng tôi chỉ nói sơ lược vì đề tài mênh mông như Vũ trụ, mà đã ở trong vũ trụ thì phải nghe lời răn dạy của Thi bá Nguyễn công Trứ (1778-1858) Uy Viễn Tướng Công:

Vũ trụ chi gian giai phận sự,
Nam nhi đáo thử thị hào hùng.

Và đó là lời nhắn nhủ của Cụ Uy Viễn đối với các thế hệ chuyên gia và kỹ thuật gia, lúc:

Rồng mây khi gặp hội ưa duyên,
Đem quách cả sở tồn làm sở dụng,
Trong lương miếu ra tài lương đống,
Ngoài biên thùy rạch mũi can tương.
Sĩ làm cho bách thế lưu phương
Trước là sĩ sau là khanh tướng.

Theo lời dạy của Đức Phật thì Vũ trụ gồm có **Ba ngàn thế giới**, nghĩa vô cùng tận và hằng hà sa số, không thể nào đo lường được. Cũng như bên phía Ki-Tô giáo tin rằng: *"Những con đường của Thượng đế không vào được"* (Les voies de Dieu sont impénétrables), khiến cho chúng ta liên tưởng đến William Shakespeare trong lời than bất hủ trong bi kịch Hamlet: *"Có biết bao là chuyện bí ẩn trên trời và dưới trần gian này, mà các người không hề suy nghĩ tới"*. (Il y a beaucoup plus de choses que vous n'auriez jamais imaginées dans le Ciel et sur la Terre!

Đồng thời, chúng ta cũng liên tưởng tới triết gia Pháp Blaise Pascal (1626-1662) đã từng giải đáp câu hỏi về **Vũ trụ vốn là một khối tròn mà trung tâm ở mọi nơi và chu vi không biết ở nơi nào?** (L'univers est une sphère dont le centre est partout et la circonférence nulle part!)

Thế là Triết lý và Khoa học Tây phương lẫn Đông phương đã gặp nhau trong nhiều trường hợp, nhờ nghiên cứu và thí nghiệm, cũng như nhờ cả trực giác (intuition), đứng trên cả lý trí!

Khi người dân Lạc Việt đúc kết trong ngôn ngữ những thành ngữ ngắn gọn (formules lapidaires) như:

Ăn năm ba hột — Nói đôi ba lời — Đi vài ba bước

hoặc nói:

Mồng năm, mười bốn, hăm ba (5-14-23):
Cả ba ngày ấy tránh ma thờ thần!

Nếu chúng ta đem ba số ấy mà so sánh với nhau, chúng ta sẽ thấy rằng: Nếu cộng lại những số kép: 1 với 4 và 2 với 3, chúng ta sẽ thấy cả 3 nhóm là 5. Suy diễn ra chúng ta mới thấy tính cách thiêng liêng của con số 5 tượng trưng cho **Tam thiên Lưỡng Địa** (Trời ba Đất hai) và **Ngũ Hành**: Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ, đúng luật **Tương sinh** (lois de Générescence).

Từ ngàn xưa, dân Lạc Việt đã biết nhờ linh tính và trực giác mà ngừng lại nơi số thiêng liêng **23**, là vì nó trùng hợp với **số 23 đôi vòng xoắn nhiễm thể** (23 paires hélicoidales de chromosomes) mà đấng Tạo Hóa đã tạo ra cơ thể con người, theo một "chương trình" mầu nhiệm mà họ đang khám phá với Khoa học thực tiễn.

Sau hết, khi nói tới Phật giáo trong **Nhân văn**, chúng ta không thể quên thi bá **Nguyễn Du** và *Truyện Kiều*, một thi phẩm trường ca vô tiền khoáng hậu, dài 3.254 câu, mà nhiều câu đượm mùi Phật giáo:

Thiện căn ở tại lòng ta,
Chữ Tâm kia mới bằng ba chữ Tài.
.....
Sư rằng: họa phúc đạo Trời,
Cội nguồn cũng ở lòng người mà ra.
Có Trời mà cũng có ta,
Tu là cội phúc, tình là giây oan!

Và hết thảy chúng ta, trong những trường hợp tương đối nghiêm trọng, ai mà không **cầu Trời khấn Phật** trên đường đời, vì hy vọng với Mãn Giác Thiền sư (1052-1096) rằng:

Đừng tưởng xuân tàn hoa rụng hết,
Đêm qua sân trước một cành mai!

Trải qua mấy nghìn năm lịch sử, Liên tộc Bách Việt nói chung và Đại tộc Lạc Việt nói riêng đã khéo léo dung hòa bốn hệ thống Giáo lý và Tư tưởng lớn: **Duy tâm** của Bắc phương, **Duy lý** của Tây phương, **Duy thần** của Ấn phương và **Duy việt** của Nam phương, để kết tạo thành một nền văn minh quân bình và đa diện gồm đủ: Idéalisme, Spiritualisme, Rationalisme, và Vietnamisme, hun đúc thành một **Nhân Bản Chủ Thuyết**, trong đó phần linh hồn và đạo lý (homo sapiens) phải đứng trên phần vật chất (homo faber), đồng thời phải dung hợp với **Khoa Học, Kỹ Thuật** và **Mỹ Thuật**. Dám mong quý vị vui lòng thông cảm với điều nhắn nhủ của Tiên Điền Nguyễn Du trong Kim Vân Kiều thấm nhuần Phật giáo:

Khi thương Trời cũng chiều người,
Nhẹ nhàng nợ trước, đền bù duyên sau!

Paris 18-10-98

☯ ***Hương-Giang Thái văn Kiểm***

TIẾC THƯƠNG HOÀNG ĐẾ BẢO ĐẠI

Kính dâng hương linh Thánh Thượng

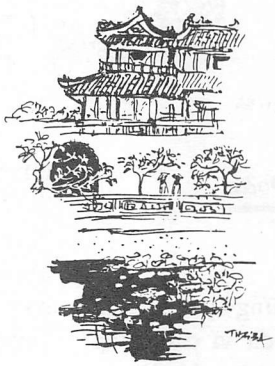

Than ôi, Thánh Thượng băng hà!
Toàn dân trăm họ xót xa, não nùng!
Từ loan-xa biệt hoàng cung,
Đã bao năm tháng mịt mùng cố hương!

Lòng thương lê thứ vấn vương
Giang sơn máu lửa, đoạn trường thêm đau!
Đèn khuya, bào gấm nát nhầu,
Đọc trang quốc sử, canh thâu não nề.
Đắn đo nửa ở nửa về,
Vung gươm, may cũng đôi bề "lai sinh".
Ngại khi đại sự bất thành,
Càng thêm thảm hại dân tình, sinh linh.
Đành cam đau khổ riêng mình,
Quyết tâm "thủ khẩu như bình" nơi đây!

Rồng thiêng ẩn bóng trời Tây,
Chứng minh nhật nguyệt đêm ngày sáng soi!
Mệnh trời đến thế thì thôi,
Cung son, điện quế, cao ngôi chẳng màng.
Miễn là quốc thái, dân an,
Cành vàng, lá ngọc gian nan cũng liều!

Hỡi ơi, chúa thượng, cô liêu!
Đế vương cam chịu trăm điều thê lương!
Âm thầm đất khách, tha phương,
Để chua, để xót, dòng Hương lệ trào!
Mây nhàu non Ngự, Nam Giao,
Bốn phương thần tử nghẹn ngào xót thương!

Quê nghèo oan khổ, nhiễu nhương,
Càng thêm nát ruột quân vương xa vời!
Tiếc thay, vận số, thế thời
Làm sao lấp biển, vá trời, tay không?

Ngậm ngùi nhớ bóng hoàng-long,
Than ôi, chín bệ, cửu trùng, còn đâu!
Tan tành, rã ngọc, rời châu,
Sầu dâng tám hướng, úa màu cỏ hoa.
Tiếc thương Thiên Tử nhân hòa,
Thương dân nhớ nước, xa nhà bao năm!

Chừ đây Đông-hải lặng tăm,
Trời Nam bặt dấu! Khôn cầm lệ rơi!
Hồn thiêng thánh thượng về trời,
Thần dân thương tiếc, nghẹn lời tiếc thương!

Paris (Phật tự Vincennes) ngày 05/10/97
Hồ Trọng Khôi kính bút

Bài thơ này được nghệ sĩ Diệu Khánh diễn ngâm trong buổi lễ cầu siêu 49 ngày Hoàng Đế Bảo Đại băng hà, trước một số đồng bào, quan khách, thân hào nhân sĩ thật đông đúc (tại Phật tự Vincennes-Paris, chiều Chủ nhật 5/10/97).

CƠM ÂM PHỦ

Trần Kiêm Đoàn

Có những bước lỡ chân quá đà vì cao hứng, hay những lúc làm ra vẻ lịch lãm về một điều mà thực ra, mình chưa bao giờ nếm thử... để rồi, ba bốn chục năm sau, nằm vắt tay lên trán, hồi tưởng lại còn cảm thấy "ốt dột" đến cong người. Cái "ốt dột chưa tề" của Huế không nặng nề như cảm giác "xấu hổ" của miền Bắc; cũng không nhẹ nhàng như nỗi "mắc cỡ" của miền Nam, nhưng nó lại tê tê, buồn buồn, nhồn nhột, ray rứt với một cảm giác mất mát mơ hồ vào cả trong giấc ngủ.

Một cảm giác "ốt dột" nhẹ nhàng nhưng lại đeo đẳng lâu nhất trong đời tôi đã bắt nguồn từ lần đầu tiên đi ăn cơm âm phủ. Đó cũng là lần đầu tiên tôi cầm được món tiền học bổng ba tháng đầu năm của đời sinh viên sư phạm Huế với cảm giác lên hương, xu hào rủng rỉnh. Đã có chút "phú quý" rồi thì cứ thế mà sinh ra lễ nghĩa. Xin tạm giã từ quán cơm Xã Hội và quán cơm Sinh Viên năm ba đồng một bữa để tận hưởng phong vị cao sang "vào trong phong nhã ra ngoài hào hoa". Tôi hạ quyết tâm đi ăn cơm âm phủ và không quên mời giai nhân cùng chia xẻ "vinh hoa". Tôi cẩn trọng đạt lời mời tới cô em ban C Đồng Khánh ở cửa Đông Ba trước cả tuần lễ. Dĩ nhiên là cô em cũng ra chiều cảm động, chớp chớp đôi mắt ướt và ửng hồng đôi má nhỏ nhẻ nhận lời.

Đến hẹn, tôi hiên ngang tiến về phía sân vận động Tự Do, loay hoay mãi mới tìm ra quán cơm Âm Phủ không biển, không hiệu, nằm khiêm tốn ở góc đường. Ở Huế trên mười năm, tôi chỉ nghe qua và đinh ninh rằng, có một loại cơm đặc biệt nào đó gọi là cơm Âm Phủ giống như bún bò Huế, mì Quảng, hủ tiếu Mỹ Tho, phở bò Hà Nội... nơi cái đất Cố Đô "đá mòn rêu nhạt" nầy. Cơm âm phủ tưởng tượng trong mớ kiến thức văn minh miệt vườn của tôi nó rất ly kỳ như kiểu *"Thịt oan cừu nướng đuốc ma trơi..."*

Khi vào quán, ngồi xuống bàn ăn, tôi còn thò tay vào túi quần sờ lại xấp giấy bạc cho chắc ăn và mỉm cười, ngó quanh một cách đầy lịch lãm. Có tiếng em bé gái hầu bàn hỏi:

— Dạ thưa o chú muốn ăn chi?

Tôi đã chuẩn bị tư tưởng sẵn sàng nên gọi hàng một cách đầy khí thế tự tin:

— Cho hai "cái" cơm Âm Phủ.

Tôi cảm thấy mình rất thông minh và khôn khéo khi dùng tiếng "cái" để khỏi xác định một loại cơm nổi tiếng mà mình chưa hề biết nó chứa trong mâm hay trên thớt, đựng trong chén hay trong tô, và nó tròn hay méo như thế nào.

Em bé hầu bàn có vẻ hơi lúng túng:

— Dạ, cơm chi ạ?

Tôi cao giọng:

— Thì cơm Âm Phủ chớ còn cơm chi nữa!

Em bé lại tỏ ra càng lúng túng hơn:

— Ợ..! Mà cơm Âm Phủ nớ là cơm chi rứa?

Tôi nổi nóng:

— Quán bán cơm Âm Phủ mà hỏi chi loạng quạng rứa hè?!

— Cô bé có vẻ lo lắng chạy biến vào trong. Lát sau ông chủ quán ra một mình hỏi lại là chúng tôi muốn ăn món cơm gì. Cơm dĩa, cơm bữa, cơm chiên thập cẩm... hay cơm gì nữa. Tôi nhắc lại mấy lần là tôi muốn ăn cơm Âm Phủ, nhưng ông ta lại cũng đớ người ra vì không hiểu. Nghe có tiếng to hơi bất thường, thằng Vĩnh Trung, dân sư phạm sử địa, cũng vừa lãnh học bổng như tôi, đang ăn đâu đó trong quán bước tới, kéo tay tôi ra ngoài, lên tiếng:

— Mi là thằng ngố quê một cục. Làm quái chi có cơm âm phủ trên trần gian nầy. Âm Phủ là tên quán ăn thôi. Họ

bán đủ thứ cơm, nào là cơm dĩa, cơm bữa, cơm sườn, cơm gà, cơm chiên... Ưa cơm chi thì cứ gọi.

Tôi thất thểu trở vào quán. Giai nhân nhìn tôi ngờ ngợ. Khí thế mười thành công lực lúc đầu giờ ỉu xìu như đã bị cao thủ phế hết nội công. Biết ăn nói làm sao bây giờ. Nguội điện. Tôi bỗng trở thành ngoan ngoãn như thằng Bờm vớ được nắm xôi, nói nho nhỏ với em bé hầu bàn còn đang chờ ở đó:

— Cơm chi cũng được.

Em bé chào khách món cơm "âm phủ" mà có lẽ từ sáng đến giờ chưa có ai kêu:

— Cơm chiên thập cẩm chú hỉ.

Cái "ốt dột" nhỏ xuống từng giọt làm cho tôi trí óc tôi bốc hơi. Tôi ngồi khêu từng hột cơm chiên, những hột cơm lặng lẽ buồn thiu như lời an ủi bâng quơ mà thâm trầm đáo để của cô em Đông Ba đang cười nụ, không biết để làm duyên hay để "nói khơm" người anh hùng lỡ vận như tôi:

— Ăn rành chưa chắc đã rành ăn!

Tôi bỗng thấy giận đời mờ mịt mà không biết giận ai.

*

Việt Nam là quê hương của cổ tích nên dường như con người, món ăn, tình cảm và tình yêu cũng đượm màu cổ tích. Trong khu rừng thần thoại đó, Huế nhỏ nhoi nhưng lại xinh xinh như chiếc hài của cô Tấm ngày xưa.

Tôi nhớ thuở đi học, lớn tồng ngồng rồi mà vẫn còn thương lịch sử hưng vong của quê hương một cách mơ mơ, màng màng như thương trái thị vàng còn thơm trong chiếc bị. Tôi làm sao quên được thầy Lê Khắc Phò khi dạy về lịch sử Pháp xâm lăng. Dáng thầy đăm chiêu, mắt thầy xa vắng và tiếng thầy trầm trầm, đứt đoạn: "... đến năm 1884, giang sơn Việt Nam đã hoàn toàn rơi vào tay quân Pháp, tổ quốc Việt Nam chỉ còn trong lòng người dân Việt!" Giọng Thầy bỗng nghẹn ngào. Thầy rút chiếc khăn mù-xoa trong túi áo ra chặm nước mắt cùng lúc với tiếng chuông báo hiệu hết giờ. Giọt nước mắt muộn màng của người thầy xứ Huế, sẽ hòa vào biển nước mắt của người dân Huế gần một trăm năm về trước đã đổ xuống trong cảnh nước mất nhà tan.

Năm 1884, Pháp đã chiếm trọn hai miền Nam Bắc. Huế như một trái tim của đất nước trong cơn nguy biến mà mọi người dân Nam đang lâm vòng nô lệ nhìn về. Tổng tư lệnh lực lượng viễn chinh Pháp ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ, Roussel De Courcy, là một phần tử đang điên cuồng theo chủ nghĩa thôn tính đã tuyên bố: *"Cái gút thắt của vấn đề Việt Nam là ở Huế"*. Nguyên nhân sự xâm lăng của Pháp đã có sẵn, việc còn lại là tìm cho ra nguyên cớ để đánh bạt hy vọng cuối cùng của người dân Việt. Nguyên cớ phải xẩy ra ở Huế, với triều đình Huế.

Ngày 2 tháng 7 năm 1885 De Courcy đã đưa quân vào cửa Thuận An, rồi sau đó hống hách đòi hỏi triều đình Huế: *"Nếu muốn được yên ổn thì phải nộp cho chúng tôi hai vạn thoi vàng, hai vạn thoi bạc và hai vạn quan tiền..."* De Courcy tiến vào Hoàng Thành và đòi hỏi vua Hàm Nghi phải bước xuống ngai vàng, đích thân ra đón. Roussel còn đòi hỏi tất cả phái đoàn của Pháp từ quan đến lính quèn phải được đi vào Đại Nội bằng cửa chính Ngọ Môn, trong khi cửa này chỉ để dành riêng cho Đại Nam Hoàng Đế. Sự ngạo mạn và lăng nhục của quân xâm lăng thiêu đốt hết mọi thiện chí ngoại giao. Sự bức xúc của vua quan và dân dã Việt Nam đã ngùn ngụt cháy thành lửa đỏ.

Tối 22 qua rạng ngày 23 tháng 5 năm Tân Dậu tức là đêm mồng 4 rạng ngày mồng 5 tháng 7 năm 1885, Thượng Thư Bộ Binh Tôn Thất Thuyết và Đề Đốc Trần Xuân Soạn đã chỉ huy 20.000 binh lính mở cuộc tổng tấn công vào thành lũy của quân Pháp ở Tòa Khâm và Mang Cá. Giữa đêm khuya, bên này sông Hương, Đồn Mang Cá bỗng nghe tiếng hô thúc quân vang dậy, súng nổ rền trời. Bên kia sông Hương, khu lính lệ Tòa Khâm lửa khói bốc cao ngùn ngụt. Rạng sáng, quân Pháp bắt đầu phản công dưới sự chỉ huy của Pernot.

Pháp đã chia quân làm ba ngã để tiến vào kinh thành. Từng đợt xung phong chiếm lĩnh các vị trí cửa chắn then chốt để tràn vào các cửa Đông Ba, Thượng Tứ, Chánh Đông, Chánh Tây, An Hòa. Toán từ Cửa Trài, phá cầu Thanh Long, vượt sông Ngự Hà, tiến vào Lục Bộ, cố tấn công cửa Hiển Nhơn để mở đường vào Hoàng Cung. Toán quân thứ hai vượt Cầu Kho tấn công quân triều đình đang tử thủ vườn Ngự Uyển để tiếp ứng toán quân đang cố phá đổ một cách vô hiệu quả cửa Hiển Nhơn vẫn đứng trơ gan trong khói lửa. Quân triều đình không giữ nổi thành phải tháo chạy về phía Lục Bộ và tràn ra

cửa Đông Ba đã bị toán quân Pháp từ phía Cửa Trài tiến lên chiếm ngự. Cuộc chém giết trời sầu đất thảm đã xảy ra nơi mà trăm năm sau vẫn còn ghi dấu: Miễu Âm Hồn.

Cuộc chiến đấu không ngang tầm vũ khí, nhưng quân ta đã đứng trên quá tầm cao của mặt trận lương tri, liều thân vì danh dự của giống nòi và tổ quốc.

Trong niềm đau chung của toàn đất nước, Huế đã quặn mình gánh chịu những tang thương trực tiếp trên tấm thân gầy *"mùa Đông thiếu áo, Hè thời thiếu ăn"*. Kinh đô thất thủ, De Courcy ra lệnh cho lính Pháp tự do hành động trong vòng 48 tiếng đồng hồ: Mặc sức cướp phá tài sản trong Hoàng Cung, vơ vét của cải nhà quan. Giặc Pháp cứ gặp ai tha hồ giết nấy, đốt cái gì có thể đốt được, cướp cái gì có thể cướp được, hiếp ai có thể hiếp được... (Theo Trần Văn Giàu; Tôn Thất Hứa, Wuerzburg, 1997.)

Sau ngày thất thủ kinh đô, cơn ác mộng kéo dài trên đất Huế. Bao kẻ hiền tài, người lương thiện chỉ qua một đêm là có thể thành tên tử tội, cơ nghiệp tan tành, chỉ vì bị bắn tiếng là theo Cần Vương mà không cần chứng cớ. Sông Hương biến thành "nhất giang lưỡng quốc". Bên kia sông là giang sơn của Pháp với tòa Khâm Sứ, phố Mô-Ranh, nhà hàng Sạc-Măng-Rông, sàn nhảy, hồ bơi "Xẹc-Xì-Bo"... thế giới nhởn nhơ hưởng thụ của Tây Đầm. Bên nầy sông vẫn là Hòang Thành rêu phong sương phủ... là thế giới u trầm, cúi mặt của vua quan. Tám cửa thành không che được mưu toan cứu nước Trần Cao Vân, Tăng Bạt Hổ. Cung đình thì cũng là cá chậu chim lồng nhốt vua Thành Thái, vua Khải Định, vua Bảo Đại trong chiếc ngai vàng lấp lánh kiếm quang của toàn quyền và mật thám.

Giấc mơ "xênh xang áo gấm về làng, ngựa anh đi trước võng nàng theo sau" chỉ còn là vang bóng của ngày qua. Đã lác đác có những nhóm dân nghèo từ làng quê lên Dinh làm thuê, ở mướn cho các ông Tây, bà Đầm, mong thoát khỏi cảnh bùn lầy nước đọng. Phải chăng "Chén Cơm Âm Phủ" bắt đầu từ đó:

Kể từ ngày thất thủ Kinh Đô,
Tây qua giăng giây thép,
Họa địa đồ nước Nam.
Lên Dinh ở tớ Tòa Khâm,
Chén cơm âm phủ, áo đầm mồ hôi...!

(Vè Thất Thủ Kinh Đô)

Trong tâm thức của người bình dân xứ Huế, *"Cơm Âm Phủ"* là miếng cơm kiếm được bằng nỗi nhục nhằn, lao khổ; miếng cơm đổ mồ hôi, sôi nước mắt của kiếp người gian nan bất hạnh.

Thế rồi... mười, hai mươi, ba mươi năm sau, sông Hương vẫn âm thầm cưu mang "hai nước". Nếu chỉ nhìn trên bề mặt thì trong mối giao tình, giữa thiên nhiên và ngoài xã hội, Tây vẫn là Tây; Ta vẫn là Ta; Huế vẫn là Huế xưa dịu dàng, thanh bạch như những giòng sông Xuân sau mùa lũ lụt. Nhưng trong thâm sâu, Huế mang chung thân phận trôi nổi của một đất nước mất chủ quyền. Đó là khi tuổi già mất dần lòng tự hào quá khứ và tuổi trẻ không màng đến tương lai.

Hoàn cảnh mới đã tạo nên vùng đất mới. Vùng đất lau lách phía Đông tiếp giáp với đồng An Cựu trở thành vùng Đất Mới. Trên từng rẻo đất của quê hương, nếu phải có những bờ lau ruộng đước để hút bớt phèn chua, nước độc của vùng châu thổ sông Hồng; phải có những rừng mắm để làm thuần những vùng đất mới Cà Mâu, thì phải có những tâm hồn trôi nổi quen chịu cay đắng giữa đời để làm thuần những vùng đất mới của Huế. Nơi vùng đất mới chưa thuần đó, mọc lên những đồn lính Tây Khố Xanh, Săng Đá; nổi lên những khu nhà mới chứa gái giang hồ; chỗ trọ qua đêm của những con buôn tứ xứ. Trên một gò đất cao tiếp giáp với con đường mòn có hai dãy hàng me dẫn ra bến sông Hương là cái chòi tranh mới mọc, xung quanh là ruộng nước mênh mông. Đó là cái quán cơm bên đường lộng gió mùa Hè và khép nép gió mùa Đông. Quán cơm bình dân không tên không tuổi mọc lên cùng thời với sự khởi công xây dựng sân vận động Huế (Stade Olympique). Đây là sân vận động độc nhất tại Đông Dương có vòng chảo đua xe đạp (stade vélodrome) đã được khánh thành năm 1936 với sự hãnh diện của người Pháp bày tỏ công khai trên báo chí đương thời. Quán cơm bình dân nầy là tiền thân của quán Cơm Âm Phủ, nằm ngay trước mặt Stade Olympique Huế.

Quán hoạt động từ 11 giờ đêm đến 5 giờ sáng, khi có 3 phát súng lệnh của thành phố nổ rền báo hiệu sinh hoạt của một ngày mới bắt đầu. Đương lúc cả thành phố ngủ say là lúc quán và khách bắt đầu sinh hoạt. Giữa vùng đồng hoang hiu quạnh tối đen, ánh đèn dầu

leo lét và bếp lửa lập lòe nhảy múa theo gió khuya, soi bóng nhạt nhòa của những khuôn mặt mệt mỏi, xanh xao vì mất ngủ; hay những dáng dấp còm cõi, mắt sâu, má hóp của những người lao động no sương nắng, mà đói áo cơm. Trong cái chòi tranh không bàn, không ghế, chỉ có những cái đòn thô sơ trên nền đất. Cái đòn tre vừa đủ giúp cho khách tựa mông ngồi chò hõ mỗi tụm năm ba người; chia nhau chút ánh sáng vàng vọt và mảnh không gian trong quán xào xạc mái lá với bốn bề gió lộng. Trong cái vắng lặng hoang sơ của vùng đất mới, có một thế giới nhỏ bé đang sống về đêm với một nếp sống âm u, ẩn hiện trong ánh sáng mờ mờ gần như tan loãng vào bóng tối mông lung. Thế giới kia vụt biến mất giữa ánh sáng ban ngày như những hồn ma đã tìm về cổ mộ trước bình minh: Đó là thế giới lạ lùng, cô quạnh và kỳ bí của Âm Phủ. Cho nên cái quán cơm nhỏ bé vô danh sống về đêm đó, đã được người đời đặt tên là quán Cơm Âm Phủ.

Chủ nhân đời thứ ba của quán Cơm Âm Phủ là ông Tống Phước Thôi, một cầu thủ đá banh xuất sắc của đội bóng tròn Công An Huế thuộc thế hệ "Tây Tiến" hơn năm mươi năm về trước. Kiện tướng sân cỏ vang bóng một thời, nay là ông già tuổi ngoại lục tuần nho nhã, ngồi nhớ lại chuyện ngày qua để giở lần từng trang quá khứ...

Thực khách là loài chim ăn đêm: Những người kéo xe, những cô gái ăn sương mà tụ điểm là những quán tranh lụp xụp quanh khu Xóm Mới. Đội ngũ gái ăn sương thuở đó có gần cả trăm nàng, được nhà nước Tây "bảo hộ" cấp giấy môn bài, thu thuế du dương và khám "lục xì" (Luxir) định kỳ để tránh bệnh phong tình cho đám con cháu Gaulois. Khách khuya khoắt nhất là các chú lính tuần canh; những nghệ nhân lang thang đờn ca xướng hát, phục dịch những trò vui suốt sáng, trận cười thâu đêm cho người mua vui. Khách nửa đêm về sáng là những con bạc đò đêm xuôi ngược lên về sòng bạc lớn ở Kim Long mà chủ sòng là một bà chúa. Khách ăn đêm phần lớn là sản phẩm của một xã hội thời Tây đô hộ: Cơ cực, lang bạt, chẳng buồn nghĩ đến ngày mai.

Thực khách thì từng chặng, từng nhóm trong đêm mà quán thì phải phục vụ thâu đêm.

Mỗi người khách đều có một cảnh đời khác biệt, nhưng lại gặp gỡ nhau qua hai món ăn "âm phủ" vừa hợp với cái khẩu vị cao lương cũng tốt, muối hột cũng xong; vừa hợp túi tiền khi xu hào rủng rỉnh, khi không còn dính một trự ăn ba; vừa no lâu, vừa đầm bụng: Đó là thịt heo dưa giá và cá sông "7 món", ăn với cơm nóng thơm phưng phức suốt bốn mùa. Thức uống thì có rượu đế từng ly hay nước chè xanh có vài miếng gừng đập dí. Khí hậu về đêm, cho dẫu là đêm mùa Hè, cũng rất cần đôi miếng gừng cay. Quán Cơm Âm Phủ đã trở thành điểm hẹn cho những "con ma sống" dọc đường gió bụi rủ nhau về dừng chân ăn đêm.

Món đưa cơm chủ lực, dưa giá Huế, là một tổng hợp cây trái thổ sản địa phương đầy màu sắc: Màu xanh của cây kiệu, màu vàng của măng tre xắt thành sợi, màu đỏ của ớt trái chín xắt dài, màu trắng của giá đậu xanh. Tất cả dầm với muối thành dưa, ngả vị hơi chua chua và mùi nồng nồng đậm đà hương vị. Thịt heo lý tưởng là thịt ba chỉ đủ da, đủ nạc, đủ chút viền mỡ thanh thanh. *"Heo Huế nhỏ con mà thịt săn mềm, thớ mịn, luộc phay chấm nước mắm Hòn thì ngon không chỗ nói."* (Vương Hồng Sển; Tôi Nhớ Huế, 1968). Dưa giá kẹp với thịt heo ba chỉ, chấm với nước mắm có pha chút đường, ớt, tỏi, ngọt thơm dìu dịu ăn một lần nhớ tới... chín tháng mười ngày. Làm dưa giá phải "có tay". Gặp người có tay "lục bại", làm dưa giá sẽ không "chín" mà sẽ biến thành một mớ eo xèo, ma đói cũng lơ ăn!

Người Huế thường mang tiếng là hay "làm đày" và "xét nét" vì cái bản chất nhạy cảm và nhiều mặc cảm không tên tuổi, chỉ có thể "cảm" mà không giải thích được. Vì vậy, chiếc nón bài thơ nghe đâu để che nắng, che mưa là việc phụ, mà công dụng chính là để ra đường ngăn tia nhìn phóng xạ của người đời *"Răng em biết anh nhìn mà em nghiêng nón, trời mùa Thu mây che có nắng mô em..."* Ra đường thì vậy mà ngược lại, cái triết lý về nhà mẹ hỏi của Huế thật là gần gũi: "Chi cũng không bằng cơm với cá, chi cũng không bằng mạ với con". Cá sông "bảy món" của quán Cơm Âm Phủ được ưa chuộng trong bao nhiêu năm dài cũng là một phần hình ảnh về nguồn đơn giản mà thân thương đó.

Trong một bài khảo cứu về Huế, khi nói về cá tôm, (Thạch Nhân, St. Louis 1998) đã viết: *"Nếu có đi nhiều nơi, ăn nhiều chốn mới thấy được cá Huế ngon là dường nào. Cá bất cứ ở đâu, nếu tươi, thì cũng chỉ béo và ngọt. Riêng con cá Huế đến mùa(!) còn có chất thơm nữa. Đến mùa cá, chỉ cần một khúc cá kho ớt bột (khô hoặc nước), một dĩa nước mắm cay, nếu có thêm môt ít mắm ruốc nữa càng tốt, và một nồi*

cơm nóng là đã có được một bữa ăn ngon hơn nem công chả phụng." Đọc xong đoạn văn "ngon nhức răng" trên, có người sẽ chảy nước bọt và hoang mang tự hỏi, không biết ông Thạch Nhân đã ăn nem công chả phụng lần nào chưa mà lại "làm hoanh" so sánh với cá Huế một cách rất chi là hào sảng như vậy.

Cá sông ở Huế có khá nhiều loại, nhưng chỉ có một số loại cá ngon như: Cá phác lác, cá kình, cá rô, cá diếc, cá tràu, cá trê, cá gáy, cá đối, cá ngạnh, cá cấn, cá mại, cá hỏn... Nhưng đặc biệt và ngon nhất vẫn là cá bống. Cá bống chia làm nhiều loại: Cá bống cát, cá bống thệ, cá bống mủ (hay còn gọi là cá bống trứng). Món cá bống Huế trứ danh là cá bống thệ nấu canh thơm, hoặc canh rau răm cho nhiều tiêu. Cá bống thệ kho riêng hay kho chung với thịt ba chỉ xắt mỏng. Một lớp cá, một lớp rau răm, ớt bột, đường, nước mắm, nước màu, tiêu sọ. Đun lửa riu riu cho đến khi thịt cá săn lại, dẻo quẹo mà dòn tan, ăn với cháo gạo buổi sáng hay với cơm nóng, các cô sẽ say men cá mà để cho dáng dấp thục nữ hình chữ "V" của mình thành ra chữ "A" lúc nào không biết. Cá bống mủ kho tiêu cũng là một loại cá kho cao cấp vì mắc và hiếm nên thường dành đặc biệt cho các bà trong thời gian sinh đẻ còn ở cữ. Bởi vậy mà có bà đã khoe là nhờ ăn cá bống mủ kho tiêu thời son trẻ, nên lúc về già, gõ lên cái bụng còn chắc nịch nghe "bong, bong" như chén sành Thượng Hải(?!)

Thử nghe Vương Hồng Sển, nhà khảo cổ học uyên bác Việt Nam, diễn tả lần đầu ra Huế ăn cá bống ở quán ăn ở cửa Thượng Tứ: *"Con cá bống... ngon quá thế, ăn giòn đến xương cũng giòn; kỳ vĩ đều giòn, nhứt là cái đuôi vàng cháy, thật là giòn khớu, giòn rụm, hằm bà lằng giòn. Ăn mút từ miếng xương đầu, gặm từ khớp xương đuôi, ăn rồi bữa cơm xương rãi đầy mặt đất, giựt mình nhớ lại thấy thú quá!"* (Bách Khoa 272; tháng 5-1968)

Chỉ cần một loại cá phác lác thôi nhưng qua tay các bà nội trợ, đã được chế biến thành lắm món: Cá phác lác vằm nhuyễn để ram vàng hươm, có vị thơm và ngọt thanh hơn cả món chả chiên truyền thống bằng thịt heo, thịt bò. Cá phác lác lóc thịt vằm mịn để nấu canh; nước canh trong, thịt cá trắng, bát canh ngọt tự nhiên và đầy hương vị. Cá phác lác kho nước, cá phác lác kho khô, cá phác lác nguyên con chiên vàng rộm, ăn dòn tan cả xương lẫn thịt.

Chủ nhân đầu tiên của quán Cơm Âm Phủ tuy chỉ dựng cái chòi tranh sơ sài nơi Xóm Mới, nhưng đã biết dựa trên nền móng vững vàng của thủy thổ và sản vật phong phú địa phương. Thêm vào đó, là sự khai thác khéo léo nhu cầu sinh sống của một tầng lớp khách hàng có nếp sinh hoạt "bềnh bồng" độc đáo về đêm: Làm về đêm, ăn về đêm, chơi về đêm, bán mình về đêm... và đêm về mới sống thật.

Lịch sử Huế, trong suốt thời Pháp thuộc đến hôm nay, là một giòng lịch sử đầy biến cố nổi trôi theo số phận chung của toàn đất nước. Nhưng quán Cơm Âm Phủ trong lịch sử lâu dài đó vẫn không có gì thay đổi. Cũng theo Đoàn Tuyền Châu, nhà dịch lý đất Lương Y, thì cái tên Âm Phủ vốn đã mang sẵn tính "tiền định". Âm Phủ là cõi siêu hình, tồn tại như một "linh thể"; cái biến dịch chỉ dành cho dương thế.

Ngày nay, quán Cơm Âm Phủ không còn dừng lại trên hai món chủ lực đầu nguồn là dưa giá thịt heo và cá sông kho "7 món" nữa, mà đang chế biến các đặc sản thực phẩm của Huế theo sát với khẩu vị và nhịp sống của con người "dương gian" trước mắt. Từ dĩa cơm thập cẩm đến khúc cá chình, dĩa lươn um hay món dồi trường và môi mép bò chấm mắm nêm... vẫn còn mang một hương vị hay hay, trong một khung cảnh là lạ riêng, rất chi là... âm phủ.

*

Thì cũng chỉ là một buổi hẹn hò trong quán nhỏ, nhưng mấy ai khỏi giật mình thảng thốt khi chợt nghe lời tình tự của đôi tình nhân Thành Nội xứ Huế: "Chiều tối gặp nhau ở ngã tư Âm Hồn rồi đi ăn cơm Âm Phủ!"

— Lời hẹn hò nghe mà dễ sợ chi lạ, giống như ma, như quỷ dưới âm ty!

Một Dì Huế răng đen tóc bối, ngày xưa cha mẹ đặt đâu ngồi đó, cứ nghĩ chuện tình yêu là sản phẩm của Tây Đầm, nên "ưng" nhau ba năm chưa dám cầm cái tay, nói chi tới chuyện dễ sợ là hôn lên cái má, dù chỉ là chút trao gởi âm thầm riêng lẻ. Dì kỹ đáo để. Dì đợi cho đến ngày cưới mới chịu cầm... luôn cả cuộc đời người "nớ". Lửa thời gian đốt tóc dì cháy bạc, nhưng dì chưa hề được sưởi ấm bằng những cơn sốt của tình yêu, nên dì mới dại miệng dại mồm, vừa móm mém nhai trầu, vừa đỏng đảnh bình luận như vậy.

Trong khung cảnh phong ba đã thành rêu phong của Huế thì lời hẹn hò trên đây có sức lôi cuốn mạnh hơn muôn lần những đợt sóng tình lao xao tới bạc đầu mà chưa gối được lên

bờ. Thôi thì cứ tưởng tượng cô bé có vầng tóc mây dài gần che kín mặt, thập thò đợi "người nớ" dưới gốc đa già có rễ lạnh lùng như những chùm râu mọc ra từ tượng đá. Trong bóng chiều của Huế, hoàng hôn chưa tím mà nhà Thành Nội đã lên đèn vì rợp bóng cây xanh. Ngọn đèn lắt lay từ trong Miễu Âm Hồn như đôi mắt của linh hồn mở ra trừng trừng, chờ đợi. Một ngọn lá rơi trên tóc cũng làm cho cho cô bé giật mình, lạnh cóng, huống chi là bàn tay ấm áp của người tình. Cho nên, cái bản lĩnh của những chàng trai Thành Nội là biết chọn địa điểm hẹn hò. Một lần hẹn gặp ở miễu Âm Hồn sẽ thu ngắn bớt con đường ba năm viết thư tình, còn bao nhiêu là bút sắt, cạn mấy hồ mực mà sương khói vẫn cứ bay hoài trong mơ mộng. Có phải chăng vì ở Nội Thành đi đâu cũng có cảm giác chập chờn "sợ ma dễ sợ!" kể từ thời thất thủ kinh đô, đi về cần có chung hai bóng, mà người Huế Thành Nội thường "có đũa, có đôi" sớm hơn là người Huế Bến Ngự, Nam Giao. Nữ sĩ Phan Mộng Hoàn đã ví von những cô gái Huế Nội Thành như những con "ốc bung". Một khi đã "bung" ra khỏi vỏ, những con ốc ngỡ như chỉ biết cuộn mình thầm lặng muôn năm trong vỏ sẽ vươn vai như thần đèn A-La-Đanh vừa thoát ra ngoài rún biển.

Khi chuyện ngày qua đã thành chuyện kể; khi vận nước thăng trầm đã thành lịch sử; khi sự cố đã thành cố sự và con đường Âm Hồn một thuở đã phôi pha dấu tích được thay tên thì Huế xưa vẫn còn đó: Nhỏ nhắn, trầm tư trong nắng vàng hổ phách mùa Hạ và nhuộm tím trong những chiều đầu Thu có mây làm dịu nắng cột cờ.

Có người tự hỏi, nếu quân Tây đừng xâm lăng nước mình, thì Huế có Miễu Âm Hồn, có quán Cơm Âm Phủ hay không?

Hình như đã có một văn khách tài hoa ở phố Đạm Tiên của Huế, đã trả lời mà không trả lời chi cả:

Nếu không có người sinh ra
trên mặt đất,
Ai biết màu trời của buổi
Nguyên Sơ.

Rồi tới cái tỉnh khô tuyệt vời hơn nữa là từ một người học trò trong Quảng ra học trường Quốc Học Huế, một "quậy sĩ tài danh" của nền thi ca Việt Nam, Bùi Giáng:

Dạ thưa xứ Huế bây giờ,
Vẫn còn núi Ngự bên bờ sông
Hương.

Rứa, nhưng mà cái tỉnh nào rồi cũng chào thua cái tỉnh rót đáo để của mấy o Huế rặt:

Có nhiều lúc hỏi răng mà như
rứa?
Đành trả lời như rứa chớ mần
răng (!)

☯ ***Trần Kiêm Đoàn***

Sen Tịnh Tâm

Nắng trong
nở nụ sen hồng
Nhịp nhàng hoa lá
mênh mông hương thiền
Nhụy vàng bát ngát
phiêu nhiên
Nhẹ giương cánh mộng
sen nghiêng nụ cười
Ngàn năm một đóa tinh khôi
Ngàn năm thơm ngát
đất trời ban sơ
Lá xanh êm
một dòng thơ...

Chân trong bùn đục
sen mơ Niết Bàn...
Tâm không, không sắc, sắc không
Thinh không
nhuộm ánh huy hoàng hư vô
Tâm không, không bến, không bờ
Sắc không, không sắc
đơn sơ Phật Trời
Tịnh Tâm sen nở nụ cười...

Indian Rocks Beach - Florida 7-5-98
Tôn Lệ Vân

Nhã Ca

HUẾ TRONG LÒNG

Tặng Anh Chị Võ Văn Tùng

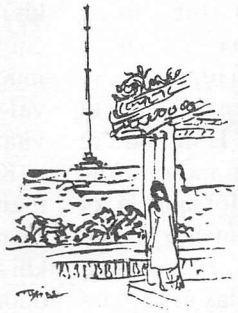

Nếu không có bà cô, Nhi chẳng bao giờ biết về Việt Nam, nhất là thành phố Huế cổ kính.

Cô Hòa, mới chớp mắt đó, đã năm mươi tuổi. Lúc sang tới Mỹ, cô mới ngoài hai mươi. Trong phòng cô còn có treo tấm hình cô chụp vào những năm đó, ánh mắt sáng và nụ cười xinh không thể tả. Còn Nhi, sinh tại Mỹ, lớn lên, Nhi đã rất ngạc nhiên vì hai giọng nói của cô và bà nội. Về sau, Nhi hiểu ra, ba vì lấy mẹ người Nam, đã pha giọng đi nhiều, còn bà nội với cô Hòa nói tiếng Huế. Nhi thì nói tiếng gì? Không biết. Nhưng tiếng Việt, nói rất dở trọ trẹ mà hay nói sai khiến người giận, người cười. Cô Hòa đã khuyên Nhi đi học một lớp tiếng Việt, hiện giờ Nhi đã nói khá hơn nhiều. Cô Hòa còn bảo Nhi lấy thêm một lớp đờn tranh, và Nhi đã được mặc áo dài đi biểu diễn loại đàn này. Cô Hòa nói, áo màu vàng của vua chúa, còn áo tím than, màu tím của Huế luôn nổi bật màu da trắng tái và ôm gọn thân hình thon thả của con gái Huế. Hôm đó, Nhi đã làm cho Kevin để ý và theo đuổi cũng vì tà áo tím rất Huế. Kevin được một người bạn Việt Nam rủ đi xem buổi trình diễn cổ nhạc.

Làm quen, trao đổi số phôn, và qua điện thoại, họ đã thành bạn, còn có thể tiến xa hơn...

Không biết ai đã dạy Kevin một câu tiếng Việt:

"Tuôi rất thít cô mạt áo dái..."

Nhi phá ra cười và Kevin ngạc nhiên. Anh đã nói sai gì? Anh đã học câu đó rất kỹ, tập nói nhiều lần. Tại sao? Còn Nhi, cô không chỉ cười Kevin thôi, mà cười chính mình nữa. Cô Hòa cũng đã sửa lại cho Nhi nhiều câu nói không chính xác thành bậy. Cô Hòa, giọng không sai mà nặng chịch:

"Nói chi mà lạ rứa."

Nhi ngẩn ra một lúc, cũng không hiểu. Cô Hòa phải giải thích bằng tiếng Anh. Hoặc cô kể cho Nhi nghe về một người bạn:

"Con nớ cụm ti thì bị dôn để."

Cô Hòa đã giải thích cặn kẽ, dôn để là chồng bỏ, vậy mà nghe tới lần thứ mười, Nhi cũng không nhớ được. Và khi cô Hòa gặp một người bạn Huế. Họ nói chuyện với nhau, vui vẻ, ào ào, ríu rít như chim, như một ngôn ngữ xa lạ nào, không thể lọt vô tai Nhi một chữ.

Cô Hòa có một cuộc sống riêng trong căn phòng kín của cô. Căn phòng khá rộng, một cái giường chiếc, một bàn viết và một bàn trang điểm. Vài đồ trưng bày rẻ tiền nhưng cô khéo tay nên trông gọn gàng và xinh. Trong phòng treo ba tấm hình, một tấm chụp lúc mới sang Mỹ, còn hai tấm kia, do mới tìm lại được. Cô bạn ngày xưa, đi du học đem theo. Bạn của cô Hòa đã có gia đình, lớn hơn cô mấy tuổi nên sắp làm bà ngoại. Hai tấm hình, một tấm chụp ở tiệm hình, tên tiệm có ghi ở dưới góc: Mili. Vì hình đen trắng nên chỉ thấy mầu áo dài của cô đậm lắm, cô đội chiếc lá nghiêng một bên, che mái tóc thề óng mượt và cười. Hàm răng cô trắng bóng. Người bạn của cô Hòa kể:

"Trước giải phóng, mấy người ở Huế noái tấm hình ni còn chưng trong tiệm Mili."

Tấm hình kia, chụp một toán nam nữ sinh đi cắm trại. Nam một bên, nữ một bên và tất cả cũng đều cười. Hình người nào cũng nhỏ rí, khó nhận ra lắm, nhưng cô Hòa thì

như đã thuộc làu từng khuôn mặt.

"Ông ni nì, tên Hậu. Ông ni tên Cự, ông ni... ông ni... Nì, ngó coi cái mặt ông ni tức cười hí? Hồi nớ..."

"Hồi đó sao cô?"

"Thì đi 'nghễ'. Bữa mô trường Đồng Khánh tan học mà không có mấy ông đứng chờ sẵn ở ngoài, rồi phóng xe đạp theo sau 'nghễ'."

Và có khuôn mặt một chàng trai đã được cô Hòa dùng bút khoanh lại bằng một vòng tròn. Hắn có miệng cười tươi rói.

"Nó là ai?"

Nhi đã dùng sai tiếng Việt. Cô Hòa trợn mắt:

"Mi kêu người ta là nó. Hỗn rứa thê. Mi biết, ông ni chừ cũng đã sáu mươi tuổi. Có khi còn tra hơn ba mi nữa tề."

Hòa chỉ hiểu lõm bõm lời cô mắng, che miệng cười rúc rích. Tội nghiệp cô Hòa, cô chỉ sống bằng quá khứ. Có cả buổi cô ngồi trong phòng, và những bóng hình trong tấm ảnh sống dậy với cô.

*

Khuôn mặt bị khoanh tròn trong ảnh là Phụng. Lần đầu biết nhau, họ còn là hai đứa trẻ. Hai đứa, một trai một gái được hai bà mẹ dẫn đi coi hát bội tại rạp Trường Bà Tuần bên phố.

Mùa Xuân ở Huế trời mưa lất phất và hai bên đường đầy cóc con nhảy. Ở hàng rào chè tàu cắt ngang, ngăn cách hai nhà cũng có nhiều cóc nữa. Sáng, con bé cắt tóc búp bê, áo mới chạy ra chạy vô sân mà không dám tới gần hàng chè tàu nhón chân nhìn qua sân bên kia. Sợ cóc, sợ mưa ướt. Nhưng cậu bé tóc mới được dưỡng rẻ không sợ, đã nhảy nhảy cho cái đầu cao lên, nhìn qua sân, kêu gọi ầm ĩ.

"Hòa ơi, cho mi nì."

Cô bé đứng trên hiên nhìn, thấy cái đầu của Phụng hiện ra rồi lại tụt xuống mất tiêu. Con bé la lên:

"Phụng ơi. Tao ở đây nì. Đây nì."

Một cánh tay dơ lên, ném mạnh. Một vật rơi xuống. Hàng ngày, Phụng hay hái trái phượng vàng, lá li ti, hoa để hái cúng, còn trái dài chừng ngón tay, hột ăn vừa thơm vừa bùi, ném sang cho con bé. Con bé líu tíu chạy xuống sân, mặc mưa. Không phải trái phượng mà một con cóc con. Con bé la lên thất thanh và bên kia hàng rào, tiếng cậu bé cười khoái trá.

Bữa đó, trong rạp hát bà Tuần hai đứa giận nhau. Thiệt ra, chỉ có con bé giận. Còn cậu bé, thích chí dọa:

"Mai mốt cho một lon cóc nghe, nghe. Sợ chưa?"

Con bé lấy vạt áo mẹ che mặt lại, ghét không thèm ngó.

"Sợ rồi hí? Sợ thì thôi, không chọc nữa mô."

Cậu bé làm lành trước bằng cách bày trò chơi nghịch. Người lớn chăm chú xem để bói tuồng đầu năm. Trên sân khấu, mấy ông mấy bà ăn mặc quần áo lóng lánh, trên đầu có hai cái sừng dài phất phơ, lại cầm đao cầm kiếm đâm nhau. Người lớn kì, coi hoài mấy cái tuồng này mà không biết chán. Hai đứa bé bắt đầu chạy đuổi nhau, lòn từ hàng ghế này sang hàng ghế khác. Tuy mùa Xuân, trời bên ngoài mát mẻ mà trong rạp bí bức. Sau khi khách vô rạp là các cửa đóng kín mít lại, chớ chỉ chừa một lỗ chó nhỏ thôi, dân coi cọp cũng chun vô được để coi nên chủ rạp phòng kỹ lắm. Từ ngày có người coi bị chết ngộp, chủ rạp mới cho làm mấy cái quạt treo dọc hai bên, trên trần nhà. Quạt là bốn thanh tre hình chữ nhật căng miếng vải điều có tua màu dán những miếng kính tròn xanh đỏ chấp chới, óng ánh rủ xuống. Người ta thuê mấy đứa nhỏ ngồi dọc hai bên mép rạp kéo dây bằng tay để cánh quạt đưa qua đưa lại cho có gió.

"Chơi ni khôn?"

"Chơi chi."

"Kéo quạt. Hí."

Hai đứa chạy lại năn nỉ mấy thằng bé kéo quạt xin được kéo. Ngu ơi là ngu, phải năn nỉ gãy lưỡi mới được cầm cái dây kéo. Nhưng khi cầm dây rồi thì không thấy mấy đứa kia đòi lại, đến nỗi hai tay mỏi rừ. Trong túi cậu bé có một ít đậu phọng, lâu lâu cậu mới cho con bé được một hột ăn không thấm kẽ răng.

Kiểu quạt này, khi lớn lên, mười lăm mười sáu, cô bé thấy lại trong các tiệm uốn tóc, gội đầu. Nhưng không có vải điều, lóng lánh những hột kính màu, mà chỉ là một tấm lát đóng khung tre, được cột kéo bằng một sợi dây dừa. Nằm trên cái ghế dài cho người ta xối nước bồ kết, cô bé mỉm cười vu vơ, hình ảnh hai đứa con nít kéo quạt trong Trường Bà Tuần lại hiện ra rất rõ.

"Đi ngả ni."

Hậu trường rạp hát ngổn ngang quần áo, hia mão. Hai đứa con nít cười ngất, một ông mặc quần xà lỏn mà bên trên còn áo giáp, mũ mão và cả bộ râu trên mép đã gỡ ra. Một bà đang trét thêm lớp phấn trắng toát mà mồ hôi đã làm cho rã ra từng lớp, lỗ đỗ.

"Ý, con ma."

Hai đứa hét lên, đâm đầu vừa bỏ chạy vừa cười như nắc nẻ. Ai ở Huế mới biết bông hoa nắc nẻ. Hoa này khi rụng rồi, kết trái. Trái nào lớn nhất cỡ bằng đầu ngón tay út, thuẫn hai đầu. Khi trái chín, màu xanh biến thành màu vàng lợt, vỏ căng ra, hễ đụng vào là nứt, hột bắn ra tứ tán, không biết ai đã đặt cho nó cái tên nắc nẻ. Mải chạy, cười, con bé đụng đầu vô cây cột, thấy cả chục ngôi sao túa ra. Cậu bé suýt xoa:

"Đau khôn. Đau khôn?"

"Đau bất chết."

Cái miệng méo xẹo, sắp khóc. Cậu bé dỗ:

"Đừng khóc. Dị lắm. Đừng khóc, nghe. Ê, khóc là mít ướt lủng cùi... hi hi..."

"Không chơi nữa".

Mắt ướt. Con bé cắn môi, tới ngồi bên cạnh mẹ.

Hai bà mẹ nhiều lúc đã quên không để tâm đến hai đứa con. Họ bận ngồi chăm chú coi để bói tuồng đầu năm. Lúc mới vô tới, ngồi xuống, gặp lúc trên sân khấu kép hát cười thì cho rằng, năm nay cười cả năm, hoặc kép hát khóc thì lo sợ, trong năm sẽ có lúc nước mắt chảy ròng ròng. Cho nên tuồng hát đầu năm, kép hát cười nhiều hơn khóc, kể cả anh kép hát bị đâm nằm chết nhăn răng cũng không trăn trối nói dài dòng lời than oán, vĩnh biệt, để cho anh kép giết người cầm cây thương dậm chân, ngửa mặt lên trời cười khanh khách.

Nhưng khi trên sân khấu có một người bị đâm ngã xuống, con bé sợ quá, hét lên, khóc, nhào qua lòng mẹ, ôm chặt.

Tuồng chưa vãn đã phải về vì con bé không chịu coi nữa. Hai đứa được dẫn vô quán kem Anh Đào xế cửa rạp hát mua cho hai cây cà rem. Phải đứng ăn cho hết, chùi miệng sạch sẽ rồi mới được lên xe kéo về nhà. Hai đứa, đều ngồi trong lòng mẹ trên hai xe kéo, cái trước cái sau. Có lúc hai xe đi song song, con bé liếc nhìn thấy cậu bé thò tay vô túi móc đậu phụng bỏ vào miệng ăn. Con bé giận thầm:

"Đồ hư ăn, còn mà dấu để chừ ăn một mình."

"Ăn không?"

Thằng bé tên Phụng ném hạt đậu qua. Nhưng con bé không đưa tay hứng. Có hứng cũng không được, vì ông phu xe đã kéo xe chạy vượt mặt. Chắc chỉ một hột đã ném qua, lọt xuống đường rồi. Con bé tiếc là không kịp cho hắn nhìn thấy cái nhăn mũi của cô.

*

Lớn lên, hai người không theo mẹ đi coi hát rạp Trường Bà Tuần nữa, nhưng có dịp ngồi ăn kem trong quán Anh Đào trước rạp Trường Bà Tuần ở đường Phan Bội Châu.

"Nhớ không? Hồi dỏ mình vô rạp bên nớ tề."

"Dớ chơ răng khôn dớ. Tuồng chi nì. À... Lưu Kim Đính Chúc Anh Đài..."

"Lục Vân Tiên."

"Phạm Công Cúc Hoa."

"Điêu Thuyền hí Đổng Trác."

Cô bé cười, đưa chéo khăn lên miệng cắn, cái duyên còn hơn nhan sắc nhiều. Chàng trai tên Phụng, đầu tóc dưỡng rẻ ngày nào đã bồng bềnh như mây trôi. Hai ly kem chảy gần thành nước trước mặt họ.

"Hồi đó, con dỏ mô bị va đầu vô cái cột rồi mít ướt lủng cùi."

"Ê, đổ hô. Có khóc mô nà."

"Giỏi. Coi, tới chừ vẫn còn u một cục nì. Đó, đó... hột gà còn nơi trán tề."

Cô gái đẩy tay chàng trai ra:

"Nì, đừng lợi dụng, dễ ghét rứa thê."

Bàn tay chàng trai vẹt qua bên, đụng vô mấy sợi tóc xõa một bên vai, trong mỗi sợi tóc như vừa truyền qua tay chàng hơi ấm. Cô bé rùng mình, cũng từ tay chàng, qua tóc, làn hơi ấm áp của chàng cũng đang tràn trong thân thể cô.

"Hòa à."

Nụ cười trên môi cô gái tắt. Chéo khăn cũng đã thả xuống rồi.

"Dạ."

"Em hứa với anh..."

"Hứa chi?"

"Lấy anh chớ không lấy ai hết, hí."

Cô gái lại cầm chiếc khăn tay đưa lên miệng cắn. Hàm răng cô gái đều và trắng như hột bắp. Cô gái cắn ngay chéo khăn bằng vải phin trắng nõn, có thêu hai chữ P.H lồng vào nhau. Chàng trai đưa tay:

"Cho anh cái khăn ni đi."

Cái khăn xếp lại làm tư, rồi làm tám, mềm, mỏng. Chàng trai bỏ vô túi áo, ngay bên trên trái tim của chàng. Đủ rồi, không cần phải nói lời thề non hẹn biển.

*

Còn tấm ảnh?

Cắm trại ở chùa Từ Hiếu do gia đình Phật Tử tổ chức. Hồi đó Hòa mới từ đồng nữ lên thiếu nữ, xếp bỏ áo và váy ngắn màu lam để mặc áo dài khói hương. Bên nam bên nữ riêng biệt, nhưng chung lại với những cuộc thi cắm lều đẹp, nấu ăn nhanh mà ngon, thắt gút đúng và tham dự trò chơi lớn. Cả hai bên túa ra đi tìm kho tàng, nhờ đó, Phụng và

Hòa có một ít thời gian gặp riêng nhau.

Ngồi bên nhau sau một gốc thông già kín đáo, cả hai cùng nhìn xuống rừng cây và thung lũng. Nắng vàng nhảy nhót quanh họ, hoa dại chen chúc nở, khoe sắc vì họ và chim chóc cũng ríu rít những bài hát riêng chúc mừng, kể cả đàn bướm cũng chờn vờn vì họ. Khuôn mặt người thiếu nữ đỏ như gấc, cặp mắt long lanh với hàng mi cong, đẹp như hàng dừa rủ xuống con mắt giòng sông dài. Chàng trai nhìn cô gái với ánh mắt bỏng cháy.

"Đừng ngó em rứa, em hổ ngươi lắm."

Mặt cô gái càng bừng đỏ hơn và cúi gầm xuống. Bàn tay nàng đã trong tay chàng.

"Em."

Một chiếc hôn phớt qua má. Cô gái vùng vằng đứng dậy:

"Anh không biết trễn chi hết."

Xỏ chân vô guốc, cô gái bỏ chạy, suýt chút nữa cô té vì vấp vào một nhánh cây muốn cản đường. Cô còn quay lại, liếc mắt một cái như thầm nói:

"Ghét dễ sợ luôn."

Ghét tức là thương rồi. Ai mà không biết. Anh chàng bứt một ngọn cỏ, mím chặt đôi môi giữ lại. Mùi cỏ thơm hoi hói sẽ một đời nhớ mãi.

Cọng cỏ đó, về sau, khô héo trong một tập nhật ký không biết còn hay mất ở quê nhà. Trong cuốn nhật ký đầy hình ảnh của hai người. Đồi Vọng Cảnh, núi Ngự Bình, giòng Thiên An, chùa Trà Am, Tây Thiên, Vỹ Dạ, Cồn Hến, đạp xe đạp đèo nhau xuống tới biển cửa Thuận An. Những chiều vàng Bến Ngự, sáng An Cựu, trưa núp nắng trong nhà Thủy Tạ lăng Tự Đức. Những ngày mưa dầm dề chỉ cách một hàng rào chè tàu mà nhớ nhau da diết. Những bong bóng mưa vỡ nghìn lời âu yếm. Nhiều nơi, nhiều lúc chỉ có hai người, nhưng vẫn gìn giữ cho nhau. Cuốn nhật ký cả hai thay phiên nhau viết.

*

"Anh chờ em một xíu. Em quay lại lấy cuốn nhật ký."

"Không kịp mô. Chạy. Chạy mau lên mới kịp."

Huế những ngày hỗn loạn trước 30 tháng Tư đen. Đôi nam nữ này đã dẫn nhau chạy bán sống bán chết theo đoàn người di tản. Cả hai đều thất lạc gia đình. Theo đoàn xe đi được một đoạn đường, họ phải lội bộ từ đèo Hải Vân vô tới Đà Nẵng.

Hai vạt áo dài của Hòa đã bị xé ra để băng bó các vết thương. Họ đã té ngã, mất hết guốc dép, thất thểu, đói khát. Họ đã phải ở lại chơ vơ, trơ trọi trên đèo, ôm nhau trong bóng tối, với vết thương rỉ máu, sợ rừng núi, sương độc, thú dữ. Suốt một đêm kinh hoàng, đến lúc rạng đông thì hai người đều đói lả. Họ đã tìm được những cây ăn trái, từ sim rừng tới các trái cây dại như mâm xôi, ngâu rừng và Phụng tìm ra được khe suối để lấy nước. Họ lại có chút sức lực khi trời sáng tỏ và có đoàn người khác tới.

"Anh có người quen ở Đà Nẵng, anh còn nhớ nhà. Vô đó mình tìm họ."

Phụng an ủi, dỗ dành Hòa. Nước mắt không khô được trong mắt Hòa nữa.

"Em đau chân quá. Hay anh bỏ em lại đây, đi một mình."

"Em đau chân thì mình ngồi lại nghỉ, anh chờ. Mình sống thì sống chung, chết thì chết chung nghe em."

Phụng cầm bàn chân Hòa lên coi. Vết nứt, máu tướm ra lẫn với đất cát. Chàng nhìn vào khuôn mặt đẫm lệ, hốc hác, dơ dáy vẫn có nét đẹp của cô bé Lọ Lem. Nàng cũng vậy, thấy chàng can trường, xốc vác và nhân ái biết bao. Trên đường, không chỉ lo cho Hòa, mà gặp bất cứ trường hợp ai khó khăn, chàng cũng hết lòng giúp đỡ. Ôm một đứa nhỏ trong tay, cõng thêm một đứa trên vai nữa, bước chân chàng xiêu vẹo. Cuối cùng, chàng cũng lượm được hai chiếc dép mỗi chiếc một kiểu của người ta rớt lại cho Hòa đi. Chiếc lớn chiếc nhỏ, chiếc cao chiếc thấp, nên Hòa đã đi như người cà thọt.

Chưa vào tới thành phố Đà Nẵng, đôi chân Hòa đã sưng tấy lên, không thể bước được nữa. Phụng dành dìu Hòa vào một căn nhà bỏ trống, bị cướp phá teng beng trong một làng chài gần bờ biển. Phụng đã lết đi từ đầu thôn tới cuối, chỉ còn dăm mười nhà chưa chạy kịp, còn bịn rịn với miếng đất mảnh vườn hoặc nhà có người đau ốm. Chàng xin về được cho Hòa mấy miếng cá khô và chai nước.

"Anh ăn đi."

"Em ăn đi."

Họ nài nhau. Miếng cá khô không lửa củi để nướng mặn

chát. Trong căn nhà bỏ trống này không tìm thấy một thứ gì ăn được.

Chiếc khăn tay xếp nhỏ xíu trong túi áo chàng được lấy ra. Chiếc khăn có thêu lồng hai chữ P.H mà chàng gìn giữ, cất dấu, đã phải đem ra dùng trong lúc khẩn cấp, dính đầy máu và vết bẩn.

"Em ráng ngủ một chút. Ngày mai, có vài gia đình trong làng đi, mình đi theo."

"Đi mô chừ!"

"Ra mé biển. Chỉ còn lối thoát duy nhứt đó. Anh hy vọng có tàu."

Trải lại chiếc chiếu rách, rũ cái chăn dính đầy cát, Phụng đã lo cho Hòa một chỗ nằm. Còn chàng, lót một tấm phên cũ dưới đất, chàng nằm xuống. Phụng nghe tiếng khóc thút thít, chàng đưa tay lên sờ mặt nàng, khuôn mặt dàn dụa lệ. Hai bàn tay nắm chặt nhau, im lặng. Phụng xót xa nuốt từng tiếng nấc của người yêu.

"Em muốn về Huế. Có chết cũng về Huế mà chết, anh ơi. Ba mạ em, gia đình em..."

"Em ráng lên. Nếu không đi được, anh đưa em về Huế. Có chết cũng cùng chết chung với nhau."

Không bao giờ Phụng còn trở lại Huế nữa. Sáng hôm đó, quân đội Cộng Sản tràn vô làng. Phụng bị kéo ra sân:

"Béo tốt thế này, không xê-i-a cũng là Ngụy. Đi."

Phụng bị trói chặt. Bãi đất trơ trụi ngay đầu làng bị biến thành pháp trường. Hòa quỳ xuống đất. Không lạy lục, không khóc lóc, nhìn trừng trừng theo chàng.

"Em..."

Chàng kêu. Những điều muốn nói đã không còn kịp. Tiếng súng nổ và chàng ngã ra đằng sau. Một tia máu vọt lên, loang rất nhanh, thành một tấm màn máu phủ ngập đôi mắt nàng. Không một tiếng kêu, Hòa ngã vật xuống, ngất đi.

Lúc Hòa tỉnh dậy, xác của Phụng vẫn còn trên bãi đất. Nàng lết lại bên xác chàng. Máu đã thôi chảy, khô trên người chàng, thành những bợn đỏ đọng trên sân cát. Nàng ôm xác chàng khóc ngất. Hai mắt Phụng vẫn mở trừng trừng nhìn nàng. "Mình sống thì sống chung, chết cũng chết chung nghe em". Hòa nghe thấy đâu đó lời chàng từng nói. Đôi mắt chàng đang chờ đợi nàng. Hòa không biết phải làm sao để có thể chết chung với chàng, nhưng soi mình vào đôi mắt tưởng như không bao giờ nhắm lại của chàng, Hòa thấy mình như thực sự đã chết.

Lửa bốc cháy dữ dội trong các căn nhà phía cuối thôn và trận gió đang lùa lửa đi tới. Trong khói và lửa, có tiếng người kêu la, khóc lóc. Rồi không hiểu bằng cách nào, đám người kia đã kéo Hòa đi được. Lúc leo lên con tàu để vào miền Nam, mắt Hòa vẫn hướng về ngôi làng, vẫn còn thấy lửa, thấy tàn bay, và ngửi thấy cả mùi thịt khét của chàng. Mùi thịt khét từ lửa, bám theo nàng trên chuyến tàu di tản, theo nàng, tan cả trong biển mặn. Không thấy chàng. Không thấy Huế đâu nữa.

Vô tới Sài Gòn, Hòa tìm gặp lại gia đình. Rồi xuống tàu di tản một lần nữa. Bỏ lại bà Nội ở Huế. Cho tới mười năm sau mới đem được bà Nội qua Mỹ.

*

Bà Nội, cho tới nay vẫn còn cằn nhằn cô Hòa:

"Con ni ngu. Nó là ông vua ông chúa chi mà mi thờ hoài, thờ tới tra rụi răng."

Nhi thấy cô Hòa ngậm miệng cắn răng. Không có bàn thờ nào hết, nhưng đúng là có bàn thờ trong lòng. Mỗi ngày một bông hoa trên bàn của cô, nhưng bông hoa không phải chỉ chưng cho đẹp mà bông hoa tưởng nhớ.

Đó là câu chuyện kể. Nhi không thấy chiến tranh ở đâu hết. Nhưng thấy cô Hòa, thấy nạn nhân của cuộc chiến tàn khốc, thấy nỗi mất mát, bất hạnh và cô đơn của một người con gái, không lên xe hoa mà đã thành quả phụ. Thấy trong mắt bà nội, mỗi lần nói đến Huế là như hiện lên đền đài, cung điện, giòng sông, căn nhà cổ. Nhớ ngày đi đón, bà Nội gầy nhom, hom hem, bịnh hoạn. Nhưng bây giờ khác rồi, bà đã mập mạp, đỏ da thắm thịt, lời của cô Hòa. Không có những thùng hàng gửi về đều đặn, bà Nội cũng không còn sống để sang đây. Ở Mỹ mà bà bắt con cháu tìm cho được bộ bài tứ sắc, bài tới, cái lược dày lược sưa. Hỏi mãi, Nhi mới biết cái lược dày để chải chí, lược sưa để chải tóc. Đâu còn ai có con chí nào trên đầu, nhưng lâu lâu bà nội cũng bỏ búi tóc ra, tóc đã bạc hết, lơ thơ. Bà Nội lấy tờ giấy trắng để trên bàn rồi cúi đầu đưa cái lược cào cào. Cũng còn thói quen nhìn xuống tấm giấy xem có con chí nào rớt xuống không.

"Cào như ri đỡ ngứa lắm."

Chỉ có gầu trên da đầu già nua tróc ra, rơi xuống những bợn nhỏ trắng xám.

"Ngứa tay dễ sợ."

Bà Nội nói. Nhi không hiểu. Cô Hòa phải giải thích. Bà Nội ngứa lắm, ngứa từ đầu ngón tay, đầu móng tay. Khi xưa, mỗi lần chải lược dày, mớ tóc của bà Nội mượt lắm. Những con chí bị cào rớt xuống còn cố bám đeo vào những cọng tóc rụng. Và bà Nội dí móng tay xuống giết, tờ giấy trắng tinh lỗ đỗ những vệt máu đỏ túa quanh thân chí màu đen. Còn trứng chí nữa, dí tay xuống, kêu cái bộp sướng lỗ nhĩ. Nhi rùng mình, thấy ngứa trên đầu, những sợi tóc lùng bùng như có con gì đang bò trong đó. Biết là chỉ tưởng tượng, Nhi cũng vội vã đi gội đầu.

"Hồi nớ, cô cũng có chí trên đầu."

Cô kể, xứ Huế, cả một mùa đông mưa dầm gió bấc, lụt lội, quần áo phơi không khô, đôi khi có mùi mốc ẩm. Tóc đi dầm mưa về ướt, vậy là tự nhiên sinh ra con chí ngồi trên đầu mình vừa hút máu vừa ỉa, có chơi cha người ta không. Nên cô Hòa phải mượn bà nội cái lược dày bằng sừng trâu để chải chí.

Nhưng cảnh vật, trong lời kể của cô, trong đôi mắt mơ màng hồi tưởng thì đẹp không tả xiết. Cầu Tràng Tiền sáu vài mười hai nhịp vắt ngang trên mình giòng sông Hương xanh biếc, nước trong veo như tấm gương đợi chiều phản ánh hoàng hôn muôn màu muôn sắc. Đó là những ngày mùa hạ, còn mùa thu, có những buổi sáng, người ta đi trong sương mù không thấy rõ mặt nhau. Những ngày trời mùa thu mà trong vắt, để những sợi tơ trời bay, đuổi theo những mái tóc thề mượt mà thơm nức mùi bồ kết, mùi chanh của con gái Huế. Mùa lụt, nước nhảy lên đường phố để rửa những gót chân hồng con gái.

Còn chuyện tình thì tuyệt diệu. Ở thời của Nhi không thể nào có, cũng không thể nào tưởng tượng ra. Chàng có thể để ý, thương thầm trong lòng, theo gót chân nàng đến trường học suốt bốn mùa, năm này qua năm khác mà không có một dịp tỏ tình. Khi tỏ tình được rồi, còn khuya mới nắm được bàn tay, đụng vào tà áo. Người thanh niên đẹp trai, trong tấm hình chụp chung mà cô Hòa khoanh tròn đó, không phải là không có dịp kề cận, chung đụng với cô. Cô nói:

"Lúc hai người ở chung trong một căn nhà đổ nát ở một cái làng người ta đã bỏ đi gần hết. Đã có lúc gần... hư. Vậy mà Phụng cũng đồng ý là gìn giữ cho nhau tới ngày cưới."

Còn bà Nội, như đã đem cả xứ Huế sang Mỹ cho cô Hòa, mỗi ngày mỗi chuyện về kỷ niệm. Từ cái chổi sau hè, mùi thơm hoa bưởi góc vườn, cái gáo nước úp trên lu đặt phía dưới một máng xối, mùa mưa lụt, mụt măng mọc nhanh cắt không kịp để nấu với thịt chim trời, cò vạc. Chuyện xóm trên xóm dưới, chuyện các ông vua bà Chúa trong Cung... Kể thì kể, nhưng bà Nội không quên cằn nhằn:

"Mi thiệt là ương ngạnh. Chừ không chịu lấy dôn phải không? Ừ, Mỹ không lấy, tao hiểu được, chớ đàn ông Việt Nam qua đây, học hành đỗ đạt mi cũng chê, răng rứa?"

Bà Nội đay nghiến. Nhi còn nhớ, từ hồi Nhi còn nhỏ kia, đã có nhiều người đàn ông lui tới. Bà Nội cũng đã nhiều lần gả chồng cho cô, nhưng lần nào cũng... hỏng, vì cô nhất định ở vậy. Tại sao à? Cô nói:

"Tao để dành, kiếp sao tao gặp người nớ mới lấy."

Nhi kể cho Kevin nghe. Cả hai đều không thể hiểu tâm lý... người xưa!

*

Một buổi chiều, Kevin và Nhi đưa cô Hòa ra biển chơi. Kevin đã mê chuyện Huế và những cuộc tình rất cổ điển, thủy chung như chuyện tình của cô Hòa. Anh ta nói, nay mai về được Việt Nam, nơi mà anh nô nức muốn thăm là thành phố Huế.

Trong lúc Kevin và Nhi đùa nghịch với nước, với cát thì cô Hòa ngồi thừ người nhìn ra biển đông. Nhi chạy tới, ghẹo cô:

"Cô nhìn gì mà xa vậy?"

Mắt cô Hòa dõi xa lắm, như soi tận bên kia bờ Thái Bình Dương.

Nhi lại hỏi:

"Thấy Việt Nam không?"

"Bên nớ."

"Còn Huế, Huế mô."

"Không biết."

Nhưng cô mỉm cười. Mắt mơ màng như đang dậy lại một thời xưa cũ.

"Huế ở trong lòng. Huế đây nì."

Nhi khựng lại. Con bé trầm ngâm, không đùa được. Mặt biển, mới tràn rực nắng đó, đã trầm xuống một một mầu xanh thẫm nhớ nhung. Nhi thấy đôi môi cô Hòa kéo một nụ cười, không đoán ra nụ cười buồn hay vui, nhưng chắc chắn, nụ cười đó có từ một kiếp nào khác, không liên can gì tới cuộc đời còn lại này nữa.

☯ ***Nhã Ca***

Mẹ bỏ con

Võ Văn Tùng

Mẹ bỏ tôi đi, đường xa vạn dặm
Mẹ bỏ con đi, đường xa mịt mùng...

Tháng Ba năm ấy tình hình chiến sự vùng 2 chiến thuật trở nên vô cùng sôi động, khiến cho tinh thần dân chúng địa phương hết sức căng thẳng. Địch đang cố dương đông kích tây với mục đích đưa quân đội miền Nam vào mê hồn trận, không biết đâu là diện, đâu là điểm.

Qua tin tức tình báo bắt được, Ban Mê Thuột có thể là dứt điểm của cuộc tấn công một mất một còn sắp xảy ra, nhưng Bộ Tư Lệnh Vùng không tin cuộc bài binh bố trận lại giản dị như vậy nên nghiêng hẳn trọng tâm phòng thủ về phía Pleiku, bỏ hở Ban Mê Thuột.

Tỉnh lỵ quản yếu nhất nhì của Cao nguyên bị lọt vào tay địch trong những ngày đầu tháng Ba 1975, và sau đó là những quyết định liều lĩnh của một nhóm tướng lãnh buộc hàng trăm ngàn người phải theo một tử lộ để rút lui về miền duyên hải, một con đường dài đầy gian nguy, khổ ải, đem lại biết bao tang tóc cho đoàn người di tản.

Cùng trên con đường chạy giặc này, Ngọc với hai con là Duyên, 4 tuổi và Tammy 6 tháng may mắn được người quen nhường cho một chỗ trên chiếc xe Dodge 4 của một đơn vị tiếp vận. Qua ngày thứ hai xe bị hỏng máy, Ngọc phải tay bồng tay bế dẫn con chạy bộ theo đoàn người tị nạn...

Đến ngày thứ ba, bé Duyên đuối sức, vừa khóc vừa nhỏng nhẽo:

— Con muốn về nhà! Con khát nước, con đói bụng. Con không muốn đi nữa.

Kịp khi ấy có một người dẫn chiếc xe đạp đi qua, Ngọc liền chặn lại năn nỉ xin cho con gái ngồi đỡ phía sau.

Trận chiến bỗng trở nên ác liệt. Địch bắt đầu pháo vào giữa đoàn người đông đảo gây nên một sự hỗn loạn kinh hoàng. Những tiếng la hét, cầu cứu, rên xiết của đám người bị trúng đạn vang dội cả khu rừng. Trong thoáng chốc Ngọc lạc mất đứa con gái đầu lòng. Vừa khóc vừa kêu cứu và vừa cố chen lên phía trước để tìm con, nhưng sức người có hạn, chị không thể vượt qua được chướng ngại biển người.

Mất Duyên trong nháy mắt, Ngọc ôm chặt bé Tammy vào lòng. Tammy đang khát sữa không chịu rời khỏi vú mẹ.

Khi những đợt pháo kích ngưng lại, máu ngừng đổ thì lại có vài người bị ngất xỉu vì chịu không nổi nắng trưa chói chang và đói khát. Số đông lùi vào phía trong tìm bóng cây tạm nghỉ để dành sức tiếp tục đi nữa trên đoạn đường dài hứa hẹn còn nhiều gian khổ.

Đồi núi cao nguyên miền Trung chập chùng. Một vài vệt trắng nhỏ vươn lên từ những căn nhà sàn trong buôn thượng phía xa xa, chứng tỏ quanh đây vẫn còn có sự sinh hoạt.

Mắt dõi theo từng lượn khói ấy, Ngọc chợt tìm được một tia hy vọng. Trước đây đã từng làm ăn buôn bán với đồng bào thiểu số, biết nói chút ít tiếng Thượng trong lúc giao thiệp, chị chợt nghĩ:

"Mình kiệt sức rồi. Bây giờ gạo cơm đã cạn, đói khát đến nơi, tứ cố vô thân, không biết nhờ ai, chẳng lẽ bất lực ngồi nhìn cảnh chết, chi bằng mình đem con cho họ nuôi dùm rồi tính sau. Nhờ trời ngày nào còn sống sót, mình sẽ trở về xin lại..."

Như tìm được con đường sống, Ngọc quyết định tách rời khỏi đám đông, một mình bồng con theo đường mòn nhỏ dẫn lên triền núi rồi cứ thế mà đi... Đứa bé vẫn tiếp tục ngoạm đầu vú mẹ, nút mãi không muốn rời ra.

Đến lúc trời chiều, đôi chân hết lê nổi, hai mẹ con đành nằm lăn ra đó và thiếp đi dưới tàn cây cổ thụ.

Sáng hôm sau, mặt trời vừa ló dạng, ánh sáng ban mai xuyên qua cành lá đánh thức chị dậy. Liếc nhìn đứa

bé còn thiêm thiếp ngủ, Ngọc thấy thương con vô cùng. Trong giây phút khủng hoảng tinh thần tột độ, chị đi đến một hành động táo bạo. Ngọc liền cởi chiếc áo dài đang mặc, nhẹ nhàng quấn tròn theo thân hình nhỏ bé của con rồi bồng nó đặt bên gốc cây cạnh đường mòn, con đường dẫn tới gần buôn của người Thượng. Hai tay chị chắp lại, miệng lâm râm khấn vái, cầu sao cho có người đi đường nhìn thấy đứa bé, thương tình lượm về nuôi dùm.

Phần mình, Ngọc vừa khóc vừa cố lết ra bìa rừng để mong được gặp người cứu giúp. Từ đó không ai biết chị còn sống hay đã chết bụi chết bờ.

*

Trong túp nhà sàn, một ông già nước da đen sạm nắng, nét mặt khắc khổ, tóc bạc phơ, ngồi giữa, hai bên là hai người cao niên khác, khố đóng quanh lưng. Phía trước họ là một cô bé quỳ gối, hai tay vòng trước ngực.

Giọng ông già sang sảng, bằng tiếng Thượng đại ý:

— Ta lượm được con ở bìa rừng, đặt tên con là Nay Lin. Lúc ấy con chừng năm sáu tháng, còn đỏ hoe. Ta nuôi con đã được 13 năm chẵn. Các vị bô lão quyết định đuổi con ra khỏi buôn nhiều lần rồi, nhưng ta vì quá thương con nên đã tìm cách nấn ná. Hôm nay ta phải dứt khoát, không giữ con lại được nữa.

Nghe lời, Nay Lin tỏ ra bối rối vì sự việc xảy ra quá đột ngột, không biết lý do vì sao mình bị đuổi ra khỏi buôn làng. Suốt trong 13 năm liền, Nay Lin là một cô gái Thượng nề nếp, gương mẫu. Khi chưa đủ sức đi làm rẫy, em đã cố gắng quán xuyến công việc nhà được giao phó từ nấu cơm, rửa chén, dọn dẹp. Hàng ngày nếp sinh hoạt ít khi thay đổi, cứ đúng giờ ngọ, trai tráng trong làng tụ tập tại "nhà chung", ăn uống thô sơ, cơm với muối, thêm chút thịt rừng. Buổi tối họ tụ tập la hét múa may vui đùa chung quanh bếp lửa hồng.

Tuy sống và lớn lên ở rừng núi, dầm mưa giãi nắng, nước da bị rám sậm nhưng Nay Lin không đen đủi như những cô bé gái khác. Ở xứ Thượng có tục tảo hôn, tuổi mười ba đã có thể lập gia đình, Cô bé được nhiều bạn trai ngấp nghé, nhưng chưa ai lọt vào mắt xanh của em. Em không có của cải, cần phải làm việc nhiều mới đủ vốn liếng cưới chồng. Nay Lin đã làm việc dưới sự chỉ dẫn của một ông già. Tên ông là "Ông già dân tộc". Ông đứng đầu trong buôn làng, có nhiệm vụ phân phối công việc cho mỗi người, kẻ nầy đi làm rẫy, nhổ sắn, kẻ khác đi bẫy thú rừng. Cho đến hôm nay, em chưa làm một điều gì trái ý ông già dân tộc để phải bị đuổi nhục nhã như thế.

Đang còn thắc mắc thì Nay Lin được "Ông già dân tộc" giải thích rõ ràng:

— Con không phải là người Thượng. Con là người Kinh. Ta biết trước sau gì con cũng bỏ Buôn mà đi. Con sẽ phản ta, chi bằng ta đuổi con trước để sau này ta khỏi phải hối hận và đau khổ.

Nay Lin ngạc nhiên hỏi lại:

— Già ơi, con là người Kinh thật sao?

Ông già trả lời một cách nghiêm chỉnh:

— Đúng như vậy. Con là người Kinh, con không thể sống với người Thượng mãi. Ta sẽ cho người chỉ đường để con trở về sống với họ.

Cô gái lắc đầu:

— Con không tin. Có phải ông già không còn thương con nên không cho con ở nữa.

Ông già thở dài, tránh không nhìn vào đôi mắt đẫm lệ của đứa con mà ông đã nuôi, đã thương yêu như ruột thịt.

— Ta thương con vô cùng. Nhưng luật lệ của Buôn bắt buộc như vậy, ta đành chịu thua.

Nay Lin ôm mặt khóc nức nở:

— Ông ơi, con còn nhỏ lắm. Ông đuổi con đi, rồi con sẽ ở với ai và làm gì để sống. Con sợ lắm. Con thương ông già nhiều lắm. Con muốn ở gần ông mãi mãi...

Ông già vẫn quay mặt đi. Ông sợ phải lạc lòng lần nữa.

Xã hội người Thượng cũng có tôn ti trật tự, có tục lệ đặt ra phải theo. Đẻ con trai, cả làng ăn mừng. Ai đẻ con gái sẽ bị phạt như phải đi lấy nước hay làm rẫy nhiều hơn. Theo tập tục đứa bé sơ sinh được đem phơi nắng trong ba ngày. Đứa nào sống sót mới được nuôi nấng tiếp. Đứa nào chịu không nổi thì chết và bị đem chôn không chút thương tiếc. Trong đời sống lạc hậu này, người con gái phải ra sức lao động để nuôi thân và dành dụm để mua lễ vật cưới chồng. Con gái hễ thích người nào, không cần thưa với cha mẹ, chỉ nói cho Ông già dân tộc biết, rồi theo sự đòi hỏi của nhà trai, nạp đủ lễ vật là cưới được chồng. Người chồng sẽ là một thanh niên trán thấp, cằm vuông,

nước da sạm nắng đen thui với những bắp thịt rắn chắc, suốt năm chiếc khố quanh lưng và cái rựa cầm tay.

Ngôn ngữ của họ không được phát triển nhưng chuyện trai gái gặp nhau, thương nhau là bản tính trời cho, không cần ai dạy vẽ.

Ở trong buôn, Nay Lin được mọi người mến chuộng vì em rất dịu hiền. Trời sinh ra con người tính bổn thiện, lại thêm đời sống còn man khai nên mọi việc xẩy ra đều đơn giản. Tình yêu cũng thế, hết sức mộc mạc đơn sơ. Riêng trường hợp Nay Lin, vì em mồ côi nên không được ở chung nhà với cha mẹ như những đứa trẻ khác cùng lứa tuổi. Em phải ngủ một mình trong căn nhà sàn công cộng. Bất thình lình bị đuổi ra khỏi buôn Thượng, Nay Lin sợ hãi lắm. Em chỉ còn biết khóc lóc, năn nỉ lạy lục ông già. Nhưng cả ba người, ông già và hai phụ tá vẫn một mực lắc đầu.

— Ta không thể làm gì hơn được. Ta đã chọn hai con gà thật to cho con làm của. Ngày mai thằng Y-Blam sẽ đưa con xuống núi và chỉ đường cho con về Kinh.

— Con không phải người Kinh. Con không phải...

Nay Lin òa khóc và đâm đầu chạy vào trong rừng. Bất kể gai đâm cành vẹt, nó cứ chạy và dừng lại khi gặp một con suối chặn ngang. Cô bé ngồi bệt xuống bên giòng nước và tiếp tục khóc.

Không bao giờ nó muốn xa bản làng, buôn Thượng. Mẹ nó, dù người đàn bà ấy là Thượng hay Kinh đối với nó cũng không quan trọng bằng ông già đã nuôi nó lớn. Nó còn nhớ, một lần vào năm tám chín tuổi gì đó, một hôm thấy có hai mẹ con trong nương rẫy ở sườn đồi. Đứa bé gái hái hoa dại đưa cho mẹ. Bà mẹ đã kết thành một vòng hoa tròn đeo trên đầu con. Người mẹ âu yếm ôm đứa bé gái vào lòng hôn hít. Nay Lin đứng nhìn sững, rồi chạy về hỏi ông già:

— Già ơi, con có mẹ không?

— Không. Con không có. Người mẹ nào đó đã bỏ con.

— Bỏ con. Tại sao lại bỏ con?

Nay Lin kêu lên, dụi đầu vào lòng ông già. Bàn tay khô cằn của ông vuốt lên mái tóc hoe vàng mịn màng của con bé:

— Mẹ con đã chết. Có chết mới bỏ con. Ta là người nuôi con.

"Người mẹ chết đi mới bỏ con". Từ đó Nay Lin tin chắc là người mẹ nào đó sinh ra nó đã chết.

Vậy còn ông già. Không sanh ra Nay Lin nhưng có công nuôi dưỡng. Hồi còn nhỏ, ông già cũng ôm nó vào lòng, chăm lo khi nó đau ốm. Lúc nó ngã té trầy đầu gối, ông già cũng suýt xoa, nhai lá đắp lên vết thương. Nay Lin đau rát, la khóc, ông già dỗ dành, trìu mến. Vậy tại sao ông già cũng bỏ nó? Khóc lóc một lúc, nó trở lại căn nhà sàn tìm ông già, nhưng ông già đã tránh mặt, bữa đó ông đã bỏ đi uống rượu.

Tin Nay Lin bị đuổi ra khỏi buôn trả về Kinh đã loan khắp làng, trai gái chạy ùa lại thăm hỏi rộn ràng. Tối hôm đó, một buổi lửa trại đã được tổ chức để tiễn đưa đứa con lưu lạc trở về với nòi giống của nó. Ngay lúc ánh trăng vừa nhô lên, dân bản làng đã tụ tập đầy đủ, từ người già cả, cho đến đứa bé sơ sanh còn đỏ hỏn trên tay. Nay Lin tuổi còn ngây thơ, buồn đó rồi vui đó. Bên ánh lửa bập bùng soi sáng cả một vùng rừng núi âm u, em cũng bị đám trai gái lôi kéo vào cuộc vui, nhảy múa. Một con trâu bị buộc sẵn vào thân cây và một đám thanh niên lực lưỡng cầm dao đâm tới tấp vào các chỗ nhược. Con vật nhảy chồm lên, kêu rống thảm thiết. Máu từ cổ vọt ra có vòi. Tức thì những người khác đưa những cái thùng bằng cây vào hứng máu, và những vò rượu trắng được đổ vào hòa với máu trâu. Trong thùng, những cái cần dài được để sẵn, máu trâu còn nóng, nồng mùi với rượu, được mọi người thay phiên nhau vừa hút vừa nhảy múa chung quanh vồng lửa đỏ rực.

— Con lại đây.

Ông già dân tộc kéo Nay Lin đến bên thùng rượu, đích thân ông đưa cần cho Nay Lin. Nay Lin làm một hơi không kịp thở. Ông già đặt tay lên đầu Nay Lin:

— A La phù hộ cho con.

Nay Lin hiểu tiếng A La là để chỉ ông Trời. Ông già không nói thêm một lời nào, quay lưng đi. Thoáng chốc không ai thấy ông đâu nữa.

Trở lại bên đống lửa hồng, Nay Lin ngửi thấy mùi thịt trâu nướng bốc lên thơm phức. Trai gái cầm tay nhau vừa hát vừa nhảy theo nhịp phèng la vang động cả một góc trời.

"Ở đây vui quá. Không hiểu ra khỏi buôn có vui như vậy không?"

Một nỗi buồn thoáng qua làm ủ dột khuôn mặt ngây thơ của đứa con gái sớm dậy thì trước tuổi. Rồi Nay Lin cũng bị lôi kéo vào đám bạn, tiếp tục

nhảy múa, ca hát. Cuộc vui kéo dài đến khuya, mọi người lăn ra ngủ.

Sáng sớm hôm sau, khi gà rừng vừa cất tiếng gáy Nay Lin thức dậy đã thấy Y Blam đứng chờ sẵn. Con bé ngỏ ý, muốn tạt qua nhà Ông già dân tộc nói vài lời từ biệt.

Nay Lin là người Kinh, có máu lai Mỹ, nên cao lớn hơn những cô gái cùng tuổi. Nước da trắng, rám nắng, ngực để trần với đôi nhũ hoa vừa chớm nhú tròn trịa. Bụng thon gọn lộ chiếc rún tròn và sâu. Phía dưới là chiếc khố đã phai màu, kết bằng dây bìm bìm đánh lại khá mỹ thuật che chỗ kín của thân thể. Với quan niệm của người Thượng, chỉ có một chỗ cần che, phần còn lại, ông trời trên cao sinh sao để vậy.

Ông già dân tộc ngồi đó, hai hàng nước mắt chảy dài trên má. Thấy Nay Lin, ông xua tay có ý bảo "Hãy đi đi", rồi ông quay lưng lại không muốn nhìn thấy cảnh biệt ly đau lòng. Kể từ hôm nay ông đã mất đứa con nuôi mà ông hằng thương mến như con ruột. Ông bị áp lực phải đuổi nó ra khỏi bản thôn chứ trong thâm tâm ông không muốn làm như vậy.

Nay Lin buồn bã, theo Y Blam từ từ đi xuống núi. Từng bước chân trần đạp trên cỏ khô nghe rào rạc, vang dội trong cánh rừng tịch mịch. Chưa hề đi xa, nên cứ một đoạn, nó quay lại nhìn cho tới khi buôn làng hoàn toàn chìm khuất phía sau. Lầm lũi bước theo người bạn trai xuyên rừng vượt núi, gặp con suối nhỏ nước sâu Nay Lin không lội qua được, Y Blam đành phải cõng cô gái trên lưng. Sự cọ xát của đôi ngực trần với làn da của người khác giống lần đầu tiên trong đời đem lại cho nó một cảm giác lạ lùng, thích thú. Em vui cười hớn hở, đưa tay đùa nghịch khuấy nước chung quanh, tát ngược vào mặt cả hai người làm cho họ cùng cảm thấy mát mẻ, khỏe khoắn.

Ra khỏi khu rừng, hai người men theo đường cái mà đi. Qua một đoạn đường dài Y Blam dừng lại đưa tay chỉ về phía có nhóm nhà ngói đỏ mãi tít đằng xa và ra hiệu cho Nay Lin tìm về nơi ấy. Y Blam run run cầm tay người bạn gái nói lời từ biệt rồi xoay lưng theo con đường cũ trở lại buôn.

— Y Blam!

Con nhỏ kêu lên hai tiếng. Y Blam quay lại, đưa tay ra dấu cho nó đừng tới gần nữa. Rồi anh đâm đầu chạy, Nay Lin chỉ còn nhìn thấy cái lưng trần, thoáng chốc đã biến mất vào khu rừng lá bên đường.

*

Y Blam đi rồi, Nay Lin ngớ ngẩn nhìn về phía núi. Buôn làng đã xa lắm. Nó đành lủi thủi bước tới. Đi thêm một đoạn khá dài gặp một trạm xe buýt thì dừng chân lại, nó thấy nhiều người đang đứng lô nhô. Lần đầu tiên nhìn người Kinh, nó ngạc nhiên vì họ ăn mặc kín đáo, không để lộ phần bên trên, lại còn trố mắt nhìn mình nữa. Không phải họ chưa từng biết người Thượng, nhưng người Thượng có giòng máu lai thì đây là lần đầu họ thấy. Rồi một chiếc xe kỳ lạ chạy tới, đậu lại. Mọi người vội vã leo lên xe. Không hiểu sao nó cũng leo lên theo. Xe chạy vào tỉnh lỵ, nó say mê chăm chú nhìn cảnh vật chung quanh. Xe ghé qua nhiều trạm, kẻ lên người xuống Nay Lin vẫn không để ý. Đến trạm cuối cùng xe dừng lại, nó vẫn ngồi yên trên xe, không dám bước xuống.

Người tài xế tưởng người con gái Thượng đi lạc, ra dấu ngỏ ý muốn chỉ đường cho nó trở về buôn nhưng nó lắc đầu quầy quậy. Hành động như một người câm, nó chỉ vào núi, vào mình, vào anh ta, rồi chỉ vào chợ. Người tài xế không hiểu cô gái Thượng muốn nói gì.

Trời đã chạng vạng tối, anh đành mời cô gái xuống xe và ra dấu đòi tiền. Người con gái lại ngơ ngác lắc đầu, nhưng rồi cũng đưa cho anh ta một con gà.

Thấy người Thượng thật thà, dễ thương, người tài xế không nỡ lấy con gà mà còn đích thân dẫn em bé vào trong chợ, nhờ bà con cô bác lo dùm.

Bạn hàng tưởng cô gái người Thượng đem gà đi bán nên vây quanh đòi mua. Cô gái lại một lần nữa lắc đầu. Hoàn toàn không biết tiếng Kinh, Nay Lin lại đưa tay ra dấu chỉ về phía núi, vào mình, rồi chỉ mấy người đang đứng xúm xung quanh, đưa hai tay ra nắm chặt tay họ như muốn nói: "Tôi cũng là người Kinh giống như mấy người."

Nhưng không ai đọc nỗi được ý nghĩ đó làm cho cô gái Thượng lộ vẻ bất mãn ra mặt.

"Ông cho con hai con gà làm của. Khi nào cần lắm mới được bán."

Tiếng ông già còn văng vẳng bên tai. Ông còn dặn dò nữa:

"Phải giữ hai con gà nầy cho thật kỹ, đừng để người ta ăn cắp."

Nay Lin ôm chặt hai con gà.

Pleiku, Kontum là hai thị xã có sự tiếp xúc với người

Thượng nhiều hơn các tỉnh khác. Có những đại đội địa phương quân toàn là người thiểu số. Họ sống riêng biệt, xa thành thị, đem ngũ cốc, quế, lan rừng xuống phố đổi lấy mền, phèn la, muối, đồ khô...

Trời về chiều mà cô bé vẫn ngồi nhìn cảnh vật rộn rịp xung quanh, thỉnh thoảng nhoẻn miệng cười một mình. Em rất nô nức khi thấy cảnh chợ búa đông đúc vui vẻ. Đến khi đêm xuống, chợ trống trơn, không còn hình bóng một ai, cô bé mới dám đặt mình lên chiếc sập dài giữa chợ, ngủ một giấc ngon lành.

Khi tiếng gà bắt đầu gáy sáng, Nay Lin theo thói quen vùng dậy làm công việc nhà. Nhìn quanh quất chẳng có ai, cảnh vật khác lạ, em đâm ra hoảng sợ. Tuổi nhỏ không biết sẽ phải đối phó làm sao, em ngồi co ro trong mép sạp chờ trời sáng hẳn.

Bạn hàng bắt đầu ra chợ dọn hàng, Nay Lin vẫn ngồi đó. Thấy cô gái Thượng dễ thương, người nầy đãi em tô bún, kẻ khác cho em cái bánh, cái kẹo. Đói bụng, ăn món gì Nay Lin cũng thấy lạ và ngon miệng.

Mấy ngày sau, bạn hàng thấy Nay Lin vẫn ngủ trong chợ, không còn ai thắc mắc nữa và nghĩ rằng: "Cô gái Thượng ham vui, không chịu về nhà."

Tội nghiệp Nay Lin, sống giữa thiên nhiên quen rồi, em không biết mắc cở. Mấy ngày đầu, em bị bọn thanh niên du đãng tìm mọi cách để trêu chọc, không bỏ cơ hội đụng chạm, sờ mó thân thể em. Nay Lin không phản đối, chỉ nhoẻn miệng cười. Duy chỉ cái khố, em không cho ai đụng đến, hoặc tháo ra. Nhớ lời ông già đã từng căn dặn:

"Con phải cột cho chặt, như vậy không ai hãm hiếp con được." Cũng may, mấy bà bạn hàng rất thương mến Nay Lin, ra sức che chở.

Họ bày cho cô bé tư thế để tự vệ bằng cách ngồi co rúm lại, và sau đó, bà bán bún cho em cái áo mặc che ngực, bà bán vải cho cái quần. Lúc đầu mặc áo quần vào thấy ngứa ngáy khó chịu, dần dần rồi cũng quen đi. Nay Lin đã bán bớt một con gà để mua cái mền, chiếc chiếu.

Nhận sự bố thí của mọi người trong chợ, rồi sau đó qua sự giúp đỡ của mấy bà bán hàng, con bé được huấn luyện làm những việc thông thường như dọn hàng vô thùng hay lấy hàng ra chưng dọn, để đổi lấy miếng cơm manh áo. Nó cũng đã học được vài tiếng Kinh thông dụng.

Ở trong Buôn, Nay Lin sống lủi thủi trong căn nhà công cộng, sớm biết mình côi cút. Cơm nước tập thể, thường thơ thẩn rong chơi một mình, khi ra tắm ở bờ suối, khi đi bẫy thú hoang trong rừng. Tối đến nằm cô đơn một mình. Cuộc đời trầm lặng tưởng đâu được an bài như vậy, không ngờ nay phải sống trong một nơi xa lạ đầy hiểm nguy.

Ở xã hội văn minh, bất cứ chuyện gì đối với người Thượng cũng là điều mới lạ. Từ ăn uống đến trang phục. Từ tiếng nói đến nụ cười. Hình như ở đây người ta sống vui vẻ hơn, cười nhiều hơn,.

Thấm thoát lây lất trong lòng chợ hơn một năm, Nay Lin được một bà bán hàng lớn tuổi đem về cho ở trong nhà, với ý đồ ghép nó cho cậu con trai đầu lòng đang mang chứng bệnh tâm thần. Nay Lin ngây thơ không biết âm mưu của người đàn bà nên vui vẻ nhận lời. Em được cho tiền, được may quần áo mới. Tuy nhiên khi về ở trong gia đình này, em không ngờ bị đối xử tàn tệ, bị bắt làm nhiều công việc nặng nhọc. Hơn nữa bị chê là người Thượng dơ bẩn, em không được ngồi ăn cùng mâm. Nay Lin có trí khôn, sớm khám phá mình bị lừa nên bỏ nhà ra sống trong lòng chợ trở lại.

Lang thang, nhờ vả bà con trong chợ, nhiều lúc Nay Lin cũng nhớ tới buôn làng, nhớ ông già dân tộc, nhớ chàng trai Y Blam đã dẫn mình xuống núi. Một lần nữa, vì thèm đời sống gia đình em nhẹ dạ theo lời dụ dỗ về sống với một gia đình khác. Nơi này cũng bắt em làm việc như trâu cày, coi em như tôi tớ. Cuối cùng, em lại tìm về lòng chợ, nhất quyết chọn nơi đây làm nhà.

Sống và tiếp xúc nhiều, Nay Lin đã khá sành sõi tiếng Việt. Lũ trẻ bụi đời kết thân với em, dạy em tập đọc, tập viết sơ sài và không gọi em là Nay Lin nữa. Từ nay tên em là Lin, ngắn gọn hơn và em đã lột xác thành một cô gái Kinh mang hai giòng máu Việt Mỹ.

Theo đám trẻ bụi đời, từ Pleiku Lin tìm về thành phố Nha Trang sinh sống. Những bãi cát trắng ven biển hay những căn nhà hoang vắng chủ là nơi họ dùng để tạm nghỉ chân và tụ tập. Ở đây, Lin lại được chị Huệ, một trùm du đãng khét tiếng có nhiều quyền uy đối với dân bụi đời, dung dưỡng. Hàng ngày, cả bọn chia nhau đi bán đồ ăn, thức uống tại nhà ga hay các

trạm xe hàng, mỗi tối đem tiền về nạp cho chị Huệ. Kathy Huệ còn liên kết với những băng nhóm khác, đem hàng lên bán ở trên xe lửa, tuyến đường Nha Trang — Sài Gòn và Lin đã nhanh nhẹn ngược xuôi buôn bán trên các chuyến tàu ấy.

Bây giờ, Lin đã mười sáu tuổi. Thân hình nẩy nở khá toàn vẹn. Mắt xanh, mũi cao, môi thắm với hàm răng trắng như ngà, em như một thỏi nam châm thu hút mọi lớp tuổi đàn ông. Nhiều người lưu manh, nghĩ em nghèo, đã dùng tiền dụ dỗ rồi giở trò ong bướm. Cô bé luôn luôn chống cự, nhờ chiếc khố quấn thật chặt, buộc thật chắc và với sự chống trả mạnh mẽ, em luôn được an toàn. Bất cứ ở đâu, đàn ông cũng nhìn em với cặp mắt thèm thuồng thiếu lương thiện, bám sát theo và đòi hỏi dục vọng.

Có nhiều buổi chiều, ngồi một mình nhìn ra biển cả mênh mông, Lin nhớ rừng kinh khủng và thèm được trở về sống yên ổn bên cạnh "ông gia dân tộc", thèm tắm trong giòng suối mát lọt giữa rừng sâu, thèm nghe tiếng gà rừng gáy mỗi sáng, tiếng chim ríu rít trên cành, thèm những buổi đi săn đuổi theo chồn cáo, những buổi nhảy múa rộn rã với tiếng phèn la bên đống lửa sáng bừng bừng. Lin vừa thương vừa giận ông già đã đành lòng đuổi nàng đi.

"Lòng dạ người Kinh không được tốt. Người Kinh hay phản trắc."

Ông già đã từng nói vậy. Lin không tin. Cô bé vẫn nhớ rừng, nhớ ông già, nhớ làng bản. Nhất định có một ngày sẽ trở về, gặp ông già hỏi cho ra lẽ. Nhưng cuộc sống cứ kéo nó xa mãi rừng núi, buôn làng.

Vào những năm 1988-1990, phong trào đăng ký diện con lai được phát động rộng rãi. Chị Huệ dụ Lin xin đi Mỹ và lợi dụng hoàn cảnh, lo lót công an, ghép Lin làm con gái ghi vào trong hộ khẩu để xin đăng ký diện con lai. Lin nay đã khôn lớn, cũng muốn rời bỏ cuộc sống lây lất vô gia cư vô nghề nghiệp nên đồng ý để chị Huệ lo giấy tờ.

Chị Huệ dẫn Lin theo người mối lái đến nạp đơn nơi Cục quản lý xuất nhập cảnh. Chỉ một thời gian ngắn điều chỉnh giấy tờ, em được Phái đoàn Mỹ gọi về Sài Gòn phỏng vấn. Sau khi được chấp nhận đi Mỹ, Lin và Huệ được đưa về sống trong Trung Tâm Chuyển Tiếp Con Lai ở quận 11, nằm đối diện với Đầm Sen nên được dân chúng địa phương gọi tắt là Trại Đầm Sen, chờ đợi thủ tục sau cùng để đi Mỹ. Chương trình này do chính phủ Hoa Kỳ tài trợ để lo cho những trẻ có hai giòng máu Việt Mỹ bị bỏ rơi, bị chính quyền mới bạc đãi, thù hận. Trại gồm có những dãy nhà ở tiện nghi, có phòng ăn, có phòng đọc sách, nơi giải trí. Thức ăn ngày ba bữa thừa mứa. Nếu không muốn ăn sáng, trại viên sẽ được lãnh một hộp sữa, đem ra ngoài bán cũng có tiền tiêu vặt.

Tại đây, Lin được đi học Anh ngữ vào buổi sáng. Hình ảnh của nước Mỹ văn minh, giàu sang được chiếu hằng đêm trên màn ảnh lớn làm ai cũng hao hức muốn được nhanh chóng ra đi, nhưng có nhiều buổi chiều, khi nắng vàng tắt, cô bé ngồi im một góc, nhớ cảnh nhớ người. Nghĩ tới từ nay không còn dịp gặp ông già dân tộc, em không khỏi ngậm ngùi.

Lin bây giờ được chị Huệ đổi tên là Linda. Linda cùng chị Huệ lại được chuyển từ trại Đầm Sen, lên một chiếc máy bay khổng lồ sang Phi Luật Tân. Ở đây mọi người được trau dồi thêm Anh ngữ và học nghề. Từ Phi Luật Tân, lớp con lai được chuyển dần sang Mỹ định cư. Đến nơi, tiểu gia đình của chị Huệ được một họ đạo ở Riverside bảo trợ, cho đi học thêm Anh ngữ và chuẩn bị kiếm việc làm.

Riverside nằm cách Orange County một giờ lái xe, Linda thường theo chị Huệ về thăm khu phố lớn nhất của người Việt trên đất Mỹ. Ở đây thiên hạ tha hồ mua sắm. Đi shopping Mỹ đã có khu South Coast Plaza sang trọng. Muốn tìm kiếm thức ăn Việt Nam, dọc theo con đường Bolsa, thương xá, chợ búa, quán ăn, không thiếu một món nào.

Mùa hè đầu tiên ở xứ người, Linda cùng bạn bè rủ nhau đi Las Vegas chơi. Kinh thành cờ bạc đã đem lại cho em những thích thú vô bờ. Em say mê ngắm những công trình kiến trúc đồ sộ. Mắt không rời những chiếc máy kéo ra tiền. Em nhìn đôi tay lão luyện của các dealers chia bài với vẻ khâm phục. Về đêm, nơi gọi là thiên đàng hạ giới còn hoa lệ hơn, quyến rũ hơn với ánh sáng rực rỡ muôn màu muôn sắc. Linda chúi đầu vô sòng bài và hôm đó em thua sạch, không còn một xu dính túi.

Sau chuyến đi chơi Las Vegas về, mộng ước trở thành một dealer được manh nha, máu mê cờ bạc cứ sùng sục thôi thúc trong người. Linda

tìm mua một bộ bài rồi bắt đầu tập chia. Chỉ sau một thời gian ngắn, em đã xào bài thật nhuyễn. Chị Huệ là người khám phá ra năng khiếu của Linda nên xúi em chọn nghề nầy.

Cô gái hội nhập đời sống mới rất nhanh. Yêu đời, thích đi đó đây, ăn uống nhậu nhẹt. Em mê TiVi, từng thức suốt sáng xem phim bộ, cũng có những cảm xúc, hồi hộp theo những tình tiết éo le trong truyện như mọi người bình thường. Em có khiếu về âm nhạc, thích giọng hát Khánh Hà, Tuấn Ngọc, thích nhạc Trịnh Công Sơn.

Để chuẩn bị cho một cuộc sống mới, Chị Huệ dọn hẳn về ở Westminster và bỏ số tiền dành dụm đóng cho Linda vào học ở một trường dạy nghề chia bài, đồng thời không quên trau dồi thêm Anh ngữ. Cô bé rất thông minh, học đâu nhớ đó. Nhưng vì khả năng sinh ngữ hạn hẹp nên sau khi tốt nghiệp, việc tìm job có hơi khó khăn. Ban đầu Linda xin làm việc ở sòng bài Bicycle ở Bell Garden City, lương không bao lăm nhưng sống dư dả nhờ tiền "tip" khoảng ba ngàn đồng một tháng.

Sau ba năm làm ăn chăm chỉ em đã dành dụm được một số vốn nhỏ. Có tiền, Linda bắt đầu ăn diện. Với sắc đẹp đông tây hòa hợp của hai giòng máu và với lối phục sức hợp thời trang, ở đâu em cũng trở thành một chú điểm cho người ta nhìn ngắm, trầm trồ. Khi tay nghề đã vững chắc, Linda tiến thêm một bước nữa. Nhờ mưu mô sắp đặt của chị Huệ, hai người quyết định bỏ Los Angeles, dời về sống hẳn ở kinh đô cờ bạc thế giới Las Vegas như mộng ước ban đầu.

Nhờ người giới thiệu, Linda xin được vào làm việc ở sòng bài Four Queens vùng downtown. Số nàng rất may mắn, lúc nào chia bài cũng thắng, chẳng bao lâu được lọt vào mắt xanh của một Pitsboss ở Mirage Casino.

Mirage tuyệt đẹp. Dù chủ nhân là người Âu Mỹ, họ cũng tin về địa lý phong thủy. Người ta đồn rằng Casino nầy được bài trí như một thành trì kiên cố, ai đụng đến cũng khó mà thắng. Phía trước có núi lửa cứ mỗi nửa giờ phun lên một lần, phía bên có hai con cọp trắng nằm nhe răng giữ của. Boyfriend của Linda lại là một tay lão luyện trong nghề, tận tình dạy cho nàng cách đánh thắng một vài loại bài. Linda có khiếu cờ bạc nên hấp thụ rất nhanh những bí quyết để đi đến thành công. Chẳng bao lâu, ngoài tài chia bài nàng lại có thêm nghề đánh bài rất vững chắc. Chuyên trị Poker, Linda trở nên "pro" trong loại bài xì phé kiểu Mỹ bảy lá có tên là Seven Cards Stud. Nàng đánh rất tỉnh, thuộc từng con bài đã ra, đếm bài rất kỹ, không húc liều chờ may rủi. Nàng chỉ theo khi có bài lớn hay khi tính thấy mức thắng có xác xuất cao, vứt bài ngay khi thấy không "ăn trùm" được. Và một khi đã kiếm được số tiền mình muốn, Linda không ngần ngại đứng dậy ăn lường. Gặp bữa vận đen, Linda có thừa can đảm dứt khoát bỏ ra về, tự hẹn hôm khác sẽ trở lại gỡ, không bao giờ để cho bị thua đậm.

Nhờ năng khiếu trời cho cộng thêm kinh nghiệm cũng như mánh khóe đã học được và may mắn thường gặp vận đỏ, Linda bao giờ cũng thắng nhiều hơn thua. Tổng kết mỗi tháng nàng đem về nhà chục ngàn là thường.

Để khỏi bị lộ tẩy. Linda vẫn giữ nghề dealer của mình. Càng ngày tay nghề càng lão luyện. Ngoài nhan sắc mặn mà, cử chỉ lịch thiệp, nàng nói năng dịu dàng khiến ai gặp cũng thích, khách chơi cho "típ" rất hậu. Tuy nhiên, Linda thỉnh thoảng vẫn bị những tay thua cờ bạc nguyền rủa, chửi bới tục tằn. Dù vậy, lúc nào nàng cũng nhẫn nhịn, không muốn ăn thua đủ.

Linda nay đã trở thành một con người khác hẳn, sang trọng, thanh lịch. Đứa bé Thượng nghèo nàn, tội nghiệp của Buôn làng năm xưa, giờ chỉ còn là cái bóng mờ nhạt. Ông già dân tộc, thỉnh thoảng cũng chỉ còn là một nỗi nhớ rất xa xôi.

*

Một hôm, đang chia bài Black Jack ở sòng lớn Linda gặp một nhóm ba người Á Đông nhảy vào ngồi đánh. Nàng đang trong vận đỏ nên chẳng bao lâu, khách chơi gần cháy túi. Một người đánh bài không dằn được cơn giận, chửi thề bằng tiếng Việt:

— Đ.M, cái con nhỏ này đỏ qua sá!

Rồi quay qua hai người bạn, phân bua:

— Anh nghĩ coi, mặt mình chín nút, giở ra con 10 là 19. Nó cũng chín nút như mình, giở ra con xì ăn mình mới đau. Đ.M nó.

Ai cũng tưởng Linda là dân Mỹ không biết tiếng Việt. Nghe tiếng chửi thề nàng chỉ

mỉm cười, không thoáng chút tức giận. Qua ván sau, nhà con bắt được hai con Tây, mừng hết lớn. Nhà cái cũng có con Tây trên mặt, Linda đưa con bài sấp dò vào khung nhỏ màu đen trước mặt. Bỗng đốm nhỏ phía trên chớp chớp màu đỏ, nàng nhanh tay lật ra con xì. Tiếng Linda chậm rãi:

— Blackjack...

Rồi đưa tay lùa hết tiền về phía mình.

Một bà tuổi xồn xồn toan đứng dậy, vội nói:

— Con nhỏ này đỏ quá, e mình phải đổi bàn.

Miệng nói vậy nhưng bà không làm, vẫn tiếp tục ngồi trở lại.

Linda cười thích thú:

— Today I'm very lucky, Ma'am!

Câu nói bâng quơ thường tình không làm ai để ý, nhưng thật ra Linda đã trả lời rất ăn khớp vì nàng đã hiểu tất cả những đối thoại giữa những người Việt Nam trong bàn. Một người đàn ông khác đứng sau lưng lên tiếng:

— Con bé này đẹp và sexy quá ta!

Linda đỏ mặt như biểu đồng tình.

Người đàn bà xồn xồn nhéo mắt, quay lại nhìn người đứng phía sau, như có ý ngầm bảo: "Đừng coi thường con nhỏ, nó có vẻ thông minh lắm, đoán hiểu được đó".

Mải ham đếm bài bà không để ý lắm đến mặt mày người con gái chia bài, nay nhìn gần bà thấy nó cũng dễ thương, hao hao giống một người quen nào đó, rồi bà bỏ qua không thèm nhìn nữa, ráng ngồi đánh tiếp vì còn cay cú, muốn gỡ.

— Marker please!.

Linda lễ độ hỏi lại:

— How much do you want ma'am?

— Five thousands.

Bà ký nhận 5,000 dollars bằng tiền chip. Chỉ trong nháy mắt, bà ta thua thêm ba ngàn. Nổi nóng bà nghĩ không lẽ thua hoài sao, bèn lấy hết số tiền còn lại đặt trong ô của mình, hồi hộp chờ đợi.

Linda chia cho bà hai con Tây, vị chi 20 nút. Nhà cái mặt con 5, con bài dưới là con 10, tổng cộng 15 nút. Bài này, thấy rõ bất lợi cho nhà cái vì rất dễ bị "oát". Nhà con vui mừng hớn hở, tràn đầy hy vọng. Bỗng Linda nhè nhẹ lật thêm một con bài nữa lên, nó là con 6, liền hô nhỏ:

— Twenty one!

Người đàn bà tái mặt, không dằn được cơn giận, ném con bài vào mặt Linda rồi chửi nàng một cách thậm tệ như nguyên nhân làm cho cơn xui của bà đen ngòm:

— Tiên sư mày hại tao. Đồ con đĩ ngựa.

Tuy hiểu tiếng Việt, nhưng Linda không nóng nảy như những người khác. Nàng bình tĩnh xếp bài lại theo thứ tự, miệng vẫn giữ nụ cười tươi tắn.

— I am sorry. Ma'am!

Người đàn bà chưa nguôi cơn giận đỏ đen, chồm tới muốn giằng lấy bộ bài xé tan cho hả giận. Thấy vậy người bạn đi cùng giữ bà ta lại.

— Chị Ngọc. Chị Ngọc, đừng nóng nữa.

Linda biết người đàn bà Việt Nam tên là Ngọc. Một cái tên hoàn toàn xa lạ với nàng. Chuyện dealer bị chửi mắng như vậy là chuyện xảy ra thường tình ở sòng bài. Nhưng không hiểu vì một lý do nào đó, Linda không giận dữ mà lại còn tìm cách phân trần với khách chơi bằng tiếng Việt:

— Xin bà thông cảm. Tôi chỉ là kẻ chia bài.

Nghe câu nói từ một người con gái Mỹ, lại phát âm bằng Việt ngữ rất chính xác, những người Á đông có mặt đều hết sức ngạc nhiên:

— Cô biết tiếng Việt?

Linda khiêm nhường trả lời:

— Vâng, tôi nói được chút chút.

Rồi nhìn người đàn bà, nàng giải thích thêm:

— Làm nghề này, tôi hết sức vô tâm. Đánh trúng hay trật là do hên xui. Tôi chỉ là kẻ chia bài, giống như những người làm công việc khác để sống. Bà nên lịch sự một chút. Lần sau nếu còn vứt bài như vậy tôi sẽ kêu Floorman đến nói chuyện với bà. Họ có quyền không cho bà tiếp tục chơi nữa đấy!

Người đàn bà tên Ngọc lúc này mới thấy hành động của mình quá trớn, sợ xanh mặt. "Thì ra, con nhỏ này biết tiếng Việt, từ hồi nào mình nói gì nó cũng đã hiểu cả", liền vớt vát:

— Tôi tưởng cô không biết tiếng Việt nên khi thua quá có lỡ lời. Cho tôi xin lỗi. Cô là con lai?

— Dạ, Vâng.

— Thế ở Việt Nam, cô ở đâu?

— Con ở Pleiku.

— Pleiku à!

Hai chữ Pleiku đã kéo Ngọc trở về dĩ vãng với hình ảnh người chồng ngoại quốc to lớn, mắt xanh, mũi cao, bảnh trai như ngôi sao màn bạc và đứa con lai nhỏ cũng mắt xanh, trắng trẻo, đẹp như thiên thần. Người chồng Mỹ đã bỏ chị khi mãn hạn lính trở về cố

quốc. Và chị cũng đã bỏ rơi đứa con lai khi cùng quẫn chạy giặc. Ngọc hỏi tiếp:

— Cô nói cô ở Pleiku thật không?

— Dạ thật. Tôi ở Pleiku nhưng xa lắm, tận trong núi xanh lận.

"Chết cha tôi rồi." Ngọc sững người. "Đây có phải là con tôi không? Sao lại có sự trùng hợp lạ lùng như thế nầy, trời ơi! Đứa con gái lai của chị cũng bị bỏ lại ở khu núi xanh. Một cảm nghĩ thoáng qua làm Ngọc chết đứng. Nhìn kỹ khuôn mặt và đôi mắt của người con gái chia bài, chị cảm thấy có nhiều nét hao hao giống người chồng Mỹ của mình thời son trẻ. Lòng sinh nghi:

— Cô cho tôi xem hai bàn tay.

Linda liền vui vẻ chìa hai bàn tay búp măng ra. Ngọc càng hoảng kinh hơn. Đứa con gái lúc mới sinh, trên mỗi lòng tay chỉ có một đường lằn ngang thay vì ba đường như những đứa trẻ khác. Bây giờ, lòng tay của đứa con gái này cũng vậy, bàn tay chữ nhất. Chị để ý đến cái sẹo trên ngón tay cái bên mặt nơi bà đã vô ý để ủi cháy khi con chị còn nhỏ, bây giờ, tuy đã mờ nhưng không phai dấu vết.

Lòng Ngọc quặn thắt. Đúng là Tammy của mình ngày xưa, đứa con mà trong cơn chạy giặc kinh hoàng, hỗn loạn, chị đã bỏ lại bên ven rừng. Một chút gì thiêng liêng chị đang cảm nhận, phải chăng đây là tình mẫu tử! Bao năm qua, lương tâm chị không ngớt bị dày vò, có thể nó đã chết đói, chết khát hay bị thú rừng ăn thịt. Tấm lòng người mẹ, chỉ có trời cao hiểu thấu. Bất giác, hai giòng lệ chảy dài, Ngọc kêu lên:

— Tammy. Tammy. Thôi đúng con rồi. Đúng con rồi. Con tôi. Trời ơi, con của mẹ.

Ngọc toan ôm chầm lấy cô gái, nhưng Linda đã né tránh:

— Bà lầm rồi. Tôi không phải là Tammy.

Ngọc sững như trời trồng một lát, rồi không ngăn được xúc động chị òa khóc nức nở. Tiếng than thở từ đáy lòng của người mẹ lạc mất hai đứa con, nay đã nhận ra được một đứa làm mọi người xung quanh để ý.

— Đúng con là Tammy của mẹ. Con ơi, mẹ tưởng không thấy lại con nữa, lúc xưa...

Không kìm được xúc động, Ngọc chồm tới cầm chặt tay Linda:

— Con! Con tui đây rồi! Con, con ơi!

— Bà... Tôi là Linda, tôi không phải là Tammy nào hết... Bà là ai? Tôi không hiểu gì hết.

Ngọc bù lu bù loa:

— Con, con không hiểu. Phải mà, hồi đó con mới sáu tháng. Mẹ là mẹ của con đây. Mẹ đã bỏ lại con ở Pleiku trên đường chạy giặc...

Mẹ đã bỏ con... Ngọc nói đến đây thì nghẹn lời. Cảnh tượng chiến tranh năm xưa như hiện rõ. Con đường di tản từ Pleiku về Nha Trang đầy máu lửa. Ngọc đã cắn môi đến rướm máu, đứt ruột bỏ lại đứa con thơ để tìm con đường sống. Một phần vì đói khát, một phần vì nghe lời đồn đãi và quá kinh sợ sự trả thù của địch quân lúc đó, chỉ muốn xóa bỏ cái quá khứ me Mỹ của mình nên đã đứt đoạn với đứa con hai giòng máu. Trong bao năm trời lưu lạc, lòng của chị đã đau khổ tới tan nát mỗi khi nhớ lại cảnh tượng kinh hoàng máu lửa, chỉ trong thoáng chốc mất cả hai đứa con.

Nhìn bà Ngọc khóc nức nở, Linda sững sờ cảm động. Bàn tay mềm mại của nàng run run trong tay bà Ngọc. Trong tận đáy lòng sâu thẳm, nàng muốn bật ra hai tiếng "Mẹ ơi" thiêng liêng. Đó là tiếng kêu thống thiết dấu kín trong lòng những người mồ côi mẹ từ nhỏ. Nhưng rồi, giây phút xúc cảm thảng thốt đó qua rất nhanh, giọng nói của ông già dân tộc ngày nào còn văng vẳng bên tai: "Chỉ có người mẹ chết rồi mới bỏ con." Người đàn bà này còn sống mà, bà đâu có thể bỏ con được. Linda rút nhanh bàn tay xinh đẹp của mình khỏi bàn tay khô khan của người đàn bà mà vừa mới đây như có sợi dây thiêng liêng ràng buộc với mình, nay đã đứt và trở nên vô cùng xa lạ.

— Không, xin lỗi bà. Bà lầm rồi. Tôi không phải con bà đâu. I don't think so!

Bà Ngọc chưng hửng. Bà không thể lầm được.

— Tại sao thế cô. Cô... con...

— Tôi không có mẹ, vì mẹ tôi đã chết từ lâu lắm rồi.

Mẹ không thể bỏ con. Phải. Nếu bà là mẹ tôi, bà cũng đã chết trong tôi rồi. Linda nghĩ vậy rồi trả lời tỉnh bơ:

— Trên đường chạy loạn, mẹ tôi bị đạn chết không kịp trăn trối. Hồi đó tôi còn nhỏ tí ti, được người Thượng lượm, đem về nuôi.

Nghe đến đây Bà Ngọc lạnh toát cả người, rồi choáng váng muốn ngất xỉu. Hai bàn tay vịn chặt vào thành bàn cho khỏi té, miệng há hốc thở.

Linda vừa nhún vai vừa lắc đầu như phản ứng tự nhiên của một người thiếu nữ Mỹ, lạnh lùng nói tiếp:

— Vì chẳng có mẹ nào lại đi bỏ con nên tôi tin chắc mẹ tôi đã chết rồi. Bà không phải mẹ tôi.

Linda nhớ lời ông già dân tộc: "Ta lượm con giữa rừng." Không có lòng nhân đạo của ông già, đứa trẻ nhỏ ngày xưa là Nay Lin đã làm mồi cho cọp rồi. Nhiều lúc cô đơn, thấy những đứa trẻ khác cùng lứa tuổi có mẹ có cha, con bé Nay Lin cũng có chút suy tư về nguồn gốc của mình. Cha mẹ ta là ai, đã bỏ rơi ta trong hoàn cảnh nào. Trí óc thô sơ của đứa trẻ mới lớn chỉ nghĩ được chừng ấy. Nó đâu có biết chiến tranh tàn bạo đã làm cho nhiều gia đình bị ly tán. Bao nhiêu thắc mắc, bấy nhiêu lần hỏi ông già. Mười lần như một, ông già vẫn chỉ một câu trả lời gọn ghẽ:

"Ta lượm con giữa rừng."

Theo lời ông già kể lại, lúc đó Linda khoảng sáu tháng. Đem về buôn làng, theo tục lệ, nó cũng bị phơi nắng ba ngày và may mắn sống sót. Linda được nuôi riêng, cho ăn uống ngày hai bữa và ngủ trong ngôi nhà công cộng. Khi bắt đầu hiểu biết, ngoài ông già dân tộc, nó không được dân làng đối đãi như những đứa trẻ cùng tuổi khác, nó đã cảm thấy mình bị kỳ thị. Nó rất bất mãn và ôm mối hận ấy mà không biết than thở cùng ai...

Trong lòng nó bao năm khát khao một tình mẫu tử, nhưng trên đời, đâu có người mẹ nào lại bỏ con. Người đàn bà này không phải là một người mẹ. "Không có người mẹ nào bỏ con, trừ người mẹ đó đã chết". Ông già nói vậy. Câu nói đó đã như đinh ghim trong đầu.

Đang suy nghĩ mông lung, tiếng khóc nức nở của bà Ngọc đưa Linda về với hiện tại.

Về phần bà Ngọc, tình mẫu tử thiêng liêng bừng cháy trong tim. Tin chắc đứa con gái lai này là con ruột của mình, bà không còn oán ghét "con đĩ ngựa" mà mới đây bà đã nguyền rủa, mà còn cảm thấy thương yêu nó một cách lạ thường.

— Con ơi, con đừng đối xử với mẹ như vậy. Mẹ có lỗi với con. Cho mẹ xin một cơ hội để giải thích hoàn cảnh...

— Thưa bà, tôi bận lắm. Tôi đã nói, bà lầm rồi. Tôi là đứa con mồ côi vô thừa nhận.

— Con là con của mẹ. Con ơi!

Bà Ngọc lập đi lập lại, khóc rống lên như ở chỗ không người. Mọi người thấy chuyện lạ xúm lại, Pistboss cũng chạy đến, hỏi:

— "What's going on?"

Linda dấu diếm câu chuyện, vội trả lời:

— She's crying because she lost.

Nàng không để cho người đàn bà có thêm cơ hội thổ lộ tình mẫu tử:

— Mẹ tôi đã chết từ lâu rồi. Bà đi đi. Đi đi....

— Con...

— Tôi đã nói tôi không phải là con của bà đâu. Tôi còn phải làm việc...

Linda lách người bước đi. Người đàn bà lùi lại, há hốc nhìn đứa con gái thản nhiên qua mặt mình rồi tới bàn kế, tiếp tục chia bài, thỉnh thoảng ngước nhìn người đàn bà đau khổ vẫn còn đứng đó.

Niềm uất hận năm xưa chưa phai mờ được trong lòng người con gái đã sớm chịu nhiều gian khổ.

Người đàn bà đưa bàn tay tới phía trước, với ánh mắt đẫm lệ như van lơn. Linda liếc thấy nhưng đã cúi xuống, né tránh, cố dằn nỗi lòng đang xao động, muốn xúi dục Linda đứng dậy ôm chầm lấy người đàn bà kia vào lòng và kêu lên hai tiếng Mẹ ơi!

*

Trên chiếc xe Lexus 400 mới toanh còn thơm mùi da từ sòng bài lái về nhà, Linda mở CD dò tìm bản nhạc của Trịnh Công Sơn mà nàng yêu thích.

"Mẹ bỏ tôi đi, đường xa vạn dặm
Mẹ bỏ con đi, đường xa mịt mùng
Giấc ngủ chưa tròn, mẹ bỏ tôi đi...
Gối lệch trăng mòn, mẹ bỏ con đi...
Bao nhiêu tiếng cười của ngày xa xưa
Bao nhiêu giấc mộng lòng vạc bay xa...."

Tiếng cô ca sĩ trầm ấm, buồn bã vang lên, *Mẹ bỏ con đi. Mẹ bỏ tôi đi..... Lòng vạc bay xa, bay xa... xa hoài... xa mãi...*

Khung trời mờ mịt cao nguyên miền Trung một lần nữa chợt đến trong nháy mắt rồi mờ dần trong ánh đèn lung linh của chốn thiên đường oan nghiệt Las Vegas.

☯ ***Võ Văn Tùng***
Mùa Thu 1998
Riêng tặng Nay Lin.

LỐI CŨ

Phan Mộng Hoàn

Giữa tháng Chạp rồi mà trời không thấy lạnh. Nắng chỉ hiu hắt và không gian bàng bạc khói sương. Thư lang thang một mình trên lối nhỏ gập ghềnh sỏi đá. Cô đi từ xóm Ngự Viên, lần theo con đường nay mang bảng tên lạ hoắc gây cảm giác khó chịu. Nhưng làm sao cô quên được tên đường cũ ngày ấy ...

Hàng cây ven lối đi âm u, chợt lóe sáng vì cơn nắng tới từ trời cao, đổ những giọt lung linh lên mặt đất bụi bặm. Mũi giày Thư loang chút nắng vui, cô lầm lũi bước vừa nghĩ ngợi mông lung. E hơn hai mươi mấy năm Thư mới trở lại nơi đây. Huế không khác chi trước. Nhưng hình như cảnh ít thay đổi mà người thì nào thấy ai quen. Trừ gia đình Vân, là bạn học cùng lớp thời Trung học Thư đã tìm về thăm và lưu lại, cô mỏi mắt trông tìm một bóng hình cũ từ lâu đã khắc ghi vào tâm khảm.

Nghe tiếng chuông rung leng keng Thư nhìn lên, cô nép vào hàng hiên ngôi quán nhỏ bên đường, để tránh chiếc xe đạp chất kềnh càng trên đó bao nhiêu là quà bánh xanh xanh đỏ đỏ ngó vui mắt. Chiếc xe đang lừng lững từ đầu kia lướt tới. Mãi Thư mới trông thấy người bán dạo, ông ta bị che khuất bởi núi hàng quà. Đó là một người đàn ông gầy gò, da tái xậm, khuôn mặt dài khắc khổ. Thư ngờ ngợ như mình đã gặp đâu đó rồi. Ông ta rung nhè nhẹ cái chuông nhỏ xíu treo lủng lẳng trước ghi đông. Bà già trong quán thò đầu ra, đưa tay ngoắc. Ông xe rong liền dừng lại, lầm lì giao cho cho bà ta một vuông giấy bóng lớn chứa đầy những gói trà nhỏ. Thư sáng mắt, cô nhìn thấy "gánh" hàng có treo kẹo đậu phụng, thứ hai miếng cắt hình tam giác và kẹp lại với nhau, đã quá lâu rồi cô chưa nếm lại hương vị món quà đặc biệt của Huế này. Thư lên tiếng:

— Chú bán cho tôi ít phong kẹo, hết mấy ri?

Người đàn ông hơi giật mình, nhìn cô chăm chú và ngập ngừng hỏi:

— Cô thích kẹo loại lớn hay vừa?

Giọng ông ta trầm đục nghe sao quen quá.

Đúng là giọng của con người Huế cam phận. Thư trả lời:

— Cho tôi xin 10 phong, thứ ngày xưa giá 5 đồng một chục miếng đó.

Thư đón lấy gói kẹo khổng lồ từ tay người bán hàng và loay hoay mở ví lấy xấp giấy bạc mới tinh đưa ra cho ông ta. Cô nói:

— Nhờ chú tự lấy tiền giùm, xin lỗi vì tôi chưa rành tính ra "hắn".

Bà già trong quán lại thò đầu ra cười làm quen:

— A, rứa là o mới ở "ngoài" về phải không?

Bà ta đon đả góp ý:

— Anh Nam, tính cho o tờ năm ngàn lớn đi là gọn!

— Mô dữ rứa mệ, giá mắc gấp đôi cũng chưa tới hai tờ "ngàn" mà! Thư nghe hai người đối đáp vẫn không hiểu giá bao nhiêu. Cô cười đoán:

— Không can chi mô, tờ năm ngàn lớn có phải là là năm chục ngàn không? Thư suy nghĩ một lúc rồi nói:

— Chưa tới năm đô, rẻ quá chú nợ! Kệ, rứa được mà!

Người bán hàng im lặng cất xấp bạc giấy vào túi rồi lên xe. Thư chợt kêu với theo:

— À chú ơi, nhờ chú nếu tiện đường ghé qua số nhà 29 đường ni, Võ Tánh tên cũ đó, đưa dùm cho người nhà tôi gói kẹo. Vì tôi còn đi công chuyện mà na theo rình rang quá. Được không chú? Có phiền chú lắm không?

Ông ta gục gặc đầu và buộc lại gói kẹo đã bán cho khách vào ghi đông, nhấn pédale lấy đà nhảy lên xe đi tiếp. Thư nghe leng keng tiếng chuông rung, xa dần. Âm thanh nghe vui vui trong buổi xế trưa buồn tẻ.

Con đường đậm bóng tre. Những bụi tre xanh rì mọc xúm xít, chụm đầu đứng rù rì tâm sự. Gió xạc xào đung đưa làm sà xuống những cành mềm mại và rắc những hoa nắng long lanh xuống mặt đất tím buồn. Thư vừa đi vừa suy nghĩ vẩn vơ. Tiếng một con

chim lạ rít lên từ khóm tre, giọng gay gắt. Thư ngẩng đầu tìm kiếm. Trên cao thoáng một sắc xanh biếc, Thư chỉ ngó thấy cái đuôi mượt lông vừa ngoảy đi lẹ làng. Từ tít cao hơn, con chim xanh đang chúi xuống trên đọt tre mỏng manh, trên ấy nắng chói lòa cũng sắc nhọn như tiếng chim lảnh lót. Thư nhìn mãi bóng tre nhạt nhòa và chờ nghe âm vang giọng hót con chim cô đơn giữa trưa yên lắng.

Thẩn thơ dưới bụi tre, Thư ngóng hoài mà tiếng chim không thèm vang lên nữa. Con chim xanh biếc đang bận rỉa lông, cánh xòe ra rắc tung tóe những bụi nắng xuống trần. Lao xao gió và rung rinh lá nhỏ cho buổi trưa giữa lòng Huế thêm tĩnh mịch. Đường về Bao Vinh nhòa trong bụi nắng hấp hem. Thư lững thững chừng tiếng đồng hồ thì phố chợ hiện ra trước mắt.

Cống Bao Vinh ngày xưa Thư nhớ đồ sộ lắm, nằm bắc ngang con lạch cạn, mà chừ thấy chỉ là một cây cầu nhỏ cũ kỹ, màu sơn trắng loang lổ vì thời gian. Thư bước lên, tay vịn vào lan can cầu và ngó mông lung về phía bát ngát trời nước. Ngoài xa khơi, mây như sà xuống ôm choàng lấy mênh mông dạt dào ấy. Tất cả làm thành một khoảng không loang loáng ánh mặt trời làm cho sáng bạc. Đây là ngã ba Sình, bên kia bờ là Tiên Nộn mờ mờ những lũy tre bạt ngàn. Chân trời mơ hồ viền một nét chì lam nhạt. Bên ấy có còn xóm đạo với ngôi nhà thờ tháp nhọn kiểu Gothic vút cao? Lối nào đi về khuất khúc, viền quanh thôn nhỏ là rặng phi lao gầy guộc rủ những giải lá xanh phất phơ theo chiều gió? và mái nhà tranh thơ mộng nằm nép mình dưới gốc soan già? Ngày xưa lúc còn là cô sinh viên trẻ trung yêu đời, nghỉ hè Thư đã nhiều lần cùng bạn qua đò ngang, sang Tiên Nộn chơi. Đã lâu quá rồi tuổi hồn nhiên thơ dại ấy. Thư khẽ thở dài. Một người lái xe ôm rà rà theo sau Thư mời:

— Cô đi mô cháu chở?

Thư nhìn lên thấy một anh thanh niên trạc ngoài hai mươi, mặt mũi sáng sủa vui vẻ. Cô cười từ chối:

— Cám ơn cậu, tôi còn vô chợ, chắc là lâu nên sợ phiền phải chờ.

Anh xe ôm khiên nhẫn nài nỉ:

— Dạ cháu sẽ đợi cô ra. Cả ngày ni cháu chưa kiếm được đồng mô sở hụi.

Thư tần ngần nửa muốn nhận lời nửa không. Bởi Thư còn muốn tìm qua bên kia sông. Cô hỏi:

— Giờ ni còn có ai đưa đò sang Tiên Nộn?

— Dạ cháu cũng là người bên nớ. Nếu cô không ngại thì khi khác cháu sẽ dẫn đường cho cô cho chắc ăn.

Thư dòm anh ta có vẻ thắc mắc. Chú xe ôm trả lời:

— Giờ ni sợ trễ, qua về hơn hai tiếng mấy, cháu sợ cô không đủ thời gian để "tham quan".

Thư mỉm cười:

— Rứa thì cậu ráng chờ tôi vô chợ ra, mà lâu lâu một chút nghe.

Trời không mưa mà trong nhà lồng chợ lầy lội bùn đất lấp nhấp. Thư xắn cao hai ống quần đi quanh một vòng nghiêng ngó. Thấy cái chi cô cũng ưng mua. Thư nhớ quay quắt những hương vị của kỷ niệm. Kia là hàng rau chất đầy các loại rau đủ thứ thiệt ngon mắt. Rau thơm thơm ngát ngát, rau răm xênh xếch như mắt con gái Tàu, rau diếp cá lá tròn láng hình trái tim, tía tô tim tím, bắp chuối xắt rối loăn quăn màu tím hồng, rồi chuối chát. A! còn có khế chua, vả nữa. Ôi chao là nhớ, ngày xưa... Mạ thường nấu canh cá kình với thơm và măng chua, cho ăn kèm với rau, đủ thứ rau, răng mà ngon ơi là ngon. Cơm gạo mới, dẻo, nấu vừa tới không khô không nhão, và một miếng với canh cá ngọt dịu, thêm bao nhiêu là rau đủ vị, thiệt không còn chi hạnh phúc hơn!

Thư háo hức nhìn cô hàng rau mau mắn gói cả ôm rau xanh vào trong tấm lá chuối ướt sạch, như rứa rau sẽ tươi mát cho tới lúc dọn lên bàn. Ở hàng cá, Thư chọn mua mớ cá kình, da lốm đốm bông đen, mắt cá còn long lanh và mang đỏ thắm. Thêm ngẩu tôm rằn tươi xanh đang nhảy thánh thót, cùng mấy con cá trê bụng vàng hếu, râu thì đen nhánh vểnh lên như chào đón cô. Thư nhờ o bán cá làm sạch sẽ mấy con cá, o cẩn thận rảy chút muối hột lên dặn, "rứa là khỏi lo hấn ươn sình nghe!"

Khi rời chợ lồng, người mua kẻ bán ai cũng dòm theo cô khách lạ dễ thương đang lễ mễ xách một giỏ đầy ắp thịt thà cá mú. Thư chúm chím cười chào mọi người. Thư muốn rinh tất cả đem về nhà. Thư sẽ "xông vào nơi khói lửa" chiều ni, trổ tài cho nhà bạn biết mặt chơi. Con bé Kim Thư ngày xưa có biết chi về nội trợ. Có chuyên môn nấu om cơm lục vị thì có. Mạ thường cười mắng đùa Thư, sau ni tha hồ về làm dâu nhà người ta với món "trên

sống dưới khê bốn bề nhão nhoẹt nghe con gái!"

Chú chàng xe ôm ghếch xe ngồi chờ từ đàng xa, thấy bóng cô khách vội hớn hở chạy tới đỡ giỏ đồ ăn nặng trĩu. Chú nói: — Răng cô không mua trên chợ Đông Ba? Tha hồ thịt cá tươi ngon cả tỉ lần ở đây.

Thư chỉ cười yên lặng, trong cô đang tràn niềm vui. Từng phút từng giây ở bất cứ nơi chốn nào của quê hương, kỷ niệm thời thơ dại đang mãnh liệt sống lại trong lòng Thư.

Chiếc Honda 68 trông cũ kỹ nhưng máy còn khỏe ghê, băng băng chở Thư về nhà bạn thoáng có năm phút đồng hồ. Rứa mà hồi trưa cô đã lang thang cả giờ khúc đường non hai cây số nầy. Mặt chú xe ôm sáng rỡ, một cuốc xe chờ bữa ni nhẹ nhàng hết sức, chú được đãi ngộ ba chục ngàn đồng. Thư còn vui hơn, khi nhìn cậu bé trạc tuổi thằng con út của mình bên nớ vui sướng vì kiếm được có hai đồng rưỡi một công lao động! Cô ngậm ngùi thương cảnh sống của dân mình. Thư dặn sáng mai chú ta tới đón cô sớm đi thăm nhiều nơi.

Buổi tối mát trời, cả nhà xúm xít ngồi quanh trên bộ phản đặt dưới gian nhà bếp. Vân dụi tàn lò xong, vừa bưng đọi canh cá bốc hương nghi ngút đặt giữa mâm và mời mọi người cùng cầm đũa ăn cho canh sốt cơm nóng.

Thư thì hai má đỏ bừng vì bếp lửa nhà Vân. Cuối thế kỷ hai mươi nhà bạn vẫn còn chụm bằng củi gom từ những bẹ dừa khô. Từ chiều Thư loay hoay nấu nướng tuy cực nhưng lửa đỏ rần rật làm thức ăn mau chín và thơm ngon bội phần. Thư nghĩ thầm trong bụng, bên tê ở xứ sở văn minh, bếp ga lò điện rứa mà thua xa bên ni.

Mọi người chuyện trò nổ như bắp rang. Thuận khơi trước:

— Hồi xế họ đem kẹo đậu miếng tới. Bạn có nhớ là ai không?

Thư đưa mắt hỏi vì trong miệng mắc nhai đồ ăn.

— Minh, quên, là ông Nam anh của Minh lớp bạn đó?

Thư la lên:

— Hèn chi mình cứ ngờ ngợ, ngó răng quen quá. Còn Minh thì mô rồi?

Cô thản nhiên hỏi nhưng thực ra hồi hộp đợi câu trả lời của chồng Vân. Thuận và Minh cùng cô đều chung một lớp năm dự bị Văn Khoa. Khi ra trường mỗi người theo một ngành khác nhau. Năm Mậu Thân thì biệt tích Minh, nghe đồn hắn bị lùa vô bưng. Thư im lặng hồi tưởng khúc phim quá khứ... Sau 75 Thuận nghe nói Minh đã trở về, vẫn ở với mẹ già chỗ cũ, nhưng anh không tìm đến thăm vì nhiều cớ. Thuận cũng đi tù cải tạo gần ba năm thì được thả về, do sự can thiệp của người chú vợ. Thuận hận người bà con đã vô tình làm anh mất dịp qua Mỹ như các bạn tù sĩ quan khác. Anh giận lây những ai dính líu với phe "thắng trận". Và Minh từ ngoài kia trở lại, anh cũng xếp chung với họ, nên không tha thiết tìm bạn nối lại tình cảm xưa.

Thư nhớ lại, mùa thu ở Huế, trời đầy mây, buổi chiều hay mưa và gió lớn. Mỗi lần tan học lớp trễ nhất, bạn cùng đường với Thư có Minh thường đưa Thư về tận nhà ở trong Mang Cá Thành Nội. Nhà Minh thì mãi đâu dưới Bao Vinh, và xa hơn nghe nói bên kia Tiên Nộn. Rứa nhưng anh nói với Thư từ hôm khai giảng đầu năm là tiện đường đi chung với bạn cho vui. Những lần gió lớn qua cầu Trường Tiền từ lúc có Minh, Thư yên tâm. Cô không còn sợ "gió thổi xe Thư bay xuống cầu" như trước nữa. Minh đạp xe kèm một bên, một tay anh đặt lên yên sau xe bạn vững chãi cho Thư nhấn pédale tiến lên nhẹ nhàng. Bù lại cho hồi cùng đi học với bầy bạn ở Đồng Khánh, có lần gió ào ạt quật tơi bời khiến một lũ con gái rớt xuống từ lối nhỏ dành cho bộ hành và xe đạp xuống giữa lòng cầu, người cùng xe bổ nghiêng ngửa. Nhớ lại còn tức cười vừa còn cảm giác run sợ. Những hôm có giáo sư từ Sài Gòn ra, lớp phải học dồn dập thêm tuần 40 giờ. Trời tối câm tối mù mới rời khỏi giảng đường C, nhưng có vệ sĩ một bên nên về nhà mạ khỏi áy náy âu lo cho con gái. Những lúc đổi giờ, trời mùa đông lạnh bạn bè từng nhóm đứng bên nhau chuyện trò, giá rét của đêm Huế bỗng trở nên thú vị. Có lần Minh kể cho Thư nghe loáng thoáng về nếp nhà anh. Vì bố và anh cả Minh đều tập kết dạo kháng chiến mùa thu. Nhà từ đó chỉ còn hai mẹ con sống hẩm hút. Minh đi học, và dạy kèm, vừa giúp mẹ chở hàng linh tinh từ chợ Đông Ba về bày bán lẻ trong xóm. Túp quán nhỏ cũng là mái ấm của họ.

Có lần Thư và mấy người cùng lớp rủ nhau qua thăm Tiên Nộn. Con đò mùa xuân rộn ràng chở đầy những tiếng cười reo. Sóng nước mạn đò nhảy múa tung tăng theo với niềm vui tuổi trẻ. Lối về thôn nhỏ dẫn tới nhà Minh loang lổ

nắng sớm, tre pheo lả ngọn đón chào họ. Mẹ Minh sai con bắt gà làm tiệc đãi bạn bè quý. Khoảnh vườn nhỏ chỉ có hàng rào thưa vì thế có cớ cho cả bầy sinh viên hào hứng vây bắt chú gà choai choai chạy mệt nghỉ. Mẹ Minh hiền lành ưa dòm trộm cô thiếu nữ xinh nhất trong đám bạn Minh. Bà hay nghe con mình kể về người bạn cùng lớp này. Cô ta con nhà khá giả mà răng ngó nhu mì dễ thương, không thấy chút chi là kênh kiệu. Nhưng mãi bà vẫn không thấy Minh tiến tới thêm chi chuyện tình cảm với cô ấy. Vào năm thứ ba Văn khoa, vì chiến tranh sôi động, chính quyền ban hành lệnh đôn quân, nên mọi thanh niên lứa tuổi Minh đều phải nhập ngũ. Minh đành bỏ dở việc học vào trừ bị Thủ Đức. Bạn bè xa nhau từ dạo ấy. Phần Thư lập gia đình xong là vào dạy học ở Nha Trang, vì chồng là luật sư ở đó. Tết Mậu Thân khi hai vợ chồng đem đứa con đầu lòng về ăn Tết ở Huế, Thư gặp lại Minh. Anh vẫn độc thân, ra trường đơn vị đóng quân ở cây số 17. Mồng một Tết Minh tới thăm nhà ba má Thư, vừa gặp lại bạn cũ. Bạn bè lâu ngày gặp mặt hàn huyên không dứt. Nhưng Thư nhận thấy trong ánh mắt bạn ẩn nét xa vắng, phiền muộn. Thuận dậy học ở Văn khoa, anh là giáo sư trẻ giỏi về Cổ văn. Thuận nói riêng với Thư, hình như gia đình Minh nhập nhằng quốc-cộng. Thuận lưu ý Thư phải tế nhị khéo kẻo làm bạn buồn, vì bố Thư là sĩ quan cao cấp, trong lúc thời buổi lộn xộn ở Huế, không biết điều chi sẽ xảy ra...

Tối mồng một ông đại tá không ở nhà ăn Tết với gia đình. Hồi chiều khi Minh chào từ giã, anh đã gặp ông cụ và kín đáo thưa là dưới quê anh hình như nhiều bộ mặt lạ xuất hiện. Và hai bác cháu đều đồng ý mỗi người sẽ vào đơn vị mình cắm trại. Sau biến cố Mậu Thân, nhóm bạn Thư không hề nghe tin tức về Minh. Rất nhiều người quen của họ đã thoát nạn trong đường tơ kẽ tóc — đều nhờ một liên lạc bí mật — về sau Thuận dò biết là từ Minh. Riêng Minh, anh đã không về trại mà vẫn ở nhà ăn Tết với mẹ già. Tiên Nộn những ngày đầu năm âm lịch, ì ầm tiếng pháo lẫn tiếng súng. Ông anh cả rồi ông già Minh đã trở về và chỉ huy cuộc hành quân lớn cánh phía nam, theo lệnh quyết chiếm cho được cố đô Huế. Cả thành phố tơi bời vì những trận bố ráp, sau đó khi không thành công họ đã bắt bớ đem đi hằng trăm, hàng ngàn những phần tử sĩ quan cùng công chức "ngụy". Rồi thanh toán gọn lẹ hầu hết bằng hàng loạt những mồ chôn tập thể. Chính thời điểm ấy, trung úy Minh phải "nằm vùng" chiều theo hướng cha và anh, nhưng đồng thời nhờ đó anh đã cứu nguy khá nhiều người quen trong khả năng anh có thể liên hệ, đã giúp họ trốn thoát tới vùng quốc gia còn an toàn. Cũng từ đó anh phải "biến luôn" theo tàn quân giải phóng.

Chén cơm ăn bỏ dở nửa chừng vì mải nghĩ ngợi, Thư hỏi Thuận:

— Mình muốn gặp lại bạn ấy. Ba mình trước lúc mất còn nhắc là phải tìm cho được Minh. Ông cụ thương anh ấy như con ruột. Ông muốn gửi lại chút ân tình. Ba nói là Minh đã vì những thân tình của Huế mà thân bại danh liệt.

Thuận ngập ngừng trả lời cô:

— Bạn ấy vẫn ở bên nớ, chỗ cũ. Ngày mai tụi mình qua chơi thăm bác gái luôn.

Vân bàn góp:

— Mai là 23 tháng chạp rồi đó. Thư với mình ghé ra chợ mua ít đồ cúng ông Táo, mua ít quà biếu bác luôn.

Thư hối hả:

— Đi chừ hí, chợ còn đông không?

Mấy đứa con gái con Thuận Vân cười rúc rích:

— Cô cứ tưởng như ở Mỹ chợ khi mô cũng mở cửa!

Thư cười buồn

— Rứa hả, cô quen bên nớ. Thiệt ra cô sốt ruột. Thuận à, ông xã mình tuy không về, nhưng nhắc là phải hỏi thăm cho ra anh Minh. Bữa nớ nếu không có anh ấy thì chừ ba tụi nhỏ đã xanh cỏ. Thư trầm ngâm nhớ lại. Biến cố Mậu Thân kinh hoàng một cách quái gở. Chỉ cần ai đó mắc mớ chút hận thù nhỏ nhen là đủ đi đời. Huống chi Kha, luật sư giỏi và nổi tiếng gay gắt với phe phá hoại nằm vùng. Từ mãi tòa án Khánh Hòa, dư âm của nhiệt tình chống đối cách mạng của anh lan ra tận Huế. Rể ông đại tá "ác ôn" về quê ăn Tết, đã bị ghi vào sổ sinh tử từ lâu. Khuya mồng hai, khi cả nhà Thư đang nhốn nháo lo sợ không biết phải chạy đi đâu, và súng đạn thì bay veo véo ngoài sân, Minh đã bất chợt xuất hiện. Theo lời anh, Kha thay đổi áo xống, đầu đội nón tai bèo với dấu hiệu đặc biệt, anh theo Minh xông đi trước băng về ngả khác. Trong khi đó Thư lập tức dẫn mẹ và các em cùng thằng cu Tí hướng

theo phía cửa thành tìm mọi cách qua cho được bên tê cầu Trường Tiền. Hẹn nhau sẽ an toàn gặp lại ở bên nớ. Hôm đó nếu Kha đi cùng nhà vợ, thì anh chắc chắn bị lùa đi "học tập" mút mùa và chôn thây trên miệt Đá Hàn, hay một vùng rừng xanh núi đỏ mô đó rồi. Nhiều toán thanh niên quyết tử đã hung hăng chận bắt tất cả thanh niên trai tráng khi di tản giữa thành phố. Họ còn lùng sục tận nhà để dẫn đi gọi là họp tổ nhân dân cứu quốc. Quá nhiều người đã một đi không trở lại...

*

Cậu xe ôm đến từ sáng sớm. Cậu ta được một ngày tận tình xông xáo khắp nơi. Từ chợ Đông Ba lên về Bao Vinh nhiều chuyến đưa đón mấy bà di chuyển với bao nhiêu hàng quà. Thành phố linh động tươi tắn trong ngày đưa táo quân đăng trình về chầu Ngọc Hoàng. Thư hớn hở cười nói, mải mê dòm ngó người và cảnh vật như muốn thu hết vào võng mô hình ảnh sinh động của quê nhà những ngày cận Tết. Ở bên nớ người mình cũng đón xuân mừng Tết. Nhưng cái kiểu ăn chơi kỷ niệm trật đường rầy, cứ tổ chức lễ lạc rầm rộ vào những ngày weekend! Như rứa làm răng có được cái linh thiêng cảm động thiệt sự của giây phút giao thừa, hay coi giờ coi ngày cùng xem hướng, hái lộc đầu năm. Cái Tết đầu tiên ở đất khách, Thư nhớ mình đã âm thầm khóc vì quay quắt nhớ quê hương. Ba mươi, mồng một nhà vắng hoe buồn tẻ vì mọi người vẫn rời nhà đến trường đến sở như lệ thường. Trong phòng khách hoa đào khoe sắc thắm, trên bàn bày biện mứt món đủ thứ sang trọng. Trong bếp chất đầy những đồ ăn đặc biệt ngày Tết... Nghĩa là hương vị Tết giống y đúc trước 75 ở Huế, bởi vì sau đó thì nói làm chi vì toàn là đau khổ mất mát mà! Nhưng Thư ngơ ngác vì cảm thấy mình thiệt sự lạc lõng! Thư mơ ước một ngày đẹp trời quê mẹ sẽ trở lại như thuở xưa, cô sẽ về sống vui những ngày còn lại của đời người nơi ấy! Nỗi ước mơ hão huyền vì biết khi mô thì có được?!

Thư đứng trên bờ sông chờ đò ngang đưa sang bên kia. Con đò trùng trình rời bến, ông lão đưa đò miệng móm mém nhai trầu, tay chân còn gân guốc khỏe mạnh. Ông đứng trên đuôi đò cao, dang rộng cánh tay ngoáy mái chèo khua nước. Đò có gắn máy nổ, nhưng Thư yêu cầu được qua sông như ngày xưa, nên ông có dịp trổ tài chém sóng như thuở trước. Con đò thong dong rời bến khi nắng xuân tràn ngập đầy khoang. Thư mơ màng nhìn ngắm thiên nhiên lộng lẫy dàn trải chung quanh. Mọi thứ đều đem tới cho cô nỗi luyến lưu trìu mến. Từ cây bàng cổ thụ lá xòe to mùa ni có màu lục đậm đứng trên bờ, đến dãy nhà nhỏ xây gần đó, liên tiếp mấy căn chất đầy hàng "sáu tấm". Những chiếc quan tài sơn lòe loẹt nét hoa văn viền quanh trên các góc nên ngó vui mắt. Vài thằng nhóc đang chơi trốn tìm chạy loăng quăng, có đứa leo lên núp vào trong hòm. Thư mỉm cười theo dõi thấy chú bé con đầu trọc lóc hồi hộp thò đầu lên khỏi nắp áo quan để rình nhảy ra "đạp mạng". Tuổi thơ hồn nhiên hết sức. Ngày xưa Thư nhớ mình rất sợ mỗi khi dòm thấy cỗ quan tài. Nay thì khác, Thư không còn ngó lơ nữa mỗi khi bị thấy hắn. Cuộc đời trăm nỗi đắng cay, Thư nghĩ nó chỉ là mảnh áo che thân cuối cùng khi mình về với lòng đất lạnh.

Con đò xao xuyến ra khơi, khe khẽ chòng chành rồi bằn bặt êm trôi.

Thư ngửa cổ hít sâu vào lồng ngực luồng không khí trong lành. Nắng chan hòa đổ xuống ngập khoang đò rộng, Thư quỳ xuống áp ngực vào mạn đò, như ngày xưa cô thả một cánh tay xuống dòng sông nghịch nước. Nước mát lạnh, mắt cô như nhìn thấy tận thủy cung vì ánh nắng sáng lòa đang vẽ nên những tia dài lấp loáng rẽ sâu xuống dưới kia thăm thẳm. Trời xanh lồng lộng với những mây trắng bồng bềnh dọi xuống càng làm cho sông nước thêm mênh mông, tất cả choáng ngợp trong Thư nỗi thương yêu rạt rào. Quê hương xinh đẹp quá. Vậy mà từ hơn phần tư thế kỷ phải trôi dạt xứ người, Thư đã không sao tìm thấy được thứ tình cảm rung động mãnh liệt như hôm nay.

Thư nhớ cuối năm thứ hai Văn Khoa, lớp cô đã tổ chức qua chơi bên Tiên Nộn. Lúc đò ra giữa khơi chiếc nón lá của Liên, một bạn học cùng lớp của Thư, chợt bị gió lật làm bay tạt xuống sông. Liên đã cuống quýt chồm người ra khỏi mạn đò, chúi xuống với tay cố vớt cho được chiếc nón bài thơ còn mới tinh. Không may quá đà cô trượt người ngã theo xuống dòng nước. Mọi người nhốn nháo, con đò nghiêng ngửa làm các cô la thất thanh, còn mấy anh thì nhìn nhau lo lắng. Khoảng

sông chỗ này rộng bao la, sóng lại khá lớn, nếu không giỏi thủy tánh mà nhảy xuống cứu nguy chỉ sợ thêm rầy rà, vì đã không cứu được người, mình còn mang lụy. Giữa lúc đó thì một bóng người lao vút ra khỏi con đò, người ấy quạt mạnh hai cánh tay rẽ sóng bơi nhanh như rái cá về phía Liên. Mươi phút sau đã thấy cứu tinh là anh chàng Minh đang bơi quày trở lại, bên vai choàng thêm nạn nhân. Liên lúc này mặt mày xanh lét tóc tai ướt rượt, hai mắt nhắm nghiền ngó qua tưởng như một xác chết trôi! Kỷ niệm ấy Thư không sao quên được. Và cũng từ đó Minh được tặng cho tên mới là Tarzan của lớp! Nhờ Minh là dân xóm chài quen giỡn chơi với sông nước từ lúc còn nhỏ tí nên anh bơi lội giỏi, tính tình đằm đẹ nên anh đã cứu được bạn mình khỏi chết đuối, cũng may hôm đó anh chịu khó qua đợi sẵn các bạn bên kia bến gần chợ Bao Vinh nên mới có mặt trên chuyến đò. Hình như từ dịp đó, Liên đã đặc biệt săn sóc Minh, mặc cho cả lớp chọc ghẹo cô cứ tỉnh bơ không ngán. Về sau thì răng hè? Thư nhớ in tuồng tình cảm hai người họ không đi tới mô, Liên đi lấy chồng còn Minh vẫn cu ky đơn chiếc. Thư nghĩ ngợi mông lung, tại răng rứa hè? Liên dễ thương, thùy mị mà Minh còn chê? Thư đâu có hay từ thâm tâm chàng Tarzan câm nín ấy lỡ chôn chặt hình bóng một người, là Kim Thư, cô sinh viên nổi tiếng có chiếc răng "cời" duyên dáng mà tinh nghịch, là hoa khôi cả trường Văn Khoa đó thôi! Hồi nớ, Thư khờ khạo ghê, đâu có nhìn ra tình cảm của Tarzan đối với mình. Thư quen xưng Minh là cận vệ của cô, là ông anh kết nghĩa thôi mà! Khi họ lên bờ, mặt trời đã đứng bóng. Con đường nhỏ quanh co giữa hàng soan xanh mát, Thư chợt nghe vang đâu đây tiếng súng nổ đì đùng. Trông dáng bạn có vẻ lo sợ Vân cười trấn an, bên ni bờ dân vẫn ưa đốt pháo khi đón Tết, dù lệnh trên cấm nghiệt phía bên kia sông. Ngày xưa Thư nhớ nhà Minh ở gần xóm nhà thờ. Dân lương giáo sống hiền lành, không hề gây gổ nhau. Nhà Minh cuối xóm, túp lều tranh ẩn mình dưới cây soan già. Mùa xuân ra hoa tím ngan ngát một màu trông thiệt thơ mộng như thử trong tranh lụa. Sau hơn phần tư thế kỷ cách biệt Thư gần như không nhận ra nhà của bạn, nay có nhiều thay đổi. Một vòng hàng rào trồng bằng cây keo đều đặn chạy viền quanh bốn hướng, Thư thấy thấp thoáng ngôi nhà nhỏ mái lá vàng hoe quen thuộc. Bên cạnh là cây soan cổ thụ thân dềnh dàng vươn những cành rậm lá, nên giữa trưa đứng bóng mặt trời mà ở đây vẫn mát rượi. Khu vườn nhỏ giờ xanh tươi những luống hoa đang ương trồng, chạy đều tăm tắp suốt chiều ngang của khu vườn. Khi khách đã tiến vào ngưỡng cửa mãi không có ai ra đón. Thư mạnh dạn bước vào trước tiên, cô bắt chợt một bà già ốm yếu đang ngồi ngay ngắn trên chõng tre nơi góc nhà. Bà cụ ngẩng lên, đầu nghiêng nghiêng về một phía, hai mắt ngó đăm đăm vào khách, bà lên tiếng hỏi:

— Ai đó, ai tới chơi đó?

Thư thoáng xót xa khi nhận ra bác gái, mẹ Minh nay đã quá già yếu và nhất là hai mắt bà đã kéo màn mây. Hèn chi bà cụ không nhận ra mình, Thư nghĩ thầm trong bụng. Thật ra nếu có sáng mắt bà lão làm răng nhớ được người quen đã rời xa từng ấy tháng năm. Thuận rồi Thư cùng bước tới cạnh bà cụ một lúc. Thư nắm lấy bàn tay gầy trơ xương nói nhỏ:

— Bác, cháu là Thư bạn thân anh Minh, về thăm bác đây.

Thuận cúi xuống thưa:

— Anh Minh mô rồi bác, tụi con bạn học cũ tới đây thăm bác và anh Minh.

Bà già nghiêm nét mặt như suy nghĩ lung lắm một chặp mới hỏi tiếp:

— Thằng Minh đi vắng xóm trên kiếm phân bón rồi. Còn anh chị là bạn ra răng với hắn?

Bọn Thư chưa kịp trả lời thắc mắc thì vừa lúc ấy một thằng bé con cỡ mười tuổi từ đâu ở sau bếp chạy ra kêu lớn tiếng:

— Nội ơi nội! Con thổi lửa, vò sạch nếp rồi...

Nó nói nửa chừng thì há miệng ngưng ngang vì thấy một lô người lạ mặt hiện ra giữa nhà. Bà nội nó liền sai:

— Cháu chạy xờ đi kêu Chú Minh về, nói ở nhà có khách.

Vân lên tiếng:

— Bà nội nì, để con ra bếp giúp coi nấu xôi cúng đưa ông Táo cho kịp giờ nội hí! Tụi con đều là con cháu trong nhà, nội yên tâm con làm mau lắm!

Bà già quơ tay có ý ngăn cản nhưng Thư đã sà xuống bên cạnh, thủ thỉ với bà:

— Lâu quá rồi từ cái hồi còn học Văn khoa, tụi con hay kéo tới đây chơi được bác cho ăn cháo gà đó bác còn nhớ không?

Bà cụ quay mặt về Thư nói rành rọt:

— Cháu là Thư, thằng Minh ngày trước nhắc cháu với Bác hoài đó phải không?

Thư bỗng thấy nóng ran cả mặt, cô cười nói trớ ra:

— Dạ đúng rứa đó bác, anh Minh là anh kết nghĩa, vợ chồng con quý nhất trên đời mà.

Bà già thở dài, thủng thẳng kể:

— Tới năm sau giải phóng hắn mới hiện về. Hắn bị ra ở ngoài nớ từ Tết Mậu Thân. Cha hắn thì chết trước khi Huế mất cũng ngoài nớ. Còn cha con thằng cháu khi hồi thì mò về mới đây. Cực quá mà, chịu chi thấu!

Thư hỏi nhỏ:

— Anh Minh mấy cháu rồi bác? Chị Minh mô, người trong mình hay ngoài tê vô?

Bà già lại thở ra:

— Hắn có chịu lấy vợ mô mà có ai để dắt về đây.

Trong lúc hai bác cháu tâm sự thì Thuận quay ra vườn ngắm nghía những vồng đất vun xới tử tế thành những luống chạy dài đẹp mắt. Trên đó mầm xanh đã lú ra khỏi đất đen thành những cây con mạnh khỏe. Thuận đang trầm tư nghĩ ngợi không biết bạn mình bây giờ sinh sống hàng ngày bằng cách chi thì có ai vỗ vai mình. Anh quay đầu lại, trước mắt là Minh, một Minh đen đúa vạm vỡ không khác chi một ông nông dân thứ thiệt. Hai người bạn ôm chầm lấy nhau nghẹn ngào. Thuận thấy sau gần 30 năm mất hút nhau, bạn mình coi bộ không già đi mấy. Có khác chăng chỉ là vẻ chất phác quê mùa chớ không ẻo lả thư sinh như thủa trước. Thuận nói nhanh:

— Mi vô nhà coi, thử đoán có ai tới thăm bác?

Minh nhướng mắt dò hỏi nhưng Thuận đã lẹ chân đi trước không trả lời. Anh theo sau ngập ngừng lẫn hồi hộp. Minh đứng sững lại ngay ngưỡng cửa vì như một phép tiên, người xưa hiện ra vẫn tươi tắn thanh lịch như ngày anh buộc lòng phải lìa Huế mà đi. Kim Thư, người bạn gái một đời anh thương trộm nhớ thầm, nay đã đứng tuổi mà sao trông còn đằm thắm dịu dàng hơn trước. Thư reo lên chào bạn:

— Anh Minh, răng không nhận ra tui nữa à, ông anh vệ sĩ?

Cô rời khỏi chỗ ngồi và đứng lên bước nhanh tới nắm

HẸN VỀ VỚI HUẾ

Xa hà tổ quốc một lần đi
Nhớ Huế lâu lâu muốn trở về
Thăm mộ phụ thân vui cõi tịnh
Gặp người Mẹ góa ấm tình quê

Mây lãng tử chưa về thăm quê cũ
Thuyền viễn phương xa cách bến bờ xưa
Nắng thu rải mong manh vàng tơ lụa
Huế tháng ngày vẫn nguyên vẹn trời thơ
Thuở xa xưa Huế, người yêu bé nhỏ
Đẹp kiêu sa bên núi Ngự, dòng Hương
Nét văn khôi khắp thị thành thôn dã
Huế muôn đời sương gió vẫn hiền lương

Ngày xa Huế - qua một lần hồ hải
Mộng nhân sinh giục giã vội lên đường
Lòng đã hẹn vài năm sau trở lại
Có ngờ đâu, nhạn lạc mãi rừng sương
Huế trầm mặc giữa dòng đời xuôi ngược
Vạn ân tình khắc khoải với tình thương
Cạn chén tao phùng cùng nhau say khướt
Đắm hồn mình qua tiếng vọng quê hương.

☯ ***HOÀI-NHÂN HÀ-THÚC-VINH***
Trọng đông 1997

chặt lấy hai bàn tay Minh đang thả ra hai bên hông, cứng ngắc như hình nộm. Minh sực tỉnh, anh lùi đầu ra phía sau để nhìn cho rõ bạn và nói:

— Jamais de la vie!

Cả bầy cười phá ra ồn ào vui vẻ như họ vẫn gặp gỡ nhau hàng ngày, giỡn hớt chọc ghẹo nhau như thủa còn sống đời sinh viên hồn nhiên sung sướng.

Thư hỏi:

— Chị dâu tui mô rồi, mau đưa ra giới thiệu đi chớ anh Minh?

— Đợi kiếp sau... được không sư muội?

Thuận xen vô:

— Rứa mấy o giải phóng quân quê bác mê mi, mi "dú" ngoài nớ không na vô à?

Minh trả lời ngay:

— Các nàng cá gộ, chân bàn vét nớ thì chỉ biết có bác có đảng trên hết nên còn chỗ mô nữa để nhét vô tim hình bóng mình!

Thư dòm bạn chăm chú. Cô nhận xét Minh ngày nay dạn dĩ, ứng đối mau lẹ chớ không còn "trít về trít cục" như hồi xưa khi đứng trước mặt mình. Trong khi bọn Thư dành nhau kể chuyện xưa chuyện nay thì Vân đã nấu xong nồi xôi đậu xanh, đã bày ra đầy mâm gà quay, chả lụa, nem chua... ê hề. Thuận mời bà cụ đứng lên để ra cúng trước bàn thờ tổ tiên. Thư dìu mẹ Minh cẩn thận từng bước một, âu yếm như cô con gái ngoan thương yêu chăm sóc mẹ già. Minh xúc động, hai mắt cay xè nhìn theo. Anh cầm nín thở dài. Khói hương thơm bay lên vẽ vời khung cảnh đầm ấm cho một ngày xuân đoàn tụ. Sau đó mọi người quây quanh bàn tiệc vừa ăn vừa chuyện trò. Minh đã tóm tắt từng đoạn đời ngắn gọn nhưng hết sức sôi nổi của anh, kể từ lúc bạn bè chia tay nhau hồi biến cố Tết Mậu Thân máu lửa hận thù ấy. Thư nghe mà thương xót cho bạn. Té ra để có thể bảo vệ an toàn cho người thân phe "ngụy", Minh buộc lòng đứng vào hàng ngũ bên tê. Rồi khi cuộc tổng tấn công thất bại, VC đã phải rút lui vào rừng để từ đó trở về căn cứ giải phóng quân đóng ngoài kia vỹ tuyến. May nhờ có người cha và ông anh làm lớn, nhờ Minh trá ngụy khéo léo nên anh đã tồn tại. Suốt tám năm âm thầm chịu đựng, bản tính trầm tĩnh ít nói của anh đã giúp anh vượt qua gian khổ. Anh nhớ mẹ, nhớ nhà và cay đắng nuốt tủi nhục khi hàng ngày phải "nghe thấy" và "theo" để sống hợp chủ trương của Họ, mãi mãi trái nghịch với ý thức hệ của anh. Thời gian đau khổ rồi cũng trôi qua. Ngày trở về Huế khi đất nước thống nhất, Minh đớn đau vì mất tất cả, trừ người mẹ già yếu. Mẹ Minh đã vì héo hon vì thương nhớ đứa con trai, vì bà dửng dưng với chồng và người con phe ngoài nớ. Bà đã khóc đến mờ mắt. Minh buồn bã. Anh không muốn tiếp xúc với ai. Anh không cần thanh minh kể lể đoạn đời anh biến mất. Ai theo ai chống ai, Minh gạt bỏ ra bên ngoài khuôn vườn nhỏ của mình. Anh đã vui với thú điền viên và cật lực kiếm sống nuôi mẹ bằng chính sức lao động của mình. Đó là bài học hữu ích độc nhất anh đã học được từ những năm tháng cực nhọc sống với phe "giải phóng"!

Minh kể xong chuyện, cả nhà im lặng trầm tư. Rồi đến lượt Thư lên tiếng, Thư bày tỏ cô về đây trước hết là để thực hiện ý nguyện của cha mình trước lúc qua đời, ông đại tá đã muốn để lại một phần tài sản cho Minh, ân nhân của gia đình ông. Minh nhất quyết từ chối. Nhưng Thư lựa lời buộc bạn phải nhận quà, vì theo cô nó sẽ có thể làm sáng lại mắt mẹ già. Để trang trải mọi phí tổn cho công trình giải phẫu lấy lại thị giác cho bác gái, Minh cần sự đóng góp của bạn bè thân thương. Công việc ấy có thể thực hiện ở trong nước, và nếu không thành công sẽ đưa bà cụ du lịch Hoa kỳ để chữa bệnh. Mẹ Minh cảm động đến rơi nước mắt. Bà nói:

— Các cháu thương bác quá... Mắt bác về sau khi chữa rồi dù có thấy được hay mù bác cũng không cần... Minh à, để cho cháu Thư lo cho mẹ nghe con.

— Dạ, ra Tết con sẽ bắt tay liền vào việc đó. Có Thuận quen biết về giới y khoa. Hoặc mẹ khỏe thì Thư sẽ đưa mẹ du lịch. Mẹ ơi mẹ hết buồn rồi mẹ hí.

Hương mùa xuân ngất ngây tình thân bạn bè. Những con người đã chịu nhiều mất mát, nay họ trở về bên nhau, cùng chia sẻ cuộc sống từ lâu tưởng đã lụn tàn. Gió xuân hây hẩy thoảng đưa hương đồng cỏ nội trong lành, Huế đẹp hơn bao giờ hết khi nắng cuối năm trong như hổ phách chan hòa khắp nơi.

San Jose, Thu 1998

☯ ***Phan Mộng Hoàn***

PHONG CÁCH HUẾ

của Tôn Thất Tùng

Vào năm 1305, sau khi công chúa Huyền Trân trở thành Hoàng Hậu Chiêm Thành thì châu Ô và châu Lý được sát nhập vào Đại Việt. Miền đất của Chiêm Thành là miền đất hoang vu, lau lách đìu hiu, có nhiều nơi chưa hề có dấu chân người. Những đợt di dân đầu tiên vào đầu thế kỷ 14 xuất phát từ Nghệ An, Hà Tĩnh vào khai phá vùng lau sậy của Chiêm Thành. Đến thế kỷ 16, khi Nguyễn Hoàng được chúa Trịnh phái vào trấn thủ Thuận Hóa thì một số đông dân nông thôn vùng Thanh Hóa theo chân chúa Nguyễn vào Thuận Hóa khẩn hoang lập ấp. Tuy vậy, sự hoang vắng của miền đất hứa đã gợi sự kinh hoàng trong dân gian qua câu hò:

"Đến đây đất nước lạ lùng.
Nghe chim kêu cũng sợ, thấy cá vẫy vùng cũng kinh"

Với sự hợp quần dân cư của 3 miền Thanh, Nghệ, Tĩnh nhập lại đã hình thành một lối sống riêng, với những tập quán và những khát vọng riêng. Sau nhiều thế kỷ quây quần, cộng đồng người Việt sống trên đất cũ của người Chiêm Thành đã tạo nên một truyền thống văn hóa, một đặc tính Huế riêng, nói nôm na là một "phong cách Huế".

Từ cách ăn đến cách mặc, cách giải trí, cũng như quan niệm kiến trúc nhà cửa. Tất cả đều phủ một bản sắc Huế, không còn giống như chốn cội nguồn Thanh Nghệ Tĩnh ngày trước. Người Huế đã xây dựng cho mình một sắc thái đặc biệt, hòa hợp với vẻ đa tình của phong cảnh thiên nhiên địa phương.

Chẳng hạn như vấn đề ẩm thực, trong các gia vị nấu ăn của người Huế thì ớt và ruốc (mắm tôm) là hai loại gia vị không thể thiếu của các bà nội trợ Huế. Cách trình bày một bữa ăn cũng rất khác biệt với dân cư các miền khác. Mỗi bữa ăn của người Huế trung lưu thường là sáu bảy món ăn, mỗi món một ít, được xếp trên các dĩa chén (bằng sứ) rất trang nhã, đượm một chút quan cách dễ thương.

Mặc thì lúc nào cũng phải thướt tha. Ngay cả những người làm nghề lao động, tà áo dài phất phơ trong gió hoặc mái tóc thề đong đưa theo mỗi bước chân đi của người đàn bà Huế đã trở thành những hình ảnh quen thuộc (và gần như là bắt buộc) trong dân gian.

Nhà thường có vườn với những hàng cây xanh rủ bóng. Mùi hoa cau hoa bưởi tỏa ngát một vùng. Đi vào một nhà vườn ở Huế, khách phải đi qua một lối đi có hai hàng chè tàu được cắt tỉa gọn gàng, rồi khách phải vòng qua tấm bình phong bằng gạch có nhiều hình nổi như chạm trổ, sau lưng là bể cạn với hòn non bộ có đàn cá vàng bơi lội nhởn nhơ. Có thể nói Huế là một thành phố nhà vườn. Từ An Ninh đổ về Kim Long, qua An Hòa, vô thành Nội. Từ Diệu Đế, Ngự Viên, Ao Hồ. Từ Long Thọ xuống Đập Đá, về Lại Thế, Vỹ Dạ. Rồi An Cựu, An Lăng, Cải Vạn, Bao Vinh v.v.. đâu đâu cũng là vườn tược xanh tươi. Vùng đất với nhiều phong cảnh thơ mộng đã ảnh hưởng khá nhiều đến con người xứ Huế, tình yêu thiên nhiên của người Huế bàng bạc trong tâm hồn. Phải chăng vì thế mà mỗi người Huế đều sẵn có một hồn thơ trong thể xác con người.

Về ca nhạc Huế có một điểm khá đặc biệt, thường không trình diễn trước đám đông mà chỉ trình diễn trước một số người thưởng ngoạn hạn chế, được gọi là bạn "tri âm", thường được tổ chức trong một căn phòng ấm cúng, thơm ngát trầm hương hoặc trên chiếc thuyền bồng bềnh dưới nước trên trăng (mà nghệ nhân luôn luôn ở trong vị thế "ngồi"). Có lẽ người Huế nghĩ rằng không thể có sự tuyệt diệu khi thưởng thức một điệu hò mái đẩy, một điệu ca Nam Ai không thích hợp trình diễn trên sân khấu.

Âm nhạc Chămpa đã ảnh hưởng rất nhiều trong ca nhạc Huế. Từ tiết tấu cho đến lời ca, tính chất trữ tình trong các điệu hò, điệu ca Nam Ai, Nam Bình. Giáo sư âm nhạc Trần Văn Khê nhận xét: *"Qua nhiều thế kỷ giao lưu, nhạc Việt đã bị ảnh hưởng Chàm khá nhiều"*.

Theo sử liệu của các triều đại Việt Nam, vào năm 1069, vua Lý Thánh Tông cùng tướng Lý Thường Kiệt cất quân đánh Chiêm Thành, bắt vua Chiêm là Chế Củ cùng đội ca vũ của vua Chiêm đem về nước. Sau đó hoàng hậu Ỷ Lan

lập đoàn ca vũ trong hoàng cung, bảo các ca nữ Chiêm Thành dạy cho các cung nữ Đại Việt ca hát. Như vậy, vào cuối thế kỷ 11, đầu thế kỷ 12, thuộc triều đại nhà Lý, âm nhạc Chiêm Thành đã xuất hiện trên đất Việt (xin xem Hoàng Thái Hậu Ỷ Lan trong NHỮNG KỶ NIỆM RỜI của Tôn Thất An Cựu, xuất bản tháng 3-1998).

Về tôn giáo thì từ khi chọn dãy Trường Sơn phía Nam làm chỗ dung thân, các chúa Nguyễn đã đem Phật giáo đến Huế, phát triển tối đa và xem như là Quốc giáo. Chùa Thiên Mụ là ngôi chùa đầu tiên được chúa Nguyễn Hoàng xây cất từ đầu thế kỷ 15 đã trở thành một biểu tượng của Huế mà tên tuổi ngàn đời bất diệt.

Về phương diện tình cảm thì người Huế rất là đa cảm nhưng lại rất kín đáo rụt rè. Nhất là phái nữ, lúc nào cũng thẹn thùng e lệ, nhiều khi "ưng bất chết mà không dám nhận lời". Duy có một điều là rất thành thật, đúng như những câu thơ của thi sĩ Phùng Quán mô tả:

Yêu ai thì bảo rằng yêu
Ghét ai thì bảo rằng ghét.
Dù ai cầm dao dọa giết,
Cũng không nói ghét thành yêu.
Dù ai ngon ngọt nuông chiều,
Cũng không đổi yêu thành ghét.

Sự un đúc của một vùng đất có chiều dài lịch sử hơn bốn thế kỷ đã tạo thành một "Phong cách Huế" muôn thuở. Vì vậy người ta không lấy làm lạ khi thấy cộng đồng Huế ở hải ngoại quây quần bảo tồn quan niệm và lối sống của mình, luôn luôn (chứng tỏ) là... "Huế thanh lịch". Và qua cụm từ mộc mạc đầy chất Huế mỗi khi ngồi lại với nhau: "Người Huế mình". Một lời nói bình thường nhưng rất đặc thù mà chỉ có người trong cuộc mới có thể cảm nhận hết cái ý nghĩa của chân tình. Người Huế cảm nhận sự kiện bằng trực giác hơn là đắn đo suy luận. Tâm hồn người Huế do đó, mộng hơn là thực.

Trên đây hình như tôi hơi dài giòng về những nét dễ thương trong "phong cách Huế". Phải chăng vì tôi là người Huế nên chỉ thấy cái đẹp của Huế mà "không chịu thấy" cái xấu của Huế. Không đâu, tôi vẫn thấy cái xấu của Huế đó chứ. Tật xấu nầy, theo tôi, rất khó chữa, vì nó nằm trong tận cùng máu thịt của người Huế, đó là sự "bảo thủ văn hóa".

Bất cứ ở đâu và bao giờ người Huế cũng giữ một phong cách Huế, một bản sắc Huế. Luôn luôn bảo vệ rất bền bỉ những giá trị văn hóa cố đô. Người Huế có thể chịu đựng thiếu thốn mọi thứ, nhưng nhất định không thể thiếu "phong cách Huế" trong cuộc sống.

Tôi nói như vậy nếu có chi quá đáng xin độc giả lượng thứ. Chẳng qua là vì lòng quá mến thương quê cũ đó thôi.

Nam Cali, tháng 8 năm 1998

☯ ***Tôn Thất Tùng***

Ân tình

Thân tặng
Anh Hoàng Ngọc Trác-Thanh Hà

Nắng vàng đang đẹp tươi
Bỗng nhiên trời sẩm tối
Ép thân nằm bất động
Nợ kiếp nào hành tôi
Mỗi chiều tôi nằm đợi
Ân tình đến với tôi
Như trẻ thơ chờ mẹ
Ngày dài bớt đơn côi
Nụ cười luôn trên môi
Ánh mắt thật sáng ngời
Khéo che lòng nao núng
Cuộc đời đang nổi trôi
Ân tình đem gió tới
Cho tôi thở với đời
Ríu rít chuyện gần xa
Lời bạn bè thăm hỏi
Ân tình an ủi tôi
Ngày mai trời lại sáng
Quên đi đừng nghĩ ngợi
Thăng trầm chuyện thế gian
Ân tình chuyền sức sống
Nắn thân thể buồn teo
Dẫn đưa dòng máu nóng
Da thịt vội mừng reo
Ân tình đến với tôi
Không một ngày thiếu vắng
Chớp mắt tạm thay lời
Xin cảm phục tình thâm
Ân tình đến với tôi
Thời gian thật tuyệt vời
Mơ màng lời ân ái
Tâm hồn hết chơi vơi.

Hoàng Phủ - 10-98

ĐẾN VIẾNG ĐẤT TIÊN

Đoàn Khoách

Đất Tiên đây không phải động Thiên Thai ở tỉnh Chiết Giang đời Hán mà hai chàng Lưu Nguyễn đã từng lạc bước, cũng không phải là núi Phù Lai mà Từ Thức ở huyện Tống Sơn đời Trần đã gặp tiên nữ Giáng Hương. Đất Tiên đây là làng Tiên Điền thuộc huyện Nghi Xuân tỉnh Hà Tĩnh, là quê hương của thi hào Nguyễn Du, tác giả ***Đoạn Trường Tân Thanh*** kiệt tác mà đại chúng Việt Nam thường nôm na gọi là ***Truyện Kiều.***

Hồi tưởng lại thời kỳ mươi mười hai tuổi, kẻ viết bài này nhiều đêm bị bắt đọc chuyện thơ, chuyện cổ tích cho cả nhà nghe. Dưới ánh sáng vàng vàng của ngọn đèn dầu hỏa, tiếng thằng bé khi lanh lảnh, khi rề rà nhưng tưởng cũng đem lại đôi chút ấm áp vui tươi trên từng nét mặt, cơ hồ quên đi cảnh đêm mưa lạnh ngoài trời. Hồi đó trong nhà sách truyện đâu mà đủ thứ: *Truyện Phạm Công, Tống Trân, Thạch Sanh, Hoàng Trừu, Mã Long Mã Phụng, Nhị thập tứ hiếu, Gia huấn ca, Lục Vân Tiên, Truyện Kiều,...* Khi đọc cuốn này, khi sang cuốn khác, nhiều đoạn trong ***Truyện Kiều*** thằng bé đọc đến thuộc lòng. Rồi khi lớn lên, lại được thầy bạn chỉ dạy, được sách sử bồi dưỡng mà từ chỗ ham thích, người viết càng mến yêu kính trọng, càng muốn tìm hiểu thêm về ***Đoạn trường tân thanh*** cùng con người sản sinh ra nó. Và điều ước mong thầm kín của mình là làm sao có được một lần đến viếng quê hương Tiên Điền của thi hào họ Nguyễn.

Đất nước qua phân, rồi gia đình ly tán, điều mong ước kia tưởng chẳng bao giờ thực hiện được nữa... Không ngờ dịp may còn sót. Người viết đã đến viếng đất Tiên vào một chiều Xuân muộn.

Làng Tiên Điền ở phía nam bờ sông Lam thuộc tổng Phan Xá, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. Nếu từ Bắc vào Nam theo quốc lộ 1, khi qua khỏi cầu sông Lam gặp ngã ba rẽ trái, dọc bờ sông theo hướng đông khoảng 5 cây số thì đến thị trấn Nghi Xuân, thêm vài ba cây nữa thì đến Tiên Điền. Nhưng người viết thì ngược lại, đi từ Huế ra Hà Tĩnh, đến đền Chợ Củi là nơi thờ Công chúa Liễu Hạnh, thêm khoảng mười cây số nữa thì đến ngã ba nói trên, rẽ phải, tiếp tục xuôi về đông đến thị trấn rồi đến làng.

Làng Tiên Điền, trước mặt, xa trông ra biển mênh mông xanh ngắt, với bãi cát trắng xóa phẳng lì. Sau lưng, như tựa vào dãy Hồng Lĩnh, còn gọi là Ngàn Hống, với chín mươi chín ngọn núi hùng vĩ, một kỳ quan nằm ngay trên đường thiên lý đã có từ xưa. Bên phải là phía nam, được phủ xanh bằng cánh đồng lúa khá phì nhiêu, có liên quan đến tên đất Tiên Điền. Vùng đất này trước đây có thời gian được gọi là Vô Điền, là U Điền, là Phú Điền rồi mới đến Tiên Điền. Bên trái là dòng Lam Giang ở phía bắc, còn gọi là sông Cả, sông Rum, một trong những con sông lớn nhất ở miền Trung, mà nơi hạ nguồn sắc nước bốn mùa trong xanh. Từ hữu ngạn sông Lam trên đất Tiên Điền, khi trời quang mây tạnh, có thể nhìn rõ hòn đảo giống hình hai con cá nên gọi là Song Ngư nằm chắn ngang cửa sông nơi tiếp giáp với biển. Cửa này có tên là cửa Hội hay cửa Hội Thống mà xưa kia gọi là cửa Đan Nhai. Phong cảnh đó đã gợi cho người xưa tứ thơ:

"Hồng Lĩnh sơn cao,
Song Ngư hải khoát,
Nhược ngộ minh thời,
Nhân tài tú phát."

Có nghĩa:
Hồng Lĩnh núi cao,
Song Ngư biển ngát.
Gặp được minh trào,
Nhân tài đua phát.

Đất đai sông núi ấy đã góp phần phú bẩm nên thiên tài Nguyễn Du và ngược lại, Nguyễn Du cũng đã làm cho đất đai sông núi ấy thêm phần vinh hiển. Cho nên hai chữ Tiên Điền từ lâu đã đi vào lòng người như là một trong những địa danh văn hóa lớn của đất Hồng Lam.

Tiên Điền là quê nội của Nguyễn Du nhưng tổ tiên của thi hào xưa kia vốn ở làng Canh Hoạch, huyện Thanh Oai, trấn Sơn Nam. Vị tổ đầu tiêm mà đời sau biết được là Nguyễn Thiến, đỗ Trạng nguyên khoa Nhâm thìn (1532), làm quan với nhà Mạc đến chức Thượng thư bộ Lại. Con cháu mười mấy người đều làm quan với nhà Mạc, nhưng cuộc chiến khốc liệt giữa Mạc và Lê-Trịnh lúc bấy giờ đã làm mất đi gần hết dòng họ này. Một trong rất ít người được trốn thoát là Nam Dương hầu Nguyễn Nhiệm. Sau trận ác chiến với Trịnh Tùng ở Lãnh giang năm 1601, Nguyễn Nhiệm từ Thăng Long cải trang làm thầy thuốc đi chữa bệnh tứ phương, lần mò vào nam, mai danh ẩn tích tại thôn Lương Năng là một thôn dân mới lập của làng Phú Điền. Đó là vị tổ thứ nhất dòng họ Nguyễn Tiên Điền ngày nay, kế đến Nguyễn Du là đời thứ bảy. Cứ nhìn qua tập gia phả của họ Nguyễn này, trong khoảng bốn thế hệ chừng non một trăm năm, từ Nguyễn Quỳnh (1675-1735) đến con cháu Nguyễn Khản vào cuối thế kỷ XVIII, *khoa* có đến mười mấy Cử nhân, Tiến sĩ, Hoàng giáp, *hoạn* có đến hai Tể tướng và nhiều quan chức trọng yếu khác, *tước* có đến bốn Quận công mà ba được phong làm Đại vương Thượng đẳng phúc thần, còn tước Hầu thì đa số con cháu đều có được. Do đó dân chúng miền này có câu ca:

"Bao giờ ngàn Hống hết cây,
Sông Rum hết nước, họ này hết quan".

Nguyễn Du tự là Tố Như hiệu là Thanh Hiên, sinh năm 1765 tại phường Bích Câu, kinh đô Thăng Long, là con thứ bảy trong số mười hai trai của một gia đình vọng tộc. Cha là Nguyễn Nghiễm làm quan tới chức Tể tướng, mẹ là Trần thị Tấn người xã Hoa Thiều, huyện Đông Ngạn, xứ Kinh Bắc (Bắc Ninh), anh cả là Nguyễn Khản về sau cũng làm đến Tể tướng, nhưng bản thân nhà thơ lại phải gặp nhiều vất vả, gian nan. Mười tuổi mồ côi cha, mười hai tuổi mồ côi mẹ, nuôi dạy phải nhờ anh cả, nhưng rồi gia đình anh lại gặp nạn kiêu binh năm 1784, nên việc ăn ở có lúc phải nhờ đến anh vợ là Đoàn Nguyễn Tuấn ở xã Hải An, huyện Quỳnh Côi, tỉnh Thái Bình. Do đó mà khi Nguyễn Du xuất thân, *khoa* chỉ có Tam trường, *hoạn* chỉ có chức Chánh thủ hiệu là một chức quan võ ở Thái Nguyên của cha nuôi họ Hà để lại. Gặp lúc thời cuộc biến chuyển quá nhanh, chỉ trong mấy năm mà Tây Sơn dấy binh cùng Trịnh đánh đuổi được Nguyễn, rồi Tây Sơn kéo quân ra Bắc, cơ đồ họ Trịnh tiêu vong, rồi quân Thanh tràn sang bị Nguyễn Huệ đánh đuổi, Lê Chiêu Thống bỏ nước chạy sang Tàu, rồi Nguyễn Huệ mất... Trong khi đó quan lại nhà Lê, kẻ mưu đồ khôi phục triều cũ, người ra hợp tác với Tây Sơn, kẻ đi ở ẩn.

Để chung lo nghĩ việc nước, Nguyễn Du đã âm thầm lánh về nương náu với gia đình anh vợ ở Sơn Nam trong một thời gian. Nhưng rồi thấy vận nhà Lê đã hết mà quân Tây Sơn lại tàn bạo, Nguyễn Du có ý lần về nam, hẳn muốn tìm một thế lực khác làm nơi dụng võ chống lại tân triều. Việc bại lộ, bị Trấn thủ Nghệ An là Quận công Nguyễn Thận bắt giam năm 1796. Cũng may, chỉ sau ba tháng là được thả. Từ đó, Nguyễn Du về sống ở Tiên Điền, chán nản, thiếu thốn, nên ngoài việc đọc sách, làm thơ văn, thường chỉ lấy việc câu cá, săn bắn làm vui, ngao du khắp vùng Hồng Lĩnh, lấy tự hiệu là Hồng Sơn liệp hộ và Nam Hải điếu đồ, xem như mình hoàn toàn là một ẩn sĩ.

Nguyễn Ánh diệt Tây Sơn, lập nên nhà Nguyễn Gia Long năm 1802, Nguyễn Du được triệu ra làm Tri huyện Phù Dung rồi Tri phủ Thường Tín. Năm 1803, ông cùng các vị Tri phủ Thượng Hồng, Thiên Trường, Tiên Hưng được cử lên ải Nam Quan đón tiếp sứ thần nhà Thanh sang phong sắc. Năm 1805, ông được triệu vào Kinh giữ chức Đông các Học sĩ và được phong tước Du Đức hầu. Năm 1809 được bổ làm Cai bạ tỉnh Quảng Bình, năm 1813 được thăng Cần chánh điện Học sĩ, sung Chánh sứ sang cống nhà Thanh, và khi về được thăng chức Hữu Tham tri Bộ Lễ. Năm 1820, Minh Mệnh nguyên niên, lại có mệnh đi sứ Tàu lần nữa, nhưng chưa kịp đi thì mất. Ông mất ngày mười tháng tám năm ấy, tức là 16-9-1820, thọ 56 tuổi, có ba vợ, mười tám con, mười hai trai và sáu gái. Vua Minh Mệnh nghe tin, rất thương tiếc, ban cho tên thụy, ngoài tiền ân tuất, còn ban cho hai cây gấm, 20 lạng bạc, 30 cân sáp ong và 300 cân dầu để lo việc tống táng. Các hoàng đệ và các quan trong triều đều có lễ vật phúng điếu và có nhiều câu đối viếng. Mộ chôn

tại cánh đồng Bàn Đá thuộc địa phận làng An Ninh, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên. Bốn năm sau, hài cốt được con cháu đưa về Hà Tĩnh, chôn lại trên xứ Đồng Cùng giữa một trảng cát của làng Tiên.

Nguyễn Du học rộng, xem nhiều, từng trải lắm, không những thâm Nho mà còn tinh thông cả Phật, Lão. Nổi tiếng tài hoa, rành cả cầm kỳ thi họa, riêng có biệt tài về thơ, nhất là thơ Nôm. Tác phẩm còn lại, chữ Hán có: **— Thanh Hiên thi tập,**

— Nam Trung tạp ngâm,

— Bắc hành tạp lục,

và Quốc âm có:

— Thác lời trai phường nón,

— Văn tế sống hai cô gái Trường Lưu,

— Đoạn trường tân thanh,

— Văn tế thập loại chúng sinh....

Chút ít hành trang về thi hào Nguyễn Du trên đây đã giúp cho khách hành hương sắp sửa đến viếng đất Tiên thêm phần hào hứng. Rồi ra đi từ Huế, thiết tưởng cũng có phần lý thú riêng, có thể biết thêm đôi chút về chiều hướng tâm tư của Nguyễn Du, cũng như khi nghĩ đến tuyệt tác ***Đoạn trường tân thanh*** có khả năng được sáng tác trong thời gian Nguyễn Du đang làm quan ở Huế.

Huế — Hà Tĩnh khoảng chừng ba trăm cây số, nhưng "đến viếng đất Tiên" cả đi lẫn về cũng khó thực hiện được trong trọn một ngày, huống chi thỉnh thoảng người viết lại xin dừng ở một vài nơi, theo đôi ba dấu vết trên chặng đường của thi hào từ Huế trở về quê quán.

Trước khi khởi hành, xin đọc qua bài thơ *"Vọng Thiên Thai Tự"* để biết chút ít tâm trạng Nguyễn Du khi ở Huế làm quan với triều Nguyễn:

Thiên Thai sơn tại đế thành đông,
Cách nhất điều giang tợ bất thông.
Cổ tự thu mai hoàng diệp lý,
Tiên triều tăng lão bạch vân trung.
Khả liên bạch phát cung khu dịch,
Bất dữ thanh sơn tương thủy chung.
Ký đắc niên tiền tằng nhất đáo,
Cảnh Hưng do quải cựu thời chung.

Thiên Thai là một ngôi chùa ở phía đông nam Nam Giao, Huế. Chùa giáp núi Thiên Thai nên có tên là Thiên Thai Thuyền Tôn Tự hay Thiên Thai Nội Tự, hiện nay gọi là chùa Thuyền Tôn. Chùa do Tổ Liễu Quán khai sáng vào đầu thế kỷ XVIII. *Tiên triều* tức triều nhà Lê. *Cảnh Hưng* là niên hiệu của Lê Hiển Tông (1740-1786).

Trông về ngôi chùa ở gần kinh đô của triều đại mình đang hợp tác, nhưng Nguyễn Du lại nhìn thấy cả một quá khứ nặng trĩu đè lên tâm tư. Tâm trạng hoài cổ đó cũng là lẽ thường tình của những người đa cảm. Tuy nhiên cách biểu hiện ý tình quá lộ liễu, nên có lúc không khỏi khiến người trên cho mình là kẻ hợp tác không hết lòng, mà hậu thế cũng dễ nghĩ mình nặng mang tâm sự "hoài Lê".

Ngô Linh Ngọc đã dịch như sau:

(Đông đế thành, núi Thiên Thai đó,
Cách sông, đường nghẽn, chẳng đường sang.
Sư già triều cũ nhòa mây trắng,
Chùa cổ, thu sang, ngập lá vàng.
Tóc bạc khá thương thân trói buộc,
Non xanh đành lỗi hẹn thanh nhàn.
Nhớ năm trước đã từng qua đó,
Chuông Cảnh Hưng treo thấy rõ ràng.)

Cùng đi với người viết là một cậu em bà con và một tài xế. Sau khoảng ba giờ xe chạy, chúng tôi đến thị xã Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, nơi Nguyễn Du trước đây làm chức Cai bạ (tức Bố chính) đến bốn năm (từ 1809 đến 1813). Nhà thơ thì ở đâu cũng làm thơ và thơ nào thì cũng ít nhiều gói ghém chút cảm hoài, chút tâm sự. Đọc thơ của Tố Như thì đành rồi, nhưng ngang qua Lũy Thầy, Lũy Trường Dục mà không nhớ đến bài thơ Nôm của Đào Duy Từ trên chiếc bình vôi cổ mình đang có, thì thật tình trong lòng cũng hơi bứt rứt. Thế là người viết lại ti tỉ một đoạn trong ***Tư Dung vãn*** mà quên cả "Giang thành, Cẩm sơn, Lệ thủy..." đang ở trước mắt cũng như quên cả bài "Tân thu ngẫu hứng" của Tố Như xưa kia sáng tác tại đất này.

Chừng hơn một giờ xe nữa, chúng tôi qua phà sông Gianh, là ranh giới giữa Đàng Trong và Đàng Ngoài thời phân tranh Trịnh Nguyễn (1560-1788). Đứng trên phà nhìn cảnh lồng lộng nước trời, bên này là xã Thọ Lộc, bên kia là xã Quảng Trạch, một thời đã chôn vùi bao nhiêu quân sĩ của một cuộc nội chiến khốc liệt. Đọc lại bài *"Độ linh giang"* của thi hào họ Nguyễn, chúng tôi không khỏi bàng hoàng như còn nghe thấy đâu đây tiếng kêu gào đau đớn của bao oan hồn tử sĩ, như còn ngửi thấy đâu đây mùi tử khí của hàng trăm nghìn thi hài rữa

nát. Trịnh Nguyễn sau trước đánh nhau đến bảy lần, kéo dài trong 45 năm (1627-1672), cuộc chiến tranh đó đã đào sâu ý thức Bắc Nam giữa những người trong cùng một nước, khiến hơn mấy chục năm sau mặc cảm phân biệt Bắc Nam vẫn còn lắng sâu trong tâm tư thi hào họ Nguyễn:

Tam quân cự bích phi hoàng diệp,
Bách chiến tàn hài ngọa lục vu.
Bắc thượng thổ dân mạc tương tị,
Trấp niên tiền thị ngã đồng chu.

Quách Tấn dịch:
(Xưa bách chiến lấp đầy nội cỏ,
Lũy ba quân lá đổ tà huy.
Cách bờ chớ ngại nhau chi,
Ba mươi năm trước cũng thì đồng châu.)

Vào khoảng đứng bóng, xe vượt Đèo Ngang qua địa phận tỉnh Hà Tĩnh. Cũng nóng lòng muốn mau đến đích, nhưng khi qua đây không sao quên được bài thơ bất hủ của Bà Huyện Thanh Quan đã được học thuộc lòng từ lúc bé. Xưa kia trên bước đường từ Bắc vào Kinh để nhận chức Cung trung giáo tập, khi đến Đèo Ngang trước cảnh bao la trời-non-nước, tình cảm của thi nhân cũng chan chứa nỗi nhớ nước thương nhà, nhưng không cảm thấy lẻ loi cô độc. Bên cạnh đá núi lưng đèo, vẫn chen chúc những cỏ cây hoa lá, những sinh hoạt nhấp nhô đây đó của con người. Bụng thấy đã cồn cào mà miệng vẫn thì thầm mấy câu thơ *"Qua Đèo Ngang"* của Bà Huyện.

Khỏi chân đèo là đến cửa bể Kỳ Anh, người viết tính ba hoa chuyện nàng Bích Châu trong *"Hải khẩu linh từ"* của Đoàn Thị Điểm, thì cậu em đã kêu lên "Đói quá rồi!" Chúng tôi phải chạy tìm chỗ ăn trưa và nghỉ ngơi một chút. E cũng nên thêm rằng, từ sáng đến giờ, quãng đường chúng tôi trải qua không thiếu những mốc lịch sủ kỳ thú, nhưng những hàng quán ăn uống thì rất là thưa thớt. Ghé vào một quán "cơm mì", chủ quán cho hay chỉ có mì ăn liền, còn cơm thì chỉ có canh rau và chút ít thịt lợn. Thế cũng tốt lắm rồi, đang đói mà lại! Mới biết ông bà mình thật thâm thúy khi cần nói lên một quan niệm sống "No thành Phật thành Tiên" cũng phải!...

Chiếc xe lại phom phom tiến về hướng bắc, hai bên là đồng lúa thẳng tắp, xanh rì, chẳng mấy chốc đã đến Thị xã Hà Tĩnh. Định gặp Ban Văn hóa Thông tin ở đây để hỏi dò đường đi nước bước vào đất Tiên, nhưng chủ nhật, công sở nghỉ! Chúng tôi đành vừa chạy vừa hỏi lần. Đến ngã ba cầu Nghèn, bên phải là Thị trấn Can Lộc, chúng tôi còn khoảng hơn ba mươi cây nữa thì đến Thị trấn Nghi Xuân. Và từ đó bước thêm vài cây nữa là đến đất Tiên rồi! Đồng hồ của tôi chỉ ba giờ bốn lăm phút.

Đến viếng quê hương thi hào Nguyễn Du mà chỉ nói đến Tiên Điền không thôi, đi đã không khắp và không kịp rồi, tuy rằng trên đường đi đến, tầm mắt kẻ hành hương có thể bao quát cả không-thời gian của quê hương đó như trên kia chúng tôi đã sơ lược. Thực tế đến viếng đất Tiên, chúng tôi chỉ kịp làm được vài việc là đi thăm khu vườn lưu niệm Nguyễn Du và đến chiêm bái lăng mộ của thi hào cách đó chừng ba cây số nữa. Cũng xin thưa, khu lưu niệm này mới được chỉnh trang ba bốn năm nay và hiện là một trong số những di tích lịch sử do Nhà nước quản lý. Do đó trong chuyến tham quan, chúng tôi chỉ gặp Ban quản lý khu lưu niệm thuộc Sở Văn hóa Thông tin Hà Tĩnh, chứ chưa gặp được số hậu duệ nào của Nguyễn Du tại địa phương.

Có thể nói khu lưu niệm Nguyễn Du là một quần thể di tích trong tổng quần thể di tích rộng lớn của họ Nguyễn làng Tiên Điền, gồm có đền thờ các Đức Đại vương ở trung tâm làng, các đền thờ nhiều vị Phúc thần trên quả đồi sát bờ sông Lam, quần thể lăng mộ, hòm sắc vua ban, phù điêu trong lễ nghi rước Tiến sĩ, trước tác phẩm của các danh sĩ trong dòng họ Nguyễn... Riêng diện tích khu lưu niệm Nguyễn Du rộng khoảng ba hec-ta, trong đó có:

— Bia đá Nguyễn Quỳnh,
— Hai nhà tư văn,
— Nhà thờ Nguyễn Du,
— Phòng trưng bày lưu niệm,
— Hai cây cổ thụ.

1. Bia đá Nguyễn Quỳnh: Nguyễn Quỳnh (1675-1735) là nội tổ của Nguyễn Du, tự là Phù Dực, hiệu là Tĩnh Nam, con trưởng của Phù Quận công Nguyễn Thể, nổi tiếng văn chương nhưng không thi cử nên hoạn lộ chẳng được hanh thông. Không được toại chí, ông chuyển sự nghiệp sang sáng tác thơ văn và mở trường dạy học cho bà con, con cháu. Trước tác của ông có: *Dịch kinh quyết nghị, Từ ấu tân truyện* và *Đại hiệu chân kinh*. Về sự nghiệp giáo dục, ông đã dạy cho nhiều học trò trong vùng và con cháu trong nhà đạt trình độ uyên bác, ngay mấy

con trai của ông cũng đều là những bậc khoa giáp tiếng tăm. Con trưởng Nguyễn Huệ (1705-1733) 24 tuổi đậu Cử nhân, 27 tuổi đậu Tiến sĩ, con thứ hai Nguyễn Nghiễm (1708-1776) thi từ cấp huyện, cấp tỉnh đến Quốc tử giám lúc nào cũng đậu đầu, 24 tuổi đậu Hoàng giáp; con thứ ba Nguyễn Trọng (1710-1789) đậu Cử nhân, rồi Phó bảng, v.v... Sau Nam Dương hầu Nguyễn Nhiệm thì cháu bốn đời của Người là Nguyễn Quỳnh được xem như người khai sáng sự nghiệp cho con cháu họ Nguyễn Tiên Điền. Khi con trai Nguyễn Nghiễm và cháu nội Nguyễn Khản (1734-1786) làm quan lớn ở triều, đã lần lượt xin vua phong tặng cho Người tước hầu, tước công và sau cùng được phong Đại vương, được lập đền thờ riêng, lập "Bia đá" nêu cao sự tích công trạng. Chính con trai Nguyễn Nghiễm đã tự viết và cho khắc vào bia này bốn chữ ***"Hồng Nguyên Tuấn Lưu"*** nghĩa là "Dòng lớn chảy mạnh" nêu cao vai trò vị trí của Người. Hai bên có câu đối

"Niệm thời truy nhật nguyệt,
Truyền ngữ tại giang sơn"

nghĩa là "Ngưỡng mộ cha mẹ theo ngày tháng. Còn giang sơn thì còn truyền tụng". Sau bia ghi chữ ***"Phúc"***. Bia lập vào mùa Thu năm Nhâm ngọ niên hiệu Cảnh Hưng (1762).

2. Hai nhà tư văn: Đây là chỗ dạy học, giảng bình văn thơ đương thời của Nguyễn Quỳnh với học trò và con cháu. Đó cũng là nơi hàng năm, vào tiết Thanh minh, vào những ngày kỵ giỗ, con cháu tụ tập đàm đạo thơ văn. Sau đây xin ghi lại vài câu đối chữ Hán chép từ các trụ biểu của hai nhà tư văn đó:

1. ***Nguyên khí luân lưu long cổn nhiễu,***
Phương phong phảng phất trúc đường khai.
(Khí trời quanh quẩn cuộn tấm áo long cổn,
Gió thơm phảng phất mở cửa thềm trúc đường.)

2. ***Đạo biểu hà đồ thiên xuất thánh,***
Văn tồn lạc số địa lai lân.
(Đạo Nho tiêu biểu ở bức vẽ sông Hà, trời sinh thánh đế; Nền văn học tồn tại theo lá số sông Lạc, đất hiệu kỳ lân).

3. ***Cương thường đống vũ tham tam cực,***
Phú mỹ cung tường ngật lưỡng gian.
(Thênh thang ba cõi, trụ cột cương thường,
Chất ngất hai bề, cung tường giàu đẹp)

4. ***Thâm tai viễn vọng xuyên Ngư hải***
Cao hĩ dao quang đỉnh Hồng sơn.
(Thâm thẩm xa trông xuyên Ngư hải,
Lồng lộng ngất cao đỉnh Hồng sơn).

3. Nhà thờ Nguyễn Du: Nguyễn Du sinh ở Thăng Long, mất ở Huế. Bốn năm sau khi mất, hài cốt được đưa về Tiên Điền. Con cháu xây dựng nhà thờ tại khu vực thi hào trước đây từng sáu năm ở ẩn. Đến năm 1940 ngôi nhà quá hư nát, Hội Khai Trí Tiến Đức đã tìm cách giúp bà con, con cháu xây dựng lại dưới sự đốc thúc của Chi trưởng là Tiến sĩ Nguyễn Mai. Nhưng đến năm 1954, nhà thờ này lại bị tàn phá hư nát. Từ đó đến nay tuy có nhiều lần tu bổ, nhưng tình trạng cũng chỉ mới là vôi gạch khiêm tốn như hiện nay. Ở phía trong có bàn thờ, có bài vị thờ **"Thanh Hiên Nguyễn tiên sinh".** Ở ngoài, phía trên tiền đường là bức biển đề bốn chữ Hán ***"Địa Linh Nhân Kiệt"*** (Đất thiêng thì sinh người giỏi), song song phía dưới là hai câu đối chữ Hán, một nói là của vua ban (?) và một nữa là của cụ Nghè Mai đề tặng.

Câu của nhà vua (?):

Nhất đại tài hoa, vi sứ vi khanh sinh bất thiểm;
Bách niên sự nghiệp, tại gia tại quốc tử do vinh.

(Lúc sanh tiền, một kiếp tài hoa, đi sứ làm quan đều chẳng thẹn;
Khi tử hậu, trăm năm sự nghiệp, với nhà với nước mãi còn vinh).

Và câu của cụ Nghè:

Lễ nhạc bách niên văn hiến địa,
Giang sơn tứ vọng thái bình thiên.
(Đất văn hiến thì trăm năm lễ nhạc;
Trời thái bình thì bốn mặt non sông).

4. Phòng trưng bày lưu niệm: Là một cái nhà gỗ cao lớn rộng, nghe nói trước đây là một cái đình chợ — đình chợ Trụ ở Đức Thọ — được mua về làm nhà trưng bày lưu niệm Nguyễn Du. Mới bước vào nhà tự nhiên thấy có một cảm giác là lạ: Một chiếc khung nền vàng chữ đỏ, tương đối không lớn lắm, nhưng nổi bật lên giữa những khung ảnh trắng đen khác, viết câu hát ví đò đưa ở mạn Tiên Điền:

"Xuống nước sông Lam tìm con cá lội,

Trèo lên Hồng lĩnh hái một trái sim,
Có thương nhau anh mới đến đây tìm,
Bây giờ khắp mặt như Kim khắp Kiều."

Thiển nghĩ câu ví thật tình mà người trình bày cũng thật rành tâm lý!

Đồ trưng bày lưu niệm kể ra cũng không nhiều lắm. Lần lượt chúng ta thấy: . 1 hương án thờ bằng gỗ chạm, trên đặt bài vị cũng bằng gỗ chạm của thi hào Nguyễn Du. Phía trên hương án là một bức hoành sơn thép, kiểu "long đằng cáo trục" với năm chữ Hán đại tự ***"Thanh Hiên Nguyễn tiên sinh";***

. 1 bức hoành theo kiểu khác, xung quanh có chạm có khung, ở giữa phía trên là chữ Hán dưới là Quốc ngữ hai chữ "Nguyễn Du", kèm hai bên là hai số "1765" và"1820" là năm sinh và năm mất. Dưới bức hoành là một tủ kính khá cao, phía trên ở giữa nổi lên hai chữ Quốc ngữ thật lớn: "Truyện Kiều", phía dưới là hộc gỗ đóng kín. Một tủ kính khác, trình bày một bản Kiều nôm chép tay, một vài bản in Kiều quốc ngữ, một tập thơ chữ Hán của Nguyễn Du, một số sách vở viết về hoặc ở trong có viết về Nguyễn Du, về Truyện Kiều.

. 2 tủ kính đựng một số vật lưu niệm nói là những đồ nhu dụng đương thời của Nguyễn Du, như: một cái bầu rượu, mấy cái chén chung, một bộ khay trà, một dĩa mai hạc, tất cả bằng sứ bị rạn nứt nhiều chỗ; một cái tráp cẩn nhỏ đựng cau trầu, một nghiên mực bằng đá chạm, mấy cây bút lông, vài tập giấy có viết chữ, một hòm đựng sắc phong, vài cái gạc nai...

. Một số tranh ảnh treo trên tường trong đó có bản sao đạo Sắc của Vua Gia Long phong cho Nguyễn Du chức Tham tri Bộ Lễ, tước Du Đức hầu và ảnh phóng đại mộ Nguyễn Du, nói là lúc còn ở xứ Đồng Cùng.

. Một bức tranh sơn dầu khá lớn treo phía trên một tủ kính để đồ lưu niệm, của họa sĩ Nguyễn Đức Nùng minh họa cuộc sống của Nguyễn Du trong thời gian sáu năm thi hào về ẩn cư ở Tiên Điền.

5. Hai cây cổ thụ: Trước khi từ giã khu lưu niệm đi chiêm bái lăng mộ Nguyễn Du, ban hướng dẫn còn cho biết thêm chút ít lịch sử về hai cây cổ thụ đang sống trong khuôn viên khu lưu niệm.

Vào thời Nguyễn Quỳnh, các con ông đều làm quan ở xa, lâu lâu về thăm nhà. Họ thường đi ngựa, Nguyễn Quỳnh trồng sẵn ở vườn ba cây loài có thân lớn, để cho ba cậu con là Nguyễn Huệ, Nguyễn Nghiễm và Nguyễn Trọng buộc ngựa mỗi khi về thăm. Thời gian gần đây chết mất một cây, còn lại hai, một cây xoài và một cây bồ lỗ, tính đến nay được 270 tuổi.

Lăng mộ Nguyễn Du: Từ khu lưu niệm đi sâu vào làng khoảng ba cây số là đến. Mộ xây, không lớn lắm, cũng không tô vẽ chi, đơn giản, súc tích. Trước mộ có lư hương, sau mộ cách một khoảng là tấm bia lớn đặt trên bệ xây, có thành gạch làm hậu. Chung quanh mộ là thảm cỏ biếc, có đường đi rải sạn. Lòng bia phần trên khắc mấy dòng chữ Việt: ***"Danh nhân văn hóa thế giới. Đại thi hào Nguyễn Du. 1765-1820",*** và phần dưới là hai chữ Hán ***"Nguyễn Du"***. Bao quanh lăng mộ, chu vi khoảng chừng trăm mét, là một hàng rào bông sắt nghiêm trang vững chãi. Lăng mộ thi hào tuy gần bãi tha ma nhưng ở vào chỗ đất khoảng khoát riêng biệt. Lăng mộ tân tạo này, theo lời người hướng dẫn, "là do cháu chắt bà con và một số người ái mộ thi hào thực hiện, tuy nhiên mộ thì vẫn ở vị trí của ngôi mộ cũ". Nghe thế thì cũng hay thế, chứ một thầy giáo đất Nghệ khi cho nghe bài thơ của Vương Trọng trong có câu:

"...Tưởng rằng phận bạc Đạm Tiên,
Ai ngờ cụ Nguyễn Tiên Điền nằm đây..."

đã xác nhận mộ thi hào trước đây vẫn "sè sè nấm đất" ở vùng đất cát chỗ ngã ba từ đường cái đi vào làng. Mãi đến sau năm 1980, mộ mới được dời đi nơi khác. Rất tiếc trong chuyến đi này chúng tôi không đủ thì giờ để tìm gặp một vài hậu duệ của Tố Như để biết thêm ít nhiều chi tiết... Nhưng thôi. Đứng niêm hương trước mộ thi hào, lòng kính cẩn, trang nghiêm, phơi phới nhưng người viết thực sự không khỏi vướng chút ưu tư.

Chiều xuống dần, gió hơi lộng, nắng vàng yếu ớt hắt hiu. Chúng tôi trở về chia tay Ban quản lý khu lưu niệm, ngược ra quốc lộ 1, qua cầu sông Lam mà dòng suy tư cứ miên man chưa dứt.

Cuộc đời dâu bể. Nghĩ lại cả một dinh cơ nguy nga đồ sộ ở Tiên Điền mà hai đời Tể tướng cùng các vị công hầu từng xây dựng thời Lê Trịnh, sau vụ Mai Nhạc bá Nguyễn Quýnh, anh thứ tư của Nguyễn Du, chống tân triều, đã bị quân Tây Sơn phá sạch. Nguyễn Du khi trở lại Tiên Điền năm 1796, nhìn những đống gạch

ngói đổ nát của nhà cửa, của đình, chùa, miếu vũ đã lỗ chỗ rêu phong, chắc đã đứng tần ngần rất lâu trước cảnh tượng ấy. Sau đó khi ra xứ Đồng Dài, Đồng Thung thăm mộ cha, anh, lang thang trên cánh đồng vắng vẻ, Nguyễn Du đã thuận chân đi về phía bờ sông Lam. Đây bến Giang Đình, một trong tám thắng cảnh của Nghi Xuân, giờ sao hiu hắt quá! Nhìn bến sông, nhớ lại cảnh xưa, lần cha về hưu, thuyền cũng đã đậu ở bến sông này, bất giác Tố Như sinh mối hoài cảm vô hạn:

Ức tích ngô ông tạ lão thì,
Phiêu phiêu bồ tứ thử giang mi,
Tiên chu kích thủy thần long đấu,
Bảo cái phù không thụy hạc phi.
Nhất tự y thường vô mịch xứ,
Lưỡng đê yên thảo bất thăng bi.
Bách niên đa thiểu thương tâm sự,
Cận nhật Trường An đại dĩ phi.

Đó là bài *"Giang Đình hữu cảm"* mà Quách Tấn đã dịch như sau:

(Nhớ thuở cha ta cáo lão về,
Bến sông rộn rịp ngựa liền xe.
Khúc rồng cuộn sóng thuyền tiên lướt,
Cánh hạc vờn mây lọng gấm che.
Từ nếp xiêm y chìm khuất bến,
Để sầu cây cỏ ngập tràn đê.
Trường An cùng trải nhiều dâu bể,
Ngẫm cuộc trăm năm lắm não nề.)

Cuộc trăm năm não nề cũng phải! Nhưng có phá tất có xây, xây để rồi lại bị phá. Một số dinh cơ của họ Nguyễn Tiên Điền lại được Nghi Thành hầu Nguyễn Nễ (1761-1805), em khác mẹ với Nguyễn Quýnh, lúc đó đang làm quan với Tây Sơn dần dần tái thiết. Rồi hậu duệ các đời lại cũng góp phần tu bổ... Nhưng rồi đến những năm 1953, 1954, trong thời gian cải cách ruộng đất, các đền đài bia miếu thờ các danh nhân họ Nguyễn một lần nữa lại bị phá hủy mất nhiều. Ngôi nhà năm gian chứa đầy thư tịch của dòng họ Nguyễn do Tiến sĩ Nguyễn Mai (1876-1954) gìn giữ, đã bị đốt cháy. Và bản thân cụ Nghè Mai cũng đã qua đời một cách oan ức. Cụ là hậu duệ đời thứ mười, đỗ Tiến sĩ khoa Giáp thìn (1904), là bậc khoa bảng cuối cùng của dòng họ Nguyễn ở đất Tiên! Phải chăng đó cũng là lẽ "tài mệnh tương phương" chung cho những "thế gia vọng tộc" muôn đời trong thiên hạ?

Nguyễn Du, sinh ra trong thời loạn, gia đình mỗi ngày một thất thế, tâm tính lại đa cảm đa sầu, khoa hoạn không cao, đường đời trắc trở, tuy những năm cuối đời được thăng quan tiến chức, nhưng con người hầu như không thấy lúc nào được toại chí. Thế nhưng hoàn cảnh đó đã giúp cho con người Nguyễn Du vốn sẵn tài hoa, lòng đầy nhân ái, sáng tác nên những áng thi văn tuyệt diệu. Nguyễn Du đã cảm thông với con người bị chà đạp trong không khí ngột thở của thời đại mình, đã rên rỉ thay cho con người bị áp bức và đày đọa. Tác phẩm của Nguyễn Du đã nói lên nỗi thống khổ âm ỉ trong lòng người. Vì thế bao lâu con người còn tiếp tục bị những chế độ tước đoạt quyền sống, tước đoạt quyền tự do kiếm tìm hạnh phúc, thì giá trị tác phẩm của thi hào vẫn còn sáng chói. Nguyễn Du là con người của đồng cảm nhưng cũng là con người của tình thương. Từ những "tiếng kêu đứt ruột" cho những khổ đau của con người hoàn cảnh, Nguyễn Du đã đem tình thương đến với tất cả những khổ đau của con người thân phận trong cảnh đời hiện thực. Người hiền lương đức hạnh đáng thương xót đã đành, mà kẻ hung ác bất nghĩa bất nhân, trong tình thương cũng không phân biệt, bởi cuối cùng con người ai cũng không tránh khỏi cảnh nhắm mắt buông tay. Nhưng chết chưa hẳn là đã chấm dứt. *"Thác là thể phách, còn là tinh anh"*. Có điều cái tinh anh vẫn còn là thân phận đáng thương xót, nên Nguyễn Du đã hướng tình thương hữu hạn của mình đến tình thương vô biên, huyền nhiệm của đức Phật đối với những cô hồn lạc loài trong thế giới siêu nhiên. ***Chiêu hồn ca*** hay còn gọi là ***Văn tế thập loại chúng sinh*** của Nguyễn Du sẽ cho chúng ta thấy rõ hơn điều đó.

"Đến viếng đất Tiên" người viết ngoài phần thỏa mãn được ít nhiều niềm ước mong thầm kín của mình hồi niên thiếu, cũng còn là dịp để tự suy gẫm về cuộc đời và triết lý sống của ***Thi hào Nguyễn Du, Danh sĩ tài hoa của dân tộc.*** đồng thời là một ***Danh nhân văn hóa của thế giới.***

☯ ***Đoàn Khoách***
San Diego, XII- 1997.

Làm Sao Quên

Làm sao quên được Huế hở trời?
Thành quách cổ kính, Tịnh Tâm ơi!
Sen hồng bát ngát nhẹ hương rơi,
Đường về thành nội, ôi quen thuộc!

Làm sao quên được Huế hở trời?
Thủy tạ Khiêm lăng chiều xuống nhẹ
Hai hàng sứ trắng xanh xanh lá,
Bậc cấp rêu phong gió la đà.

Làm sao quên được Huế hở trời?
Giòng sông mát lạnh gió đùa trôi,
Cầu cao dáng bạc thiếu mất rồi,
Còn đâu áo trắng thương vời vợi?

Làm sao quên được Huế hở trời?
Những người nằm xuống cho Huế dậy,
Vững mạnh sau bao biến cố đời,
Thắp nén hương lòng khấn muôn nơi!

Làm sao quên được Huế hở trời?
Hàng Me, hàng Đoát, hàng phượng đỏ,
Gia Hội, Đông Ba thuở học trò,
Vân Lâu, Thừa Phủ nhớ con đò.

Làm sao quên được Huế hở trời?
Những ngày nắng lụa lá me rơi,
Mơn man chân bước trên đường vắng,
Áo lộng đôi tà, nón buông lơi!

Làm sao quên được Huế hở trời?
Những chiều tan học qua cầu trắng,
Trắng cả dòng đường, bến nước xanh,
Cho lòng e ấp nhớ mong manh!

Làm sao quên được Huế hở trời?
Chiều nay mưa nhé nhớ mang tơi,
Kẻo không mưa xuống làm ướt áo,
Đừng để ai nhìn dưới mưa rơi!

Làm sao quên được Huế hở trời?
Những ngày đông giá buốt nơi nơi,
Làm cho ai đó không về học,
Để nhớ thẫn thờ đầy lại vơi!

Làm sao quên được Huế hở trời?
Những chiều thu biếc gió dâng khơi,
Chiếc khăn quàng tím nhẹ chơi vơi,
Tím mãi trong tôi đến trọn đời!

Làm sao quên được Huế hở trời?
Nắng lên mưa xuống luống bồi hồi,
Trời Huế trong tôi tình non nước,
Non nước muôn trùng dạ khôn nguôi.

Y La Ngọc Quỳnh
Toronto, 5-1998

THỬ TÌM CHÚT ÍT SỬ LIỆU VỀ
VIỆN BẢO TÀNG KHẢI ĐỊNH

Nguyễnphúc Bửu-Tập

Tháng Tám năm 1923, cách đây ba phần tư thế kỷ, vua Khải Định ra đạo Dụ thành lập viện bảo tàng đầu tiên tại Trung kỳ, lấy tên là *Viện Bảo tàng Khải Định*, được mọi người biết và nhớ rõ hơn bằng tên gọi tiếng Pháp là *"Musée Khải Định"*.

Viện bảo tàng nằm trong khuôn viên cung điện nhà vua, kiến trúc khá nhỏ so sánh với viện bảo tàng của các đô thị ở Tây phương. Tuy vậy, giá trị lịch sử của Viện, nhất là khi ta thấu hiểu các nguyên do khiến cho Viện được thành lập, ta sẽ có thêm ý niệm về sinh hoạt giữa chính phủ một quốc gia bị trị và những người da trắng đến cai trị, và thấy được là nếu những người này đủ thiện tâm họ có thể làm được nhiều việc để thực sự khai hóa nước bị trị.

*** Khâm sứ Pierre Pasquier, người thành lập Musée Khải Định.**

Đạo Dụ thành lập Musée Khải Định viết bằng chữ Nho, có bổn dịch qua tiếng Pháp trong *Bulletin des Amis du Vieux Huế* (BAVH, 1929) như sau:

"Tinh hoa của mỗi dân tộc được thể hiện bằng các sản phẩm nghệ thuật thể hiện đời sống xã hội, lễ nghi và chính trị, và còn phản ảnh cả linh hồn nòi giống. Quốc gia chúng ta đã được thụ hưởng bao nhiêu mẫu mực nghệ thuật truyền thống của tiền nhân để lại và chúng ta có bổn phận phải duy trì để phát huy và bảo tồn khiếu thẩm mỹ và tình yêu nghệ thuật cho các thế hệ đến sau.

Quan Khâm sứ hôm nay đề nghị với Trẫm thành lập tại kinh thành Huế một Viện bảo tàng để thâu thập và gìn giữ những mẫu kỷ vật của nghệ thuật và kỹ nghệ nước Nam ta, hầu cho các nghệ sĩ và các nhà thủ công nghệ sau này có thể nhìn thấy tận mắt sản phẩm của người trước mà tìm được cảm hứng.

Quan Khâm sứ đề nghị lấy cơ sở *Tân thơ viện* rất đẹp và rất phong nhã do đức Hiến tổ chương Hoàng đế (tức là vua Thiệu Trị) sáng lập để làm Viện bảo tàng và lấy đế hiệu *"Khải Định"* của Trẫm đặt tên cho cơ sơ mới.

Trẫm rất hài lòng và cảm kích vì nhã ý thanh lịch của Quan Khâm sứ đã có lòng tôn vinh Trẫm và hôm nay Trẫm ban đạo Dụ này thành lập *Viện Bảo tàng Khải Định* và Trẫm ủy thác cho vị thượng quan của Quốc gia Bảo hộ đáng tôn quý toàn quyền định đoạt các chi tiết về việc tổ chức và điều hành cơ sở mới thành lập này.

Cơ sở Tân thơ viện từ nay không còn dùng làm nơi tàng trữ kinh sách, vậy kinh sách và ấn phẩm trong cơ quan này sẽ được thuyên chuyển đến một cơ sở khác khi có ngân khoản.

Khâm thử."

Đạo Dụ mang số 1291, đề ngày 24 tháng Tám năm 1923 và có ấn thự của Quan Khâm sứ Trung kỳ. Vị thượng quan mà nhà vua nói trên tức là ông Khâm sứ *Pierre Pasquier*, và Quốc gia Bảo hộ đáng tôn quý là nước Pháp. Ở sau sẽ có dịp nói về liên hệ giữa nước Pháp và Miên Lào Việt, tưởng nên nhắc lại một vài định nghĩa quy ước cho dễ hiểu. Danh từ *Đông dương* chỉ định vùng đất rộng từ biên giới *Ấn độ* đến biển *Nam hải* Trung hoa; danh từ *Đông Pháp* chỉ ba quốc gia *Miên Lào Việt* trước là đất của Pháp. Trong chu vi Đông Pháp có năm đơn vị: *Nam kỳ*, thuộc địa của Pháp do một ông Thống đốc trực tiếp cai trị; *Cao miên* và *Ai lao*, hai vương quốc do hai Khâm sứ cai quản; *Bắc kỳ* dần dần tách ra khỏi triều đình Huế do một ông Thống sứ điều khiển; và *Trung kỳ*, vương quốc An nam còn lại có một chánh phủ Nam triều hoàn toàn do một viên Khâm sứ kiểm soát "bảo hộ". Danh từ Khâm sứ ở đây dùng sai nghĩa; có lẽ lúc mới mất nước, các cụ ta dùng danh từ này để chỉ các ông quan đầu

xứ đại diện cho hoàng đế Nã Phá Luân đệ tam bên cạnh các ông vua Đông Pháp, và về sau quen dùng không thay đổi.

Khâm sứ Pierre Pasquier giữ một vai trò chính trị đặc biệt, trước tại Trung kỳ và sau trên toàn cõi Đông dương. Trong các nhà cai trị người Pháp tại Đông Pháp, trước có ông *Paul Bert*, (1833-1896), là một nhà thông thái về môn Sinh lý học và một chính trị gia được cử lần đầu tiên làm Toàn quyền Đông Pháp thay thế các ông Hải quân đô đốc võ biền đã giữ vai trò quyết định trong việc chinh phục nước Nam. Paul Bert trước đã làm bộ trưởng Giáo dục tại Pháp được chỉ định đem áp dụng chính sách khai hóa thay cho chính sách chinh phục bằng võ lực. Cuối thế kỷ mười chín có *Paul Doumer* (1857-1932) mà các cụ ta ngày xưa gọi là toàn quyền Đô mỹ, nổi danh vì chiếc cầu bắc qua sông Hồng gọi là cầu Paul Doumer. Doumer là một nhà chính trị lỗi lạc muốn áp dụng chính sách thân thiện để khai hóa Đông Pháp và kiến tạo đế quốc Pháp. Làm toàn quyền Đông dương từ năm 1896 đến 1902, ông về Pháp làm chủ tịch Thượng viện năm 1927, được bầu làm Tổng thống Pháp năm 1931 và bị ám sát một năm sau.

Pierre Pasquier là một viên chức hành chánh thuộc ngạch cai trị, nhưng có tài thật sự về chính trị. Trước ông, Khâm sứ *J.L. Charles*, cha đẻ thật sự của tập san *"Bulletin des Amis du Vieux Huế, BAVH"*, là người đã chọn đặt vua Khải Định lên ngôi thay thế vua Duy Tân, một vua trẻ có bản lĩnh nhất của triều đại Nguyễn phúc, tiếp tục phong trào Cần vương phục quốc sau khi vua Hàm Nghi thất bại, bị Pháp lưu đày qua Phi châu. Pasquier tiếp tục công tác của Charles với một quy mô lớn hơn, uốn nắn triều đình Huế thành một công cụ hoàn toàn phục vụ quyền lợi của người Pháp. Sau khi thành công chế ngự hoàn toàn bộ máy hành chánh Nam triều, Pasquier được thăng thưởng làm toàn quyền Đông Pháp và tiếp tục chánh sách khôn khéo lèo lái ba quốc gia Việt Miên Lào thành đất Pháp.

Nhưng nơi đây ta không tìm tòi tội "thực dân" của ông Pasquier mà chỉ tìm hiểu các điểm tích cực ông đã làm được về mặt khai hóa nước ta ngày đó theo chiều hướng Tây phương, nhất là về mặt văn hóa.

Khoảng cuối thế kỷ mười chín, sau các cuộc chinh phục rất dễ dàng về súng đạn, người Pháp khởi sự chương trình bình định và khai thác các nguồn lợi tại Việt nam. Các dự án qui mô khai thác canh nông và lâm sản bắt đầu với việc thành lập các diện tích canh tác mễ cốc, khẩn hoang để thiết lập các đồn điền cao su và cà phê lớn tạo nguồn lợi cho tư bản Pháp. Nhưng bên cạnh các công tác vĩ đại này, còn có một mối lợi tương đối nhỏ hơn, không phải bỏ ra vốn là việc chiếm đoạt các món quý vật của người bản xứ đem về Pháp hoặc trang bị các viện bảo tàng Pháp, hoặc bán tại các nơi buôn đồ cổ lớn ở các đô thị Âu châu như London, Berlin, Paris, Madrid..., hoặc vào tay các tư nhân ưa thích đồ cổ. Các món di vật văn hóa này đã được cống hiến, biếu tặng, cướp giật, đổi chác (bằng giá rẻ mạt) một cách công khai, vì không có một đạo luật nào về phía chính quyền thuộc địa — càng không có về phía Nam triều — để ngăn chặn cái nạn xuất huyết ghê gớm tài sản nước Nam ta ngày đó.

Một nhóm người Pháp có học vấn và còn lương tri đã thấy rõ sự việc đáng tiếc kia. Riêng tại Trung việt vào năm 1913, họ đã thành lập hội *"Đô thành Hiếu cổ xã"* (Association des Amis du Vieux Huế), mục đích để sưu tầm, gìn giữ, lưu lại hậu thế các kỷ vật có tánh cách chính trị, tôn giáo, nghệ thuật và văn học về phía Âu châu cũng như về phía địa phương, đặc biệt là liên quan đến thành phố Huế và các miền phụ cận (Trích trong bổn nội quy AAVH).

Ta hãy nghe ông *P. Jabouille*, một ông khâm sứ khác ở Trung kỳ, từ năm 1929 được cử làm chủ tịch *Ủy ban Quản trị Musée Khải Định*, viết về tình trạng thực sự của cuộc thất thoát các di vật văn hóa ở Đông Pháp và riêng tại kinh đô Huế:

"Bây giờ còn tìm thấy ở đâu những di vật văn hóa, các món động sản, các món tủ bàn vô giá, các bức tượng, bình, ché, độc bình có vẽ, các món tượng đồng, các món đồi mồi, đồ sứ, các kỷ vật bằng ngà voi, các món khí cụ xưa, và ôi thôi còn biết bao nhiêu thứ khác đã làm cho cung đình ngày xưa huy hoàng tráng lệ, đã làm nên đời sống mỹ miều của các ông hoàng, bà chúa, các bậc công hầu và các nhà hào phú ngày xưa.

Các món kỷ vật kia đã được săn đón, cướp giật, nhường qua bán lại, đổi chác, bịp bợm

và hầu như tất cả đều đã được đem ra khỏi xứ An nam và Đông Pháp, không còn cơ hội nào trở lại, để qua tay các con buôn Âu châu đến làm giàu cho các cơ sở sưu tầm đồ cổ ngoại quốc.

Phải chăng bây giờ là lúc phải chặn đứng cuộc di tản đáng tiếc này, hay ít ra phải tìm cách giữ lại một vài bổn để làm mẫu, làm bằng chứng của đời sống nghệ thuật nước Nam, do chính người Nam chế tạo nên hoặc đã được chế tạo từ phương xa đem tới đúng theo nhu cầu thị hiếu và thẩm mỹ của người nước Nam" (P.Jabouille: *Historique du Musée*, BAVH, tập 2, tháng Tư/Sáu 1929).

Từ ngòi bút của một nhà chính trị, đại diện cho nước Pháp, cầm quyền tuyệt đối trên lãnh thổ Trung kỳ, bản cáo trạng như đinh đóng vào cột, chắc không ai chối cãi được tình trạng cướp giật, thổ phỉ các di sản tinh thần và nghệ thuật của đất nước ta ngày đó, do cuộc xâm lược của người Pháp gây nên.

Đi trước Jabouille, Piere Pasquier là người đã tích cực chia xẻ ý kiến của nhóm bạn hữu tiền phong trong hội Đô thành Hiếu cổ. Qua về Âu châu, ông rất quen thuộc với lề lối buôn bán đồ cổ, gom góp quý vật từ các thuộc địa vào các viện bảo tàng lớn ở Âu châu như Musée du Louvre, Musée Guimet tại Pháp, British Museum tại Luân đôn, Le Prado tại Madrid.., hoặc là đáng tiếc hơn nữa vào tay các nhà quý phái, hào phú sưu tầm đồ cổ. Trong một bức thư gửi cho Hội AAVH, ông nói rõ là phải tìm cách *"cứu vãn"* một số tác phẩm mỹ thuật đã và đang bị *"thất thoát không còn phương cứu chữa"*.

Pasquier lại còn đi xa hơn nữa. Ông muốn xây dựng tại Huế một trường Mỹ thuật như trường Mỹ thuật Hà nội, vì ở Huế mới thật là nơi có môi trường sản xuất các tác phẩm nghệ thuật liên hệ với triều đại, để nuôi dưỡng và tiếp tục un đúc những thế hệ nghệ sĩ và người làm thủ công nghệ cần thiết cho việc bảo trì nề nếp huy hoàng và tráng lệ của vương cung và phủ đệ.

Hai lý do vừa nói giải thích vì sao khâm sứ Pierre Pasquier chủ tâm thành lập *Musée Khải Định*: Trước là để chặn việc thất thoát các tác phẩm nghệ thuật đã bị mất mát quá nhiều, sau là hy vọng thành lập được một *trường Mỹ thuật Trung kỳ*.

Vì vậy, lúc nhậm chức khâm sứ Trung kỳ, Pasquier liền bắt tay vào việc thực hiện một ý đồ ông đã mưu tính từ lâu. Tháng Năm 1923, ông cho ra một thông cáo hành chánh phổ biến đến tất cả nhân viên ngạch cai trị Pháp, nội dung có thể tóm lược như sau:

"Hoàng đế Khải Định đã đồng ý cho thành lập tại Huế một *Viện bảo tàng* để thâu nhập mọi tác phẩm nghệ thuật liên hệ tới đời sống và xã hội, lễ nghi và chính trị của nước Đại Nam. Đức vua muốn chứng tỏ ý chí khích lệ công tác hữu ích này bằng cách đã chỉ định cơ sở điện *Tân Thơ Viện* làm nơi tàng trữ bảo vật của Viện bảo tàng mới và từ nay Viện sẽ được gọi là *Viện bảo tàng Khải Định."*

Và khâm sứ Pasquier sắp đặt công việc như sau:

"Viện bảo tàng sẽ được đặt dưới quyền giám sát của *Hội Đô thành Hiếu cổ*. Trong giai đoạn đầu, Viện sẽ nhằm thực hiện các bộ phận cơ hữu căn bản, thiết lập đồ án xây dựng một số cơ sở tiêu biểu cho mẫu gia cư người bản xứ, và cứu vãn những mẫu hàng thiện mỹ còn lại của nghệ thuật nước Nam (như bàn tủ xưa, đồ sành, đồ sứ có men, sơn mài, đồ thau, đồ thêu, minh họa và tranh vẽ, gỗ chạm xà cừ, đồ trang sức, đồ đồng chạm trổ, các bộ đồ thờ cúng và gia dụng...), nghĩa là những công trình mỹ thuật nói lên được tư tưởng của người thợ tiểu công nghệ hay người nghệ sĩ, và tạo thành một sưu tập các món quý vật dùng làm mẫu mực đào tạo khiếu thẩm mỹ hay gợi lòng yêu nghệ thuật cho các thế hệ mai hậu."

Bản thông cáo nhấn mạnh: "Bộ sưu tập này sẽ là một tổ hợp nhất thể có giá trị sưu khảo cho người đời sau nghiên cứu và hiểu được lịch sử và nếp sống của dân Nam". Và khâm sứ Pasquier kết luận: "Các bộ sưu tập (trong Musée Khải định) sẽ làm thành di sản quốc gia do Musée Khải định gìn giữ, và nếu không có cơ sở căn bản này, di sản độc nhất kia sẽ bị thất thoát và tiêu tán" (Jabouille, đã dẫn).

Ngần đó cũng cho phép chúng ta, đến sau ba phần tư thế kỷ, thấy được rành mạch cái nhìn vừa khoáng đạt vừa thâm sâu của ông Pasquier, người đã thấy được trước, dám nói ra và dám làm những điều mà ngay cả những người đang cầm vận mệnh quốc gia, phía Nam triều, không ai thoáng nghĩ tới, thốt ra một lời, hay vẫy ngón tay định làm một việc gì.

*** Tân Thơ Viện: Cơ sở mới của Viện Bảo tàng Khải Định.**

Khâm sứ Pasquier xem xét kỹ các tòa nhà trong điện nội và đề nghị với chánh phủ Nam triều lấy dãy nhà Tân Thơ Viện làm cơ sở cho Viện Bảo tàng mới thành lập. Đạo Dụ năm 1923 của vua Khải Định chấp nhận đề nghị của Pasquier nói rõ là cơ sở Tân Thơ Viện "rất đẹp và rất phong nhã", do vua Thiệu trị lập nên khoảng hai mươi năm trước. Đạo Dụ cố tình quên không nhắc tới người sáng lập ra Tân Thơ Viện chính là vua *Duy Tân*, nhà vua anh hùng đã bị truất ngôi vì mưu đồ phục quốc chống Pháp. Vua Duy Tân lên ngôi năm 1906, bị người Pháp lưu đày năm 1915. Trong chín năm tại ngôi, vì vua tuổi trẻ này, trong phạm vi quyền hạn rất eo hẹp Chính phủ bảo hộ cho phép, đã thực hiện được trong nội bộ cung đình nhiều điều canh cải đầy ý nghĩa. Ví dụ đơn cử nhỏ là vua Duy Tân chính thức bãi bỏ tục lệ phong kiến và hủ lậu dùng thái giám trong cung đình. Một hành động lớn hơn là nhà vua chủ tâm khuyến khích nền quốc học. Lên ngôi được hai năm, vua Duy Tân nhận thấy trong cung đình cơ sở thờ tự quá nhiều nên ra lệnh phá bỏ Điện Long an, là một nơi thờ tự quá rườm rà do vua Thiệu Trị xây cất trước, và dùng tất cả vật liệu cũ như cột, sườn, kèo... bằng gỗ chạm, và vật liệu tường nền bằng cẩm thạch và sa thạch chuyển đến một vị trí xa hơn nhưng vẫn ở trong nội cung, dựng lên một thư viện, gọi là Tân Thơ Viện. Kinh sách và các đạo dụ, chỉ... bằng chữ Hán ngày trước do Nội các lưu giữ trong một thư viện cũ ở ngoài điện là Tùy khuê lâu được đem về tập trung tại Tân Thơ Viện. Vua lại yêu cầu Tòa Khâm sứ trang bị các loại sách bằng tiếng Pháp. Thơ viện cũng tập trung các kỹ vật của các phái bộ ngoại quốc tặng cho các vua đời trước và các món hàng này về sau được thâu nhập vào Musée Khải Định.

Việc giao dịch giữa Nam triều và chính phủ bảo hộ ngày càng phức tạp nhiêu khê, nhà vua cho thành lập một Sở phiên dịch, trụ sở đặt trong Tân Thơ Viện, về sau các tài liệu phiên dịch được sát nhập vào Văn khố của Musée Khải Định.

Ở trên có nói là vật liệu kiến trúc Tân Thơ Viện được tháo gỡ từng bộ phận từ điện *Long an* đem xây ráp lại và điều chỉnh hòa hợp dưới triều Duy Tân để tạo nên cơ sở mới. Kiến trúc sư *Craste*, một người bạn trong *hội Đô thành Hiếu cổ* là người đã để công nhiều nhất nghiên cứu từng bộ phận của cơ sở cũ để phác họa lại tỉ mỉ đồ án và mô tả các vật liệu bằng gỗ và đá quý lấy từ điện cũ sang lập thư viện mới và bây giờ lại chỉnh trang làm Viện Bảo tàng. Điện Long an được xây cất dưới triều vua Thiệu trị, trước khi người Pháp đến Đông dương, cho nên ông Craste đã cộng tác với ông thượng thư Võ Liêm, Bộ Công chánh để thực hiện việc nghiên cứu trên. Công trình điều nghiên về kiến trúc Musée Khải Định của kiến trúc sư Craste hợp tác với ông Võ Liêm được trình bày trên 40 đồ bản có giải thích cặn kẽ trong số tập san BAVH đã dẫn ở trên.

Các công trình kiến trúc của nước Nam ta dựa trên vật liệu chính là gỗ. Lại nữa, tài nguyên của xứ ta rất hạn hẹp, người xưa cha ông chúng ta đem cái khôn khéo tỉ mỉ trau dồi để thay thế vào cái vĩ đại hào nhoáng. Nhưng sau bao nhiêu năm chiến tranh hủy hoại, và với cái quan niệm của những người đang chiến thắng đập phá hết những gì cũ kỹ để xây dựng nước Việt nam hoàn toàn mới của chủ nghĩa xã hội, chắc bây giờ cũng chẳng còn gì sót lại của điện Long an hay của Tân Thơ Viện để cho chúng ta nhìn ngắm hoặc học hỏi, nếu không phải là các bức minh họa và đồ bản của ông Craste.

*** Tiến trình thành lập Musée Khải Định:**

Một điều ngạc nhiên thích thú cho những người tìm học lịch sử như chúng ta là thấy được ngay trong giới học giả và giới những người ưu tâm phục vụ văn hóa cũng không thoát khỏi được những ganh ghét thường tình, lâu lâu tìm cách "đá giò lái" người đồng hành bên cạnh. Trong bốn mươi năm từ thập niên mười đến thập niên năm mươi, linh mục *Léopold Cadière* là cột trụ của các công trình nghiên cứu văn hóa tại miền Trung. Cha là tác giả của rất nhiều đồ án nghiên cứu nếp sống xã hội, ngôn ngữ, tôn giáo... của dân địa phương; Cha giúp sáng lập ra *Hội Đô thành Hiếu cổ* và chịu trực tiếp gây dựng và nuôi dưỡng tờ tập san *"Bulletin des Amis du Vieux Huế"*. Có lẽ Cha đã cảm thấy khó chịu vì các ông Sứ, ông Khâm chức trọng quyền cao, nói nhiều mà không đóng góp

bao nhiêu, nên Cha đã đúc kết trong tập san *Revue de l'Histoire des Colonies* (tập III, 1925 Paris) các hoạt động của Hội Hiếu cổ bênh vực những người bạn đã đóng góp không công xây dựng nền móng của Musée Khải Định. Cha viết:

"Đi từng bước, chúng tôi tiến tới thành lập một Viện bảo tàng. Tất cả chúng tôi trong ban tổ chức Hội Hiếu cổ đều nhận thấy cần thiết phải thành lập một cơ sở như vậy. Sau khi xuất bản được tờ tập san BAVH, việc xây dựng một cơ sở bảo tàng trở nên mối ưu lo hàng đầu". Và Cha thuật lại, dẫn chứng theo thứ tự tháng năm:

Tháng Chín 1914, tới phiên ông *René Orband*, một bạn hiếu cổ thuyết trình về các món đồ đồng do vua Minh mạng cho đúc theo mẫu các vật dụng xưa ở Trung hoa. Kết luận bài thuyết trình ông cho biết đã xin chánh phủ Nam triều cho phép mượn các món kỷ vật này đem trưng bày tại trụ sở Hiếu cổ cho các bạn trong Hội thưởng lãm. Chính ông Orband đã thực hiện các tủ kính để trưng bày các món hàng này. Đó chính là những tủ kính đầu tiên đựng các món hàng đầu tiên của Viện bảo tàng Huế. Năm 1915, Hội Hiếu cổ được đức Giám mục *Gaspar* địa phận Huế tin cho biết ở làng Nhâm biều, tỉnh Quảng trị, có một tượng Chàm vô thừa nhận trong một khu đồi nhỏ. Hội tổ chức cuộc thăm viếng và đem về đặt trong sân Tân Thơ Viện. Năm 1917, cha Cadière thông tri với hội đã tìm được tại làng Xuân hòa một số tượng Chàm và một mẫu linga đặc biệt (linga là một tượng đá nghệ thuật Ấn độ cổ khắc hình dương vật biểu hiệu cho sức dương của thần Siva). Hội can thiệp với làng, tổng sở tại đem món kỷ vật này về đặt tại Tân Thơ Viện. Cũng trong năm 1917, ông *Dumoutier*, giám đốc Ngân khố Trung kỳ và cũng là vị hội trưởng đầu tiên của Hội Hiếu cổ quá vãng, gia đình trước khi hồi hương, đem tặng hội một số tủ bàn cổ rất quý giá, đem vào đặt tại Tân Thơ Viện. Vua Khải Định, một lần qua thăm hội, biếu bốn bộ y phục đại trào để trưng trong tủ kính. "Thế nhưng các món quà tặng này", Cha Cadière viết, "cũng ví như nước chảy giọt". Chính là nhờ ông Khâm sứ Pasquier đã lấy cái quyết định, vừa vinh thăng Hội Đô thành Hiếu cổ đã đi những bước đầu khó khăn xây dựng Viện bảo tàng, vừa đồng thời tạo cơ hội cho công tác này được phát triển toàn diện, lúc đầu trong khuôn khổ Hội Hiếu cổ, và về sau thành một cơ sở tự lập. Số tiền đầu tiên ông khâm sứ Pasquier trích trong ngân sách Trung kỳ niên khóa 1924 cung cấp cho Hội thực hiện việc tìm mua sắm các món quý vật để lập Viện bảo tàng là ba nghìn đồng bạc, một món tiền khá lớn so với thời giá ngày đó. Số ngân khoản này được giao thẳng cho Hội Hiếu cổ tự quyết định việc mua sắm. Hội đề nghị thành lập ngay một *Ủy ban Viện bảo tàng* gồm có chín nhân viên do ông Thượng thư Thân trọng Huề và ông Gras, giám đốc ngân khố đồng chủ tọa. Hội chỉ định một nhân viên của hội, ông Peyssonnaux làm thư ký cho ủy ban và sau ông này trở thành vị quản thủ (conservateur) đầu tiên của Musée Khải Định.

Trong bài đã dẫn của ông *Jabouille*, ông *Peyssonnaux* được mô tả như là một ân huệ Musée Khải Định đã may mắn gặp được *"the right man in the right place"* (tiếng Anh trong nguyên bản tiếng Pháp), và hội cũng như tòa khâm sứ *"không thể nào lựa chọn ai thực dụng và tốt đẹp hơn"*. Jabouille không hổ là một nhà hành chánh có biệt tài (ông được cử xử lý thường vụ chức khâm sứ lúc ông Pasquier đưa vua Khải Định sang Pháp dự cuộc đấu xảo Exposition de Paris, và về sau khi Pasquier thăng chức toàn quyền Đông dương, Jabouille thay thế Pasquier ở chức vụ khâm sứ Trung Việt), viết văn rất bay bướm để che dấu dữ kiện, khiến chúng ta ngày nay không tìm được tiểu sử và hành trạng của Peyssonnaux. Ta chỉ được nói lại là lúc trẻ vị quản thủ này đã học được kinh nghiệm sống trong môi trường đồ cổ và đồ lạ. Ông ta ham thích đi lùng đồ cổ và nhất là đánh hơi rất tài món hàng nào thật là quý giá; ông có biệt tài phân loại cổ vật Việt nam với cổ vật Trung hoa.

Chúng ta đoán được dễ dàng là giữa Hội và Ủy ban Viện bảo tàng vừa mới thành hình, khó tránh được những va chạm vì hai đơn vị cùng sử dụng một ngân khoản do chính phủ bảo hộ cấp phát. Khâm sứ Pasquier giải quyết bằng cách lập một quy chế độc lập cho Musée Khải Định. Đầu năm 1924, trong phiên họp tách Viện bảo tàng ra khỏi Hội Hiếu cổ, ông Gras, chủ tịch Ủy ban Musée Khải Định nói những lời hòa nhã: "... trên thực tế, từ nay Viện Bảo tàng

có quy chế hành chánh biệt lập không trực thuộc Hội Hiếu cổ như trước, nhưng Viện sẽ tiếp tục hợp tác chặt chẽ với Hội. Bởi lẽ hai đơn vị chúng ta cùng nhằm một mục tiêu là cứu vãn được chừng nào quý chừng đó quá khứ của nước An nam mà chúng ta cùng một tâm nguyện phục vụ. Quá khứ gồm những mãnh kỷ vật giai thoại dật sử, dữ kiện cổ học và các món hàng mẫu nghệ thuật..." (trích trong biên bản họp của Hội và Viện ngày 22 tháng Giêng 1924).

Ban giám đốc mới của Viện bảo tàng phải giải quyết ngay một loạt vấn đề quan trọng. Thứ nhất là phải tìm một cơ sở nhỏ trong khuôn viên của Viện cũng đã quá chật hẹp để làm văn phòng của Hội Hiếu cổ. Cơ sở Tân thơ viện cũ có một số hành lang nối liền ngôi nhà này sang ngôi nhà khác, nay các hành lang sẽ được xây tường để làm văn phòng và phòng hội cho Hội Hiếu cổ. Thứ hai là phải giải tỏa số kinh sách và tài liệu văn khố của chính phủ Nam triều vẫn còn để trong Tân thư viện choán hết chỗ trưng bày. Khâm sứ Pasquier lại phải dùng tài khéo léo thúc đẩy các quan Nam triều từ lâu vẫn "án binh bất động" di chuyển văn khố, giao chỗ cho Viện.

Vấn đề thứ ba, quan trọng hơn là kiến trúc của điện Long an đã quá cũ, bằng gỗ quý chạm trổ nhưng kèo cột chống đỡ rất sơ sài, mái ngói xưa nhiều chỗ đã dột nát. Ban giám đốc lo sợ cho an ninh của khách đến viếng khi mưa gió, lại nữa các trận mưa nồm triền miên ở Huế chắc chắn sẽ làm hư hại kỷ vật trưng bày. Vấn đề đặt ra với chính phủ Nam triều. Triều Huế cử ông Võ Liêm, thượng thư Bộ Công sung vào Ban Quản trị Viện; ông trực tiếp đốc xuất việc tu sửa, chỉnh trang và đến cuối năm 1927, Viện trở thành một cơ sở rất đẹp và khang trang.

Vấn đề cuối cùng rất phức tạp và tế nhị là việc mua sắm trang bị các phòng trưng bày. Như trên đã nhiều lần nói tới, đất Huế ba bốn mươi năm sau cuộc xâm lược của Pháp, hầu như đã bị khánh tận vì con buôn người Pháp, người Hoa Kiều, người Nam làm tay sai đã moi móc không nương tay các món hàng quý giá trong nội điện, ngoài phủ đệ, ngay cả những nơi thờ tự như lăng tẩm để chở ra ngoại quốc. Chính những người trong cuộc như các ông Pasquier, Jabouille, Orband, Gras, và cha Cadière khi đứng ra thành lập Musée Khải Định cũng đã dùng chữ *"cứu vãn"* (sauver) tình hình thất thoát; họ cũng ý niệm rõ là số tiền trang bị quá nhỏ nhoi cho Viện không thể cứu vãn một tai nạn tày trời, công việc có thể làm được cũng chỉ là làm sao giữ lại *"một mẫu hàng tiêu bản"* (specimen) của nghệ thuật cổ cho người sau.

Viện có đạt được chỉ tiêu khiêm tốn tự đề ra hay không? Chắc là có. Từ tháng Hai đến tháng Chạp năm 1924, sổ sách Viện ghi 1300 khách biên tên và địa chỉ đến viếng Viện. Con số này chắc chỉ tính những người ngoại quốc, vì các cụ của chúng ta ngày đó chắc chưa quen đi viếng Viện bảo tàng, mà có đến cũng ngần ngại tránh ghi tên. Hai năm sau, số người ghi tên đã lên tới bảy, vậy số khách thăm viếng thật sự phải đến mười lăm nghìn. Mẫu hàng trưng bày nghìn, như vậy, chắc phải là hấp dẫn, có giá trị nghệ thuật khó chối cãi mới lôi kéo được khách viễn du vất vả đi từ Hà nội, Sài gòn đến Huế thăm Viện.

Cuối thập niên ba mươi, nhu cầu bắt buộc phải nới rộng cơ sở Viện. Vì ngân sách Nam triều quá eo hẹp, ông thượng thư Võ Liêm đề nghị tháo gỡ và chuyên chở một dinh cơ của chánh phủ ở Quảng trị (một nhà kho chứa gạo của tỉnh, nay không dùng nữa) đem vào cất ở sân sau tiếp cận, hầu nới rộng cơ sở Viện. Muốn giữ được cảnh trí đồng nhất của kiến trúc cơ sở, Viện nhờ một vị kiến trúc sư, ông *Saint Nicolas*, nhân viên Hội Hiếu cổ phác họa đồ án và giám sát xây cất. Bàn và tủ dùng trưng bày kỷ vật phải mua tận Paris quá đắt tiền, Viện lấy mẫu của các Viện bảo tàng bên Pháp, đặt cho thợ khéo ở địa phương làm. Gỗ tốt hơn và giá thành chỉ còn một phần mười, tiết kiệm được ngân khoản dùng vào việc mua sắm.

Năm 1927, *Trường Viễn đông Bác cổ* cho khai quật sưu tầm kỷ vật Chàm tại khu Trà kiệu. Tưởng cần nhắc lại văn minh Chàm ngày nay được ngành khảo cổ chú ý ngang hàng với văn minh Khơ-me, xuất phát từ hai nơi trên lãnh thổ Trung việt: Mi sơn ở phía Bắc (thế kỷ thứ Sáu đến thế kỷ Mười), và Bình định (một lượt với Angkor). Văn minh Mi sơn do vua *Bhadravarmin* kiến tạo rất huy hoàng, bị cuộc Nam tiến của người Việt hủy diệt vào cuối thế kỷ thứ Mười. Trà kiệu là một vùng chứa đựng nhiều di vật Mi sơn, bị chôn vùi trong rừng già, được Trường Viễn đông Bác cổ Pháp khai phá theo hệ thống khoa học từ thập niên 20. Người phụ trách công trình là giáo sư *Jean Yves Claeys*, một chuyên viên về nghệ thuật Chàm. Các kỷ vật tìm được, sau khi kiểm chứng, được

phân loại và chia phát cho các Viện bảo tàng ở Pháp và tại Đông dương, ở Hà nội, Sài gòn, Đà nẵng. Giáo sư Claeys có cảm tình với Musée Khải Định mới thành lập, đề nghị đem một số kỷ vật trưng bày ở Viện bảo tàng Huế. Trường Viễn đông Bác cổ, từ trước đến nay đỡ đầu cho tập san BAVH và Musée Khải Định, nhân cơ hội này mở một *Khu kỷ vật Chàm* trong Viện. Chính giáo sư Claeys trực tiếp phụ trách việc xây cất, trang trí và trưng bày cổ vật trong khu Chàm của Musée Khải Định. Việc thành lập khu Chàm nâng cao Viện lên hàng các Viện bảo tàng có giá trị được chú ý. Từ nay, mối ưu tâm hoài cổ đã thoát ra khỏi khung cảnh hạn hẹp một triều đại nước Nam để hướng vào giải đất Nam thật sự của nghìn đời trước.

* Bảng tổng kê Viện bảo tàng Khải Định:

Tác giả bài tìm học nhỏ nhoi này xin thú nhận không đủ tài liệu để trình bày một bổn tổng kê (inventaire) giới thiệu được toàn bộ (ensemble), và các phân bộ sưu tập (collection) của Viện. Tài liệu hiện có trong tay là một ít điều nhớ thấy và nghe kể lại, cùng một số tư liệu trong tập san BAVH và tập san BEFEO đành phải chịu không theo dõi được sinh hoạt của Viện từ những năm 40 cho đến 75, đặc biệt là ảnh hưởng sức tàn phá Mậu thân 1968 trên cơ sở và kho tàng của Viện, và giai đoạn hiện tại từ lúc các đỉnh cao trí tuệ của loài người là các đồng chí thuộc hạ Mác Lê thống lãnh đời sống văn hóa của dân Nam. Điều ước mong của người viết, và có lẽ chung cho những người hiếu học, là những vị thức giả biết nhiều về tình trạng từ trước và sau này của Viện sẽ chỉ dẫn cho người tìm học được am tường.

Một bài viết của ông khâm sứ Jabouille, chủ tịch Ban quản trị Viện và ông quản thủ Peyssonnaux trong tập san BAVH, số tháng Tư-tháng Sáu 1929, tựa đề *"Sélection d'Objets d'Art et de Meubles conservés au Musée Khải Định et Notices les concernant"* sẽ giúp cho ta có ý niệm về bản tổng kê của Viện trong những năm đầu mới thành lập. Bài viết gồm có sáu mươi sáu bổn phụ bản dưới hình thức hình ảnh hoặc phóng họa đen trắng hay màu của từng cơ sở toàn bộ (ensemble), hay từng phòng phân bộ sưu tập (collection); mỗi phụ bản gồm nhiều món kỷ vật và mỗi món kỷ vật đều được giải thích khá cặn kẽ. Lấy ví dụ Phụ bản số VI: kỷ vật thờ cúng. Hình số 1, ghi: Tấm bài vị sơn son thiếp vàng dùng khi làm lễ "lên đồng". Hàng chữ Hán thứ nhất trên bài vị ghi *"Ngọc hoàng sắc hạ"*, phiên âm qua chữ Quốc ngữ và dịch sang tiếng Pháp: *Par ordre de l'Empereur Céleste.* Cuối phụ bản có đoạn mô tả và giải thích ý nghĩa của kỷ vật. Sau cùng ghi số tổng kê, xuất xứ, năm sản xuất, bề cao, bề rộng, bề sâu của món hàng, tất cả dĩ nhiên bằng tiếng Pháp.

Tài liệu không ghi có bao nhiêu phân bộ sưu tập, thành ta không biết được có bao nhiêu phân loại đơn vị đồ cổ. Tìm kỹ thấy có nhiều phân bộ sưu tập rất hữu ích cho người tìm học, như phân bộ sưu tập trống đồng ở Phụ bản IX, trang 76, có lời giải thích của nhà bác học H. Parmentier, tác giả cuốn sách *"Guide au Musée de l'Ecole Francaise d'Extrême Orient"*, người đã để tên lại cho viện Bảo tàng Chàm ở Đà nẵng.

Phụ bản XIII trình bày đồ sứ đời Tống (960-1279 Tây lịch) làm tại Thanh hóa, Trung việt. Có nhiều món hàng ghi đúc nấu tại ngay nội cung Huế hay Quảng trị (Các chúa Tiền Nguyễn ngày xưa lập đô ở Quảng trị). Lại có những món hàng ghi xuất xứ từ tỉnh Bình Định, đời Tống, nấu từ lò gốm địa phương.

Một phụ bản trình bày món hàng đặc biệt của Việt Nam là bình vôi dùng để ăn trầu. Xuất xứ nội hóa, từ lò gốm Thanh hóa, Bình định hoặc sản xuất tại nội cung Quảng trị và Huế. Hình 4 của Phụ bản trình bày một bình vôi do công ty Anh quốc Copeland and Garrett sản xuất cho dân Việt nam. Các phân bộ sưu tập xa cừ và gỗ chạm xa cừ, phân bộ sưu tập đồ đồng và đồ đồng mắt cua trình bày những món kỷ vật rất độc đáo.

Trong một số *Bulletin de l'Ecole Francaise d'Extrême Orient* đầu thập niên bốn mươi, giáo sư J.Y Claeys viết: "Kỷ vật trưng bày trong Viện Bảo tàng Huế cho thấy một cảnh quan nhất trí, gồm từng bộ phận hoàn hảo, giúp ích học hỏi nhiều cho khách đến xem thỏa tính hiếu kỳ, cho người sưu khảo tìm đến để so sánh món hàng tại gia của mình thật hay giả, và cho người thông thái tìm kiếm sưu khảo nhiều hơn (về nghệ thuật nước Nam)".

☯ *Nguyễnphúc Bửu-Tập*

Thăng Long, Phú Xuân, Gia Định

Suy ngẫm về 250 năm tương tranh Trịnh, Nguyễn, Tây Sơn

Tôn Thất Thiện

Năm 1558, Nguyễn Hoàng, vì muốn tránh bị Trịnh Kiểm giết như ông anh là Nguyễn Uông, xin đi giữ chức trấn thủ Thuận Hóa. Sự kiện này là khởi điểm của một cuộc tương tranh Trịnh-Nguyễn lâu dài. Sau năm 1774 cuộc tương tranh này trở thành một cuộc tương tranh tay ba khi Tây Sơn nổi lên chống chúa Nguyễn, rồi chống luôn Chúa Trịnh và sau đó, chiếm Phú Xuân, tiến quân ra Thăng Long, dứt luôn cả Nhà Lê. Cuộc tương tranh này chấm dứt năm 1802, sau khi — từ Gia Định Nguyễn Phúc Ánh tiến dần lên phía bắc, tái chiếm Phú Xuân — lên ngôi hoàng đế, và xua quân ra chiếm luôn Thăng Long, trở thành vị vua đầu tiên của một nước Việt Nam hoàn toàn thống nhất sau 250 năm phân chia.

Trong 250 năm Trịnh-Nguyễn-Tây Sơn tương tranh, nhân dân Việt Nam bị điêu đứng về chiến tranh liên miên từ Cà Mau đến Cao Bằng, nhưng lịch sử 250 năm này chứa đựng một số bài học mà người Việt nhứt là những người ưu tư về chính sự, cần suy ngẫm (1).

I. Trịnh — Nguyễn

Năm 1527, Mạc Đăng Dung tiếm ngôi vua Lê và xưng đế. Cuộc tiếm vị này là một dịp cho những người tài ba như Nguyễn Kim xuất hiện. Ông này đánh bại họ Mạc, tái lập nhà Lê (1535), lấy lại Tây Đô (Thanh Hóa), và sau đó, Thăng Long (1545). Nhưng thay vì trở thành một đại công thần của Triều đình nhà Lê thì ông bị đầu độc chết (1545). Địa vị đại công thần, với chức vị Thượng Phụ, Thái Sư, rơi vào tay rể ông là Trịnh Kiểm.

Muốn "Ổn định" tình hình, nghĩa là nắm toàn quyền, tung hoành mà không bị ai cản trở, Trịnh Kiểm mưu giết con của Nguyễn Kim. Nguyễn Uông là nạn nhân đầu tiên. Em Nguyễn Uông, Nguyễn Hoàng, sáng suốt, biết rằng sau anh mình sẽ đến mình. Và ông khôn ngoan nghe lời ông Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm bảo *"Hoành sơn nhất đái vạn đại chung thân"*, nhờ chị ông là Ngọc Bảo, vợ Trịnh Kiểm, xin chồng cho ông đi làm trấn thủ Thuận Hóa. Trịnh Kiểm chấp nhận, cho rằng quyết định như vậy là chính trị cao: 1/ Đẩy một người có uy thế, có thể cạnh tranh với mình, đi nơi xa để làm một nhiệm vụ đầy nguy hiểm, có thể đi mà không về, và 2/ Có người có khả năng chống dẹp bầy tôi nhà Mạc đang khuấy phá Thuận Hóa. Nhưng thật ra, nhìn dài hạn, quyết định của Trịnh Kiểm lại có hậu quả ngược lại: nó tạo ra một trung tâm quyền lực ở xa, vừa ngoài vòng kiểm soát của mình, vừa có tiềm năng phát triển và trở thành lớn mạnh hơn Thăng Long.

Trong mười năm đầu, Nguyễn Hoàng chỉ là Trấn thủ Thuận Hóa, một mảnh đất tương đối nhỏ. Nó gồm các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên ngày nay. Đất này trước kia là ba châu Bố Chính, Địa Lý và Ma Linh do vua Chiêm Thành Chế Củ dâng cho vua Lý Thánh Tông năm 1069 để chuộc tự do sau khi thua trận và bị bắt, và Châu Ô Châu Lý mà vua Chiêm Thành Chế Mân dâng cho vua Trần Nhân Tông năm 1306 để xin công chúa Huyền Trân làm vợ. Phía bắc nó giáp giới với Nghệ An, phía nam bị đèo Hải Vân ngăn chặn. Là đất mới thu được, dân chúng còn thưa, nó chưa được khai phá.

Với chừng đó đất, Nguyễn Hoàng không đủ tài nguyên, không có hậu cần để công khai chống Trịnh. Vả lại Trịnh Kiểm cũng chưa tỏ rõ ý đồ thanh toán ông: Năm 1569, Trịnh Kiểm còn xin vua cho ông ấy kiêm luôn chức Trấn

thủ Quảng Nam. Đời Hồ Quý Ly, đất này được mở rộng từ phía bắc Quảng Nam đến Phú Yên ngày nay. Với đất đai rộng hơn, tài nguyên dồi dào hơn, thế của Nguyễn Hoàng mạnh hơn, nhưng ông sáng suốt chưa tiết lộ ý định ly khai, vì đất này còn mới hơn đất Thuận Hóa nữa, cần phải khai phá. Lúc đó nó chỉ là tiềm lực.

Ý đồ ly khai của Nguyễn Hoàng bắt đầu lộ ra khi Trịnh Tùng, người kế vị Trịnh Kiểm (1570) có thái độ bất hòa đối với ông: Năm 1592, ông đem quân ra bắc giúp vua đánh dẹp giặc dư quân họ Mạc, và ở lại Thăng Long chầu vua, nhưng ở đó 8 năm mà không hề thấy Trịnh Tùng nói đến chuyện cho ông về lại nhiệm sở. Do đó, năm 1600 ông lén dời Thăng Long để trở lại Thuận Hóa. Tuy vậy, cho đến khi ông mất, năm 1613, trong hơn 50 năm làm Tổng Trấn Thuận Quảng, ông không hề có cử chỉ công khai chống lại triều đình. Với người kế vị ông, Chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên, sự dè dặt đó không còn nữa, vì chúa phương nam cảm thấy mình nay đã có đủ sức để đương đầu với Trịnh. Năm 1620: Chúa Sãi công khai không nộp thuế cho Thăng Long nữa.

Hành động của Chúa Sãi đặt cho Trịnh Tùng và những người kế vị một "việc phương nam" lớn mà họ phải "giải quyết": Sự hiện diện ở phương nam của một thế lực độc lập thách thức chính quyền trung ương. Từ 1627 đến 1672, Trịnh Tùng và những người kế vị ông bảy lần cử binh đánh Chúa Nguyễn, nhưng không "giải quyết" được vấn đề: lần nào họ cũng thất bại.

Có hai lý do căn bản làm cho họ Trịnh không giải quyết được "việc phương nam". Một là phương bắc — "Xứ Đàng Ngoài" — không có điều kiện để lớn mạnh: Lãnh thổ bị ép giữa Cao Bằng (mà Trung Quốc buộc phải để cho họ Mạc làm nơi dung thân) và sông Gianh tương đối hẹp và không có khả năng mở rộng để gia tăng tài nguyên và nhân lực. Hai là về phương diện chính trị, họ Trịnh không được dân chúng và quần thần mến phục vì họ lấn áp uy hiếp vua Lê. Qua thời gian, hai lý do này sẽ làm cho cán cân lực lượng nghiêng lần về phía họ Nguyễn. Phần khác, các lãnh tụ họ Trịnh không có lãnh tụ tầm vóc như các chúa họ Nguyễn.

Đối với họ Nguyễn thì trái lại. Các chúa phương nam — Xứ Đàng Trong — có nhiều điều kiện thuận lợi để gây dựng ở phương nam một quốc gia càng ngày càng mạnh.

Trước hết, nhất là trong giai đoạn lập quốc, phương nam đã may mắn được một số lãnh tụ xuất sắc, tài ba đức độ, sáng suốt khéo léo, cai trị được lòng dân chúng lẫn quần thần. Họ lại có những chính sách đúng, và trị vì lâu dài, nhứt là những chúa nắm quyền ở những giai đoạn then chốt, ở giai đoạn lập quốc và dựng nước: Nguyễn Hoàng: 55 năm liền, Nguyễn Phúc Nguyên: 22 năm, Nguyễn Phúc Lan: 13 năm, Nguyễn Phúc Tần: 39 năm, và ở giai đoạn cứu quốc: Nguyễn Phúc Ánh 42 năm. Nhờ đó họ được ổn định và có thì giờ vượt trở ngại lớn để thực hiện những mục tiêu chiến lược quy mô. Các chúa Nguyễn, từ Nguyễn Hoàng (1558-1613), đến chúa thứ 7, Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát (1738-1765) cai trị rất khéo, được lòng dân. Chỉ cần nghe dân gọi họ: Chúa Tiên (Nguyễn Hoàng), Chúa Sãi (Nguyễn Phúc Nguyên), Chúa Thượng (Nguyễn Phúc Lan), Chúa Hiền (Nguyễn Phúc Tần), Chúa Nghĩa (Nguyễn Phúc Trân), Chúa Minh (Nguyễn Phúc Chu), Chúa Ninh (Nguyễn Phúc Trú) cũng đủ hiểu các chúa Nguyễn được lòng dân đến mức nào.

Chúa khai quốc, Nguyễn Hoàng (Đoan quận công), là vị chúa có bản lĩnh nhất, may mắn (sống lâu nhất) và công lao nhất của nhà Nguyễn. Lúc ông vào trấn thủ Thuận Hóa ông phải đối phó với một tình hình rất phức tạp và với nhiều khó khăn, nhưng ông đã ổn định được tình hình và vượt qua những khó khăn đó. Sử ghi như sau:

"Nhân dân Thuận Hóa bấy giờ gồm những thành phần rất phức tạp. Ngoài những người chăm lo cày cấy, làm ăn, còn những người theo nhà Mạc, hoặc khuấy động cho nhà Mạc, những người tù đày, những du đảng, phiêu lưu, từ các miền Nghệ, Thanh, hoặc xa hơn nữa, xâm nhập qua các thời đại, đi tìm may mắn ở miền đất mới, những quan quân bất mãn họ Trịnh hoặc bị lầm lỗi bỏ chạy vào nam, những thổ hào, thổ tù cường ngạnh, nhũng nhiễu lương dân, những người Chàm còn ở lại. Bấy nhiêu hạng người, Đoan quận công phải khai hóa họ, buộc họ phải yên ổn làm ăn, khiến họ tùng phục mình. Công việc ấy không phải dễ dàng. Và chúa đã làm tròn sứ mạng... Chúa vỗ về quân dân,

thu dùng hào kiệt, nhẹ xâu thuế, dân chúng vui phục, thường gọi là Chúa Tiên". (Phan Khoang I, 138).

.....

"Đoan quận công vũ trị vài mươi năm, chính trị khoan hòa, thường ra ân huệ, dùng pháp luật công bằng, răn giới bản bộ, cấm trấp kẻ hung dữ, dân hai trấn cảm ân mến đức, dời đổi phong tục, chợ không hai giá, dân không ăn trộm, cửa ngoài không phải đóng, thuyền buôn ngoại quốc đều đến buôn bán, quân lệnh nghiêm túc, mọi người đều cố gắng, vì vậy không ai dám dòm ngó, dân trong xứ đều an cư lạc nghiệp... Đoan quận công có uy lược, xét kỹ, nghiêm minh, không ai lừa dối." (Phan Khoang I, 147).

Nhà Nguyễn lại được cái may mắn là có một vị chúa tài ba đức độ, bản lãnh cao như vậy, lại sống lâu (89 tuổi), và ở ngôi rất lâu (55 năm). Trước khi chết, Chúa căn dặn con cái như sau — những lời dặn có giá trị lớn về chiến lược và chính trị căn bản:

"Đất Thuận, Quảng phía bắc có sông Linh Giang hiểm trở, phía nam có núi Hải Vân, núi Thạch Bi vững bền; núi sinh vàng sắt, biển có cá muối, thật là đất dung thân của những kẻ anh hùng. Nếu biết dạy dân, luyện binh, để chống chỏi với họ Trịnh thì đủ xây dựng sự nghiệp muôn đời; nếu thế lực không địch được thì cố giữ đất đai để chờ đợi thời cơ..." (Phan Khoang I, 164).

Thời cơ đã đến sớm hơn là Chúa Nguyễn Hoàng dự tính, vì chỉ 7 năm sau khi ông mất, người kế vị của ông, Chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên đã không do dự ly khai với Thăng Long. Còn những lời căn dặn khác đều được con cháu ông tôn trọng. Do đó, địa vị Chúa Nguyễn vững chãi suốt 7 đời, từ 1558 đến 1774. Trong thời gian này, giang sơn Chúa Nguyễn vững chắc đến nỗi mỗi lần Chúa Trịnh định cất quân "Nam phạt" là có đình thần can gián.

Sử ghi: Năm 1629, thời chúa thứ hai, Sãi Vương Nguyễn Phúc Nguyên (1613-1635), Trịnh Tráng muốn đem quân đánh phương nam, thì có bầy tôi Nguyễn Danh Thế can ngăn, nói rằng: "Nay nam phương vua tôi hòa mục, nước giàu binh mạnh, không nên dùng binh." (Phan Khoang I, 178).

Về thời Chúa thứ ba, chúa Thượng Nguyễn Phúc Lan (1635-1648), sử viết: Từ thời Thái tổ (Nguyễn Hoàng)... trừ hai vụ giao tranh nhỏ (1627, 1633) "trong nước yên ổn, lại mưa nắng thuận hòa... bấy giờ nước giàu, dân thịnh, có cảnh tượng thái bình." (Phan Khoang I, 191). Trong thời này, có lúc Chúa Nguyễn Phúc Lan sa ngã, chơi bời xa xỉ, giết oan nhiều người, nhưng Chúa tỉnh ngộ kịp, cho nên lúc Trịnh vào đánh, không thắng được, một phần vì nắng, quân ốm chết nhiều..., nhưng một phần cũng nhờ có tướng giỏi, như Dũng Lễ Hầu Nguyễn Phúc Tần, chúa Hiền sau nầy. Dũng Lễ Hầu cũng là người đầu tiên trong lịch sử Việt Nam đánh bại một lực lượng thủy quân Tây phương (Hòa Lan). Tướng giỏi chỉ thi thố được tài năng nếu gặp chúa tốt.

Thời Chúa Hiền (1648-1687), lúc Trịnh Tạc mang quân đánh phương nam thì có một đô đốc khuyên không nên. Ông này nói: "Tôi trộm nghe Nam hà trên dưới hòa thuận, binh giáp tinh mạnh, ta chưa nên khinh động" (Phan Khoang I, 208). Thời này cũng là thời mà sử viết: "Bấy giờ trong cõi vô sự, thóc lúa được mùa, Chúa càng sửa sang chính trị, không xây đài tạ, không gần thanh sắc, giảm nhẹ giao dịch, thuế má, trăm họ vui vẻ, đều khen là đời thái bình." (Phan Khoang I, 213). Và cũng may mắn cho nhà Nguyễn, chúa Hiền cũng sống lâu (68 tuổi) và trị vì lâu (39 năm). Trước khi chết ông nhắn con, là Nguyễn Phúc Trăn, Chúa Nghĩa, chúa thứ 5: "Noi thánh đức của tổ tông, cầu hiền đãi sĩ, thương dân, yêu binh, chớ tin lời dèm pha, chớ bỏ những người ngay thẳng, để xây nghiệp lớn, ấy là đại hiếu." (Phan Khoang I, 216).

Năm 1687 Chúa Nguyễn Phúc Trăn (1689-1691) dời dinh đến Phú Xuân, xây cung, điện. Năm 1744, Chúa thứ 6, Chúa Minh Nguyễn Phúc Chu (1691-1725) xưng Quốc chúa. Tuy lúc lên ngôi ông mới 17 tuổi, ông đã biết "Miễn thuế cho dân, chiêu hiền đãi sĩ, cầu lời nói hay, nạp lời can gián, bỏ xa hoa, bớt chi phí, nhẹ thuế má diêu dịch, bớt việc hình ngục." (Phan Khoang I, 217). Dưới chúa này, năm 1697 đặt phủ Bình Thuận và lập Phiên Trấn (Gia Định). Với quyết định này, đất đai nhà Nguyễn mở rộng từ Quảng Bình đến Phan Thiết và tràn vào Gia Định.

Năm 1744, đời Chúa Võ Nguyễn Phúc Khoát, chúa thứ 7, Chúa xưng Quốc Vương. Từ nay, "Xứ Đàng trong" là một quốc gia riêng biệt, độc lập.

Dinh Phú Xuân, nay là một thủ đô, dời đến một khu đất mới, và mang danh Đô Thành. Sử viết: "Bấy giờ phía trên, phía dưới Đô Thành thì nhà quân xá, đệ trạch của các công, hầu, la liệt như bàn cờ. Ngoài thành chợ phố liên tiếp, cây cối um tùm, thuyền đánh cá, thuyền buôn đi lại như mắc cửi. Phú Xuân trở thành một đô hội phồn hoa, đẹp đẽ, trước kia chưa từng thấy..." (Phan Khoang I, 238.)

Về đình thần, thì các chúa Nguyễn cũng may mắn gặp được những người tài ba và lại hết lòng với họ. Khi Nguyễn Hoàng vào nam, ông được một đoàn tùy tùng đông đảo đi theo. "Danh vọng của cha, những trận đánh thắng quân nhà Mạc vừa qua, và những đức tính của ông đã làm cho đồng hương kính mến, nên hương khúc huyện Tống Sơn và nghĩa dũng Thanh Hóa nhiều kẻ đi theo, một số quan, quân hai trấn Thanh Hóa, Nghệ An cũng tình nguyện theo vào." (Phan Khoang, I,138). Ở vào thời rất quan trọng như thời chúa Sãi, chúa thứ hai, bị áp lực nặng của chúa Trịnh, trong khi miền nam chưa được mở mang mà lại phải đương đầu với tấn công ráo riết, thì họ lại được những người tài ba như Đào Duy Từ, Nguyễn Hữu Dật, Nguyễn Hữu Tiến phò tá hết mình.

Trong tương tranh Trịnh Nguyễn, các chúa Nguyễn có một yếu tố căn bản mà Trịnh thiếu: chính nghĩa. Cả chúa Nguyễn lẫn chúa Trịnh đều tuyên bố rằng mình phò vua Lê, nhưng thế của chúa Nguyễn tốt hơn, vì chúa Trịnh không những lấn áp uy hiếp vua, mà còn giết vua (Trịnh Tùng giết vua Lê Anh Tông năm 1573, và Vua Lê Kính Tông năm 1619), trong khi các chúa Nguyễn không mang tiếng đó, mà lại còn khéo léo, tuy đã thiết lập một quốc gia độc lập *de facto* sau 1620, và *de jure* (xưng Quốc chúa, lấy quốc hiệu Đại Nam Quốc năm 1697, và xưng Quốc Vương năm 1744), cho đến khi Tây Sơn dứt nhà Lê, họ vẫn lấy niên hiệu Vua Lê và tỏ ra cung kính với vua Lê. Họ tuyên bố chỉ vì phò vua Lê mà chống họ Trịnh. Và dân gian và quần thần cả Miền Nam lẫn Miền Bắc tin như vậy. Cho nên không những Chúa Trịnh không "giải quyết được vấn đề phương nam" — diệt Nguyễn — , và, như là ta sẽ thấy ở đoạn sau, cuối cùng, khi Trịnh lâm nguy thật sự, họ không được sự che chở của dân như chúa Nguyễn.

Phần khác, sau 1692, "Xứ Đàng Trong" không còn là hai trấn Thuận Quảng nữa, mà là một quốc gia lãnh thổ rộng lớn hơn, dân đông hơn, tài nguyên dồi dào hơn, liên lạc với quốc tế thuận lợi hơn, dàn từ sông Gianh đến Cà Mau, Châu Dốc, Hà Tiên. Quốc gia này gồm hai vùng mang tên sẽ vào lịch sử: Phú Xuân và Gia Định.

Nếu các triều Lý, Trần, Hồ và Lê, đã bẻ gãy thế lực của Chiêm Thành, và có khi đã mang quân vào đến Phan Thiết, lúc nhà Lê được Nguyễn Kim phục hưng, đất đai thuộc chủ quyền Việt Nam chỉ mới đến Phú Yên, phía bắc đèo Cù Mông. Và ngay cả từ đèo Hải Vân về phía nam cũng chưa ổn định và chưa được thực sự khai thác.

Lãnh thổ Việt Nam được mở rộng, chiếm đóng thực sự, và nhứt là khai thác đến Bình Thuận, là công trình của các chúa Nguyễn. Tất nhiên, nhu cầu có tài nguyên nhân lực để đương đầu với họ Trịnh là yếu tố quan trọng trong sự khai phá này. Nhờ có thêm tài nguyên nhân lực mà họ Nguyễn mạnh hơn họ Trịnh nhiều. Nếu với chỉ hai xứ Thuận, Quảng mà các chúa Nguyễn đã phá vỡ được ý đồ "giải quyết việc phương nam" của các Chúa Trịnh đến 1672, thì, sau đó, thế lực họ lại càng vô địch đối với họ Trịnh. Đó là đối với miền bắc, và đến 1771, từ năm này trở đi họ phải đối phó với một thách thức từ miền nam đến. Đó là thách thức Tây Sơn.

♦ II. Trịnh, Nguyễn và Tây Sơn

Nhà Nguyễn, cũng như nhiều triều đại khác, sau một thời gian hưng thịnh thì gặp một thời gian suy nhược. Tình trạng này xảy ra dưới thời Định Vương Nguyễn Phúc Thuần, chúa thứ 8 (1765-1776). Chúa này chỉ 12 tuổi khi kế vị cha. Chúa còn nhỏ, chỉ thích vui chơi, ca hát. Còn các thân thích giữ chức lớn cũng chỉ rượu chè, xa xỉ, chỉ yến tiệc vui chơi, không lo gì đến việc nước.

Nguyên do của tình trạng nói trên là Trương Phúc Loan, cậu của Nguyễn Phúc Khoát, xáo trộn kế vị, loại công tử Luân, con thứ hai của Nguyễn Phúc Khoát, đưa Nguyễn Phúc Thuần lên ngôi chúa để dễ lũng đoạn. Loan là người mang tai họa lớn cho Nhà Nguyễn, đẩy nó đến chỗ xụp đổ.

Trương Phúc Loan được phong là Phụ Quốc, giữ chức Bộ Hộ và kiêm Tàu vụ, quyền thế át cả mọi quần thần trong Triều. Là người giữ chức then chốt trong phủ Chúa, nhưng ông ta không có trí lớn về chiến lược chính sách, mà chỉ là một kẻ tiểu nhân tham lam, lợi dụng quyền hành đặt bè đảng khắp nơi, buôn quan bán tước, để vét của làm giàu. "Loan trở thành giàu lớn, vàng bạc, châu ngọc, gấm vóc chất như núi, ruộng vườn nhà cửa, nô bộc, trâu ngựa, thì không biết bao nhiêu mà tính". (Phan Khoang, I, 151). Về cai trị thì ông ta "chuyên quyền, hình phạt phiền nhiễu, thuế má nặng nề, nhân dân lấy làm khổ sở.... trộm cướp nổi lên khắp nơi." (Phan Khoang, I, 253). Tất nhiên, nhân gian oán thán và công tôn quần thần Nhà Nguyễn bất mãn ngấm ngầm chống đối.

Tình trạng triều chính Nhà Nguyễn hỗn loạn, quần thần bất mãn và dân gian oán thán Trương Phúc Loan tạo điều kiện lý tưởng cho những kẻ muốn đánh sụp nhà Nguyễn. Trong số này có hai người rất nóng ra tay: Ở phương bắc Chúa Trịnh chờ cơ hội này từ lâu; và ở phương nam một người có tham vọng lớn, Nguyễn Nhạc, đang tìm một cơ hội để dương cờ thực hiện ước mơ của mình.

Nguyễn Nhạc ra tay trước. Năm 1771, ông ta bắt đầu chiêu nạp bè đảng và thu phục nhân tâm bằng cách công khai chống chính quyền và gây thế bằng cách cướp của người giàu phân phát cho người nghèo. Năm 1773 ông ta dương cờ Tây Sơn, đem quân đánh chiếm Qui Nhơn, và sau đó, tiến lên Quảng Nam.

Trong khi đó, từ phía bắc, Trịnh Sâm, được báo cáo về tình hình nội bộ rối ren của họ Nguyễn, thấy đây là một cơ hội mà các chúa Trịnh chờ đợi từ lâu để "giải quyết việc phương nam", quyết định nam tiến. Quân Trịnh dưới quyền chỉ huy của đại tướng Hoàng Ngũ Phúc đánh chiếm Thuận Hóa dễ dàng. Khởi binh vượt sông Gianh vào tháng 10 (1774), qua tháng 2 quân ông ta đã đến Hồ Xá (Quảng Trị) và tháng 3 (1775) ông đã vào Phú Xuân.

Đây là lần đầu tiên từ 200 năm mà quân của họ Trịnh vượt được sông Gianh và tiến vào Quảng Bình, rồi vào Thuận Hóa. Họ tiến một cách dễ dàng, không gặp trở ngại. Tại sao? Vì quần thần nhà Nguyễn căm ghét, và dân chúng căm hờn Trương Phúc Loan. Quân của Chúa Trịnh mang danh nghĩa "trừ tàn khử bạo, để bảo vệ nước họ hàng trong lúc gian nan" (hịch của Hoàng Ngũ Phúc, Phan Khoang, I, 266), được coi như là quân giải thoát Phú Xuân khỏi tai ách Trương Phúc Loan và bè cánh. Vì vậy, đi đến đâu thì tướng nhà Nguyễn hoặc mở cửa đồn đầu hàng, hoặc quân tan rã phải bỏ chạy. Ở Phú Xuân, đình thần nhà Nguyễn mưu bắt Trương Phúc Loan nộp cho quân Trịnh đưa về Thăng Long. Ngay cả Chúa Nguyễn, Định Vương cũng dâng biểu lên Vua Lê để bái tạ Vua đã "sai quân đến làm thanh viện" chống Tây Sơn, và dâng khải lên Chúa Trịnh để tỏ lòng "xiết bao trông ngóng" (Phan Khoang, I,268).

Ở phía nam cũng vậy, Tây Sơn tiến quân chiếm Quảng Nam cũng dễ dàng vì quân đội nhà Nguyễn "bấy giờ trong nước vô sự lâu ngày, tướng sĩ không quen trận mạc, nên khi phải đi đánh, phần nhiều tìm cớ để xin miễn, Trương Phúc Loan ăn của đút lót, sai thay người khác, người bị sai sau xin thay không được, sinh oán hận, binh sĩ đều bất bình, nên ra trận chạy ngay". (Phan Khoang, I,258). Trong khi đó, công tộc, đại thần nhà Nguyễn âm mưu lật Trương Phúc Loan, gây rối loạn. Lúc đó quân Tây Sơn đương nhiên thành quân trừ hoạn Trương Phúc Loan.

Tuy nhiên, trước khi tiến vào Phú Xuân, Hoàng Ngũ Nhạc kêu gọi Định Vương hội tại Phú Xuân để cùng đánh giặc Tây Sơn. Không cần thông minh lắm Định Vương cũng phải hiểu rằng quân Trịnh vào nam không phải để cứu, mà để diệt họ Nguyễn. Cho nên cuối tháng 12 âm lịch (1774), để tránh bị kẹt vào thế gọng kềm — Trịnh ở phía bắc đánh xuống, Tây Sơn ở phía nam đánh lên — Định Vương cùng hai cháu là Hoàng Tử Dương và Nguyễn Ánh xuống thuyền trốn vào Quảng Nam.

Lúc đó suốt từ nam Quảng Nam đến Bình Thuận đã bị Tây Sơn chiếm cứ. Ở đây, không có một nơi nào mà Chúa Nguyễn còn hy vọng có thể nương thân. Cho nên Định Vương đến Quảng Nam không ở lâu được. Sau một thời gian ngắn, ông lại phải dông thuyền vào Gia Định, chỉ dẫn theo được một người cháu, là Nguyễn Ánh, vị cứu tinh của Nhà Nguyễn sau này, còn người cháu thứ hai, Hoàng Tử

Dương mắc kẹt tại Quảng Nam, bị Nguyễn Nhạc bắt.

Ở đây có hai điểm đáng ghi:

Một là: Trịnh Sâm chỉ muốn diệt trừ uy thế họ Nguyễn chớ không ham chiếm cứ lãnh thổ Nam Hà. Về điểm này, ông ta chia sẻ quan niệm của đình thần Thăng Long là "Nam Hà là đất của Nhà Nguyễn". Mà đúng vậy. Ở đây, dân không có cảm tình với họ Trịnh và quân dân Bắc Hà. Họ sẽ làm rõ điều này khi Nguyễn Huệ đem quân ra bắc diệt Trịnh, như sẽ nói ở đoạn sau. Cho nên, Trịnh Sâm, lúc đó đang đóng ở Nghệ An, không buồn bước chân đến Phú Xuân. Ông ta chỉ ham hốt vét kho tàng của Chúa Nguyễn. Xong việc này, ông trở về bắc ngay vì uy thế của họ Trịnh ở Thăng Long cũng không phải là vững chắc lắm.

Hai là: họ Trịnh không có khả năng chiếm giữ Miền Nam. Hoàng Ngũ Phúc, là một viên tướng đang say men thắng trận, muốn xua quân tiến thêm về miền Nam. Trịnh Sâm không tán thành lắm, nhưng cho ông ấy tùy tiện. Được phép, ông ta vượt đèo Hải Vân vào Quảng Nam, và chạm trán không phải với quân Nguyễn, mà với quân Tây Sơn. Tuy ông ta thắng, ông ta cũng nản, vì quân ông, một phần vì trận chiến, nhưng một phần vì mắc bệnh, chết quá nửa. Do đó, thừa dịp Nguyễn Nhạc xin đầu hàng và tình nguyện làm tiền khu đi đánh họ Nguyễn, ông xin Trịnh Sâm cho rút quân về Thuận Hóa, và phong cho Nguyễn Nhạc làm tiền phong tướng quân. Trịnh Sâm chấp nhận ngay. Nhưng dù có vậy, Hoàng Quốc Phú cũng bỏ mạng trên đất Nam Hà: trên đường về Phú Xuân thì ông bị bệnh chết. Sau 200 năm thì họ Trịnh và quần thần khám phá sự thật, là "Nam Hà là đất của nhà Nguyễn". Họ Trịnh không đủ khả năng chiếm, và nhứt là giữ đất Thuận Quảng vì từ Thăng Long vào Phú Xuân đường xa; đến Bình Thuận lại xa hơn nữa, và đến Gia Định, hay tận Hà Tiên thì lại quá xa, trong khi Chúa Trịnh không thể đi vắng lâu, bỏ ngỏ Thăng Long, lúc mà có nhiều lực lượng chống đối, khuấy động. Xua quân vào Nam là bỏ mồi bắt bóng, làm một chuyện phiêu lưu. Phần khác, muốn đánh chiếm miền Nam, chỉ đến Bình Thuận thôi, chưa nói tới Hà Tiên, Phú Quốc, phải có nhiều quân đội, khí giới, binh thuyền, lương thực. Những thứ này Bắc Hà không đủ sức cung cấp, phải thâu góp ở Nam Hà.

Bắt dân Nam Hà đóng góp binh sĩ, quân nhu, lương thực để đánh Chúa Nguyễn, chúa của họ, trên đất của họ, là một việc khó thực hiện được. Phần khác, trong nhãn quan của dân Thuận Hóa, quân Trịnh và Bắc Hà là chỉ một đội quân chiếm đóng, nhứt là, sau khi chiếm Phú Xuân, ý dồ diệt, thay vì cứu Nguyễn được biểu lộ rõ ràng, và quân Trịnh nhũng nhiễu, uy hiếp, cướp bóc dân chúng. Sử ghi ông Lê Quý Đôn nói về tình hình Thuận Hóa khi quân Trịnh mới chiếm đóng Phú Xuân như sau: "Bấy giờ binh dân ở lẫn lộn nhau, quân đội ỷ thế cướp đoạt, dỡ các trại lính cũ để làm củi, đặt những đồn mới để bắt bớ, khám xét, tiền kẽm không ăn, giá lúa vọt lên cao..." Về phía quan thì Trấn Vũ Phạm Ngô Cầu là "người ngược, hoạnh, tham nhiễu, dày xéo nhân dân". Dân lại bị buộc thay đổi y phục, ăn mặc theo lối Bắc Hà (Phan Khoang, I, 301-302). Cho nên khi quân Tây Sơn tiến ra Bắc dưới chiêu bài "Phò Lê diệt Trịnh", quân thần dân chúng Thuận Hóa đều hưởng ứng. Quân Trịnh thua chạy bị dân đánh, giết. Về phía các chúa, thì Đoan Nam Vương Trịnh Khải, thay vì được dân che dấu bảo vệ lại bị dân bắt bỏ cũi nộp Tây Sơn, phải tự vận, còn Trịnh Bồng, vị chúa cuối cùng, "khởi binh mấy lần (để chống Nguyễn Hữu Chỉnh) nhưng không thành công, nên cũng chán sự đời bèn bỏ đi tu, về sau không ai biết chết ở đâu." (Trần Trọng Kim II, 123).

Các chúa Nguyễn không có ai bị như vậy. Ngay cả trong những lúc bị quân Tây Sơn lùng đuổi ráo riết, trên đất Gia Định, khi nào, nơi nào, Nguyễn Ánh cũng có trung thần phò tá, dân gian che chở bảo vệ, và không ngại góp công góp của giúp ông xây dựng lực lượng nhằm khôi phục cơ đồ. Nhân tâm miền Nam hướng về chúa Nguyễn. Cảm tình của dân miền Nam đối với nhà Nguyễn còn sâu đậm lâu ngày về sau (2). Dân miền này chỉ chấp nhận chúa Nguyễn là chúa chính thống của họ. Đây là một sự thật cũng sẽ đến với Tây Sơn sau này khi họ phải đối phó với Nguyễn Ánh ở Thuận Quảng, mà nhứt là ở Gia Định.

Lúc tướng Trịnh Hoàng Ngũ Phúc tiến quân vào đến châu Ổ, ranh giới Quảng Nam — Quảng Ngãi ngày nay, gặp quân của Nguyễn Nhạc, trong

lúc giao chiến ở Cẩm Sa, quân Tây Sơn bị ông ta đánh bại. Như đã nói ở trên, Nhạc nhận thấy lực lượng mình còn yếu, xin hàng, dâng ba phủ Qui Nhơn, Quảng Ngãi, Quảng Nam, và tình nguyện làm tiền quân của Chúa Trịnh đánh Nguyễn. Yêu cầu này được chấp thuận. Rảnh tay về phía Bắc, Nhạc sai em là Nguyễn Lữ vào đánh Gia Định và chiếm Sài Côn (1776). Rồi ông ta tự xưng Tây Sơn Vương. Năm sau, 1777, ông ta xin làm Trấn Thủ Quảng Nam, Trịnh Sâm chấp thuận, và lại ban cho tước quận công (Cung Quận Công). Với những vận động này, Tây Sơn mất một yếu tố rất quan trọng trong cuộc chiến tay ba Trịnh-Nguyễn-Tây Sơn: chính nghĩa. Tây Sơn mất chính nghĩa về ba phía: 1/ phía họ Nguyễn; 2/ phía họ Trịnh; 3/ phía nhà Lê.

Khi Tây Sơn dấy cờ khởi nghĩa, họ nhân danh chống chế độ chuyên quyền thối nát của Trương Phúc Loan. Đồng thời họ cướp của người giàu cho người nghèo. Những hành động này hợp lòng dân, nên uy thế của Tây Sơn tăng mau. Sau khi quân Tây Sơn chiếm được Qui Nhơn và tiến ra Quảng Nam, họ bắt được Đông Cung Dương, đưa về Qui Nhơn. Lúc đó Nguyễn Nhạc muốn dùng chiêu bài "Phò Đông Cung" chống Trương Phúc Loan để thu hút sự ủng hộ của dân và quần thần họ Nguyễn. Đây là một chiêu bài tốt, và lúc đầu ngay cả Đông Cung Dương và cận thần cũng mắc lừa. Nhưng sau khi Nhạc dùng chiêu bài này để lừa giết tướng nhà Nguyễn Tống Phước Hợp và chiếm Phú Yên thì tâm địa và ý đồ thiệt của Tây Sơn được phơi bày ra ánh sáng. Do đó, Đông Cung Dương trốn khỏi Qui Nhơn và chạy vào Nam. Tây Sơn không còn dùng danh nghĩa "Phò Đông Cung" được nữa. Năm 1776, sau khi Nguyễn Lữ đánh chiếm được Sài Côn, Nguyễn Nhạc tự xưng vương. Năm sau, Nguyễn Huệ lại đánh Gia Định, bắt giết được Duệ Tông và Thân Chính Vương (Đông Cung Dương). Năm 1778 Nguyễn Nhạc tự xưng đế (Hoàng Đế Thái Đức). Năm 1786 Nguyễn Huệ đem quân ra đánh lấy Phú Xuân rồi tiến ra Thăng Long với danh nghĩa "Diệt Trịnh Phò Lê". Đây là một chiêu bài tốt ở đất Bắc Hà. Sau khi đã thanh toán họ Trịnh, Nguyễn Huệ rút quân về Thuận Hóa, để Nguyễn Hữu Chỉnh ở lại. Vua Lê Chiêu Thống binh lực không có, thế cô, bị cả Trịnh lẫn Tây Sơn uy hiếp, cầu cứu Trung Quốc, tạo cho vua Thanh một cơ hội tốt để đem quân xâm lăng và thôn tính Việt Nam. Nhưng Nguyễn Huệ đánh tan được quân Thanh, chấm dứt luôn nhà Lê. Với dữ kiện này, chiêu bài "Phù Lê" cũng tiêu tan. Từ nay, những chiêu bài tốt mà Tây Sơn có thể dùng ở Nam Hà lẫn Bắc Hà đều vô giá trị, hết hiệu nghiệm.

♦ III. Nguyễn — Tây Sơn

Nếu Tây Sơn diệt được hết thù địch, kể cả những thân thích họ Nguyễn, và giữ vững chính quyền được một thời gian khá lâu để ổn định chế độ thì có thể họ sẽ gây dựng được một vương triều có cơ năng tồn tại khá lâu. Nhưng họ lại không diệt được hết thân thích họ Nguyễn: ở Gia Định còn công tử Nguyễn Ánh, con của công tử Luân, con thứ hai của Võ Vương Nguyễn Phúc Khải. Ông là người có đủ điều kiện để lên ngôi vương sau khi Định Vương và Thân Chính Vương bị giết và trong thân thích Chúa Nguyễn không còn ai sống sót. Năm 1778 quần thần Nhà Nguyễn tôn ông, lúc đó 17 tuổi, lên làm Đại Nguyên Soái, Nhiếp Quốc Chính; năm 1780 ông xưng vương. Với chức vị, Nguyễn Ánh bây giờ là người có uy quyền và chính nghĩa: ông ta là người chỉ huy một lực lượng tranh đấu dưới danh nghĩa: khôi phục nhà Nguyễn, phò Lê diệt Tây Sơn. Chính nghĩa này có giá trị toàn quốc, ở Nam Hà lẫn Bắc Hà, từ Gia Định đến Qui Nhơn, Phú Xuân, và Thăng Long.

Với chính thống và chính nghĩa, ở Gia Định, Nguyễn Ánh thành một người mà Tây Sơn không diệt được. Anh em Tây Sơn đem quân vào đánh Gia Định 5 lần: năm 1776 (quân do Nguyễn Lữ chỉ huy); 1777 (Nguyễn Lữ-Nguyễn Huệ); 1782 (Nguyễn Nhạc-Nguyễn Huệ); 1783 (Nguyễn Lữ); 1784 (Nguyễn Huệ). Nhưng họ không diệt được Nguyễn Ánh. Ông ta bị điêu đứng, chạy trốn khắp nơi trên đất Gia Định, hay phải bỏ chạy ra Phú Quốc, hay lánh nạn ở Xiêm. Nhưng, như đã nói ở trên, không khi nào ông bị quần thần và dân chúng bỏ rơi. Và mỗi sau khi Lữ, Nhạc, Huệ rời Sài Côn về Qui Nhơn là lại có trung thần Nhà Nguyễn dấy quân đánh lấy lại Sài Côn và rước ông về. Năm 1788 ông lại về lại Sài Côn. Lần này, ông khỏi phải chạy

nữa, và chỉ "sau một năm trời lao khổ Nguyễn Ánh đã quét sạch Tây Sơn để làm chủ Gia Định" (Tạ Chí Đại Trường, 195). Năm 1789, với sự đầu hàng của viên tướng Tây Sơn cuối cùng, Phạm Văn Sâm, ở Ba Thắc, trên đất Gia Định không còn bóng tên quân nào nữa của Tây Sơn. Phần khác, Tây Sơn bận tay ở phương Bắc vì lủng củng nội bộ và vì phải đối phó với xâm lăng Tàu, nên Nguyễn Ánh rảnh tay gây dựng lực lượng, chờ ngày tiến quân ra bắc. Với một lực lượng mạnh mẽ và tân tiến, không những ông sẽ thu hồi được toàn bộ Nam Hà, mà lại còn lấy thêm được Bắc Hà.

Ngoài chính thống và chính nghĩa, Nguyễn Ánh lại còn những lợi điểm quan trọng khác mà Tây Sơn thiếu.

Một lợi điểm là Gia Định là đất thực sự của nhà Nguyễn. Như đã nói ở trên, Thuận Quảng là đất của nhà Lý, nhà Trần, nhà Lê, nhà Hồ lấy được của Chiêm Thành. Nhà Nguyễn chỉ có công khai phá. Nhưng Gia Định — từ Bình Thuận đến Cà Mau, Hà Tiên, Vĩnh Long, Châu Đốc — là đất mà không những họ Nguyễn có công khai phá, mà chính họ đã chiếm lĩnh được. Nguyễn Ánh, giữ được truyền thống cai trị khôn khéo được lòng dân của các chúa Tiên, Sãi, Hiền, cũng cai trị đất này một cách rất khéo léo và được dân quân mến phục. Do đó, như đã nêu ở trên, dù có bị Tây Sơn truy lùng gắt gao, ông ta không bị dân bắt nộp cho địch, như Đoan Nam Vương Trịnh Khải bị dân bắt nộp cho Tây Sơn, và như ta sẽ thấy sau này, như Nguyễn Quang Toản, Vua Cảnh Thịnh, kế vị Nguyễn Huệ, bị dân bắt và đóng cũi nộp cho Nguyễn Ánh sau khi bại trận ở Phú Xuân ông ta chạy về bắc.

Ở Gia Định, họ Trịnh không được cảm tình của dân như Nguyễn Ánh. Trịnh Sâm biết như vậy, nên chỉ đến Nghệ An rồi trở về Bắc, không màng Gia Định, và ngay cả Quảng Nam, cho phép Hoàng Ngũ Phúc rút về Thuận Hóa. Tây Sơn cũng cảm thấy như vậy, cho nên họ không thực sự dòm ngó. "Tây Sơn... không có một chính sách ở Gia Định chỉ mang quân tới chiếm rồi đi, không thay đổi nổi nhân tâm." (T.C. Đại Trường, 161). Như đã nói ở trên, họ xâm chiếm Gia Định năm lần, nhưng cứ đánh xong là họ trở về Qui Nhơn, chỉ để một lực lượng nhỏ ở lại, và quân thần của Nguyễn Ánh lại vùng lên chiếm lại Sài Côn ngay. Ngay cả Nguyễn Lữ, được cử làm Đông Định Vương và được chia cho đất Gia Định, không hề đóng đô ở Sài Côn và cuối cùng bị đánh bại, chạy về chết ở Qui Nhơn, không để lại vết tích gì ở Gia Định cả.

Nguyễn Nhạc thì tuy là xưng đế, nhưng chỉ khư khư ôm vùng Qui Nhơn, không tỏ ra thiết gì đến đất Gia Định. Vả lại, ông ta không tài ba như Nguyễn Huệ, không phải là địch thủ của Nguyễn Ánh. Chỉ có Nguyễn Huệ là có khả năng hơn cả. Nhưng mộng của Nguyễn Huệ lại là làm anh hùng phương Bắc, và đo sức với cả Trung Quốc (3). Ông là một võ tướng tài ba, đã đánh bại quân nhà Thanh, đuổi tướng Thanh Tôn sĩ Nghị chạy dài, và được người Việt, nhứt là người hậu thế ca tụng. Cụ Trần Trọng Kim viết:

"Nước đã mất, thì phải lấy nước lại, ông Nguyễn Huệ... đánh một trận phá 20 vạn quân Tàu, tướng nhà Thanh là Tôn Sĩ Nghị phải bỏ cả ấn tín mà chạy, làm cho vua tôi nước Tàu khiếp sợ, tướng sĩ nhà Thanh thất đảm. Tưởng từ xưa đến nay nước ta chưa có võ công nào lẫm liệt như vậy." (T.T. Kim II, 129).

Nguyễn Huệ là người tài ba và anh hùng thật. Nhưng trong cuộc tương tranh Nguyễn-Tây Sơn, người thắng trận cuối cùng không phải là Nguyễn Huệ, mà là Nguyễn Ánh. Cái chết của Nguyễn Huệ năm 1792 là một điều may cho Nguyễn Ánh. Đã đành. Nhưng cũng có lẽ là một điều may cho Nguyễn Huệ. Nếu ông ta còn sống, uy tín của ông có thể bị sứt mẻ vì ông khó thắng được Nguyễn Ánh.

Lý do, và đây là lợi điểm thứ hai của Nguyễn Ánh, là từ 1789 trở đi, có những yếu tố khách quan làm cho cán cân lực lượng nghiêng hẳn về Gia Định, và về căn bản, khả năng gia tăng lực lượng và thế lực của Tây Sơn chỉ có thể càng ngày càng giảm đi, trong khi khả năng của Nguyễn Ánh chỉ có thể càng ngày càng lớn thêm. Trước hết là về tài nguyên nhân lực. Gia Định là đất rộng lớn, có nhiều tài nguyên, không những đủ thỏa mãn nhu cầu của dân chúng và chính quyền, đặc biệt là nuôi quân, chế khí cụ, đóng chiến thuyền, mà còn để xuất cảng mua sắm dụng cụ và nguyên liệu, nhất là đồng, chì, và lưu hoàng, diêm tiêu, quân nhu và khí giới — súng hỏa tiêu, súng đại bác — và ngay cả tàu đi biển. Như ta sẽ thấy ở đoạn sau, Nguyễn Ánh có gạo,

đường, muối, lâm sản để mua bán, đổi chác với ngoại quốc. Trong khi đó thì Tây Sơn ở tình trạng nghèo cực:

"Tình trạng nghèo cực của Tây Sơn không phải là một điểm lạ. Họ nối dậy thừa hưởng một xứ cùng khổ sẵn, càng cùng khổ hơn vì tàn phá của chiến tranh, làm ruộng đất bỏ hoang, công nghệ lụn bại, khiến họ khó khăn khi muốn phát triển quyền lực quá giới hạn địa phương của họ.

Chiếm thêm Quảng Nam, họ chỉ thêm được một xứ tan nát của Nguyễn, Trịnh để lại. Họ phải mua những vật dụng cần thiết nhất của các thuyền buôn Trung Hoa nhập cảng với giá cắt cổ. Tiền bạc do đó hụt dần và họ phải phá nhà thờ, nhất là chùa để lấy chuông tượng đúc tiền." (Đại Trường, 108).

Về nhân lực thì tuy Gia Định không đông dân hơn Tây Sơn từ Bình Thuận trở ra, nhưng lòng dân hướng về họ Nguyễn, cho nên càng tiến về phía bắc nhân lực của quân Nguyễn càng có cơ gia tăng. Phần khác, dân số vùng Tây Sơn tuy đông hơn, nhưng Tây Sơn chia thành ba nước, anh em kình địch nhau, và mỗi người chỉ kiểm soát được một phần dân. Thêm vào đó, Bắc Hà không phải là đất của Tây Sơn, nên dân vùng đó cũng không tin cậy được. Trái lại. Có lẽ Nguyễn Huệ là người am hiểu điều này nhất, nên trước khi ông mất (ngày 16-9-1792) ông gọi Trần Quang Diệu vào căn dặn phải chôn cất cho mau nội trong một tháng rồi dời kinh về Phượng Hoàng Trung Đô, "Nếu không, quân Gia Định kéo tới, các người không có đất mà chôn đâu." (Đại Trường, 276).

Việc phá chùa chiền nêu trên là một lý do làm cho Tây Sơn không thu phục được lòng dân. Nó liên quan mật thiết đến phong cách và phương thức cai trị của Tây Sơn. Chế độ Tây Sơn là một chế độ quân phiệt. Chính Nguyễn Huệ cũng công nhận như vậy. Không khí trong triều Tây Sơn là một "không khí sùng chuộng võ uy"; trong triều chính Tây Sơn, "yếu tố quân sự lúc nào cũng giữ ưu thế... Để coi sóc công việc, bộ máy hành chánh trong nước phần lớn nằm trong tay các võ tướng... chính sách chung là nhắm vào việc thành lập một đạo quân hùng mạnh." (Đại Trường, 161, 214-216).

Vì phải luôn luôn sẵn sàng dụng binh, nên Tây Sơn cần lính. Trong tình trạng chinh chiến liên miên, lính chết nhiều, dân mệt mỏi, và thêm vào đó, đất nước phân chia, tinh thần địa phương mạnh, mộ quân không phải là chuyện dễ. Muốn có quân, phải dùng phương pháp cưỡng bách mạnh, ngay cả tàn nhẫn. Vì bản chất quân phiệt, "Triều đại Tây Sơn... chỉ có thể tồn tại bằng chế độ quân chính của họ thôi... đám võ tướng cũng chứng tỏ được họ là những người kiểu mẫu của thời đại mới. Kiêu căng, quen dùng uy quyền đàn áp..." (Đại Trường, 275). Cho nên, cần quân số lớn để phục vụ nhu cầu trong những trận chiến lớn, họ phải áp dụng những biện pháp bắt lính gắt gao, tàn nhẫn. Năm 1786, lúc đem quân ra đánh Trịnh, Nguyễn Huệ phải lấy thêm quân ở Thuận Hóa và Bố Chính. "Trong khi tù binh Bắc Hà không còn, dân số sụt vì bị đói và dịch tễ, đến nỗi phải lôi đàn bà đi đắp lũy sửa đường, chỉ còn những người của các tôn giáo lẩn lút đứng ngoài chiến tranh là còn đông đúc. Cho nên từ Phú Xuân cho tới sông Gianh, chỉ trong 5 ngày, tất cả đều bị bắt đi. Tây Sơn phá chùa chiền và ép các nhà sư phải mang khí giới đi đánh giặc. Những tín dồ Công giáo cũng không được chừa, hầu hết đều phải gia nhập vào đoàn quân viễn chinh ra Bắc" (Đại Trường, 148-149). Năm 1787, lúc Nguyễn Huệ chuẩn bị đem quân vào Qui Nhơn đánh Nguyễn Nhạc, ông ta cần 60.000 binh, cho nên ông bắt tất cả mọi người từ 15 đến 60 tuổi phải ra trận... Khi quân đi rồi không còn đàn ông, ở nhà chỉ có đàn bà, kẻ mất cha, người mất con, kẻ lại mất chồng. Ở Qui Nhơn, hai ba lần giáp công, ông ta bị mất đến nửa quân số, nên lại phải lấy thêm quân Thuận Hóa, "bắt những kẻ vừa đúng 15 tuổi" (Đại Trường, 148-149).

Năm 1788, lúc đem quân ra Bắc chống quân Thanh, ghé Nghệ An, chỉ "trong chốc lát" ông tuyển được hơn một vạn binh, nhưng bằng cách dùng biện pháp rất triệt để: trong dân, cứ ba người lấy một, và sự tra xét gay gắt "đến nỗi người ta không biết trốn vào đâu để tránh quân dịch. Các kẻ sai nha đem chó theo để tìm người trong khu rừng bên cạnh như người ta tìm thú: người ta lấy đao xỉa vào các đống rơm dùng để đun nấu" (Đại Trường, 168).

Ngoài binh sĩ, quân đội còn cần quân nhu, quân khí, và "gân mạch của chiến tranh"

(the nerves of war): tiền. Để có những thức này, Tây Sơn cũng áp dụng những biện pháp triệt để: "cần kim khí, họ phá nhà thờ, chùa chiền, một phần để tìm các tượng, và chuông về đúc súng đại bác" (Đại Trường, 139). Lúc Nguyễn Huệ dự bị mang quân đi đánh Nguyễn Nhạc ở Qui Nhơn, ở vùng Thuận Hóa "nhà thờ biến thành trại lính, tượng thần Phật bị lấy ra đúc súng đại bác, đúc nồi" (Đại Trường, 149). Để giải quyết nạn khan tiền, Nguyễn Hữu Chỉnh xin với triều đình "ra lệnh thu hết tượng đồng các chùa đem về Kinh sư mở lò đúc tiền. Rồi Chỉnh thả cho thủ hạ đi khắp tứ phía cướp bóc chuông, tượng của các làng xóm" (Đại Trường, 158). Còn dưới quyền Vũ Văn Nhậm, viên Trấn Vũ thế Chỉnh thì theo thói quen có sẵn... ông đã tận lực khai thác đất Bắc. "Người ta chỉ nghe đến mộ lính, quyên gạo, quyên tiền" (Đại Trường, 162).

Tận dụng nhân lực và tài sản của dân như trên đã cung cấp cho Nguyễn Huệ phương tiện cần thiết để hành quân như ông muốn, và gây uy danh một vị tướng bách chiến bách thắng, nhưng đồng thời nó cũng gây oán thán trong dân chúng, và reo hạt cho những chuyển biến bất lợi cho Tây Sơn sau này. Nhưng ngoài yếu tố quân sự còn những yếu tố khác nữa cũng có ảnh hưởng tương tự.

Một trong những yếu tố này là kỹ thuật. Về phương diện này phe Nguyễn Ánh tân tiến hơn phe Tây Sơn nhiều, nhờ Ánh đối xử khéo léo với ngoại quốc và người Trung Hoa, và thấu hiểu tầm quan trọng của ngoại thương và bản chất của mậu dịch.

Cuộc chiến Nguyễn-Tây Sơn xảy ra lúc người Tây phương đang tìm cách phát triển ngoại thương và truyền giáo. Các chính quyền Á Đông không muốn cho giáo sĩ vào lãnh thổ mình, nhưng đồng thời họ lại muốn có chiến cụ tinh xảo và sự hổ trợ của ngoại nhân, nhất là về kỹ thuật. Cho nên Tây Sơn cũng như Nguyễn Ánh đều vận động những đại diện Tây phương lập quan hệ mậu dịch với mình và hổ trợ mình. Gặp Charles Chapman, viên đại diện của chính quyền Anh ở Ấn Độ, Nguyễn Huệ và Nguyễn Nhạc vội vã bàn chuyện buôn bán, mời mọc về nhà riêng, hứa tha thuế. Họ hỏi ông ta có thể dùng tàu của ông ta giúp họ không, họ muốn có cố vấn Anh, tàu chiến Anh phụ giúp "để khuất phục nước Cao Miên, toàn thể bán đảo đến tận Xiêm và các tỉnh Nam Hà phía bắc còn trong tay quân Bắc Hà. Đánh đổi lấy trợ giúp đó, Tây Sơn có thể nhường đất cho Anh quốc lập thương điếm" (Đại Trường, 75, 103). Nhưng sự nghèo nàn của vùng Tây Sơn, sự cư xử không đẹp của Nguyễn Nhạc đối với thương nhân ngoại quốc, chính sách bài đạo của ông ta làm cho người ngoại quốc không tín nhiệm Tây Sơn và kỳ vọng ở Nguyễn Ánh hơn.

Có một lý do quan trọng nữa khiến cho Tây Sơn không dùng ngoại thương và ngoại giao để tăng gia lực lượng và uy thế của họ được là sự thiếu giới trung gian cần thiết trong mậu dịch với ngoại quốc: người Trung Hoa. Là người thực tế, họ định cư ở Đàng Trong nhiều hơn (Hội An, Biên Hòa, Mỹ Tho, Hà Tiên), tin tưởng nhiều hơn ở Nguyễn Ánh, nhất sau vụ Nguyễn Nhạc ra lệnh giết hơn 4,000 người Tàu vì Phan Ngạn, viên hộ giá của ông, bị giết khi quân Tây Sơn tấn công Gia Định năm 1782. Cuộc tàn sát rất khủng khiếp. "Người Tàu, bất luận binh lính hay dân buôn, mới đến hay ở lâu, đều bị bắt giết, thây chất ngổn ngang vất đầy sông ngòi, đến nỗi nước ứ không chảy, cả tháng hơn người ta không dám ăn tôm cá, uống nước sông. Một không khí khủng bố bao trùm khắp vùng: những ai có hàng Tàu trong nhà như vải, lụa, trà thuốc, hương giấy... đều vất cả ra đường mà không người dám lượm" (Đại Trường, 111-112). Sau một diễn biến như trên, tất nhiên cảm tình và thiện chí của người Tàu đối với Tây Sơn không còn nữa. Mà thiếu sự trung gian của lái buôn Tàu thì mậu dịch thiếu một khâu then chốt: dù Tây Sơn có nhiều sản vật xuất cảng đi nữa cũng không dễ dàng đưa ra ngoại quốc được để đổi chác, và không có người mang vào bán cho họ nhiều thức cần dùng.

Chính sách đối ngoại của Nguyễn Ánh thì ngược lại. Cũng như Tây Sơn, ông ta cần vật liệu, khí giới, tàu chiến, kỹ thuật Tây phương. Nhưng ông áp dụng một chính sách rộng rãi cởi mở hơn. Ông không bài đạo; trái lại ông dám dùng một giám mục Công giáo làm cố vấn, và giao con trưởng của ông cho ông này đi cầu viện ở nơi xa xôi. Ông đối xử với những người Tây phương giúp ông rất tốt, và nhất là biết xử

dụng khả năng kỹ thuật và thương mãi của họ: không những họ luyện binh, chế súng, xây thành cho ông, mà còn bôn ba mang thổ sản của Gia Định đi bán ở các nơi như Ma Cao (lúc đó chưa có Hồng Kông), Manille, Batavia, Malacca (lúc đó chưa có Singapore), và ngay cả những nơi rất xa, như Pondichery, và Goa ở Ấn Độ. Năm 1799 Olivier được phép đi Malacca bán một thuyền cau, mang lại 3,000 đồng. Năm 1800 Despiau được phép mua muối, gạo, và các vật dụng khác đi bán ở Ấn độ trên tàu mang cờ hiệu Gia Định (Đại Trường, 206). Nhờ đó, Nguyễn Ánh có ngoại tệ dồi dào để mua nguyên liệu, súng ống, đạn dược, tàu bè. Đối với người Tàu ông cũng rất hậu, và họ cũng hết mình với ông trong việc che chở ông trong lúc hoạn nạn, và giúp đỡ ông trong công việc khôi phục sơn hà. Cũng nhờ họ mà Đàng Trong có được những trung tâm buôn bán phồn thịnh như Hội An, Biên Hòa, Mỹ Tho, Hà Tiên.

Nhờ chính sách trên, Nguyễn Ánh có ngoại tệ dồi dào trong các cuộc trao đổi thương mại cùng mua sắm dụng cụ vật liệu cải tiến kỹ thuật. Ông đã "làm một nhà máy chế diêm tiêu ở Phiên Trấn, khai một mỏ sắt, xây các lò đúc, chế hàng ngàn súng mồi lửa, các súng đại bác đủ cỡ". Chế Tạo Cục của ông thiết lập "liên miên đúc súng, đóng tàu", và cả tàu vỏ đồng (Đại Trường, 230).

Về thủy quân và về thủy chiến thì Gia Định hơn Tây Sơn còn xa hơn nữa, với hậu quả dễ đoán. Trong một cuộc chiến tranh ở một nước có bờ biển dài như Việt Nam, phe nào phối hợp được tốt thủy lục quân tất sẽ có một lợi thế quyết định: 1/ về chiến thuật: quân dọc ven biển được thủy quân bảo vệ và khi giáp chiến bộ binh đánh ra thủy quân đánh vào, dồn địch vào thế kẹt gọng kìm; 2/ về chiến lược: phe có thủy quân mạnh khống chế biển có thể vận quân từ nơi này đến nơi khác dễ dàng và mau lẹ, có thể tăng cường binh của mình, hay đánh địch bất ngờ; 3/ cuối cùng, thủy quân là ưu tiên của Nguyễn Ánh, được trang bị rất tốt, có cả tàu vỏ đồng, binh được huấn luyện kỹ càng, hỏa lực rất mạnh (trong trận đánh Thị Nại có hai thuyền thiết bị 26 đại bác, một thuyền thiết bị đến 32 đại bác. Khi tiến vào Thị Nại, chiếc tàu vỏ đồng của Nguyễn Ánh là "một kinh ngạc lớn" cho Tây Sơn (Đại Trường, 321, 237). Cho nên Nguyễn Ánh có thể tự hào rằng "Thủy chiến là sở trường của ta" (Đại Trường, 235). Về pháo binh thì Nguyễn Ánh không những có nhiều súng lớn, mà còn có cả đại bác lưu động, gắn bánh xe, do trâu kéo. Do đó ông có thêm một lợi thế chiến thuật rất lớn trên bộ. Tưởng cũng nên ghi ở đây rằng khi thám sát quân Tây Sơn, Nguyễn Ánh dùng viễn kính (longue vue), như Napoléon ở chiến trường Âu châu! Thật là *une première* trong lịch sử Việt Nam. Như đã nói ở trên, Nguyễn Ánh có ngoại tệ dồi dào để mua sắm vật liệu, chiến cụ ở ngoại quốc nhờ ngoại thương. Ông ta hiểu tầm quan trọng của ngoại thương, nhưng đặc biệt hơn cả, ông thấu hiểu bản chất của thương mại. Có lẽ ông là người nắm chính quyền duy nhất ở Việt Nam từ xưa đến nay (1997) hiểu rằng: 1/ Thương mại là một phương thức rất hữu hiệu để phát triển tài nguyên và lực lượng của quốc gia, và đem lại thịnh vượng cho dân chúng, chớ không phải là một hiểm họa cần ngăn chận với chính sách bế quan tỏa cảng; 2/ Thương mại là trao đổi lưỡng lợi, có đi có lại, thương lượng thỏa hiệp trong bình đẳng và tự do; 3/ Thương mại phải có trung gian — thương nhân — được tự do mua bán kiếm lợi, không bị nhà cầm quyền khi dễ, nghi kỵ, hờn ghét, bắt chẹt, uy hiếp; 4/ Muốn thương mại phải có hàng có giá trị trên thị trường — có người tìm mua — để trao đổi.

Vì sự thông hiểu những điều nêu trên nên Nguyễn Ánh mở rộng cửa, khai thác triệt để khả năng ngoại thương của Gia Định. Ông chú ý đặc biệt đến những sản phẩm mà ngoại nhân tìm mua như cau, gạo, đường, lâm sản. Ông "nhắc đi nhắc lại cho dinh Trấn Biên biết rằng đường cát cần thiết để dùng đổi binh khí Tây phương nên phải có chính sách riêng". Gạo cũng là một sản phẩm xuất cảng quan trọng, dùng đổi lấy sắt, gang, chì, lưu hoàng (Đại Trường, 226-228). Phần khác, như đã nói ở trên Nguyễn Ánh sai những người Pháp phục vụ ông mang hàng đến những thương cảng quốc tế lớn bán lấy ngoại tệ và mua hàng ông cần dùng đem về. Nhờ đó mà ông tạo nên được một lực lượng quân sự mạnh mẽ và tân tiến. Những trao đổi mua bán thực hành "theo giá chợ",

nghĩa là theo giá thị trường. Phần khác, luật lệ về thương mại và thuế má rõ ràng, và được thi hành nghiêm minh.

Để có sản phẩm dùng nội địa và xuất cảng, Nguyễn Ánh có một chính sách đồn điền nhắm vào việc khai phá đất đai làm ruộng "bắt mọi người không đừng được, phải tham gia với sự đôn đốc, kiểm soát, trợ giúp của chính phủ. Chính sách nông nghiệp cưỡng ép, tận dụng nhân công được áp dụng trên một qui mô rộng lớn "khiến vùng Gia Định trở nên phồn vinh, sản xuất dồi dào, quyến rũ được đám nông dân nghèo đói Bình Thuận, Phú Yên... bỏ xứ chạy vào làm tăng dân số, uy tín nội bộ cho Nguyễn Ánh.. đủ binh lương cho quân lính dùng khi tràn ra phía Bắc... Lúa gạo nhiều là một sản phẩm trao đổi được để từ đó làm giàu cho quốc khố" (Đại Trường, 225-227). Một yếu tố quan trọng nữa giúp cho Nguyễn Ánh thắng Tây Sơn là nhân tâm hướng về Chúa Nguyễn và Miền Nam. Dữ kiện này được thâu tóm trong câu hát bình dân: *"Lạy Trời cho chóng gió nồm, để cho Chúa Nguyễn giong buồm ra khơi."*

Nguyễn Ánh khởi binh ra bắc lúc nội bộ bắc rối loạn vì vợ Trịnh Sâm, Đặng Thị Huệ, tham quyền, xen vào việc phế lập, gây ra việc anh em tương tranh. Trịnh Căn và Trịnh Khải dành nhau ngôi chúa, tạo cho binh Thanh Nghệ hộ vệ Tam Phủ cơ hội dính vào quốc chính, và từ đó trở thành kiêu binh, gây rối loạn, nhũng nhiễu dân làm cho dân thù ghét và mong lãnh tụ trong nam ra giải thoát họ. Về phía Tây Sơn thì những vụ bắt lính tàn nhẫn và đập phá chùa chiền để có quân và súng cho Nguyễn Huệ, những sự lộng quyền, hiếp vua, nhũng nhiễu dân, của các Trấn Vũ Bắc Hà Nguyễn Hữu Chỉnh và Vũ Văn Nhậm cũng gây tha oán trong dân chúng. Cuối cùng vụ anh em Tây Sơn, Huệ, Nhạc dàn binh đánh nhau ở Qui Nhơn, và Tây Sơn thanh toán ở Bắc Hà, làm cho Tây Sơn mất uy tín với dân, và đẩy dân hướng về chúa Nguyễn.

Về phía vua Lê, thì sau khi Lê Chiêu Thống kêu gọi quân Tàu vào Việt Nam, uy tín của ông tiêu tan, ông phải bỏ chạy sang Trung Quốc. Còn Sùng Nhượng Công Lê Duy Cẩn, mà Vũ Văn Nhậm đưa lên làm "Giám quốc", rõ ràng là một bù nhìn không quyền, không thế, không uy, chẳng được ai để ý đến cả. Do đó, Nguyễn Ánh không còn phải "Phò Lê" nữa, mà cuộc tiến quân của ông ra bắc chỉ còn một mục tiêu là "Diệt Tây Sơn", một mục tiêu phù hợp với nhân tâm suốt từ Gia Định đến Qui Nhơn, Phú Xuân, và đến Thăng Long.

Cụ Trần Trọng Kim ví cuộc tương tranh giữa nhà Nguyễn và Tây Sơn như chuyện "hai người anh hùng đuổi một con hươu" (TT Kim, II, 129). Nhưng trong hai người, Nguyễn Ánh rốt cuộc là người bắt được hươu. Ông ta, chớ không phải Nguyễn Nhạc hay Nguyễn Huệ, là người thắng trận cuối cùng. Cụ Trần Trọng Kim nói việc Nguyễn Ánh thu phục được cơ nghiệp nhà Nguyễn và thống nhứt cả nam bắc lại làm một là "mệnh trời" (TT Kim, II, 129). Theo tín ngưỡng Á Đông thì vậy. Nhưng dù ta có tin hay không, có một điều chắc chắn là, ngoài những yếu tố khách quan nói trên, còn hai yếu tố giúp Nguyễn Ánh nữa, là ông ta đã gặp nhiều may mắn, và ông là một người bản lĩnh phi thường.

May mắn đầu tiên là trong vụ xáo trộn về kế vị khi Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát mất, ông không bị thanh toán. Thân phụ ông, công tử Luân bị gạt ra, tuy rằng ông là con thứ hai của Chúa Khoát, và người được Chúa có ý định chọn làm thế tử sau khi con trưởng của Chúa, công tử Chương và con của ông này, công tử Hiệu, đều mất. Theo phong tục thời đó, công tử Luân và Nguyễn Phúc Ánh đáng lẽ phải bị thanh toán. Nhưng việc này đã không xảy ra, và khi Duệ Tông bỏ Phú Xuân chạy vào Gia Định, ông mang theo không những công tử Dương, mà cả Nguyễn Phúc Ánh, lúc đó mới 14 tuổi.

May mắn thứ hai là năm 1777 cả Duệ Tông lẫn Thân Chính Vương đều bị Tây Sơn giết, trong khi Ánh thoát được, và lúc đó trong hàng ngũ thân thích Chúa Nguyễn chỉ còn Ánh là người đủ tư cách kế vị. Có thể nói thêm rằng ông may mắn hơn Nguyễn Huệ, vì ông là người có nhiều bản lĩnh lại được đặt vào địa vị số một, trong khi Nguyễn Huệ, bản lĩnh hơn Nguyễn Nhạc lại không được ở địa vị đó để thi thố hết tài năng.

May mắn thứ ba là Ánh đã thoát chết được trong nhiều trường hợp lạ lùng khi bị Tây Sơn đuổi gắt: Năm 1782, nhờ mưa bão thoát khỏi được vòng vây rất ngặt của Tây Sơn ở Phú Quốc; năm 1783, nhờ biết bơi rồi trâu cứu khi thuyền bị

đánh đấm và binh sĩ chết hết, và nhờ gặp một dòng nước ngọt khi lênh đênh ở biển đã 7 ngày; nhờ gặp Giám mục Bá Đa Lộc, người đã giúp ông gầy dựng lại và canh tân hóa lực lượng; nhờ anh em Tây Sơn chia rẽ chống đối nhau làm phân chia lực lượng của họ, nhứt là lúc then chốt (Nguyễn Quang Toản giết Nguyễn Văn Bảo, con Nguyễn Văn Nhạc, năm 1798, lúc Nguyễn Ánh đang cố hạ thành Qui Nhơn, thủ đô của Tây Sơn, và địa điểm chiến lược then chốt chận đường ra bắc của quân Nguyễn); nhờ Nguyễn Huệ sai lầm căn bản về chiến lược, nhắm miền bắc trước khi có hậu cần vững chắc ở miền nam nên bị vướng mắc vào những lộn xộn ở Bắc Hà và tranh chấp với Trung Quốc; nhờ Nguyễn Huệ mất ở một giai đoạn quyết liệt, năm 1792, lúc Nguyễn Ánh bắt đầu cuộc tổng phản công đại quy mô; và quan trọng nhất, nhờ Cách Mạng Pháp bùng nổ và Louis XVI bị lật đổ năm 1789, và giám mục Bá Đa Lộc mất năm 1799. Tầm rất quan trọng của hai sự kiện này rất lớn, nên cần đi sâu vào chi tiết hơn.

Cũng như Tây Sơn, Nguyễn Ánh cầu viện Tây phương và sẵn sàng chấp nhận một số nhân nhượng, kể cả nhượng đất. Năm 1784 là năm đen tối nhứt của Nguyễn Ánh. Ông bị dồn vào một thế hầu như tuyệt vọng nên phải nhờ giám mục Bá Đa Lộc dẫn hoàng tử Cảnh (lúc đó mới 4 tuổi) làm con tin đi Pháp cầu viện. Bá Đa Lộc được toàn quyền, ký với vương triều Louis XVI một hiệp ước (ngày 28/11/1787), trong đó có những điều khoản có thể gây khó khăn lớn cho Nguyễn Ánh sau này, đặc biệt là cho Pháp độc quyền buôn bán ở Việt Nam và nhượng đứt Hội An và Poulo Condore. Về phía Pháp, vua Louis XVI cam kết sẽ cấp cho Nguyễn Ánh một số quân, tàu và khí giới. Phần khác, Giám mục Bá Đa Lộc có một địa vị rất cao ở triều Nguyễn, tương đương với chức "cố vấn tối cao" ngày nay. Ông lại có một ảnh hưởng khá mạnh trên hoàng tử Cảnh, làm cho quân thần xì xồ về nguy cơ Đông Cung "cải đạo" (bỏ Nho giáo theo Công giáo).

Vua Louis XVI không còn, nên hiệp ước trên cũng dẹp. Giám mục Bá Đa Lộc mang hiệp ước về đến Gia Định tháng 7 năm 1789, lúc Nguyễn Ánh đã ở thế thắng. Năm trước đó, ông đã vào Sài Côn, và lúc giám mục Bá Đa Lộc về đến Cần Giờ, ông đã làm chủ toàn thể Gia Định, có đủ điều kiện gây lực lượng chuẩn bị Bắc tiến. Lúc đó ông không cần ngoại viện nữa. Cách mạng Pháp xảy ra lúc đó là một điều may lớn cho ông: vì hiệp ước 1787 không thi hành, ông khỏi ở thế chịu ơn và lép vế đối với Pháp. Đối với giám mục Bá Đa Lộc và những người Pháp phục vụ ông, trên đất Việt Nam ông là chủ, là lãnh tụ tối cao. Sự tự do hành động của ông lại hoàn toàn hơn nữa khi giám mục Bá Đa Lộc mất năm 1799, ngay lúc ông sắp toàn thắng và làm chủ không những Đàng Trong, mà cả Đàng Ngoài. Ông không còn mắc nợ ngoại nhân, nhứt là một lãnh đạo Công giáo có nhiều công lao và tham vọng.

Cách Mạng Pháp và sự kiện Pháp không viện trợ cho Nguyễn Ánh có hậu quả giảm bớt hiện diện của người Pháp quanh Nguyễn Ánh. Trước đó

Còn Gặp Nhau

Còn gặp nhau thì hãy cứ vui
Chuyện đời như nước chảy hoa trôi
Lợi danh như bóng mây chìm nổi
Chỉ có tình thương để lại đời
(Mùa Xuân 93)

Còn gặp nhau thì hãy cứ thương
Tình người muôn thuở vẫn còn vương
Chắt chiu một chút tình thương ấy
Gửi khắp muôn phương vạn nẻo đường
Còn gặp nhau thì hãy cứ chơi
Bao nhiêu thú vị ở trên đời
Vui chơi trong ý tình cao nhã
Cuộc sống càng thêm nét tuyệt vời
Còn gặp nhau thì hãy cứ say
Say tình, say nghĩa bấy lâu nay
Say thơ, say nhạc say bè bạn
Quên cả không gian lẫn tháng ngày

Vào xuân 98
Tôn Nữ Hỷ Khương

có khoảng 140 quan binh Pháp giúp việc cho ông (trong đó có 80 bộ binh, 40 thủy binh). Nhưng sau 1894 họ rút đi gần hết. Những người còn lại đóng một vai trò kín đáo hơn, ở hậu trường thay vì ở hàng đầu (Đại Trường, 205).

Những yếu tố trên cho ta kết luận rằng Nguyễn Ánh thắng Tây Sơn căn bản không phải là nhờ người Pháp. Sự trợ giúp của Pháp có, nhưng nó chỉ ở cấp cá nhân và rất giới hạn, không thể nói là quyết định được. Nguyễn Ánh thắng nhờ những lỗi lầm của Trịnh và Tây Sơn, nhờ có đất Gia Định làm hậu cần, nhờ lòng dân hướng về ông và nhà Nguyễn. Còn một yếu tố cuối cùng, không kém quan trọng, là ông là một người xuất chúng, có bản lĩnh phi thường. Như ta thấy ở trên, Duệ Tông chỉ lo ăn chơi nên khi hữu sự không có khả năng lãnh đạo. Thân Chính Vương thì không đủ nghị lực kiên cường, không chịu đựng được gian khổ, chỉ mới thua mấy trận đã đầu hàng, quên rằng mình là thủ trưởng Nam Hà và của nhà Nguyễn. Nhưng Nguyễn Ánh là người đã được người đương thời mô tả như sau:

"Người ta tả ông là người gan dạ, không thô kệch, dồi dào ứng phó trong mọi tình thế. Ý tưởng đúng đắn; không khi nào khó khăn ngăn chận được ông và chướng ngại không làm cho ông lùi bước... Cử chỉ của ông đối với người ngoại quốc rất hòa nhã. Các sĩ quan dưới quyền ông rất kính phục ông... Ông cương quyết nhưng không hung tàn, ông hay nghiêm trị nhưng theo luật lệ... Ông có đủ đức của tâm hồn cũng như của trí tuệ... Lớn lên trong tai ương, ông chịu đựng được nghịch cảnh một cách can đảm... Hăng hái, thông tuệ, thẳng thắn, ông hiểu ngay từ lúc đầu những việc phức tạp nhứt. Ông nhớ mọi chuyện rất tài và ông bắt chước rất dễ dàng. Ông rất cần mẫn. Ban đêm ông đọc nhiều. Ông rất tò mò tìm hiểu" (Đại Trường, 97-98).

Nếu, như cụ Trần Trọng Kim quan niệm, cuộc tương tranh Nguyễn-Tây Sơn là một chuyện "hai anh hùng đuổi một con hươu" và "mệnh trời", thì, trong cuộc đuổi này, Nguyễn Ánh, thay vì Nguyễn Huệ, là người đã bắt được hươu (4). Đó là một dữ kiện lịch sử khách quan không phủ nhận được. Nếu vậy thì người quan sát chính sự phải công nhận rằng, ngoài "mệnh trời", nhờ những đức tính nêu trên, chưa kể những đức tính và khả năng khác nữa, mà Nguyễn Ánh đã bắt được hươu, nghĩa là Nguyễn Ánh có một cái gì đó mà Nguyễn Huệ không có. Cái gì đó đã giúp ông thắng trận cuối cùng, trở lại Phú Xuân ca khúc khải hoàn trong một cuộc tranh đấu gắt gao, gian khổ, kéo dài 28 năm trời, và chấm dứt 250 năm nội chiến và đất nước phân chia.

Lịch sử của cuộc tương tranh Trịnh-Nguyễn-Tây Sơn là một lịch sử đầy bài học về chính trị và lãnh đạo. Nhưng muốn rút tỉa được những bài học thật hữu ích ta phải đọc lại lịch sử đó một cách khách quan, với một thái độ và một cách tiếp cận mới.

Ottawa, tháng 4, 1997.

☯ ***Tôn Thất Thiện***

Chú thích:

(1) Những dữ kiện lịch sử về giai đoạn này khảo trích ở ba tác phẩm sau đây:

— Phan Khoang: *Việt sử: Xứ Đàng Trong*, 1558-1777, 2 tập, Xuân Thu, Houston, Texas, in lại, 1975.

— Tạ Chí Đại Trường: *Lịch sử nội chiến ở Việt Nam từ 1771 đến 1802*, Văn sử học, Saigon, 1973.

— Trần Trọng Kim: *Việt Nam Sử Lược*, 2 tập, Đại Nam, Glendale, CA, in lại.

(2) Bằng chứng là khi Cụ Phan Bội Châu vào Nam vận động cho phong trào, có rất nhiều người hỗ trợ, và Hoàng thân Cường Để được đối xử với rất nhiều cảm tình trong giới người Nam. (Xem: Phan Bội Châu, Niên Biểu, Nhóm Nghiên Cứu Sử Địa, Sài Gòn, 1971.) Sau năm 1946, một lần nữa, miền Nam tỏ lòng quyến luyến với họ Nguyễn bằng cách tôn Cựu Hoàng Bảo Đại làm Quốc Trưởng, nhưng, trong những cuộc tiếp xúc với đại diện Pháp trong năm 1946-1947, ông này không đủ kiên quyết đòi cho được độc lập nên họ Nguyễn mất một dịp phục hưng.

(3) Ông ta có ý định phái người sang Bắc Kinh cầu hôn và đòi Quảng Đông và Quảng Tây. Đây là một hành động khiêu khích Vua Thanh. Nếu ông ta không chết năm 1892 thì không biết bang giao giữa Trung quốc và Việt Nam sẽ ra sao.

(4) Về quan điểm của cụ Trần Trọng Kim về Nguyễn Huệ và Nguyễn Ánh, xem Nguyễn Gia Kiểng, *"Về một vấn đề lịch sử"*, Thông Luận (Paris), số 108, tháng 10, 97; và Nguyễn Phương, *"Nhà Thanh, quân Thanh, và Vua Quang Trung"*, Thông Luận, số 110, tháng 12, 97.

■

Thầy cũ và chuyến đi Trung Quốc.

Vĩnh Bội

Máy bay Air China vừa đáp xuống Thượng Hải thì tôi đã náo nức mong đến ngày mai để đi Tô Châu.

Giờ đây, ngồi bên thềm chùa Hàn Sơn, đưa mắt nhìn chiếc cầu mà trước đây hơn ngàn năm, Trương Kế đã ghé thuyền một đêm trăng để viết nên bài thơ bất hủ **"Phong kiều dạ bạc"**

Nguyệt lạc ô đề sương mãn thiên
Giang phong ngư hỏa đối sầu miên
Cô Tô thành ngoại Hàn-Sơn tự
Dạ bán chung thanh đáo khách thuyền.

Cả một thời trẻ dại đã hiện về trong ký ức, với khung trường Khải Định, cha Thích trong chiếc áo tu sĩ màu đen, vừa viết xong bài thơ chữ Hán lên bảng.

Chúng tôi mài mực trong nghiên, đưa bút lông lên miệng, xoay một vòng trước khi thấm mực, và "khai bút".

Trên thời khóa biểu chỉ có một giờ "caractère chinois"' mà lại "facultatif", nên chúng tôi chỉ học qua loa, đợi giờ tan học là ùa ra sân đá banh, trái banh vỏ bưởi độn giấy, có khi quấn "bút-bút" mà sao vui thế! "Gôn" là hai cái mũ, tôi mặc áo dài đen, thủ "gôn" rất lợi hại, vì hứng được banh, không cho lọt qua giữa hai chân...

Cha bắt đầu giảng nghĩa thơ Đường, với chữ ít nghĩa nhiều, đặc biệt là âm điệu trầm bổng, và nhấn mạnh đến ba chữ *"đối sầu miên"* và *"đáo khách thuyền"*, để lũ trẻ cùng chia xẻ cảnh Trương Kế ngồi một mình, đối diện với ngọn đèn le lói và nỗi buồn dai dẳng; liệu tiếng chuông chùa Hàn Sơn vọng lại trong đêm khuya tịch mịch, có làm vơi được chút nào chăng?

Không riêng gì chúng tôi, du khách đến viếng chùa thật đông, nhất là ngày cuối năm, đợi đúng nửa đêm, để nghe hồi chuông ngân, miệng lẩm bẩm bài thơ Trương Kế.

Tô Châu có nhiều lạch nhỏ, có cầu vồng bắc qua, hai bên xây nhà quét vôi trắng, mái xám, nhìn xuống bến vì thế còn được mệnh danh là "Venise de l'Est". Tô Châu còn nổi danh về tơ lụa. Đứng trên chiếc cầu đá, nhìn xuống bến, mà mơ tưởng đến Tây Thi ngồi giặt lụa, và được Việt Câu Tiễn đem dâng cho vua Ngô Phù Sai làm vương phi. Tây Thi đẹp lắm, nhất là khi nàng cau mày thì vẻ đẹp càng tăng thêm. Ngô Phù Sai xây cho nàng một cung điện trên đồi Linh Diên phía tây nam Tô Châu. Vì say đắm Tây Thi, Ngô Phù Sai bỏ bê việc nước, nên Việt Câu Tiễn thừa thế, đem quân đánh thắng, và trả được mối thù xưa.

Năm 1282, Marco Polo có đến viếng Tô Châu, mua tơ lụa đem về La-mã qua kinh đô Trường An, mà tạo nên "Route de la Soie". Rời Tô Châu để viếng Hàng Châu, du ngoạn trên Tây-Hồ, rảo bước trên đê Bạch Cư Dị mà nhớ đến Tỳ Bà Hành...

Hôm nay cha đến sớm hơn mọi ngày, nên khi hồi trống đánh vào lớp là lúc người vừa đặt viên phấn xuống bàn. Nhìn lên bảng để thấy một lối trình bày mới; bảng đen được chia làm hai phần: bên trái là một đoạn Tỳ Bà Hành:

Tầm Dương giang đầu dạ tống khách
Phong diệp địch hoa thu sắt sắt
Chủ nhân hạ mã khách tại thuyền
Cử tửu dục ẩm, vô quản huyền...

còn bên phải là bản dịch của Phan huy Vịnh:

Bến Tầm Dương canh khuya đưa khách
Quạnh hơi thu lau lách đìu hiu,
Người xuống ngựa, khách dừng chèo,
Chén quỳnh mong cạn, nhớ chiều trúc ti...

Về sau tôi mới hiểu dụng ý của Cha là muốn gói ghém cho lũ trẻ một ít hành trang cổ thơ phú Trung-Hoa, nên cho học bản dịch hay, và dễ nhớ, rồi sau đó, nếu có ai thấy thích, thì tự tìm kiếm bản chữ Hán mà đọc. Câu chuyện Tỳ Bà Hành thật hay, làm tôi nhớ mãi. Nguyên Bạch Cư Dị đời Đường, bị giáng chức xuống làm Tư-Mã Giang Châu. Một hôm đi tiễn bạn ở bến Tầm Dương, cùng nâng ly:

Say những luống ngại khi chia rẽ

Nước mênh mông đượm vẻ trăng trong...
bỗng đâu đây (Phan Huy Vịnh dịch)
Tiếng tỳ nghe vẳng bên sông
Chủ khuây khỏa lại, khách dùng dằng xuôi...

Tìm đến người đánh đàn, thì biết nàng là gái Kinh-đô, lúc trẻ được yêu chuộng, ngày nay lớn tuổi, đành gởi thân làm vợ kẻ lái buôn.

Thi sĩ nghe chuyện nàng ca sĩ, nghĩ đến thân phận mình mà nức nở:

Tình nhân thế chua cay người lịch duyệt,
Niềm giang hồ tan tác lệ Giang-Châu.
(Vũ-Hoàng-Chương)

Dừng chân dưới gốc liễu để ngắm Tây-Hồ về thu; sương xuống che kín chân mây, không phân biệt trời nước, chỉ thấy xa xa ẩn hiện chiếc đập Tô Đông Pha. Lại một thi sĩ nổi danh đời Tống (1306-1101). Ông làm quan ở đây, xây lên con đê chống lụt, đồng thời lấy nước tưới ruộng.

Đồng bằng sông Dương Tử là chiếc nôi của nền văn minh nhà Hán. Dọc theo bờ sông, đây đó là di tích lịch sử đời Đường, Tam-quốc v.v... trong đó có Xích Bích.

Ngày mai, trên đường đi Vũ Xương, nhớ ghé bến Mã-an-Sơn. Nơi đây, Lý Bạch, trong lúc quá say, nhảy xuống sông ôm trăng mà chết

thôi thì đành thôi

Ta về thăm Sàigòn
Đứng giữa giòng người chợ Bến Thành
Nghe đất bồi hồi
Kể dông dài nỗi sầu nỗi nhớ nỗi tiếc nỗi thương
Cho chính ta
Cho chính Sàigòn
Đám tro buồn đem khơi lại
Vết thương chưa tàn

Ta dựa gốc me trong lòng công viên
Đếm tủi buồn một đời lưu vong
Trên nhánh cây cỗi mòn
Thân bèo bọt
Phận người phận cây
Những tháng những năm long đong chất chở
Lội ngược giòng bên kia sông

Muốn ở lại không đàmh tâm về
Muốn níu áo Sàigòn
Tìm bắt chuỗi ngày khôn lớn
Tuổi hai mươi
Ôi cái thuở Sàigòn đó
Hào khí ngất trời ...
Muốn ở lại không đành tâm về
Quay mặt Huế thành đô nơi sinh trưởng
Chốn xa mờ bờ bụi
Của trái me chua chấm ruốc
Nhớ tiếng hít hà xé ruột
Muối ớt với khế xanh non bên Đại Nội
Từ cửa Thượng Tứ ra chợ Đông Ba

Hái trái sầu đông, hốt ngàn bông bút bút
Quăng đầy sông Hương
Bầy cá tràu chạy chối chết
Mà tụi mình cười khúc khích quên thôi
Tuổi chó thơ ngây
Ngày Trường Tiền bay mấy nhịp
Mừng vui xô nhau qua đò
Mấy cô Đồng Khánh nhỏ xíu
Mà "hoang như giặc"!

Muốn ở lại không đành tâm về
Bịn rịn muối Mỹ Khê, Tiên Sa Đà Nẵng
Chớm dậy thì
Lớp măng nọc
Bày đặt học viết chữ YÊU
Trên trang giấy sông Hàn làm thơ tình thạch nhũ
Giọt Non Nước đá mòn
Đọng miết trên môi
Môi chưa biết thoa son đã biết thẹn thùng
Khi anh nâng cằm dạy miếng hôn nóng hổi
Trang sử tình đầu
Ta hết biết!

Cuối cùng thì cũng phải về
Về bên kia nửa quả địa cầu
Giấu chặt tình thương tuổi nhỏ
Giấu hẹn hò thanh xuân.
Quê hương ta
Nắng giãi mưa dầu
Câu "trên đồng cạn dưới đồng sâu"
Âm ỉ mãi trong lòng
Thôi thì thôi cũng đành!

Hồng Khắc Kim Mai

đuối. Vũ Xương, hai chữ nghe thân như gợi tên người bạn cũ! Phải rồi, "Hoàng Hạc Lâu" của Thôi Hiệu.

Trong tâm trí nghĩ rằng lầu Hoàng Hạc chỉ là một tháp nhỏ, hay như túp lều tranh của Đỗ Phủ, không ngờ lại là một ngôi lầu vĩ đại, xây trên ngọn đồi cao, phía dưới có sông Dương Tử lượn quanh, tưởng chừng đứng trên tháp Thiên-Mụ nhìn xuống sông Hương "échelle miniature". Đứng trên tầng cuối lầu Hoàng Hạc, đọc mấy câu thơ:

Tích nhân dĩ thừa hoàng hạc khứ
Thử địa không dư Hoàng Hạc Lâu
Hoàng hạc nhất khứ, bất phục phản
Bạch vân thiên tái không du du ...

Câu chuyện "Hoàng Hạc Lâu" thật dễ thương. Nguyên, một đạo sĩ, sau khi uống rượu ngon nhưng không có tiền trả, bèn dùng pháp thuật vẽ lên tường một con hạc vàng. Thỉnh thoảng, hạc vàng rời tranh, bay lượn vài vòng, dưới mắt thích thú của khách ăn. Nhờ thế, quán trở nên phát đạt. Vài năm sau, đạo sĩ trở lại, rồi cỡi hạc bay mất. Chủ quán nhớ ơn, bèn xây một căn lầu nhỏ lấy tên Hoàng Hạc Lâu (lầu hạc vàng). Một hôm, Lý Bạch, nhân ghé thăm Vũ Xương, thấy cảnh hữu tình, định cất bút làm thơ, nhưng ngẩng lên thấy bài thơ Thôi Hiệu trên đầu, đành cất bút và đứng lặng câm!

Riêng tôi, thì mơ màng lẩm bẩm hai câu cuối:

Nhật mộ hương quan hà xứ thị
Yên ba giang thượng sử nhân sầu.
dịch:
Chiều hôm lai láng lòng quê
Khói bay, sóng vỗ, ủ ê nỗi sầu
(Trần trọng Kim)

Ghé thăm chỗ hò hẹn của Bá Nha, Tử Kỳ ở Vũ Xương, trước khi xuống thuyền, ngược dòng Trường-giang, viếng thăm Xích Bích.

Hôm nay lũ trẻ ngồi yên để nghe Cha kể một đoạn Tam-Quốc-Chí: Năm 208 thủy sư Châu Do của Đông Ngô liên minh với quân sư Gia cát Lượng và Bàng Thống phe Lưu Bị, nước Thục để thắng một trận thủy chiến lừng lẫy đại quân Tào Tháo nước Ngụy. Bàng Thống sai gián điệp bàn kế lừa Tào Tháo thuận cho cột thuyền lại với nhau, trong lúc Khổng Minh dùng pháp thuật chuyển gió Đông Nam, rồi nổi lửa đốt sạch chiến thuyền Tào Tháo.

Hơn 800 năm sau, Tô Đông Pha, cùng bạn là Tô Tử, nhân qua Xích Bích cảm hứng mà viết nên bài phú "Tiền Xích Bích":

Nhâm tuất chi thu, thất nguyệt kỷ vọng,
Tô-Tử dữ khách phiếm châu
Du ư Trường Giang
Xích Bích chi hạ...
dịch: (Khánh Vũ)

Thu Nhâm-tuất sau rằm tháng bảy,
Ta ngồi thuyền cùng mấy bạn thân.
Trường giang tạm lánh bụi trần,
Bên chân Xích-Bích giòng ngân lựa chèo...
Quan Tào Tháo
Trên ngàn dặm, thuyền muôn vạn chiếc,
Bóng cờ bay kín nghẹt khắp vùng...
mà,
Giờ đây cũng hình hài cát bụi
Nghĩ đến thân phận con người:
Kiếp phù du phó thác đất trời.
Khác nào hạt thóc biển khơi
Buồn thay! nháy mắt cuộc đời tiêu tan.

Cuối cùng thi sĩ nhẫn nhục để hy vọng:

Nhưng xét phía dài lâu bất biến,
Vật cùng ta vĩnh viễn trên đời.
Còn chi thèm khát trông vời,
Mà gây buồn chán thốt lời bi thương?

Nếu Tô-Đông-Pha còn sống đến ngày nay, chắc thi sĩ không khỏi bùi ngùi nghĩ đến các di tích lịch sử mấy ngàn năm, rồi đây sẽ bị chôn vùi dưới đáy hồ khổng lồ, mà người ta tự hào lớn bằng hồ Michigan, sau khi chiếc đập lớn nhất hoàn cầu được hoàn tất ở Tam Hợp năm 2005! Rời Trùng Khánh, bay lên Trường An để viếng thăm Hoa Thanh Trì, ao Thái Dịch, suối nước nóng với cái ao tạc hình hoa sen, do Đường-Minh-Hoàng xây cho mình, cùng một chiếc nhỏ hơn cho Dương-Quí-Phi.

Mối tình cao đẹp được Bạch-Cư-Dị kể lại trong "Trường hận Ca". Hoa phượng nở ngoài hiên, báo hiệu hè sắp đến. Sang năm, lên lớp trên, giờ "caractère chinois" không thấy ghi trong thời khóa biểu, và tôi cũng không có cơ hội gặp lại cha Thích lần cuối.

Thu Cali 98
☯ *Vĩnh Bội*

Tiếng Việt của người Việt tại Hoa Kỳ ngày hôm nay, thời điểm 1998.

Bùi Minh Đức

Từ 1975 cho đến nay, 23 năm trời đã trôi qua. Dân Việt Nam đã dồn dập di tản, rồi di cư vào đất Hoa Kỳ sinh sống. Lần lượt, chương trình lánh nạn sơ khởi 1975 được nối tiếp bằng các cuộc vượt biển, vượt biên, các chương trình Ra Đi Có Trật Tự, Đoàn Tụ Gia Đình ODP, Cựu Tù Nhân Cải Tạo HO, diện Hôn Phu Hôn Thê PIP, diện Con Lai v.v... kết quả đã quy tụ gần 900.000 người Việt Nam trên đất nước Mỹ xa xôi này.

Với thời gian, cuộc định cư đã hoàn thành và đa số dân Việt Nam đã có một cuộc sống ổn định trên đất nước người. Họ đã thích nghi với đời sống Mỹ, đã tiếp nhận nhiều điều mới lạ của xứ người: Từ tư tưởng, phong cách cho đến cách ăn mặc và ngôn từ. Nhìn một người Việt Nam sinh sống ở đất Hoa Kỳ, ta sẽ thấy rõ ràng, họ phục sức khác hẳn với các đồng bào của họ định cư tại các xứ khác như Canada, Úc, Pháp v.v... Lẽ dĩ nhiên tiếng Việt của họ dùng cũng có phần thay đổi so với tiếng Việt thuần gốc. Họ đã xử dụng những từ ngữ địa phương pha phách vào câu nói thường ngày. Sự kiện này không mấy làm chúng ta ngạc nhiên vì cha ông tổ tiên chúng ta ngày xưa cũng đã qua cái cầu này: Ta đã Hán-hóa ngôn từ của ta khi tiếp xúc với người Tàu lan tràn từ phương Bắc xuống, ta cũng đã lấy từ ngữ của người Chân Lạp, Chiêm Thành làm của ta khi ta trao đổi với họ trên bước đường Nam tiến, và gần đây ta cũng đã đưa nhiều tiếng Pháp vào tiếng Việt trong thời gian lệ thuộc. Dần dà, tiếng Việt ta đã trở nên phong phú hơn xưa.

Cũng một quá trình, ngày hôm nay, tiếng Việt của người Việt tại Hoa Kỳ cũng đã biến đổi nhiều khi chung đụng với dân bản xứ. Nồng độ pha phách của từ ngữ ngoại nhập thay đổi tùy theo lứa tuổi. Ta có thể chia ra làm nhiều lứa khác nhau:

Từ 60 tuổi trở lên, họ còn dùng toàn tiếng Việt, chỉ thỉnh thoảng chen lẫn tiếng Mỹ vì nhu cầu mà thôi. Nhóm này, thỉnh thoảng cũng xử dụng những từ ngữ mới sau 75 từ miền Bắc đưa vào như "đăng ký", "năng nổ", v.v...

Từ 20 tuổi trở xuống, phần đông đã phải xử dụng tiếng Mỹ làm chuyển ngữ để dễ dàng diễn tả ý nghĩ của mình. Lẽ dĩ nhiên rất ít người trẻ này đọc và viết được tiếng Việt.

Đặc biệt nhất là lứa tuổi từ 20 cho đến 60, họ là những người đã có thời sinh sống và tiếp xúc với đồng bào của họ tại Việt Nam nên cũng còn nhiều "vương vấn" Việt ngữ và cũng vì phải sống với người dị chủng nên họ cũng đã có nhiều "vấn vương" với tiếng nói địa phương. Vì vậy tiếng nói của lớp người này có nhiều điểm khác nhau.

Ngôn từ của họ có thể:

1. Thuần tiếng Việt: "Tôi đi dạo chơi".

2. Tiếng Việt dặm thêm tiếng Mỹ: Tôi "busy" lắm.

3. Tiếng Việt dặm thêm tiếng Mỹ Việt-hóa, đọc theo giọng Việt (phần lớn thêm dấu huyền ở phần cuối): Ta ra phố "Bolsà" chơi, mai đi "Washingtờn".

4. Tiếng Việt dặm thêm tiếng Mỹ "phiên âm" ra tiếng Việt: xin cái "lôn" (loan), đi "Tếch-xịt" (Texas), lập cái "phao" (file), ra chợ mua "lết tích" (lettuce).

5. Dịch tiếng Anh ra tiếng Việt: "Xin cái hẹn" (appointment) thay vì "lấy hẹn". Ngoài ta tiếng Việt của họ còn có nhiều biến thiên và nhiều thay đổi:

a. Họ có thể dùng tiếng Việt khác nghĩa hoặc đảo nghĩa. Ví dụ: "Con sẽ gả thằng đó" hoặc "Con sẽ cưới thằng đó" thay vì phải nói "Con sẽ lấy thằng đó".

b. Họ nói giản dị hơn và gẫy gọn hơn ("gặp anh sáng ni, anh OK" nghĩa là "sáng hôm nay con có gặp anh, anh vẫn bình thường" hoặc "tôi bay đi New York" chứ không nói "tôi lấy tàu bay đi New York").

c. Lời nói của họ có xu hướng "bác học" hơn: họ không dùng những ta thán từ quen thuộc như hồi ở Việt Nam. Ta ít còn được nghe họ than vãn với những chữ bình dân hồi xưa như: Chèn đét ơi, Trời đất quỷ thần ơi, Chết ông bà ông vải, Cố cha mồ tổ, Đau chết bà nội, v.v... Họ thay thế vào đấy bằng những từ mới như "Oh my God" chẳng hạn.

d. Những từ họ dùng đượm nhiều thực tế hơn. Ví dụ "đi cày" (đi làm việc) hoặc "cưa" tức chia đôi đồng đều phí tổn cưới hỏi, hoặc "chồng tếch vợ ly" để ngụ ý vợ chồng cần cù làm ăn.

e. Họ cũng không dùng những chữ Mỹ dài dòng mà vẫn giữ những chữ Việt tương ứng: họ vẫn dùng chữ "bảo hiểm" thay vì "insurance", "vệ tinh" thay "satellite" hoặc "tự động" thay "automatic" chẳng hạn.

Chúng tôi sẽ ghi lại những biến đổi của tiếng Việt đang được dùng trong đời sống hàng ngày của dân ta tại Hoa Kỳ, mục đích để ghi lại vài dấu vết sinh hoạt của đồng bào chúng ta trong những năm sinh sống đầu tiên trên mảnh đất "tạm dung" đó. Chúng tôi không cố ý sắp các từ ngữ theo thứ tự A, B, C, để qua những nét chấm phá đó, quý vị có thể thấy được một cách khái quát cuộc sống mới của đồng bào mình trên đất người, một cuộc sống đầy sống động, phong phú và cũng rất đầy phong vị.

***

- Mới sắm new car, đời 98, thẳng từ dealer ra, rất good deal, fully loaded (Tôi mới mua chiếc xe mới, đời 98, lấy thẳng từ hãng ra, giá cả rẻ, đầy đủ phụ tùng).
- Tụi nó live-in (Tụi nó sống chung với nhau).
- Làm CPA (nghề khai thuế).
- Phố Bolsà, lên Washingtần, Chicagồ (thêm dấu huyền vào cuối).
- Hắn làm nghề teacher (thầy giáo).
- Xin cái hẹn, lấy cái appointment (lấy hẹn).
- Đăng ký (ghi danh: tiếng Việt mới bên nhà). Làm registration (ghi danh).
- Bị lay-off (bị đuổi sở).
- Lo quá, gần đến dead line rồi (gần đến hạn).
- Go away (tránh ra).
- Tau down quá (Tau mất tinh thần quá).
- Hắn failed (hỏng thi).
- Bị set-back (công dã tràng, thua lỗ).
- Máy bay touch down hồi 8 giờ (đáp xuống sân bay hồi 8 giờ).
- Never mind (đừng để ý đến nữa).
- Beep tôi (gọi máy cho tôi).
- Phone tôi một cái (điện thoại tôi liền).
- Tối nào em cũng đi party cả (tối nào em cũng đi dạ hội)
- Co gả nó (con lấy nó).
- Con cưới nó (nó cưới con).
- Nó (người kia).
- Phone bị busy, line bị busy (Điện thoại bị bận đường giây).
- Business tốt, tôi busy lắm (Làm ăn khá, tốt; tôi bận lắm).
- Don't bother me (Đừng làm rầy tôi).
- What's that? (Cái gì đấy?)
- Quản lý đời em (Lo cho đời em: tiếng Việt bên nhà).
- Thủ trưởng (chef, boss: tiếng Việt bên nhà).
- Boss (ông chủ).
- Dỏm (giả, tiếng Việt bên nhà).
- Phô (Photocopy, tiếng Việt bên nhà).
- Gin (nguyên gốc, tiếng Việt bên nhà).
- Xịn (thứ thiệt, tiếng Việt bên nhà).
- Ở appartment (ở chung cư). Chơi game (chơi trò chơi điện tử).
- Ở housing (ở nhà chính phủ phụ cấp).
- My Dad, my Mom, my Sis (cha tôi, mẹ tôi, em tôi).
- Child abuse (tàn nhẫn với trẻ con).
- Sex harassment (sách nhiễu tình dục).
- Đi Vây-cây-sờn (đi nghỉ, vacation).
- Cool (chịu chơi, cool babe: người con gái chịu chơi).
- High five! (chào nhau bằng cách vỗ tay, bắt tay với nhau để tỏ vẻ thân mật).
- I don't know (Tôi không biết).
- You know (Anh biết rồi đấy, tiếng đệm trong câu chuyện).
- Go, go (Tiến lên đi, làm đi).
- Let's go (Nào ta đi).
- Go to movie (Đi xem ciné).
- Làm overtime (Làm thêm giờ phụ trội).
- Đi cầy (đi làm việc, ngủ sớm ngày mai đi cầy).
- Tiền két-shờ (tiền cash, tiền mặt).
- Tiền tươi, tiền đô, tiền xanh, tiền mặt (đô-la xanh).
- Bánh bà đô làm (mua bánh bằng tiền mặt đô la).
- Cưa (chia đôi phí tổn đám cưới cưa ra, mỗi bên trai gái chịu một nửa).
- Settle down (lấy vợ lấy chồng, yên vui chung sống).

- Phôn cho tôi (điện thoại cho tôi).
- Ăn oen-phe (lãnh tiền welfare cứu trợ).
- Ăn tiền già (lãnh tiền Social Security).
- Ăn tiền tàn phế (lãnh tiền bệnh tật).
- Đi Los (Đi về Los Angeles).
- Bên Tếch-Xịt (Bên Texas).
- Bị stress (bị căng, tinh thần căng thẳng).
- Food to Go (Đồ ăn đem về nhà).
- Làm lôn, lấy lôn (loan: làm giấy tờ vay nợ mua nhà).
- Lấy cái lôn (đi vay).
- Bị ticket (Bị cảnh sát phạt).
- Cơm chỉ (đến nhà hàng bán đồ ăn, chỉ tay mua món ăn nấu sẵn đem về nhà).
- Ngồi trên xa lộ (kẹt xe trên xa lộ).
- Thau (thaw là tan rã, tủ lạnh bị hư đồ ăn bị thau cả).
- Em-Xi (Master of Ceremony, người điều khiển chương trình).
- Gà đi bộ, gà chạy (gà thịt dai, gà nuôi chạy quanh vườn, ăn ngon hơn).
- Nhảy dốp, nhảy job (bỏ sở này qua làm sở khác).
- Dốp thơm, Job thơm (việc làm tốt, con dâu tôi có dốp thơm lắm).
- Mortgage (tiền vay mua nhà).
- Yummi (ngon quá).
- Vợ chồng phải equal (vợ chồng phải đồng đều, ai cũng làm việc nhà).
- I love him, I love her (Tôi thương lắm).
- Supervisor (người cai xếp).
- Giờ break (giờ nghỉ).
- Lấy test (đi thi).
- Lấy lai-xần (lấy bằng hành nghề).
- Tao sue hắn (tao kiện hắn ra tòa).
- Bị đụng xe (bị tông xe).
- Đi picnic (đi họp bạn ăn uống với nhau ngoài trời).
- Lấy exit (đường ra khỏi xa lộ).
- Uống Coke (uống nước Coca Cola).
- Week-end (uých-ken, nghỉ cuối tuần).
- Thiệt traumatic (thiệt hú vía).
- Tôi confused quá (tôi bấn loạn cả lên).
- Hắn motivated (Hắn làm việc hăng say).
- Con bồ tôi emotional quá (con bồ tôi cảm xúc nhiều).
- Sorry (xin lỗi nhé).
- Hobby (hốp-bi, thú giải trí mình thích).
- Bụng buồn không muốn socialize với ai cả (không muốn xã giao).
- Relax! (Nằm dưỡng sức đi, đừng lo âu nữa).
- Share phòng (Thuê một phòng trong nhà người ta để ở; share phòng thường là share tình).
- Feel (you có feel như me không? em có cảm nhận như anh không?)
- Mu (move là dời nhà, mu từ bang Cali qua).
- Feel good lắm (cảm thấy tốt lắm).
- Đi travel, do some traveling (đi du lịch).
- Mean (dữ tợn, ác hiểm; con babysitter mean với baby lắm).
- Đúng fashion (đúng thời trang).
- Single mother (đàn bà không chồng nuôi con, gà mái nuôi con).
- Làm nail (làm nghề móng tay, manicurist, rất thích hợp với người mình ở Mỹ).
- Âu-nơ (owner, người làm chủ).
- Nail salon (tiệm móng tay).
- Đi ski (đi trượt tuyết).
- Làm business (mở tiệm buôn bán).
- Seat (chỗ ngồi), window seat (chỗ ngồi gần cửa sổ).
- Sharp (đẹp đẽ, you mặc bộ suit ni thấy sharp quá!)
- Sharp (thông minh, nó sharp lắm, đi interview được liền).
- Cute (dễ thương, con đó coi bộ cute ghê.)
- Nice (dễ thương, tử tế, nó nice với me lắm).
- College (Co-lét, ban đại học, lên college, vô college, xong college).
- No game (không đùa đâu).
- Nó còn single (nó còn độc thân).
- Mua Money order (mua ngân phiếu).
- Mở account (mở trương mục, làm khách hàng).
- Sale (bán rẻ, bán sale, mua sale, đồ sale).
- Enjoy (thích thú; em nói chuyện, anh enjoy quá).
- All you can eat (ăn thả cửa, buffet).
- Get in line (sắp hàng đứng chờ).
- Lấy insurance (lấy bảo hiểm)
- Ra gate (ra cổng, cổng tầu bay).
- Phôn, funds (ngân quỹ, xin funds cho có mới làm việc được).
- Refinance (làm giấy vay nợ khác, refinance nhà).
- Bi-kây, BK (Bankruptcy, vỡ nợ).
- Beeper, Bíp (máy gọi đeo theo người).
- In-com, Income (tiền làm được).
- Down, Down payment (tiền đặt cọc để mua).
- Make-up (làm đẹp, make-up cho cô dâu).

- Medical, medicare (cứu trợ y tế, y tế người già).
- For rent, for lease (nhà cho thuê).
- Làm offer (đưa ra giá cả mình muốn; làm offer mua cái nhà).
- Long term, short term (dài ngày, ngắn hạn).
- Jumbo loan (nợ loan).
- Outpatient (khu ngoại chẩn).
- Trả payments (trả nợ hàng tháng).
- Không ke (care), I don't care (không thèm để ý đến). Careful (cẩn thận, làm business phải careful).
- Đóng Bail (đóng tiền thế chân trước khi ra tòa).
- Găng (băng đảng, găng leader trùm băng đảng).
- Discount (hạ giá, được discount 10% vì khách hàng cũ).
- Phố Bôn-Xà (phố Bolsa).
- Furniture (bàn ghế trong nhà).
- Mua ticket (mua vé).
- Wedding (lễ cưới, "me" sẽ khóc khi "you" làm wedding).
- Happy, lucky (hạnh phúc, "me lucky" có "you", "me happy").
- Cưới (lấy chồng; tháng sau tôi cưới anh đó).
- Jealous (ghen tương, ganh tị).
- Turn around (quay lại).
- Parking (cho xe hơi đậu).
- Look good (được lắm, cái cà vạt looks good on you).
- Fun lắm (vui lắm, for fun).
- Funny (buồn cười chưa).
- Crazy (điên, nghịch ngợm).
- Chếch (check nhà băng)
- Pay chếch (tiền trả lương, hãng này pay check nhẹ, mình nhảy job).
- Lunch time (giờ nghỉ ăn trưa),
- Interview (phỏng vấn khi đi tìm việc làm).
- Hôn-xeo, wholesale (giá sỉ).
- Supermarket (chợ bán đủ thứ)
- Computer (máy điện toán).
- Software (nhu liệu).
- Cái phọt, form (mẫu đơn).
- Cái phao, file (hồ sơ). Bỏ băng (bỏ tiền vào băng, deposit).
- Làm Full time, làm Part time (làm toàn thời gian, làm bán thời gian).
- I am full (tôi no rồi).
- Real Estate (mua bán nhà cửa).
- Yacki (nhớp nhúa, ghê tởm, mùi xoài riêng thật yacki).
- Học-xi (horse, ngựa).
- Wait a minute (để coi nào).
- Free (không trả tiền, biếu không).
- Nothing is free (cái gì cũng có giá của nó).
- Tiền nào của nấy (đồ tốt giá đắt, đồ xấu giá rẻ).
- Bị bad breath (bị hôi miệng).
- I cannot help (tôi chặng đặng đừng).
- Thằng guy (thằng đó).
- Get along well (hợp với nhau lắm).
- Không care (không tha thiết, không đếm xỉa đến).
- Babysitter (người giữ trẻ).
- Oh well (nhưng thôi).
- Shift (phiên, kíp làm việc).
- Cali, Lốt (California, Los-Angeles).
- Good lắm (tốt lắm, chỗ làm good lắm).
- Tao mad at him (tao giận hắn quá).
- Funny lắm (tức cười lắm).
- Chồng tách, vợ ly (chồng làm technician, vợ làm assembly, ý nói vợ chồng cần cù làm ăn; chồng tách vợ ly rồi ra cũng mua nhà mua cửa).

Các thanh thiếu niên bụi đời cũng đã để lại nhiều dấu ấn mới trong đời sống hàng ngày của họ. Là một bác sĩ chuyên khoa Tai- Mũi-Họng với nhiều hạng bệnh nhân, chúng tôi đã nhiều dịp tiếp xúc với nhiều giai tầng xã hội và với nhiều lứa tuổi khác nhau. Một bệnh nhân mình xâm đầy rồng rắn, nghẹt thở lâu ngày đã được chúng tôi giúp giải phẫu với kết quả rất tốt. Bệnh nhân cảm động, ngồi tâm tình với bác sĩ. Sau đây là các từ ngữ đặc biệt, tiếng lóng của giới giang hồ, đã được chúng tôi ghi lại từ người "anh chị" đó. Người này, nay đã hoàn lương, sống hạnh phúc bên cạnh người vợ hiền, bạn đường bụi đời ngày xưa, vui với đứa con kháu khỉnh và yên phận với một cái "job" ngon lành.

- Cây gà (súng, mày có đem theo cây gà không?)
- Cò, pig (cảnh sát).
- Anh hai, anh ca (thủ lĩnh).
- Đi dập người ta (đi bắn người ta).
- Rat, nare (làm điềm chỉ).
- Đại ca, Tài lũ (big boss).
- Crew (băng, nhóm).

- Where are you from (mày từ băng nào đến?)
- Look at the babe, he got all going on (nhìn thằng đó kìa, tau chịu thằng đó).
- I feel for you (tau chịu mày).
- Who chi mama (người con gái có vẻ mất nết).
- Let's do the hanky-panky (mình làm tình đi).
- Let's do the wild thing (chơi xả láng).
- Let's get wild (làm thả cửa).
- He/she's a wild boy/girl (thằng đó, con đó ghê gớm lắm).
- Hey, cutie (này, em gái nhỏ dễ thương).
- Hey, cutie pie (con trai khen con gái).
- Hey, hunka! (con gái khen con trai).
- What cha you want (mày muốn gì?)
- What's up loc (cái gì đó mày?)
- Bud, Cro, Hein, Mil (Bia Budweiser, Corona, Heinecken, Miller).
- Dope, Crack, Rock, Speed, Angel dust (ma túy).
- Skunk, Red hair, Har. bud, Columbia (Marijuana loại ngon).
- Ses bud (Marijuana loại thường).
- Who do you kidding (mày định lừa ai?)
- J-ride (đi chung xe, lái xe đi ăn cắp).
- Cây sắt, đồ chơi, cây dập, cây gà (cái súng).
- Cho nó cục kẹo ăn (cho nó viên đạn).
- Con nhỏ bạn (girl friend, bạn gái).
- Later, mình đi chơi (rồi mình đi chơi, có nghĩa là hút sách và làm tình).
- What cha doing (mày làm cái gì thế? what are you doing?)
- Waz up (what's up, có cái gì đó?)
- Bud, weed (Marijuana).
- You want to smoke out (mày hút cần sa không?)
- Do you want to get stoned (mày ưng hút cho say không?)
- Let's get stone (ừ, mình hút cho say cho đã đi).
- That's the bomb (đã quá!)
- My old lady (con bồ tau, con vợ tau).
- Hey hon (cưng ơi).
- My old man (bồ trai tau).
- Do you want to get it on with me, let's do it (muốn làm tình với anh).
- Get lost (Đi chỗ khác chơi, get away).
- Freak off (Tao thèm vào mày!)
- Let's go kick it (Ừ, đi chơi cho relax đi).
- Let's go cruising (Lái xe đi vòng vòng chơi).
- Let's get some beer and kick back (Kiếm bia uống rồi ngồi một chỗ chơi).
- I'm crazy for you (Tau mê mày, mày làm tau mê mệt).
- I'm maddy in love with you (Tau mê mày điên dại cả lên).

*

Qua xứ Mỹ rồi, nhiều người mới chợt nhận ra rằng có lẽ không nên để người khác gọi tên họ của mình bằng tiếng Việt Nam vì có nhiều chữ Mỹ cũng có cùng cách đọc nhưng ý nghĩa thì xấu xa, không được hay đẹp cho lắm. Xin lấy vài thí dụ: tên Phúc, Phước (trùng hợp với cách đọc của một chữ Mỹ xấu xa, với nghĩa tục là "làm tình". Những tên khác như Dung, Dũng, Dõng (chữ Mỹ cùng âm đọc có nghĩa là phân) cũng trong một trường hợp tương tự. Ngoài ra có họ như họ Du (Mỹ đọc na ná như tiếng Việt, nghĩa làm tình tục tĩu) cũng cùng chung một cảnh ngộ.

Có nhiều tên và họ nếu đi đôi với nhau cũng không mấy đẹp. Thí dụ: Robert Vu (người thường đọc tắt là Bob Vu) có ý nghĩa cũng không lịch sự, nhã nhặn cho lắm.

Do đó, nhiều người Việt Nam thường đổi tên hoặc đặt tên khác để tránh bị làm trò cười cho thiên hạ. Phần lớn, họ lấy tên Mỹ cùng một chữ đầu. Ví dụ: tên Phúc thì họ lấy tên là Peter, Phil. Tên Dung thì họ đổi ra Douglas, Duke, v.v...

Nhân tiện cũng cần ghi chú là nhiều người Việt Nam qua thấu Mỹ cũng đổi cả họ, Anh ngữ hóa họ mình, để cho người Mỹ dễ đọc, dễ gọi. Ví dụ: Trịnh Long thì họ lấy họ là Long (con là Mike Long, Danny Long; ông Trương Dũng thì đổi họ là Young: con là Robert Young, Nancy Young, v.v...) để lúc đi học con cái họ khỏi bị ngượng ngùng với bạn Mỹ của chúng; ông Hoàng thì đổi là Hogan. Điều này cũng không lấy gì làm lạ vì nhiều thế hệ di dân từ các nước khác của Hoa Kỳ trong quá khứ cũng đã làm vì tên họ đọc rất khó hoặc rất dài. Điều này cũng dễ hiểu đối với các dân gốc Đức, phải Anh ngữ hóa tên họ (ví dụ Rickenbacher thành Richenbaker) để khỏi phải phiền hà với thành kiến của cư dân địa phương, nhất là trong thời kỳ chiến tranh.

***

Danh sách có vẻ dài nhưng kỳ thật đây là những chữ rất thường dùng hiện nay của dân Việt Nam tại Hoa Kỳ trong cuộc sống hàng ngày, trong những trường hợp, trạng huống khác nhau của môi trường mới của họ.

Số chữ gốc ngoài du nhập vào ngôn từ họ xử dụng thường tỷ lệ nghịch với tuổi đời của các đương sự. Đương sự còn trẻ thì tiếng Mỹ chêm vào càng nhiều, giọng nói họ càng cứng và càng ngọng nghịu.

Không phải dễ dàng gì mà các đương sự có được số vốn từ ngữ mới đó. Họ phải giao tiếp với nhau lâu ngày, va chạm với cuộc sống mới và do nhu cầu của hoàn cảnh đòi hỏi, họ mới thành thuộc những từ ngữ đó. Trong quá trình xử dụng lúc đầu, có lúc sự xử dụng cũng có phần lệch lạc nhất là ở các trẻ em mới qua Mỹ, vừa muốn xử dụng cùng lúc chữ và ý của cả hai thứ tiếng trong đầu em. Có em đã nói "Mẹ, mở trái cam cho con" thay vì "Mẹ, bóc cam cho con". Có em trả lời mẹ là "Con đã ăn hai tos bún rồi" thay vì "Con đã ăn hai tô bún rồi" vì em thấy hai tô là số nhiều cần thêm chữ "s". Có em nghe mẹ hỏi ai ưng kẹo, thấy chị đưa tay trả lời "me too" (con nữa!) thì em bé cũng la lên "me three!", lầm lẫn "too" với "two" là hai.

Chúng tôi đã nêu lên và ghi lại một vài nhận xét về Tiếng Việt của người Việt tại Hoa Kỳ ngày hôm nay, thời điểm 1998, với những biến thiên và biến thể đã và đang diễn tiến với dụng ý mong cho ngày sau các nhà ngữ học, xã hội học, các nhà nghiên cứu lịch sử di cư của dân Việt Nam, hoặc lịch sử Hiệp Chủng Quốc Hoa Kỳ sẽ có sẵn một nền tảng nhỏ bé này để đào sâu rộng vấn đề hơn với những giá trị đóng góp phong phú cho gia tài Tiếng Mẹ Việt Nam.

Để kết thúc, tôi xin viết ra một bài "thơ mới" có tính cách trào phúng do bác sĩ và học giả Lê Văn Lân, một người bạn, một người đồng hương, đã ngẫm qua trong một buổi gặp gỡ thân mật do Hội Huế — Thừa Thiên tổ chức tại Little Saigon, Quận Cam cách đây 1 năm:

CÁI SƯỚNG CỦA DÂN MỸ

Dân Mỹ "happy" thật thấu trời,
Mỗi nhà "five, six" chiếc xe hơi
"Pay check" nhìn qua "enjoy" nhé,
"Bill" nợ trả hoài, "die" người thôi.
"Furniture credit" mua tùy hỉ,
"Real-estate mortgage" góp suốt đời.
Biết rằng "too much" ôi là nợ,
Nợ lúc đầu thôi, "free" cứ chơi!

☯ ***Bác sĩ Bùi Minh Đức.***

BỖNG MỘT HÔM TRÊN SÔNG HƯƠNG

Một con đò ngang xuôi về mạn ngược
Cho tôi đi theo để thấy ngọn nguồn
Mặt nước sông Hương hôm nay đầy sao
Trăng nhễ nhại tràn lan khắp lau sậy

Gió thiu thiu dịu ngọt đến không ngờ
Tôi du khách giữa kinh thành Huế
Hành lý mang theo trĩu nặng ân tình
Kỷ niệm rưng rưng trong từng da thịt

Đò dừng lại tròng trành chào mừng tôi
Mừng khách trú lưu vong nay trở lại
Mái chèo khuya vướng từng cánh bèo trôi
Như uất nghẹn nhìn tôi nay đã khác

Một ngọn đèn khuya một con thuyền mỏng
Trôi trong đêm trôi cho hết cuộc đời
Nhẫn nhục sống nhẫn nhục cười vui khách
Trườn cho qua lết cho hết đêm nay

Giữa xênh phách câu Nam Bình thê thiết
Tiếng hò khuya nghe tan nát cung đàn
Bỗng một phút tôi nhận ra em đó
Em ngâm chi thơ tôi thuở thiếu thời

Em, là em, của tuổi hoa niên
Nhắm mắt lại một trời đầy quá khứ
Thấy tất cả tuổi yêu không giám tỏ
Nghe ngân nga thời sách vở đến trường

Chính con sông nầy em thường suôi ngược
Áo học trò nón trắng tóc ngang vai
Con thuyền mờ sáng sớm đọng sương mai
Chở em tới với bảng đen phấn trắng

Đừng hát thêm đừng đàn nữa ai ơi
Tan nát quá chùm sao khuya rớt xuống
Đã vỡ vụn mảnh trăng huyền sử cũ
Tôi và em cùng số phận lưu đày.

KIÊM THÊM

ĐÀN CON NAY LỚN KHÔN...

Từ Nguyên
Nguyễn văn Thuận

Ngày mới lớn, có một dạo tôi tập viết văn. Và câu chuyện đầu tiên, tôi viết về Huế. Tôi viết về một người trai được sinh ra và lớn lên ở Huế, nhìn Huế như một ngục tù, xem Huế như những dồn nén, những u uất, nên chỉ mong một ngày, đủ lông đủ cánh bay đi. Trong chuyện, có đoạn: "... Tôi đã chôn chặt quãng đời niên thiếu của tôi ở đó. Vậy mà hôm nay, khi sắp phải rời xa, nhìn lại, sao vẫn không có được một chút vấn vương. Không một kỷ niệm, một hình ảnh in khắc vào tâm khảm, không một vòng tay níu kéo không một người tình để nhớ. Và như thế, tôi đi. Ngày tôi rời Huế, như chim trời tung cánh, không một lần nhìn lại..."

Chuyện được một tờ báo chọn đăng. Tôi mừng lắm. Và đã có một lúc, tôi tưởng tôi là nhà văn. Ít lâu sau, tôi được nói chuyện với một người bạn, một người bạn gái. Chúng tôi phân tách về câu chuyện đó. Chị có vẻ không bằng lòng với cách nhìn của tôi về Huế của chị. Chị nói: "Tôi không nghĩ Huế đã bạc bẽo với anh đến như rứa. Huế đã cho anh một dòng sông, những ngày tháng yên tĩnh, màu đỏ hoa phượng trong ngày hè, và những ngày mưa mùa đông, và còn bao nhiêu thứ khác. Huế giúp anh gây nên mộng ước. Vậy mà anh nỡ bạc tình với Huế. Anh nhìn Huế như người thù. Cái chi đã thôi thúc anh ghét bỏ quá khứ, một quá khứ của chính anh. Anh viết về Huế, nơi cho anh chất liệu, chuyện của anh có hay, có được người ta thích, thì cũng nhờ những năm tháng anh sống, cũng nhờ cái thành phố đó, đã một cách vô tình hằn nếp trong anh. Lại nữa tôi cũng nghĩ, làm chi đến độ anh đi, mà Huế không cho anh được một vòng tay chờ đón anh về. Vòng tay mẹ cha. Vòng tay những người anh thương, vòng tay bè bạn. Làm chi mà không có một người tình để nhớ. Anh chỉ bi thảm hóa đời anh đó thôi. Răng anh không viết những chuyện đơn thuần, tự nhiên. Răng anh không viết từ những cái bình thường nhất của anh. Người ta có thương anh, có thích đọc văn anh, cũng bởi ở chính anh, bởi anh ở trong lòng họ, anh là một phần của họ, chứ đâu có phải vì những bi thảm tự tạo..."

Tôi ngồi nghe chị nói mà sững sờ, ngạc nhiên, xen lẫn chút uất ức. Chuyện là chuyện hư cấu, hay có quá lắm thì cũng chỉ muốn nói dùm người khác đó thôi. Tôi không được sinh ra và lớn lên ở Huế. Không có thời niên thiếu lặng lờ, bình yên và đẹp như dòng sông. Tôi đến Huế như người ở trọ, trong một khoảng thời gian. Nhưng tôi thích Huế, hãnh diện được biết Huế, nên vẫn thường nói về Huế như là quê hương thật sự của chính tôi. Dẫu trong sâu xa, vẫn tự biết rằng, đó chỉ là những tình cảm vay mượn người khác, vay mượn từ những người Huế thiệt, Huế cơm Hến, Huế bún bò, Huế Đại-lược, Huế Kim-long, Huế của những câu hò buồn xé lòng người.

Tôi đã không trở thành nhà văn, như chút mơ ước thời còn trẻ. Điều chắc chắn là bởi tôi không có tài, không có duyên nợ với văn chương, không chịu làm quen với chữ nghĩa, không tập tành viết lách, lòng không đủ cảm nhạy với mộng mơ. Nhưng có phải một phần cũng vì những lời chị nói, vì gáo nước lạnh dội xuống trên những háo hức. Quả tình tôi không rõ. Chỉ nhớ lại rằng, lời chị thẳng quá, thẳng, nhọn, và thực, khiến tôi cảm thấy tôi tệ quá, tệ với Huế, và tệ với chính tôi. Tôi có đủ thành thực không, hay tôi ưa bi thảm hóa cuộc đời, quen học đòi thói xấu, nhìn cái đàng sau của cuộc sống, dẫu biết rằng, cuộc đời tự nó cũng đã có quá nhiều bi thương.

Ban đầu thì cũng nghĩ rằng tuổi trẻ thường dư thì giờ cho những chuyện trời trăng. Nói rồi quên. Vậy mà cũng từ đó, mỗi khi nhớ lại, càng thấy thấm thía về những lời chị nói. Thấm thía, vì những ý từ đó, vô tình chung như ăn sâu, như trở thành cách sống, cách nhìn sự việc, cách suy nghĩ, cách lựa sách đọc... Tôi bỗng ưa cái giản hóa, cái bình thường, cái tự nó đã là vậy, và như muốn né tránh những điều bi thiết.

Bao nhiêu năm đã trôi qua. Bốn mươi năm từ lần đầu tiên tôi bỏ Huế mà đi. Ba mươi

năm từ ngày tôi được nhìn Huế một lần cuối, nhìn Huế một lần cuối trong trạng thái bi thảm nhất. Huế của những ngày sau Mậu Thân. Tôi muốn viết lại chuyến trở về ngắn ngủi ngày đó. Bao nhiêu lần muốn viết, rồi lại sợ thêm một lần bi thảm hóa quê hương, cái quê hương trong cái nghĩa là Huế. Mà không viết, thì nay tuổi đã lớn, hồi ức rỉ rét, sợ không còn khi nào viết lại được nữa.

Tôi về lại Huế ngày 28 tháng 2 năm 1968, một ngày sau khi trận chiến Mậu Thân được coi là chấm dứt. Chưa có lần nào trong đời tôi đã mong đợi một chuyến đi với nhiều khắc khoải, bồn chồn, lo lắng bằng chuyến đi về Huế năm đó.

Lúc trận chiến Mậu Thân bùng nổ, tôi đang ở Sài-gòn. Giữa khuya, giật mình thức dậy vì tiếng súng từng lúc vọng về, ban đầu còn thưa thớt, rồi càng lúc càng nhiều, càng gần, có lúc nghe như ở ngay cuối đường. Tôi gọi điện thoại cho anh tôi, hỏi xem chuyện gì đang xẩy ra. Anh tôi cũng chỉ nghe tiếng súng thật gần, lại có cả tiếng đạn pháo, mà không biết chuyện gì. Cả hai anh em đều nghĩ chắc có đảo chính. Lát sau, anh gọi lại, cho biết cộng quân tấn công Sài-gòn. Một lát sau nữa, anh cho biết cộng sản đang mở cuộc tổng tấn công trên toàn lãnh thổ. Đến gần sáng, đường giây bị đứt, hai anh em không còn nói chuyện với nhau được nữa. Sáng lại, bước ra đường, cảnh tượng ngột ngạt. Đường phố vắng tanh, không người đi lại, hàng quán không mở cửa. Nhưng đến gần trưa, dân chúng bắt đầu túa ra khỏi nhà. Sài-gòn thì khi nào cũng vậy, hình như khi nào cũng cần sống, cần di động, khi nào cũng có chút tò mò về những chuyện chung quanh, nên Sài-gòn không biết sợ. Sài-gòn lì lợm. Dẹp Bình-xuyên ở cầu chữ Y, cũng dồn về đến chật cả Chợ-lớn. Lính ông Thi đánh dinh Độc-lập cũng lấp ló bên trường Văn-khoa nhìn qua. Đảo chính ông Diệm cũng đi chung với lính, mượn súng bắn chơi vô thành Cộng-hòa. Sài-gòn sợ cộng sản, mà khi cộng sản đánh vô, cũng ráng đi xem mấy anh dép râu với mũ tai bèo. Và không biết từ khi nào, tôi cũng trở thành dân Sài-gòn. Tôi cũng hòa mình vào dòng người, nép vào tường phố, lần mò lên nhà của anh tôi ở Đa-kao. Gặp anh, tôi nói: "Mình bị nặng lắm. Tụi nó tổng tấn công, phát động tổng nổi dậy để dứt điểm miền Nam. Tỉnh nào cũng bị. Huế bị nặng nhất. Đà-lạt của T. cũng nặng lắm. Liên lạc với Huế bị gián đoạn ngay từ đêm qua". Ngưng một lát, anh tiếp: "Không biết ba mẹ ra sao , mình — nói chuyện với các em, khi nào anh tôi cũng xưng mình — nhờ liên lạc siêu tần số ra Huế, mà không nói chuyện được với ai. Một là mất hết rồi. Hai là chiến trận dữ dội lắm." Nghe anh nhắc đến ba mẹ, tôi lặng người lo lắng. Hôm đó, và mấy hôm sau, tôi ở lại với anh. Đêm đêm, hai anh em ngồi nói chuyện ba mẹ, chuyện Huế.

Từ dạo lớn lên, anh em chúng tôi bỏ Huế mà đi, để lại cha mẹ một mình với Huế. Cha mẹ ở lại, vì quen rồi, không còn muốn thay đổi nếp sống. Ở lại, cho gần mồ mả ông cha, gần bà con, lối xóm. Nhưng có lẽ cũng vì cha mẹ chúng tôi thích sống tự tại, không muốn làm vướng bận con cái.

Bốn ngày sau, chúng tôi mới liên lạc được với một người quen ở Huế, nhờ tìm dùm ba mẹ. Mười hai ngày sau, mới có được tin mừng: Cha mẹ tôi còn sống, đang trốn trong trường Trung học Kiểu mẫu. Tin chỉ có vậy.

Chiến cuộc Mậu Thân, dầu có dữ dội, thì cũng mau tàn. Sài-gòn trở lại bình thường sau chưa đầy tuần lễ. Nha-trang, dân chúng lại đi dạo biển sau mấy ngày Tết đóng cửa nằm nhà. Đà-lạt, lâu hơn, mười bảy ngày mới yên tĩnh trở lại. Chỉ có trận ở Huế là dai dẳng và tàn khốc nhất. Tin về ngày ngày cho biết Huế tan nát hết, Huế ngập trong biển máu, Huế chết trong căm thù và đói lạnh. Huế, hai bên giành nhau từng tấc đất, từng góc đường. Huế, người ta giết nhau vì những hận thù như chất chứa tự ngàn kiếp. Huế không là một chiến trường. Huế là bãi tha ma. Huế là địa ngục.

Vào tuần lễ cuối tháng 2, một Ủy-ban Tái-thiết cố-đô được thành hình ở Sài-gòn. Sài-gòn đang muốn tỏ ra có những quan thiết đặc biệt với Huế. Bao nhiêu năm rồi, từ dạo lên đường xuống đường, Sài-gòn lạnh nhạt với Huế! Cha Cao-Văn-Luận được mời làm chủ tịch Ủy-ban. Và một ngày sau khi cuộc chiến Mậu Thân ở Huế được chính thức tuyên bố chấm dứt, một phái đoàn trung ương, cùng một số thành viên trong Ủy ban Tái-thiết cố-đô được gởi ra Huế. Tôi xin được một chỗ ngồi trong chuyến máy bay đặc biệt đó. Nại cớ là một người đã sống lâu ở Huế, tôi xin đi để làm một phúc trình cho thật chính xác về tình hình ở Huế, để xem có cái gì có thể làm ngay được cho Huế.

Xuống máy bay, nhìn quanh, Phú-bài ngày đó như cảnh tượng trong phim chiến tranh. Vùng đất cát hoang

vắng ngày nào bấy giờ là một trại lính khổng lồ, trùng điệp công sự phòng thủ và chiến đấu, bọc quanh bởi những rừng thép gai. Những người lính Mỹ vẫn còn trong vị thế tác chiến, căng thẳng như cái nguy còn kề cận. Lác đác vẫn còn những tràng súng nổ đâu đó. Bệnh viện dã chiến tràn ngập xe cứu thương. Thương binh nằm đầy trong các lều vải, nhìn vào như chỉ thấy có máu. Và không phải chỉ có những người lính đang oằn oại đau đớn, mà cả trẻ con, người già, phụ nữ. Đạn bom như không chừa một ai.

Người sĩ quan có nhiệm vụ đón tiếp phái đoàn đưa cho chúng tôi mỗi người một chiếc nón sắt. Có chút sợ hãi trên khuôn mặt ít nhiều người. Có chút ngần ngại khi phải đội chiếc nón sắt lên đầu. Hình như cuộc chiến thật là bi thảm đó, thật là gần gụi đó, đã kéo dài trong bao nhiêu năm, như vẫn còn xa đối với một số người. Hình như chỉ có một số người nào đó là đang lao đầu vào cuộc chiến. Hình như chỉ có một số người nào đó là có trách nhiệm trong cuộc chiến. Một lớp người được giao cho nhiệm vụ hy sinh. Còn một giai tầng khác sống hưởng thụ, bình yên, và có phần dửng dưng.

Rời Phú-bài, chúng tôi mười mấy người, dồn đống trên một chiếc xe Dodge-4 không mui. Xe cộ bị hủy phá gần hết. Xăng nhớt cũng đã cạn. "Xin quý vị thông cảm", người sĩ quan nói với chúng tôi. Anh ít nói. Anh không nói những điều không cần thiết. Anh cũng không nói đến cả những điều cần thiết phải nói. Mặt anh lạnh, như cam chịu, như còn vương hãi hùng, khuôn mặt của một người chán ngán đến cùng cực. Anh câm nín. Và Huế như cũng im lặng hẳn đi. Chỉ có những tiếng động. Nhưng không có những tiếng động của sinh vật. Chỉ có những tiếng động của chiến tranh.

Đoạn đường mười hai cây số từ Phú-bài về Huế dài như bất tận, chúng tôi phải đi mất hai tiếng. Đường lởm chởm đá, bị hủy phá chỗ lồi, chỗ lõm. Cầu gãy. Hố sụp. Bên đường vương vãi xác người, những manh chiếu che vội hình hài, và những đám cháy, những căn nhà đang bốc khói. Cây cối trụi lá, gốc trốc. Chúng tôi như đang đi vào tử địa. Mà thật vậy. Chúng tôi đang đi vào thành phố Huế.

Từ An-cựu đi vào thành phố, mới thấy hiện rõ cái khốc liệt, cái tàn nhẫn, cái thê lương của chiến tranh. Thành phố như chỉ còn là những đống gạch vụn, những hố bom. Khu Morin cũ, nơi khuôn viên viện đại học sụp đổ từng nơi, tường mái loang lổ vết lửa đạn. Cầu Tràng-tiền lại thêm một lần đón nhận sự hất hủi, sự giận dữ, hờn ghen của đất trời, sụp đổ, quằn xuống trong giòng sông. — Sắt thép cũng biết quằn quại. — Con đường Lê-Lợi, đẹp và sang cả nhất thành phố, cũng tan nát hết, bệnh viện cũng tan, các cơ sở hành chánh cũng tan. Không có chi còn nguyên vẹn nữa.

Hai anh em chúng tôi nhờ xe đưa về nhà cha mẹ. Nhảy xuống xe, chúng tôi đứng lặng người nhìn vào. Nhà đâu còn nữa. Chỉ còn là đống gạch vụn. Ba mẹ đâu rồi. Chúng tôi lần mò leo qua đống gạch, đi vào sân sau, thấy còn căn nhà bếp và nhà cầu còn nguyên mái. Chúng tôi cất tiếng gọi ba mẹ. Như từ trong mộ huyệt, ba bước ra, mẹ theo sau. Cha cầm tay hai đứa chúng tôi lắc lắc, mà không nói nên được lời nào. Mẹ ôm chặt hai đứa chúng tôi. Nước mắt dàn dụa. Mẹ cũng không thốt lên được lời nào. Cha mẹ chúng tôi còn tê dại bên lề cái chết, nét mặt còn đầy hãi hùng, còn thất thần. Ba mẹ mới tìm về nhà được hai hôm.

Dạo Huế bắt đầu bị pháo kích, cha tôi mua bao cát bọc quanh bộ phản nơi nhà ngang, làm chỗ trú ẩn. Vừa giao thừa xong, khi những quả pháo đầu tiên dội vào thành phố, cha mẹ chúng tôi vội chun vào hầm. Chỉ ít phút sau, pháo rơi trúng giữa nhà. Gần sáng, quơ quào được chút gạo, cha mẹ chúng tôi theo đoàn người chạy loạn, càng lúc càng đông hơn, cuối cùng về được nơi tạm trú. Hơn ba tuần lễ trốn tránh trong trường Trung học kiểu mẫu, cha mẹ chúng tôi đã được chia xẻ cái số phần may mắn của đoàn người được giải cứu, được bảo vệ, ngày càng đông, ban đầu chỉ vài trăm, lần hồi lên đến hàng ngàn, đến cả chục ngàn. Dầu đói khát, mưa lạnh, ốm đau, đứt ruột vì những mất mát, dầu lòng nặng chĩu tang thương, thì đoàn người lánh nạn đó cũng là đoàn người được hồi sinh.

Khi chúng tôi về đến, cha mẹ chúng tôi đang dùng bữa. Nhìn chút cơm trong chiếc nồi nhỏ, nhìn chút nước mắm cạn trong chén, tất cả chỉ có vậy, rồi nhìn qua ba mẹ, da bọc xương, chân đứng không vững, âm thầm, mệt mỏi, héo hắt. Râu tóc cha tôi bạc trắng, mọc dài như cả năm không cắt cạo. Tôi nói: "Sao ba không cạo râu đi, trông ba bơ phờ quá". Ba trả lời: "Không có dao. Mất hết rồi". Mất hết rồi, cả một cuộc đời khó khăn dành dụm. Mất hết rồi, những thân thương, những bè bạn, cả một cuộc đời chắt chiu. Cha mẹ chúng tôi vừa trở về hai hôm

trước, ráng đào bới trong đống gạch, trong đổ nát, được mấy cái áo quần rữa mục, ẩm ướt, tấm chăn, chiếc chiếu, để tạm che thân. Sức già không còn hơi lượm lặt chút kỷ vật còm cõi. Tuổi già, không còn ngày tháng đào bới một quá khứ bị chôn vùi. Mất hết rồi. Bao nhiêu người đã lâm vào trạng huống như thế.

Người Huế không ai giàu. Ráng lắm thì cũng chỉ đủ ăn, có chút của để gọi là giàu. Còn người giàu thiệt thì tìm phương khác lập nghiệp. Căn nhà dựng lên, có khi phải từ đời này qua đời khác. Những vật dụng trong nhà, từ chiếc giường ngủ, cái bàn, bộ ghế, chiếc chén, đôi đũa, cũng là từ những dành dụm khó khăn mới có được. Chiếc lon sữa bò đong gạo, mấy chai đựng nước mắm có khi cũng từ đời mẹ chuyền qua con. Và còn nữa, bao nhiêu thứ vụn vặt, những hộp bánh qui cất dấu ít hình ảnh ông bà, con cái, bè bạn, cất dấu từng lá thư, hàng chữ những người thân quen, những tờ giấy ban khen trường cho con thời con còn nhỏ, đi học trường làng. Những cái thật nhỏ. Nhưng đó là những mảnh đời của mẹ cha, mẹ cha bám víu vào đó, trân quí, nâng niu, để lâu lâu ngồi ráp nối lại, tìm cho mình một nụ cười. Huế là vậy đó. Người Huế là vậy đó. Cha mẹ chúng tôi là vậy đó. Bây chừ mất hết rồi. Sắt thép còn quằn xuống. Lòng người quặn đau. Không buồn răng được.

Và cái đau thương đó đã trải ra trên khắp thành phố Huế. Cái đau thương đó còn kinh khủng, còn bi thảm hơn nhiều. Trong 4 tiếng đồng hồ sau đó, tôi nhờ một người lính chở xe Honda đi tìm lại thành phố của một thời tôi đã sống. Tôi ngồi ở yên sau, ngơ ngác tìm kiếm. Không còn một cái gì là Huế của tôi ngày cũ. Không nơi đâu không có dấu vết đạn bom, tàn phá, không nơi đâu không có những nức nở nghẹn ngào, không nơi đâu không có những xác người. Tôi đã đứng bên những nấm đất vùi tạm thân xác anh em, bà con, bè bạn, bấy giờ đã sình thối, bốc mùi tử khí. Tôi đã được nghe bao chuyện thương tâm, được thấy bao nhiêu cảnh xé lòng. Hầu như không nhà nào không có tang tóc. Tôi nhìn lại các anh chị bà con, tôi nhìn lại bè bạn, nhìn những khuôn mặt hao mòn, xanh xao, vì sợ hãi, vì kinh hoàng, vì đói khát, vì thất vọng.

Như một tình cờ, tôi đã có được nhiều cơ hội đi và thấy những hoang tàn, gãy đổ của đất nước qua 30 năm chinh chiến. Nhưng tôi chưa bao giờ được thấy cái không khí hận thù lên đến độ cao như vậy giữa những người anh em qua cuộc chiến Mậu Thân ở Huế. Cuộc chiến của chúng ta đã vùi sâu hàng triệu người vào mộ địa. Cảnh vợ mất chồng, con mất cha, mẹ mất con, đã từ lâu là chuyện thường tình. Đã có những vụ pháo kích giết chết hàng trăm thường dân vô tội. Đã có những bãi chiến trường ngập máu với bao đoàn quân hàng trăm, hàng ngàn binh sĩ bị xóa tên. Đã có những vụ đặt bom, gài mìn khủng bố, những viên chức xã ấp bị giết vì hận thù. Nhưng âu đó cũng chỉ là những hệ quả của chiến

HUẾ MỘNG

Đêm ngủ, sao lòng ta vẫn thức?
Canh dài, quơ mãi cánh tay không
Gối đầu lên vũng khuya hoang vắng,
Thấy giá băng tê buốt cả lòng...

Có phải em vừa qua giấc mộng
Chợt buồn như thuở mới yêu nhau
Nụ cười trắng những đêm thương nhớ
Ta bỗng rưng rưng một mối sầu

Ta chợt nghe lòng nhớ Huế xưa
Nhớ con dường mộng, bóng mây đưa
Áo hoàng hoa với chiều sương phủ
Gió rét sông xa buổi chớm mùa

Em diễm kiều như một đóa hồng
Thu pha màu tóc vẫn mênh mông
Hài xuân bước giữa lòng hoa bướm
Ta bốn mùa ôm nỗi nhớ mong.

Giấc ngủ đơn côi, nặng cảm hoài,
Gối hoa còn vẳng tiếng Nam ai
Nghìn thu một ánh trăng huyền thoại
Hoa cỏ còn thơm dáng Liễu trai.

Nguyễn Huy Phước

tranh. Đạn bom không có mắt. Và những mục tiêu chiến thuật, chiến lược có khi cũng đã xóa đi nhân tính, dìm con người xuống hàng thú vật. Nhưng với Huế ngày đó thì không vậy. Huế ngày đó không là bãi chiến trường, là nơi tranh thắng, là địa bàn cần dứt điểm. Huế ngày đó là một vũng bầy nhầy máu thịt hận thù của một lũ cuồng nhân cơ hội, thể nhân bất túc, vừa tự ti, vừa tự tôn trong bản chất, vùng lên trong men chiến thắng.

Cuộc chiến Mậu Thân không phải chỉ bắt đầu trong đêm 30, rạng sáng mồng một Tết năm đó. Cuộc chiến Mậu Thân đã được sửa soạn từ nhiều tháng, nhiều năm trước. Đường tiến quân, địa điểm đóng chốt, danh sách những tội đồ của nhân dân đã được ghi thảo từ những đứa con của xứ Huế, những đứa con được nuôi dưỡng từ nguồn nước, từ cơm gạo của xứ Huế. Và trong bản danh sách tội đồ được ghi rõ từ tên tuổi, chỗ ở, đến dòng họ, bà con, anh em, là những người có khi đã sống cùng họ dưới một mái nhà, trong chung một cư xá, cùng là láng giềng. Đó là những viên chức chính phủ, những binh sĩ, sĩ quan đã rõ ràng đứng trong chiến tuyến đối nghịch. Là thầy giáo, là bác sĩ, là những người có quá trình sinh hoạt đảng phái. Là những người không là gì cả, nhưng có thể đã lỡ lời, lỡ miệng, khiến bọn họ phiền lòng. Là những người có thể chưa một lần cầm súng trên tay, chưa một lần làm tróc vảy trầy da bất cứ một người nào khác. Là những con người cần cù, lương thiện suốt cả cuộc đời đi làm kiếm đồng lương nhỏ nuôi sống gia đình... Và khi cuộc chiến bùng lên, khi những người bên này đã bị đẩy ra khỏi vòng đai thành phố, thì những kẻ nằm vùng trỗi dậy, biểu thị quyền uy, ra oai sinh sát, vay trả oán ân.

Có lẽ có đến cả hàng trăm người dân vô tội bị chết trong lửa đạn. Nhưng đã có đến hàng ngàn nạn nhân bị truy lùng, bắt bớ, khủng bố, giam cầm, tra tấn, thanh toán và cuối cùng, bị thảm sát trong những hố chôn người tập thể, nạn nhân của một hành động trả thù khi đế quyền vuột khỏi tầm tay sau mấy tuần ngắn ngủi. Bao nhiêu ngàn người? Bốn ngàn, năm ngàn, hay bảy ngàn. Không ai biết rõ.

Và Mậu Thân của Huế là vậy đó.

Tôi đã được thấy, được nghe bao nhiêu là bi thương, bao nhiêu là hy sinh quá đáng, hoặc không đáng của dân tộc, bao nhiêu đổ nát vì binh lửa chiến tranh. Tự khi còn nhỏ, tôi đã được chứng kiến thành phố Vinh sụp đổ trong một sáng một chiều qua chiến dịch Tiêu thổ kháng chiến. Vinh là thành phố kỹ nghệ lớn nhất của miền Trung, và cũng là thành phố lớn nhất nằm trong sự kiểm soát của chính quyền cộng sản sau 1945. Lo sợ quân Pháp trở lại, Việt-minh ra lệnh cho dân phải tự mình đập tan nhà cửa, triệt hạ công sự. Chỉ trong một sáng một chiều, thành phố trở thành bình địa. Vinh đã chết từ ngày đó, chết vĩnh viễn, mà không để lại một thương tiếc dài lâu. Tinh thần người dân còn cao, và nghĩa của hai chữ Tự Do, Độc Lập còn quá quí báu. Tôi cũng có dịp sống ở Hớn-quản, cái quận lỵ nhỏ bé, đìu hiu vùng biên giới Việt-Miên, được tách ra từ Thủ-dầu-Một, để trở thành tỉnh lỵ Bình-long vào những năm cuối thập niên '50. Chơn-thành, Xa-Cam, Xa-Cát, đồn điền đất đỏ, là những vùng đất, những địa danh quá quen thuộc với tôi. An-lộc chỉ gồm một khu phố nghèo nàn, với dăm ba cơ sở hành chánh, quân sự. Tôi đã trở lại nơi đó, sau ngày tái chiếm Bình-long, để chỉ còn thấy một bãi hoang gạch đá, và khu nghĩa địa sơ sài của những người hùng Biệt kích. Tôi cũng có dịp về lại Quảng-trị sau mùa hè đỏ lửa, để được cảm thấy cái yên lặng của một bãi tha ma từ bên kia bờ sông Mỹ-chánh, trải dài cho đến bên này Thạch-hãn. Lòng tôi đã nhiều lần chùng xuống, lặng đi trong cái tang thương của đất nước, của dân tộc. Nhưng Vinh đã mờ đi trong ký ức của tôi. An-lộc chỉ là một bãi chiến trường theo đúng nghĩa của nó. Quảng- trị ngày nào thanh bình, xây dựng lại. Chỉ riêng lần ra Huế năm đó, giữa cái tàn phá của chiến tranh, trong cái thẫn thờ thất thần của người dân Huế, tôi mới cảm nhận được cái thê lương của một thành phố giấy chết, và cái hận thù giữa những người cùng nòi, cùng giống, đã một thời xử sự với nhau như là anh em. Ngày tôi rời Huế, vẫn nghĩ Huế ngàn năm không đổi, vẫn vậy thôi ngày tôi trở lại. Ngày về năm đó, tôi mới cảm thấy cái thấm thía của mất mát.

Huế, thành phố của ngàn năm gìn vàng giữ ngọc, cố đô của Nguyễn triều, cái nôi của văn hóa, niềm kiêu hãnh của dân tộc, cuối cùng đã chết trong tay những người con dân xứ Huế. Có phải chăng, Huế đã chết chính vì phản bội, vì những dồn nén,... Hay vì những hờn ghen của đất trời. Huế đã trưởng thành, đã lớn lên trong vòng ôm của lịch sử. Huế đã tạo nên lịch sử, và cũng đã bao nhiêu lần, lịm chết theo lịch sử.

Huế đã làm chi nên tội. Huế, xứ của cơm ăn không đủ no, áo mặc không đủ ấm, đã làm gì để phải chịu bao nhiêu khốn khổ, bao nhiêu thảm họa. Từ thất thủ kinh đô, đến Cần Vương khởi nghĩa. Từ trời đày cơn lụt mỗi năm, đến lên đường, xuống đường, đến Mậu Thân. Huế, tiếng là xứ ngàn năm văn vật, nhưng thế hệ này qua đến thế hệ khác vẫn sống nghèo đói tù hãm. Huế nuốt kiêu hãnh mà sống qua ngày. Huế, nhẫn nhịn để giữ lấy cái gia phong, nền nếp. Huế, khắt khe với chính mình để tạo những mẫu mực giá trị cho con cháu. Trên tất cả mọi lãnh vực, Huế đã đóng góp thật nhiều, đã hy sinh thật nhiều, để rồi cuối cùng cũng chỉ nhận được sự hờn ghen của trời đất, những bạc đãi, phản bội của tình người.

Chiều hôm đó, cha mẹ chúng tôi không chịu theo các con vào Sài- gòn. Cha mẹ chúng tôi cam ở lại trong mái nhà ngang nửa phần đổ nát, cam nuốt miếng cơm gạo hẩm với chút nước mắm cặn đưa trôi, cam đành run rẩy trong cái lạnh mùa đông thấm sâu da thịt. Cha mẹ chúng tôi ở lại vì "bà con chết nhiều quá, mình bỏ mà đi răng đành khi chưa thắp cho họ một nén hương", vì "bà con mình khổ quá, mình đi tìm cái sướng răng được".

Viết lại về Huế những ngày sau Mậu Thân, tôi không có ý viết lại ít trang sử, hay hư cấu một câu chuyện thương tâm. Tôi không đủ văn tài để làm được những chuyện đó. Lại nữa, câu chuyện Mậu Thân ở Huế, tự nó, cũng đã quá thương tâm rồi. Tôi chỉ muốn ghi lại một chuyến đi 6 tiếng đồng hồ ở Huế, viết lại chút tình riêng, nhớ về cha mẹ, về những người bạn, về những ân tình của tôi với Huế.

Đã có biết bao nhiêu tác phẩm giá trị đã được viết nên từ trong đổ nát của cái thành phố đó. Người Huế có ai không đọc "Giải khăn sô cho Huế" của Nhã Ca. Riêng tôi, tôi còn nhớ một bài ca, bài "Cơn mê chiều" của Lê Minh Khôi viết sau Mậu Thân. Bài này được Phạm-đình-Chương cho là một trong những bài nhạc hay nhất của thời chinh chiến, mà ông gọi là thời kỳ sau-tiền-chiến. Lời ca như sau:

Chiều nay không có em
Mưa non cao về dưới làng
Đàn con nay lớn khôn
Mang gươm đao vào xóm làng
Chiều nay không có em
Xác phơi trên mái lầu
Một mình nghe buốt đau
Xuôi Nam-giao tìm bóng mình
Đường Nội thành, đền xưa ai tàn phá
Cầu Tràng-tiền bạc màu, loang dòng máu
Hương-giang ơi, thuyền neo bến không người qua đò
Một lần thôi, nhưng còn mãi
Và chiều nay không có em, đường phố cũ chân mềm
Tôi là người khai hoang
Đi nhặt xác mình, xác người
Cho ruộng đồng xanh màu
Cho nắng mới lên cao
Và người ơi xin chớ quên
Người ơi xin chớ quên
Đường vào thành, hàng cây trơ trụi lá
Đồi Ngự-bình, thịt xương phô sườn đá
Kim-long ơi, bờ lau ngóng chuông chùa tắt rồi
Một lần thôi, nhưng còn mãi
Và chiều nay không có em
Đường phố chẳng lên đèn
Tôi là người trong đêm
Mang ngọn đuốc về Nội thành
Xin làm người soi đường
Đi xóa hết đau thương
Người ơi xin chớ quên

Bài này sau '75 không còn mấy ai nhớ đến nữa. Có lẽ không mấy ai muốn nhớ lại một nỗi đau của quê hương. Cũng như không có ai cứ mãi gặm nhấm một nỗi buồn.

Ba mươi năm đã qua rồi. Thịt xương cũng đã rữa nát cùng với cỏ cây. Đàn con nay lớn khôn, ngày đó đem súng đạn về thành, giết anh em, bà con. Đàn con nay lớn khôn, hôm nay tứ tán quê người. Huế cũng vẫn là Huế hôm nao, vẫn lặng lờ, vẫn chật vật, vẫn dính chặt với chút tình chất chiu.

Đàn con nay lớn khôn, có ai nghĩ làm chút chi cho Huế.

☯ ***Từ-Nguyên Nguyễn Văn Thuận***
Houston, 24 tháng 4, 1998

Nguyễn Lý-Tưởng

CẦU NGÓI THANH TOÀN

"Ai về Cầu Ngói Thanh Toàn,
Cho em đi với một đoàn cho vui"
(Ca dao xứ Huế)

Trung trở về Huế vào một đêm cuối năm 1959, sau lễ Giáng Sinh. Trời rất lạnh, chàng chỉ có một chiếc áo mong manh mang từ Sài Gòn ra với một túi hành lý toàn là sách báo cũ mà chàng thu nhặt bấy lâu. Trời Sài Gòn vào mùa nầy ban ngày rất nóng nhưng ban đêm thường hay có sương và thoảng cơn gió lạnh, chỉ cần một chiếc chăn mỏng cũng đủ ấm rồi, không cần đến áo len hoặc chăn bông như ở Huế hay miền Bắc.

Tàu đến sân ga gần 11 giờ đêm, giờ nầy chắc mọi người đã ngủ ngon giấc rồi. Trung vừa bước xuống tàu, một cơn gió lạnh ập đến làm chàng run lên cầm cập. Trung vội khoác lên người chiếc áo đi mưa để cho đỡ lạnh. Trời lất phất mưa càng làm cho chàng cảm thấy ướt át và lạnh lùng hơn. Trong túi chàng chỉ còn năm chục đồng bạc. Số tiền đó chàng dự trù sống qua hai ngày ở Huế để đi tìm bạn bè nhờ giới thiệu cho một chỗ dạy kèm trẻ em tại tư gia để có nơi ăn chốn ở hầu tiếp tục học.

Trước đây, Trung cũng đã một thời sống ở Huế, nhưng vì có máu giang hồ trong người và bị hấp dẫn bởi câu ca dao:

"Đi cho biết đó, biết đây,
Ở nhà với mẹ, biết ngày nào khôn."

nên đã từ giã mẹ ra đi...

Ngày Trung từ biệt Huế cùng người bạn bước lên tàu, lòng chàng bỗng nhiên the thắt lại. Chàng rất thương mẹ, nhưng cảm thấy xứ Huế quá nhỏ bé, quá quen thuộc. Chàng muốn đi vào Sài Gòn, thủ đô của Miền Nam, một thành phố lớn với nhiều cơ quan báo chí, truyền thông, nhân tài trong nước góp mặt về đây. Một thành phố đang phát triển mọi mặt, nơi có nhiều hấp dẫn tuổi trẻ với nhiều ước vọng tương lai. Sài Gòn là hòn ngọc viễn đông, *Le perle de l'Orient* như người ta thường ca tụng. Hồi ở Huế, thỉnh thoảng chàng cũng làm thơ, viết truyện ngắn gởi đăng các báo ở Sài Gòn nên cũng quen biết với một số bạn trẻ trong giới báo chí ở đấy. Trong đầu óc của Trung hồi đó cứ nghĩ rằng muốn tiến xa hơn trên con đường văn nghệ thì phải vào Nam, vào Sài Gòn. Nơi đây mới có điều kiện phát triển tài năng của chàng.

Trung cùng một người bạn cũng thuộc giới thích thơ văn như anh, đi xe lửa từ Huế vào Đà Nẵng rồi vào Quảng Ngãi, ở lại đó mấy hôm đợi quá giang xe vào Sài Gòn. Đến Nha Trang, người bạn ở lại tìm việc làm, còn Trung tiếp tục ra đi. Làm báo, đó là điều chàng ước mơ nhất vào thời buổi đó. Lâu lâu chàng đem khoe bạn bè một sáng tác mới vừa đăng báo Văn Nghệ Tiền Phong hay báo Bông Lúa là một trong hai tờ tuần báo có nhiều độc giả thời bấy giờ. Nhưng đi xa Huế chàng lại thấy nhớ, thấy thương. Hồi đó Trung chưa yêu ai và cũng chưa ai yêu chàng. Nhưng chàng vẫn cảm thấy có một hình bóng nào đó ở Huế đang trách móc, đang chờ đợi, đang nhớ nhung mình.

Sống ở Sài Gòn quá xô bồ, chen chúc, vật lộn với vật chất, vất vả từng giờ, từng ngày. Rồi việc học hành cũng lắm trở ngại. Làm thơ, viết văn, giao thiệp bạn bè... những chuyện đó đã làm cho chàng mất nhiều thì giờ. Trung quyết định trở về, nếu không thi vào được một ngành chuyên môn thì cũng nên về thăm mẹ, thăm Huế một chuyến...

Trung gọi một chiếc xích lô:

— Về đường Phan Chu Trinh, gần cầu Phủ Cam bao nhiêu?

— Đêm hôm khuya khoắt, cậu cho xin 20 đồng.

— Đồng ý.

Chàng quyết định đến nhà Thu, người bạn văn chương ngày trước, xin trọ qua một đêm, sáng ra sẽ tính. Xe ra khỏi sân ga, men theo con đường dọc bờ sông An Cựu ánh đèn điện mờ mờ trong màn sương đêm. Chàng co ro trong chiếc áo đi mưa, run lên từng hồi. Mấy năm ở Sài Gòn chẳng khi nào chàng gặp cơn gió lạnh và mưa rét như thế nầy. Ngang qua cổng nhà Thu, một ngôi nhà cổ kính, kín cổng, cao tường. Thu ở đây với bà cô tuổi đã già, có chồng là người ngoại quốc, một thời giàu có. Người chồng của cô đã chết, để lại nhà cửa, vườn tược và một dãy phố cho thuê. Ngôi nhà chính rộng mênh mông dùng làm từ đường cho dòng họ, căn giữa đặt bàn thờ ông bà tổ tiên, bà cô ở căn bên phải, phần còn lại là giang sơn của Thu. Chàng có mấy tủ sách quí giá và một bộ bàn ghế cổ, mấy tấm phản gõ dùng làm chỗ nghỉ ngơi, nằm ngủ. Bạn bè trong giới văn nghệ thường đến đây chơi, uống trà, đọc sách, trò chuyện. Trước đây Trung cũng thường lui tới nhà nầy, có khi ở lại dạy cho các em của Thu học. Bà cô của Thu cũng quí mến chàng như con cháu. Cô ít khi ở nhà, cha mẹ và các em ở nhà dưới nên một mình Thu tha hồ tiếp đón bạn bè.

Đến trước cổng nhà Thu, Trung đưa tay ra hiệu cho xe ngừng lại. Chàng để đồ đạc trên xe và nói:

— Xin bác cho ngừng xe ở đây, đợi tôi vào nhà liên lạc trước xem có ai không đã.

Trung bước xuống xe, mở cổng vào. Chàng đến chỗ cửa sổ phòng của Thu gõ mấy tiếng, nhưng không có ai trả lời. Người nhà cho biết Thu đi chơi chưa về nên Trung buộc lòng phải trở ra năn nỉ ông xích lô:

— Bạn tôi không có nhà, nhờ bác cho tôi đến đường Quỳnh Lưu, khu vực Dòng Chúa Cứu Thế tìm nhà bà con... bác tính thêm tiền xe.

Từ nhà Thu đến đường Quỳnh Lưu phải qua cầu Lò Rèn, chừng mười lăm hay hai mươi phút nữa. Đến nhà bà chị họ, Trung vào gõ cửa. May quá, bà chị rất vui vẻ và sẵn sàng đón tiếp chàng. Trung trao cho ông xích lô tấm giấy năm mươi đồng và nói:

— Gia tài sự nghiệp của tôi chỉ còn bấy nhiêu đây thôi, bác tính cho bao nhiêu tùy bác...

Ông xích lô nhìn Trung:

— Cậu làm gì?

— Tôi là học sinh, từ Sài Gòn ra, hiện chưa có chỗ trọ...

— Thôi, cậu giữ lấy số tiền đó mà dùng tạm ít hôm...

Trung không chịu và trao hết số tiền cho ông xích lô. Ông cũng không nhận.

— Tôi cũng gặp nhiều người hoàn cảnh như cậu, có khi còn khổ hơn cậu nữa. Cầu Trời cho cậu may mắn...

Nói xong, ông đạp xe đi ngay. Trung chạy theo hỏi tên và địa chỉ, nhưng ông chỉ đáp lại:

— Thành phố nầy nhỏ hẹp, đi mô rồi cũng có ngày gặp lại...

Trung bỗng để ý đến số xe 065 và nghĩ bụng: "Rồi sẽ có ngày đền ơn..."

Nhà ga Huế lúc bấy giờ có những quán chè, trái cây xay gọi là nước sinh tố, cà phê, bún bò, phở, cơm v.v. nổi tiếng nhất là quán Trang Điểm. Trang và Điểm là tên của hai chị em quê ở Quảng Trị, cha làm nghề lái xe lửa nên cuộc đời của hai cô con gái cũng có nhiều gắn bó với nhà ga. Hai cô có nhan sắc trang nhã, ra dáng học sinh sinh viên, lại ăn nói dịu dàng, dễ nghe và không có thái độ lả lơi khi tiếp khách. Vì nhà nghèo, cha chết sớm, mẹ già bệnh hoạn nên hai cô bỏ học ra mở quán cà phê... Trên một chuyến tàu từ Huế ra Quảng Trị, tình cờ Trung gặp bà mẹ của Trang Điểm, nói chuyện mới biết bà cũng có họ hàng bên ngoại của chàng. Bà giới thiệu Trung với hai cô con gái của bà và có ý nhờ chàng giúp đỡ, bênh vực cho hai cô với bạn bè khi cần. Vì thế thỉnh thoảng chàng đến quán Trang Điểm và cũng không ngần ngại giới thiệu với bạn bè trong giới sinh viên hai cô là em họ của chàng. Hai cô cũng thành thật quí mến chàng như người anh ruột. Trong bạn bè của Trung cũng có người đem lòng thương mến hai cô...

Mấy năm sau, Trung vào học Đại Học Văn Khoa và Sư Phạm, vừa xin được chỗ dạy ở các trường tư như Jeanne d'Arc, Thiên Hựu, Pellerin, vừa có học bổng vừa có tiền đi dạy, đời sống của chàng khá ổn định và đầy tin tưởng ở tương lai. Một hôm, vào cuối Thu, trời lành lạnh mà không mưa, Trung đạp xe dọc theo đường Lê Lợi từ khu Đại Học gần cầu Trường Tiền đến ga Huế. Như thường lệ, chàng ghé vào quán Trang Điểm... Bỗng chàng để ý đến một chiếc xích lô mang số 065 đang đậu ở sân ga. Chàng liền đến chỗ đó:

— Ai là chủ chiếc xích lô 065?

Nghe hỏi đến xích lô, mấy ông ngồi gần đó liền vồn vã mời:

— Cậu về đâu?

— Không, tôi hỏi chủ xe 065 có chút việc.

Một người đang ngồi chơi cờ tướng cạnh đó, bỗng ngước mặt lên :

— Cậu hỏi chủ chiếc xích lô 065 có chuyện chi không?

— Tôi muốn gặp bác. Bác có nhớ tôi không?

— Cậu là ai?

— Tôi là người học sinh nghèo, vào một đêm mưa lạnh cách nay mấy năm, từ Sài Gòn ra Huế đã đi xe bác mà bác không lấy tiền...

— Nhiều khách quá nên không nhớ hết được...

— Hồi đó tôi quá nghèo... Nay thì tạm sống được rồi. Tôi luôn nhớ ơn bác và để ý tìm chiếc xích lô 065 của bác khắp nơi, đến nay mới gặp.

Trung mời ông xích lô vào quán Trang Điểm uống cà phê, nói chuyện. Trời se lạnh, chàng mặc chiếc áo len màu xám nhạt, bên ngoài còn mặc thêm veston, chân đi giày da, trông rất chững chạc và có vẻ là một nhà giáo trẻ hay một sinh viên sắp tốt nghiệp. Trung trao cho ông xích lô một trăm đồng với lời cám ơn... Ông không nhận.

— Cậu có biết Cầu Ngói Thanh Toàn không?

—Dạ không biết.

— Ở Huế cậu không nghe câu hát:

"Ai về cầu ngói Thanh Toàn,
Cho em đi với một đoàn cho vui?"

— Tôi có nghe nhưng không biết "Cầu Ngói Thanh Toàn" ở đâu?

— Ở quận Phú Vang, đi về hướng Vỹ Dạ, rẽ tay mặt, có con đường làng, đi vào chừng mấy cây số thì sẽ gặp một cái cầu kiểu rất xưa, đó là "Cầu Ngói Thanh Toàn".

Rồi ông kể cho Trung nghe câu chuyện sau đây:

... Có một hôm, tôi dậy sớm, chạy xe suốt buổi không kiếm được một người khách nào... Cho đến tối, trời mưa lất phất và gió rất lạnh. Tôi đợi mãi ở ga xe lửa, hôm đó không có tàu Sài Gòn ra Huế như thường lệ, không hiểu vì lý do gì. Tôi bèn đạp xe đi theo con đường Lê Lợi, ngang qua Trường Quốc Học, Đồng Khánh, Tòa Hành Chánh, Lao Xá Thừa Phủ rồi đến Bệnh Viện Trung Ương... Con đường vắng vẻ không một bóng người, dưới ánh đèn mờ mờ, tối tăm trông rất ghê rợn. Người ta nói đoạn đường ngang nhà xác bệnh viện thường có nhiều hồn ma... Tôi thì bụng đói, trong túi không có đồng xu nào lại thêm trời đang rét lạnh nên đạp xe uể oải, chậm chạp, chẳng chút hy vọng gì có được người khách đi xe vào giờ nầy. Khi đến gần bệnh viện, tôi thấy từ xa có bóng một người đàn bà đứng cạnh cột đèn, tay cầm nón lá vẫy gọi. Tôi đạp xe nhanh hơn, lòng đầy tràn hy vọng. Người đàn bà đó đưa tay ra đón tôi và nói:

— Xin bác giúp cho một tay đưa chồng tôi về nhà. Chồng tôi đang ở trong nầy.

Tôi ngoan ngoãn đi theo bà ấy... Vào đến nhà xác bệnh viện, tôi bỗng cảm thấy rợn người. Một không khí lạnh lẽo, vắng vẻ, không có một nhân viên của bệnh viện ngoài người đàn bà nầy.

— Chồng tôi bị đau nặng, đưa vào cấp cứu trưa nay và mới chết. Nhờ bác giúp một tay đưa chồng tôi về nhà ngay kẻo sáng mai họ làm giấy tờ, tra hỏi lôi thôi lắm...

— Nhà chị ở đâu?

— Cầu Ngói Thanh Toàn!

— Tôi không biết đường...

— Tôi chạy trước, bác đi theo tôi...

Nói xong, bà ấy đỡ đàng đầu, tôi đàng chân đưa xác chồng bà ra xe.

Tôi để ông ta nằm thẳng dựa vào nệm xe. Người vợ vụt đi trước, cắm cổ cắm đầu mà chạy rất nhanh. Tôi đạp xích lô theo sau. Hai tay người chết buông thõng xuống, cứ vẫy vẫy như thúc dục tôi phải chạy nhanh hơn nữa... Lâu lâu gặp ổ gà, xe xóc làm cho xác người chết đứng bật dậy. Tôi phải nắm lấy vai ông ta kéo xuống. Từ bệnh viện, qua khỏi cầu Trường Tiền đi về Đập Đá rồi Vỹ Dạ, đến một ngã ba, người vợ bỗng quẹo mặt chạy vào đường làng. Trên con đường gồ ghề chật hẹp và đầy bùn đất, tôi vẫn cố gắng chạy theo chị ta. Có chỗ xe không chạy được, tôi phải nhảy xuống đẩy, chị ấy cũng phụ một tay kéo xe giúp tôi...

Không biết bao lâu thì xe chúng tôi đến trước một căn nhà tranh lụp xụp. Trong nhà vẫn còn ánh đèn dầu le lói. Người vợ vào nhà, đánh thức mấy đứa con dậy và gọi tôi:

— Bác giúp tôi một tay khiêng cái giường tre ra, đặt ở giữa nhà...

Tôi không nói, lẳng lặng làm theo. Mấy đứa nhỏ ngơ ngác không biết chuyện gì,

mắt còn ngái ngủ, sắp hàng đứng nhìn. Đặt xác chồng lên giường xong, chị ấy vụt chạy đi, không nói một lời nào, để tôi đứng đó một mình. Lát sau, chị bưng về một đĩa cau trầu, đặt lên giường rồi quì xuống lạy tôi mấy lạy:

— Chồng tôi bị bệnh ngặt nghèo, mới hôm qua nay đã chết rồi. Tôi chạy từ sáng đến giờ, bỏ các con ở nhà suốt ngày, chưa ăn uống gì cả. Trong nhà cũng chẳng còn tiền bạc gì. Xin bác thông cảm cho. Chồng tôi sẽ phù hộ cho bác. Xin bác cho tôi biết tên và địa chỉ của bác, sau nầy mẹ con tôi sẽ đền ơn bác.

Tôi chạy nhanh ra đường và nói vọng vào:

— Chị cứ yên tâm, trên đời nầy cũng có lắm kẻ gặp hoàn cảnh như chị. Chồng chị sẽ phù hộ cho mẹ con của chị.

Tôi uể oải đạp xe đi, chân tay như muốn rã rời, bụng đói, lòng suy nghĩ vẩn vơ. Trời sáng dần dần, khi xe chạy ngang qua nhà thờ Dòng Chúa Cứu Thế thì nghe tiếng chuông báo năm giờ sáng và thấp thoáng có người đi lễ trên đường. Tôi về đến nhà, gần cầu Kho Rèn, đối diện với nhà máy điện. Vừa nghe tiếng tôi ở ngoài sân, vợ tôi đã chửi um lên:

— Làm gì mà đi suốt đêm, giờ nầy mới về đến nhà? Được đồng xu nào không?

— Không có chi hết.

— Không có chi thì đừng vô nhà, đi mô thì đi. Đồ khốn kiếp, hễ kiếm được đồng nào thì bài bạc hết, lấy chi mà nuôi con!

Tôi thật ngao ngán, chưa có ngày nào xui tận số, xấu tận mạng và rủi ro như ngày hôm nay. Chạy suốt ngày mà không kiếm được một đồng!

Ngay lúc đó, tôi nghe tiếng còi xe lửa từ đằng xa. Tàu Sài Gòn đã đến rồi! Tôi liền đẩy xe trở ra và từ từ đi về phía ga Huế. Tôi đến nơi, không còn một người khách nào. Người ta đã rước hết khách rồi. Tôi thấy thất vọng vô cùng. Nhưng, một người mặc veston, đầu đội mũ nỉ, xách cặp da, chân đi giày Tây, đeo đồng hồ vàng đang đi lui đi tới giữa sân.

— Có ai biết "Cầu Chiến Tranh" ở đâu không?

Mọi người cười ồ! Ở Huế chỉ có cầu Trường Tiền, cầu Bạch Hổ, cầu Thanh Long, cầu Đông Ba, cầu Gia Hội, cầu Nam Giao, cầu Phủ Cam, cầu An Cựu, cầu Bến Ngự, cầu Kho, cầu An Hòa v.v. làm gì có "Cầu Chiến Tranh!"

— Tôi biết "Cầu Chiến Tranh..."

Nghe tôi nói... Ông khách liền chạy đến với tôi và vội vàng leo lên xe của tôi. Tôi thấy ông rất mừng và đầy tin tưởng nơi tôi, không cần hỏi han gì cả.

— Bác đưa tôi đi ăn sáng, sau đó mình sẽ bàn chuyện.

Tôi liền đưa ông đến một tiệm bún bò gần đó. Ông gọi cho mỗi người một tô bún và một ly cà phê. Ông hỏi tôi:

— Bác biết "Cầu Chiến Tranh" thật chứ?

— Tôi biết.

— Được. Ăn xong bác sẽ đưa tôi đi. Trước hết mình sẽ đi thuê phòng ngủ và mua một ít thứ cần dùng. Ông mua cho tôi một bộ áo quần và giày mới, mũ mới. Ông cũng mua riêng cho ông một valise và vải trắng, nhang, đèn, trà, rượu, trái cây, bánh in v.v... Tôi không hiểu ông mua các thứ đó để làm gì?

Xong đâu đó, ông bảo tôi lên đường đến "Cầu Chiến Tranh".

Tôi đạp xe lên dốc Nam Giao, rẽ qua hướng lăng Tự Đức, đến một cái cầu sắt sơn màu đen bắc ngang qua một dòng suối, tôi dừng lại:

— Đây là "Cầu Chiến Tranh".

— Tại sao anh biết...

— Mời ông đi xuống dưới chân cầu, tôi chỉ cho...

Nói xong, tôi liền bỏ xe bên đường và bước xuống suối. Ông cũng đi theo tôi. Từ dưới nhìn lên, có ba chữ "Cầu Chiến Tranh" viết bằng phấn trắng trên nền đen của thanh sắt đuới cầu, nét chữ rất rõ ràng.

— Sở dĩ tôi biết đây là "Cầu Chiến Tranh" vì có lần tôi đi ngang qua đây, đã dừng lại, xuống suối rửa mặt, rửa tay chân, tình cờ nhìn lên, tôi thấy ba chữ đó nên khi nghe ông hỏi: Cầu Chiến Tranh ở đâu. Tôi liền nghĩ đến chiếc cầu nầy.

— May mắn thật! Đã mười mấy năm qua, năm nào đến mùa nầy tôi đều trở về Huế làm giỗ cho ông cụ của tôi. Tôi hỏi khắp mọi người, không ai biết "Cầu Chiến Tranh" ở đâu!

— Tại sao ông biết ở Huế có "Cầu Chiến Tranh" mà hỏi?

Ông không trả lời, nhưng lấy trong túi ra một mảnh giấy đã cũ, trên đó có vẽ dòng suối và cây cầu nhỏ, dưới có đề ba chữ "Cầu Chiến Tranh" và đánh dấu X ở gần chỗ chân cầu. Sau khi quan sát kỹ và xác định đúng địa điểm, ông nói:

— Mình trở về khách sạn nghỉ ngơi đã. Tôi gởi trước anh năm trăm đem về nhà cho vợ con đỡ tiền chợ trong ngày hôm nay, rồi trở lại đây với tôi, đừng chậm trễ.

Sau khi đưa ông khách đến khách sạn, tôi vội vã về nhà trao cho vợ số tiền may mắn đó và kể lại cho gia đình nghe những việc xảy ra từ tối hôm qua đến giờ. Đối với gia đình tôi, số tiền đó rất lớn, có thể mua được một bao gạo một trăm kilô. Hồi đó tiền lương của một người lính chỉ có 1200 mỗi tháng, tiền cơm tháng chỉ có năm trăm mà thôi.

Tôi trở lại khách sạn cùng ông khách đến tiệm ăn Quốc Tế đường Gia Long. Ông chọn một chỗ kín đáo ở góc phòng. Trong lúc chờ đợi nhà hàng chuẩn bị, bằng một giọng trầm buồn, ông bắt đầu kể:

— Cách nay hơn mười năm, ông cụ tôi bị Việt Minh (Cộng Sản) bắt đem đi thủ tiêu vào tối 13 tháng 2 âm lịch, không biết chúng đã chôn ông cụ tôi đâu. Sau 1954, tôi nhận được một mảnh giấy viết vội mấy dòng như sau:

'Cha của anh bị Việt Minh giết vào tối 13 tháng 2 âm lịch... chôn dưới chân "Cầu Chiến Tranh"...'

Người báo tin không cho biết tên và địa chỉ nhưng có lưu ý một chi tiết dòng suối nhỏ bên cạnh một cầu sắt màu đen.

— Có lẽ người đó đã tham dự vào việc giết ông cụ?

— Có thể như vậy và họ không muốn ra mặt vì sợ bị rắc rối với chính quyền Quốc Gia... Dù sao cũng là một người tốt...

Chúng tôi trở lại "Cầu Chiến Tranh" trong ngày hôm đó, mang theo đầy đủ các vật cần thiết để thực hiện việc lấy hài cốt về. Đến nơi, ông khách liền đặt lễ vật ra cúng vái cầu khẩn rồi mới khởi sự đào đất... Nạn nhân được chôn không sâu lắm, xương còn nguyên vẹn, khâu dây nịt bằng đồng vẫn còn... Ông khách bình tĩnh, cẩn thận đếm từng cái xương kẻo sợ bỏ sót, tội cho người quá cố. Nạn nhân có hai răng vàng, đó là bằng chứng rất xác thực, không thể nhầm lẫn được.

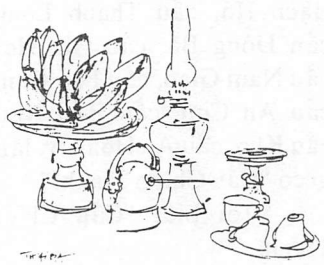

Ông khách lấy rượu rửa sạch xương và lấy vải trắng bọc lại để vào valise. Tôi giúp ông một tay cho nhanh, hai người làm rất gọn gàng, không một người thứ ba hay biết.

Tối đó, ông khách ở lại trong phòng, không đi ăn cơm ngoài như trước. Theo lời ông dặn, sáng hôm sau, tôi trở lại khách sạn thật sớm, đưa ông đến thăm gia đình tôi. Ông đã mang theo rượu, trà, bánh, trái để đặt trên bàn thờ của gia đình tôi và đốt nhang cúng ông bà của chúng tôi. Ông cũng mua vải mới tặng vợ con tôi may quần áo mặc. Trước sự hiện diện của vợ chồng tôi, ông đã nói lời cám ơn và trao cho chúng tôi một phong bì lớn...

Tôi đưa ông đến hãng máy bay, mua vé về Sài Gòn. Tay xách valise đựng hài cốt, vẻ mặt bình tĩnh, kín đáo, ông bắt tay tôi thật chặt và một lần nữa ngỏ lời cám ơn rồi mới lên xe ra phi trường.

Tôi trở về nhà, cùng vợ đóng kín cửa phòng cẩn thận rồi mới mở thư ra xem: Năm chục ngàn đồng với một bức thư cám ơn lời lẽ rất chân tình. Với số tiền đó, chúng tôi có thể mua được một cái nhà gỗ lợp tôn, có ba căn và luôn cả nhà bếp... Thật là tiền của bất ngờ đến với gia đình tôi.

Tôi tin rằng mọi sự trên đời nầy đều có bàn tay của Ông Trời, của Đấng Thượng Đế sắp đặt cả. Mình giúp người, nào có mong ai trả ơn. Hoàn cảnh người đàn bà chồng chết hôm nọ thật quá thương tâm. Tôi tin rằng người chết đã phù hộ tôi. Kể từ ngày đó, gia đình tôi vợ chồng hòa thuận, chăm chỉ làm ăn, con cái được học hành, biết kính trọng và vâng lời cha mẹ, trong nhà có tiền để dành, không hề thiếu hụt. Tôi vẫn đạp xích lô và cho cái nghề nầy cũng cao quí như các nghề khác. Tôi cũng được mọi người kính trọng, chưa thấy có ai khinh rẻ tôi. Mỗi năm, đến ngày Tết hay ngày 13 tháng 2 âm lịch,, ông khách Sài Gòn đó vẫn gởi quà và tiền lì xì cho gia đình tôi. Câu chuyện nầy tôi đã từng kể cho nhiều người và hôm nay lại có dịp kể cho cậu nghe. Câu chuyện khó tin nhưng mà có thật.

Cali ngày 1-4-1998

☯ ***Nguyễn Lý Tưởng***

THƠ BỒNG

Mùa Xưa

<hay MÙA GIẶT TRONG XE ĐÒ>

Mùa xưa mùa ngát mùi hương
Thấm vào kỷ niệm con đường thương quê
Hương cau hương bưởi hương chè
Luồn trong tóc một vấn vê vóc tình
Không nhìn bấm đốt em xinh
Lời em tâm sự mộng mênh một chiều

Anh mở hương quyện thương yêu
Say lòng anh mộng bao điều trúc mai
Ước gì mùa mãi đường dài
Để anh được khoát chung hoài áo em

Một chiều ngả nắng say mềm
Hương thôn ngay trước đèo thêm nỗi buồn
Tình quê dao dạt sầu tuôn
Nhớ em lại vốt mấy buồng cau xưa

Bồng

MỘT NHÀ SƯ TÀI TÌNH PHONG NHÃ TRONG CHỐN THIỀN MÔN NƠI ĐẤT HUẾ

Lê Văn Lân

Cách đây tròn 80 năm, nhân ở Kinh đô Huế có Tế Nam Giao, học giả Phạm Quỳnh — lúc đó mới 26 tuổi đang làm Chủ Bút tờ Nam Phong tạp chí đã đi đường bộ vừa bằng xe hơi và xe lửa từ Hànội vào Huế, ghé lại trong 10 ngày để làm một thiên phóng sự về những điều kiến văn tại đất Thần kinh.

Trong thời gian ngắn ngủi này, ngoài sự thăm viếng cảnh vật trứ danh như cung điện, lăng tẩm đế vương, ông rất tiếc không có thể tìm viếng thăm những nhân vật mà ông coi là "danh sĩ cao nhân" ở Huế. Tuy nhiên, ông cũng tỏ ra hân hạnh gặp được hai người là nữ sĩ Đạm Phương và vị sư Viên Thành.

Chính cuộc thăm viếng nhà sư Viên Thành — lúc bấy giờ 40 tuổi trụ trì tại ngôi chùa Ba-la ở làng Nam Phổ đã khiến học giả Phạm Quỳnh có những nhận xét rất sâu sắc xác đáng về tư cách hiếm có và cao thượng của một nhân vật mà ông xưng tụng là phong nhã tài tình. Sư Viên Thành vốn là người hoàng tộc, tuy tu tại đây từ thuở lên bẩy, nhưng phong độ lại hoàn toàn khác hẳn các vị xuất gia khác. Cái điểm dị biệt khác thiên hạ lớn là cái nét thi nhân tao nhã tài tình của sư. Thông thường tài tình là cái nét sắc sảo thường đem lại khổ luỵ cho người ta do đó họ phải chọn con đường giải thoát là xuất thế đi tu vì người tài tình lắm tất nặng nghiệp nhiều, còn kẻ mộc mạc thực thà thì luân hồi nhẹ kiếp. Cứ xem chuyện Thúy Kiều thì đủ rõ. Ấy thế mà nhà sư Viên Thành dẫu rằng xuất thế vẫn tỏ rõ cái tài tình phong nhã của mình ở chốn thiền môn.

"Bước chân vào tịnh xá, tưởng như nơi văn phòng của nhà thi nhân tao khách nào — lời kể lại của ông Phạm Quỳnh trong bài "Mười ngày ở Huế" — không phải là đồ bầy biện đẹp, không phải là cách trang sức khéo, nhưng bởi cái khí vị riêng nó phảng phất ở trong cái phòng ấy, khiến người khách vào chơi biết ngay ông chủ nhân là người phong nhã tài tình thật."

"Cái tài tình của Viên Thành thượng nhân thì không phải tìm đâu xa, cứ nghe ngay câu chuyện người nói cũng đủ biết: mỗi nhời như ngọc nhả châu phun, mà tưởng cứ tự nhiên thành bài thơ ứng khẩu vậy. Người thơ chữ đã tuyệt bút mà thơ nôm cũng hay..."

Tài thơ tao nhã trữ tình của nhà sư Viên Thành phải nói là nổi bật độc đáo qua cách dịch hai câu ca dao Việt Nam ra thơ chữ Nho.

Câu thứ nhất là:

Núi cao chi lắm núi ơi,
Núi che mặt trời không thấy người thương.

Trong bài diễn thuyết *À travers le parler populaire* (Xuyên qua tục ngữ ca dao), học giả Phạm Quỳnh đã dịch rất sát ra Pháp văn như sau:

Montagne, ô montagne, pourquoi êtes-vous si haute?
Vous cachez le soleil et vous me cachez le visage de mon bien aimé!

Còn nhà thơ Viên Thành đã dịch ra thơ chữ Nho như sau:

Kỷ trùng lam thúy vô cùng hận
Nhật ảnh vân già cách cố nhân.

幾重藍翠無窮恨
日影雲遮隔故人

Nếu ta thử phân tách tìm hiểu từng chữ Nho, ta thấy nhà sư đã dịch một cách thanh thoát:

Kỷ: bao nhiêu; trùng: lớp lớp; lam thúy: màu xanh xanh biếc; vô cùng hận: giận tức vô hạn.

Nhật ảnh: ánh nắng mặt trời; vân già: đám mây che khuất; cách cố nhân: cách biệt người xưa.

Ví dụ ta thử dịch ngược câu chữ Nho của nhà sư Viên Thành, thì đại khái có thể tạm diễn dịch cái ý thơ phong phú đó như sau:

Trùng trùng xanh thẳm vô cùng giận.
Bóng nắng mây che mất cố nhân

Ta có thể liên tưởng đến một câu thơ trong Chinh phụ ngâm với cái ý thơ man mác buồn buồn điệp điệp này:

Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy
Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu
Ngàn dâu xanh biếc một mầu
Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai.

Câu ca dao thứ hai mà nhà sư Viên Thành dịch ra thơ chữ Nho là:

Chiều chiều lại nhớ chiều chiều
Nhớ người đãy gấm khăn điều vắt vai.

Câu này đã được Phạm Quỳnh trong bài diễn thuyết bằng Pháp văn *La poésie annamite* dịch như sau:

Chaque soir qui revient ne ramène le même souvenir,
Le souvenir d'une personne qui porte un sac brodé à la main et un foulard rouge sur l'épaule.

Nhà sư Viên Thành dịch ra thơ chữ Nho như sau:

Hoàng hôn vô hạn hoàng hôn tứ,
Hồng phách hà bao nhỡn lí nhân

黃昏無限黃昏思
紅帕荷包眼裏人

Nhà sư đã cố tình lập lại hai lần chữ *Hoàng hôn* để diễn tả cái điệp âm *"chiều chiều"* mà ông Phạm Quỳnh xác nhận là có một tác dụng độc đáo:

Sự láy đi láy lại những chữ *Chiều chiều* đối với tai người Việt nghe duyên dáng vô cùng và diễn tả cái buồn của cảnh trời chiều và cái sầu của kỷ niệm đã qua (Cette répétition des mots Chiều chiều est pour une oreille annamite d'un charme infini et exprime toute la tristesse du soir et toute la mélancholie du souvenir.)

Hiểu theo từng chữ thì: Hồng phách là tấm khăn lụa mầu hồng. Hà bao là cái túi bằng gấm hình như cái lá sen mà người xưa thường gọi trại là cái hầu bao. Riêng chữ "nhỡn lí nhân" phải hiểu làm sao?

Nhỡn là mắt còn Lí là bên trong. Vậy "nhỡn lí nhân" là hình bóng của con người in sâu trong mắt ai!

Ta có thể tạm dịch ngược câu thơ chữ nho của sư Viên Thành như sau:

Hoàng hôn đằng đẵng hoàng hôn nhớ
Đẫy gấm khăn điều vương mắt ai!

Nhận định về cách dịch thơ của sư Viên Thành, chúng ta lũ hậu sinh sau 80 năm phải kết luận như học giả Phạm Quỳnh là:

"Phi tay thi nhân tuyệt diệu không dịch được như vậy!"

Quả là một nhà sư tài tình phong nhã trong chốn thiền môn ở đất Huế.

Sư Viên Thành còn đưa người khách Phạm Quỳnh thăm vườn hoa của chùa, có trồng những thứ hoa mà nhà sư đặt cho những cái tên thi vị như Túy ông lan, Tỳ bà, Thập tỷ muội hồng. Dừng chân bên mỗi khóm hoa, chủ nhân lại đọc lên dăm câu cổ thi hay vài câu đề vịnh của chính mình.

Sư Viên Thành lại đọc cho nghe bài thơ nôm của ông, tựa đề là "Chơi núi" sau:

Lững đững bên trời ngọn rớn sưa,
Dặng bờ thu thảo ngớt cơn mưa,
Rêu xanh đá mọc nhìn đường cũ
Khói biếc xây thành tưởng dấu xưa

"Rớn sưa" là đọc theo thổ âm xứ Huế nói về cái ráng cầu vồng thưa thớt, hiện lên đủ quang phổ sau cơn mưa. "Rêu xanh đá mọc nhìn đường cũ" đọc lên phảng phất giọng thiền thi của thi sĩ Vương Duy.

Sau này, sư Viên Thành ra lập riêng chùa Trà Am trong núi, có khe nước có cầu bắc qua, phong cảnh rất nên thơ. Lúc bấy giờ, ông Phạm Quỳnh lại vào Huế làm Thượng thư bộ Học. Nhưng với lòng quí mến, tâm phục, ông lâu lâu lại lên xin ở lại ăn cơm chay và đàm đạo với nhà sư.

☯ ***Lê Văn Lân***

CHUYẾN TÀU ĐÊM NĂM CŨ

Thanh Vinh

(Phan Ngọc Tiếu)

Mỗi năm vào dịp Tết Nguyên Đán, tuy bận rôn với đèn sách và học bổng giới hạn của sinh viên. Tôi vẫn từ Sàigòn về Huế ăn Tết với gia đình, đặc biệt là thăm mẹ xa con lâu ngày vì chương trình học kỹ thuật chuyên nghiệp và thực tập của tôi phải kéo dài gần bốn năm. Mặc dầu đường xa cách trở và nguy hiểm vì mìn bẫy, bom đạn chiến tranh, tôi vẫn về thăm mẹ mỗi năm bằng tàu hỏa, vì không đủ tiền mua vé máy bay.

Trên chuyến tàu lửa ì ạch, lúc chạy lúc ngừng vì nhiều đoạn đường sắt bị phá hoại, hành khách ngồi trên toa tàu đăm chiêu nhìn nhau im lặng, cùng có chung nỗi lo âu hiện lên trên mặt, vì tai họa chiến tranh có thể đến bất cứ lúc nào trên đoạn đường nầy hơn bốn mươi năm trước.

Con tàu chạy thật chậm sau một đầu máy có đặt súng đại liên, máy rà mìn. Tiếng bánh xe nghiến ken két trên con đường sắt dài lê thê, hòa với tiếng máy tàu dập dồn suốt một ngày rồi ngừng lại sân ga Cầu Hai vào lúc hoàng hôn xuống.

Tôi đến hàng cháo gà ăn vội vàng, bà bán hàng nhanh nhẩu.

— Cứ thủng thẳng, tàu nằm lại suốt đêm nay cho đến mai trời sáng mới chạy tiếp.

Tôi hỏi bà bán cháo gà.

— Răng không chạy đêm cho mát trời? Gần đến Huế rồi mà!

Bà bán cháo gà lên giọng hiểu biết thời sự, am tường chiến tranh.

— Trời ơi! Cậu không biết chi hết, xe lửa chạy ban ngày có tàu bay do thám bay theo, tụi du kích mò ra quấy phá là bị tàu bay khu trục của mình đến liền. Chạy ban đêm trời tối, tàu bay trên cao làm răng thấy được du kích mà can thiệp?

Bà bán cháo gà tỏ vẻ đắc chí về sự hiểu biết của mình nên rất hớn hở, rồi bỗng nhiên bà than thở.

— Ai cũng hạnh phúc sung sướng còn thân tui...

Nói đến đó, bà khựng lại như muốn nuốt một chút nghẹn ngào, rồi nói tiếp:

— Như tui đây khổ quá! Một mình gánh ba đứa con.

Tôi nhìn bà già bán cháo gà qua ngọn đèn dầu leo lét mà vẫn thấy rõ da nhăn, tóc rối, áo vải bạc màu, dày dạn phong sương.

— Rứa chồng bà mô rồi?

Bà già bán cháo gà trút một hơi thở tâm sự.

— Chiến tranh đau khổ lắm cậu ơi, ông nhà tui chết lâu rồi, ai cũng phải đi lính, đi biệt tăm biệt tích luôn, mấy năm sau thì được tin đền nợ nước, một mình tui lăn lóc nuôi con, thức khuya dậy sớm mà vẫn bữa đói bữa no.

Tôi bùi ngùi hỏi:

— Ông ấy đi lính bên ni hay bên nớ?

Bà bán cháo gà lại thở ra chán chường.

— Bên nớ, bắt đi du kích phá đường rầy xe lửa. Vì ở nơi hẻo lánh, bị bên ni bắt ở tù mấy năm, về nhà được mấy bữa lại phải nhập ngũ tòng quân, rồi đi luôn, đi đền nợ nước, mà mẹ con tui chẳng được ai đền chi hết, có chi mô!

— Bà có được lãnh mười hai tháng lương tử tuất của ông ấy không?

Bà già chỉ gánh cháo gà:

— Đây là gia tài của ông nớ để lại cho bốn mẹ con tui, mười hai tháng lương đền nợ nước của ông nớ đó.

— Ba người con của bà nay chắc đã lớn, có giúp gì được cho bà không?

Bà đưa tay quơ bầy muỗi đang bắt đầu xuất hiện trong màn đêm đã đến, giọng thật buồn

— Con không cha như nhà không nóc cậu ơi!

Tôi suy nghĩ giây lát rồi hỏi:

— Tại răng bà nói rứa?

Bà già bán cháo gà mở nụ cười héo hắt chua xót.

— Nhiều người đàn bà giỏi dắn có chữ nghĩa, tiền của mà không dạy đươc con, huống chi tui đầu tắt mặt tối, bỏ con chạy gạo hàng ngày, thì giờ đâu mà chăm giữ tụi nó. Con đường lương thiện rất ít trong thời buổi loạn ly điên đảo, thì tụi nó đi vào con đường thác loạn tội lỗi, mỗi đứa một nơi.

— Nhưng mấy người con của bà chắc cũng ở gần đây với bà?

Bà già lắc đầu

— Cậu ơi! Đau lòng lắm, một con đua đòi về tỉnh lớn son phấn học làm gái nhảy gái múa chi đó, rồi tằng tịu với mấy thằng du đãng đâm thuê chém mướn, vì cái nghiệp làm đĩ phải có người bảo vệ, tụi nó ghen nhau đâm chết, nhà nước đem chôn rồi, không biết mô mà tìm mồ mả.

Một thằng trốn lính bị bắt đi làm lao công chiến trường, chết mô rồi tui cũng không biết mà kỵ cho nó. Còn con út bệnh hoạn đủ thứ, tôi phải đem thân già đội gió đạp mưa, thức khuya dậy sớm kiếm gạo nuôi nó đây.

— Bà có ba người con, ông ấy mất lúc còn trẻ răng không tái giá, nhờ chồng nuôi con cho đỡ bớt nhọc nhằn?

— Cậu ơi! Nếu muốn lấy chồng thì cũng có, nhưng con của mình, chớ có phải con của người ta mô mà họ cưu mang?

Tâm lý người đời ai cũng rứa, có ai là thần thánh chi mô mà đi lãnh mấy cục nợ của người khác.

Qua tâm sự của bà già bán cháo gà cho các chuyến tàu đêm bên sân ga Cầu Hai, là nỗi niềm chua xót chung của nhiều người trong những ngày khói lửa chiến tranh trên quê hương, nhưng không ai đem tình huống riêng của mình nói cho người khác nghe.

Bên sân ga nhỏ giữa con đường dài vạn dặm kẻ đến người đi, có lẽ bà già bán cháo gà chỉ nhìn đời bằng quang rồi chạnh lòng vì mình đau khổ. Bà có biết đâu cũng có nhiều người đang âm thầm nuốt những giọt nước mắt vào lòng vì sự đau thương phũ phàng hơn nỗi lòng của bà nhiều lắm, có khác chăng là họ đã lấy nụ cười che dấu ưu phiền, nên bà đâu có biết những sự ngang trái, đắng cay của đời họ.

Tôi ngậm ngùi ngồi dưới sương đêm và gió lạnh như một tri kỷ lắng nghe tâm sự của bà già bán cháo gà với nhiều tiếng thở dài não nuột, ngậm ngùi.

Thời gian trôi qua, tôi tốt nghiệp rồi được thêm học bổng du học tại Hoa Kỳ, trở về nước được bổ nhiệm đến Huế làm trưởng một cơ quan hành chánh. Tôi đã bảo người tài xế đưa đến sân ga Cầu Hai tìm thăm bà già bán cháo gà năm xưa. Người còn sống sót chung quanh cho biết bà già bán cháo gà đã chết từ năm Mậu Thân vì pháo kích bên gánh cháo gà còn nóng trên sân ga Cầu Hai.

Chúng ta, những người đã sống với Huế từ lúc lọt lòng mẹ, hay chỉ một thời gian ngắn, chắc chắn mỗi người đều có ít nhiều kỷ niệm buồn vui với mảnh đất có tiếng hò mái nhì trên sông Hương của o lái đò xuôi mái về Đại Lược, ngược giòng Kim Long, giọng ca Nam Ai Nam Bình trong các khoang thuyền u tịch giữa đêm trăng thanh vắng bên cạnh mấy chiếc xuồng nhỏ bán chè đậu xanh, đậu ván, chè bột lọc bọc thịt quay, trứng lộn ủ trong rổ trấu của thời thanh bình thịnh vượng, làm sao mà nói cho hết.

Riêng tôi, dầu ở nơi đâu, mỗi lần nghe tiếng còi tàu lại gợi nhớ tâm sự của bà bán cháo gà bên sân ga Cầu Hai cho khách các chuyến tàu nghỉ đêm trên tuyến đường dài của quê hương.

Mới đó mà đã gần nửa thế kỷ qua rồi.

Bà bán cháo gà ơi! Tôi vẫn còn ngậm ngùi khi nhớ lại tâm sự não nùng của bà, cũng là tiêu biểu thân phận của các bà mẹ Việt Nam trong thời chiến tranh đau thương, hận tủi trên quê hương xa vời vợi của tôi bên kia bờ đại dương.

☯ ***Thanh Vịnh***
(Phan Ngọc Tiếu)
Viết cho Đặc san Nhớ Huế

Ai ra xứ Huế .....

Khô héo lá gan cây đỉnh NGỰ
Đầy vơi giọt lệ nước sông HƯƠNG...
Hoàng đế Thành Thái.
Ai ra xứ Huế thăm mình
Non nước Hương Bình chờ đợi cố nhân...
Tháng năm bạc áo phong trần
Cánh chim hồ hải vạn lần thương đau
Người đi sương gió dãi dầu
Bên cầu trăng rụng giọt sầu năm canh
Ai ra xứ Huế mộng lành
Thùy dương in bóng cổ thành rêu phong
Bờ tre ru nhạc tơ đồng
Hương giang gợn sóng trăng lồng Văn Lâu
Người đi kẻ ở mỏi mòn
Trăm năm bến cũ biết còn hay chăng?
Ai ra xứ Huế thăm nàng
Non nước trăng ngàn hoài vọng cố hương...

NGỰ HÀ Trần Đại Lan

NHỮNG NÉT DÍ DỎM HAY CÁI "NGÔNG" CỦA CÁC THI ÔNG TRONG THI XÃ DIÊU TRÌ

Ngô Thị Vân

Nhân đọc tập thơ của Ông tôi tức Kỉnh Chỉ tiên sinh, một hội viên của Hương Bình Thi Xã ở Huế do Cụ Thúc Giạ làm chủ soái, vừa là hội viên của Tao Đàn Diêu Trì do bác sĩ Trần Ngọc Án cùng phu nhân là nữ sĩ Song Thanh sáng lập ở miền Nam, tôi tình cờ đọc được những bài "thơ ghen". Tôi say sưa và thích thú vô cùng vì cái "ngông" của các Cụ đã được diễn tả một cách tài tình qua những bài thơ mà tôi mạn phép được trích đăng sau đây. Như quý vị đã nhận biết trong tất cả các bài thơ xướng họa (trừ bài "Thân ai đáp V3" của Diên Hương tiên sinh) mặc dầu quý Cụ bị gò bó theo niêm luật thơ khi phải lặp lại chữ "già" ở cuối câu đầu, chữ "da" cuối câu thứ hai, chữ "xưa" cuối câu bốn, chữ "tà" cuối câu sáu và "bà" cuối câu tám của bài nguyên xướng, thế mà câu chuyện và những lời đối thoại vẫn theo một diễn tiến hào hứng, mạch lạc rất dí dỏm không bị gượng ép vì sự bó buộc của luật thơ.

Vào tháng 2 năm 1962 có lẽ các Cụ đã dàn ra một bản kịch tự diễn với nhau mà trong ấy Diên Hương tiên sinh đóng vai người chồng hào hoa, có vợ V1 là Cụ Kỉnh Chỉ, lại đèo bồng thêm V2 là Cụ Thân Văn và V3 là Cụ Tuần Lý. V2 và V3 nổi máu "Hoạn Thư" mắng nhau, V1 biết được bèn nhắn khéo với hai V rằng đừng tưởng giờ đây V1 đã trở thành người mộ đạo mà không biết cách đối xử với tình địch và cũng cảnh cáo cho biết là luật gia đình mới chỉ cho phép một vợ một chồng mà thôi!

Nhân thấy các V gây nhau dữ dội quá nên có một người qua đường từ Huế đến, phải nhảy vào xin can, đấy là Cụ An Đình Trần Kinh. Bây giờ xin quý vị hãy xem diễn tiến bản kịch ghen sau đây: Ngày 22 tháng 2 năm 1962, ông chồng có số đào hoa tức Cụ Diên Hương làm bài thơ cảm thuật sau đây:

"Bảy mươi lăm tuổi cảm thuật"

Bảy mươi lăm tuổi! Thấy hơi già!
Gót đã mòn, chơn cũng nhíu da
Đương sống đời tân, câu chuyện mới
Mà mơ làng cũ, cánh đồng xưa
Mắt lòa, thấu rõ điều đoan chánh
Tai bít, phân minh lẽ vậy tà
Quý Mão vui xuân, còn nhớ cảnh,
No nao thạnh trị, thử ta bà.

"Thân ái gởi tình lang D.H."

Nghe chàng than thở nói "Hơi già"
Em sợ, hòa mình ốc rởn da
Dù biết thân anh bình thiếc cúp
Cũng nguyền phận thiếp chữ đồng xưa.
Hễ sông ái nọ dòng còn biếc,
Thì nguyệt thề kia bóng chửa tà.
Ngàn dặm thơ xuân, tình nhắn bạn,
Riêng thăm ông, chẳng dám thăm bà.
V2 (Thân Văn)

Sùng sục... họa

Bài thơ mẹ ấy nói ông già.
Đọc nổi mày đay, gãi tróc da
Nhí nhảnh năm mươi khều nợ gượng
Dùng dằng bảy mấy ủ tình xưa.
Không người ngắm nghía cành hoa héo
Sao nó mân mê quản bút tà.
Tết nhứt gì! Ghen đồ mắc gió
Vì ai cáng đáng bốn năm bà.
V3 (Tuần Lý)

Kính thưa chị V3,

Chúng ta cùng một tình nhân là anh Diên Hương, nay nghe ảnh than già mà đề thi họa với ảnh chơi, nhân tưởng tình chị em gởi cho chị xem chơi, chị lại nổi tam bành lên ghen, can không nổi, xài tôi quá! Ví như chị có ghen thì sao hồi Vu San Nữ kết mối tình thơ với ảnh, chị

không ghen cho đã, để tới bây giờ ghen bóng ghen gió?

Khuyên chị dẹp ghè tương chị lại mà nghe tôi trả lời cho chị đây:

Hồi đáp V3

Tôi rằng: "Nghe nói Ổng than già"
Ghen gãi chi mà tới tróc da?
Nhứt dạ chung chăn dù nợ ngắn,
Hai phương cách mặt cũng tình xưa.
Hoa nương cửa động, hoa càng đẹp
Bút đến tay tiên, bút dễ tà
Chị Hoạn Thơ ơi, đừng lắm tiếng,
Sao sao chị cũng chữa ra bà!

V2 (Thái Văn)

V1 thấy V2 và V3 gây nhau, nhảy vô trả lời

Em út sao ưng khuấy cụ già,
Ai ve chồng chị phải trầy da
Tơ thừa còn muốn xe duyên cũ.
Cơm mới thôi đừng nhắc chuyện xưa,
Cũng chớ tưởng rằng người mộ đạo
Thời không dùng đến phép trừ tà.
Huống chi theo luật gia đình mới
Thừa nhận cho ông chỉ một bà!

V1 (kỉnh Chỉ)

V2 hồi đáp V1

Chị dẫu V, ON, chị cũng già,
Em còn xanh tóc, chửa đùn da.
Tại chàng ngoảnh lại con đò cũ.
Nên thiếp quay về cái bến xưa.
Đã đã từ bi, lòng mộ đạo,
Đừng đừng tật đố, bụng thiên tà,
Khoe chi luật lệ phòng ra vẽ...
Tình để đâu, tôi dám hỏi bà ?

V2 (Thân Văn)

Nắng Hạ Niềm Nhớ

Ngày trở về gặp mùa thương nhớ Huế
Nghe ve sầu rạo rực thoáng hương xưa
Rợp phố đường phượng nở gió nam đưa
Che nắng hạ rong chơi mùa tạm biệt.

Tin anh về mùa hè như dịu nắng
Đường em đi gió lộng rối tóc mây
Cầu Trường Tiền thoang thoảng tiếng thơ ngây
Nghiêng nón lá, áo hở che đó nghe !

Ngang qua nhà anh đừng quên lối Tịnh
Nhớ ướm giùm đóa hàm tiếu hồng liên
Để em trân trọng hình ảnh tôn vinh
Và anh hãnh diện người em cao đẹp!

Huế nắng hạ gợi niềm thương dĩ vãng
Giòng sông Hương xuôi ngược bến đò đưa
Núi Ngự Bình thông ngả bóng chiều mưa
Giông chớp lóe Trường sơn luồng gió nhẹ.

Huế muôn thuở ánh tà dương đỉnh núi
Rạng chân mây tỏa sắc phía trời tây
Sống lấp lánh sóng hoàng hôn Thôn Vĩ
Nhẹ mái chèo câu mái đẩy buông neo.

Huế mộng mơ Huế dệt bức tranh thơ
Cầu chung lối mộng đò mơ thả hồn
Bên ni đi bên nớ đứng ngu ngơ
Để cho gió lộng quấn mình tóc mai.

Huế mặn nồng chiều nắng hạ giăng tơ
Qua cầu lộng gió tóc mai quấn mình
Ngọt ngào anh nớ xích chút tội nì
Đò chung mạn ép bờ vai thầm thì.

Cố nhân ơi! biết răng chừ đó hỉ
Mai kia mốt nọ thu đông lạnh lùng
Xuân kỳ mai lan cúc trúc bày chưng
Hạ về phượng nở còn bình trúc xinh!

Sacramento Thu Mậu Dần 98
VANHAGIAO

V3 cũng hồi đáp V1

Phận em chỉ thích lấy ông già
Ngon ngọt nuông chiều mát tận da
Dẫu chị có hờm câu rủa độc
Thì em cũng khảy bản đờn xưa,
Ngỡ đà lánh thế khi đầu bạc,
Sao vẫn hờn duyên lúc ác tà!
Luật mẹo, ai ghê? Tình trước đã
Vạch ra, mỗi cụ bốn năm bà!
V3 (Tuần Lý)

Một người qua đường, ở Huế vào, nhảy vô xin can...

"Anh hùng tiếng đã gọi rằng,
"Giữa đường dẫu thấy bất bằng mà tha."
Ghen tương cũng bởi một ông già!
Không khéo ba bà bị phỏng da!
Của ngọt chia nhau, người mỗi chút,
Ăn nay nên nhớ kẻ trồng xưa,
Tình chung chớ kể sau hay trước,
Phận đẹp nề chi chính với tà !
Trong ấm ngoài êm là thế thế,
Hòa hưu bãi nại cả ba bà.
An Đình

Thân ái đáp V2

Lão già nên thốt: tuổi ta già
Chuyện có thế, mà rởn ốc da
Đã biết tuổi cao quên lối cũ.
Còn thương ai trẻ nhớ đường xưa.
Sông Tương chia cách đầu chưa bạc.
Bến Nghé gần nhau bóng chữa tà,
Quí Mão xuân về tin nhắn gởi,
Thăm ông thậm phải! Nhớ thăm bà,
Diên Hương

Thân ái đáp V3

V3, V4, cũng nhiều V,
Lộn xộn, lăng xăng, bộn bộn bề.
Lảnh việc ai ra ôm gánh cả?
Làm tuồng kẻ lại giữ vai hề
Tịnh Trang một tỉnh đương lo tới,
Thiên Liễu hai tiên... chửa chịu về,
Ở lại bỡn chơi ai xốc vác,
Bỡn chi ông lão "sụm ba chè" !
Diên Hương

Như vậy là vở kịch được kết thúc bằng hai bài thơ tình lang gởi cho V2 và V3.

Để kết thúc bài viết này, tôi xin các ngài hậu duệ của các ngài lượng thứ cho sự tự ý đăng những bài thơ này lên mặt báo mà chưa có sự phê chuẩn, vì cũng như Trần Thị Cẩm Tuyến đã phải phân trần khi đăng bài "Hương Bình Thi Xã với Một Thiên Tình Sử" trên "Tập Tuyển Nhớ Huế" số 9 ra mắt năm 1997 tại miền Nam Cali rằng: "Xin quý vị thông cảm cho hoàn cảnh đất nước chúng ta, lưu lạc kẻ chân trời, người góc biển, vô phương liên lạc".

Tôi chỉ có một ước vọng là cho độc giả thấy một khía cạnh rất "người" của quý cụ và nhất là muốn nói về Ông tôi, tức Kỉnh Chỉ tiên sinh, người ông tôi hằng kính mến. Thuở sinh tiền, Ông tôi thường tỏ ra rất nghiêm nghị đối với hàng con, nhưng quá dễ dãi đối với hàng cháu và chắt, nên mẹ tôi, các cậu các dì tôi đều rất kính rất sợ Ông tôi. Cách đây không bao lâu, trong một buổi họp đại gia đình, mọi người đều nhắc nhở đến Ông tôi, Mẹ tôi đã cười bảo với các cậu dì tôi rằng: "Không hiểu tại răng lúc xưa tụi mình sợ Ba dữ rứa? Đang ngồi nói chuyện mà hễ thấy bóng dáng Ba là phải nhúc nhích sửa lại thế ngồi, rồi im thin thít!"

Thuở còn là đứa học sinh nhỏ bé, tôi cứ tưởng các giáo sư khả kính của tôi chắc chẳng bao giờ biết đùa giỡn như chúng tôi. Sau này và nhờ đọc những bài thơ kể trên, tôi mới biết được rằng hầu hết mọi người dù bề ngoài được "ngụy trang" bằng những nét đạo mạo, uy nghiêm, dù ở địa vị nào, tuổi tác nào, cũng vẫn còn tính trẻ con, ngây thơ, tinh nghịch tiềm ẩn sẵn trong mình. Sự tinh nghịch ấy đôi khi được thực hiện bằng hành động, tuy nhiên đối với quý thi ông trong Tao Đàn Diêu Trì, các ngài đã dùng năng khiếu sẵn có để diễn đạt thành những áng văn lưu truyền cho hậu thế. Nhờ vậy mà chúng ta đã được vui lây cái vui của quý cụ và được thưởng thức những nét hóm hỉnh và dí dỏm mà các cụ đã diễn tả một cách tài tình qua những bài thơ nói trên.

☯ *Ngô Thị Vân*
Cali ngày 04 tháng 04 năm 1998

TÂM SỰ CỦA MỘT NGƯỜI HUẾ CÔNG TÁC THIỆN NGUYỆN HÒA BÌNH TẠI PHI CHÂU

Trần Thị Cẩm Tuyến

Nông nghiệp là mộng ước và cũng là nghiệp dĩ của đời tôi. Tôi đã rất may mắn đạt được mộng ước đó khi trúng tuyển vào trường Quốc Gia Nông Lâm Mục Blao.

Trường NLM đã cho tôi cơ hội rèn luyện chuyên môn. Định mệnh đã ưu ái dẫn dắt tôi tiến sâu vào nghiệp dĩ! Mười lăm năm gắn bó với nghề nông, mộng ước lại có dịp phát triển...!

Là nhân viên kỹ thuật của ngành khuyến nông Trung Ương tôi mơ có ngày chính quyền và nhân dân miền Nam sẽ mở rộng vòng tay nhân ái, tiếp tế nông nghiệp: Hạt giống, phân bón, thuốc sát trùng... giúp nông dân nghèo khổ của miền Bắc! Ước mơ thật giản dị đó đã trở nên hão huyền khi vận nước xoay chiều!! Một ước mơ khác thật xa vời bắt nguồn từ sự cộng tác thân hữu với thiện nguyện viên IVS (International Voluntary Service) trong công tác Khuyến Nông. Tôi mơ ước được như các bạn IVS có cơ hội đến các nước nghèo đói, chậm tiến để trực tiếp giúp đỡ nông dân cải tiến kỹ thuật nông nghiệp và vừa có dịp phiêu lưu mạo hiểm nơi xứ lạ quê người.

Qua Mỹ năm 1984 theo diện ODP (Orderly Departure Program) mất 6 năm để vào quốc tịch, mới đủ điều kiện tiên quyết để xin gia nhập đoàn quân thiện nguyện hòa bình (Peace Corps Volunteers). Nhờ có chuyên môn và 15 năm kinh nghiệm về canh nông nên được tuyển chọn nhanh chóng. Vậy là mộng ước xa vời đã hiện thực.

Với 24 bạn cùng chung chí hướng từ các tiểu bang tập trung về Pennsylvania dự khóa định hướng 3 ngày, chuẩn bị tinh thần cho chuyến công tác viễn du về miền Phi Châu nghèo khổ nắng cháy. Hầu hết thiện nguyện viên là thanh niên trẻ vừa tốt nghiệp. Chỉ có 3 người già: Tôi lúc đó đã 57 xuân xanh, trẻ hơn một cụ bà Kiểm Lâm 2 tuổi và một cụ giáo viên 3 tuổi.

Ngồi trên phi cơ rời đất Mỹ, một cảm giác rộn ràng khích động xâm chiếm tâm hồn: Mình đang rời bỏ một nếp sống sung túc an nhàn từ một nước giàu nhất thế giới để dấn thân vào một nước nghèo nàn lạc hậu. Bao nhiêu khó khăn thử thách đang chờ đón mà sao trong lòng cảm thấy hân hoan phơi phới!? Rồi miên man hồi tưởng lại tâm trạng sầu thảm xót xa ngày rời VN đi Mỹ. Hồi đó tôi đã vận động trăm phương ngàn kế để thoát ra nước ngoài. Nhưng khi rời quê hương nghèo khổ rách nát để đến đất hứa thì lòng tôi lại rối bời xót xa trăm mối!

Tới phi trường Austin, Texas. Bà bạn Mỹ đến đón, vừa gọi tên, dang tay đón mừng thì tôi bỗng bật khóc nức nở, khóc nghẹn nghào tức tưởi...! Bà bạn ngẩn ngơ lúng túng chỉ biết ôm nhẹ, vỗ về và lặng lẽ khóc theo!

Phi trường Baujul — The Gambia, hoang vắng nghèo nàn, nhưng nổi bật giữa khung trời xa lạ, hình ảnh hai cây phượng vĩ đỏ rực, đập vào mắt, nhập vào tim làm tôi rộn ràng tưởng như mình đang về Huế vào mùa hè phượng nở! Từ phi trường về thành phố, nhà cửa lụp xụp, vườn tược khô cằn, nhưng đám thực vật quen thuộc: Đu đủ, cam, xoài, chuối, hoa giấy (Bougainvillea) với bầy gia súc dê, gà... gợi nhớ cảnh quê nhà! Ôi! sao giống quá con đường về Buôn Mê Thuột, Kontum, Pleiku...! chỉ khác là đồng bào ở đây da dẻ đậm đà hơn đồng bào Thượng bên nhà!

Hai tháng đầu chúng tôi tập trung trong một "Trại cải tạo" để tu nghiệp tiền nhiệm, tập tành lao động, học ăn, học nói (ăn bốc và nói thổ ngữ), làm quen với đồng bào thôn xóm, nếm mùi tân khổ với ruồi muỗi, côn trùng... Mỗi chúng

tôi được nhận làm con nuôi với một gia đình trong xóm, được đặt một tên mới. Lễ đặt tên được tổ chức long trọng. Chúng tôi lần lượt đến quỳ trước ông Trưởng Tộc để ông làm lễ cắt một tí tóc, tuyên bố tên mới rồi giao cho gia đình đến nhận. Sau đó là ăn uống và kết thúc là màn nhẩy múa theo tiếng trống bập bùng cùng điệu múa tay và mông đi vòng quanh theo gia đình mới. Tên tôi là *Nha Ma Xô*.

Sau hai tháng thử lửa. chúng tôi được chính thức tuyên thệ là thiện nguyện viên, mỗi người về công tác riêng biệt ở một làng, sống chung trong một khu gia cư với dân làng. Làng tôi ở cách xa thủ đô Gambia chừng 40 cây số và một chuyến phà. Về đây tôi lại có một ông cha nuôi mới với hai bà mẹ và bầy em út họ hàng sống chung quanh. Tôi thuê một căn nhà nhỏ trả mỗi tháng 50 Dolasis = 5 USD. Ăn chung với gia đình (ăn bốc) mỗi tháng trả thêm 50 Dolasis nữa. Cả làng có khoảng 1.000 dân cư nhưng chỉ có 4 cái giếng bơm do Tây Đức viện trợ. Tôi phải nhờ bà mẹ nuôi đội nước về đổ đầy một thùng phi để nấu nướng tắm giặt và tưới cây trong vườn, mỗi tháng cũng trả 50 Dolasis. Tiếng là ăn cơm với gia đình nhưng hầu hết chúng tôi (thiện nguyện viên) đều có lò ga nhỏ để nấu dặm (mà là chính) vì ăn bốc chỉ là một lối xã giao để gần gũi và chia sẻ với gia đình thôi! Mỗi năm dân làng chỉ có gạo đủ ăn trong 3 tháng, còn lại thì phải ăn bắp giã và kê.

Ăn cơm gia đình rất giản dị, gia đình ngồi vây quanh một thau cơm lớn đặt ở giữa. Trên mặt cơm được rưới một loại sauce sền sệt nấu bằng dầu dừa rừng (Palmoil), đậu phụng xay nhuyễn (peanut butter) và sauce cà chua. Thỉnh thoảng có được vài miếng thịt gà, thịt bò, hay thịt dê nấu chung là quý lắm! Hầu hết dân vùng này thuộc đạo Muslim nên cữ ăn heo, kể cả heo rừng. Ăn bốc cũng có luật lệ, chỉ được dùng một tay và phải là tay mặt. Nếu bạn lỡ quên dùng tay trái thì lập tức mọi người sẽ ngưng ăn để cho một mình bạn ăn hết thau cơm đó! Chớ vội mừng! Bạn gặp rắc rối rồi đấy! Tục lệ ở đây tin rằng hai bàn tay của ta được phân chia nhiệm vụ rõ ràng: Tay mặt để làm những việc sạch sẽ cho phần trên của cơ thể, tay trái để làm những việc dơ uế cho phần dưới! Đưa tay trái vào thau cơm chung là đại bất lịch sự, là làm ô uế thức ăn thiêng liêng của thượng đế ban cho! Đó là lý thuyết chúng tôi được giảng dạy căn dặn kỹ lúc tôi tu nghiệp tiền nhiệm. Mọi người lo thi hành đúng nên chưa bao giờ dám đưa tay trái vào bốc cơm để... chứng nghiệm!

Về mặc thì nhóm phụ nữ được lưu ý: mặc áo hở vai hở cổ bao nhiêu cũng được nhưng chớ có phô trương cặp giò. Phụ nữ ở đây "topless" là chuyện thường, nhưng nếu để hở giò hở đùi là bị phê bình khiêu gợi! Căn nhà của tôi được tái thiết trám xi măng, đóng cửa lưới, có hầm tiêu và nhà tắm

Xin trả lại tôi

Bụi tre đầu làng,
Xóm chuối gần ao,
Giàn bầu sau sân,
Hàng cau trước ngõ.

Nhạc diều say gió,
Giọng hát ru con,
Tiếng chày giã gạo,
Gà gáy cuối thôn.

Trường xưa mái ngói,
Sân chơi phượng đỏ,
Bọn trẻ nô đùa,
Cười vui rộn rã.

Hình cô gái quê,
Má đào chưa phai,
Mắt buồn vời vợi,
Giặt chiếu bên sông.

Xin trả lại tôi
Những ngày vui lạ,
Tuổi mơ niên thiếu
Với mối tình đầu.

Huế Vào Hạ
Thomas Larget

lộ thiên theo tiêu chuẩn trung ương quy định để bảo vệ an toàn cho sức khỏe. Được coi là căn nhà khang trang nhất trong làng.

Tôi chỉ ghi lại sơ lược một số mẩu chuyện vui, lạ, đã xẩy ra trong thời gian sinh sống, công tác tại miền đất bán hoang dã này.

Những đêm đầu tiên ngủ một mình trong gian nhà nhỏ giữa một vùng trời hoang sơ xa lạ, tôi chập chờn lắng nghe tiếng đêm xào xạc trong gió, văng vẳng từ ven rừng tiếng vượn hú, hòa với tiếng lừa kêu rền rĩ ai oán kéo dài từ đầu làng đến cuối xóm, rồi tiếng chó sủa, tiếng chuột rúc, tiếng tắc kè kêu trên mái tôn, tiếng chày giã gạo khuya, tiếng khai kinh Muslim vào tảng sáng cao vút rền vang khắp xóm đánh thức mọi nhà cùng hòa điệu cầu kinh. Những âm thanh trên đã quấy rầy giấc ngủ nặng nề mộng mị, chưa kể đến tiếng khóc ré liên hồi của một trẻ sơ sanh ở sát nhà. Suốt hai đêm tiếng khóc dai dẳng làm tôi lo nghĩ. Chắc là đứa bé này bị bệnh gì đó, mình phải qua thăm, đưa nó đi trạm y tế chữa trị mới được! Nhưng sau đó tôi mới phát giác ra tiếng khóc đó là của một dê con nằm ngủ với dê mẹ ở ngoài vườn! Ái chà, sao mà giống hệt tiếng trẻ nít khóc thế! Có một điều an ủi cho những đêm dài thao thức đó là đến canh năm thì có tiếng gà gáy sáng! Ôi, thật là tuyệt diệu! Tiếng gà gáy răng mà êm đềm gần gũi dễ thương rứa! Ấy vậy mà trong một dịp nói chuyện với các bạn đồng sự. Tôi hỏi, trong các tiếng động ban đêm, loại súc vật nào quấy rầy bạn nhất? Hầu hết các cô cậu bạn Mỹ của tôi đều không do dự đáp là tiếng gà gáy sáng! Một cậu đã kể rằng: Tôi ghét con gà trống của bố nuôi tôi quá. Sáng nào nó cũng gáy om sòm làm tôi mất ngủ! Một hôm tôi đã dùng thổ ngữ bập bẹ chỉ con gà và nói với bà mẹ nuôi là tôi muốn giết con gà này quá! Bà gật đầu tỏ ý thông cảm! Trưa hôm đó tôi được ăn cơm với... thịt gà! Té ra bà mẹ nuôi tưởng tôi muốn ăn thịt gà!

Thêm một chuyện gà nữa, nhưng mà gà mái. Để tự túc, tôi làm chuồng nuôi gà để lấy trứng bồi dưỡng. Hỏi mua vài con gà giò mái, hàng xóm bày vẽ: Phải nuôi thêm một gà trống thì gà mái mới đẻ trứng được. Tôi đáp không cần. Mọi người cười tôi là ngây thơ. Ráng cắt nghĩa "giản dị — thực tế — vắn tắt": No cock, no egg! No husband, no baby! Tôi cũng cười lại bảo: Chờ xem! Dĩ nhiên là tôi có trứng gà nhưng không thể ấp nở ra con được! Dân làng ngây thơ chất phác đã thắc mắc cho là dân da trắng có phép phù thủy. Có một đêm giật mình nghe tiếng gà kêu oác oác, tôi vội vã xách đèn pin chạy ra thì từ chuồng gà phóng ra một con gì đó to cỡ con mèo, đuôi xù có sọc trắng, đoán là con chồn. Trở vô nhà định ngủ tiếp thì cảm thấy mình mẩy áo quần xông lên một mùi hôi nồng nặc! Từng nghe kể chuyện chồn hôi nay được chứng kiến tại chỗ. Thật là một kinh nghiệm hiếm có! Nhiều đêm khác nghe tiếng động sột soạt, nhìn ra cửa sổ, dưới ánh trăng, một vài chú khỉ đuôi dài đong đưa trên ngọn cây, đó là chuyện thường.

Trẻ con trong làng có một số bạo gan thích đến làm quen, đi theo lẽo đẽo hay đứng xa vẫy gọi Nha Ma Xô! Một số khác nhát gan, hễ thấy bóng Nha Ma Xô thì khóc thét chạy trốn, in như là gặp phải ông Ba Bị! Chắc chúng nghĩ người gì mà trắng bệt giống ma quá. Cha mẹ chúng cũng lợi dụng đem Nha Ma Xô ra dọa! Mày mà không nín khóc tao sẽ đem đến cho Nha Ma Xô.. ăn thịt! Vậy là đứa trẻ lo nín ngay! Chắc nó nghĩ Nha Ma Xô là mọi trắng ăn thịt người! Một hôm, một phụ nữ đến khẩn khoản mời tôi đến nhà thăm người mẹ già, hỏi lý do thì chỉ cười cười, hỏi riết thì cô khai là mẹ cô lên cơn nói xàm, quậy phá lung tung, nhờ Nha Ma Xô đến dọa chích thuốc thì bà mới chịu yên. Tôi phải rầy rà, đuổi về dặn không được đem Nha Ma Xô ra dọa như vậy! Nha Ma Xô hiền như Ma Xơ chớ đâu phải Ma Lai hay Ma Xó!

Kể ra dân da trắng rất có uy tín với thổ dân ở đây. Họ gọi chung dân da trắng là "Tuba" (có lẽ là Mọi trắng!). Họ nghĩ là Tuba giàu có hay cứu giúp người đau ốm, nghèo khổ. Có lẽ ảnh hưởng của các đoàn công tác xã hội và y tế lưu động. Chúng tôi mỗi người khi về làng đều được trang bị một tủ thuốc cấp cứu thông thường rất dồi dào để tự phòng thân. Mỗi tháng có xe của trung ương đem thơ, tin tức và châm thêm thuốc men cần thiết. Số thuốc này có thể chữa trị các bệnh thông thường cho cả xóm như đau bụng, nhức đầu, ho, cảm sốt nhẹ, đỏ mắt.. nhưng chúng tôi phải rất cẩn thận, hạn chế. Nếu không nhà tôi sẽ biến thành trạm y tế. Hầu như ngày nào cũng có người đến khai bệnh xin thuốc!

Nhiệm vụ của tôi theo giấy tờ chính thức là quản lý một vườn rau công cộng, lập điểm trình diễn, khảo cứu ứng dụng, huấn luyện hướng dẫn kỹ thuật, điều động nhân công... nghe rất xôm tụ, nhưng khi đến nơi thì thấy một khu rào cỏ mọc um tùm cao lút đầu, ngổn ngang gò mối với dừa rừng mọc rải rác đây đó. "Nhân công" của tôi có gần 100 phụ nữ nhưng làm việc trên lô đất riêng được phân chia, với giờ giấc của họ, với phương tiện, phân giống tự túc... Nên "quản lý" với tay không chẳng điều động được ai! Lại thêm vườn sát rừng, chim, khỉ tha hồ khuấy phá nên phần đông chỉ trồng ớt và cà chua địa phương. Mới đầu tôi thấy thất vọng! Thực tế không như mình tưởng! Nông dân Phi Châu chẳng giống nông dân Á châu tí nào! Cả người Mỹ USAID ở đây làm việc cũng khác hẳn những người bạn Mỹ ở Việt Nam. Và thiện nguyện viên chẳng có một phương tiện tối thiểu nào để áp dụng kỹ thuật. Chủ trương là dùng phương tiện theo mức sống của dân... Đường lối này tương tự như chủ thuyết nằm vùng của Cộng sản chỉ khác là chúng tôi không ăn bám, không lừa dối lợi dụng dân! Vậy mà đoàn thiện nguyện tại nhiều nước cũng bị gán ép là nhân viên mật vụ (CIA) của Mỹ! Mặc dù ngay từ phút đầu dự khóa định hướng (orientation), chúng tôi được căn dặn kỹ là tuyệt đối không được tham gia, góp ý hoặc phê bình bất cứ một phe phái chính trị nào tại địa phương. Chúng tôi thuộc tòa đại sứ Mỹ, có thẻ thông hành công vụ, nhưng được dặn là khi có biến cố chính trị thì chỉ nên dùng thông hành dân sự để tránh hiểu lầm, rắc rối! Chương trình Peace Corps có điểm hay là đoàn viên có thể linh động uyển chuyển, tùy điều kiện, khả năng và thiện chí làm bạn, gây tình giao hảo tốt đẹp giữa Mỹ và nước bạn. Trường hợp của tôi, khi thấy rõ là sẽ chẳng làm được trò trống gì với cái vườn công cộng phức tạp kia, tôi đã linh động lập thí điểm trình diễn, khảo cứu ứng dụng ngay tại vườn nhà. Vườn tuy chỉ rộng 100 thước vuông nhưng trồng cũng được khá nhiều thứ. Dựa theo hàng rào là các cây mọc nhanh để làm hàng rào sống như so đũa (sesbania), keo ta (leacaena) và một số dây leo như mướp, đậu, dưa leo và vài cây hướng dương (sunflower). Góc vườn có hố phân rác. Rau cải đủ loại địa phương trồng chứng nghiệm với các giống nhập cảng do tôi xuất tiền túi ra mua. Kỹ thuật áp dụng làm luống, gieo, cấy thẳng hàng. Dùng phân xanh ủ với phân súc vật. Thuốc sát trùng thì dùng sà bông pha với nước. Rau cải gồm cà tưởngchua, cải bắp, carrot, hành tây, cà tím, ớt cay đủ loại... Một góc vườn là chuồng gà, quanh vòng rào nhà tắm và hố tiêu thì trồng hoa tứ quý (hoa dừa) và zinnia đủ màu! Nóc nhà tắm và hố tiêu là giàn dưa tây thơm (passion fruit). Chỉ trong ba bốn tháng sau là vườn nhà tôi sởn sơ hoa lá. Tôi làm hết mọi việc trừ chuyện làm rào, giàn dưa và đội nước từ giếng về nhà thì phải thuê. Trong đời chưa bao giờ lao động nặng nhọc thế và chưa bao giờ thấy công việc hấp dẫn vui thích như vậy! Thật đúng với khẩu hiệu của Peace corps volunteer "The toughest Job I ever loved!" Tha hồ vẽ rồng vẽ rắn, khảo cứu sáng tạo tùy thích! Chẳng cần trình duyệt, khỏi lo báo cáo! "Lương" thiện nguyện so ra rất ít nhưng trong làng thực phẩm rẻ, sống giản dị nên tiêu xài thoải mái vẫn còn dư, vẫn thấy mình giàu sang hơn mọi người xung quanh!

Tôi có căn nhà xinh xắn và khu vườn kiểu mẫu tốt nhất trong làng! Có thể hãnh diện nói là khu vườn kiểu mẫu tốt nhất của các thiện nguyện viên trong xứ Gambia này. Cho nên trung ương đã tổ chức một buổi du hành quan sát cho các thiện nguyện viên khuyến nông của các làng khác về thăm vườn tôi. Du hành đoàn thăm vườn xong còn được thưởng thức thổ sản địa phương do Nha Ma Xô biến chế gồm dưa leo, cải và ớt xanh dầm giấm (pickle), bánh khoai mì + đậu phụng nướng và nước chanh muối. Các bạn trẻ "lé" mắt còn Nha Ma Xô thì phồng mũi.

Dân làng tò mò đến thăm vườn, xin hột giống, xin cây con về bắt chước trồng. Vậy là công tác khuyến nông đã có hiệu quả. Tôi cũng thường xuyên thăm viếng xóm làng, quan sát thực vật và sinh hoạt của bà con! Nha Ma Xô là người da trắng duy nhất nên được làng trên xóm dưới biết mặt biết tên, chào đón thân mật! Cây trái trong làng có cam, chanh, chuối, đu đủ, me, ổi, nhưng nhiều nhất là xoài. Rất nhiều xoài cổ thụ gốc to một người ôm không xuể, tàn lá xum xê cao hơn cả lầu hai ba tầng. Trái rất sai, đến mùa xoài chín trẻ con người lớn tha hồ hái xoài ăn tự do, không

cần phân biệt cây xoài đó của ai. Mà chỉ ăn xoài chín cây. Hễ hái xuống thử mà thấy chưa chín tới thì vứt, hái trái khác, gặp gió to, xoài già rụng khắp nơi chẳng ai thèm ngó tới. Tôi tiếc quá, thỉnh thoảng lượm về, cắt lát, làm "cấp kẻn" (xóc muối dầm đường) cho mọi người ăn thử. Ai cũng khen ngon, nhưng dạy cho làm thì ai cũng lắc đầu bảo không có đường! Vì làng không có phương tiện chuyên chở nên đến mùa xoài, lái buôn từ tỉnh về, mua bao cây. Trèo lên rung cành và dùng sào đập cho xoài rụng hết xuống đất cát. Nhìn họ đập cành xoài mà xót ruột! Sau "trận đòn", cây xoài tả tơi ngó rất thảm thương. Nhưng chỉ sau vài đám mưa lớn, cây xoài tươi tỉnh và bắt đầu đâm chồi non, đơm bông kết trái trở lại! Bên nhà tôi có nghe kể chuyện nông dân khảo cây bằng cách chém cây cột cành những cây chậm ra trái, nhưng chưa bao giờ được chứng kiến. Đây là một bài học kinh nghiệm thấy tận mắt thật là quý hóa! Tại làng nếu mua một đồng Dolasi (độ 10 xu Mỹ) thì được 8 trái xoài, nhưng nếu về tỉnh thì chỉ được một hoặc hai trái là nhiều. Và xoài ở làng chín cây tươi nên ngon ngọt hơn nhiều, ngon như xoài ở VN.

Sản phẩm chính của địa phương còn có đậu phụng. Đậu phụng hột chắc và món đậu phụng nướng ngoài đồng thật tuyệt vời. Những lần tháp tùng nông dân công tác ngoài ruộng xa, qua các rẫy đậu phụng, không cần biết chủ là ai, họ được quyền tự tiện nhổ lên vài bụi, gom một mớ cỏ khô, thảy nguyên bụi đậu phụng vào đốt cho cháy sém vỏ ngoài, hạt đậu tươi bên trong chín vàng. Lần đầu tiên được ăn, thấy thơm bùi, ngon lạ lùng.

Xin kể thêm một món ăn ngon lạ lùng khác nữa khá vui. Số là một hôm cậu em nuôi của tôi săn được con kỳ đà, dài hơn một thước. Cả nhà xúm lại lột da, xẻ thịt và bảo là cơm chiều có món thịt đặc biệt này. Nhìn họ "phanh thây" con "thằn lằn" khổng lồ trên sân đất mà tôi lo quá! Vừa lo món thịt lạ, vừa lo cho đất cát dính trên thịt, làm sao mà nuốt cho trôi đây! Bèn nghĩ kế hoãn binh, thôi đưa cho ta một miếng thịt tươi, về ta nấu nướng, ăn thử. Vậy là được xẻ cho một miếng thịt đuôi cỡ nửa kílô. Về rửa thật sạch cắt ra ướp hành, tỏi, muối, tiêu, xì dầu, chiên lên cho thơm, rồi nấu ragout với hành tây, khoai tây và cà rốt. Ăn thử, ngon tuyệt vời, thịt kỳ đà thơm ngon hơn thịt gà nữa!! Hôm đó là ngày sinh nhật của tôi! Kể lại cho bạn đồng sự nghe, các cô cậu Mỹ trẻ trợn mắt, lè lưỡi, kêu trời! My God! you dám ăn thịt lizard hả! Ghê quá! Tôi

THÔN VĨ NHỚ NGƯỜI

(Mến tặng hương hồn thi sĩ Hàn Mặc Tử)

Vĩ Dạ chiều nghiêng nắng hàng cau,
Vườn ai trúc biếc, ngọc xanh màu.
Nhớ người thi sĩ năm xưa ấy,
Dâng mảnh hương lòng tưởng tiếc nhau.

Người đã ra đi, đã xa rồi,
Dòng nước buồn thiu lặng lẽ trôi,
Hoa bắp âm thầm lay trong gió,
Vẫn nhớ người xưa, vẫn ngậm ngùi.

Trăng đêm chưa kịp chở theo thuyền,
Sao người mặc khách vội lên tiên!
Hay là chán ngán tình nhân thế,
Người đành trở gót, dứt trần duyên?

Áo trắng giai nhân đổi thay mầu,
Thuyền hoa sang bến, biết về đâu.
Bài thơ hò hẹn còn dang dở,
Mà đã bao nhiêu nước qua cầu!

Biệt ly đôi ngả, tuyệt mù xa,
Thôn Vĩ từ đây lệ sương nhòa,
Son sắt, người ơi, thề nguyện cũ,
Tình ai, ai biết có đậm đà?

(Vĩ Dạ, Một chiều hoang)
Hồ Trọng Khôi

nói, gia đình bạn nấu thứ gì thì bạn ăn thứ đó. Nhiều khi họ nấu thịt chồn, thịt rắn mà bạn không biết thì ăn cũng được thôi! Một vài bài học khác, sống với thiên nhiên khá lý thú đối với tôi, là từ khi về làng tôi không cần đến đồng hồ nữa. Giờ giấc ở đây co dãn thoải mái. Dân làng có chiếc đồng hồ chung là bầu trời. Hẹn họp hay làm gì vào tảng sáng thì chỉ tay về phía mặt trời mọc (rạng đông), hay chín mười giờ thì chỉ nhích lên xéo góc (nông dân VN gọi là mặt trời mọc cỡ hai sào), nếu mười hai giờ trưa thì chỉ thẳng đỉnh đầu (mặt trời đứng bóng) rồi cứ thế kim đồng hồ tay hướng về phía mặt trời lặn là sẩm tối, khỏe ru.

Ngắm trăng cũng cho tôi một kinh nghiệm về thời gian rất thú vị. Chín mươi phần trăm dân Gambia theo đạo Muslim. Họ có một lễ lớn trong năm gọi là mùa chay. Mùa chay bắt đầu từ ngày mảnh trăng khuyết chót của tháng mưa vừa chấm dứt (khoảng giữa tháng 11 và 12 dương lịch). Một vài ngày trước đó, chiều nào dân làng cũng tụ tập ngóng chờ mặt trời lặn để nhìn trăng lên ở tận chân trời xa. Vừng trăng họ mong chờ là trăng khuyết, rất khuyết, đến mức chỉ còn thấy nửa vòng chỉ bạc cong. Chiều hôm sau trăng khuyết hoàn toàn mất dạng thì ông tộc trưởng tuyên bố mùa chay bắt đầu từ ngày mai. Mọi người sẽ ngưng hoạt động, nhịn ăn và chuyên cầu kinh suốt ba ngày ba đêm...!

Nhờ tham gia vụ ngắm trăng khuyết, tôi mới vỡ lẽ ra cái đêm không trăng chính là đêm cuối cùng của con trăng, cuối mỗi tháng âm lịch. Vì không có lịch VN, tôi đã áp dụng tìm ra đêm ba mươi tháng chạp âm lịch (đêm trừ tịch trời tối đen như mực) để chuẩn bị đón giao thừa, ăn một cái tết phiêu bạt giang hồ trong cái làng Phi Châu xa xôi ngàn dặm sơn khê, chẳng tìm đâu ra bóng dáng nàng xuân!

Chuyện ngàn lẻ một đêm của Phi Châu dài dòng bất tận, xin kết thúc với một chuyện vui xảy ra trên bãi biển Fajara, Banjul là thủ đô của xứ Gambia, quê hương thứ ba của tôi!

Vào một buổi sáng cuối tuần tôi đang lội nước giỡn sóng trên bờ biển thì gặp một phụ nữ Phi Châu đang tắm với một em bé. Bà vui vẻ chào hỏi và nói biết tôi là Peace Corps Volunteer. Tôi cũng xã giao đáp lễ là: "Trông bà rất quen nhưng không nhớ đã gặp ở đâu?" Bà trả lời: Tôi là đại sứ Mỹ ở đây! Tôi than thầm, chết rồi mình tệ quá! Không nhớ bà Đại Sứ của mình đã gặp trong lễ tiếp tân ngày đầu tiên mới đến, và hai tháng sau được bà cho huấn thị trong lễ tuyên thệ chính thức gia nhập đoàn quân Thiện Nguyện Hòa Bình tại đây! (Thật ra đối với người ngoại quốc, không dễ gì mà phân biệt được những khuôn mặt đồng đen với tóc xoắn ngó rất giống nhau. Hơn nữa trong khung cảnh bên bờ biển bà chỉ mặc áo tắm, khác hẳn lúc bà mặc lễ phục tiếp tân thì làm sao tôi nhận ra được!) Tôi luống cuống xin lỗi...!! Bà mỉm cười thông cảm và cho biết có được báo cáo về kết quả hoạt động của tôi. Bà rất hài lòng! Dặn dò nếu có dự án gì cần ngân quỹ đặc biệt thì cứ liên lạc thẳng, bà sẵn sàng yểm trợ! Tôi vô cùng hân hoan và cảm động. Rất tiếc là sau đó không lâu, sức khỏe tôi bị sa sút (có lẽ vì lao động quá mức và ăn uống thiếu dinh dưỡng) phải rút ngắn nhiệm kỳ công tác. Trong bản báo cáo mãn nhiệm kỳ tôi đã trình bày: Tuy không thể tiếp tục công tác, tôi cũng tự an ủi là đã cố gắng hết mình trong năm đầu tiên. Tôi đã gây được lòng cảm mến và sự tín nhiệm của toàn thể dân trong làng. Tôi ý thức là đã học hỏi được nhiều điều hữu ích tại xứ sở này. Nhiều hơn cả những kiến thức và kinh nghiệm mà tôi đã đóng góp cho họ. Tôi rất biết ơn Peace Corps đã cho tôi cơ hội phục vụ cho xã hội và chứng nghiệm giá trị của cuộc đời vào lứa tuổi cao niên như tôi.

Ban giám đốc xác nhận tuy chỉ phục vụ một năm, nhưng tôi đã hoàn thành nhiệm vụ rất tốt đẹp, đáng khen thưởng.

Vài tháng sau khi về đến Mỹ tôi nhận được bằng Tưởng Lục do Tổng Thống George Bush ký, ghi nhận sự đóng góp tích cực cho chương trình Hòa Bình và Thân Hữu thế giới trong công tác Thiện Nguyện tại Gambia.

Niềm vui thích hãnh diện này xin ghi lại để tưởng nhớ và cám ơn ngôi trường Nông Lâm Mục Blao năm xưa đã cho tôi những kỷ niệm đẹp đầu đời, đã tạo cho tôi cơ hội đóng góp kiến thức Nông Nghiệp cho xã hội nông dân nghèo khổ chậm tiến, và cho riêng cuộc sống cuối đời của tôi thêm phần hào hứng ý nghĩa.

☯ *Trần Thị Cẩm Tuyến*

Tám Người Phụ Nữ Miền Nam Trong Cung Đình Huế

Tôn Thất Tùng

Sau khi bị Tây Sơn truy đuổi, Thế tử Nguyễn Ánh phải bôn tẩu ra Phú Quốc chiêu binh mãi mã với ý chí phục quốc. Nhờ những di dân gốc miền Trung trước kia theo chân các chúa Nguyễn vào Nam khẩn hoang lập ấp hưởng ứng lời kêu gọi nên chẳng bao lâu Thế tử Nguyễn Ánh tập hợp được lực lượng khá mạnh để từ đó cho đến 25 năm sau đánh chiếm Quy Nhơn rồi Thuận Hóa, thống nhất sơn hà và tức vị đăng quang vào năm 1802.

Là một người đa tài nhưng cũng rất đa tình, vị Vua sáng lập triều Nguyễn có hai mươi mốt người vợ, nhưng có một điều rất lạ là một người tài hoa và đam mê như Thế tử Nguyễn Ánh mà suốt hai mươi lăm năm lăn lộn ở miền Nam, gần gũi các cận thần người Nam như các ông Nguyễn Huỳnh Đức, Lê Quang Định, Phạm Đăng Hưng v.v.. Ngài lại không có mối tình nào ở miền Nam nơi đã cưu mang mình và cũng chính nhờ đất và người miền Nam, Ngài đã dựng nên nghiệp lớn.

Trái lại, hậu duệ của Ngài, vua Minh Mạng, ở tại miền Trung, trong khi đã có nhiều vợ lại có đến bốn phụ nữ miền Nam được tiến cung để hầu hạ mình rồng là các bà:

1. Tả Thiên Nhân Hoàng Hậu Hồ Thị Hoa (1791-1801), người huyện Bình An, tỉnh Biên Hòa. Con gái Phúc Quốc Công Hồ Văn Bôi. Vì tên bà là Hoa nên những gì có chữ Hoa đều phải nói trại ra. Chẳng hạn cầu Hoa ở Gia Định phải gọi cầu Bông. Cửa Đông Hoa ở Huế phải gọi là cửa Đông Ba. Tuồng hát bội Phàn Lê Hoa phải đổi thành Phàn Lê Huê v.v.. Bà nầy không có con.

2. Thục Tần Nguyễn Thị Bảo (1801-1851), người Gia Định. Con quan Tư Không Nguyễn Khắc Thiệu. Bà sinh hạ được một hoàng tử là Miên Thẩm (1818-1904) và ba công chúa là Vĩnh Trinh (1816-1892), Trinh Tân (1824-1904) và Tĩnh Hòa (1830-1882). Về sau cả bốn người con nầy đều trở thành những nhà thơ nổi tiếng ở Thần kinh với các biệt hiệu Tùng Thiện Vương, Quy Đức, Mai Am và Huệ Phố, và đã để lại cho đời nhiều bài thơ giá trị.

3. Hòa Tần Nguyễn Thị Khuê, tự Bích Chi (không thấy ghi năm sinh trong NPTTP), người huyện Phúc Lộc, Gia Định. Con gái quan Chưởng Cơ Nguyễn Văn Thanh, trấn thủ tỉnh Quảng Nam. Bà sinh được bốn hoàng tử và sáu công chúa.

4. Cung Tần Nguyễn Thị Xuân, người Gia Định. Con gái Chinh Đội Nguyễn Văn Châu. Bà chỉ sinh được một hoàng tử là Miên Ký, là người giỏi văn chương dưới triều Tự Đức nên được phong tước Cẩm Quốc Công.

Hậu duệ vua Minh Mạng là vua Thiệu Trị có ba bà vợ người miền Nam là:

1. Thái Hoàng Thái Hậu Từ Dũ (1810-1901) tức bà Phạm Thị Hằng tự Nguyệt, người huyện Tân Hòa, tỉnh Gò Công. Con quan Lễ Bộ Thượng Thơ Phạm Đăng Hưng. Bà là người hiền thục, đoan trang nên được Thuận Thiên Cao Hoàng Hậu tuyển vào cung làm vợ Hoàng tử Miên Tông, tức vua Thiệu Trị sau nầy. Bà sinh được hai công chúa và một hoàng tử là Hồng Nhậm tức vua Tự Đức sau nầy. Bà đã sống qua mười đời vua kể từ Gia Long là thời gian bà chào đời cho đến lúc băng hà năm 1901 đời vua Thành Thái năm thứ 13 và là một bà Hoàng đã chứng kiến nhiều sự kiện lịch sử xảy ra trong cung đình cũng như trên đất nước.

2. Lệnh phi Nguyễn Thị Nhậm, người An Giang. Con của Quận Công Nguyễn Văn Nhân. Bà Nhân được tuyển vào cung cùng một thời gian với bà Phạm Thị Hằng, nhưng vì bà chỉ sinh hạ một hoàng nữ là An Thạnh công chúa nên chỉ được phong tước Lệnh phi.

3. Đức Tần Nguyễn Thị Huyền, người miền Nam nhưng gốc Thừa Thiên. Con của Cai Cơ Nguyễn Đức Xuyên. Bà sinh được một

hoàng tử là Hồng Diêu (1845-1875) là hoàng tử thứ 25 của vua Thiệu Trị.

Hậu duệ vua Thiệu Trị là vua Tự Đức có một bà vợ người miền Nam là bà Học phi Nguyễn Thị Hương, người Vĩnh Long (Trong NPTTP không thấy ghi tên cha mẹ). Bà không sinh được con nên nhận công tử Ưng Hạo tự Đăng sinh năm 1870, con Mệ Hường Cai làm con nuôi. Sau khi vua Tự Đức băng hà, Ưng Hạo được tôn làm vua tức là vua Kiến Phúc.

Người phụ nữ miền Nam sau cùng vào cung đình Huế là Nguyễn Hữu Thị Lan (1914-1963) người Gò Công. Con của điền chủ Nguyễn Hữu Hào. Bà là Hoàng Hậu sau cùng của Hoàng Đế Bảo Đại, vị Hoàng Đế cuối cùng của triều Nguyễn và cũng là của nước Việt Nam. Năm 1936 Hoàng Hậu Nam Phương sinh Hoàng Thái Tử Bảo Long. Năm 1937 sinh công chúa Phương Mai. Năm 1938 sinh công chúa Phương Liên. Năm 1942 sinh công chúa Phương Dung. Người con út của bà là hoàng tử Bảo Thắng sinh năm 1943. Hiện năm người con nầy đều có gia đình và sống tại Pháp.

Theo dư luận thì cuộc hôn nhân của Hoàng Đế Bảo Đại với cô Nguyễn Hữu Thị Lan là một cuộc hôn nhân có sự sắp đặt của người Pháp, nhưng đó chỉ là tin đồn. Chỉ có sự thật không thể chối cãi là đôi uyên ương Bảo Đại — Nam Phương rất đẹp và rất xứng đôi như Đinh Việt Thủy đã trích dẫn lời bình phẩm của báo chí ngoại quốc thời bấy giờ nói về vua Bảo Đại và hoàng hậu Nam Phương: *"Cặp hoàng gia đẹp và khả ái của thế giới"* (Bài The Last Emperor, tuyển tập Nhớ Huế số 9 năm 1997).

Tám người phụ nữ miền Nam ở trong cung đình triều Nguyễn như đã nói trên đây thì bà Từ Dũ được sử sách nhà Nguyễn nhắc đến nhiều nhất vì bà là người có nhiều ảnh hưởng đối với các vua Thiệu Trị, Tự Đức, Hiệp Hòa, Kiến Phúc và Hàm Nghi. Trong số các phi tần, bà được hoàng tử Miên Tông yêu quý nhất nên sau khi Miên Tông lên ngôi Vua bà được phong làm Chánh Phi và cho bà ngồi phía sau bức màn nghe những lời Vua bàn bạc với các quan. Ngoài việc giúp Vua về chính trị bà còn trông nom sắp đặt mọi việc trong cung với tư cách một nữ Quan. Bà rất nhân từ với các phi tần dưới quyền, không bao giờ ghen tương đố kỵ và thương yêu con của các phi tần khác như chính con của bà nên vua Thiệu Trị thường ban lời khen. Theo sách Đại Nam Chính Biên Liệt Truyện thì trước khi băng hà, vua Thiệu Trị đã nói với các đại thần: "Quý phi là nguyên phối của Trẩm, công dung ngôn hạnh đoan trang, phước đức hiển minh, sau nầy con cháu ắt hưởng phúc dài lâu lại tận tụy giúp Trẩm trong bảy năm cầm quyền. Ý Trẩm muốn sắc lập hoàng hậu cho chính vị trong cung nhưng tiếc thay chưa kịp". Vì vậy, năm 1848 vua Tự Đức làm lễ tấn tôn bà là Hoàng Thái Hậu. Từ Dũ Hoàng Thái Hậu mất ngày năm tháng tư năm Tân Sửu (1901) năm Thành Thái thứ 13, thọ 93 tuổi. Và được táng bên phải lăng vua Thiệu Trị.

Bệnh viện sản khoa ở đường Cống Quỳnh Sài Gòn được đặt tên Từ Dũ là để ghi nhớ công đức của Hoàng Thái Hậu Từ Dũ. Đúng ra tên hiệu của bà là Từ Dụ, theo nghĩa chữ Hán là "Nhân từ và độ lượng". Nhưng về sau không hiểu do một sự lầm lẫn nào đó người ta viết chữ Dụ thành Dũ và trở thành thói quen không thay đổi.

Những bà vợ miền Nam trên đây đã sinh cho các vua nhà Nguyễn mười Hoàng tử và mười lăm Công chúa. Do đó, tám ông ngoại và tám bà ngoại và rất nhiều cô, dì, cậu, mợ của các ông Hoàng bà Chúa triều Nguyễn đều là người Nam. Do sự liên hệ tình cảm và huyết thống đã có từ lâu mà người miền Nam đã gắn bó với nhà Nguyễn. Ngay cả cho đến ngày nay, mỗi khi nhắc đến các vị Vua triều Nguyễn, người miền Nam vẫn còn tỏ lòng trìu mến. Có thể đó là một trong những lý do khiến hai nhân vật miền Nam là Trần Văn Giàu và Trần Bạch Đằng đã xuất bản cuốn "ĐÁNH GIÁ LẠI NHÀ NGUYỄN" vào năm 1993. Trong đó có những câu: "Có nhà Nguyễn, chúng ta mới có những di tích lịch sử tầm vóc quốc tế trên xứ Huế mà chúng ta không thể phủ nhận v.v..."

Orange County,
mùa hè năm 1998

☯ ***Tôn Thất Tùng***

Tài liệu tham khảo:

— Đại Nam chính Biên Liệt Truyện của Quốc Sử Quán Triều Nguyễn

— Nguyễn Phước Tộc Thế Phả của nhà xuất bản Thuận Hóa

— La Famille d'Annam của Nguyễn Tiến Lãng.

■

ĐÔI NGẢ

Hoàng Bích Đào

Cho nhau cho cả tự do
Cho nhau đến nắm than tro
cuối đời.

— Anh e rằng chuyện chúng mình rồi cũng chẳng đến đâu!

— Anh nghi ngờ tình yêu của em?

— Không, từ lúc gặp em, anh thấy như mình mới yêu lần đầu. Có em, con người anh như đổi mới, như trẻ lại, đôi lúc anh thấy lạ với chính mình. Với những rung động mà anh tưởng chừng như không phải là anh. Anh đã tìm thấy những gì anh từng ao ước ở một người vợ, mặc dù, có lẽ em sẽ không bao giờ trở thành người vợ yêu quí của anh.

— Sao anh lại nói thế?

— Bởi vì... Bởi vì anh hiểu được lòng em. Em không bao giờ vượt qua được chính em.

— Có gì phải vượt qua? Em đã sống một mình từ bao năm qua. Em đã một mình nuôi con. Nay các con khôn lớn, thành danh, đâu có gì ràng buộc nữa?

— Cuộc sống mười lăm năm qua của em đã trở thành thói quen. Thành quả của em được bạn bè khen ngợi. Tất cả điều đó tạo thành một hàng rào chắn mà em không nhận ra. Anh đã thấy ở em những sự e ngại người thân quen biết tình yêu của chúng mình.

— Em... em..., tại sao phải sợ? Em có quyền yêu có quyền sống cho chính mình chứ? Có gì không chính đáng đâu? Anh cũng độc thân. Em cũng thế. Chúng ta có quyền yêu chứ?

— Dĩ nhiên. Trên mặt pháp lý chẳng có gì phải bàn. Chúng ta đều độc thân, yêu nhau là chuyện thường tình. Nhưng... em thì không được như vậy!

— Sao lại không được! Em cũng là đàn bà, có những rung động, có những ước mơ. Em mơ có được một người yêu, một người bạn, để trong những lúc cô đơn buồn bã, tâm sự với nhau bằng những lời lẽ chân thực xuất phát từ con tim mà không phải e dè.

— .....

— Như anh đã biết, em vừa lớn lên cha mẹ gả lấy chồng. Rồi sau đó bổn phận làm vợ, tiếp tục làm mẹ.

— Anh đã biết, nên rất thương yêu em, và tự hứa sẽ không bao giờ làm em đau khổ thêm một lần nữa.

— Em đã phấn đấu với cuộc đời, sống trong niềm vui khi thấy các con khôn lớn và hãnh diện với những thành quả mà em đã tạo được. Có lẽ vì thế mà em đã trở thành kiêu hãnh trước những tình cảm của những người đàn ông muốn đến với em. Em tưởng chừng con tim em đã trở thành chai đá. Không ngờ khi gặp lại anh, những ước mơ đã lắng sâu trong tiềm thức bây giờ lại trỗi dậy, thoát khỏi sự kiềm tỏa của em. Em thực sự muốn được sống bên anh cho đến giờ phút sau cùng. Vì đời mình cũng chẳng còn bao năm.

— Vậy em có muốn anh vuốt tóc em, thì thầm ru em vào giấc ngủ không?

— Sao lại hỏi vậy? Đó là một điều mà...

— Thế thì hôm nay, anh rất sung sướng và vô cùng hạnh phúc, em ở lại đây cho niềm mơ ước của anh trở thành hiện thực. Sáng mai khi tiếng chim hót hiên ngoài em mở mắt, và thấy mình gối đầu trên tay anh âu yếm.

— .....

— Đấy! Em thấy chứ! Em đang lo sợ phải không? Có phải em sợ các con và những người thân thích, bạn bè?

— Tại sao phải sợ? Nhưng mà... nhưng mà em không muốn các con lo lắng vì mẹ nó chưa bao giờ vắng nhà mà không có lý do.

— Thì sẵn điện thoại đây, em hãy gọi báo cho các con em biết hôm nay em không về...

— .....

— Nói vậy thôi, anh rất thương yêu em. Anh kính trọng tình mẫu tử nơi em. Anh không muốn đưa em vào một tình thế khó xử. Chỉ muốn gợi cho em có một cơ hội để thấy mình mà thôi.

— Thế anh nghĩ rằng em không thương anh hay sao?

— Không. Anh không nghĩ thế. Nhưng tình yêu của em,

không như tình anh yêu em — Thú thật với anh rằng em rất hạnh phúc, nhưng hạnh phúc không trọn vẹn! Mỗi lần chúng mình gặp nhau, sau đó lương tâm em bứt rứt. Chính em đã cố cưỡng lại ý muốn gặp anh nhưng không được, để rồi chúng ta lại gặp nhau với những rung động như tình yêu ban đầu. Điều đó, đôi lúc làm em sợ hãi với chính mình!

— Chính vì thế mà anh buồn, vì biết rồi đây chuyện chúng mình cũng chẳng đi đến đâu! Nhưng chính vì thế mà anh yêu em rất nhiều, rất nhiều và cũng vì thế, nên anh muốn em còn được yên vui trong cuộc sống và còn giữ mãi niềm ước mơ. Anh không dám khuấy cho mặt hồ xao động để em giữ trong tim một mối tình đằm thắm cho đến giây phút cuối đời.

— Thế nên anh muốn...

— Anh không lãng mạn như thế, nhưng vì anh hiểu em hơn nưa, nên muốn tránh cho em sự bất an, do chính em tạo dựng, để rồi tình yêu cũng theo đó mà phai tàn.

— Em thật sự không hiểu anh muốn nói gì?

— Anh muốn nói rằng em như một loài chim quí, đã sống lâu trong chiếc lồng son, cũng có một khoảng không gian để bay nhảy, cũng có hoa lá trong khu vườn để ngắm nhìn. Đôi lúc chim cũng muốn sổ lồng bay về đỉnh núi cao xa, nhưng ở đó có nhiều giông bão, chim chưa quen đời sống mới, lúc ấy nhìn về chiếc lồng xưa thì chỉ còn lại dư ảnh, chim sẽ buồn rầu nuối tiếc những chuỗi ngày qua...

— Tại sao anh ví em như chim trong lồng? Em hoàn toàn tự do mà.

— Đúng. Em hoàn toàn tự do. Nhưng tự do ở trong lồng! Em không thấy sao, mỗi khi gặp nhau, em đều phải dè dặt để che dấu người thân, vì sợ dư luận. Đã gần mười năm rồi còn gì! Mọi người quanh em đều thấy em là thần tượng, là người đàn bà mẫu mực... Khổ nỗi, họ thích nhìn em nhưng không sống theo em. Rồi lâu dần... lâu dần trở thành tượng đá biết đi! Để rồi đến ngày chúng ta gặp lại nhau, tượng đá mới hay rằng mình vẫn còn một con tim biết rung động! Em đã sống theo khuôn thước đạo đức, đoan trang với bốn chữ "tiết hạnh khả phong" mà người đời đã tặng cho em. Bây giờ em có dám phá bỏ thần tượng trước mặt mọi người không? Anh hỏi, nhưng anh đã trả lời hộ cho em rồi đó! Anh thương em vô cùng!

— Em đã quen nếp sống đó rồi, chắc muốn thay đổi cũng phải có thời gian. Em mong rằng tình mình sống mãi.

*

Mùa thu, mùa khói sương, mùa u ám. Đã gần trưa, lớp sương mai vẫn còn vương vấn trên đỉnh đồi phủ mờ những hàng cây lá úa vàng, hiu quạnh. Ánh sáng vàng võ sau đám mây mù không đủ sưởi ấm cỏ hoa. Một màu trắng bạc như phấn rắc, trải đầy trên thảm cỏ và những bụi cây hoang dại. Dưới đồi, về hướng đông, là biển cả mênh mông. Ven bờ là một dải nước xanh tiếp cận bãi cát vàng. Xa hơn, chỉ thấy màn sương khói che lấp cả chân trời. Những đàn hải âu bay lượn, thỉnh thoảng cất tiếng kêu như điểm xuyết vài nét sống động trên cảnh vật còn đang yên nghỉ. Trong khung cảnh trầm tịch của một buổi sáng cuối thu nơi ven đồi, biển vắng, một đôi thanh niên nam nữ, đang chậm rãi theo đường mòn tiến lên đỉnh đồi. Cả hai gọn gàng trong trang phục mùa đông xám nhạt. Trên tay mỗi người cầm một bó hoa vàng và trầm hương. Thiếu nữ nói với chàng trai:

— Em biết không, những năm sau nầy, mẹ có tâm sự buồn mà không muốn cho chị em mình biết.

— Em cũng cảm nhận như vậy, nhưng không dám hỏi mẹ, và tánh tình của mẹ hình như có phần thay đổi. Mẹ không còn thích đến những chỗ đông người, náo nhiệt như ngày xưa, những nơi mẹ thường đưa chị em mình đi chơi nữa, mà mẹ thích đến với thiên nhiên. Mẹ muốn dạo vùng núi đồi, ưa ngắm nhìn trời cao biển rộng. Em sợ mẹ buồn vì chị em mình đều có gia đình, nên em lại càng săn sóc mẹ chu đáo hơn nữa.

— Chị có nhớ, có một lần chúng mình đưa mẹ đi biển chơi, thấy mẹ đứng yên trên cầu tàu, nhìn theo một áng mây trắng, trôi lững lờ trên bầu trời xanh. Lúc đó, chị đến bên mẹ mà không dám gây tiếng động, mãi cho đến khi tảng mây trắng tan vào cõi hư vô, mẹ cúi nhìn làn nước và cất tiếng thở dài. Lúc ấy chị thấy thương mẹ mà đau xót cả lòng. — Nhưng mẹ vẫn yêu thương vui đùa với chúng mình.

— Ừ! Thì lúc nào mẹ không yêu thương chị em mình. Vì quá thương yêu, lo lắng mà mẹ cứ lo sợ mẹ chết đi không ai săn sóc chị em mình!

Hai người, vừa đi vừa nói chuyện. Bỗng nhiên người thanh niên chậm bước, chỉ tay

về hướng đỉnh đồi, nói với giọng hơi ngạc nhiên:

— Chị coi kìa, hôm nay cũng có người đi thăm mộ như chị em mình. Thiếu nữ hờ hững, trả lời:

— Trên đồi có nhiều ngôi mộ, thì người ta thăm mộ thân nhân như mình vậy. Có gì đâu lạ.

— Nhưng mà... sao người nầy, hình như đang lom khom cúi nhìn mộ của mẹ?

Bây giờ thiếu nữ mới chú ý. Cả hai bước nhanh lên đồi.

Trước mặt hai chị em là một người đàn ông khá lớn tuổi. Có lẽ đã ngoài sáu mươi, đang đứng cạnh ngôi mộ của người mẹ. Bước chân hai người đến gần, gây tiếng động, khiến người đàn ông ngẩng mặt lên nhìn với vẻ ngạc nhiên. Hai chị em cũng ngạc nhiên không kém khi bắt gặp người đàn ông vừa rồi đã cúi xuống, đọc những hàng chữ trên bia mộ mẹ mình. Thanh niên lên tiếng trước:

— Thưa bác, bác tìm mộ ai?

Vừa hỏi, hai chị em quan sát người đàn ông xa lạ, gương mặt nhiều nét phong trần, quần áo có vẻ xuề xòa nhưng đúng đắn, vầng trán cao, đôi mắt hiền từ, gây cho người đối diện một sự tin cậy. Nghe hỏi, người đàn ông có vẻ hơi lúng túng:

— Tôi... tôi tìm mộ của một người... quen với bạn thân của tôi...

— Thưa bác, đây là mộ của mẹ cháu.

Câu nói của thiếu nữ, hàm ý xác định rằng ngôi mộ mà người đàn ông đang tìm không phải là ngôi mộ nầy. Người đàn ông đã thừa hiểu thanh niên, thiếu nữ nầy là ai, song vẫn hỏi tiếp:

— Hôm nay, có phải là ngày giáp năm của bà đây?

Hai chị em vô cùng sửng sốt:

— Dạ đúng. Thưa bác, tại sao bác lại biết, bác có quen với mẹ cháu hay sao?

Thanh niên nôn nóng hỏi dồn dập. Còn thiếu nữ cũng có cùng một thắc mắc, nên đứng nhìn chăm chú, chờ câu trả lời. Người đàn ông vẫn chậm rãi, sau tiếng thở dài, nửa như trút bỏ được gánh nặng, vẫn giọng ngập ngừng, nhưng thân mật nói:

— Thật ra, tôi đã bất ngờ gặp hai cháu ở đây. Tôi với người đang yên nghỉ dưới mộ nầy không hề quen biết.

Một thoáng ngập ngừng, như để tìm lời, người đàn ông nói tiếp:

— Nhưng hôm nay tôi đến đây, vì có sự yêu cầu của người bạn thân tôi mà thôi.

Tưởng rằng những thắc mắc sẽ được giải tỏa, nhưng câu trả lời của người đàn ông lại càng gây cho hai chị em thêm sự khó hiểu. Thiếu nữ thay em lên tiếng:

— Thưa bác, người bạn thân của bác sao lại không đến, để bác phải đi thay, và ông ấy có liên hệ gì với mẹ cháu?

Người đàn ông đưa mắt nhìn hai chị em, ra chiều suy nghĩ đắn đo, như không muốn trả lời vội, mà lại đăm chiêu như cố tìm cho ra lời. Trong khi đó hai chị em vẫn giữ thái độ đợi chờ.

Không khí quanh ngôi mộ đang bao trùm những giây phút im lặng. Trời buổi sáng nhiều mây, càng làm cho cảnh vật quanh đây như ngưng đọng lại. Một làn gió se lạnh, thoáng nhẹ qua, người đàn ông lật cổ áo, kéo thấp chiếc mũ che lấp cả vầng trán cao, giọng ông vẫn tiếp tục thân mật:

— Hai cháu ngồi xuống, để tôi kể cho nghe một câu chuyện.

Hai chị em lẳng lặng vâng lời. Người đàn ông lấy trong túi áo ra, một gói giấy đỏ, đặt xuống mộ, rồi cùng ngồi và cất lời:

Ngày ấy, cách đây ba mươi năm, nơi chốn cố đô, có đôi bạn, chàng là sinh viên, nàng là nữ sinh trung học, cả hai đã thầm yêu nhau mà không dám tỏ.

Tuy nhiên, hai người cũng đã trao nhau nhiều kỷ niệm. Khi đi học xa về, chàng thường tặng nàng những quyển sách quý. Và khi tiễn chàng đi, nàng cũng trao cho chàng cánh hoa khô ép trong tập sách, những chiếc khăn thêu... Được một hai năm — chàng, việc học hành chưa xong — nàng đã bị cha mẹ gả đi lấy chồng. Chồng nàng, một người đàn ông có sự nghiệp. Nếu chỉ có thế thôi, và nếu cuộc đời bằng phẳng như giòng sông trôi êm đềm thì có lẽ cũng không có câu chuyện ngang trái như hôm nay. Nhưng thế sự, vốn thăng trầm, nàng trở thành góa phụ sống với con. Chàng, thì tan vỡ mối tình đầu và sống nổi trôi theo vận nước. Để rồi... bất ngờ, hai người gặp lại nhau trong lúc hai mái tóc đã điểm sương nhưng mối tình đầu ngày xưa bừng dậy như thời son trẻ.

Thế rồi những buổi hẹn hò, những lần gặp gỡ, hai người lại trao cho nhau những tình cảm thắm thiết. Cả hai tưởng chừng như hạnh phúc đã có trong tầm tay. Nhưng sự thật không phải như thế. Hạnh phúc không phải tự nhiên đến, mà phải trả giá. Phần chàng vẫn sống một mình cô độc. Riêng nàng, trưởng thành

trong một gia đình Nho giáo, nên dù các con đã lớn, đã lập gia đình, nhưng nàng để mắt trông chừng từng bước con đi, vui buồn theo nhịp sống của chúng. Thiên chức làm mẹ trong bao năm đã quá đủ khi một mình đã phấn đấu nuôi dưỡng các con với bao tình yêu thương lo lắng. Bây giờ, các con đều nên danh phận, nhưng nàng vẫn muốn hy sinh tình cảm của người đàn bà, để các con hãnh diện về người mẹ của chúng. Dù vậy, tiếng nói của con tim đôi lúc đã vượt ngoài lý biện. Cuộc tình của hai người trở thành phức tạp, mặc dù rất thương quí mến nhau. Nàng bị dằn vặt giữa tình yêu và khuôn sáo của cuộc đời. Đó là bức hoành phi "tiết hạnh khả phong", là thứ khuôn sáo đã bóp nghẹt những con tim biết rung động. Nhưng đôi lúc, cũng chính vì nhờ những khuôn sáo đó mới có những gia đình, có những đứa con ngoan hiền, hiếu thảo. Tình yêu hai người, từ lâu đã có sự trắc trở ngấm ngầm. Chàng, khi gặp nàng, những tưởng sẽ cùng nhau dựng nên tổ ấm, nhưng qua nhiều lần trò chuyện, chàng đã hiểu! Từ đó, hạnh phúc chỉ là chiếc bóng thoáng qua, để lại đàng sau những nỗi buồn không mãn nguyện! Càng thương yêu, chàng càng tôn trọng những thao thức, dằn vặt của nàng. Chàng không hề phê bình quan điểm đạo đức của nàng, mặc dù điều đó làm ngăn trở cuộc tình và ngược với quan niệm của chàng.

Cuộc đời cứ thế mà trôi. Hạnh phúc như bong bóng nước, một thoáng long lanh rồi tan vỡ. Có một lần, nàng nói với chàng rằng, nàng "Không mong gì hơn, tình yêu này sẽ sống mãi với thời gian". Nàng tiếp: "Rồi.. cũng có ngày em sẽ nói cho con em biết."

Rồi ngày ấy đã đến thật, nhưng đến bằng những lời cáo phó trên mặt báo đăng tin buồn nàng đã vĩnh viễn ra đi! Chàng sững sờ, đau đớn, đến nỗi nước mắt chảy ngược vào tim! Từ đó, đối với chàng, cuộc sống chỉ là những ngày chờ về cõi chết!

Sức khỏe hao mòn vì quá thương nhớ người yêu, như đã thu ngắn những ngày buồn bã, cô đơn. Trước giờ phút cuối, chàng mới thổ lộ mối tình để nhờ bạn thỏa mãn lời trăn trối sau cùng là: Khi chàng chết, hãy đem thiêu, rồi đem nắm tro tàn rải lên mộ nàng vào ngày nàng đã ra đi cách đây một năm.

Trời cuối thu, vẫn một màu ảm đạm, những làn gió nhẹ mang về màn sương mỏng phủ trùm lên cảnh vật hoang vắng của ngọn đồi bên mộ chí, với giọng kể trầm trầm, câu chuyện tình buồn, đã làm người nghe bàng hoàng, xúc động, quên đi hiện tại, quên cả màn sương ướt lạnh đang phủ đầy.

Khi người đàn ông ngưng kể câu chuyện, hai chị em cất tiếng thở dài, buồn rầu đứng lên. Thiếu nữ lấy khăn lau nước mắt...

Giọng người đàn ông lại cất lên, như kéo hai chị em trở về với thực tại:

— Sở dĩ tôi phải kể câu chuyên nầy, là vì tôi đã lỡ gặp hai cháu ở đây, và tôi muốn xin phép hai cháu để thực hiện lời trăn trối sau cùng của người bạn.

Không chờ câu trả lời, ông ta mở gói giấy đỏ đang đặt trên mộ và đó là thân xác của người bạn, đã biến thành tro tàn. Nâng gói giấy trên tay, đưa mắt nhìn như chờ đợi. Hai chị em không nói lời nào mà cùng tiến lại gần nhìn gói tro, rồi người thanh niên từ từ đưa tay bốc một nắm... rải nhẹ lên mộ mẹ. Ánh mắt rưng rưng... Thiếu nữ hai tay ôm mặt nức nở... Người đàn ông có vẻ hài lòng, đi quanh ngôi mộ rải đều, rải đều... từ đây thân xác chàng sẽ cạnh nàng mãi mãi.

Cách đó không xa, đôi ba ngôi mộ quạnh hiu, im lìm lẫn vào những lùm cây bụi cỏ hoang dại. Khu mộ địa càng vắng vẻ thê lương trong một ngày trời thu ảm đạm. Bầu không khí thoang thoảng hương trầm, càng đượm màu linh thiêng huyền bí. Hai thế giới âm dương như đang được nối liền. Một cơn gió lang thang lạc lõng cuốn những chiếc lá khô rạt rào, kéo theo những tàn tro vàng mã bay tản mạn về cuối đồi hiu hắt! Bàng hoàng, thiếu nữ lòng quặn thắt nghĩ đến người mẹ yêu quí, suốt cuộc đời vất vả hy sinh cho các con, mà nàng tưởng là sẽ không bao giờ rời xa mẹ. Thế mà... nay đã chia lìa cách biệt! Nghẹn ngào trong nước mắt: "Mẹ ơi! Con thương mẹ vô cùng! Con ân hận đã không thấu hiểu nỗi niềm riêng của mẹ!" Như đâu đây có tiếng mẹ âm trầm: "Các con là nguồn sống, là hạnh phúc của mẹ. Mẹ đã quên mình và quên luôn mối tình đầu. Mẹ đã chọn, và mẹ an vui!"

Tiếng chim gọi đàn vang vọng. Mặt trời như sáng hơn, xuyên qua lớp sương mù, chiếu những tia nắng nhẹ lên ngọn đồi, lên ngôi mộ. Hàng cây trơ vơ trên đỉnh cũng được phủ lớp ánh vàng như đang nhận vào sức sống cho mùa sau.

Paris 4-9-1998

☯ ***Hoàng Bích Đào***

Những Âm Thanh, Những Màu Sắc Cũ

Thuở thiếu thời mình lên tỉnh học
Đường thì xa mà hai buổi đi về
Bước chân chim, đùa vui sỏi đá
Mưa xế chiều đông nắng đốt trưa hè.

Nhà đan thanh khuất sâu lòng xóm nhỏ
Nét khiêm từ, như gái Huế miền quê
Mảnh vườn rộng, choàng tay ôm mới đủ
Hoa trái thơm cành, ong bướm không đi.

Cánh đồng xa, lúa xanh rờn nhung lụa
Đàn cò bay, bướm trắng lượn trên không
Đêm thinh lặng, điệu mái nhì đưa đẩy
Thuyền theo trăng, trôi nhẹ với dòng sông

Làm học trò đêm nào cũng thức
Ngọn đèn dầu hôi, dầu phụng, dầu dừa
Soi hàng chữ chập chờn hư thực
Ngồi học bài, con mọt sách ngày xưa.

Chuyến tàu khuya, chạy ngang qua ga vắng
Bơi giữa trời con vạc lẻ kêu sương
Bụi tre già, cựa mình run gió lộng
Chiếc mo cau, khô rụng chết sau vườn.

Ngủ nửa đêm, mắt chưa tròn giấc ngủ
Mới tinh sương đã rộn tiếng bồ chao
Gà mái gọi, đàn con bươi đống rạ
Con chim sâu lanh lảnh hót bên rào.

Trường Quốc Học, dặm dài năm cây số
Hai dãy mù u, phượng vĩ lao xao
Tan học về, chim khách vui đầu ngõ
Mẹ cười yêu, con khách lạ chim chào

Chiếc áo dài đen, cậu cho con mặc
Cũ lâu rồi, nên vạt rách, vai sờn
Mẹ khâu nhíp từng đường kim mũi chỉ
Lòng thương con, chằm vá ấm thân con

Tuổi mười sáu em bán hàng bên chợ
Anh thư sinh, thua thầy khóa thôn trong
Nhà gần gũi, lâu lâu cũng gặp gỡ
Hẹn hò nhau, mai thành vợ thành chồng.

Đời rất thực, gởi mình lên phố lạnh
Rừng núi âm u, hiu quạnh thác hồ
Con nhỏ dại, có vợ hiền bên cạnh
Mấy mươi năm, lữ thứ tới bây giờ

Kỷ niệm trẻ thơ vẫn còn tươi rói
Thoáng hiện đâu đây, khắc đậm trong hồn
Âm thanh màu sắc, mất chìm một nửa
Nghe ngậm ngùi, trong nỗi nhớ đơn phương

Tình tri kỷ, trọn chiều xuân họp mặt
Đọc một bài thơ, cạn một hồ trường
Gió se lạnh, bởi gió mùa đông bắc
Giục giã ngày trở lại cõi mù sương

Việt Trang

Chuyện Cỏ Cây

"May I a small house and large garden have;
And a few friends and many books both true
Both wise, and both delightful too!"
Abraham Cowley

Nguyên Khánh

Hiện tượng EL NINO đã đem mùa Xuân lại với Thủ đô Washington sớm hơn một tuần và đánh lừa du khách: ngày April Fool 1998 chỉ còn hoa đào cuối mùa tơi tả. Dân thủ đô năm nay trốn được mùa tuyết và không quên chia xẻ niềm bất hạnh với các tiểu bang bị bão lụt tàn phá, và cả quê hương bên kia bán cầu thiệt hại nặng nề do bão Lida.

Cứ đến tháng tư là những kẻ quan tâm đến cỏ cây lại lo kiểm điểm hoa lá trong nhà, trong vườn, sửa soạn ươm hạt trong nhà, đem cây ra vườn để kiếm chút không khí và nắng trời sau ba bốn tháng phải trốn tránh những cơn lạnh đột xuất, hàn thử biểu xuống thấp dưới 0 độ C. Bắt đầu những niềm vui mới, pha với lo lắng chờ đợi... Cũng có ganh tị với bà con ở miền tây, mùa Xuân bên ấy đến sớm hơn và mùa đông không da diết lắm. Thật là bất công: Tại sao hoa Trà My (Camellia) bên đó trồng hàng rào, mà bên này phải nâng niu từng đóa một? Còn Impatiens cao đến 5, 6 feet và mọc năm này qua năm nọ, đâu có phải trồng hàng năm như ở đây! Hoa Cyclamen thì tha hồ phơi sương phơi nắng, đâu có khó tính, phải chọn chỗ trong nhà như bên này! Hoa hồng thì không bị bầy thổ phỉ Japanese Beetle phá phách, làm tổ và sinh sản, tàn nhẫn đục khoét tan nát bao cánh hoa. Khí hậu ôn hòa như thế mà còn được các loại hoa xương rồng rực rỡ tô điểm đây đó! Và cả lan đủ loại ngoài vườn, trong nhà. Các loại hoa trái nhiệt đới cũng thích nghi dễ dàng, hoa giấy, huỳnh anh, thông thiên, trúc đào mọc đầy, đâu có mỗi độ cuối thu là phải khệ nệ khiêng vào nhà trốn lạnh. Hèn chi di dân Đông Nam Á đa số tập trung về California. Nói vậy chứ dân miền Đông mình có thật tâm muốn dọn qua miền Tây không? Đi rồi thì làm sao hồi hộp khám phá cánh hoa xuyên tuyết (Crocus) đầu mùa, và đếm từng ngày cho đến một sáng thức dậy bỗng thấy hoa anh đào nở rộ? Đi để mà nhớ hoa Dogwood hồng tươi thắm trong vườn; nhớ những nét chấm phá của hoa Dogwood trắng dại, giữa rừng lá mầu lục nõn thật nên thơ? Nhớ những chú chim cổ đỏ đi trốn lạnh, từ miền Nam trở về, xa lạ ngay với tổ cũ của chính mình đang nằm trơ trên cành trụi lá! Nhớ những trứng sáo mầu xanh lơ do chim mẹ ham vui lơ đễnh đánh rơi trên cỏ. Và nhớ nhất là những buổi giao mùa, xuân hạ thu đông rõ rệt.

Gần hai thập niên định cư ở miền Đông Bắc này, được chứng nghiệm bao nhiêu lần đổi đời của mọi người và của chính bản thân mình; một trong những điều thú vị nhất là biết thêm về thảo mộc của xứ ôn đới, với biết bao khám phá mới cho dân miền nhiệt đới. Làm vườn đã trở thành kỹ nghệ lớn thu hút mọi thành phần dù giầu dù nghèo. Ngoài ra làm vườn còn là một môn thể thao, một thứ giải trí, hay một loại thuốc an thần, một cách thực tập Thiền cần thiết trong cuộc sống căng thẳng ở các nước kỹ nghệ tiên tiến... Và nghệ thuật làm vườn có khi trở thành triết lý sống, cho ta bao bài học không khác trường đời!

Bước ra vườn là như thấy hình ảnh cuộc đời thu nhỏ lại, cũng thiên hình vạn trạng. Nhu cầu và điều kiện tăng trưởng dù trong cùng môi trường sống nhưng vẫn có nhiều điểm dị biệt. Cũng định luật "Mạnh được yếu thua" muôn thuở. Cứ thử bỏ đi vài tuần không chăm sóc thì vườn sẽ trở thành khu rừng nho nhỏ, với cây hoang, cỏ dại lấn át hết các loài hoa thơm cỏ lạ. Phải bỏ công sức từng ngày mới loại trừ hết các loài thảo khấu lẫn sâu bọ chỉ chực xâm lấn và phá hoại. Cũng chẳng

khác tổ chức xã hội; nơi nào mà "sâu bọ lên làm người" thì đúng là bể khổ.

✧ ĂN TRÁI NHỚ KẺ TRỒNG CÂY

Câu cách ngôn mộc mạc từ nghìn xưa vẫn mãi mãi là khuôn vàng thước ngọc cho nhân loại. Nhà nông có bốn món chính là Nước, Phân, Cần, Giống, cả bốn món chứ không riêng gì giống, tạo điều kiện cho cây đơm quả. Ông bà VN ngày xưa có câu: *"Có phước thì trồng lau lên lúa, mà vô phước thì trồng lúa hóa lau"*. Thật ra các giống cây và hoa trái đẹp quí phần lớn đều được con người vun trồng và làm lai giống từ các giống hoang từ ngàn vạn năm kinh nghiệm và cày sâu cuốc bẫm. Con cháu được phát đạt là do phước đức ông bà tổ tiên để lại. Thế hệ chúng ta sắp bước sang thế kỷ 21 không thể quên ơn bao đời tiền nhân đã dày công tạo dựng nên cuộc sống tiện nghi và thoải mái ngày hôm nay... Những phong trào trồng cây xanh, bảo vệ môi trường (environment), tái xử dụng nguyên liệu (recyling) nhắc nhở cho giới tiêu thụ nhớ dành dụm cho thế hệ mai sau!

✧ TRUNG ĐẠO

Căn bản của sự sống là điều độ và nhờ đó mà có được quân bình. Nhiều nắng, phân hoặc nước quá chẳng có lợi, mà có khi còn làm hại cây cối.

Việc xén tỉa đúng mức cũng rất cần thiết cho thu hoạch. Nhớ là tốt lá thì không tốt hoa; nhiều phân quá sẽ làm cháy luôn bãi cỏ. Không nên tham lam ôm đồm mà quên mất trọng tâm của đời sống mà mình cần chăm bón. Quan niệm về TRI TÚC (biết đủ) đem áp dụng thật là khó: Biết thế nào là vừa đủ? Cho mình, cho mọi người. Nhờ giáo dục và phương tiện truyền thông tối tân, con người đã biết quá nhanh và quá nhiều, nhưng cần bao nhiêu cho đời sống được quân bình, thoải mái thì vẫn còn mò mẫm. Cho và nhận bao nhiêu là đủ? Có thể bằng cách kiểm điểm những gì đã xảy đến, bằng tĩnh tâm, bằng thiền quán...?

✧ THỜI ĐIỂM

Ở miền Đông Bắc này, nếu kiên nhẫn theo dõi và khéo chọn thì hầu như cứ mỗi tuần là vườn nhà bạn có thể có một vài loại hoa mới, mỗi loại nở chừng 3 tuần. Bắt đầu từ hoa Xuyên tuyết (Crocus), đến Mộc lan (Magnolia), đến Thủy tiên (Daffodils), Anh đào (Cherry) rồi Tulip... báo hiệu cho mùa Xuân. Ấm hơn một chút là Bích đào (Peach) và Red Butt (tựa như hoa khế bên mình)... đua nở. Những chùm Tuyết cầu (Snowball) trắng xóa là một dư ảnh của mùa đông. Cuối tháng tư là mùa của Dogwood (không làm sao dịch tên này nguyên văn cho hay được!) hồng và trắng với dáng cây như trong tranh thủy mạc. Rồi tháng 5 rực rỡ, thật xứng đáng với công của "April shower" đã đem lại cả rừng "May Flower" hoa Đỗ quyên (Azalea) muôn mầu. Bên cạnh đó là những bụi Ngọc tú cầu (Hydrangea) và Rhododendron... Ngày lễ Mother's day (chủ nhật thứ nhì của tháng 5) thường được chọn làm mốc để đem cây ra vườn, nào bầu, bí, mướp, nào ớt đủ loại; và trồng hoa mùa hè muôn hồng ngàn tía: Begonia, Petunia, Verbena, Impatiens... có loại nở suốt 5 tháng. Nếu không kiên nhẫn và vội vàng mang cây ra sớm hơn vài tuần thì những cơn lạnh đột ngột dưới 0 độ (frost) sẽ không tha. "The right thing, the right person, in the right place, at the right time" hiểu được và biết kiên nhẫn chờ đợi thì vườn hoa cuộc đời tha hồ đâm chồi nẩy lộc. Nhớ lại một chị bạn đặt tên cho tình yêu của tuổi Teenage trên xứ Mỹ này là "Tình 3 tuần" chóng nở, chóng tàn. Có phải phong cảnh và thủy thổ cũng ảnh hưởng phần nào lên tâm tư, tình cảm của con người?

✧ THƯƠNG YÊU, NÂNG ĐỠ, BẢO VỆ

Cây cỏ cần được nâng niu và có cá tính cần được tôn trọng để nẩy nở không khác chi người. Nhớ đến chú Hoàng tử Bé của Văn Hào St Exupery ráng bảo vệ cho cây hoa hồng trên tinh cầu tí hon của mình với câu bất hủ: "Je suis responsable de ma rose". Có nhiều người đã kinh nghiệm là cây cối cũng có tình cảm. Một loại thần giao cách cảm nào đó đã làm cây ủ rũ hoặc chết đứng khi trong gia đình có tang. Hoặc nếu mình chặt cây bừa bãi có thể đưa đến điềm xui xẻo cho người thân. Ai mà không cảm thấy nhói tim khi vô tình làm gẫy một chồi hoa mình từng nâng niu và chờ cho hoa nở mỗi ngày.

Cắm cột, dựng giàn, giúp cho cây đứng vững chẳng khác nào tập cho con biết đứng, biết đi những bước đầu chập chững; hoặc đưa tay ra đỡ người thân hoặc bè bạn đang rơi vào hoàn cảnh nghiệt ngã. Lại còn cái bệnh dị ứng

(allergy) làm khổ các người không yêu hoa đã đành, mà hành hạ những người yêu hoa mới là bất công. Đúng là hạnh phúc có khi phải trả giá đắt! Một loại "thú đau thương", vừa ngắm hoa vừa sụt sùi, chảy nước mắt! Người ta bạc đãi, hất hủi mà mình vẫn không muốn rời. "Hoa cúc vàng như nỗi nhớ dây dưa" của Tế Hanh đâu có ngờ cũng là nỗi khổ cho một số người.

✧ THÍCH ỨNG MÔI TRƯỜNG

Đã có bao nhiêu loài thảo mộc đã bị diệt chủng trên quá trình tiến hóa của vũ trụ theo luật sinh tồn. Có thể than "Ép dầu ép mỡ, ai nỡ ép hoa" với mấy công ty cây cảnh cứ muốn thay đổi thủy thổ của bao nhiêu giống cây, chỉ vì mục đích phục vụ thị hiếu của con người. Họ đã thành công với kỹ nghệ cây kiểng "Bonsai", không ai biết cây có Đau Khổ vì phải sống chật vật trong cả trăm năm! Trở lại vấn đề của chúng ta: Trong quá trình di tản của dân VN, vấn đề thích nghi với cuộc sống để vươn lên đã không khó khăn đối với giới trẻ, dĩ nhiên là phải chấp nhận "Nhập gia tùy tục", có khi phải thay đổi theo kiểu quay 180 độ. Nhưng đối với những cụ già thì chẳng khác nào bứng cây cổ thụ sang trồng đất mới. Vì mục đích Đoàn tụ gia đình, hay đúng hơn để Lương tâm được yên ổn, để được lo tròn chữ Hiếu, chúng ta đã đem cha mẹ già sang sống cho hết cuộc đời ở xứ người. Làm sao bứng hết gốc rễ cây cổ thụ? Thế nào rồi cũng có ít nhiều thiệt thòi và hy sinh, theo luật chọn lọc và đào thải tự nhiên (selection naturelle). Và có phải thế hệ "bánh kẹp" ở tuổi trung niên mà Mỹ gọi là "Sandwich generation" là khó xử nhất, vì ngoài việc chính bản thân mình phải lo thích nghi hoàn cảnh mới trong lúc vất vả lo sinh kế, lại còn phải đương đầu và tìm cách giải quyết nhiều vấn đề cho thế hệ cha anh rất khó thay đổi, và thế hệ con em thay đổi quá nhanh!

Ai đã nói câu: "Tous les changements, même les plus souhaite's, ont leur mélancolie!"...?

*

Lá phong đỏ như mối tình đượm lửa
Hoa cúc vàng như nỗi nhớ dây dưa
(Thơ Tế Hanh)

Gió heo may đã về.... Cỏ cây ở miền Đông Bắc chuẩn bị cho nhiều thay đổi lớn, để bắt đầu chu kỳ mới, theo luật tuần hoàn của vũ trụ. Diệp lục tố từ từ nhường chỗ cho các sắc tố vàng và đỏ, tô mầu rực rỡ những rừng phong, rừng sồi nổi bật trên nền trời trong xanh. Với trời này, đất này, nhà văn Thanh Tịnh chắc sẽ cảm hứng nhiều hơn là *"Hàng năm cứ vào cuối thu, lá ngoài đường rụng nhiều..."*. Và không biết có ai cùng chia xẻ nỗi niềm nhung nhớ với thi sĩ Tế Hanh, với Lá phong đỏ và Hoa cúc vàng trong "Thơ Tình Hàng Châu".

Anh xa nước nên anh yêu thêm nước,
Anh xa em nên anh nhớ em thêm...

Còn những người yêu thơ văn lãng mạn Pháp, sẽ dễ tìm thấy đâu đây hình ảnh quen thuộc của cậu bé Anatole France đang đi qua vườn Luxembourg, ngắm lá rơi rơi trên tượng đá trắng, vào mùa tựu trường.

✧ GẶT HÁI VÀ SAN SẺ.

Đối với dân trồng trọt mùa thu tức là mùa thu hoạch, và phải lo vội vã gặt hái sao cho những cơn lạnh đột xuất không đuổi bắt kịp. Nhưng thế nào rồi cũng có hôm thức dậy thấy hoa lá, cỏ cây ủ rũ vì trải qua một đêm giá băng, báo hiệu mùa đông sắp tới.

Đến tháng 9, tháng 10 là những kẻ yêu hoa cỏ có thêm thú vui trao đổi cho nhau các "hoa lợi", và các giống cây mới, bằng cách chia cây hay xẻ củ, hoặc tặng nhau các loại hạt giống. Rồi đến tháng 11 với lễ Thanksgiving, là ngày lễ nói lên lòng biết ơn các bậc tiền nhân. Cũng đừng quên những quả bí, quả ngô, củ khoai, hạt đậu, tuy đạm bạc nhưng là món ăn chính của những ngày đầu lập quốc. Đây cũng là ngày con cháu khắp bốn phương quay về sum họp đại gia đình, và san sẻ thành quả của một năm trời bôn ba vất vả.

Thế hệ thứ nhất di dân sang Mỹ học thêm được một chữ rất hay là Sharing (san sẻ). Với lợi tức rất thấp lúc ban đầu, nhiều người đã "share" phòng cho đỡ tiền nhà, dùng "car pool" cho đỡ tiền xe cộ, xăng nhớt, và còn chia xẻ nhiều thứ khác nữa. Cả một thế hệ trẻ, thường được gọi là YUPee (Young Urban Professional) người Mỹ gốc Việt đạt được thành quả rực rỡ trên nhiều lãnh vực, đã bước vào "mainstream" của nước này, đáng cho cha anh hãnh diện như ngày hôm nay, cũng là nhờ biết chia xẻ vui buồn, sướng khổ trong những

năm đầu tị nạn. Vấn đề là làm sao tiếp nối truyền thống tốt đẹp, để cho thế hệ con em về sau không chỉ biết chạy theo cá nhân chủ nghĩa, như nhiều bậc cha mẹ đang bắt đầu than phiền.

✧ TIỀM NĂNG TÁI TẠO

Đa số cây cỏ chỉ nở được 4, 5 tháng mùa hè, phải trồng lại hằng năm (annual). Cám ơn các vườn ươm cây ở xứ này, trong suốt mùa đông đã giúp tái tạo cả rừng cây con trong các nhà kính, sẵn sàng đón chào mùa Xuân mới. Còn các loại cây lưu niên (perennial) dù khô cành trụi lá, nhưng chứa đựng sức sống tiềm tàng, chịu đựng có khi cả nửa thước tuyết. Các loại này đâm rễ nhánh hoặc củ và tiếp tục sinh sôi nẩy nở dưới lòng đất, chờ đến mùa Xuân là tuôn trào nhựa sống còn mạnh hơn năm trước. Giấc ngủ đông miên (hibernation) rất cần thiết cho nhiều loại thảo mộc. Cũng là bài học quí cho những ai mải thích bôn ba, không chịu ngưng nghỉ. Một weekend tĩnh tâm; một tuần lễ xa lánh bụi trần cũng là một cách để tái tạo năng lực (recharge). Dân xứ tuyết dù muốn dù không, cũng được trời bắt bước chậm lại, khi mùa đông tới.

Đợt sóng di dân của những thập niên 70-80 đã cho người Âu Mỹ làm quen với cây cảnh Á Đông, đặc biệt hồ sen, hồ súng và các vườn Nhật Bản v.v... song song với phong trào nghiên cứu triết lý Đông Phương và Thiền học ngày càng phổ biến, và tỏ ra có ích lợi thiết thực trong cuộc sống thừa tiện nghi vật chất nhưng quá "động", nên nhiều khi bế tắc về mặt tâm linh.

✧ CHU KỲ SINH DIỆT

Bài học sơ cấp về Sinh học thật dễ hiểu đối với các loài thảo mộc có đời sống ngắn ngủi, đa số chỉ có hoa lá vào mùa xuân và mùa hè. Sau vài ba đợt giá băng, cây cỏ héo tàn để cho các chu kỳ Carbon và Nitrogen bắt đầu, với sự góp sức của các côn trùng và vi sinh vật trong lòng đất, tạo thành chất nuôi dưỡng cho thế hệ kế tiếp. Chỉ loại trừ các loại cây Trường xuân (Evergreen) như các giống tùng và thông, là còn đứng vững, lá vẫn xanh, mặc cho băng tuyết. Có hình ảnh nào thơ mộng hơn tuyết trắng vắt vẻo trên mấy nhánh thông? Có lẽ vì vậy mà anh hùng thất thế Nguyễn Công Trứ chỉ xin kiếp sau được làm *"Cây thông đứng giữa trời mà reo!"*

Nếu nhìn dưới lăng kính Sinh học phân tử (molecular biology) thì đúng là "cát bụi lại trở về cát bụi". Loài người đã sinh sôi nẩy nở, qua bao quá trình tan rã rồi tái hợp (với triệu triệu phản ứng sinh hóa) của bốn nguyên tố chính là C, H, O, N; cũng phần nào tương đương với Thân Tứ Đại, do đất, nước, gió lửa tạo thành theo quan niệm Đông Phương. Chu kỳ Luân Hồi Sinh Tử cũng không ra ngoài định luật Bảo Tồn Vật Chất và Năng lượng, hay nói cách khác là: "Bất tăng, bất giảm, bất sanh, bất diệt!" (Loi de Conservation: Rien ne se perd, rien ne se crée).

Cũng với từng ấy C, H, O, N và các nguyên tố khác trên bảng tuần hoàn Mendelieff, con người đã từ khám phá này sang sáng kiến khác, từ thế giới vi mô (micro) sang thế giới vĩ mô (macro) và với cố gắng không ngừng, từ thời kỳ đồ đá đến kỷ nguyên điện tử, tạo dựng một hoàn vũ như ngày hôm nay, mà chắc chắn thủy tổ chúng ta nếu sống lại sẽ khiếp sợ. Nhưng cũng mỉa mai thay, điều mà một số người cuối thế kỷ 20 đang lo ngại là: Với dự trữ vũ khí nguyên tử quá thừa thãi; với xung đột giữa các dân tộc vẫn còn trầm trọng; với thiên tai vẫn vượt quá sức người... có phải Nhân Loại sắp bắt đầu chu kỳ Sinh Diệt mới? Như cỏ cây miền Đông Bắc sắp bước vào mùa đông?

Mỗi chúng ta chỉ là hạt cát trong vũ trụ, nhưng cũng là cây sậy biết suy nghĩ (Pascal), nên mãi còn nhiều băn khoăn thắc mắc về nguồn gốc con người, về hạnh phúc và khổ đau, về kiếp này, kiếp sau... Câu hỏi lớn vẫn là: "Chết rồi sẽ đi về đâu?" Nếu chỉ suy nghĩ đơn giản, xem mình cũng như cỏ cây, thì đời sống dài ngắn cũng chỉ là tương đối. Có quan trọng chăng là làm sao trong chu kỳ sống, mình đã góp phần hữu ích cho đồng loại, cho môi sinh. Có phải vậy không?

Hãy bắt chước Krishnamurti (trong "His last journal"), ngắm chiếc lá vàng vừa lìa cành. Các đường gân nhỏ trên phiến lá đã mang hình ảnh sự sống của cả thân cây. Lá đã xanh tươi suốt mùa xuân và mùa hè, chuyển sang màu vàng thắm lúc sang thu. Lá vẫn còn tươi thắm và sau khi lìa cành, để thản nhiên tiếp tục chu kỳ sinh diệt, theo lẽ tự nhiên của Trời Đất.

☯ *NGUYÊN KHÁNH*
Thu 1998

BIẾN CỐ ẤT DẬU 05.07.1885

CON ĐƯỜNG CỨU NƯỚC CỦA TÔN-THẤT THUYẾT

(29. 03. 1839 - 22. 08. 1913)

TÔN THẤT HỨA

(Tiếp theo)

* VII.- VÀI NÉT VỀ CỤ TÔN THẤT THUYẾT

Cụ Tôn-Thất Thuyết sinh 29 tháng 3 năm 1839 tức là năm Kỷ Hợi Minh Mạng thứ 20 tại làng Vân Thê, tổng An Cựu, huyện Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên. Xuất thân trong một gia đình hoàng thân thuộc chi ba, phòng Quốc Oai Công, hệ năm của dòng họ Nguyễn Phúc. Cháu 7 đời của Thái Tôn Hiếu Triết Hoàng Đế Nguyễn-Phúc Tần tục gọi là Chúa Hiền hay Hiền Vương; tiên tổ là Quận Công Nguyễn-Phúc Hiệp, con thứ tư của Chúa Hiền Nguyễn-Phúc Tần, từng giữ chức Tiết Chế thống lĩnh quân Đàng Trong chống trả cuộc tấn công năm 1672 của Trịnh Tạc (40) thứ nam của cụ Đề Đốc Thừa Thiên Tôn-Thất Đính và bà Văn-Thị Của. Cụ Tôn-Thất Đính là một võ quan có tham gia đánh Pháp ở Nam Kỳ dưới triều vua Tự Đức. Các em của Tôn-Thất Thuyết chỉ giữ những chức vụ bình thường ngay cả lúc ông đã nắm giữ những chức vụ quan trọng của triều đình (41). Tôn-Thất Thuyết sở dĩ bước nhanh trên đường làm quan chủ yếu là do khả năng của ông. Theo lời kể của các quan lại cùng thời cụ Tôn-Thất Thuyết người vạm vỡ, mặt đầy đặn, da ngăm đen, khỏe mạnh, giỏi võ nghệ, tóc cắt ngắn, không ưa lối trang sức bề ngoài, tính nóng nảy, ít nói, cương quyết, ham hoạt động (42).

Đương thời Tôn-Thất Thuyết thường được gọi là "Quan tướng" để phân biệt với Nguyễn-Văn Tường là "Quan quận" nên có người lầm tưởng ông xuất thân là võ quan (43). Thật ra Tôn-Thất Thuyết nguyên là quan văn chuyển sang làm tướng võ. Năm Tự Đức thứ 27 (1863) khi dụng binh giết phản tặc ngoài Bắc, Tôn-Thất Thuyết có dâng tặng hai câu đối ngày nay còn treo nơi đền Cổ Loa:

Tặc đáo Loa Thành tùy diệt một
Điện vô quy nỏ đủ oai linh

Nghĩa là

Giặc đến thành Cổ Loa liền bị tiêu diệt ngay
Điện không có nỏ rùa mà lại càng oai linh.

Năm 1869, Tôn-Thất Thuyết được cử làm Án Sát Hải Dương (30 tuổi). Đến tháng 7 năm 1870 được sung làm Biện Lý Bộ Hộ, rồi sau đó (tháng 11. 1870) được sung chức Tán Tương (là một chức quan văn giúp thêm về quân sự ở các tỉnh, các quân thứ). Năm 1870 khi tình hình biên giới các tỉnh phía Bắc rối ren sau trận Tô Quốc Hán đánh úp Lạng Sơn, giết Tổng Đốc Quân vụ Đại thần ở Bắc Kỳ là Đoàn Thọ, quan Tổng Đốc Hà-Ninh kiêm Khâm Sai Đại Thần Quân Thứ Tuyên-Thái-Lạng là Võ Trọng Đình thoát chạy, Tự Đức và đình thần bàn cử Hoàng Tá Viêm, Tổng Đốc An-Tĩnh sung chức Thống đốc Quân Vụ Đại thần Lạng-Bằng-Ninh-Thái cùng với Tôn-Thất Thuyết, Biện Lý Bộ Hộ sung chức Tán Tương đi đánh dẹp. Sau chiến dịch này, Tôn-Thất Thuyết được thăng thụ "Quang Lộc Tự Khanh".

Từ đây Tôn-Thất Thuyết bắt đầu nổi tiếng qua các trận đánh đàn áp những vụ biến động ở phía Bắc như tấn công đốt phá sào huyệt của nhóm Đặng Chí Hùng ở Thái Nguyên (1870), giết được Hoàng Tê ở Hải Dương (1872), đánh thắng đoàn quân giặc Khách ở Quảng Yên (1872).

Đối với thực dân Pháp, mặc dù xa kinh đô Tôn-Thất Thuyết là một đại thần thường lưu tâm đến việc phòng chống Pháp. Năm 1873, thấy rõ âm mưu đen tối của thực dân Pháp đang lăm le kéo quân ra đánh chiếm miền Bắc, ông đã chủ động làm sớ tâu bày bốn việc gởi vua Tự Đức, Tôn-Thất Thuyết đã đề nghị "Hà Nội là một trấn lớn Bắc Kỳ, rất là trọng yếu, xin chuẩn cho quan Khâm Mạng Nguyễn Tri Phương về trấn trị, cho nơi căn bản được vững" (44). Khi thành Hà Nội thất thủ (20/11/1973) rồi các tỉnh Ninh Bình, Nam Định và Hải Dương bị mất, Hoàng Tá Viêm và Tôn-Thất Thuyết đem binh đến Từ Liêm cho quân Lưu Vĩnh Phúc khiêu chiến và phục binh đánh tan quân giặc và giết được Francis Garnier ngày 21/12/1873 tại Cầu Giấy. Tự Đức khiếp nhược sợ Pháp phản ứng ảnh hưởng đến việc xin trả thành nên sai Trần Đình Túc báo cho Hoàng Tá Viêm và Tôn-Thất Thuyết phải rút quân! Viêm Thuyết trả lời "... Tướng ở ngoài chỉ biết lo việc đánh giặc..." Nguyễn Trọng Hợp, Trương Gia Hội phải đến Quân thứ bàn bạc Hoàng Tá Viêm và Tôn-Thất Thuyết mới thuận nghe, đóng binh bất động (45). Đàn áp cuộc khởi nghĩa của Trần Tấn, Đặng Như Mai ở Nghệ Tĩnh (1874). Nơi đây một sự kiện cần được làm sáng tỏ là theo sử triều Nguyễn năm 1874 khi nghe tin Văn Thân và nhân dân Nghệ Tĩnh dưới sự lãnh đạo của Trần Tấn và Đặng Như Mai sôi nổi đứng dậy "Chống lại cả triều lẫn Tây", Tôn-Thất Thuyết đã tức tốc đưa quân từ Bắc vào đàn áp, được Tự Đức khen là "Có lòng với vua" (46) nhưng căn cứ vào một số tài liệu của các giáo sĩ Pháp được chứng kiến trực tiếp cuộc khởi nghĩa tại Nghệ Tĩnh thì "Dư luận chung là ông ta (chỉ Tôn-Thất Thuyết) sẽ đứng về phía những người nổi loạn ở Nghệ An và mở đường cho nghĩa quân tiến ra Bắc" (47). Cùng các tài liệu đó, kết quả điều tra thực địa trong nhân dân vùng Thanh Chương (Nghệ Tĩnh) cũng xác nhận ý kiến như trên, cho rằng "Tôn-Thất Thuyết vào Nghệ An với danh nghĩa là đàn áp, nhưng cốt để tiếp xúc và trực tiếp giúp đỡ nghĩa quân" (48). Một chuyên gia Nhật Bản là ông Y. Tsuboi cũng đã nhận xét "Lúc bấy giờ Tôn-Thất Thuyết tỏ ra thiện cảm với phe nổi dậy và kêu gọi toàn thể quan lại, nhân sĩ, thân hào hãy cùng nhân dân Bắc Hà nổi dậy chống Pháp" (49). Rõ ràng ngay từ

Câu cá trên Sông Hương

(Ca Huế diệu Nam Bình)

Dọc ngang cần chỉ săn lơi,
Giữa dòng khơi.
Bạn cùng mây nước,
Lần lửa hôm mai,
Giang hồ thú đã quen mùi.
Đã quen mùi,
Khách ham câu mà cá cũng ham mồi.
Nước còn răm biếc,
Liếc trông non, non còn xanh nghít,
Nợ trả chưa rồi.
Kế sanh nhai, thôi thời thôi cũng theo thời,
Mong sao trời lặng, sông êm,
Tuồng đắc tán, vinh khô mấy hồi!
Gõ mạn thuyền ca chơi,
Nghiêng ngửa bầu vơi rượu,
Một mình xơi
Dường đã say hơi,
Cặm sào ngơi,
Tỉnh ra sáng trời.

Hương-Thủy Hoàng-Trọng-Thược

1874 Tôn-Thất Thuyết đã có tư tưởng chống Pháp và do đó khẩu hiệu "Bình tây sát tả" của cuộc khởi nghĩa đã được ông đồng tình ủng hộ. Trong năm 1875 đã bức ép nhóm Đặng Đình Tín phải đầu thú ở Thái Nguyên, cũng trong năm 1875 tại Thái Nguyên bắt sống được Giặc Cờ Vàng là Hoàng Anh. Nhờ công lao liên tiếp đạt được Tôn-Thất Thuyết được thăng chức rất nhanh: Vào năm 1870 còn là Tán Tương rồi Tán Lý Quân Thứ Thái Nguyên dưới quyền Hoàng Tá Viêm năm 1872 là Bố Chính Hải Dương, năm 1873 là Tham Tán Đại Thần, Thự Hàm Tham Tri Bộ Binh, rồi Hữu Tham Tri Bộ Binh, tước Vệ Chinh Nam, vẫn sung làm Tham Tán, năm 1874 Tuần Vũ Sơn Tây kiêm Tham Tán, năm 1875 là Tổng Đốc Niên Thái, kiêm Thống Đốc các việc quân Ninh - Thái - Lạng - Bằng (Bắc Ninh, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Cao Bằng) sau đó đổi bổ làm Hiệp Ước Quân Vụ Đại Thần gần ngang hàng với Hoàng Tá Viêm (50).

Trong tám năm (1870-1880) làm việc quân ở phía bắc, mặc dù nhiều lần bị vua Tự Đức trách phạt vì chậm loại trừ các nhóm nổi dậy, Tôn-Thất Thuyết vẫn được vua Tự Đức nhiều lần khen thưởng, được đánh giá là người "Chuyên đánh dẹp, kiêm giữ việc trọng suy nghĩ chu đáo" là "tướng có uy vũ, ra trận bắt chém giặc, đến đâu được đấy" "tài khí đáng khen" "không phải cuồng dũng, ít học, từng được quan cùng thời khen là biết lễ" (51). Thời gian tám năm ở phía Bắc cũng là dịp để Tôn-Thất Thuyết rèn luyện về tài chỉ huy quân sự, có điều kiện làm việc với một số võ tướng và quan lại như Ông Ích Khiêm, Trần Xuân Soạn, Trương Văn Để, Ngô Tất Ninh, Nguyễn Thiện Thuật, Phạm Thận Duật, Nguyễn Quang Bích, Lưu Vĩnh Phúc và với một số quan tướng nhà Thanh, những người về sau đã cùng với Tôn-Thất Thuyết hình thành nhóm chủ chiến ở triều đình Huế khi ông làm phụ chính hoặc nổi dậy hưởng ứng hịch Cần Vương khi vua Hàm Nghi xuất bôn, hoặc hỗ trợ, giúp đỡ khi Tôn-Thất Thuyết qua Trung Quốc cầu viện.

Từ năm 1876, Tôn-Thất Thuyết bị bệnh phải về Bắc Ninh chữa trị nhưng vẫn phải trông nom việc quân ở Ninh-Thái-Lạng-Bằng, có lúc phải đem theo y chính lên Thái Nguyên để vừa chữa trị vừa làm việc, song nhiều lần bị vua Tự Đức trách phạt là "Kiêu mạn đùn đẩy", Tôn-Thất Thuyết phải dâng sớ tâu "Nay bệnh tật trầm trọng không thể một mình đương nổi việc biên cương. Xin chuẩn cho Hoàng Tá Viêm cai quản cả biên giới phía Bắc Kỳ, tính suốt đại cục" và tỏ ý muốn đi tu (52). Tự Đức không thuận nghe. Mãi đến năm 1878 ông mới được phép về Thanh Hóa chữa bệnh, lúc chữa khỏi về kinh. Trong thời gian dưỡng bệnh ở Thanh Hóa, Tôn-Thất Thuyết đã liên lạc với các sĩ phu Văn Thân yêu nước trong tỉnh và bàn định kế hoạch xây dựng cơ sở kháng chiến. Năm 1879 ông tìm gặp Tống Duy Tân và đặc cách bổ dụng làm Đốc Học, rồi Chánh Sứ Sơn Phòng ở Quảng Hóa (Vĩnh Lộc) để lo việc tuyển quân, tích trữ lương thực. Đầu năm 1881 ông vào triều xin bái vua, Tự Đức cho Tôn-Thất Thuyết cố ý thác bệnh để tránh, chưa chịu cảm ngộ cho nên không cho gặp mặt, ông phải trần tình xin tha tội. Tự Đức có thăm hỏi bệnh nhưng vẫn chê là người kiêu căng, hẹp hòi hay nghi ngờ người khác. Tôn-Thất Thuyết xin nghỉ một năm. Tự Đức dặn ông cần phải điều dưỡng nhiều và học hỏi thêm mới có thể nên người được (53). Song chỉ tám tháng sau Tự Đức lại đòi Tôn-Thất Thuyết vào triều bổ làm Thượng Thư Bộ Binh, phụ trách việc quân của triều Nguyễn. Trong dịp ban ân cho cha mẹ các quan, chỉ riêng cha mẹ Tôn-Thất Thuyết được Tự Đức thưởng thêm sâm, quế (54). Đầu năm 1882 Tôn-Thất Thuyết lại kiêm thêm chức Hải Phòng Sứ tại tại kinh đô... Tháng 6/1883 (44 tuổi) được cử vào Cơ Mật Viện và được Tự Đức chọn làm Đệ Tam Phụ Chính Đại Thần sau Trần-Tiễn Thành (70 tuổi) và Nguyễn Văn Tường (59 tuổi) (55), từ đây ông bắt đầu nắm giữ cương vị hết sức quan trọng của triều Nguyễn.

Là một trong ba Phụ chính Đại thần, lại nắm giữ Bộ Binh, được toàn quyền hành động về quân sự, ông ra sức củng cố thế lực của phe chủ chiến, kiên quyết trấn áp phe chủ hòa thân Pháp, gấp rút xây lực lượng và chuẩn bị hành động chống trả Pháp. Ngay cả trong phạm vi gia đình, sự việc Tôn-Thất Bá, kẻ đã bỏ thành trốn lúc Pháp tấn công Hà Nội vào năm 1882, về kinh lại tung tin làm nản lòng người "Sức Pháp 10 phần ta chỉ có 2 phần" đến tai Tôn-Thất Thuyết, chỉ cách mấy giờ sau Tôn-Thất Bá bị bắt trói và giam tại ngục Phủ Thừa. Từ ngày Tự Đức mất (ngày 16 tháng 06 năm Quý Mùi tức 19.07.1883), trước những âm mưu và thủ đoạn xâm lược của thực dân Pháp (đánh phá cửa biển Thuận An, bắt ép ký Hiệp ước

Bảo Hộ 1883, gây rối ở Bắc kỳ, ký Hiệp ước Patenôtre 1884...) Tôn-Thất Thuyết liên kết với Nguyễn Văn Tường liên tục phế lập các vị vua có xu hướng thân Pháp, tiến hành thanh trừng những phần tử quan lại có thái độ hàng phục Pháp, gấp rút củng cố hệ thống sơn phòng, lập căn cứ Tân Sở, mở đường "thượng đạo" ra Bắc, lập các kho dự trữ lương thực, vũ khí, đạn dược, củng cố lại quân đội, thành lập các đạo quân đặc biệt "Đoàn Kiệt" và "Phấn Nghĩa", tìm cách liên kết khích động cuộc chống Pháp ở Campuchia, đối phó giằng co với Pháp từng bước một để bảo vệ chủ quyền nội trị và quân sự, khẩn trương chuẩn bị mọi điều kiện để tấn công Pháp.

Tháng 7/1885 tình hình trở nên hết sức căng thẳng do thái độ hống hách và hành động ngang ngược của tướng Roussel De Courcy, Tổng Tư Lệnh quân đội viễn chinh Pháp, Tôn-Thất Thuyết lãnh đạo phe chủ chiến quyết định mở cuộc tấn công đánh một đòn quyết liệt vào sào huyệt giặc ở Tòa Khâm Sứ và đồn Mang Cá đêm 4 rạng ngày 5 tháng 7 năm 1885 (tối rạng ngày 23 tháng 5 Ất Dậu). Cuộc nổi dậy thất bại. Kinh thành thất thủ.

* VIII. CON ĐƯỜNG LƯU VONG CỦA TÔN-THẤT THUYẾT

Trưa 23 tháng 4 năm Ất Dậu, Tôn-Thất Thuyết hộ giá vua Hàm Nghi để đi theo con đường chiến đã vạch sẵn vô cùng cam go thiếu thốn. Nguyễn-Văn Tường ngầm theo lệnh bà Từ Dụ ở lại giảng hòa với Pháp để lấy lại tôn miếu, thành trì. Pháp đòi vua Hàm Nghi về, bắt được Tôn-Thất Thuyết mới trả lại thành trì. Hầu hết đình thần cùng Nguyễn-Văn Tường đã về kinh thành làm việc như cũ chỉ còn một nhóm nhỏ chừng 100 người kể cả nhóm đầu não Tôn-Thất Thuyết, Phạm-Thận Duật, Hồ-Văn Hiến, Trần-Xuân Soạn, Tôn-Thất Lệ nhất định cùng vua Hàm Nghi chạy ra Tân Sở bắt đầu chặng đường gian nan của Tôn-Thất Thuyết. Ngày 9 tháng 7 Tôn-Thất Thuyết cùng vua Hàm Nghi và các quan chủ chiến rút lên Tân Sở mở đầu một cuộc chiến đấu mới để lại ở hành cung Quảng Trị tam cung và một số quan lại, hoàng thân giao động, chủ hòa.

• A.- NHỮNG CÁI NHÌN NGHIỆT NGÃ.

Đánh giá về việc cầu viện nhà Thanh đại úy Gosselin (56), đứng về phía đối nghịch đã không ngần ngại gọi ông là "tên đào ngũ", hoặc như nhà sử học Việt-Nam, ông Trần Trọng Kim thì hết sức mỉa mai khi viết: *"Tôn-Thất Thuyết thấy chống không nổi quân Pháp, bèn bỏ vua Hàm Nghi... rồi cùng với đề đốc Trần Xuân Soạn đi đường thượng đạo, nói rằng sang cầu cứu bên Tàu..."* (57). Cuộc hành trình sang Trung Hoa của Tôn-Thất Thuyết được Trần Trọng Kim miêu tả như là ông muốn tìm một chỗ ẩn nấp để bảo trì mạng sống của mình: *"Tôn-Thất Thuyết đi đường thượng đạo ra vùng Hưng Hóa theo thượng du sông Đà lên Lai Châu nương tựa vào họ Điêu (Điêu Văn Trì)..."* Không riêng gì Trần Trọng Kim, ngay cả những người làm công việc khảo cứu các gương anh hùng dân tộc như Đào Trinh Nhất, cũng cho đó là hành động trốn tránh hèn nhát. *"Tôn-Thất Thuyết bỏ nửa đoạn đường, tách mình sang Tàu, nói là đi cầu viện. Sang Tàu rồi, chẳng biết rằng Thuyết đã nói chuyện cầu viện gì được với quan quyền Mãn Thanh chưa, hay là lão biết tình thế nguy hiểm cô cùng rồi, nên kiếm chuyện tìm đường trốn tránh lấy thân vậy thôi. Nhiều người Pháp, trong đó có đại úy Gosselin là một, chê Thuyết hèn nhát vì cái cử chỉ bỏ vua giữa đường tách mình đào mạn thế."* (58)

Ngoài những lời chê trách đầy ác ý hoặc do ngộ nhận, cộng thêm vào những kẻ bồi bút, bọn tay sai thực dân Pháp vì miếng cơm manh áo đã làm bẩn bước tiến anh hùng của lịch sử. Sự thay chủ đổi ngôi sau biến cố kinh thành 1885 lại tạo thêm một lớp người Việt-Nam mới, loại người chỉ biết phục vụ cho bơ sữa, pho-mát, a dua với chế độ thực dân cùng lúc tìm cách bôi nhọ dữ kiện oai hùng để kiếm điểm với quan thầy ngoại xâm, các phong trào nổi dậy đòi chủ quyền quốc gia và tự do dân tộc. Tệ hại hơn nữa là những trí thức hoặc vì quyền lợi cá nhân hay vì miếng cơm manh áo đã đành lòng bẻ cong ngòi bút phỉ nhổ vào tiền nhân. Cộng vào đó một số trí thức khoa bảng có lòng với dân tộc muốn dựng lên lại diễn tiến trung thực của lịch sử, muốn ra ánh sáng những hy sinh cao cả các anh hùng dân tộc nhưng vì thiếu các tài liệu chính xác cho nên đã có những phê phán không được trung thực.

Giai đoạn giao thời của chủ nghĩa thực dân, có người đã đánh bốn nhân vật đương thời như sau:

Việt Nam có bốn anh hùng
Tường gian, Viêm láo, Khiêm khùng, Thuyết ngu.
Lại thêm hai đứa vũ phu
Đề Đức, Đề Soạn cong khu chịu đòn

Quả thật là đáng tiếc cho con đường lưu vong của Tôn-Thất Thuyết, nhưng cũng hết sức đáng tiếc cho chúng ta vì chưa đủ cứ liệu để hình dung hết những ý đồ chiến lược của ông trong chuyến đi này. Trong khi qui hết mọi xấu xa cho Tôn-Thất Thuyết, có một điều mọi người ít biết đến, đó là sự đóng góp đối với phong trào kháng chiến chống Pháp tại Việt-Nam vẫn liên tục, thường xuyên trên bước đường lưu vong của ông.

- **B.- THỰC TẾ VÀ UẨN KHÚC.**

Những cố gắng của lực lượng yêu nước tại kinh thành Huế tối ngày 4.7.1885 đã không thành, buộc Tôn-Thất Thuyết cùng với một bộ phận quan quân rời kinh thành ra Quảng Trị. Vào thời gian này, Tôn-Thất Thuyết trở thành người tổ chức, người lãnh đạo một phong trào cứu nước rộng lớn: Phong Trào Cần Vương.

Từ Tân Sở Tôn-Thất Thuyết với cương vị một vị phụ chánh đại thần, thống lĩnh binh triều là người đứng đầu phe chủ chiến đang phò vua xuất bôn, ông thực sự trở thành người tổ chức lãnh đạo công cuộc chống Pháp.

Trong năm 1885, Hàm Nghi và Tôn-Thất Thuyết đã hai lần ra chiếu Cần Vương:

— Lần thứ nhất tại sơn phòng Quảng Trị vào ngày 13.07.1885: "Kẻ sĩ hiến mưu, người dũng hiến sức, kẻ giàu bỏ của ra giúp quân nhu, đồng bào Đồng Trạch chẳng từ gian hiểm... ngõ hầu chuyển loạn thành trị, chuyển nguy thành yên, thu lại bờ cõi" (59) xuống dụ khai phục nguyên hàm và thăng chức cho các văn thân võ tướng ở các tỉnh về phía Bắc đang chống Pháp tổ chức một mạng lưới chính quyền dưới danh nghĩa triều đình, động viên kịp thời khí thế chiến đấu của sĩ phu và nhân dân, đồng thời ủy Hoàng Tá Viêm, Nguyễn Quang Bích cầm quốc thư sang nhà Thanh cầu viện (60).

Kể từ đây cuộc chiến đấu của nhân dân ta bước vào một giai đoạn mới dưới ngọn cờ Cần Vương của vua Hàm Nghi và các văn thân sĩ phu yêu nước chống lại thực dân Pháp và tay sai bù nhìn của chúng. Hưởng ứng hịch Cần Vương khắp nơi trong nước sĩ dân lần lượt nổi lên, lấy nghĩa giúp vua cứu nước để tổ chức chống Pháp. Địa bàn Tân Sở đất hẹp, dân ít lại thêm bị sự phản bội của Tuần Vũ Quảng Trị Trương Quang Đản thông đồng với Nguyễn Văn Tường âm mưu bắt đưa vua Hàm Nghi về lại Huế. Tôn-Thất Thuyết đã phải nghĩ đến một trung tâm cho cuộc kháng chiến lâu dài tốt hơn, ông quyết định phò vua Hàm Nghi ra Nghệ Tĩnh, nơi phong trào Cần Vương đang lên mạnh...

Trước sự truy lùng vây ráp của quân Pháp và quân của Tuần Vũ Quảng Trị, Tôn-Thất Thuyết phải đưa vua Hàm Nghi vượt đèo Mai Lĩnh lên Lao Bảo (27/08/1885) xuyên rừng

GỞI NẮNG CHO ANH

Gửi nắng cho anh sưởi ấm lòng
Những ngày tẻ lạnh tiết thu đông
Xin em nhớ bỏ vào trong nắng
Một khoảng trời mây với núi sông.

Em cũng đừng quên bẻ nhánh hoa
Mọc trên đỉnh Ngự chốn quê nhà
Gói vào với bóng chùa Thiên Mụ
Với giọng con đò xứ Huế ta

Anh chẳng có gì tặng lại em
Bao lần muốn gửi mảnh trăng đêm
Trăng nầy với lại trăng bên ấy
Đôi ngả mà chung một nỗi niềm.

Hà Xuân Tế

Mấy năm ở Wisconsin (Bắc Mỹ) xứ tuyết giá lạnh lẽo. Em tôi ở Việt Nam hứa sẽ gởi nắng cho tôi...

vượt suối qua các vùng dân tộc thiểu số bên kia dãy Trường Sơn như Bản Kiên, Hàm Thao, Mường Mã, Hasay tới đất Cửu Chân (61) (tên một làng thuộc địa phận Savanakhet của Lào vào ngày 02.08.1885).

Khi Tôn-Thất Thuyết và vua Hàm Nghi lên Mai Lĩnh qua động Voi Mep được đồng bào Vân Kiều, Tà Ôi đưa đường, bảo vệ khiêng vác hành lý và cung cấp lương thực cho quan quân Cần Vương có ông già làng Ariây cha của Côn-Púa. Vua Hàm Nghi đã trao cho cha Côn-Púa một báu vật của vua là chiếc áo bào thêu hình rồng năm móng; về sau Côn Púa còn giữ lại được áo ấy (62).

Trên đường chông gai, trắc trở, vua Hàm Nghi đã được sự giúp đỡ tận tình của các dân tộc thiểu số ở biên giới Việt - Lào ở các tỉnh Quảng Trị, Quảng Bình, Hà Tĩnh và cả nhân dân Lào, cho đến cuối tháng 8 đầu tháng 9 năm 1885 lực lượng Tôn-Thất Thuyết đã đi lại trong các vùng rừng núi tiếp giáp hai tỉnh Quảng Bình, Hà Tĩnh với tỉnh Khăm Muộn (Lào) sau đó ra đến sơn phòng Hà Tĩnh, xuống chiếu Cần Vương lần thứ hai tại Ấu Sơn (Hà Tĩnh) vào ngày 19.09.1885.

Hưởng ứng chiếu Cần Vương, nhiều sĩ phu đứng ra tổ chức các cuộc chiến đấu chống Pháp. Cả hai phía Nam Bắc kinh thành Huế đâu cũng có phong trào Cần Vương, trong giai đoạn này người ta thường nói: "Đồng Khánh ở giữa, Hàm Nghi hai đầu".

Ở Phú Yên, Khánh Hòa, Bình Thuận, Bình Định có Mai Xuân Thưởng, Nguyễn Duy Cung, Bùi Điền, Nguyễn Đức Nhuận, Phạm Toản.

Ở Quảng Ngãi và Quảng Nam có Lê Trung Đình, Nguyễn Tự Tân, Nguyễn Bá Loan, Trần Văn Dự, Nguyễn Duy Hiệu, Nguyễn Hàm.

Ở Quảng Trị, Quảng Bình và Thừa Thiên có Nguyễn Phạm Tuân, Lê Trực, Nguyễn Tư Nhự, Trương Đình Hội, Đặng Hữu Phổ, Hoàng Văn Phúc.

Ở Hà Tĩnh, Nghệ An, Thanh Hóa có Lê Ninh, Nguyễn Xuân Ôn, Lê Doãn Nhạ, Phan Cát Xu, Nguyễn Đôn Tiết, Nguyễn Hanh, Đinh Nhạ Hành, Nguyễn Phương, Phan Đình Phùng, Cao Thắng, Trần Xuân Soạn, Phạm Bành, Đinh Công Tráng, Tống Duy Tân, Cao Điền.

Ở Thái Bình, Nam Định có Tạ Hiền, Lã Xuân Oai, Đỗ Huy Hiệu, Vũ Hữu Lợi, Nguyễn Đức Huy.

Ở Bắc Ninh, Hưng Yên, Hải Dương có Nguyễn Thiện Thuật, Nguyễn Cao.

Ở Phú Thọ có Nguyễn Huy Giáp.

Ở miền Tây Bắc có Nguyễn Quang Bích.

Tôn-Thất Thuyết đã phát động và tổ chức phong trào Cần Vương có một số đặc điểm rõ nét:

* Bùng nổ trên qui mô toàn quốc. Phong trào không chỉ lan rộng các địa phương ở Trung Kỳ và Bắc Kỳ mà ở Nam Kỳ đầu năm 1885 cũng đã có cuộc khởi dậy lấy danh nghĩa Cần Vương. Đó là cuộc khởi nghĩa của Quản Hớn ở Mười tám thôn Vườn Trầu, tuy rằng lúc ấy Hàm Nghi và Tôn-Thất Thuyết chưa khởi sự.

* Phong trào diễn ra trong một thời gian dài, từ năm 1885 cho đến hết thế kỷ XIX. Sau khi vua Hàm Nghi bị bắt (1.11.1888), phong trào Cần Vương vẫn kéo dài cho đến hết thế kỷ XIX. Thực dân Pháp phải rất gian truân, chịu nhiều thiệt hại mới có thể đàn áp được phong trào, từ việc truy nã Hàm Nghi đến cuộc đàn áp các cuộc nổi dậy ở các tỉnh.

Vấn đề thứ hai cần làm sáng tỏ là việc Tôn-Thất Thuyết rời vua Hàm Nghi để ra Bắc rồi sang Trung Quốc. Đây là chuyến đi để tiếp tục công cuộc chống Pháp chứ không phải là "một hành động đào ngũ."

Sau trận quân Pháp đánh căn cứ Cửa Khe ở vùng thượng nguồn sông Gianh thuộc tỉnh Quảng Bình vào cuối tháng 1.1886, vua Hàm Nghi phải tiếp tục cuộc chạy trốn. Tôn-Thất Thuyết thấy rằng khó có thể thay đổi tình thế nếu không tạo nên được một sức mạnh quân sự nào khác, do vậy ông nghĩ đến việc phải đích thân trực tiếp ra Bắc để tìm cách khuấy động phong trào kháng chiến, nghĩ đến con đường liên minh với người Trung Hoa như triều đình Huế trước đó vẫn thường làm. Ý đã quyết, ông bèn cùng Trần Xuân Soạn vượt ngàn Hà Tĩnh ra Nghệ An và đến Thanh Hóa vào tháng 3 năm 1886.

Tại vùng Cẩn Thủy, Tôn-Thất Thuyết triệu tập một cuộc họp để bàn bạc kế hoạch chống Pháp cùng với em ruột là Tôn-Thất Hàm, vốn là Tri huyện Nông Cống và nhiều lãnh tụ Cần Vương khác. Sự hưởng ứng rầm rộ của sĩ phu và dân chúng ở Thanh Hóa làm nức lòng Tôn-Thất Thuyết, nên ông không ngần ngại khi quyết định để viên tùy tướng thân cận nhất là Trần Xuân Soạn ở lại lo việc điều hành lực lượng

kháng chiến vùng Thanh Hóa và khu vực phía Bắc.

Sau khi đã thảo luận và vạch kế hoạch khởi nghĩa chung cho toàn tỉnh, Tôn-Thất Thuyết đến tổng Trịnh Vạn thuộc châu Thường Xuân hội kiến với Cầm Bá Thước là một tộc trưởng người Thái để bàn việc đánh Pháp. Rồi ngày 22.04.1886, Tôn-Thất Thuyết đi ngược lên thượng du sông Mã tìm gặp tù trưởng người Mường là Hà Văn Mạo ở Điền Lư thuộc châu Quan Hóa. Những gặp gỡ của Tôn-Thất Thuyết đều nhắm chủ đích vận động cho công cuộc đánh Pháp ủng hộ vua Hàm Nghi và đều thu được kết quả tốt đẹp, nơi nơi tưng bừng khởi nghĩa hưởng ứng lời kêu gọi của ông (63). Tôn-Thất Thuyết ở lại nhiều ngày với Hà Văn Mao, rồi sau đó tiếp tục ra Bắc ngược lên sông Đà, đến vùng Lai Châu tìm tù trưởng Điêu Văn Trì vào tháng 6 năm 1886. Là một tù trưởng người Thái, Điêu Văn Trì đã tập hợp lực lượng và lập căn cứ ở núi rừng Tây Bắc để chống lại người Pháp. Tôn-Thất Thuyết đến đây nhắm mục đích kích động sự ủng hộ của người Thái đối với vua Hàm Nghi và bàn kế hoạch phối hợp trên cả hai vùng Trung - Bắc rồi sau đó sang biên giới để tiến hành công việc cầu viện Mãn Thanh, tại đây ông Thuyết mắc bệnh khá nặng phải lưu lại tại vùng này một thời gian khá lâu dài để dưỡng bệnh.

Tại Lai Châu, Tôn-Thất Thuyết nhận được một thông cáo của vua Đồng Khánh đề ngày 2.7.1886 kể tội "Thuyết và Soạn" với nội dung như sau:

"Tội của các người nhất định là rất nặng, nhưng lòng quảng đại của trẫm rất lớn nên trẫm có thể cho các người trở về và tha chết cùng những kẻ mà các người lôi kéo vào con đường sai lầm.

Trẫm sẽ cho lưu đày các người tại nguyên quán và nếu sau này các người biết ăn năn hối quá, trẫm sẽ xét lại và cho phục hồi danh vị. Còn nếu ngoan cố, trẫm sẽ trừng phạt các người về những việc làm ác, làm cực khổ trăm họ. Đầu người và dư đảng sẽ bị treo thưởng..."

Đến ngày 12.07 năm Bính Tuất (11.08. 1886), Đồng Khánh lại ra một đạo dụ khác tuyên bố sẽ tha tội cho Tôn-Thất Thuyết những việc làm đã qua nếu ông chịu trở về với triều đình (64). Tôn-Thất Thuyết không hề lung lạc tinh thần mà vẫn quyết tâm đeo đuổi sự nghiệp chống Pháp.

Cũng trong thời gian Tôn-Thất Thuyết ở Lai Châu với Điêu Văn Trì, quân Pháp tiến hành nhiều cuộc hành binh càn quét khu căn cứ của họ Điêu ở Sơn La và Lai Châu nhưng nghĩa quân đã ngăn chống có hiệu quả và bảo toàn được lực lượng. Đến đầu năm 1887, khi bệnh tình của Tôn-Thất Thuyết thuyên giảm, Điêu Văn Trì mới cùng với 20 thủ hạ bí mật đưa ông theo ngả Bình Lư lên Mạn Hảo và đến được tỉnh Vân Nam của Trung Hoa.

Có thể nói trước khi chính thức đặt vấn đề yêu cầu ngoại viện với nhà Thanh, Tôn-Thất Thuyết đã không quản khó khăn gian khổ để huy động các lực lượng nội tại mà "triều đình Hàm Nghi" nắm được nhằm tiếp tục phát triển phong trào kháng chiến dưới ngọn cờ Cần Vương do ông phát động. Công tác tổ chức, điều phối lực lượng kháng chiến cũng được Tôn-Thất Thuyết sắp xếp chu đáo bằng việc cắt Tôn-Thất Đàm lo việc điều khiển các thủ lãnh quân sự từ Hà Tĩnh trở vào phía Nam và cử cánh tay phải của mình là Trần Xuân Soạn chịu trách nhiệm phát triển lực lượng kháng chiến ở phía Bắc (65). Những điều đó chứng tỏ Tôn-Thất Thuyết không hề ỷ lại hoàn toàn vào sự giúp đỡ của người láng giềng Trung Hoa, ông ta cũng đã xem trọng vai trò cốt yếu của lực lượng kháng chiến trong nước.

Một vấn đề cần làm sáng tỏ ra đây là Tôn-Thất Thuyết có ý định quay về Việt-Nam tiếp tục chiến đấu không, và nếu muốn thì tại sao ông vẫn ở lại Trung Hoa cho đến chết.

Trước hết chúng ta có thể khẳng định rằng Tôn-Thất Thuyết nhất định quay về bởi vì lý tưởng của ông là giết giặc cứu nước và chí căm thù vẫn nung nấu trong lòng ông cho đến phút cuối cùng của cuộc đời. Việc ông cắt cử 2 con Tôn-Thất Đàm, Tôn-Thất Tiệp trực tiếp bảo vệ vua Hàm Nghi duy trì triều đình kháng chiến, gửi con trai út Tôn-Thất Trọng cho lãnh tụ Cần Vương Quảng Bình là Nguyễn Phạm Tuân, để Trần Xuân Soạn ở lại điều hành phong trào chống Pháp tỉnh Thanh Hóa và phía Bắc, vượt núi băng rừng đi vận động các thủ lãnh dân tộc thiểu số như Cầm Bá Thước, Hà Văn Mao, Điêu Văn Trì ủng hộ vua Hàm Nghi... chứng tỏ ông hết lòng vì sự nghiệp chống Pháp, không hề có ý định từ bỏ cuộc chiến đấu.

Dự tính sang cầu viện rồi trở về đuổi Pháp thành công cũng được khắc họa rõ rệt trong bài thơ Tôn-Thất Thuyết gởi qua cho Cầm Bá thước từ hải ngoại:

..."Bách tính Cần Vương nhan tự chấn,
Nhất ngu báo quốc khách do hành
Thủ du nhược đắc thiên tâm trợ,
Quy khứ nam xa triệt hảo trình"

Tạm dịch:

Trăm họ giúp vua đang cố gắng,
Một thân vì nước vẫn long đong.
Phen này ví được lòng trời đỡ,
Trở gót về nam lối hẳn thông.

Hay trong bài thơ "Tự Thuật Chí Mình", Tôn-Thất Thuyết thể hiện tấm lòng vì nước rất cảm động:

..."Y hy bắc địa du hồng, nhạn,
Phảng phất nam phong trợ mã, ngưu.
Báo quốc đan tâm hà nhạc tại,
Giang nam tương kiến mãn sương thu.

Tạm dịch:
Lẻ loi đất Bắc chim hồng, nhạn,
Phảng phất gió nam vó ngựa trâu.
Vì nước lòng son sông núi tạc,
Gội bao sương tuyết bạc phơi đầu.

Thế nhưng dự tính tốt đẹp đó không thực hiện được, Tôn-Thất Thuyết buộc phải ở lại Trung Hoa cho đến mãn đời và phải chịu nhiều tiếng oan nghiệt.

Trên thực tế thì Tôn-Thất Thuyết đến tỉnh Vân Nam vào tháng 1.1887, được viên Phó Tổng Đốc Sầm Công Bảo tiếp đãi trọng hậu và nồng nhiệt. Tuy vậy chính quyền Vân Nam từ chối yêu cầu của Tôn-Thất Thuyết và đưa ông sang tỉnh Quảng Đông vào tháng 2.1887 để gặp Tổng đốc Lưỡng Quảng. Tại Quảng Đông, hành tung của Tôn-Thất Thuyết nhanh chóng bại lộ, và vào ngày 10.03.1887, gián điệp của Pháp đã biết ông ngụ tại phố Cửa Nam trong thành Quảng Đông. Tin tức này lập tức được báo về phủ Toàn Quyền Đông Dương thông qua lãnh sự Pháp ở Quảng Đông. Sau đó viên lãnh sự Pháp ở Quảng Đông đưa ra lời kháng nghị và liền đó sứ quán Pháp ở Bắc Kinh lên tiếng phản đối nên chính quyền Mãn Thanh đã quản thúc Tôn-Thất Thuyết.

Việc giam giữ Tôn-Thất Thuyết được trình bày cặn kẽ trong công điện của Tổng đốc Lưỡng Quảng Trương Chí Long gởi cho Sứ quán Pháp, nội dung như sau:

"Gần đây một vị thượng quan An Nam tên là Tôn-Thất Thuyết cùng với mười kẻ phụ tá có đệ lên triều đình chúng tôi một văn kiện than phiền sự ngược đãi của người Pháp trên đất An Nam để tâu lên hoàng đế. Nhưng bản chức đã... ra lệnh phát cho họ hàng tháng một số tiền là 57 lạng bạc 36 xu ủy cho viên đại tá quân vụ thị trấn Quảng Đông giam họ.

Nhưng việc giam giữ họ giữa thành phố này cũng có nhiều trở ngại nên bản chức đưa họ về Long Châu để các nhà chức trách dân - quân - chính tỉnh này trông coi... Bản chức cho họ biết không được tăng thêm số người tòng vong dù có nào. Họ không được tính toán việc gì từ nay và cấm không được bước ra khỏi thành phố..." (66)

Mặc dù bị từ khước yêu cầu cứu viện, rồi bị quản thúc nhưng Tôn-Thất Thuyết vẫn tìm cách để hỗ trợ cuộc kháng chiến tại quê nhà. Trần-Xuân Soạn sau thất bại của cứ điểm Ba Đình — Mã Cao vào đầu tháng 2.1887 đã lên đường sang Trung Hoa và gặp Tôn-Thất Thuyết tại Quảng Đông. Hai ông tích cực vận động những quan lại Mãn Thanh có tinh thần chống Pháp, tranh thủ sự giúp của cựu tướng Cờ Đen Lưu Vĩnh Phúc và khai thác những sơ hở trong việc tranh chấp đường biên giới giữa nhà Thanh và Pháp để phục vụ cho mục đích mình.

Tôn-Thất Thuyết đã tổ chức đường dây liên lạc với các cuộc khởi nghĩa bên trong nước, quyên góp chiêu mộ binh dũng, tiếp tục nhận trâu bò, lúa gạo, tiền bạc từ trong nước gởi sang để mua sắm, vận chuyển vũ khí đạn dược về lại cho nghĩa quân. "Tôn-Thất Thuyết đã tiếp tế được ngày càng nhiều vũ khí cho nghĩa quân bên trong, súng đạn không những về đến đồng bằng Bắc Kỳ mà còn tới tận Thanh Hóa" (67). Hoạt động của Tôn-Thất Thuyết và Trần-Xuân Soạn ở Quảng Đông rầm rộ đến nỗi quan lại Việt-Nam thuộc tỉnh Lạng Sơn hay biết. Trong tháng 9.1888 tỉnh Lạng Sơn báo cáo về triều đình Đồng Khánh rằng: "Lê Thuyết (tức Tôn-Thất Thuyết) và Trần-Xuân Soạn lẻn đến một dải liên thành, bằng tường nước Thanh nhập bọn với Lương Tuấn Tú và bọn Hoàng Văn

Tường thuộc khách tỉnh ấy, cùng nhau tụ họp". Lê Thuyết ở nước Trung Hoa, giả làm quan nước Thanh, chiêu mộ binh dũng... (68).

Có thể nói "Các tướng lĩnh ở các vùng đều có sự liên lạc với Tôn-Thất Thuyết" (69), đều xem ông là người chỉ huy tối cao của phong trào chống Pháp tại Việt Nam. Năm 1888 sau khi từ Thanh Hóa sang Quảng Đông được vài tháng, Tống Duy Tân lại được Tôn-Thất Thuyết cử về xây dựng căn cứ chống Pháp ở Hùng Lĩnh. Đến giữa năm 1889, khi nhận được tin Hàm Nghi đã bị bắt, Tôn-Thất Thuyết thấy rằng cần phải có một người đứng ra đảm nhận việc điều hành chung để tiếp tục công cuộc chống Pháp, và ông lại đã nghĩ đến Phan-Đình Phùng. Tôn-Thất Thuyết liền viết thư và sai một gia nhân thân tín là Trần Thế trở về Việt-Nam, tìm đến núi Vụ Quang ở Hà Tĩnh để gặp cụ Phan trao mệnh lệnh. Bức thư của Tôn-Thất Thuyết nói rõ: "Hiện nay trong nước nhưng không có trào đình, không có vua chúa, vậy thì nơi tướng quân khởi nghĩa có thể coi như nơi trung khu của nhà nước, tướng quân cứ tùy tiện làm việc, chọn người mà dùng, cốt giữ vững lấy đức liêm chánh công bình mà đồ việc lớn..." và Tôn-Thất Thuyết lấy tư cách là vị phụ chánh duy nhất của triều đình kháng chiến để phong cho cụ Phan Đình Phùng làm Binh Trung Tướng Quân, phụ trách việc chỉ huy phong trào chống Pháp khắp cả Trung Kỳ và Bắc Kỳ.

Từ năm 1990, các cuộc khởi nghĩa chống Pháp ở Việt-Nam bị dập tắt gần hết, liên lạc giữa Tôn-Thất Thuyết với các khu vực nội địa trở nên khó khăn, song Tôn-Thất Thuyết vẫn cùng cha vợ là Nguyễn-Thiện Thuật tiếp tục hoạt động và cộng tác chặt chẽ với các nghĩa quân Lưu Kỳ ở vùng Đông Triều — Móng Cái trong những năm 1891-1892. Thông qua Lưu Kỳ, Tôn-Thất Thuyết còn nối ảnh hưởng và cung cấp vũ khí cho các nhóm nghĩa quân ở Yên Thế, hoặc cho Đốc Tít.

Dựa vào sự giúp đỡ của Lưu Vĩnh Phúc và một số quan lại Mãn Thanh, Tôn-Thất Thuyết cũng xây dựng nhiều toán quân vũ trang, mà đa số là người Hoa và dân tộc thiểu số để tiến hành đánh Pháp. Vào tháng 6.1892, Tôn-Thất Thuyết lại cho đội quân do Vũ Thái Hà cầm đầu với khoảng 1000 người tiến vào Bình Hồ thuộc Móng Cái tấn công quân Pháp. Cánh quân này hiệp sức với lực lượng của các toán do Tiên Đức, Vũ Ôn Bảo, Lương Phúc chỉ huy kiểm soát khắp lưu vực sông Tiên Yên từ Hoành Mô xuống tận vùng ven biển. Cho đến đầu năm 1893, quân Pháp vẫn không thể nào đẩy lui lực lượng nghĩa quân ra khỏi Móng Cái. Biết nghĩa quân luôn được tiếp nhận thêm người và vũ khí từ bên kia biên giới, quân Pháp liền lập thêm nhiều đồn ải để đóng chặt con đường bị nghi ngờ là cửa ngõ tiếp tế bí mật của nghĩa quân, sử dụng lính dõng, lính cơ và bọn tề rồi cấp mỗi làng 10 khẩu súng trường để kiểm soát biên giới (70).

Năm 1894, chiến tranh Trung-Nhật xảy ra, Thanh triều lâm vào cuộc chiến với Nhật Bản ở vùng Đông-Bắc nên không muốn dung dưỡng nghĩa quân Việt-Nam dọc theo vùng biên giới Việt - Trung, sợ quân Pháp mượn cớ gây hấn sẽ lâm vào thế 2 đầu bị đánh, quân Thanh khóa chặt biên giới và bắt giết một số lĩnh tụ nghĩa quân người Việt chạy sang nương náu trên đất Trung Hoa. Lúc này Tôn-Thất Thuyết cùng với Lưu Vĩnh Phúc và Đề đốc Phong (tướng nhà Thanh) đang xúc tiến việc thành lập lực lượng đánh Pháp ở vùng biên giới giáp tỉnh Cao Bằng. Tháng 3.1895, Tôn-Thất Thuyết cho một đạo quân tiến đánh chiếm vùng Lục Khu ở Cao Bằng, nhưng sau đó liền bị quân Pháp đánh bại. Thấy rằng để Tôn-Thất Thuyết ở gần Lưu Vĩnh Phúc thì còn sinh nhiều chuyện bất lợi, Toàn Quyền Đông Dương đề nghị Đại sứ Pháp ở Bắc Kinh yêu cầu nhà cầm quyền Trung Hoa đưa ông Thuyết đi an trí thật xa và cho người theo dõi cô lập Lưu Vĩnh Phúc.

Từ năm 1896, với sự quản thúc khắt khe của quân Mãn Thanh, Tôn-Thất Thuyết bị cấm túc không được rời khỏi khuôn viên lưu trú, phẫn chí tuyệt vọng trước tình hình, ông dùng thuốc phiện để khuây khỏa. Nhưng ông không phải là một con nghiện tầm thường như bao kẻ lao đầu vào việc hút xách, bởi mối hận vong quốc luôn là nỗi ám ảnh lớn trong tiềm thức ông. Bài thơ "Chừa thuốc phiện" của Tôn-Thất Thuyết thể hiện đậm nét tấm lòng ái quốc:

..."Chỉ nhật quốc thù kỳ khả phục,
Kinh thu thân bệnh thả tiên trừ
Ký ngư giang sơn đồng chí khách
Lão phu tuy quyện vị vong sơ"

Tạm dịch:
Thù nước hẹn ngày thề trả sạch,
Thân già nhiều bệnh quyết lo chừa

Lời gởi non sông bao đồng chí,
Già này dẫn mệt dám đâu ngơ.

Quyết tâm chống Pháp và nỗi lòng buồn mất nước cứ đeo đẳng Tôn-Thất Thuyết trong những ngày tháng tàn bất lực, khiến ông trở nên điên đại và thường múa gươm chém chan chát vào những tảng đá trong khu an trí để thỏa lòng căm phẫn, cho đến những ngày cuối cùng của cuộc đời, Tôn-Thất Thuyết vẫn vô cùng ghét Pháp và từ chối mọi cuộc tiếp xúc với họ. "Một vị cố đạo ở Quảng Đông đã theo dõi hành vi của Tôn-Thất Thuyết, đã nhiều lần xin được gặp để phỏng vấn. Tôn-Thất Thuyết nhận lời, nhưng chỉ gặp vị cố đạo đó vào ngày mà Tôn-Thất Thuyết chết" (71).

Mặc dù định ra đi cầu cứu rồi lại trở về lãnh đạo phong trào chống Pháp, nhưng chuyến đi đã khiến Tôn-Thất Thuyết phải vĩnh viễn lưu vong nơi hải ngoại một cách bất đắc dĩ. "Nước Tàu không cứu ta và Tôn-Thất Thuyết gần như bị giữ lại ở bên Tàu, không về được nữa, dù có ý muốn về" (72). Chính Sogny — viên cựu Giám đốc Sở Mật Thám Đông Dương — cũng phát biểu: "Tôn-Thất Thuyết là một võ tướng rất giỏi, đáng sợ lắm..." Tôn-Thất Thuyết sang Tàu mộ quân. Nhưng vì Tàu và Pháp thông đồng với nhau, Tôn-Thất Thuyết không về được (73). Việc sang Trung Hoa cầu viện là hạn chế khó tránh khỏi của Tôn-Thất Thuyết bởi mối dây liên hệ truyền đời giữa tập đoàn phong kiến Việt-Nam với tập đoàn phong kiến Trung Hoa luôn chi phối. Nhưng một thực tế cần được khẳng định là hoạt động của Tôn-Thất Thuyết và các đồng chí của ông từ năm 1886 - 1895 vẫn hết sức thiết thực và có ý nghĩa lớn đối với công cuộc chống Pháp cuối thế kỷ XIX.

Từ năm 1896 cho đến khi chết, dù không còn đóng góp gì cho đất nước dân tộc, song tấm lòng vì nước và nỗi hờn vong quốc vẫn cháy rực trong người ông. Người Trung Hoa rất mến mộ tinh thần ái quốc của ông Tôn-Thất Thuyết. Khi chết các nhân sĩ Trung Hoa đã có lời ca ngợi:

"Thù nhung bất cộng đái thiên, vạn cổ phương danh lưu tương quận,
Hộ giá biệt tầm tĩnh địa, bách niên tàn cốt ký long châu."

Tạm dịch:
"Thù tây không đội trời chung, muôn thuở tiếng thơm ghi đất Việt,
Giúp vua riêng tìm cõi thác, trăm năm cốt rụi gởi Long Châu."

Còn có một bản dịch khác do ông Nguyễn Thượng Khôi, bào đệ cụ Nguyễn Thượng Hiền rể ông Thuyết phổ biến

"Quý bất khả ngôn, thiên cổ trung hồn lai tương quận
Tôn vô nhi thượng, bách niên tàn cốt ký Long Châu"

Tạm dịch:
Đáng quý không lời kể xiết, hồn trung ngàn năm về đất Việt,
Trên đời dễ có hai tôn, xương cốt trăm năm gởi Long Châu.

Hơn một trăm năm trôi qua, ngày nay nhìn lại có nơi có lúc cũng đã không thấy hết sự phức tạp của tình hình, đã làm dằn vặt mấy thế hệ sĩ phu Việt-Nam.

4000 năm văn hiến nước nhà, trên lịch trình dài lâu ấy cộng với biết bao nhiêu khó khăn giữ nước và cứu nước của tiền nhân, sự đóng góp vô cùng lớn lao của Tôn-Thất Thuyết cùng cha, mẹ, cha vợ, vợ, 2 em và 4 con và rể, tất cả 10 người đã hiến thân cho đại cuộc. Thế mà có những tên phản bội không hiểu chút gì về lịch sử thời cuộc đã phê phán nặng nề, và lại có những con người xu thời đã cố tình bôi nhọ những hành động anh hùng và chận đứng những bước tiến thênh thang của lịch sử.

Lịch sử đã trôi qua chỉ còn đọng lại là tấc lòng yêu nước son sắt, của những con người chân chính, của Tôn-Thất Thuyết.

Dù công luận bất đồng, hậu thế và lịch sử quyết không bao giờ quên được sự nghiệp cứu quốc và phẩm chất cao đẹp của một con người yêu nước chân chính và tích cực — Tôn-Thất Thuyết.

☯ ***Tôn-Thất Hứa***

Wuerzburg, Cộng Hòa Liên Bang Đức
Mùa Hè 1997

CHÚ THÍCH:

(40) Nguyễn Phúc Hiệp còn tên là Thuần. Đại Nam Thực Lục và gia phả đều chép là con thứ tư. Lịch Triều Tạp Kỷ chép là con thứ hai. Năm 1673 sau trận đánh quân Trịnh trở về, Nguyễn Phúc Hiệp mộ đạo Phật thôi không làm tướng, từ bỏ vợ con về dựng am ở một mình, ăn chay niệm Phật đóng cửa không tiếp khách. Năm 1675 bị chết vì bệnh đậu mùa thọ 23 tuổi. (Theo gia phả, Đại Nam Liệt Truyện Tiền Biên, Quyển 2; Lịch Triều Tạp Kỷ, Tập 1).

(41) Theo gia phả Tôn-Thất Thuyết là con thứ hai, có 6 anh em trai và 5 em gái. Trong số anh em trai ngoại trừ Tôn-Thất Mão là anh đầu và Tôn-Thất Chiếu là người thứ năm chết từ nhỏ, các em còn lại là Tôn-Thất Hàm chỉ giữ chức Tri Huyện, Tôn-Thất Lệ làm Tham Biện Sơn Phòng, Tôn-Thất Chí còn nhỏ. Tài liệu của Trần-Thị Hiếu (Việc Pháp Chiếm Thành Huế) và Phan Khoang (Việt Nam Pháp Thuộc Sử) chép Tôn-Thất Lệ thành Tôn-Thất Liệt.

(42) Thuật theo Trần Trọng Kim, SĐD trang 550; Trần Văn Giàu, phong trào Cần Vương.

(43) Trần Văn Giàu, Hệ Thức Phong Kiến... SĐD 61 & Trần-Thị Hiếu SĐD trang 30.

(44) Đại Nam Thực Lục, SĐD, tập 32, trang 295, 349, 351, 354.

(45) Đại Nam Thực Lục tập 32, trang 351, 354.

(46) Đại Nam Thực Lục Chính Biên, tập 33 trang 70.

(47) Niên Giám Hội Truyền Giáo, số 47

(48) Theo lời kể của cụ Phan Bá Tỉnh ở Mặt Trận Tổ Quốc huyện Thanh Chương (Nghệ An).

(49) Y. Tsuboi. Nước Đại Nam Đối Diện Với Pháp Và Trung Hoa, Hội Sử Học Việt-Nam XB, Hà Nội, 1993, trang 295.

(50) Hoàng Tá Viêm là Tổng Đốc phụ trách việc quân tại Tam Tuyền. Tôn-Thất Thuyết là Thụ Tổng Đốc, phụ trách việc quân ở Ninh-Thái-Lạng-Bằng.

(51) Đại Nam Thực Lục Chính Biên tập 33, Hà Nội, KHXH, 1975, trang 1700, 230, 358.

(52) Đại Nam Thực Lục Chính Biên tập 33, trang 358.

(53) Đại Nam Thực Lục Chính Biên tập 35, trang 23.

(54) Đại Nam Thực Lục, SDD, tập 35 trang 85.

Giấc Mơ Về Huế

Nửa đêm con mộng nhỏ
Về gặp lại người xưa
Trái tim cằn rộn rã
Tình Huế những chiều mưa

Tóc thề em xanh mướt
Rung rung đôi vai gầy
Em nhìn tôi mắt ướt
Tôi đắm chìm ngất ngây

Mối tình đầu trái đắng
Thư sinh xưa trắng tay
Em bôn ba cánh nhạn
Tìm hạnh phúc chân mây

Rồi một hôm tỉnh mộng
Chợt nhớ mối tình chân
Chim quay về, đã muộn
Thời gian chia cách dần

Với tháng năm chồng chất
Nỗi mong nhớ u hoài
Chờ tin nàng bẵn bặt
Chuyện đôi lứa tàn phai

Em lại theo tiếng gọi
Tôi về chốn bình yên
Chưa một lần chung lối
Từ đây xóa lời nguyền

Bàng hoàng giấc mộng ngọt
Nghe tim mình nhói đau
Đêm nay hồn tôi khóc
Biết bao giờ thấy nhau!

Dù trước khi nhắm mắt
Em, tôi hai khung trời
Tuy cùng chung trái đất
Mãi mãi là chia phôi

Nguyễn Trường Sơn
Phục Sinh 1998

(55) Đại Nam Thực Lục, SDD, tập 35 trang 198.

(56) Ch. Gosselin — L'empire D'Annam. Paris, Perrin Et Cie, 1904.

(57) Trần Trọng Kim — Việt-Nam Sử Lược Quyển II, Sàigòn, Trung Tâm Học Liệu Bộ Giáo Dục Xuất Bản, 1971.

(58) Đào Trinh Nhất — Phan Đình Phùng. Sàigòn, Tân Việt, 1957, trang 94.

(59) Trích Dụ Cần Vương.

(60) Thực tế sau này Hoàng Tá Viêm về lại triều đình theo Đồng Khánh, chỉ một mình Nguyễn Quang Bích sang Trung Quốc. Gosselin, "L'Empire D'Annam", Paris, Perrin Et Cie, 1904, trang 207.

(61) Bùi Đinh Phan "Liên Minh Chiến Đấu Việt Lào trong phong trào Cần Vương ở Thanh Nghệ Tĩnh cuối thế kỷ XIX."

(62) Danh nhân Bình Trị Thiên, tập I NXB Thuận Hóa 1886, trang 28.

(63) Tôn-Thất Hàm cầm đầu lực lượng khởi nghĩa ở Nông Cống, Cầm Bá Thước nổi dậy ở châu Thường Xuân. Hà Văn Mao chỉ huy lực lượng khởi nghĩa ở căn cứ Ma Cao. Trần Xuân Soạn đóng quân tại căn cứ Quảng Hóa để nối liền hệ thống cứ điểm Ba Đình - Ma Cao.

(64) Phạm Văn Sơn — Việt Nam Cách Mạng Cận Sử. Sàigòn, Khai Trí, 1963, trang 113.

(65) Như trên.

(66) Dẫn theo Phạm Văn Sơn, SĐD trang 114-115.

(67) Trần Văn Giàu — Chống Xâm Lăng, quyển 3 — Phong Trào Cần Vương. Hà Nội, Xây Dựng, 1957 trang 134, 167.

(68) Quốc Sử Quán Triều Nguyễn — Đại Nam Thực Lục, tập 38, Hà Nội, Khoa Học Xã Hội, 1978 trang 126.

(69) Phạm Văn Sơn, SĐD. Trang 305 - 306.

(70) Phạm Văn Sơn, SĐD trang 305 - 306.

(71) Nguyễn Thiện Lâu — Quốc Sử Tạp Lục — Sàigòn, Khai Trí, 1970 trang 645.

(72) Như trên, trang 270.

(73) Như trên, trang 305 - 306.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- **A.- TÀI LIỆU BẰNG SÁCH VIỆT NGỮ**

1. Sự hình thành, chủ trương và hoạt động của nhóm chủ chiến trong triều đình Huế và Tôn-Thất Thuyết — Trần Viết Ngạc.

2. Vài nhận định về Tôn-Thất Thuyết qua vai trò lịch sử của ông - - Trần Viết Ngạc.

3. Một vài nhận định về Tôn-Thất Thuyết — Trương-Thị Cúc và Nguyễn Xuân Hoa.

4. Cuộc binh biến tại kinh thành Huế ngày 23.05 Ất Dậu — Trần-Thị Hiếu.

5. Tôn-Thất Thuyết, anh hào lắm nỗi nhiêu khê — Nguyễn Quang Trung Tiến.

6. Nhận diện chặng đường lưu vong của Tôn-Thất Thuyết — Nguyễn Quang Trung Tiến.

7. Đất Việt trời Nam, Nguồn Sống, Sàigòn 1960 của Thái Văn Kiểm.

8. Nước loạn canh tàn bể dâu của Thái Văn Kiểm.

9. Việt-Nam tranh đấu sử.

10. Việt sử tân biên của sử gia Phạm-Văn Bảo.

11. Vua Hàm Nghi của Phan Trần Chúc.

12. Việt Nam Tự Điển của Lê Ngọc Trụ.

13. Danh nhân Tự Điển của Trịnh Văn Thanh.

14. Việt Nam Pháp thuộc sử của Phan Khoang.

15. Tôi thân oan cho Tôn-Thất Thuyết — Tạp chí Phổ Thông số 24.

16. Việt Nam sử lược của Trần Trọng Kim.

17. Việt Nam phóng sự của Nguyễn Văn Mại.

18. Việt Nam văn học sử yếu của Dương Quảng Hàm.

19. Việt sử toàn thư của Phạm Ngọc Sơn.

20. Tài liệu của Hội Nghị Khoa Học Lịch Sử 1991.

- **B. TÀI LIỆU VÀ SÁCH XUẤT BẢN BẰNG TIẾNG PHÁP:**

1. Christianisme et Colonialisme au Vietnam 1857 - 1914, Cao Huy Thuần.

2. Le Vietnam, Histoire et Civilisation, Paris, Minuit Lê Thành Khôi.

3. Le Roi proscit, Marcel Gaultier.

4. Souvenir d'Annam, Baile.

5. Le Lao et le protectorat Francais, Gosselin.

6. L'empire d'Annam, capitaine Ch. Gosselin.

7. Abrégé d'Histoire d'Annam, Saigon 1906, Schreiner.

8. Histoire de la Cochichine Francaise, des origines à 1883, Paris, Challamel 1910.

9. La colonisation Francais en Indochine, Paris, Alcan 1895 De Lanessan.

■

Những năm học tại Huế

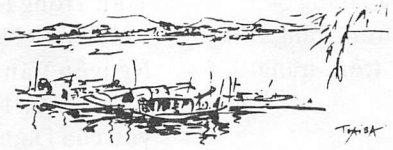

Hoàng Ngọc Thành

Tôi là người gốc Thu Xà tỉnh Quảng Ngãi nhưng quê mẹ là Văn Xá, tỉnh Thừa Thiên. Nguyên nhân là ba tôi là người đậu Tú Tài II Pháp ban Triết tại Hà Nội năm 1921 đã kết duyên với má tôi là con gái lớn của vị Tuần Vũ Quảng Ngãi lúc bấy giờ. Nhưng trong những năm niên thiếu, tôi không biết gì về Huế và cũng chưa bao giờ đến Huế cả. Ba tôi là một vị công chức, làm tham tá tòa sứ và bị thuyên chuyển đi nhiều tỉnh miền Trung. Tôi sinh ra tại Sông Cầu, tỉnh Phú Yên, nhưng học lớp Năm và lớp Tư tại Vinh, lớp Ba tức cours élémentaire rồi thi Sơ Học Yếu Lược tại Đồng Hới, nhưng học lớp Nhì Moyen 1ère Année, và Moyen Deuxième Année tại Qui Nhơn, lớp Nhất tức cours Supérieur và thi Certificat d'Études Primaires tại Phan Rang năm 1939. Sau đấy ba tôi xin cho tôi vào lớp Sixième chương trình Pháp tại trường Institut de la Providence tức Thiên Hựu Học Đường. Đây là lần đầu tiên tôi được đến Huế. Tôi còn nhớ đi chuyến xe lửa từ ga Tháp Chàm, (Tour Cham) Phan Rang, đến ga Huế. Tôi được ở ký túc xá, Internat. Niên Khóa 1939-1940 trường Thiên Hựu gồm có hai lớp Sixième, I và II, và mỗi lớp gồm trên dưới 25 học sinh, gồm cả Pháp và Việt. Như thế cả hai lớp tổng cộng tất cả độ trên 50 và dưới 60 học sinh. Nhưng dần dần trong các niên khóa kế tiếp số học sinh này giảm đi nhiều; đến niên khóa 1942-1943 tức 3 năm sau vào lớp Troisième chỉ còn lại một lớp mà thôi độ trên 25 học sinh, đến lớp Première thi Tú Tài I phần, niên khóa 1944-1945, chỉ còn lại 20 học sinh, cả Pháp lẫn Việt.

Trường Thiên Hựu Học Đường do Société des Missions Étrangères tại Paris sáng lập gồm 3 tòa nhà lầu đồ sộ trên đường Khải Định, gần tu chủng viện của các cha Rédemptoristes. Đây là một trường tư nên dĩ nhiên học sinh phải trả học phí. Tôi không còn nhớ học phí mỗi lớp là bao nhiêu, nhưng tôi còn nhớ tiền ăn ở mỗi tháng cơm Việt là 12 đồng còn cơm Tây là 18 đồng. Cơm Việt ăn một ngày 4 lần, buổi sáng ăn cơm với 4 món ăn, ăn trưa cũng vậy, chiều có gouter gồm bánh mì và chuối rồi ăn cơm tối 4 hay 5 món. Nói tóm ăn uống đầy đủ vì 12 đồng là gần gấp hai số tiền ăn cơm tháng ở ngoài. Phòng ăn rộng dài gồm hai dãy bàn dài, một bên cho học sinh ăn cơm Việt, và một bên ăn cơm Tây. Số học sinh ở ký túc xá độ 70-80 người, một nửa Việt, một nửa Pháp. Ở một đầu cuối phòng là vài bàn dài để ngang sát nhau tức bàn ăn của các linh mục làm giáo sư và vài vị thầy người Việt cũng ăn ở trong trường. Trong số thầy người Việt có ông Tạ Quang Bửu, ông Hoàng Ngọc Cang và một ông dạy septième tên gì tôi không còn nhớ nữa. Các linh mục Pháp thì dùng cơm Tây còn các vị linh mục Việt gồm có cha Mỹ, cha Trần hữu Tôn, cha Simon Hòa Hiền thì dùng cơm Việt với các thầy Việt. Các học sinh ký túc xá ngủ trên tầng thứ ba của tòa lầu chánh giữa tầng trệt dùng làm văn phòng hiệu trưởng, quản lý, văn phòng sổ sách, phòng khách v.v... còn tầng giữa gồm nhiều phòng cư ngụ của các cha. Khi tôi đến học năm 1939 hiệu trưởng là Père Dancette, quản lý tức économe là père Douchet, còn các linh mục giáo sư khác là père Massiot, Queguiner (tên viết không có biết đúng không) G. De Lefas v.v...

Là học sinh ở ký túc xá cứ hai tuần chúng tôi mới được ra

ngoài chơi (tức gọi là sortie) một lần, vào trưa chủ nhật từ 10 giờ sáng đến 5 giờ chiều dù có bà con ở Huế đến đón hay không. Tôi có một người bà con, một vị anh họ làm việc và ở trong thành nội và thỉnh thoảng có vào nhà anh. Nhưng các lần sorties, tôi nhớ ra nhà hàng Lạc Sơn uống nước si rô, một hào rồi vào hiệu ăn một tô mì ngon một hào nữa hay ăn một dĩa cơm chiên giá một hào hay 15 xu. Lúc ấy phở chỉ 2 xu, có thêm chả nữa là 3 xu. Tôi thích ăn nhất là chè đậu ván, nên hay dừng lại tại các hè phố ăn chè đậu ván, nước trong và hột đậu vào miệng là tan dần, rất ngon. Có khi đi ăn bánh khoái, tô bún bò, mùa thanh trà và quýt Hương Cần là những thứ tôi ưa thích. Tôi mua quýt và thanh trà dấu đem vào trường để ăn dù là cấm. Chưa lần nào bị bắt và bị phạt cả. Trên đường đi bộ qua cầu Trường Tiền đến phố có đi ngang qua nhà hàng Chaffanjon và Morin Frères, tôi hay dừng lại mua chocolat Menier, hay 100 gờ ram bánh sữa Gruyère. Ba tôi cho tiền tiêu một tháng một đồng nên hai lần sortie ăn hàng phong lưu, dễ chịu nên sinh ra thích đồ ăn Huế và nhớ Huế nhiều, và sau này lại cưới vợ Huế nữa. Số học sinh ký túc xá không đi sortie ngày chủ nhật được đi chơi độ từ 2 giờ chiều đến 5 giờ, đi bộ đến Belvédère, núi Ngự Bình v.v... Đi đến các nơi đó một giờ, nghỉ chơi một giờ rồi đi về. Trong các kỳ nghỉ lễ dài như lễ Giáng Sinh, Tết hay Phục Sinh, học sinh ký túc xá nào không về nhà được cho đi Lăng Cô nghỉ mát. Từ 1939 đến 1944 ba tôi làm việc tại Phan Rang xa Huế nên mỗi niên khóa từ tháng 9 đến tháng 6 năm sau tôi chỉ về thăm nhà trong kỳ nghỉ Tết mà thôi. Còn trong các kỳ nghỉ Giáng Sinh và Phục Sinh tôi vẫn ở lại trường. Chúng tôi được đi nghỉ mát tại Lăng Cô nhiều lần, ở tòa nhà gạch lợp ngói khang trang, nhưng ngủ giường bố xếp. Hàng ngày được các vị linh mục hướng dẫn đưa đi chơi các vùng lân cận nhất là cha Lefas, một vị tuyên úy Hướng Đạo rất hoạt động. Trong một lần chúng tôi dừng lại chơi trên cầu bắc ngang qua con sông tại Lăng Cô, thấy vua Bảo Đại ngồi câu cá với Nam Phương hoàng hậu tại một đầu ghe, còn một đầu ghe kia có đại úy Pháp ngồi chơi. Trong số những học sinh ký túc xá đứng trên cầu có một cậu Pháp học trên lớp tôi, con một vị sĩ quan cao cấp từng là cấp chỉ huy vị đại úy này nên lên tiếng kêu ông ta. Ông nghe

Dấu Xưa

Paris vàng lá rồi sao?
Dấu xưa e cũng lẩn vào thời gian
Thôi về nắn mấy cung đàn
Để nghe khắc khoải bẽ bàng đó đây
Mùa Thu
với gió lạnh đầy
Mùa Thu nhớ,
chợt hao gầy nhịp tim.
Ôi tình yêu!
Ta mãi tìm
Thiên đàng như đã,
Chìm vào trong sương!
Yêu người nên mãi vấn vương
Tình mênh mang, cuối sông Tương đợi chờ
Bao giờ, cho đến bao giờ?
Mùa Thu xanh lá vàng mơ tương phùng.

Hoàng Bích Đào

tiếng kêu, nhìn và nhận ra cậu này nên lên tiếng trả lời. Trò chuyện qua lại, người dưới ghe, người trên cầu. Tôi thấy ông Bảo Đại và bà Nam Phương nhìn lên chúng tôi và mĩm cười. Lúc bấy giờ tôi còn nhỏ dại, nói với các bạn rằng vua Bảo Đại được đại úy Pháp theo hầu, oai quá. Sau này mới biết đại úy này tên André LeBon có nhiệm vụ "hầu" nhưng thật ra là canh chừng Bảo Đại. Chúng tôi có thuật lại vụ này trong sách "Những Ngày Cuối Cùng Của Tổng Thống Ngô Đình Diệm", xuất bản năm 1994 và tái bản 1996.

Trong những nơi trường cho đi chơi chiều Chủ Nhật, tôi thích nhất là lăng Tự Đức hay chùa Thiên Mụ đi bằng xe đạp và hồ Tịnh Tâm. Tiếp đến tôi xin lần lượt nhớ đến việc học vấn, các thầy giáo, bạn bè rồi những lần trở lại Huế sau này.

Học tại trường Thiên Hựu từ sixième đến première tức từ 1939 đến 1945, tôi nhớ buổi sáng học 3 giờ, chiều 2 giờ. Hàng tuần thời khóa biểu gồm 4 giờ Pháp văn, 4 giờ Latinh, 4 giờ toán, 4 giờ Anh văn, 2 giờ Sử và Địa, 1 giờ Vạn vật, 1 giờ giáo lý Thiên Chúa và các môn linh tinh nào khác tôi không còn nhớ. Đến lớp seconde và première mới có 2 giờ Lý và 2 giờ Hóa học mỗi tuần. Thành phần giáo sư gồm các vị linh mục Pháp và Việt và các giáo sư ngoài do trường mời đến dạy giờ hay lương tháng. Trong số các vị linh mục, có các cha Massiot, Douchet, Mỹ, Simon Hòa Hiền sau này lên làm giám mục tại SàiGòn và ĐàLạt, cha Trần Hữu Tôn, anh em với linh mục Trần Hữu Thanh xuống đường chống tham nhũng thời

Nguyễn Văn Thiệu, đã qua đời. Tổng giám mục Ngô Đình Thục một thời đã làm giáo sư và hiệu trưởng trường Thiên Hựu thì phải, nhưng trước năm 1939 khi tôi đến học. Sau này đức cha Thục có ủng hộ hội Cựu Học Sinh Thiên Hựu tại SàiGòn và nhiều học sinh cũ của đức cha đã làm tổng trưởng hay các chức vụ cao cấp trong chính quyền Ngô Đình Diệm. Phần tôi thời ở SàiGòn không vào hội Cựu Học Sinh Thiên Hựu dù đã học Thiên Hựu và ở ký túc xá luôn trong 6 niên khóa. Gia đình chúng tôi, dù Phật tử, cũng đã giao thiệp thân tình với các linh mục giáo sư.

Trong số các giáo sư ngoài đến dạy là ông Tạ Quang Bửu và Hoàng Ngọc Cang. Tôi học Anh văn với ông Bửu năm cinquième mà thôi nhưng được tiếp xúc ông nhiều lúc ấy nhờ ông anh họ là giáo sư Hoàng Ngọc Cang. Nguyên ông Cang là anh con bác ruột tôi, anh là người dòng họ Hoàng của chúng tôi lần đầu tiên xuất ngoại du học. Anh đã từng học trường Bưởi Hà Nội rồi đi Pháp, đậu cử nhân lý hóa và hóa học gia. Trong khi chờ được bổ dụng, anh vào dạy lý hóa và toán tại trường Thiên Hựu. Anh và ông Bửu ăn ở trong trường trên lầu I của một dãy lầu bên trái tòa lầu chính. Tôi hay lên phòng anh Cang chơi nên gặp ông Bửu nhiều lần và có lần ông Bửu đưa anh Cang và tôi xuống ngủ đò trên sông Hương nữa. Đến khi ông Bửu cưới vợ và qua làm nhà máy điện Huế, năm 1943 hay 1944 gì đấy tôi không còn nhớ rõ, sự tiếp xúc này mới chấm dứt. Sau này trong thời kháng chiến chống Pháp 1946-1954 tôi được cho biết, không biết đúng hay không, là ông Bửu vào đảng Cộng sản từ năm 1947.

Sau 1975 tôi bị kẹt lại SàiGòn và có gặp lại ông Tạ Quang Bửu trong một buổi hội thảo học tập do chính quyền Cộng sản tổ chức cho giáo chức đại học SàiGòn. Ông Bửu nhận ra tôi ngay, nói Thành, em anh Cang nhưng ông chìa bắt tay tôi rồi bỏ đi ngay. Tôi hiểu và thông cảm thái độ của ông, vì lúc bấy giờ tôi bị xem là thành phần "xấu" hay phản động nữa với các sách về lịch sử chính trị và bang giao quốc tế mà tôi đã soạn và phát hành tại miền Nam trước 30-4-1975. Đến tháng 4-1981 tôi vượt biên được. Trong các năm 1982-83, nếu tôi không nhớ lầm, tôi có hai lần viết thư cho ông Tạ Quang Bửu, khi ấy hết làm bộ trưởng, nhưng là phó chủ tịch Ủy ban Khoa học Nhà Nước tại Hà Nội, thăm hỏi thầy Bửu rất ân cần và hỏi xem thầy có cần gì giúp đỡ thì tôi sẽ gởi về giúp thầy ngay. Nhưng ông Bửu không trả lời hai bức thư của tôi dù có người thân tại Hà Nội cho biết là ông đã nhận được thư, và ông rất thiếu thốn về vật chất. Nay thầy Tạ

Quang Bửu đã qua đời. Tôi vẫn tưởng nhớ và quý mến thầy về thời dạy chúng tôi tại trường Thiên Hựu.

Về phần anh Hoàng Ngọc Cang thì từ trường Thiên Hựu anh bị trưng tập đi làm hóa học gia cho sở quan thuế Pháp cho đến 9-3-1945 khi quân đội Nhật Bản đảo chánh lật đổ chính quyền thực dân Pháp. Sau đấy anh về dạy trường Quốc Học rồi theo trường đi ra Hà Tĩnh và rồi dạy Đại học Hà Nội cho đến khi về hưu. Anh nay còn sống độ 80 tuổi và hiện cư ngụ tại SàiGòn. Ngoài ra trong niên khóa cuối cùng của chúng tôi tại trường Thiên Hựu, chúng tôi học toán với thầy Nguyễn Dương Đôn hiện nay còn sống tại La Mã Ý Đại Lợi.

Trong số các linh mục Pháp dạy chúng tôi cha G. Lefas đã sốt sắng tìm ra các địa chỉ các vị linh mục Pháp tại nhà thờ Cha Tam có mặt sáng ngày 2-11-1963 khi chúng tôi nhờ cha làm việc này trong việc soạn sách về TT Ngô Đình Diệm và miền Nam nói trên. Ngoài ra cha cũng giới thiệu sư huynh Nghiêm và linh mục Claude Lange làm việc chuyển ngữ sách của chúng tôi ra Pháp văn. Vừa rồi nghe tin cha Lefas bị bệnh ung thư và đã qua đời, không biết đúng không. Tôi có gởi thư hỏi thăm nhưng không nhận được phúc đáp. Chúng tôi tưởng nhớ giáo sư Pháp văn và Sử Địa của chúng tôi các niên khóa 1943-1944 và 1944-1945 tức cha Lefas và xin phép dừng tại đây. Có dịp chúng tôi sẽ viết tiếp.

Thân thị Nhân Đức ghi lại theo Hoàng Ngọc Thành.

Mênh mang niềm nhớ

Viết cho người Đồng khánh

Ôi trường xưa
Tường hồng yêu phượng đỏ
Ôi trường xưa
Áo trắng nhỏ thu vàng
Ôi trường xưa
Giọt mưa nghiêng vành nón
Ôi trường xưa
Nhịp guốc đón xuân sang
Ôi trường xưa
Ôi mênh mang niềm nhớ
Bên giòng Hương trường có đợi chờ ai
Răng ai chưa về! răng ai chưa trở lại?
Rêu đã phủ đầy mái ngói trầm ngâm
Bước chân ai... phai trên sân cỏ úa
Áo ai còn bay giữa nắng chiều
Hàng phượng buồn trong gió lạnh đìu hiu
Bên hành lang tiêu điều quạnh vắng
Bầy chim sẻ lượm từng giọt nắng
Gửi về hư vô trao tặng tình xưa
Nhớ thương ai nói mấy cho vừa

Nhưng trường xưa ơi
Dù đời quá nhiều bể dâu trôi nổi
Trong thâm tâm lòng gạch ngói vẫn hồng
Kỷ niệm xưa dù dưới lớp rêu phong
Vẫn ấm mãi hương lòng thương nhớ

Hà Thúc Như Hỷ

HUẾ VÀ TUỔI THƠ CỦA TÔI

Thùy Việt Lân

Tuổi thơ của tôi cũng như quả bóng, một quả bóng đã vỡ và không dễ gì tìm lại một quả bóng khác. Một quả bóng duy nhất từ lâu đã bay đi mất, chỉ còn lại trong hồn tôi cái hình ảnh và màu sắc lung linh, bồng bềnh và tôi chỉ có thể vờn bắt nó trong niềm mơ tưởng và hoài vọng về một thời xa xưa.

Tuổi thơ của tôi đóng khung trong khu vực nội thành Huế, cố đô của triều Nguyễn, thời đó vẫn còn tồn tại với triều vua Bảo Đại mà tôi đã có dịp ngắm vị hoàng đế, ngồi trong chiếc kiệu, mình khoác áo vàng, đầu bịt khăn vàng — đi qua giữa hai hàng học sinh chúng tôi, được thầy giáo hướng dẫn nghênh đón trên đường Ngọ Môn — để đến chủ tế lễ Nam Giao. Tôi đã sống quãng đời thơ ấu ở cố đô nầy, khi đến trường được xếp vào loại học sinh thuộc dòng họ Nguyễn Phước, thẻ căn cước được Hội đồng Nguyễn Phước tộc đóng dấu riêng, màu son, để phân biệt với loại căn cước của thường dân, đóng dấu mực đen. Hàng năm, vào dịp lễ Hưng Quốc Khánh Niệm (mừng ngày vua Gia Long thống nhất đất nước) hoặc Vạn Thọ (sinh nhật vua), tôi được mặc quốc phục màu xanh, trong khi các học sinh khác thì mặc quốc phục đen, tập trung ở bãi cỏ trước cửa Ngọ Môn để chào mừng ngày lễ. Vinh dự — không rõ có phải thế chăng - - đời học sinh của tôi chỉ có vậy. Hàng ngày, tôi vẫn sống với gia đình nghèo nàn của tôi với người mẹ góa bụa, quanh năm vất vả, làm bán các thứ bánh đặc sản của Huế với tài khéo léo nội trợ của mình để nuôi đàn con thơ dại, mà không lúc nào khỏi nợ nần eo sèo. Vì vậy, mà tháng ngày tôi chỉ quanh quẩn bên ngôi vườn với căn nhà tranh vách đất mà mẹ tôi đã thuê của một phú hộ trong vùng, tiền thuê nhà hàng tháng được trả bằng số tiền góp hụi hàng ngày của mẹ tôi; và tôi chỉ biết đánh bạn chơi đùa với các trẻ trong xóm mà hầu hết là con nhà nghèo, có đứa gia đình còn sống cơ cực hơn nhà tôi nữa. Do cùng hoàn cảnh gia đình không chênh lệch về mặt kinh tế nên chúng tôi kết bạn, chơi đùa với nhau trong tình thân thiết đậm đà, còn giữ được đến ngày trưởng thành. Kể ra, thì thời đó là thời kỳ thanh bình, mặc dù đất nước vẫn còn trong vòng Pháp thuộc, và bọn trẻ chúng tôi tuy sống trong cảnh bần hàn mà tâm tính cũng hiền hòa, ngoan ngoãn, ít khi có những hành vi xấu xa, thiếu giáo dục.

Căn nhà và ngôi vườn — vì thuê mướn tạm, bố mẹ tôi đã phải đổi chỗ ở nhiều lần — gắn liền với tuổi thơ của tôi khi tôi vừa lên tám lên chín, cái tuổi có đôi chút ý thức về ngoại cảnh, biết vui đùa với thiên nhiên và bè bạn, và vườn nhà nầy là nơi đáng kể nhất trong đời thơ ấu của tôi. Đó là căn nhà tranh vách nứa, với một thửa vườn nhỏ, nhưng có đủ loại cây lớn nhỏ. Trước mặt là con đường cái, con đường dọc theo kỳ đài nổi tiếng của cố đô, nên được gọi là đường "Cột Cờ". Mặt sau vườn, giáp với bờ thành nội, người ta thường gọi là "thượng thành", vì vậy thế đất mặt sau vườn nhà tôi cao hơn mặt trước nhiều. Đứng bên ngoài thành nội, nhìn vào từ đường phố Huế, thấy thượng thành cao là vậy, nhưng vào vườn nhà tôi, từ mặt sau đi lên thành đó rất dễ dàng, vì đất đi từ thấp lên cao dần cho tới mặt thành. Trên mặt thành nầy, bề rộng chừng 2m, hồi nhỏ, bọn trẻ chúng tôi thường lên đó chơi đùa, ngồi ngắm ra bên ngoài thành phố Huế, thả diều — vì đây là độ cao tốt, có nhiều gió — cùng hái những trái cây dại như trái "mâm xôi" (1), trái "mắm nêm" (2) để ăn, hoặc

những trái "lồng đèn" (3), hoa "ngũ sắc" (4), hạt "bì lời" (5) để chơi. Chúng tôi vẫn thường chơi đùa bên "thượng thành" đó vào những buổi nghỉ học, thỉnh thoảng đào xới đất lên tìm nhặt các hòn "bun" (6) nhiều cỡ, và chọn cỡ thích hợp (thường bằng quả quít) để chơi trò ném bun. Đó là trò chơi chúng tôi hết sức say mê, có đứa trong bọn đã luyện nên tay nghề thành thục trong trò chơi này và ném rất điệu nghệ.

Chúng tôi có rất nhiều trò chơi và trường chơi của chúng tôi là con đường cái, đường Cột Cờ, mà tôi đã nhắc đến ở trên, cùng bãi cỏ hoang rộng hơn mẫu đất, ở vị trí giữa đường Cột Cờ và Tam Tòa (7), tức là "Nhà Hội Thương", trước để cho quan Tây và quan Ta (Nam Triều) gặp nhau bàn bạc việc nước.

Trường chơi đó, trong con mắt nhỏ bé của chúng tôi là một thế giới bao la. Nó cũng có "cây đa đầu làng" như ở thôn quê, đứng sừng sững, cao lớn, gốc to đến mấy vòng ôm với cành lá rườm rà, đúng là một cây cổ thụ đã sống dễ đến trăm năm, ở gần cửa Thượng Tứ. Lớn lên, mỗi khi đọc sách truyện thấy tả cây đa đầu làng là tôi lại hình dung cây đa đó với những nhân vật quen thuộc mà dân trong xóm tôi đã mang đến bỏ dưới gốc như ông táo, bình vôi, bát nhang v.v... trên ngọn đa cao, đúng ra là cây bồ đề, là nơi tụ tập của nhiều loài chim lớn bé, đã cất lên bản hợp xướng nhiều giọng, mỗi buổi sớm trời nắng ráo. Ngoài ra tôi còn thích câu cá ở bờ hồ Thượng Tứ. Cùng với lũ bạn nhỏ, tôi đã sắm được một cần câu khá đẹp, gốc cần chỉ bằng ngón tay trỏ và ngọn nhỏ hơn chiếc đũa con. Cần bằng loại tre thường gọi là "tre cần câu", rất thẳng, đều lóng, mà tôi khẩn khoản mãi mới xin được mẹ cho một đồng (thời giá hồi thập niên 30) để mua ở vườn nhà người ta. Chúng tôi chỉ câu được những loại cá nhỏ

Mưa qua miền ký ức

Như sóng xao bờ — bờ xô con nước cuốn
Thuyền dù xa sông
sao quên được cội nguồn?
Ai đã đặt tên cho Em
mà tới vạn triệu đời sau
Hương vẫn còn Thơm ngát
Bến có xa thuyền
trăng vẫn treo cao!
Còn đó Huế xưa
với những cơn mưa
đậm tình quyến luyến
Mưa tháng Mười
trọn đời sao quên?
Ôi những cơn mưa ươm xanh thời hoa mộng
Mưa trên sông
mưa qua phố quá dịu hiền
Cơn mưa tháng Mười có du qua miền ký ức
cho tôi hứng mấy giọt đời
và gửi chút rưng rưng!

Lê Nguyễn

như cá cấn, cá mại và nhất là cá thia đá mà chúng tôi rất thích, mang về nuôi trong các chai, lọ rồi đưa ra cho chúng đá nhau để ngồi xem mê say như người ta chơi gà chọi. Những buổi đi câu cá, tôi phải lén lút đi với bạn, vì mẹ tôi vẫn sợ cho tôi lỡ vô ý phải rơi xuống hồ. Nhưng có bận, tôi không giấu được, vì đã vấp ngã trên bờ đá, làm chân bị vết thương khá nặng, phải chữa trị đến hàng tháng mới lành. Vết sẹo ở ống chân, mỗi lần nhìn đến là tôi không khỏi nhớ kỷ niệm những ngày câu cá thời thơ ấu.

Chúng tôi thường chơi đá bóng và đá ngay trên đường cái hoặc ngoài bãi cỏ hoang. Ở bãi cỏ đó có rất nhiều loại cỏ dại, có một loại cỏ mà chúng tôi gọi là "cỏ gà", vì chúng tôi thường bứt những cọng cỏ khá lớn đó, tước bỏ hết những chi tiết không cần thiết, chỉ để lại một túm bông cỏ ở đầu, rồi cùng nhau "đá gà" bằng cách móc tréo hai đầu bông cỏ với nhau, rồi mỗi đứa mỗi bên cùng giật mạnh một lượt, cọng cỏ nào bị bứt mất đầu là phải thua, xem như là gà đó bị đá bại. Một trò chơi mà chúng tôi rất say mê là "đua xe đạp". Xe đạp của chúng tôi là những vành rổ đã kiếm được khi các bà nội trợ vứt bỏ những chiếc rổ hư. Chúng tôi buộc vành lại ở chỗ giáp múi, rồi làm một cái móc thép đã uốn cong hình chữ U, buộc vào cán tre nhỏ. Khi đua xe đạp, chúng tôi dùng cái móc đó kề vào vành rổ, rồi cùng chạy thi với nhau, làm sao cho vành đó cứ lăn trên đường, tên nào đến đích trước, mà không phải đổ vành xuống đất, là thắng cuộc. Chúng tôi đã thường tự xưng là những Lê Thành Các, Nguyễn Lầu và Lê Văn Thân, ba tay vô địch đua xe đạp Nam, Trung, Bắc nổi tiếng thời Pháp thuộc. Song song với đường Cột Cờ thuộc xóm chúng tôi, ở bên kia bãi cỏ hoang là đường Quốc Tử Giám, vì ở đường này có trường Quốc Tử Giám là trường đào tạo môn sinh của triều đình Huế ngày xưa. Dọc đường Quốc Tử Giám có hai hàng cây mù u và bàng, cây nào cũng là cổ thụ với những thân hình kỳ quái, mà ban đêm chúng tôi ít khi dám đi dưới các hàng cây đó vì tin là có nhiều ma ở trên cây và có người — phải chăng để dọa trẻ — bảo rằng ban đêm họ thường nghe tiếng ru con vẳng ra từ những ngọn cây đó.

Thỉnh thoảng, chúng tôi lại kéo nhau đi chơi xa hơn một chút, ở đường Cột Cờ, nhưng ở giới hạn bên kia cửa Thượng Tứ, để xem người ta đốt lệnh báo hiệu giờ Ngọ cho toàn thành phố biết, như là ngày nay người ta báo hiệu giờ bằng đài phát thanh. Dưới chân kỳ đài có một ngôi nhà dành cho những người canh giữ kỳ đài và chuyên trách đốt lệnh. Lệnh là một dụng cụ bằng đồng, hình trụ dày khoảng một tấc, lòng rỗng, có một lỗ châm ngòi cháy bén vào rơm được nén chặt, rơm bật tung lên trời gây thành tiếng nổ lớn. Mỗi khi xem đốt lệnh, chúng tôi phải đứng ở xa, bịt hai tai lại. Có đứa gan dạ chẳng bịt tai mà cũng chẳng hề hấn gì. Mùa hè, chúng tôi lại qua đường Ngọ Môn, song song với đường Cột Cờ, nhặt hoặc hái những trái phượng vĩ (chúng tôi vẫn gọi là phượng tây) to, dài và dẹp như lưỡi mác, nhặt đá đập vỡ ra lấy hạt ăn, vị béo và dòn. Chúng tôi thường tập trung ở tam cấp dưới chân một cái bia đá lớn, dựng đối diện với trường Quốc Tử Giám, sau khi đã nhặt được một số trái phượng tây, dùng tam cấp làm chỗ kê đập vỡ trái phượng cứng. Rồi chúng tôi lại rủ nhau đến hai ngôi nhà đặt súng thần công, mà người ta thường gọi là các "ông súng" (vì xưa nhà vua đã phong tước cho các khẩu súng đó), để chơi trong chỗ im mát. Đứa thì ngồi ở chân, đứa thì leo lên mình thần công, để tìm cảm giác mát lạnh của da đồng. Có khi chúng tôi đi xa hơn nữa, ra bên ngoài cửa Thượng Tứ, để chơi ở nhà Thương Bạc và ở khuôn viên nhà Hậu Bổ (nơi đào tạo các cấp quan lại của triều đình Huế). Bây giờ, nhìn mình trong gương, tôi thấy mái tóc đã điểm bạc, nhưng nhìn vào dĩ vãng, tôi thấy tâm hồn tôi vẫn còn tươi xanh, mỗi khi nhớ lại từng bạn cũ, kẻ còn người mất, mà nét mất, nụ cười của họ tôi không thể nào quên được, hoặc hiền hòa, hồn nhiên hoặc ồn ào, ranh mãnh, đôi khi có thể hung dữ, cộc cằn, nhưng bao giờ cũng đậm tình bằng hữu thân thiết. Và cố đô Huế nữa, nơi chôn nhau cắt rốn của tôi, với một góc nội thành, mà ngày xưa trong con mắt trẻ thơ của tôi là một cõi địa đàng với khung cảnh thiên nhiên huyền diệu, có những bãi cỏ, những hàng cây, những loài chim muông, mà tôi nghĩ là ngoài Huế ra không nơi nào có được.

☯ *THÙY VIỆT LÂN*

Bác Sĩ Nha Khoa

DƯƠNG ÚT, D.D.S.

(DOCTOR OF DENTAL SURGERY)

Tốt nghiệp Đại Học Đường Loma Linda California USA.

- ❑ Nha sĩ kinh nghiệm hành nghề nhiều nơi.
- ❑ Chuyên trị các trường hợp sai lệch khớp nhai, tái tạo khớp nhai (FULL MOUTH RE-CONSTRUCTION
- ❑ Chữa răng bằng phương pháp và kỹ thuật máy móc mới nhất ở Hoa Kỳ.

▼ **NHA KHOA THẨM MỸ:** Bonding, Veneer.

▼ **NHA KHOA NHI ĐỒNG:** Kiên nhẫn và nhẹ nhàng với trẻ em.

▼ **NHA KHOA TỔNG QUÁT:**

- *Trám răng, nhổ răng, lấy gân máu.*
- *Răng giả các loại.*
- *Bệnh nướu răng (Gum disease).*
- *Giải phẫu.*

XIN VUI LÒNG LẤY HẸN TRƯỚC
TRỪ TRƯỜNG HỢP KHẨN CẤP

Giờ mở cửa:
Thứ Hai - Thứ Bảy: 10:00 sáng đến 6:00 chiều.

NHẬN MEDICAL VÀ BẢO HIỂM

CHUYÊN SỬA CHỮA CÁC LOẠI RĂNG GIẢ BỊ HƯ HẠI

Tel: (213) 617-2778

807 CESAR E. CHAVEZ AVE.
LOS ANGELES, CA 90012

Bác Sĩ BÙI MINH ĐỨC

Chuyên Khoa **TAI - MŨI - HỌNG, GIẢI PHẪU ĐẦU VÀ CỔ**

9131 Bolsa Ave. Suite 201 - Westminster, CA 92683
(Trong khu Cathay Bank)

Tel: (714) 894-5581

- *Hội viên Hội Tai-Mũi-Họng Hoa Kỳ (Fellow, American Academy of Otolaryngology, Head and Neck Surgery).*
- *Hội viên Hội Tai-Mũi-Họng Đức Quốc (Mitglied, Deutsche Gesellschaft fuer Hals-Nasen-Ohren Heilkunde, Kopf und Hals Chirurgie).*
- *Hội viên Hội Mũi Học Hoa Kỳ (Fellow, American Rhinologic Society).*

CHUYÊN TRỊ CÁC BỆNH VỀ TAI - MŨI - HỌNG:

- **TAI:** Tai chảy mủ, Đau tai, Ù tai, Điếc tai, Vá màng nhĩ (Vi phẫu tai). Giúp mang máy điếc.
- **MŨI:** Nghẹt mũi, Chảy mũi, Ngứa mũi, Hôi mũi, Chảy máu cam. Giải phẫu xoang bằng Nội soi (Functional Endoscopic Sinus Surgery).
- **HỌNG:** Vướng họng, Nghẹt họng, Đằng hắng, Khàn giọng, Ngáy ban đêm: Giải phẫu bằng tia Laser.

ĐẶC BIỆT: TRUNG TÂM NỘI SOI TAI - MŨI - HỌNG VỚI VIDEO (Video Fiberoptic Endoscopy).

- Dàn Nội Soi hiện đại, tối tân nhất.
- Định bệnh chính xác. Định bệnh sớm.
- Thấy rõ bệnh mình trên Video. Có hình chụp.
- Tối cần để tìm Ung thư họng.

Giờ khám:
Buổi sáng (Thứ Hai và Thứ Sáu): Từ 10 giờ sáng.
Buổi chiều: Từ 1 đến 6 giờ.
Thứ Bảy: Từ 10 giờ sáng đến 3 giờ chiều.
Chủ Nhật và Ngày Lễ: Nghỉ.

XIN LẤY HẸN TRƯỚC.

Bác Sĩ

LÊ VĂN CẨM, M.D.

J. Fellow Of American Academy Of Pediatrics

9341 Bolsa Ave., - Westminster, CA 92683

Điện thoại: (714) 894-9666

CHUYÊN KHOA NHI KHOA

SƠ SINH, TRẺ EM VÀ CÁC BỆNH THANH THIẾU NIÊN.

Y KHOA TỔNG QUÁT NGƯỜI LỚN

Bác Sĩ điều trị tại Bệnh viện Fountain Valley Regional Hospital

Nhà Thuốc Tây

MAI Pharmacy

Rx

11801 Inglewood Ave., Suite 3 - Hawthorne, CA 90250

(310) 676-7581

Dược sĩ Mai Duy Cát, Pharm. D.

- *Bán thuốc theo toa Bác sĩ và Nha sĩ.*
- *Thuốc thông thường, đặc chế và tương đương.*
- *Bán và gửi thuốc về Việt Nam.*
- *Nhận Medical và Bảo Hiểm*

Giờ mở cửa:
Hàng ngày: 9:30 sáng - 6:30 chiều
Thứ Bảy: 9:30 sáng - 2:30 chiều
Chúa Nhật: Nghỉ

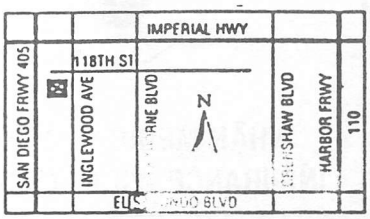

CƠM TẤM
TRẦN QUÝ CÁP

Cống hiến hương vị thơm ngon bất hủ của
Cơm tấm Trần Quý Cáp ngày nào.

Địa Điểm I:
10522 Mc Fadden Ave.
(Góc Mc Fadden và Ward)
Garden Grove, CA 92843
Nghỉ Thứ Hai
Tel: (714) 839-3069

Địa Điểm II:
9607 Bolsa Ave.
(Trong khu Bolsa Mini Mall,
gần Nhà sách Tú Quỳnh)
Westminster, CA 92683
Nghỉ Thứ Ba
Tel: (714) 839-3173

ĐÀ NẴNG
Restaurant:
Thêm các món ngon:
BÚN BÒ HUẾ - MÌ QUẢNG -
BÁNH BÈO - MÍT TRỘN

ĐẶC BIỆT: TÀU HŨ KI

MỞ CỬA: 9:00 AM - 8:00 PM
Kính Mời

POMONA OPTOMETRY
1101 East Holt Ave., Ste. D
Pomona, CA 91787
(Trong khu Pomona Square,
cạnh chợ Pomona Supermarket)
(909) 620-4546

DR. TÔN NỮ KIỀU TIÊN, O.D.
DR. DƯƠNG THÙY TRANG, O.D.
DR. JOSEPH MOSTOW, .O.D.

- Tốt nghiệp Bác Sĩ Nhãn Khoa tại Southern Calif. College of Optometry, Fullerton, TDA Certified
- Hội viên California Optometry Association (COA).
- American Optometric Association (AOA), BETA SIGNA KAPPA, Honor Society.

- Đủ kiểu kính thời trang của Mỹ, Pháp, Ý... và kính mát.
- Đủ loại contact lenses trong hoặc màu.
- Làm kính lão bằng contact lenses.
- Làm đủ loại kính cận thị, viễn thị, loạn thị và lão.
- Kính mỏng cho độ cao.
- Kính hai tròng, có lằn hoặc không lằn.
- Chuyên khám mắt tổng quát: Khám mắt hột cườm, glaucoma, tiểu đường, áp suất cao, v.v... **CÓ THỂ CHO TOA THUỐC CHỮA BỆNH MẮT NẾU CẦN.**

NHẬN MEDICAL, MEDICARE,
INSURANCE, VISA / MASTER CARD

TIỆM VÀNG HỘT XOÀN

KIM THỌ JEWELRY

TEL: (714) 892-5007

The Jewelry Center

Booth #3 & 2nd Floor

- HỘT XOÀN, CẨM THẠCH, NỮ TRANG, VÀNG LÁ.
- ĐỦ LOẠI, ĐỦ KIỂU.
- BẢO ĐẢM ĐẸP VÀ ĐẦY ĐỦ PHẨM CHẤT.

ASIAN GARDEN MALL
9200 Bolsa Ave. Suite 227 #3 2nd Floor
Westminster, Ca 92683

LIPO SUCTION CENTER & LASER SURGERY

TRẦN TIẾN HUYẾN, M.D., F.A.C.S.

American Board Of Surgery - Member American Academy Of Cosmetic Surgery

AESTHETIC LASER SURGERY

- Căng da mặt, xóa đường nhăn trên mặt.
- Chữa mặt rỗ do mụn.
- Xóa tàn nhang, nốt ruồi.
- Xóa hình xâm Tattoo.
- Chữa trị các vết chàm lớn nhỏ bẩm sinh.

LIPO SUCTION & BODY CONTOURING

- Hút mỡ mông, đùi, tay, chân.
- Hút mỡ bụng - Căng da bụng.
- Hút mỡ cằm - Căng da cằm.
- Chích mỡ vào bàn tay, mặt.

GIẢI PHẪU THẨM MỸ

- Sửa ngực và nâng ngực với túi Saline.
- An toàn.
- Sửa mắt 2 mí.
- Sửa mũi.
- Sửa cằm.
- Cắt nốt ruồi.
- Sửa âm đạo theo ý muốn.

TẬN TÂM - KỸ LƯỠNG - AN TOÀN - GIÁ PHẢI CHĂNG.

MAGNOLIA CLINIC
14571 Magnolia St., #207
Westminster, CA 92683
Xin gọi lấy hẹn
(714) 898-1177

ALHAMBRA OFFICE
841 E. Valley Blvd., Ste. 103
Alhambra, CA 91803
(818) 308-1122

YAG LASER SURGERY

- Bệnh Trĩ, Mạch lươn, Bệnh đường ruột.
- Truy tầm Ung thư ruột.

BÁC SĨ NHA KHOA

VÕ TRỌNG DI

GENERAL DENTISTRY

4132 University Ave.
San Diego, CA 92105

Tel: (619) 280-3322

Office Hours By Appointment

Bác Sĩ

NGUYỄN VĂN THUẬN
M.D.

Y KHOA GIA ĐÌNH
QUANG TUYẾN
ĐIỀU TRỊ TAI NẠN

15420 CRENSHAW BLVD.
GARDENA, CA 90249
TEL: (310) 324-5599

Giờ Khám Bệnh:
Thứ 2 - Thứ 6: 9:30 am -6:00 pm
Thứ 7: 9:30 am - 4:00 pm
Chủ Nhật: Đóng cửa

LIEN D, NGUYEN, CPA

Hội viên AICPA, California Society of CPA.

- KHAI THUẾ CÁ NHÂN, THƯƠNG MẠI.
- GIỮ SỔ SÁCH KẾ TOÁN.
- CỐ VẤN ĐẦU TƯ.
- ĐẠI DIỆN THÂN CHỦ TRONG TRƯỜNG HỢP BỊ AUDIT.

(714) 530-3602

14180 Brookhurst St.
Garden Grove, CA 92643
(Lầu 2, khu phố ngói xanh)

TẠI LONG BEACH

BÁC SĨ Y KHOA

VÕ VĂN PHÁC, M.D.

CHUYÊN MÔN NỘI THƯƠNG NGƯỜI LỚN & TRẺ EM
Y KHOA GIA ĐÌNH

CHUYÊN MÔN:

* Y khoa gia đình.
* Các bệnh nội, ngoại thương tổng quát.
* Bệnh toàn khoa người lớn và trẻ em. (Các bệnh về tim, phổi, thực quản, bao tử, gan, ruột, cao huyết áp, phong thấp, tiểu đường).
* Bệnh ngoài da, hoa liễu, dị ứng (allergy).
* Bệnh phụ nữ, đàn bà, thăm thai, kế hoạch hóa gia đình.
* Chích ngừa, khám bệnh nhập học, theo dõi sức khỏe, định kỳ trẻ em.
* Cộng tác với chương trình WIC cho sản phụ, trẻ em.
* Tiểu giải phẫu các bướu dưới da, mụn cóc, nốt ruồi, cắt da qui đầu.

THỬ NGHIỆM:

* Mỡ trong máu (cholesterol).
* Các loại về máu, nước tiểu.
* Thử máu hôn thú.
* Truy tầm ung thư vú, tử cung.

Trang bị máy đo tim, đo phổi, máy massage.

NHẬN LÀM BÁC SĨ GIA ĐÌNH
NHẬN MEDICAL, MEDICARE
VÀ BẢO HIỂM CÁC LOẠI

Giờ Khám Bệnh:
Mon - Fri: 9:30 AM - 6:30 PM
Sat: 9:00 AM - 3:00 PM

611 E. Anaheim St., Long Beach, CA 90813
(Giữa Atlantic Blvd. & Lime Ave.)
Tel: (310) 591-8982

TÔN THẤT VINH

REAL ESTATE BROKER
Bus: (714) 839-6486
Res: (714) 531-8878

WINSTAR REALTY
17330 Brookhurst St., Ste. 100
Fountain Valley, CA 92708
Tiền lời đang xuống thấp. Quý vị muốn mượn nợ, refinance, mua bán nhà,
Xin liên lạc:
TÔN THẤT VINH
VỚI TRÊN 10 NĂM KINH NGHIỆM TRONG NGÀNH ĐỊA ỐC, CHÚNG TÔI SẼ ĐEM QUYỀN LỢI TỐI ĐA VỀ CHO QUÝ VỊ.

NAM SI DONG, M.D.

Diplomate the American Board of Pediatrics

CHUYÊN TRỊ BỆNH TRẺ SƠ SINH, TRẺ EM, THANH THIẾU NIÊN.

Magnolia Plaza
14082 Magnolia St., Suite 111
Westminster, CA 92683
(Góc Magnolia & Westminster)
Tel: (714) 898-0424

Giờ khám bệnh:
Thứ Hai - Thứ Sáu: 10:00 am - 6:00 pm
Thứ Năm: 5:00 pm - 7:00 pm
Thứ Bẩy: 9:00 am -2:00 pm

BÁC SĨ NHA KHOA

TÔN THẤT THỌ

NHA KHOA TỔNG QUÁT VÀ THẨM MỸ

1449 PARK AVE., # 3
SAN JOSE, CA 95126
TEL: (408) 295-2530

BÁNH MÌ

THANH NHÀN

DALAT

SANDWICH - FOOD TO GO - ORIENTAL DELI

NỔI TIẾNG VỚI CÁC ĐẶC SẢN:

- Đủ loại bánh mì To Go
- Đủ loại thịt nguội, paté, giò thủ, nem nướng bò khô.
- Đủ các loại giò chả, nem, tré, giò sống, mắm chưng.
- Đặc biệt các loại mắm: Mắm tôm, mắm cà, mắm chay.
- Các món bánh mặn Việt Nam.
- Các loại cơm dĩa, bún thịt nướng, bánh cuốn Thanh Trì.
- Đủ loại chè, nước tươi nóng mỗi ngày.

NHẬN ĐẶT:

Các loại xôi, chè và các món ăn cho tiệc trà.

9569 - 9571 Bolsa Ave. - Westminster, CA 92683

(Khu Bolsa Mini Mall)

Tel: (714) 839-1440

BÁC SĨ PHAN TUYẾT MAI, M.D.

Chuyên Khoa Giải Phẫu Nhãn Khoa (Eye Physician and Surgeon)

Diplomate of The American Board of Opthalmology

- ★ *Tốt nghiệp Bác sĩ Y Khoa Harvard Medical School, Boston, Massachusetts.*
- ★ *Thường trú Nội Khoa Massachusetts General Hospital, Harvard Medical School.*
- ★ *Tốt nghiệp Chuyên Khoa Nhãn Khoa (Giải phẫu và Điều trị Nhãn Khoa) Jules Stein Eye Institute, UCLA.*
- ★ *Tốt nghiệp Hậu Chuyên Khoa Giải Phẫu và Ghép Giác mạc (Fellowship in Cornea and External Disease, Corneal Transplant), Massachusetts Eye and Ear Infirmary, Harvard Medical School.*
- ★ *Hội viên Hội Society Of The Heed Fellow (Hội đoàn Bác sĩ Giải Phẫu Nhãn Khoa Ưu tú).*
- ★ *Giảng huấn viên Khu Nhãn Khoa (Department of Opthalmology) Đại Học Y Khoa UCLA Jules Stein Eye Institute.*

9500 Bolsa Ave. #P
Westminster, CA 92683
Tel: (714) 775-4400

GIẢI PHẪU VÀ ĐIỀU TRỊ:

- ▢ *Mắt lòa - Mắt cườm (Cataract) - Ghép kính nhân tạo (Lens implant).*
- ▢ *Mộng thịt trên tròng trắng và tròng đen (Pterygium).*
- ▢ *Giải phẫu cận thị - Loạn thị (Radial Keratotomy)*
- ▢ *Đo và làm kính, Contact lens.*
- ▢ *Giải phẫu bằng tia sáng Laser.*
- ▢ *Giải phẫu áp suất mắt cao (Glaucoma) - Mắt lé - Giải phẫu mí mắt.*
- ▢ *Chữa mọi trường hợp viêm mắt, mắt loét, đỏ hoặc khô.*

Khám bệnh theo hẹn

- ▢ *Với sự cộng tác của Nhóm Bác sĩ Giải Phẫu Nhãn Khoa chuyên môn và danh tiếng vùng Southern California.*
- ▢ *Trang bị đủ những máy móc thử nghiệm và Tia sáng Laser tối tân.*

CHUYÊN GIẢI PHẪU VÀ GHÉP GIÁC MẠC MỚI (Corneal Transplant) Để Điều Trị Những Trường Hợp Giác Mạc, Mắt Bị Mờ Trắng, Đục Trắng, Sẹo Gây Ra Bởi Tai nạn, Vi Trùng, Bệnh Ban, Trái Hoặc Sau Khi Giải Phẫu Mắt Bị Hỏng.

Bác Sĩ NGUYỄN PHÚC VĨNH KHIÊM, M.D.

CHUYÊN KHOA BỆNH TIM VÀ HUYẾT QUẢN

- ★ Diplomate American Board Of Internal Medicine.
- ★ Diplomate American Board Of Cardiovascular Disease.
- ★ Tốt nghiệp Bác sĩ Y Khoa, Harvard Medical School, Boston, Massachusetts.
- ★ Thường trú Nội Khoa (Internal Medicine), Massachusetts General Hospital, Harvard Medical School.
- ★ Tốt nghiệp Chuyên khoa Bệnh Tim (Cardiology), Stanford of Medicine, Palo Alto, California.
- ★ Tốt nghiệp Hậu Chuyên khoa Thông Tim (Advanced Fellowship in Angioplasty), Seton Medical Center, San Francisco, dưới sự điều khiển của Bác sĩ Richard Myler và Bác sĩ Simon Stertzer (Hai vị khai sinh của ngành Angioplasty).
- ★ Nguyên Giám Đốc chương trình Soi tim và Thông tim (Interventional Cardiology) cho HMO FHP, Los Angeles (1989-1992).
- ★ Bác sĩ điều trị tại Samaritan, Los Angeles.

Với sự hợp tác của nhóm bác sĩ uy tín bậc nhất tại bệnh viện Good Samaritan, Los Angeles: Bác sĩ Stanley Wishner (Cardiology) và Bác sĩ Gregory Kay (Cardiothoracic Surgery).

1245 Wilshire Blvd., #707
Los Angeles, CA 90017
24 Hrs. Answering Service:
(213) 977-0101
Tiếng Việt: **(818) 787-9377**

CHUYÊN CHẨN VÀ ĐIỀU TRỊ BỆNH TIM VÀ HUYẾT QUẢN
Bằng Phương Pháp Soi và Thông Tim
(Cardiac Catheterization, Coronary Angioplasty, Peripheral and Renal

ĐỊA CHỈ MỚI TẠI LITTLE SAIGON
9500 Bolsa Ave., #P
Westminster, CA 92683
Tel: (714) 775-4400

- ▢ Ngăn ngừa Bệnh tim (Preventive Cardiology): Bệnh cao mỡ (Cholesterol), Áp huyết cao (Hypertension) và Tiểu đường (Diabetes).
- ▢ Bệnh nghẽn mạch máu tim (Coronary artery disease).
- ▢ Bệnh tim bẩm sinh (Congenital heart disease).
- ▢ Bệnh van tim (Vascular heart disease).
- ▢ Bệnh tim đập thất nhịp (Arrythmia).
- ▢ Bệnh nghẽn mạch máu dưới chân (Peripheral arterial disease): Đau chân khi đi, lạnh chân.
- ▢ Bệnh nghẽn mạch máu trong thận làm áp huyết cao (Renovascular disease).

NHẬN MEDICAL, MEDICARE VÀ BẢO HIỂM.
Xin lấy hẹn trước
Giờ Làm Việc:
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:00 AM - 5:30 PM
Thứ Bảy và Chủ Nhật: Khám theo hẹn

TRUNG TÂM QUANG TUYẾN WESTMINSTER

BÁC SĨ LÊ VĂN GIAO, M.D.

15550 Brookhurst St., Suite A - Westminster, CA 92683

Tel: (714) 839-4311

Fax: (714) 839-2474

CHUYÊN KHOA QUANG TUYẾN, TRUY TẦM UNG THƯ NGỰC & ĐỒNG VỊ PHÓNG XẠ

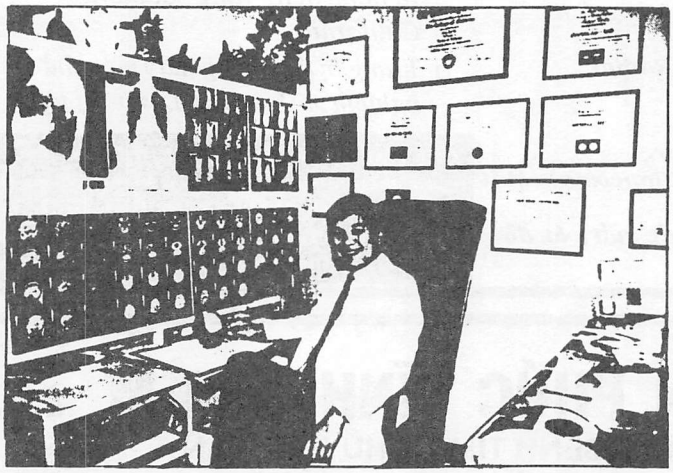

- *Tốt nghiệp Y khoa Bác sĩ tại Đại học Y khoa Utah.*
- *Cựu Nội trú Nội thương và Ngoại thương Đại học Y khoa USC*
- *Tốt nghiệp chuyên khoa Quang Tuyến Đại học Y khoa USC.*
- *Nguyên Giảng viên và Bác Sĩ Trưởng các Bác Sĩ thường trú Đại học Y khoa USC.*
- *Hậu Đại học Đồng Vị Phóng Xạ (Nuclear Medicine) tại Đại học Y khoa USC.*
- *Chuyên khoa đặc biệt về Truy Tầm và Trị Liệu Ung Thư Ngực tại UCLA.*
- *Nguyên Bác Sĩ Trưởng khu Quang Tuyến cho CIGNA HEALTH PLAN.*
- *Hiện là Bác Sĩ Quang Tuyến tại nhà thương FHP và Fountain Valley*

TRUY TẦM VÀ HỢP TÁC VỚI CÁC BÁC SĨ CHUYÊN MÔN ĐỂ TRỊ LIỆU CÁC BỆNH UNG THƯ NGỰC, CỔ, TỬ CUNG, BAO TỬ, RUỘT, PHỔI, V.V...

- **Những máy móc tối tân định các bệnh:** Sản phụ khoa, Trẻ em, Chứng bệnh cấp tính & kinh niên, Người lớn.

- *Có nữ chuyên viên dùng máy Quang Tuyến tối tân bậc nhất, chuyên chỉ để chụp hình ngực vô cùng chính xác và giảm thiểu độ phóng xạ trên cơ thể bệnh nhân đến mức tối thiểu hầu như không đáng kể.*

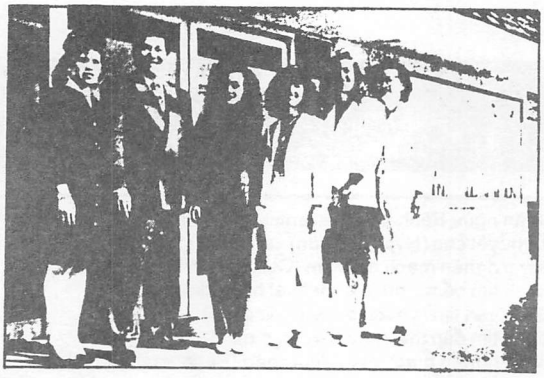

THÔNG BÁO

Để chuẩn bị cho Tuyển Tập Nhớ Huế số 11 được phát hành sớm, xin yêu cầu quý Thân hữu gửi ngay bài vở cho Ban Biên Tập.

Đa tạ.
Tuyển Tập Nhớ Huế.

MỜI ĐỌC

NHỮNG BÍ ẨN TRIỀU NGUYỄN

Một công trình nghiên cứu công phu
của Kiêm Thêm & Tôn Thất An Cựu

❒ Để biết những chuyện thâm cung bí sử.

❒ Để thả hồn về với cố đô ngàn đời yêu dấu.

Một cuốn sách không thể thiếu trong bộ sưu tập về Huế.

Đã phát hành bởi
Nhà xuất bản Phú Xuân
11118 Bellflower Ave.
Fountain Valley, CA 92708

TRUNG TÂM SẢN PHỤ

BÁC SĨ VÕ VĂN CẦU, M.D.,FACOG.

- *Tốt Nghiệp Bằng Chuyên Môn Sản Phụ Khoa Hoa Kỳ*
- *Diplomate American Board of Obstetrics & Gynecology*
- *Fellow American College of Obstetrics & Gynecology*

- *Nguyên Bác Sĩ Sản Phụ Khoa, Giải Phẫu, Trưởng Bảo Sanh Viện Lê Trung Đình, Quảng Ngãi*
- *Nguyên Trưởng Khu Sản Phụ Khoa và Bác Sĩ Giải Phẫu Bệnh Viện Sùng Chính, Sàigòn*
- *Tốt nghiệp Chuyên môn Sản Phụ Khoa, Nguyên Giảng Huấn Viên tại Bệnh Viện John Sealy University Hospital, Texas*

BÁC SĨ NHIỀU NĂM KINH NGHIỆM VỀ SINH ĐẺ VÀ MỔ XẺ TỪ VIỆT NAM VÀ HOA KỲ.

CHUYÊN TRỊ: SẢN KHOA VÀ TẤT CẢ CÁC BỆNH ĐÀN BÀ

- **SẢN KHOA:** Thăm thai và đích thân đỡ đẻ, kể cả trường hợp khó khăn. Kế hoạch hóa gia đình (OCA,Deproprovera, Norplant). Cột kẹp hoặc đốt ống dẫn trứng. Có thể sinh thường những trường hợp đã mổ (previous C/Section). Hướng dẫn để sinh trai gái theo ý muốn. Hiếm muộn và giải phẫu hiếm muộn.
- **PHỤ KHOA:** Kinh nguyệt bất thường. Nhiễm trùng bộ phận sinh dục. Huyết trắng. Rối loạn sinh lý. Truy tầm Ung thư vú. Ung thư cổ tử cung và điều trị tiền ung thư cổ tử cung. Chẩn đoán và điều trị bướu âm đạo, tử cung và buồng trứng.
- **GIẢI PHẪU:** Bướu tử cung, buồng trứng, ống dẫn trứng. Ngưng sanh. Bệnh sa tử cung và sửa âm đạo. Bệnh không điều khiển nước tiểu. Các bệnh điều trị bằng Laser

NHẬN MEDICAL - MEDICARE - BẢO HIỂM CÁC LOẠI

Xin Vui Lòng Lấy Hẹn

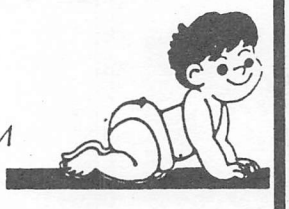

GIỜ LÀM VIỆC:

Thứ Hai đến Thứ Sáu: 10:00AM - 6:30PM

Thứ Bảy: 10:00AM - 3:00PM

14024 Magnolia, Suite #104 - Westminster, CA 92683

(714) 898-1375 (24 Hrs.)

Bác Sĩ Nha Khoa

TRẦN NGỌC TÂM HƯỚNG, D.D.S.

- *Hội viên Americal Dental Association*
- *Hội viên Academy Of General Dentistry*
- *Hội viên California Dental Association*

- ❑ Dùng máy siêu âm (Ultrasonic)
- ❑ Khám răng tổng quát và định kỳ
- ❑ Lấy gân máu
- ❑ Trị bệnh nướu răng
- ❑ Nha khoa phòng ngừa
- ❑ Chữa, nhổ răng cho trẻ em và người lớn
- ❑ Nha Khoa Thẩm Mỹ dùng U.V. Light sửa và làm đẹp các răng cửa hư, xấu hoặc hở.
- ❑ Tẩy trắng răng (Bleach)
- ❑ Làm đủ loại răng giả (Fixed, Removalbe, Prosthodontic

Giờ làm việc:
Thứ Ba - Thứ Sáu:10am - 7pm
Thứ Bảy - Chủ Nhật:9am - 4pm
Nghỉ Thứ Hai

VÙNG SAN FERNANDO VALLEY
818-708-7280
18554 Sherman Way
Reseda, CA 91335

Nhận bảo hiểm, Medical, trả góp.
Xử dụng máy móc tối tân và kỹ thuật hiện đại để phòng ngừa bệnh truyền nhiễm trong khi điều trị

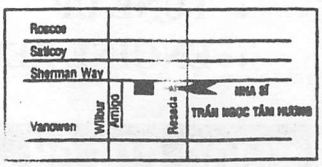

KHAM BỆNH THEO HẸN, ĐẶC BIỆT VĂN PHÒNG MỞ CỬA NGÀY CHỦ NHẬT.
TRƯỜNG HỢP KHẨN CẤP, XIN ĐẾN THẲNG VĂN PHÒNG

PLASTIC SURGERY

Bác Sĩ TRẦN TIẾN SUM, M.D.

GIẢI PHẪU THẨM MỸ và TÁI TẠO

- Tốt nghiệp chuyên khoa Plastic Surgery tại Mt Sinai Hospital New York, Hoa Kỳ (1984)
- Tu nghiệp chuyên khoa thẩm mỹ cho người Á Đông tại Viện Đại Học Showa, Tokyo, Nhật Bản (1983)
- Tốt nghiệp chuyên khoa giải phẫu tổng quát tại Stanford University Santa Clara V.M.C và Fresno V.M.C (1977-1981)

Chuyên Giải Phẫu:

- *Mắt hai mí Đông Phương và độn mũi*
- *Căng da mặt, trán, cổ, lột da, mài da làm mờ sẹo*
- *Độn ngực, làm nhỏ lại, nâng ngực bị xệ*
- *Đặc biệt giải phẫu bằng tia Laser: Cắt bỏ các bướu ở mặt, nốt ruồi, vết chàm v.v... (vết sẹo rất nhỏ và mờ)*
- *Giải phẫu và tái tạo các khuôn mặt bị tai nạn*
- *Tái tạo bộ ngực sau khi bị cắt bỏ bởi ung thư*
- *Tái tạo các chức phận của bàn tay: dây thần kinh, gân và xương*

Nhận:
Visa, Master Card, American Express

Tel:
1(805) 253-3755
Toll Free:
1(800) 540-2340
Tel. 24/24:
(805) 253-2211
Cách LA Downtown 30 phút lái xe,
Cách Monterey Park 40 phút lái xe

THAM KHẢO VÀ LẤY HẸN
TẠI ĐỊA CHỈ MỚI:
23861 W. Mc Bean
Parkway #E16
Valencia, CA 91355

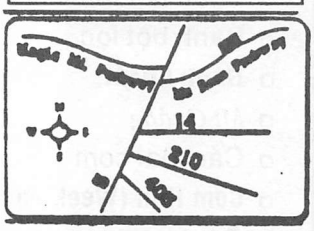

TIM'S AUTO REPAIR

1020 N. Harbor Blvd.
Santa Ana, CA 92703
(at Hazard)

Tel: (714) 554-9500

- **DOMESTIC & IMPORT**
- **BRAKES**
- **A/C**
- **CARBURETOR**
- **TUNE UP**
- **ENGINE REBUILT**

SMOG CHECK - NO PASS NO PAY.

TIM TIEN NGUYEN
Owner

HUẾ *Rendez Vous*

Restaurant
15562 Brookhurst St.
Westminster, CA 92683
(Góc McFadden)

TEL: (714) 775-7192

- *Huế Rendez Vous nằm sau tiệm Spires.*
- *Xin đừng nhầm lẫn Huế Rendez Vous với tiệm Huế số 1.*

Mở cửa 6 ngày:
Chủ Nhật - Thứ Tư: 9am - 9pm
Thứ sáu & Thứ Bảy: 8:30am - 10pm
Nghỉ Thứ Năm.

- Bún bò
- *Bánh ướt thịt nướng*
- **Bánh bèo**
- ***Bánh nậm***
- *Bánh ướt tôm chấy*
- Bánh bột lọc
- **Bánh khoái**
- *Mì Quảng*
- Các loại cơm
- **Cơm Hến (Week-end).**
- *Các loại chè*

- *Khung cảnh và màu sắc rất Huế.*
- *Lan tươi đẹp nhất.*
- *Tiệm đẹp, sạch và khang trang, hoa lan tươi.*

- **Đặc Biệt chúng tôi có bán "Bún Bò Chay".**
- ***Nhận đặt Party tại chỗ hay mang đi.***

TRUNG TÂM Y NHA KHOA POMONA

Y VIỆN POMONA

1182 E. Holt Ave. - Pomona, CA 91766

Tel: (909) 623-8502

Bác Sĩ

VÕ ĐÌNH HỮU, M.D.

- Chief of Staff Bệnh viện Lenterman.
- Bác sĩ Department of Family Practice Pomona Valley Hospital.
- Hội viên American Academy of Pediatrics.
- Tốt nghiệp Chuyên khoa tại University of Florida.
- Cựu Y sĩ Hồng Thập Tự Việt Nam.
- Cựu Nội trú Sản phụ khoa Từ Dũ, Giải phẫu Bình Dân, Bệnh viện Nhi Đồng.

Bác Sĩ

LÊ MINH ĐỨC, M.D.

- Hội viên Y Sĩ Đoàn Hoa Kỳ.
- Hội viên Hội Y Sĩ California.
- Hội viên Hội Y Sĩ L.A County.
- Bác sĩ Điều trị các Bệnh viện vùng Pomona.
- Cựu Nội trú Sản phụ khoa Bệnh viện Hùng Vương, Nội khoa Nguyễn Văn Học.
- Cựu Nội trú Bệnh viện Huntington Memorial California.

- Chuyên Khám bệnh Trẻ em, Khám bệnh Nhập học, Chích ngừa, Khám bệnh Toàn khoa Người lớn, Bệnh Phụ nữ, Khám thai, Săn sóc sức khỏe gia đình, Khám bệnh định kỳ hàng năm, Thử nghiệm tìm Ung thư Đàn bà.
- **Khi cần nằm Bệnh viện, Bác sĩ sẽ đích thân theo dõi. Trung tâm có Bác sĩ chuyên môn, Bác Sĩ Nha Khoa đầu tiên vùng Pomona và phụ cận.**

NHẬN MEDICAL - MEDICARE VÀ BẢO HIỂM

Ngày giờ làm việc:
Ngày thường: 4 PM - 8 PM
Thứ Bảy, Chủ Nhật: 10 AM - 3 PM

Nhận Làm Bác Sĩ Gia Đình
Khám bệnh theo hẹn
Khi cần gọi 24 giờ (909) 623-8502
Bác Sĩ Võ hay Bác Sĩ Lê

Bác Sĩ **NGUYỄN KIỂN NGỌC, M.D.**

Khoa Tâm Thần - Psychiatry

14482 Beach Blvd. Suite # Y ◻ Westminster, CA 92660

(Góc Beach & Hazard, trong dãy nhà SHOWCASE HOMES, phòng mạch Suite Y, trông ra đường Hazard)

- *Hoàn tất Residency về Psychiatry tại University of S. Florida từ 1977 - 1981*
- *Bác sĩ Tâm thần của Orange County Mental Health 1981 đến nay.*

(714) 898-4382

KHÁM THEO HẸN
Thứ 2, 3, 4, 6 từ 5:30 PM - 7:30 PM
Thứ 5 từ 1 PM - 7:30 PM
Thứ 7 từ 9 AM - 3 PM

NHẬN MEDICAL VÀ BẢO HIỂM

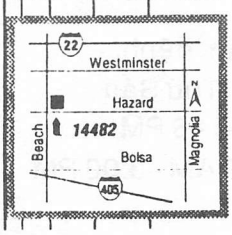

CHUYÊN TRỊ

THÁC LOẠN:

- Tư tưởng (Thoughts)
- Tình cảm (Feelings)
- Hành vi (Behavior)

GIAO TÌNH XÁO TRỘN:

- Giữa bạn bè, vợ chồng
- Trong gia đình, ngoài xã hội
- Trong công việc

CÁC CHỨNG

- Nóng giận (Anger)
- Lo âu (Anxiety), Sợ sệt (Fear)
- Sầu muộn (Depression)
- Cuồng tính (Mania)
- Biếng ăn hay ăn nhiều
- Mất ngủ hay ngủ nhiều
- Đầu nhức hay căng thẳng
- Hồi hộp, khó thở
- Sinh lý bất thường

Bác Sĩ Nha Khoa

HỒ VĂN PHÚ, D.D.S.

Nữ Bác Sĩ Nha Khoa

HỒ NHƯ MAI, D.D.S.

* Nha Khoa Gia Đình.
* Trám, Nhổ, Chữa Tuỷ Răng (Lấy gân máu)
* Khám Răng Định Kỳ.
* Nha Khoa Phòng Ngừa.
* Làm Răng Giả Đủ Loại
* Trị Bịnh Nướu Răng: Nướu sưng, chảy máu, hôi miệng
* Sửa Răng Thẩm Mỹ: Làm khít răng thưa, Vá răng sứt mẻ, đổi màu, Tẩy răng trắng

South Bay Center:.
15024 Prairie Avenue
Hawthorne, CA 90250
(310) 978-8993

Chinatown Center
625 W. College Street #104
Los Angeles, CA 90012
(213) 617-0096

Xin vui lòng lấy hẹn trước. Nhận bảo hiểm và Medical

Bác Sĩ

ĐOÀN YẾN, M.D.

1663 Beverly Blvd., Suite #201 - Los Angeles, CA 90026

TEL: (714) 413-4845

- *Tốt nghiệp Hậu Đại Học Wadsworth, LA.*
- *Nguyên Bác sĩ Trưởng Khu Giải Phẫu và Điều Trị Quân Y Viện Nguyễn Huệ, Nha Trang.*
- *Nguyên Bác sĩ Giải Phẫu và Điều Trị Quân Y Viện Trần Ngọc Minh, Sài Gòn.*
- *Đã hành nghề lâu năm tại Việt nam.*

CHUYÊN TRỊ:

- ☆ *Bệnh về Tai nạn & Nghề nghiệp*
- ☆ *Bệnh Toàn khoa người lớn và trẻ em.*
- ☆ *Bệnh Phụ nữ, Thăm thai.*
- ☆ *Săn sóc sức khỏe gia đình.*
- ☆ *Khám sức khỏe nhập học và chích ngừa.*
- ☆ *Cộng tác với Chương trình Bông sữa WIC.*
- ☆ *Tiểu Giải phẫu.*

NHẬN MEDICAL VÀ BẢO HIỂM

Giờ khám bệnh:
Thứ Hai - Thứ Sáu:
9:30 AM - 6 PM
Thứ Bảy: 9:30 AM - 3:00 PM

THƯỢNG HẢI BÁ BỔ NGŨ TẠNG THẦN DƯỢC

Lần đầu tiên trong ngành Y Dược Đông Phương, Thượng Hải Bá Bổ Thần Dược được bào chế bằng tinh chất sức ong chúa phối hợp với dược phẩm cực quý của Đông Y như nhân sâm, yến quế, hà thủ ô, và các dược phẩm thượng hạng khác với phương pháp bào chế gia truyền do Bác Sĩ Thượng Hải kế thừa điều chế và trực tiếp cố vấn.

Thượng Hải Bá Bổ Ngũ Tạng Thần Dược có công dụng như sau:

- Giúp cho cơ thể chống lại bệnh tật, gia tăng sức đề kháng của cơ thể, làm trẻ lại các tế bào thoái hóa vì tuổi già.
- Gia tăng sức chịu đựng của cơ thể, giúp cơ thể chống lại các bệnh tật của tuổi già như đau nhức bắp thịt, gân cốt, đau khớp xương do phong thấp, thận suy, suất tinh sớm, yếu sinh lý, già trước tuổi, tóc bạc sớm, ăn không ngon, mất ngủ, sụt cân.
- Phòng ngừa các bệnh ung thư vì rối loạn cơ thể, kinh mạch do hoàn cảnh đời sống và căng thẳng thần kinh vì công việc.
- Gia tăng trí nhớ cho học sinh, sinh viên cần thức khuya học bài.
- Gia tăng sức khoẻ, tăng cường sức lực cho quý vị vì hoàn cảnh công việc phải làm việc qúa sức.
- Tăng cường sinh lực giúp cho hạnh phúc gia đình được bền vững.
- Làm mát gan, giúp cho da dẻ mịm màng, phòng ngừa các bệnh nám da, dà mặt sần sui khô khan vì thực phẩm hoặc thời tiết.

Ghi chú: Thượng Hải Bá Bổ Thần Dược là phương dược cổ truyền lưu lại hậu thế, đã được dùng trên 1000 năm do các ngự y cung đình phương Đông và các thiền sư Tây Tạng và Ấn Độ để cứu nhân độ thế.

MỖI CHAI THUỐC GÍA $25 - DÙNG ĐƯỢC TRONG MỘT THÁNG

Nhận gửi thuốc đi khắp nơi bằng U.P.S.

Muốn mua thuốc xin liên lạc với:

PHÒNG MẠCH BÁC SĨ CHÂM CỨU ĐÔNG Y DƯỢC PHÒNG

13878 BROOKHURST ST., GARDEN GROVE, CA 92643 * TEL: (714) 636-8166

(Trong khu chợ Kinh Đô và Sea food Đông Lợi)

CHUYÊN TRỊ: CÁC BỆNH NỘI NGOẠI THƯƠNG BẰNG CHÂM CỨU
VÀ CÁC BỆNH KẾT HỢP PHƯƠNG PHÁP ĐÔNG TÂY

Bác sĩ THƯỢNG HẢI, Ph. D., C. A., O.M.D.

* *Tốt nghiệp Bác Sĩ Chuyên Khoa Đông Y Châm Cứu Hoa Kỳ.*
* *Diplomate in Acupuncture of The N.C.C.A.*
* *Hội viên hội Cố Vấn Đông Y Châm Cứu Hoa Kỳ.*
* *Hội viên hội Châm Cứu Hoa Kỳ.*
* *Nguyên Y Sĩ Đông Y Châm Cứu Trung Tâm Y Tế Phật Giáo.*
* *Nguyên Cố Vấn Đông Y các bệnh viện Quảng Đông, Triều Châu, Sùng Chính, Phước Kiến.*
* *Đông Y Gia Truyền Ba Đời.*

CHUYÊN TRỊ

- Đặc biệt tiểu sản, hiếm muộn, không có con, dễ bị xảy thai, sau khi sanh nám mặt, yếu người.
- Tai nạn xe cộ, phong thấp, đau nhức khớp xương.
- Nhức đầu kinh niên, nửa đầu hoặc cả đầu.
- Phong thấp, tê bại, bán thân bất toại.
- Huyết áp cao, thiếu máu, sa tử cung, ruột, bao tử, trĩ.
- Trị bệnh tim mạch, đau ngực, hồi hộp, khó thở.
- Ăn không ngon, mất ngủ, sụt cân.
- Đàn bà kinh nguyệt không đều, hiếm muộn, không con, huyết trắng, hành kinh đau bụng.
- Cai hút thuốc, rụng tóc, đái đường.
- Thận suy, xuất tinh sớm, yếu tình dục, già trước tuổi, tóc bạc.
- Trị bệnh da mặt nám, mụn bọc, mật, lưng.
- Phòng mạch có đầy đủ các loại Đông Y Dược thượng hạng bào chế bằng phương pháp gia truyền.
- Thuốc tể cho sinh viên, học sinh cần tăng cường trí nhớ để học thi.
- Nhận gửi thuốc Bắc bằng U.P.S đi khắp thế giới.

Bác Sĩ Y Khoa

THÁI DIỆU MY, M.D.

Diplomate American Board of Physical Medicine & Rehabilitation

11180 Warner, Suite 167
Fountain Valley, CA 92708

Tel: (714) 435-1525

- *Tốt nghiệp Bác sĩ Y Khoa tại Univ. of California, Davis.*
- *Tốt nghiệp Chuyên khoa tại Univ. of California, Irvine.*
- *Nguyên thường trú Nhà thương V.A Long Beach và Long Beach Memorial.*
- *Hiện là Giám Đốc Điều hành của Orthopedic & Spinal Cord Injury Rehabilitation tại St. Jude Medical Center, Fullerton.*
- *Bác sĩ điều trị tại Western Medical Center và Fountain Valley Regional Center.*

CHUYÊN TRỊ:

- **Tham khảo và phục hồi bệnh liệt thân (Stroke, Spinal Cord Injury, Brain Injury).**
- **Những bệnh đau nhức kinh niên.**
- **Phong thấp, Viêm khớp xương (Arthritis), Đau cổ, Cứng cổ, Bả vai, Cụp xương sống.**
- **Đau khuỷu tay (I.E Tennis Elbow), Khối xương cổ tay (I.E Carpal Tunnel Syndrome), Xương chậu, Đầu gối và Xương bánh chè.**
- **Bệnh mỏng xương (Osteoporosis).**
- **Mệt mỏi tái phát từ bệnh Viêm tủy xám (Post Polio Syndrome).**
- **Các tai nạn thể thao, lưu thông, nghề nghiệp.**
- **Chứng nhận disability (Disability Evaluation).**

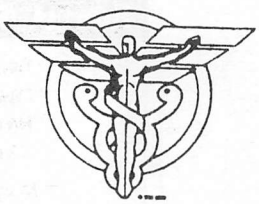

Nhận Bảo Hiểm, Medicare, Medical.

11180 Warner, Suite 167
Fountain Valley, CA 92708

Tel: (714) 435-1525

VANCO FOODS

FOUNTAIN VALLEY - SUPERMARKET

16042 MAGNOLIA AVENUE • FOUNTAIN VALLEY, CA. 92708

Tel.: (714) 843-1818 • Fax: (714) 843-1816

VANCO FOODS SUPERMARKET

10932 Wesminster Ave.,
Garden Grove, CA 92643
Tel.: (714) 530-2999

LITTLE SAIGON SUPERMARKET

9822 Bolsa Ave.,
Westminster, CA 92683
Tel.: (714) 531-7272

CHƯƠNG TRÌNH CHÌA KHÓA VÀNG TIẾT KIỆM

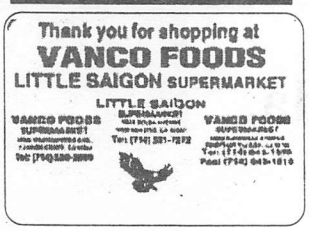

Đi chợ với Chìa Khóa Vàng:

* Được mua các mặt hàng với giá thật đặc biệt chỉ dành riêng cho người có thẻ.
* Được tham dự mọi cuộc xổ số do công ty thường xuyên tổ chức với nhiều giải thưởng giá trị.
* Được giảm giá khi đi ăn tại các nhà hàng AA Buffet thuộc công ty.
* Được giảm giá khi mua thức ăn tại các tiệm Thuy's Food To Go.
* Được giảm giá khi mua Cellular Phone hay Beeper tại các tiệm PageTek.

Xin mời quý khách ghé đến các chợ
Vanco Foods và **Little Saigon**
để điền đơn tham dự chương trình tiết kiệm hấp dẫn này.

ĐẶC BIỆT: Riêng tại chợ VANCO FOODS FOUNTAIN VALLEY:,

** Quý khách có Thẻ Vàng Tiết Kiệm được bớt 5% trên tiền mua hàng, kể cả mặt hàng Sale.*

** Nhiều quà tặng giá trị:*

- Mua từ $49.00 được tặng 1 bao gạo thơm 10 Lbs.
- Mua từ $39.00 được tặng 1 bao đường cát trắng.
- Mua từ $29.00 được tặng 1 bình dầu ăn.
- Mua từ $19.00 được tặng 1 chai nước mắm hoặc bột ngọt.

** Trước chợ có khu vui chơi miễn phí cho trẻ em như tại các tiệm McDonald.*

** Cuối tuần có BBQ ngoài trời với giá tượng trưng chỉ 50 cents mỗi phần.*

Trong chợ còn nhiều gian hàng cho thuê để mở văn phòng: Du Lịch, Bảo Hiểm, Dịch Vụ Tài Chánh.. hay quầy bán: Hoa, Dược Phẩm, Sách Báo, Băng Nhạc, Nữ Trang... Muốn biết thêm chi tiết xin gọi:

(714) 843-1818.

(Có giá trị từ 23/10 đến 29/10/98)

Trong Khu Chợ có:

PAGETEK EXPRESS
Tel.: (714) 843-0440
Bán, sửa chữa, mở đường dây các loại Cellular Phone và Pager với giá thật đặc biệt

THUY'S FOOD TO GO
9092 Edinger Ave., Fountain Valley, CA 92709
Điện thoại: (714) 843-9926
Bán bánh mì thịt, cà phê và hàng trăm món ăn chay, mặn
ĐẶC BIỆT: Trong thời gian khai trương mua $5.99 tặng $1.00

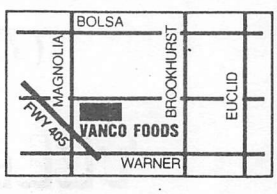

BÁN LẺ RẺ NHƯ BÁN SỈ

ITALY SHOES

QUANG NGÔ

- **Chuyên đóng đủ loại giày nam & nữ.**
- **Nhận sửa các loại đồ da.**

SHOE REPAIR

Open 7 days a week.

95751 Bolsa Ave.
Westminster, CA 92683
(Trong khu Bolsa Mini Mall)

TEL: (714) 531-0419

Orange County, California. USA

Thuh

Beauty Institute

8181 Bolsa Ave.
Midway City,
CA 92655

TỐT NGHIỆP VÀ KINH NGHIỆM

* *State Board Certified in Cosmetics, CA. USA.*
* *Certified in Make Up + Maquillage, International Forum, Paris, France.*
* *Certified in Semi Permanent Make Up + Pigmentation, Biology Research, Paris, France.*
* *Pola Cosmetics, Tokyo, Japan.*
* *Lan Nomolee Cosmetics, Beijing, China.*
* *Member of Aestheticians International Association.*
* *Registered Nurse (R.N.) Cal. State Long Beach, CA, USA.*
* *Bachelor of Science in Nursing (B.S.N.) Cal. State San Francisco, CA, USA.*
* *Surgical Head Nurse & Office Manager, Plastic Surgery Clinic, Orange County, CA, USA.*
* *B.A. in Education (Pedagogy) and B.A. in Psychology, Univ. of Saigon, VietNam.*
* *Former Teacher at Gia Long High School, Saigon, VietNam.*
* *International Congress of Beauty 1990, Cannes, France.*
* *European Festival of Aesthetics 1990, La Baule, France.*
* *Aesthetics World Expo 1991 + 1992 + 1993 + 1994 + 1995, CA, USA.*
* *Aesthetics Congress 1991 + 1992 + 1993 + 1994 + 1995, Paris, France*
* *Cosmetics Expo Kospafu 1992, Zurich, Switzeland.*
* *Professional Beauty 1992, Olympia 2, West London, England.*
* *International Congress of Beauty 1992, Ethens, Greece.*
* *Cosmoprof 1993, Bologna, Italy.*
* *International Scientific Congress of Aesthetics, 1994 Rio De Janeiro, Brazil.*
* *Carol Priest Natural Cosmetics 1995, Wellington, New Zealand.*
* *Red and Earth Product 1995, Sydney, Australia*

Bp: (714) 218-6262

THUH BEAUTY

GIẢI PHẪU THẨM MỸ VÀ TẠO HÌNH

Do Bác sĩ chuyên môn đảm nhận.

GIẢI PHẪU

Mắt, mũi, cằm, ngực, da mặt, da trán, hút mỡ. Lấy da và mỡ bụng. Chữa trị các hình thức Silicone. Giải phẫu bàn tay. Giải phẫu bộ phận sinh dục đã biến dạng sau khi sanh nở.

Do Cô Bạch Thuhà chăm sóc và điều khiển

Tel. & Fax:

(714) 8-949-949

CHUYÊN MÔN:

- ☐ *Giải phẫu bằng tia sáng Laser.*
- ☐ *Chích mỡ.*
- ☐ *Cấy tóc.*

* *Facial* * *Lột da mặt* * *Dầu thơm Pháp*
* *Dưỡng da* * *Xâm Thẩm Mỹ* * *Mỹ phẩm & Kem dưỡng da SOTHYS (Pháp)*
* *Trang điểm cô dâu, dạ hội*

* *Chữa trị da nám, tàn nhang, vết sẹo vì mụn*
* *Lớp dạy Trang điểm và Xâm thẩm mỹ*
* *Khách ở xa có xe đưa đón và chỗ ăn ở tiện nghi.*

BẰNG PHƯƠNG PHÁP ĐẶC BIỆT DO THUH BEAUTY NGHIÊN CỨU VÀ CHĂM SÓC SAU MỘT THỜI GIAN NGẮN SẼ CÓ LÀN DA TƯƠI MÁT VÀ MỊN MÀNG

Bác Sĩ Nha Khoa

NGÔ THỊ VĨNH

665 E. Los Angeles St., Suite D
Simi Valley, CA 93065

(805) 584-8875

- ▼ Khám răng định kỳ
- ▼ Nha khoa phòng ngừa
- ▼ Kha khoa thẩm mỹ
- ▼ Chữa răng người lớn và trẻ em
- ▼ Làm răng giả các loại

NHẬN BẢO HIỂM VÀ MEDICAL

Nhà Thuốc Tây

TAM'S RX PHARMACY

14024 Magnolia, #103 - Westminster, CA 92683
(Khu Shopping Center mới, góc Magnolia và Westminster)

(714) 892-9808 / (714) 895-9044

- *Nhà thuốc Gia đình của Quý vị do Dược Sĩ tốt nghiệp, hành nghề lâu năm tại Việt Nam và Hoa Kỳ, luôn luôn có mặt, đích thân tận tình chỉ dẫn cách xử dụng các loại thuốc đúng theo tiêu chuẩn Hoa Kỳ.*
- *Nhận MEDICAL, THẺ THUỐC PCS, BLUESHIELDS, BLUE CROSS, MEDI-MET và các loại BẢO HIỂM.*
- *Địa điểm thuận tiện, góc Magnolia và Westminster (gần chợ Phát Tài), bãi đậu xe rộng rãi, an toàn.*
- *Tiếp đãi ân cần. Quý khách không phải chờ lâu.*
- *Có máy Photocopy.*

Giờ mở cửa:
Thứ Hai - Thứ Sáu: 10 AM - 7 PM
Thứ Bảy: 10 AM - 5 PM

Dược sĩ Tôn Nữ Diệu Hoa,
tự Tâm Thường Kính Mời.

PHÒNG MẠCH ĐẦU TIÊN

Về **NHI KHOA**
Tại **VAN NUYS**

6900 Van Nuys Blvd., Suite #7
Van Nuys, CA 91405
Tel: (818) 989-2406
& (818) 989-2407
Beeper: (818) 379-9071
Cạnh Pharmacy of Phan's
cạnh Nha Sĩ Phan Mỹ Hạnh

Bác Sĩ

LÊ PHƯỚC LỘC (Richard Le), M.D.

NHI KHOA & Y KHOA TỔNG QUÁT

- *Tốt nghiệp Michael Reese Hosp. Med Center University of Chicago (Illinois)*
- *Nội trú Tulane Med Center - University of Tulane New Orleans*
- *Nguyên thường trú White Memorial Med Center University of Loma Linda, Los Angeles*
- *Hội viên Y sĩ đoàn Hoa Kỳ từ 1985*
- *Hội viên trung cấp Hàn Lâm Viện Nhi Khoa Hoa Kỳ*
- *Từng hành nghề tại New Orleans từ 1984-1985*

NHI KHOA & Y KHOA TỔNG QUÁT

★ Khám và trị bệnh trẻ em sơ sinh Việt, Miên, Lào, Hoa
★ Chích ngừa & Khám nhập học - Free
★ Khám sức khỏe định kỳ (CHOP) nếu lợi tức thấp - Free
★ Lập giấy sức khỏe tiền Hôn nhân
★ Nhận làm Bác Sĩ gia đình
★ Hợp tác với Chương trình Bông sữa WIC
★ Trực tiếp điều trị liên tục nếu nhập viện tại vùng Van Nuys
★ Giới thiệu chuyên khoa nếu cần

CHUYÊN TRỊ:

★ *Các bệnh trẻ em liên quan đến tăng trưởng - Tiêu bộ - Hô hấp - Xương khớp - Đầu - Đau ngực - Phong thấp - Ho - Suyễn - Táo bón - Hô hấp - Các bệnh ngoài da - Các bệnh dinh dưỡng - Các bệnh phụ khoa - Các bệnh thanh thiếu niên - Các thương tích tai nạn nghề nghiệp.*

Phòng mạch trang bị máy thử nghiệm Vật lý Trị liệu và Quang Tuyến X

ĐẶC ĐIỂM:

- **Phòng mạch có máy điều hòa không khí, trang bị dụng cụ tối tân - Điện tâm đồ**
- **Đo thính lực - Phân tích máu - Nước tiểu - Đo nhãn lực**
- **Bảo đảm không chờ lâu và có thể tham khảo trực tiếp bất cứ lúc nào bằng điện thoại**
- **Bãi đậu xe rộng rãi**

Đặc Biệt: Có máy truy tầm Ung thư và máy Siêu âm để truy tầm các loại Bướu trong bụng và trong các Xoang

Giờ làm việc:
Thứ 2 - Thứ 6: 9 AM - 7 PM
Thứ 7: 9 AM - 5 PM
Chủ Nhật nghỉ

NHẬN MEDICAL & MEDICARE & BẢO HIỂM

ENSURE

Similac®
Infant Formulas

* Sữa Similac dùng cho trẻ em.
* Máy đo máu và đo nhịp tim sản xuất tại Nhật Bản.

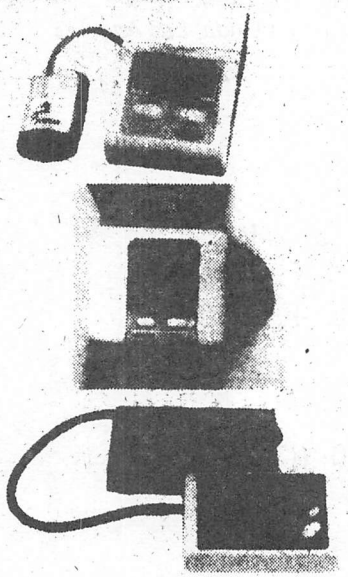

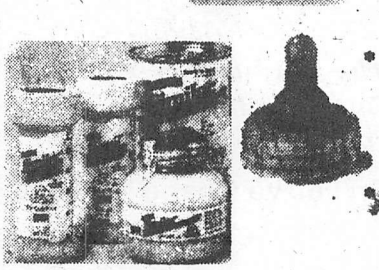

* ✶ Mọi người đều dùng được
* ✶ Tăng cường sức khỏe
* ✶ Bồi bổ cơ thể
* ✶ Lên cân nhanh chóng

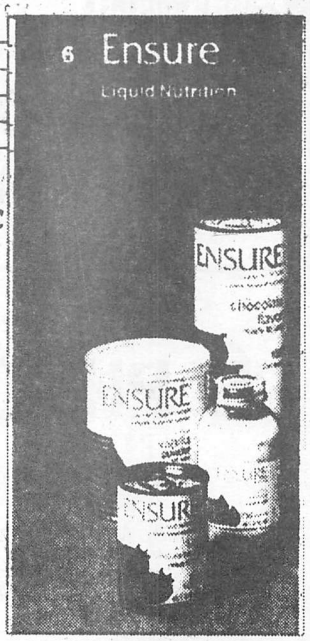

* **Sữa Ensure** có đầy đủ chất dinh dưỡng như thức ăn, rất được người Việt Nam ưa dùng.
* **Sữa Ensure** có nhiều mùi vị khác nhau.
* **Sữa Ensure** thay thế được thức ăn hàng ngày. Rất tốt khi quý vị không ăn uống bình thường được.
* **Sữa Ensure** giúp quý vị lên cân nhanh chóng.
* **Sữa Ensure** dùng để tăng sức hoặc hồi phục sức khỏe khi bệnh hoạn.

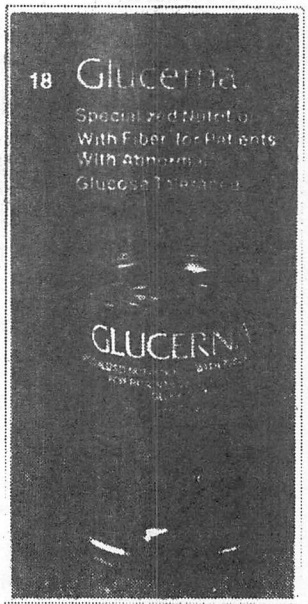

* **Sữa Pediasure** dành cho trẻ em từ 1 đến 6 tuổi. Có đầy đủ chất bổ dưỡng cần thiết.
* **Sữa Pediasure** giúp trẻ em lên cân nhanh chóng, tăng cường sức khỏe và tăng trưởng đều đặn.
* **Sữa Pediasure** dành cho trẻ em biếng ăn - không lên cân - sau cơn bệnh - ăn nhiều nhưng chậm lớn - sau giải phẫu.
* **Sữa Glucerna** dành cho người bị bệnh tiểu đường.

TÌM MUA TẠI:

LINH'S PHARMACY
9191 Bolsa Avenue # 102
Westminster, CA 92683
(Khu Chợ 99)
Tel: (714) 891-3844
DS NGUYỄN THỊ TÚY SƯƠNG

DANH PHARMACY
Nhà thuốc tây VN đầu tiên tại Mỹ
9182 Bolsa Avenue,
Westminster, CA 92683
Tel: (714) 892-4487
DS QUÁCH NHỰT DANH

LINH'S PHARMACY II
9500 Bolsa Ave. # N
Westminster, CA 92683
(Khu chợ Bolsa Supermarket)
Tel: (714) 775-0550
DS QUÁCH THỊ THÙY LINH

Nhận CalOPTIMA và các loại bảo hiểm PCS - Pacificare - Paid Prescription - Health Net Aetna - Foundation Health - Express Scripts - Care Mark - ScripCard - ValueRx - Blue Shield - Blue Cross. v.v...

QUẢNG ĐÀ

Restaurant

MÓN ĂN ĐẶC BIỆT MIỀN TRUNG

Tại quê người nhà hàng Quảng Đà hãnh diện là nơi bảo tồn các món ăn độc đáo của miền Trung xứ Huế.

QUẢNG ĐÀ Restaurant
820 Franklin St.
Oakland, CA 94607
(Góc đường Số 9, China Town)
(510) 444-1112

QUẢNG ĐÀ Restaurant
348 E. Santa Clara St.
San Jose, CA 95113
(góc đường số 8)
(408) 297-3402

QUẢNG ĐÀ Restaurant
9786 Westminster Ave.
Garden Grove, CA 92644
(Cạnh Chè Hiển Khánh góc Brookhurst)
(714) 636-3016

ĐẶC BIỆT HỦ TIẾU THANH XUÂN CHÍNH GỐC HỦ TIẾU MỸ THO

Ngoài ra nhà hàng chúng tôi rất nổi tiếng món: HỦ TIẾU THANH XUÂN (chợ cũ)

- Mì Quảng
- Bún Bò Huế
- Bánh Bèo Vĩ Dạ
- Bánh Lá (Bánh Nậm)
- Chả Tôm
- Bánh Bột Lọc
- Bánh Xèo (Bánh Khoái)
- Chả Huế
- Gỏi Mít Trộn Xúc Bánh Tráng
- Gỏi Hến Xúc Bánh Tráng
- Bánh Tráng Đập Chấm Mắm Nêm
- Bánh Ít Kẹp Bánh Ram
- Bánh Cuốn Nhân Thịt
- Bánh Canh Tôm Cua
- Bánh Ướt Tôm Chấy
- Bánh Ướt Thịt Nướng
- Cơm Hến
- Cơm Gà
- Bún Mắm Thịt Heo Quay
- Bánh Bèo Chén Miền Trung
- Mì Cao Lầu Hội An
- Mì Hoành Thánh Tôm
- Cơm Bì Thịt Nướng

ĐẶC BIỆT :
Mì Quảng Chay.
Bánh Xèo Chay.

Quảng Đà Restaurant Kính mời.

Bác Sĩ

VÕ VĂN TÙNG

NHI KHOA & Y KHOA GIA ĐÌNH

- *Tốt nghiệp Chuyên môn tại Thụy Sĩ & Hoa Kỳ*
- *Nguyên Y Sĩ Trưởng trại Binh sĩ & Gia đình Binh Sĩ Tổng Y Viện Duy Tân, Đà Nẵng*
- *Nguyên Trưởng Khu Nhi Khoa Trung Tâm Y Tế Toàn Khoa Đà Nẵng*
- *Bác Sĩ điều trị các Bệnh viện Fountain Valley, Children Hospital v.v... Hành nghề trên 20 năm tại Việt Nam & Mỹ*

CHUYÊN KHÁM:

- **Bệnh trẻ sơ sinh, Săn sóc trẻ mới sinh tại Bệnh viện Fountain Valley. Tất cả các bệnh liên quan đến trẻ em (cảm, sổ mũi, ho, sưng phổi, tiêu chảy, bệnh tai, mũi, họng, bệnh ngoài da, chậm lớn, kém thông minh, chích ngừa nhập học...)**
- **Bệnh nội thương, người lớn. Bệnh biến ứng (Allergy).**
- **Bệnh đàn bà - Châm cứu các bệnh đau nhức, phong thấp**
- **Cộng tác với Chương trình Bông sữa WIC**

Giờ khám bệnh:
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30 AM - 6 PM
Thứ Bảy: 9:30 AM - 2 PM

9559 Bolsa Ave., Ste. #D • Westminster, CA 92683
(714) 531-5754
(Trên lầu Thành Mỹ Restaurant, trong khu Bolsa Mini Mall)

Catinat PHARMACY INC

CATINAT PHARMACY Inc
9549-A Bolsa Ave. Westminster, CA 92683
Tel.: (714) 531-3560
FAX: (714) 531-4601
Dược Sĩ TRỊNH LÊ HỒNG
Dược Sĩ LÊ THỊ MINH TÂM

- **Bán thuốc theo toa Bác Sĩ, nhận Medi-Cal, CalOptima và Bảo Hiểm (PCS, PAID, FHP, NPA, MPN, Rx Net, Gold Net, APS, Rx America, EXPRESS SCRIPTS, ALTA Rx, RESTAT, AETNA, etc...**
- Nhận chuyển FAX, thư nhanh và gửi thuốc Tây về Việt Nam.
- ***Đại Lý thuốc BỔ SÂM PHARMAX GQ (tăng cường sinh lực tươi vui trẻ đẹp, bổ trí nhớ).***

THUỐC BỔ SÂM

PHARMAX

MAXIMUM STRENGTH GINSENG 80000 & HIGH POTENCY VITAMIN

TĂNG CƯỜNG SINH LỰC
TƯƠI VUI TRẺ ĐẸP

MỞ CỬA 6 NGÀY:
Từ Thứ Hai đến Thứ Sáu: 10:00AM-7:30PM
- Thứ Bảy: 10:00AM - 6:00PM

9549-A Bolsa Ave.
Westminster, Ca 92683
Tel: (714) 531-3560
Fax: (714) 531-4601

Quán Hỷ

10082 Chapman Ave.
Garden Grove, CA 92640

(Góc Brookhurst-Chapman - sau lưng Wendy Hamburger)

Tel: (714) 636-1652

Với đầy đủ các món ăn Huế như:

- **Bánh Bèo - Bánh Bột Lọc**
  Bánh Ram Ít
- **Cơm Huế**
- **Dấm Nuốc**
- **Bún Bò - Bánh Canh**
- **Mì Quảng**
- **Gỏi Cuốn**

Đặc biệt có món chay nấu theo lối Huế
(đã từng nấu chay cho các lớp Thiền của quý thầy)

Kim Thoa kính mời

PHÒNG MẠCH NỘI THƯƠNG TỔNG QUÁT

Bác Sĩ TRẦN NHƠN, M.D.

14082 Magnolia Ave., Suite #109 • Westminster, CA 92683

(Góc Magnolia và Westminster, trong khu chợ Phát Tài)

Điện thoại: (714) 895-8583

- Tốt Nghiệp Chuyên Môn Nội Thương Hoa Kỳ (Internal Medicine)
- Nguyên Giảng Viên Đại Học Y Khoa Huế
- Nguyên Bác Sĩ Điều Trị Nội Khoa Các Bệnh Viện
- Nguyên Nội Trú Bệnh Viện Đồn Đất (Gral, Saigon)
- Hội Viên Hội Y Sĩ Hoa Kỳ
- Hội Viên Hội Nội Thương Hoa Kỳ

- **Bệnh Dị Ứng:** Sổ mũi, nghẹt mũi kinh niên, suyễn, mề đay, phong ngứa, thử allergy và dùng tiêm chích miễn dịch trị liệu.
- **Bệnh Tim Mạch:** Tim loạn nhịp, hồi hộp, đau tức ngực, cao máu, suy tim.
- **Bệnh Phổi:** Ho kinh niên, khó thở, viêm phổi, lao phổi, ung thư phổi.
- **Bệnh Tiêu Hóa:** Đau bụng, tiêu chảy, táo bón kinh niên, khó tiêu, ợ chua, loét bao tử, ung thư ruột, bệnh gan mật.
- **Bệnh Thần Kinh:** Nhức đầu, lo âu, mất ngủ, động kinh.
- **Bệnh Tiết Niệu:** Viêm thận, viêm tiết niệu, bệnh hoa liễu.
- **Bệnh Máu:** Thiếu máu, ung thư máu.
- **Bệnh Nội Tiết:** Bướu cổ, đái đường.
- **Bệnh Phong Thấp:** Viêm đau, khớp xương.
- **Bệnh Ngoại Da:** Mụn, ghẻ, Eczema, lang ben.

- Những bệnh liên quan đến tuổi già.
- Khám tổng quát định kỳ, chích ngừa nhập học, thi đua thể thao, cảm cúm, viêm phổi.
- Nhận làm bác sĩ gia đình
- Khám và thử máu cho chứng chỉ hôn nhân.

GIỜ LÀM VIỆC:

Thứ Hai đến Thứ Sáu: 10:00AM-6:00PM
Thứ Bảy: 10:00AM-3:00PM
Chủ nhật: Theo hẹn

NHẬN MEDICAL, MEDICARE VÀ BẢO HIỂM

SEAFOOD WORLD

FINEST CHINESE RESTAURANT

- Nhà hàng Seafood nổi tiếng về tiệc cưới, hội đoàn với hơn 600 chỗ ngồi rộng rãi, lịch sự và sang trọng.
- Trang trí độc đáo, khung cảnh tuyệt đẹp, nghệ thuật và tân kỳ khác hẳn các Restaurant khác.
- Đầu bếp HongKong chuyên nghiệp đã từng đoạt nhiều giải thưởng nấu ăn Quốc Tế.

15351 Brookhurst St., Suite #101 - 106 • Westminster, CA 92683
(Giữa Mc Fadden và Bolsa)
Tel: (714) 775-8828 - Fax: (714) 775-2317

K-T FURNITURE GALLERY

2775 W. Lincoln Ave. ▪ Anaheim, CA 92801

(Giữa Dale & Magnolia)

(714) 821-4989

Với 15,000 sqft Showroom, chúng tôi có đủ loại bàn ghế, nệm từ Italy đến Hi-Tex. Tha hồ để Quý vị lựa chọn